

CỤC LUU TRỮ
VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG ĐẢNG



CỤC VĂN THƯ
VÀ LUU TRỮ NHÀ NUỐC

HỒ CHÍ MINH

HÀNH TRÌNH
TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

(TUYỂN CHỌN TÀI LIỆU LUU TRỮ)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. PHẠM THỊ THỊNH

Biên tập nội dung:

ThS. HOÀNG THỊ THU HƯỜNG
ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH
NGUYỄN THỊ HỒNG QUÝ
TRẦN PHAN BÍCH LIỄU
ĐƯỜNG HỒNG MAI
LÂM THỊ HƯƠNG

Trình bày bìa:

Chế bản vi tính:



HỒ CHÍ MINH

**HÀNH TRÌNH
TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC**

(TUYỂN CHỌN TÀI LIỆU LƯU TRỮ)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2021

HỒ CHÍ MINH

**HÀNH TRÌNH
TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC**

(TUYỂN CHỌN TÀI LIỆU LUU TRỮ)

CHỊU TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ

**Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng
Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước**

TỔ CHỨC BẢN THẢO

HOÀNG ANH TUẤN
ĐẶNG THANH TÙNG
PHẠM THỊ THỊNH
MAI THỊ THU HIỀN
NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯỢNG
HOÀNG THỊ THU HƯỜNG
ĐÀM DIỆU LINH
LUYỆN THỊ THU THỦY

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cách đây 110 năm, ngày 5/6/1911 tại Bến cảng Nhà Rồng, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc) khi đó vừa tròn 21 tuổi, với ý chí cứu nước mãnh liệt và lòng yêu thương dân tộc sâu sắc đã lên tàu Amiral Latouche Tréville bắt đầu hành trình đi ra thế giới tìm con đường cứu nước, cứu dân, thực hiện hoài bão giải phóng đất nước khỏi ách nô lệ của thực dân, đế quốc.

Qua nhiều năm bôn ba ở nước ngoài, Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và tìm ra con đường cách mạng đúng đắn cho dân tộc Việt Nam - con đường cách mạng vô sản. Người khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”. Từ đó, Người hoạt động sôi nổi trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; tích cực chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã làm nên thắng lợi cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam.

Nhân kỷ niệm 110 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật phối hợp với Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng và Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước xuất bản cuốn sách: **Hồ Chí Minh: Hành trình tìm đường cứu nước (Tuyển chọn tài liệu lưu trữ)**. Cuốn sách tuyển chọn, giới thiệu các tài liệu và những bức ảnh quý về Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong hành trình tìm đường cứu nước từ khi rời Bến cảng Nhà Rồng (ngày 5/6/1911) đến lễ mítinh tại Quảng trường Ba Đình (ngày 2/9/1945), hiện đang được bảo quản và lưu giữ tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp, Lưu trữ quốc gia Hoa Kỳ, Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga,...; trong đó có những tư liệu được công bố lần đầu.

Các tư liệu trong cuốn sách được sắp xếp theo tiến trình thời gian, trong giai đoạn từ năm 1911 đến năm 1945. Nội dung các tư liệu đã tái hiện sinh động, cụ thể hành trình tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh, gắn với những sự kiện lịch sử “gây tiếng vang lớn” trong cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của Người và có ý nghĩa trọng đại với đất nước và dân tộc Việt Nam:

Bắt đầu từ sự kiện ngày 5/6/1911, trên con tàu Amiral Latouche Tréville, Nguyễn Tất Thành với cái tên Văn Ba, rời Bến cảng Nhà Rồng sang Pháp tìm con đường cứu nước, cứu dân - mở đầu hành trình tìm đường cứu nước của người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành.

Từ năm 1912 đến năm 1917, Nguyễn Tất Thành đến nhiều nước ở châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, sống hòa mình với nhân dân lao động, với phong trào của công nhân và nhân dân các dân tộc thuộc địa, khảo nghiệm thực tiễn cách mạng thế giới.

Từ cuối năm 1917 đến năm 1923, thời kỳ hoạt động ở Pháp đã để lại những dấu ấn sâu đậm và rất quan trọng đối với cuộc đời cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đối với cách mạng Việt Nam: Đầu năm 1919, Người gia nhập Đảng Xã hội Pháp, một đảng tiến bộ lúc đó thường lên tiếng chống lại chính sách áp bức, bóc lột của thực dân Pháp ở các thuộc địa theo hướng nhân đạo hóa các chính sách đó. Ngày 18/6/1919, lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, thay mặt những người yêu nước Việt Nam tại Pháp, Hồ Chí Minh gửi tới Hội nghị Vécxây bản yêu sách đòi quyền tự do cho nhân dân Việt Nam và cũng là đòi quyền tự do cho nhân dân các nước thuộc địa. Tháng 12/1920, Người tham dự Đại hội XVIII của Đảng Xã hội Pháp và bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản), trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, là người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Trong thời gian hoạt động tại Pháp, Người tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa và báo Le Paria nhằm tổ chức và hướng dẫn phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa...

Từ tháng 6/1923 đến tháng 11/1924, thời kỳ Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô làm việc tại Quốc tế Cộng sản. Tại đây, Người tham dự Hội nghị Quốc tế Nông dân lần thứ nhất; tham dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản, Đại hội III Quốc tế Công hội Đỏ, Đại hội IV Quốc tế Thanh niên,... Tại diễn đàn các đại hội đó, Người đã nói lên tiếng nói của nhân dân thuộc địa, bảo vệ những luận điểm đúng đắn của VI. Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa và tuyên truyền những tư tưởng cách mạng của mình trên lập trường mácxít. Đây cũng là thời kỳ Người tự hoàn thiện thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng, đặt mối liên hệ trực tiếp giữa Quốc tế Cộng sản, Đảng Cộng sản Liên Xô với phong trào cách mạng Việt Nam.

Từ tháng 11/1924 đến năm 1927, thời kỳ Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Quảng Châu (Trung Quốc): làm việc trong Đoàn cố vấn của Chính phủ Liên Xô bên cạnh Chính phủ Tôn Dật Tiên; thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, trực tiếp mở lớp huấn luyện đào tạo cán bộ cách mạng; ra báo *Thanh niên* - tờ báo cách mạng đầu tiên của Việt Nam nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam, chuẩn bị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 5/1927, Nguyễn Ái Quốc rời Quảng Châu đi Mátxcơva (Liên Xô), sau đó đi Béclin (Đức), Brúcxen (Bỉ), tham dự phiên họp mở rộng của Đại hội đồng Liên đoàn chống chiến tranh đế quốc, sau đó đi Italia và từ đây về châu Á.

Từ tháng 7/1928 đến tháng 11/1929, Nguyễn Ái Quốc hoạt động trong phong trào Việt kiều yêu nước ở vùng Đông Bắc Xiêm (Thái Lan), tiếp tục chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 2/1930, Nguyễn Ái Quốc chủ trì hội nghị thành lập Đảng tại Hương Cảng, Cửu Long, Hồng Kông (Trung Quốc). Hội nghị đã thông qua *Chánh cương văn tắt của Đảng*, *Sách lược văn tắt của Đảng*, *Chương trình tóm tắt của Đảng - Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng*.

Giữa năm 1931, Nguyễn Ái Quốc bị chính quyền Anh bắt giam tại Trung Quốc. Đầu năm 1933, Người được trả tự do.

Những năm 1934 - 1938, Nguyễn Ái Quốc học tập, nghiên cứu và giảng dạy tại Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa tại Mátxcơva (Liên Xô) tiếp tục theo dõi, chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước.

Tháng 10/1938, Người rời Liên Xô sang Trung Quốc, bắt liên lạc với tổ chức đảng chuẩn bị về nước.

Ngày 28/1/1941, Người đã đặt chân lên mảnh đất địa đầu Tổ quốc. Tháng 5/1941, Người triệu tập Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định đường lối cứu nước trong thời kỳ mới, thành lập Việt Nam Độc lập Đồng minh (Việt Minh), tổ chức xây dựng lực lượng vũ trang giải phóng, xây dựng căn cứ địa cách mạng.

Từ tháng 8/1942 đến tháng 9/1943, lấy tên là Hồ Chí Minh, Người đại diện cho Mặt trận Việt Minh và Phân hội Việt Nam thuộc Hiệp hội Quốc tế chống xâm lược sang Trung Quốc tìm sự liên minh quốc tế, cùng phòi hợp hành động chống phát xít trên chiến trường Thái Bình Dương. Tại Trung Quốc, Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam tại các nhà lao ở tỉnh Quảng Tây.

Những năm 1944 - 1945, Người trở về nước trực tiếp chỉ đạo cách mạng Việt Nam; thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân; lãnh đạo nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi, giành chính quyền về tay nhân dân.

Sự kiện ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã khép lại hành trình bôn ba tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh - mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam.

Hành trình của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh từ năm 1911 đến năm 1945 là một hành trình gian nan và đầy thử thách nhưng vô cùng vẻ vang và rất đỗi tự hào. Hành trình ấy cũng là hành trình trưởng thành bản lĩnh từ người thanh niên yêu nước, đến người cộng sản và lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Và hành trình ấy sẽ là hành trình khởi nguồn cho mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 9 năm 2021

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI MỞ ĐẦU

Ngày 5/6/1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành bắt đầu hành trình ra đi tìm đường cứu nước trên con tàu Amiral Latouche Tréville từ Bến cảng Nhà Rồng.

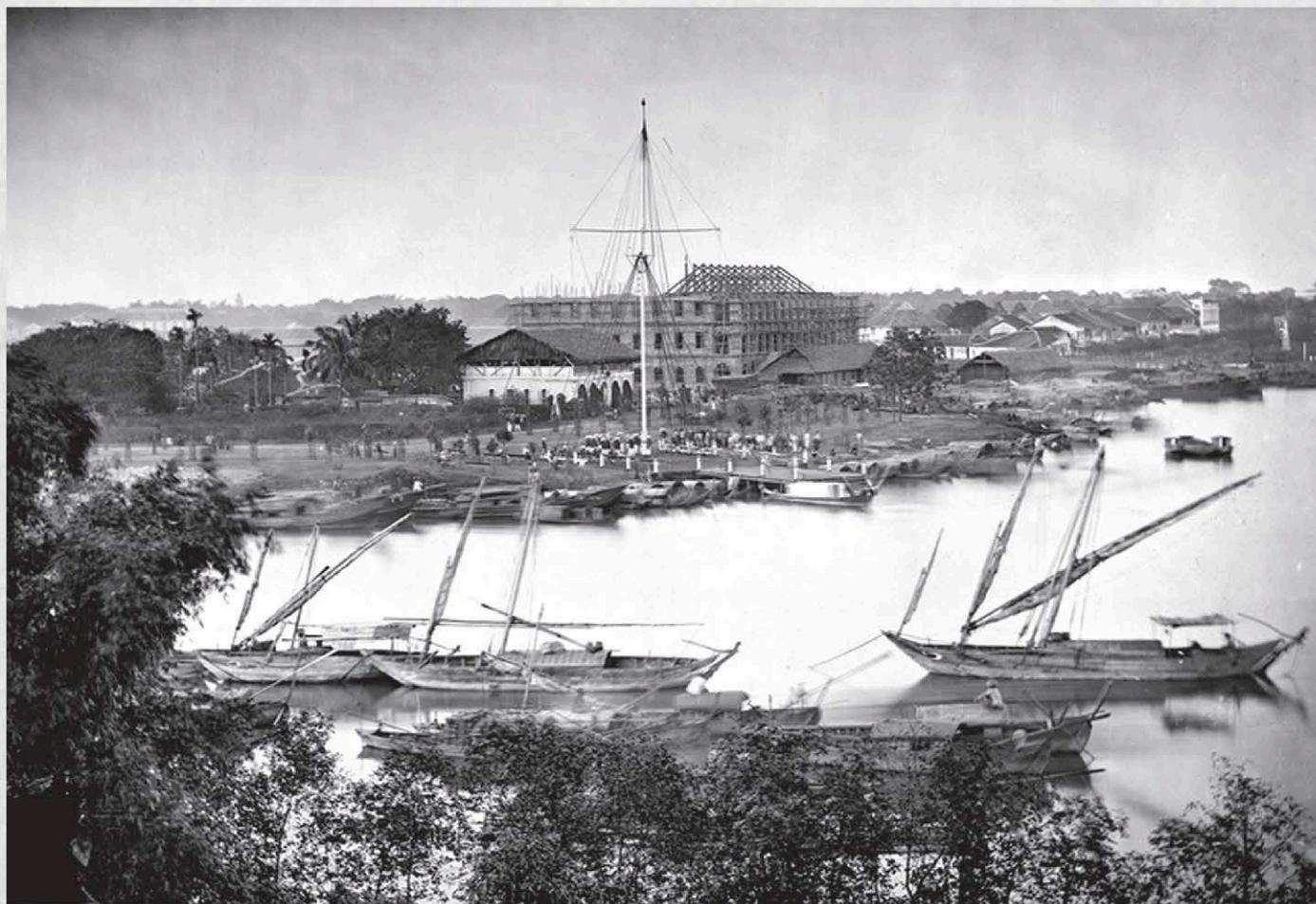
Hành trình từ khi rời Bến cảng Nhà Rồng, bôn ba qua nhiều quốc gia, đến khi đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là cuộc hành trình lịch sử, thực hiện sứ mệnh cao cả là tìm đường giải phóng dân tộc, đem lại độc lập, tự do, hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam.

Kỷ niệm 110 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước phối hợp với Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật trân trọng giới thiệu tới bạn đọc cuốn sách: ***Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước (Tuyển chọn tài liệu lưu trữ)***. Cuốn sách lựa chọn giới thiệu các tài liệu lưu trữ quý trong hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh từ năm 1911 đến năm 1945, hiện đang bảo quản tại Lưu trữ quốc gia Việt Nam, Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Lưu trữ quốc gia Hoa Kỳ, Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp, Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga...; trong đó có những tài liệu được công bố lần đầu.

Hy vọng cuốn sách cung cấp thêm tài liệu quý, giúp bạn đọc có thêm những hiểu biết về Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và hành trình tìm đường cứu nước, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam.

Xin trân trọng giới thiệu!

NĂM 1911

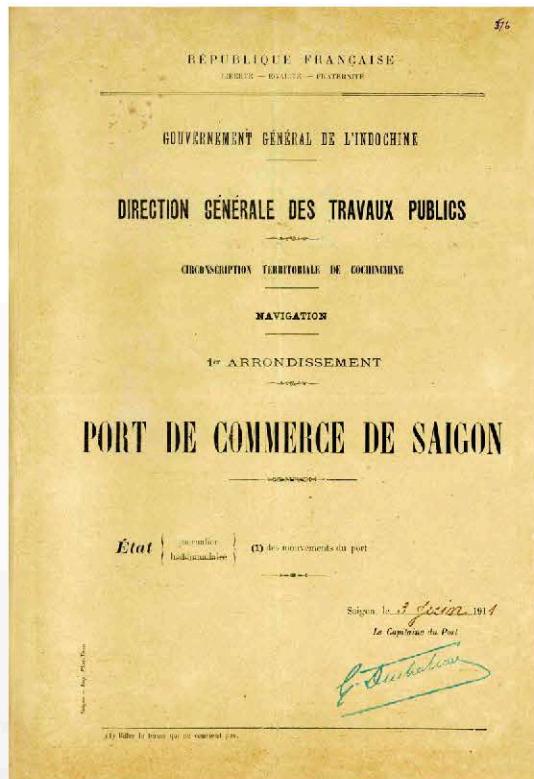


Hình ảnh Bến cảng Nhà Rồng (Sài Gòn) đầu thế kỷ XX - Nơi bắt đầu hành trình tìm đường cứu nước của người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành

(Sưu tầm)

1
9
1
1

1
9
1
1



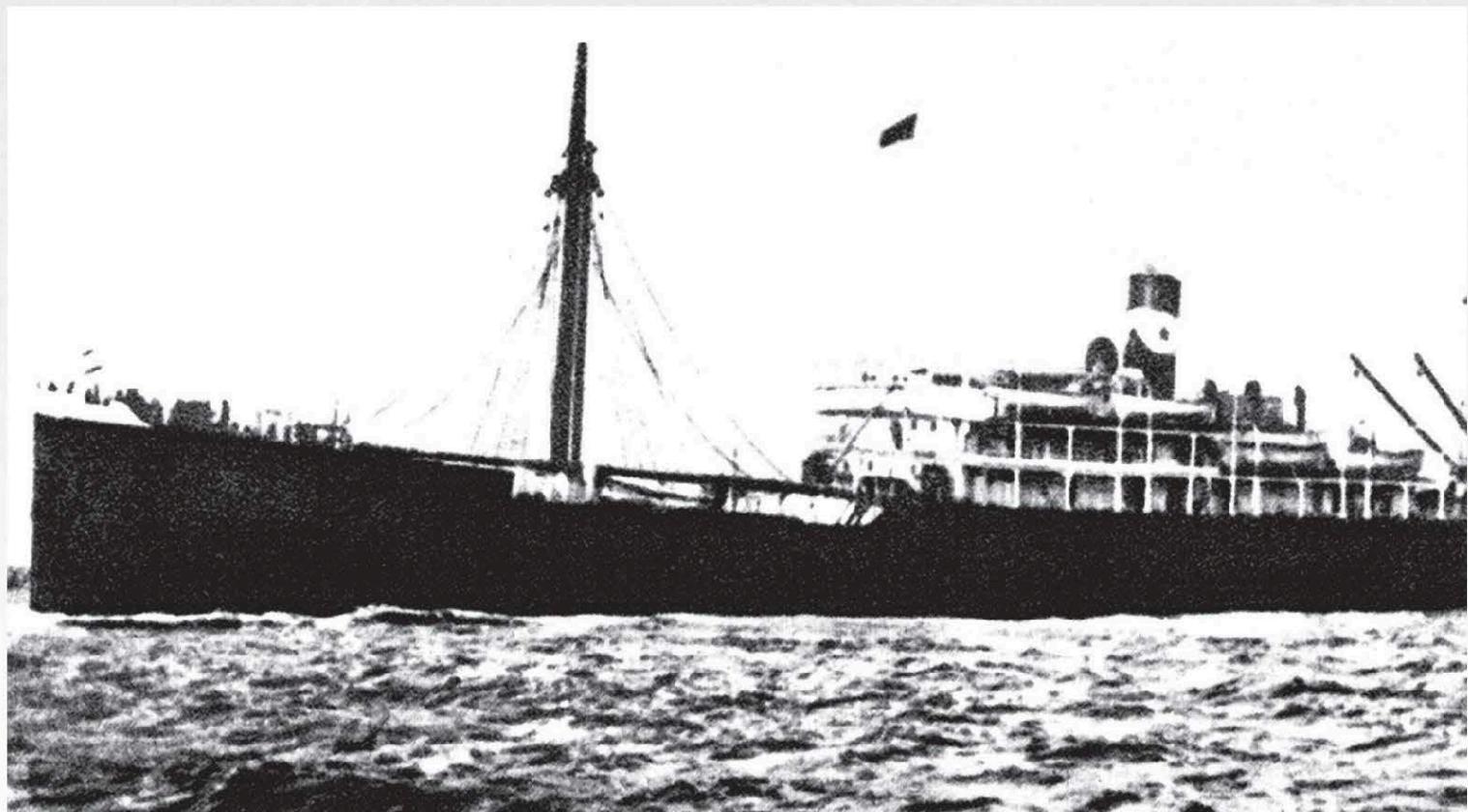
1 ^e — Navires présents sur rade						
DATE	NOM DU NAVIRE	NATIONALITÉ	NOM DU CAPITAINE	TONNAGE	NOMBRE D'ABORDAGES	DETACHEMENT DE CHARGEMENT
	Colombis	bat. français	Christol	2733	97	En chargement
	Bouvier	y	Le Bail	977	93	au déchargement
	Dragon	y	Stout	4453	62	107
	Orléans	y	Letoux	3742	67	
	Dauphin	bat. angl. tankers		3742	64	
	Céleste	y	Travers	1199	92	
	Isaac lebel	bat. allemand	Piguin	1287	61	
	Lorraine	bat. angl. Alamy		1071	44	

2 ^e — Entrées du						
DATE	NOM DU NAVIRE	NATIONALITÉ	NOM DU CAPITAINE	TONNAGE	NOMBRE D'ABORDAGES	PROVINCE
3 Juin	Amiral Latouche Tréville	bat. français	Latien	3192	67	Sabahong

Bảng kê tình hình hoạt động hằng ngày của tàu thuyền tại thương cảng Sài Gòn ngày 3/6/1911, trong đó có thông tin về con tàu Amiral Latouche Tréville (con tàu đã đưa người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước) cập Cảng Sài Gòn ngày 2/6/1911

(Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Việt Nam)

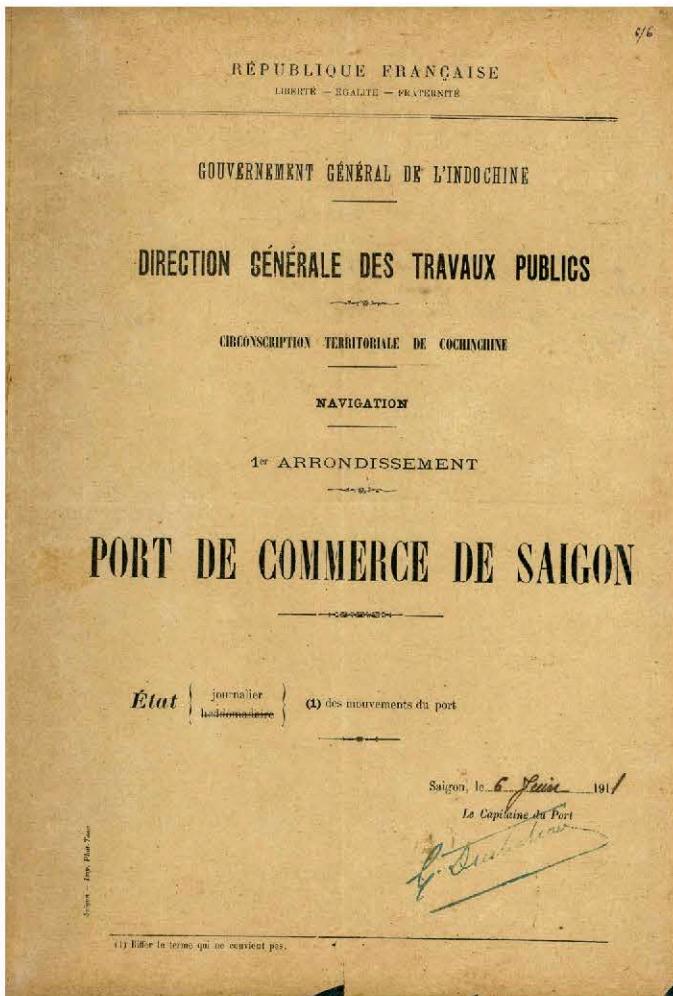
1
9
1
1



Nguyễn Tất Thành (Văn Ba) rời Bến cảng Nhà Rồng lên đường sang Pháp trên con tàu Amiral Latouche Tréville, ngày 5/6/1911

(Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, Việt Nam)

1
9
1
1



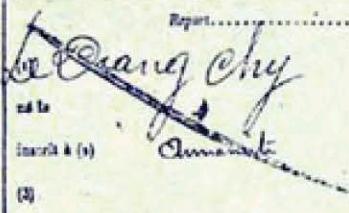
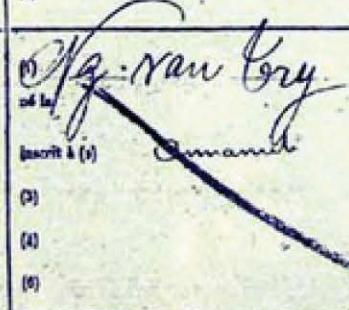
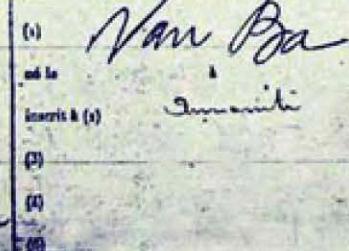
Bảng kê tình hình hoạt động hàng ngày của tàu thuyền tại Thương cảng Sài Gòn ngày 6/6/1911, trong đó có thông tin về con tàu Amiral Latouche Tréville rời cảng Sài Gòn ngày 5/6/1911

(Trung tâm Lưu trữ quốc gia II,
Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Việt Nam)

Sorties du 3 au 6 Juin 1911

DATE	NOM DU NAVIRE	NATIONALITÉ	NOM DU COÛTAIN	TONNAGE	NOMBRE d'hommes d'équipage	DESTINATIONS	DÉTAIL des CHARGEMENTS
3/6	Pontuel	par avion	Oldenreis	1091	44	Shanghai	Mr. R.D.
5/6	Grange	france	Timbel	4423	67	Hai Phong	:
	Amiral Latouche Tréville		Maisen	3572	67	Shanghai	:

1911

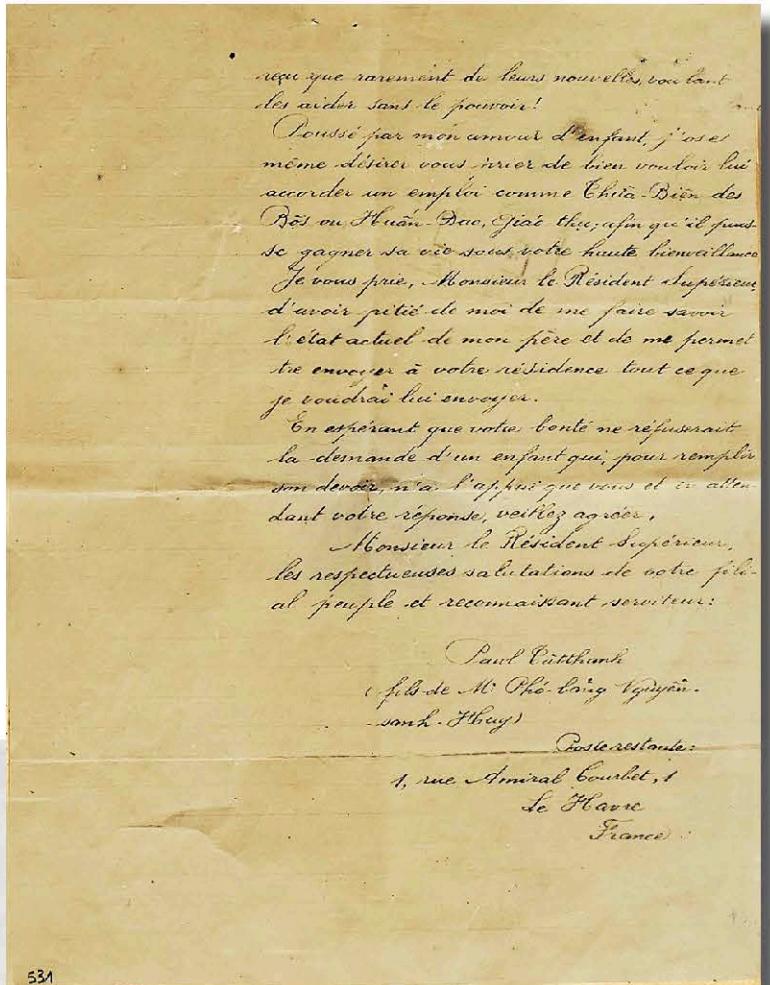
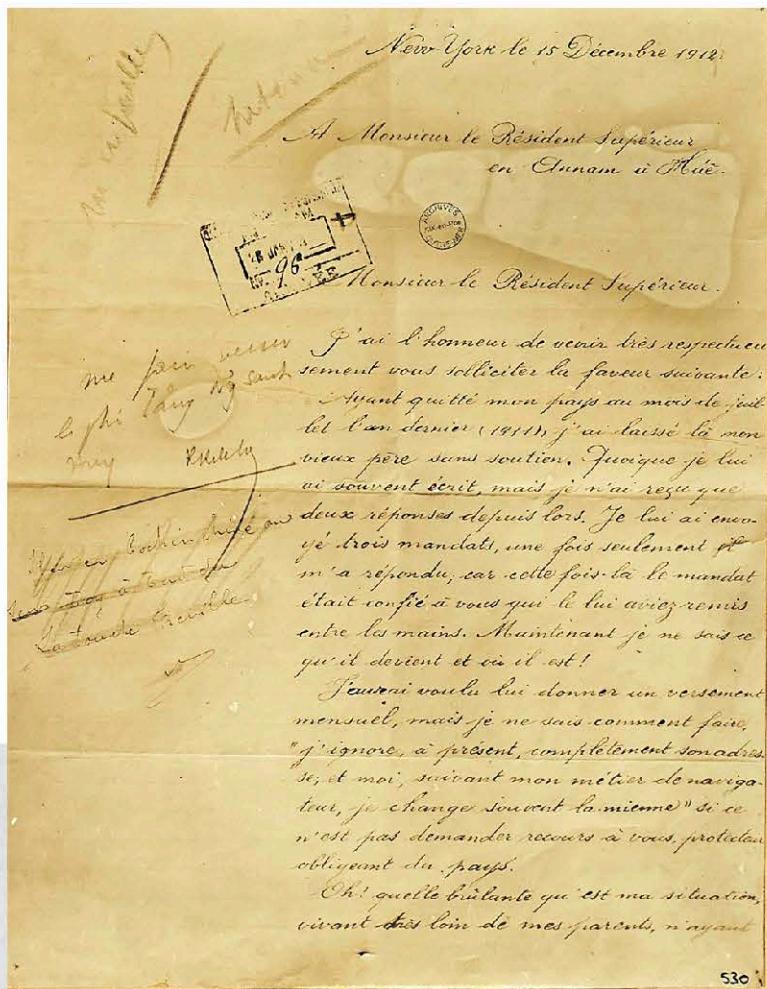
APPELLES ET MOUVEMENTS CONSTATÉS		HOMMES ENBARQUÉS.		TRÉSORS	
P.R.C. * Les établissements de la marine. * Les armes. * Les marchandises en forme.		A : Fonctions à bord. — B : Gages ou parts. — C : Taxe par mois. — D : Dépenses des services à bord. — Montant des salaires payés au port. — Quantité des marchandises (3 pi. o. b. tare). — Conditions des participants. — Autres		SALAIRE MONTANT DES MARCHANDISES CONDITIONS DES PARTICIPANTS	
 27-7-11		Report... Le Quang Chy Membre inscrit à (1) Commandant (2) (3) (4) (5)		Leoy 43 1 25 C: Taxe par mois. — D: Navigation. Main. Jours. 1 25	
 27-7-11		Ng. Van Ky Membre inscrit à (1) Commandant (2) (3) (4) (5)		Leoy 43 1 25 C: Taxe par mois. — D: Navigation. Main. Jours. 1 25	
 27-7-11		Van Ba Membre inscrit à (1) Commandant (2) (3) (4) (5)		Leoy 43 1 25 C: Taxe par mois. — D: Navigation. Main. Jours. 1 25	

Một trang sổ lương thủy thủ tàu Amiral Latouche Tréville tháng 7/1911, trong đó có ghi tên Văn Ba (Nguyễn Tất Thành)

(Bảo tàng Hồ Chí Minh, Việt Nam)

1
9
1
2

NĂM 1912



Thư ngày 15/12/1912 của Paul Tatthanh (Nguyễn Tất Thành) gửi từ New York (Mỹ) cho Khâm sứ Trung Kỳ ở Huế (An Nam) nhờ cho biết tình hình và địa chỉ của cha là Phó bàng Nguyễn Sinh Huy

(Lưu trữ Quốc gia Hải ngoại Pháp)

1
9
1
2



Khách sạn Omni Parker ở Bôxtor (Mỹ) - nơi Nguyễn Tất Thành làm phụ bếp trong những năm 1912 - 1913

(Sưu tầm)

NĂM 1914

1
9
1
4

Khách sạn Carlton ở Luân Đôn (Anh) -
nơi Nguyễn Tất Thành làm việc trong
thời gian sống ở nước Anh những năm
1914 - 1917

(Sưu tầm)



THƯ GỬI CỤ PHAN CHU TRINH

Bác kính mến,

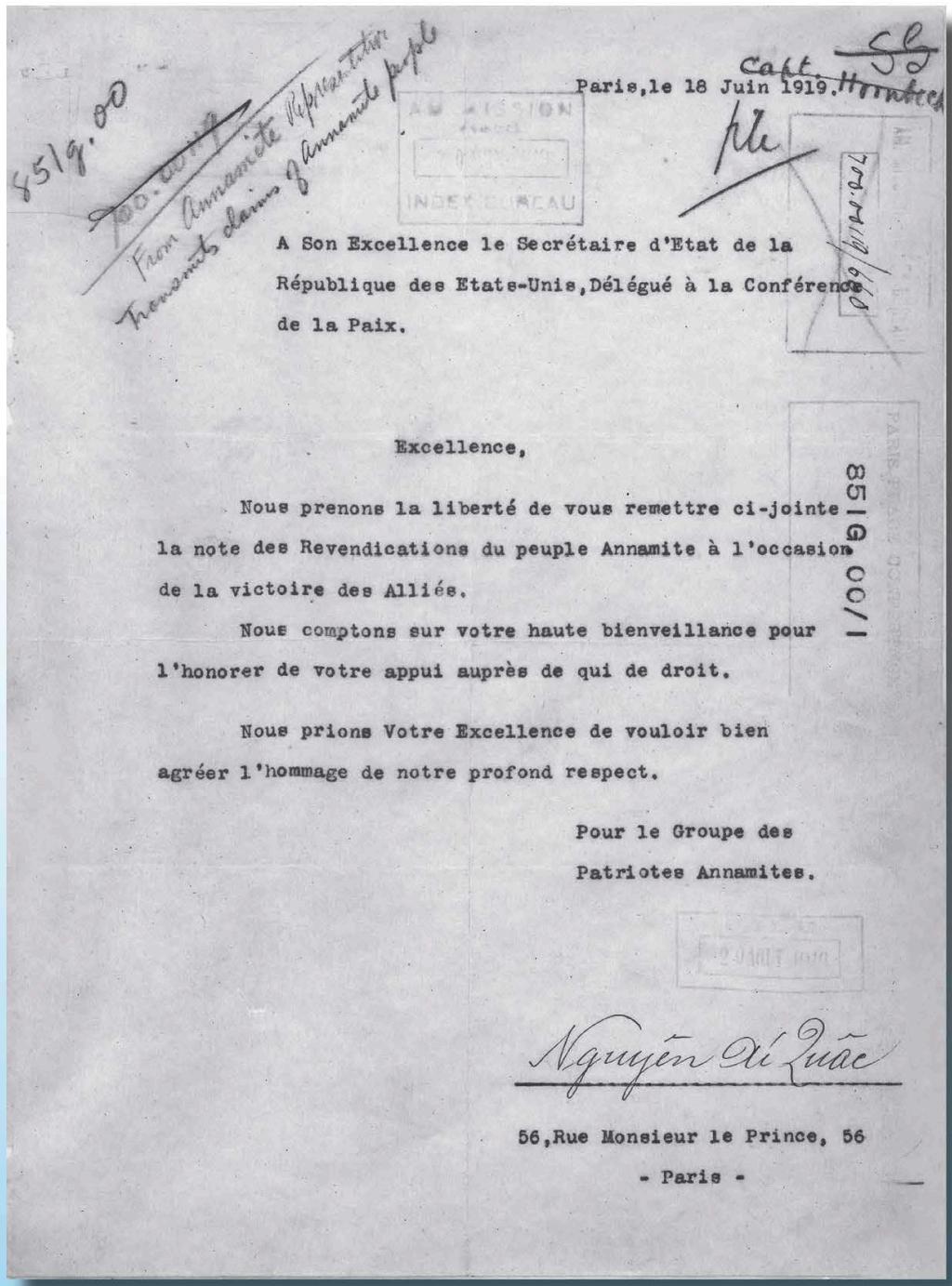
Tiếng súng đang rền vang. Thây người đang phủ đất. Năm nước lớn đang đánh nhau. Chín nước đã vào vòng chiến. Cháu bỗng nhớ cách đây vài tháng, cháu đã nói với Bác về cơn giông sấm động. Số mệnh sẽ còn dành cho chúng ta nhiều bất ngờ và không thể nói trước được ai sẽ thắng. Các nước trung lập còn đang lưỡng lự và các nước tham chiến không thể đoán biết được ý đồ của họ. Tình hình diễn ra là ai thò mũi vào thì chỉ có thể đứng về phe của địch thủ bên này hoặc địch thủ bên kia. Người Nhật Bản hùng như có ý định nhúng tay vào. Cháu nghĩ trong ba hoặc bốn tháng tình hình châu Á sẽ có chuyển biến và sẽ có nhiều chuyển biến.

Xin gửi lời hỏi thăm Bác và em Dật. Mong Bác trả lời sớm về địa chỉ sau đây:
“Gửi Nguyễn Tất Thành, số nhà 8, phố Xtéphen Tốttenham, Luân Đôn”.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật,
Hà Nội, 2021, t.1, tr.4.

1
9
1
9

NĂM 1919



Thư của Nguyễn Ái Quốc gửi từ Pari (Pháp) đến Robert Lansing - Ngoại trưởng nước Cộng hòa Hoa Kỳ, đại biểu Hội nghị quốc tế về hòa bình tại Vécxây (Pháp) về việc gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*, ngày 18/6/1919

(Lưu trữ quốc gia Hoa Kỳ)

1
9
1
9

REVENDICATIONS DU Peuple Annamite

Depuis la victoire des Alliés, tous les peuples assujettis frémissent d'espoir devant la perspective de l'ère de droit et de justice qui doit s'ouvrir pour eux en vertu des engagements formels et solennels, pris devant le monde entier par les différentes puissances de l'Entente dans la lutte de la Civilisation contre la Barbarie.

En attendant que le principe des Nationalités passe du domaine de l'idéal dans celui de la réalité par la reconnaissance effective du droit sacré pour les peuples de disposer d'eux-mêmes, le Peuple de l'ancien Empire d'Annam, aujourd'hui Indo-Chine Française, présente aux Nobles Gouvernements de l'Entente en général et à l'honorable Gouvernement Français en particulier les humbles revendications suivantes :

1^o Amnistie générale en faveur de tous les condamnés politiques indigènes.

2^o Réforme de la justice indochinoise par l'octroi aux Indigènes des mêmes garanties judiciaires qu'aux Européens, et la suppression complète et définitive des Tribunaux d'exception qui sont des instruments de terrorisation et d'oppression contre la partie la plus honnête du peuple Annamite ;

3^o Liberté de Presse et d'Opinion ;

4^o Liberté d'association et de réunion ;

5^o Liberté d'émigration et de voyage à l'étranger ;

6^o Liberté d'enseignement et création dans toutes les provinces des écoles d'enseignements techniques et professionnels à l'usage des indigènes ;

7^o Remplacement du régime des décrets par le régime des lois ;

8^o Délégation permanente d'indigènes élus auprès du Parlement Français pour le tenir au courant des désiderata indigènes ;

Le Peuple Annamite, en présentant les revendications ci-dessus formulées, compte sur la justice mondiale de toutes les Puissances et se recommande en particulier à la bienveillance du Noble Peuple Français qui tient son sort entre ses mains et qui, la France étant une République, est censée l'avoir pris sous sa protection. En se réclamant de la protection du Peuple Français, le Peuple Annamite, bien loin de s'humilier, s'honore au contraire : car il sait que le Peuple Français représente la liberté et la justice, et ne renoncera jamais à son sublime idéal de Fraternité universelle. En conséquence, en écoutant la voix des opprimés, le Peuple Français fera son devoir envers la France et envers l'Humanité.

Pour le Groupe des Patriotes Annamites :

NGUYỄN AI QUÁC

Bản Yêu sách của nhân dân An Nam do Nguyễn Ái Quốc ký tên thay mặt nhóm những người yêu nước An Nam gửi Hội nghị quốc tế về hòa bình tại Vécxây (Pháp), năm 1919

(Lưu trữ quốc gia Hoa Kỳ)

1
9
1
9

Viet-Nam yêu cầu ca.

Bây nay gặp hội Giáo-hoà.
Cây láng các nước Đồng-minh.
Máy phun công bố nô ranh.
Việt-Nam chưa unq vai thiêng
Lòng thành hổ nỗi sút da.
1 xin tha hổ đồng-ba.
2 xin phép lượt sưa đang
Nhưng ta đặc-biệt bát công
3 xin nồng phép học hành
4 xin được phép hối hong
5 xin được phép lịch gìn
7 xin hiến pháp ban hành
8 xin được cử nghị-viên.
Tóm tắt cẩn kĩ ra gần.
Riêng nhỏ giàn pháp công bình
Thập giàn nức tiếng xưa nay.
Nó mào nganh mặt ngò tai.
Giòn Nam mệt già uất mồ
Rõng xin giàn Pháp xét cho
Giờ máy chui quắc ẩn bay tó
Loa binh may gặp hội này
Nay gặp hội khai hoan hổ ba
Tay rủi chắt đã mười phân

* * *

Hàng mồ mệt mà soi cho nó
Xưa, hén phải bức duy ni
Hai mươi triệu quân - hòn non
Đồng-ba, bình đồng tự-giò
Ngôn ngữ lối văn ý giải

Muốn giàn hiền yêu gần xa vui tính.
Đem giùm công-lí giùm hính già man
Đã náo nỗi cung duệ trong bình quyền
Máy nay dung giới thuộc quyền Long-da.
Gián xin tài quốc soi qua chít náo.
Vì chúng chính tri mặc vào hổ gram.
Người Tây ngã Việt hơi phuông cung đồng.
Giòn xin hổ giùt rõng giung dân lành
Mồ mang kỵ nghệ, hập hốm công thường
5 xin nghỉ người mồi hán tự gio
Đòn phuông mặc súc, năm châu mặc tinh.
Trận đấu phải có thân lính pháp quyền.
Qua Tây thay mặt gửi quyền thô giàn.
Chúng nho van quác công cùm đít tinh.
Đem long doai lại của mình trong tay.
Đồng-ba, bác ai đánh tay không ai.
Để cho máy sic triều người hổ vò.
Lâu nay tiếng mịp hóng cỏ túi-giò.
Trước phô tiếng nước, sau phô đe công.
Đe đồng-ba lớn nhỏ trước huy.
bón smig công-lí, đoa day già-man
Tiếng vui rung khấp cá đồng-giòn
Lẽ náo Nam lại chịu thân tôi chờ

* * *

Não Oi-lan, Ông-đô, Cao-ly.
Nay, gần đoc lập cung vì quân khôn.
Thé cuoc máy phải biết ma lò.
Xét mình rồi lại đem so máy người.
Anh em dài thau long này cho chúa
Nguyễn-ai-Quác

Bản Yêu sách của nhân dân An Nam
được Nguyễn Ái Quốc chuyển thành
thơ có tên là Việt Nam yêu cầu ca,
năm 1919

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

YÊU SÁCH CỦA NHÂN DÂN AN NAM

Từ ngày Đồng minh thắng trận, tất cả các dân tộc bị lệ thuộc đều chia hy vọng rằng theo những lời cam kết chính thức và trịnh trọng mà các cường quốc Đồng minh đã tuyên bố với toàn thế giới, trong cuộc đấu tranh của Văn minh chống Dã man, thì tiền đồ một thời đại công lý và chính nghĩa nhất định là phải đến với họ.

Trong khi chờ cho nguyên tắc dân tộc sẽ từ lĩnh vực lý tưởng chuyển vào lĩnh vực hiện thực do chỗ quyền tự quyết thiêng liêng của các dân tộc được thừa nhận thật sự, nhân dân nước An Nam trước kia, nay là xứ Đông - Pháp, xin trình với các quý Chính phủ trong Đồng minh nói chung và với Chính phủ Pháp đáng kính nói riêng, những yêu sách khiêm tốn sau đây:

1. Tổng ân xá cho tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị;
2. Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những *đảm bảo về mặt pháp luật* như người Âu châu; xoá bỏ hoàn toàn các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam;
3. Tự do báo chí và tự do ngôn luận;
4. Tự do lập hội và hội họp;
5. Tự do cư trú ở nước ngoài và tự do xuất dương;
6. Tự do học tập, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ;
7. Thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật;
8. Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra, tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ.

Đưa ra những yêu sách trên đây, nhân dân An Nam trông cậy vào chính nghĩa thế giới của tất cả các cường quốc và đặc biệt tin vào lòng rộng lượng của nhân dân Pháp cao cả, tức là của những người đang nắm vận mệnh của nhân dân An Nam, của những người, do chỗ nước Pháp là một nước

Cộng hoà, nên được coi là những người bảo hộ cho nhân dân An Nam. Khi nhân dân An Nam nhắc đến sự “bảo hộ” của nhân dân Pháp, thì không lấy thế làm hổ nhục chút nào mà trái lại còn lấy làm vinh dự: vì nhân dân An Nam biết rằng nhân dân Pháp đại biểu cho tự do và công lý, và không bao giờ từ bỏ lý tưởng cao cả của mình là tình bác ái toàn thế giới. Vì thế, nghe theo tiếng nói của những người bị áp bức, là nhân dân Pháp sẽ làm tròn nhiệm vụ của mình đối với nước Pháp và đối với Nhân loại.

Thay mặt nhóm những người yêu nước An Nam
NGUYỄN ÁI QUỐC

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.469-470.

TÂM ĐỊA THỰC DÂN

Ít khi chúng tôi có dịp được đọc báo thuộc địa. Hôm nay, chúng tôi nhận được một số *Courrier Colonial*, đề ngày 27 tháng 6 vừa qua, trên đầu tờ này có đăng một bài dài hai cột, dưới cái đầu đề kích động là “GIỜ PHÚT NGHIÊM TRỌNG”. Cái đầu đề kêu rỗng ấy, kêu như một lời hô hào cầm vũ khí, đã khiến chúng tôi phải đọc từ đầu chí cuối bài báo dài này để biết rõ lý do của tiếng kêu cầu cứu đó là gì. Chưa đọc hết cột thứ nhất, chúng tôi cũng đã gán thấy được mục đích của tác giả, và càng đọc tiếp - vừa đọc vừa mỉm cười - thì cảm tưởng đầu tiên của chúng tôi càng vững chắc lại. Cảm tưởng của chúng tôi tóm lại là: một chàng thực dân đã muốn dùng bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* để mở một cuộc tấn công gián tiếp vào chính sách của ông Anbe Xarô, Toàn quyền Đông Dương, một cuộc tấn công mà anh ta đã chú ý tô điểm bằng những lời phản đối có tính chất yêu nước, bằng lòng yêu chuộng chân lý, bằng tinh thần hy sinh và tận tụy vì lợi ích chung, vân vân, vân vân.

Phân tích một vài đoạn trong bài báo, chúng ta sẽ thấy được chàng ta hiểu chủ nghĩa yêu nước, chân lý và lợi ích chung của nước Pháp như thế nào.

Ông Camilo Đovila khao khát cái danh hiệu người yêu chuộng chân lý trong thế giới này và trong thế giới bên kia. Lòng khao khát ấy là chính đáng và hợp lý, chúng tôi vui lòng thừa nhận như vậy. Nhưng mong ông cho phép chúng tôi chỉ cho ông thấy rằng cái chân lý theo tâm địa của ông, cái chân lý theo quan niệm của bọn thực dân thù ghét dân bản xứ, không có gì là giống với chân lý của chúng tôi, chân lý mà sau này chúng tôi sẽ nói sơ qua đến, cũng như không có gì là giống với chân lý theo quan niệm của những người Pháp tốt ở nước Pháp cả. Sở dĩ chúng tôi nhận xét một cách lịch sự như vậy, là nhằm tỏ thái độ tôn trọng quyền tự do ngôn luận.

Trước hết, chúng tôi thấy trong bài báo nói về vấn đề đó, cái câu ám chỉ có ác ý là “ngay ngày hôm sau ông Anbe Xarô đặt chân trở về đất nước Pháp, thì những nhà ái quốc An Nam lập tức bác bỏ những lời tuyên bố lạc quan của ông”.

Chúng tôi không được biết bài diễn văn mà ông Đơvila đã ám chỉ, chúng tôi không bàn về bài diễn văn ấy. Nhưng ngay từ bây giờ chúng tôi cũng có thể nói rằng, dù sao đi nữa thì tám điểm của bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* không nói ngược lại chút nào những ý kiến của ông Anbe Xarô, người đã tuyên bố trong tất cả những diễn văn của mình đọc trước những người bản xứ rằng mình kiên quyết muốn mở ra cho họ một kỷ nguyên tự do và công lý. Vì những lời hứa hẹn của ông phù hợp với những yêu sách của chúng tôi, nên ngay khi được biết tin ông trở về Pháp chúng tôi vội vã gửi đến ông bản ghi những yêu sách của chúng tôi. Trong lúc chờ xem chính sách của ông đáp ứng được đến mức độ nào những nguyện vọng của chúng tôi, chúng tôi vui lòng thừa nhận rằng đã nhiều lần ông ta phát biểu để bảo vệ những người bản xứ, chống lại sự áp bức của *những tên thực dân độc ác* và sự chuyên chế của *những tên viên chức tàn bạo*, bất chấp những đòn công kích của một chiến dịch vừa đáng ghét vừa nham hiểm của báo chí, một chiến dịch không giấu kín được tính phản nghịch của nó bằng những lời ngụy biện về uy tín và bằng những lý lẽ giả dối về lợi ích chung.

Chúng tôi đã nhấn mạnh những chữ *những tên thực dân độc ác* và *những viên chức tàn bạo*, vì chúng tôi biết rằng có những người thực dân chính trực và những viên chức công bằng. Khốn nỗi, họ còn lâu mới là đa số, thậm chí còn đang sợ rằng họ là một thiểu số rất nhỏ nữa.

Rồi ông Đơvila chép lại tám yêu sách của người An Nam, và kèm theo yêu sách thứ ba - tự do báo chí và ngôn luận - ông đưa ra nhận xét này: *mà bản thân chúng ta cũng không được hưởng*, và kèm theo yêu sách thứ bảy - thay chế độ sắc lệnh bằng chế độ luật - ông đưa ra nhận xét này: *hết như ở nước ta*.

Cũng vậy thôi, tính giả dối cũng không được che đậy kín đáo gì hơn. Chúng tôi xin phép hỏi ông Đơvila rằng phải chăng ông coi độc giả của ông là những người quá ư ngu ngốc, khi ông định dùng cái lối bình luận quỷ quyết đó để làm cho họ lẩn lộn tình trạng hoàn toàn và vĩnh viễn không có quyền tự do tư tưởng với sự kiểm duyệt, tức là một tình trạng hoàn toàn có tính chất tạm thời và chỉ nhằm một vài loại tin tức thôi. Còn về việc thay thế chế độ sắc lệnh bằng chế độ luật, thì chúng tôi không hiểu tại sao ông Đơvila lại sợ việc ấy đến thế, vì những người trong sạch thì không việc gì phải sợ sự kiểm soát của ai cả, ngay cả sự kiểm soát của nghị viện nữa.

Lời trách cứ nặng nhất của ông Đơvila đối với những nhà ái quốc An Nam là đã phát biểu trực tiếp với nhân dân Pháp và với nền công lý thế giới của tất cả các cường quốc. Chúng tôi sẵn sàng thừa nhận với ông rằng những người An Nam đã đi vào một trường hợp hoàn toàn đáng xấu hổ, khi không nhờ đến một nhà thực dân cõi ông làm trung gian. Thừa nhận như vậy rồi, chúng tôi xin chép lại nguyên văn cái câu mà ông cho là khó hiểu, câu đó như sau: “Đưa ra những yêu sách trên đây, nhân dân An Nam trông cậy vào chính nghĩa thế giới của tất cả các cường quốc và đặc biệt tin vào

lòng rộng lượng của nhân dân Pháp cao cả, tức là của những người đang nấm vận mệnh của nhân dân An Nam, của những người, do chỗ nước Pháp là một nước cộng hoà, nên được coi là những người bảo hộ cho nhân dân An Nam”.

Chúng tôi không dám giải thích cho ông Đơvila rằng, thế nào là một nước cộng hoà, vì môn sư phạm không phải là sở trường của chúng tôi, nhưng vì ông tìm cách bẻ queo một câu mình bạch như vậy, nên chúng tôi tự hỏi không biết có phải ông đã có danh dự được làm bồi bếp trong một nhà bếp nhà vua nào đó chăng.

Và bây giờ khi mà ông Đơvila tự hỏi rằng trách nhiệm ở đâu, thì chúng tôi phải nói trắng ra với ông rằng cần tìm trách nhiệm, không phải ở chính sách của ông Xarô mà ở tình hình thảm hại mà người ta đã để lại cho ông Xarô. Nếu sau một nửa thế kỷ sống dưới sự thống trị của nước Pháp mà nhân dân An Nam rút cuộc lại phải đi xin vài bảo đảm cá nhân và vài quyền tự do mà tất cả những nước láng giềng của mình đều được hưởng, thì điều đó không phải là tại ông Xarô thân dân bản xứ, mà điều đó có nguyên nhân sâu xa hơn nữa, đó là do chính sách bóc lột và ngu dân mà ông Đơvila và bè phái tuyên truyền, chứ không phải của ông Xarô.

A, bây giờ chúng tôi đã nấm được động cơ của những đòn công kích ông Xarô rồi. Ông Xarô bị công kích vì ông thân dân bản xứ.

Ông Đơvila nhắc nhở rằng những người đã có kinh nghiệm ở Đông Dương đã cố công khuyên ông Xarô, nhưng ông Xarô không chịu nghe họ. Theo ngôn ngữ của những tên thực dân độc ác, thứ kinh nghiệm ở Đông Dương có nghĩa là kinh nghiệm trong nghệ thuật bóc lột, cướp bóc người bản xứ, kinh nghiệm sống bằng mồ hôi của người bản xứ. Ông Xarô đã khinh bỉ không thèm nghe lời bạn cố vấn vụ lợi ấy, điều đó cũng dễ hiểu.

Cái câu trong tờ *Le Courrier d'Haiphong* mà ông Đơvila dẫn ra và tuyên bố rằng, câu đó là có tính chất tiên tri (*sic*) xác nhận tất cả những điều mà chúng tôi vừa nói, nguyên văn câu đó như sau:

“Chính sách ấy (chính sách thân dân bản xứ) của ông Xarô chỉ có thể tiến hành được bằng cách hy sinh lòng tự tôn và những quyền lợi của những người Âu ở nước này, vì chính sách đó chỉ nhằm làm cho những dân bản xứ thành những người bình đẳng với chúng ta, rồi nhanh chóng trở thành chủ chúng ta”.

Kết luận: đối với dân bản xứ, thì phải giữ họ vĩnh viễn trong cảnh nô lệ. Chúng tôi thiết tưởng rằng, những người Pháp thông minh và chân thực biết rõ tính ưu việt tự nhiên của mình ở bất cứ nơi nào mình sống, thì không cần phải sống giữa những người bản xứ vĩnh viễn bị khoá mồm bị miệng và bị xỏ mũi, mới có thể giữ được tính ưu việt đó.

Sau cùng, ông Đơvila cho rằng mình biết rõ là một đảng độc lập đã xuất hiện và đảng này đã vượt qua đầu ông Xarô để phát biểu với nhân dân Pháp và với các cường quốc mà họ muốn nói với tư cách bình đẳng với nhau. Ông nói thêm rằng: đây là một giấc mơ và từ giấc mơ này ông thấy nguồn gốc của sai lầm mà ông Anbe Xarô phạm phải là năm 1913 ông Anbe đã dạy cho người An Nam biết rằng nước Đức đã chiếm Andátxo - Loren của nước Pháp năm 1871.

Nếu có một đảng độc lập tồn tại, thì đảng này không phải đi ăn xin một vài quyền tự do, mà thiếu nó thì con người là một tên nô lệ khốn khổ. Chúng tôi thử làm yên lòng ông Đơvila bằng cách nói rằng, Đảng của chúng tôi nói với nhân dân Pháp, cũng là nói cả với ông Đơvila.

Cuối cùng, ông Đơvila không thể không biết về mặt quốc tế, khi người ta nói bình đẳng với nhau, người ta dùng con đường ngoại giao, chứ không phải bằng con đường thỉnh cầu. Vậy thì giấc mơ đẹp mà người ta kiêu hãnh đã tìm thấy chìa khóa, tự nó đã tan tành.

Chúng tôi để cho ông Đơvila với một giấc mơ khác, giấc mơ làm cho dân An Nam quên đi rằng chỉ với nửa số những luật dân sự mà trước kia những người Andátxo - Loren có được dưới sự thống trị của Đức, thì dân An Nam cũng sẽ đỡ khổ hơn rất nhiều. Đúng vậy, theo ý nghĩa đó thì việc so sánh Andátxo - Loren Phổ hoá với Đông Dương Pháp hóa dĩ nhiên là hại.

NGUYỄN ÁI QUỐC

1
9
1
9

En Indo-Chine
LA QUESTION INDIGÈNE
NGUYEN-AI-QUAC.

Bài báo của Nguyễn Ái Quốc về vấn đề dân bản xứ, đăng trên báo *L'Humanité*, ngày 2/8/1919

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

HUMANITÉ 2 Août 1919

NITE

SUISSE

Le chômage général à Bâle s'étend à Zurich

Bâle, 31 juillet. — La grève est presque complète dans toute la ville. À l'issue de la grève du 31 juillet, diverses rencontres se sont produites entre la police et les grévistes. Quatre personnes ont été légèrement blessées. À 9 heures, les troupes ont tiré des balles, mais en l'air, après que le service d'ordre eut été assailli à coups de pierre par des manifestants. Des barricades sont placées dans le centre de la ville. — (Havas.)

Les mesures du gouvernement

Bâle, 31 juillet. — À la demande du gouvernement de Bâle, le Conseil fédéral a déclenché la mise sur pied d'un régiment de 1000 hommes.

Le gouvernement de Bâle a défendu la vente d'alcool sous peine d'une amende pouvant aller jusqu'à 30 francs.

Les plaignants, groupement syndicaliste, ont maintenant décidé la grève générale, et parcourent les rues de Bâle. Les journaux ne paraissent pas : la circulation des titres est interdite.

Le Conseil d'Etat de Bâle a convoqué ses membres en séance extraordinaire. Tous présents n'ont pas paru être encore arrivés. — (Havas.)

La grève décrite à Zurich

Zurich, 1er août. — Les ouvriers suisses, par solidarité avec les grévistes de Bâle, ont déclaré la grève générale pour l'heure indéfinie.

La révolution suisse, dans la pensée des organisateurs, doit constituer aussi une démonstration destinée à appuyer les demandes du prolétariat quant à la révolution du travail, et à dénoncer l'oppression de l'Etat sur les stocks de chaussures et de vêtements et à la réquisition des gements vacants.

Les services de distribution d'eau, de gaz et d'électricité, ainsi que celui des postes, funeraires, continueront à fonctionner jusqu'à nouvel ordre. — (Havas.)

Sanglante collision

Bâle, 1er août. — Une collision sanglante entre soldats et grévistes a eu lieu sur Giarsplatz, entre soldats et grévistes manifestants, après avoir refusé, malgré des sommations réitérées, d'évacuer la place, lancer des pierres et tirer des coups de feu et l'on parle de sept grévistes et d'un certain nombre de blessés — (radio).

HONGRIE

Bela Kun à Vienne ?

Bâle, 31 juillet. — On télégraphie de Berlin : « La Gazette de Berlin à midi dit savoir que Béla Kun arrivera aujourd'hui à Vienne où il participera aux pourparlers engagés avec les missions anglaise et italienne. Les deux sociétés hongroises de l'industrie ont à l'Entente que le ravitaillement de l'Autriche soit assuré complètement, sans aucune intervention militaire, n'importe où. Ils ont déclaré plus tard qu'ils allaient remplacer le gouvernement plus modéré, à condition que le Congrès des Soviets soit maintenu. — (Havas.)

Nous donnons cette dépêche sous réserves imposées à la fois par son contenu et par son origine. —

Dernières nouvelles

ETATS-UNIS

Pendant la grève et jusqu'à une heure avancée de ce matin, des grèves de huit et de neuf heures ont parcouru la partie sud de la ville de Chicago et se sont livrée bataille. Il y a 35 morts, 18 blessés. — (Havas.)

ALLEMAGNE

Les usines Siemens ont décidé, hier, de reprendre le travail. La grève des ouvriers en bois s'est étendue en Saxe. D'autre part, un arrêté de la police de Berlin a décreté que la fosse Bierau qui crevait le travail se mal. — (Havas.)

IRLANDE

Les relations diplomatiques viennent d'être rompues entre la Roumanie et la République irlandaise.

IRLANDE

La presse autrichienne annonce que les discussions de l'Entente avec toute autre puissance pour assurer l'établissement d'un gouvernement de coalition ou de coalition de coalition, ou tout autre arrangement, sont au point mort. — (Havas.)

POLOGNE

Par 325 voix contre 41, la Diète polonaise a ratifié le traité de paix avec l'Allemagne ainsi que le traité particulier soumis à la Pologne, et a voté la reconnaissance comme Etat indépendant.

EN AUTRICHE

*Le *Neue Tag* annonce que le ministre d'Autriche à Berlin, M. Hartmann, a pris sa décision de démission. — (Havas.)*

[Le professeur Ludo Hartmann est un parisien fervent du rattachement de l'Autriche à l'Allemagne.]

Rennher dément les bruits de la démission du cabinet

Saint-Germain-en-Laye, 1er août. — Ce matin, dans un bureau de presse, il a été publié une nouvelle annonçant la démission du cabinet austro-hongrois à Vienne.

Le président Rennher, qui a le sans-fil à disposition, a demandé des informations à Vienne et démenti complètement ce bruit. — (Havas.)

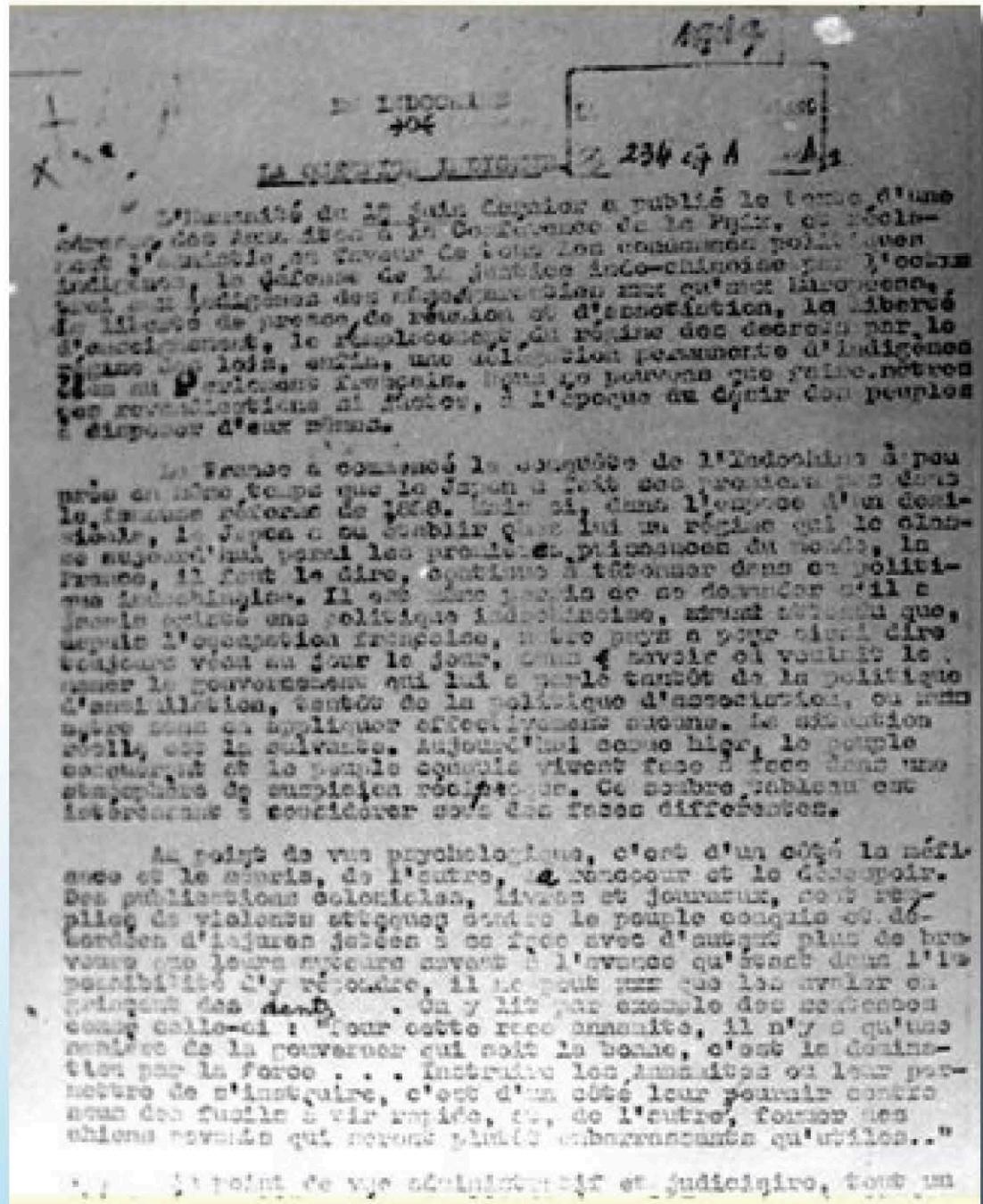
ACHETER SES LIVRES

aux Librairies du Parti socialiste et de l'Humanité (réunies), 142, rue Montmartre (Paris), c'est contribuer à la propagande générale du Parti

1
9
1
9

Một trang trong bài *Văn đề dân bản xứ* của Nguyễn Ái Quốc, đăng trên báo *L'Humanité*, ngày 2/8/1919

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập,
Nxb. Chính trị quốc gia,
Hà Nội, 2021)



VĂN ĐỀ DÂN BẢN XỨ

Báo *L'Humanité* ngày 18/6 mới đây đã đăng văn bản thỉnh cầu của những người An Nam gửi Hội nghị hoà bình đòi ân xá cho tất cả các tù chính trị người bản xứ, đòi cải cách pháp chế ở Đông Dương bằng ban hành những bảo đảm cho người bản xứ cũng như cho người Âu, đòi tự do báo chí, tự do hội họp và lập hội, tự do dạy học, đòi thay thế chế độ sắc lệnh bằng chế độ pháp luật; và sau cùng, đòi có một đoàn đại biểu thường trực của dân bản xứ, được bầu vào Nghị viện Pháp. Chúng tôi chỉ có thể coi các yêu sách rất đúng đắn đó cũng là của chính mình, trong thời đại mà ý muốn của nhân dân là nắm quyền tự quyết.

Nước Pháp đã từng bắt đầu đánh chiếm Đông Dương gần như cùng thời gian mà nước Nhật đi những bước đầu tiên trong cuộc cải cách nổi tiếng năm 1868. Nhưng trong khoảng một nửa thế kỷ, nước Nhật đã biết tạo lập được một chế độ đưa nó vào hàng những cường quốc đứng đầu thế giới; còn nước Pháp thì phải nói rằng vẫn đang mò mẫm trong chính sách Đông Dương của mình. Thậm chí có thể tự hỏi đã từng có một chính sách Đông Dương bao giờ chăng? - Vì lẽ từ khi bị Pháp chiếm, đất nước chúng tôi hầu như luôn luôn sống lay lắt ngày này qua ngày khác, không hề biết chính quyền muôn dân mình đi đến đâu, - chính quyền này khi thì nói về chính sách đồng hóa, khi thì nói về chính sách liên hiệp hoặc gì khác nữa, nhưng thật ra chăng áp dụng một chính sách nào cả. Tình hình đích thực là như sau: nay cũng như trước kia, kẻ chinh phục và nhân dân bị chinh phục đều sống mặt đối mặt, trong một không khí kỳ lạ lẫn nhau. Bức tranh ám đạm này đáng được quan tâm, được xét về một số mặt khác nhau.

Về tâm lý, ở phía kia là thái độ hiềm nghi và khinh miệt; còn ở phía này lại là tâm trạng bức dọc và tuyệt vọng. Các ấn phẩm sách báo thực dân đều đầy rẫy những đòn đả kích hung bạo đánh vào nhân dân bị chinh phục, đều tràn ngập những lời chửi rủa phun thẳng vào mặt họ với dũng khí càng hung hăng vì tác giả biết trước rằng họ không thể nào trả miếng lại được và họ chỉ đành phải nghiên

răng mà nuốt lấy. Người ta đọc thấy trong loại ấn phẩm vừa nêu những phán quyết như thế này chẳng hạn: “Đối với cái giống nòi Annamít ấy, chỉ có một cách tốt để cai trị nó, - đó là ách thống trị bằng sức mạnh... Truyền học vấn cho bọn Annamít hoặc cho phép chúng tự chúng có học vấn, tức là một mặt cung cấp cho chúng những súng bắn nhanh để chống chúng ta, và mặt khác đào tạo những con chó thông thái gây rắc rối hơn là có ích...”.

Về hành chính và pháp lý: cả một vực thẳm cách biệt người Âu với người bản xứ. Người Âu hưởng mọi tự do và ngự trị như người chủ tuyệt đối; còn người bản xứ thì bị bịt mõm và bị buộc dây dắt đi, chỉ có quyền phải phục tùng, không được kêu ca; vì nếu anh ta dám phản đối thì anh ta liền bị tuyên bố là kẻ phản nghịch hoặc là một tên cách mạng, và bị đối xử đúng với tội trạng ấy. Càng khốn khổ hơn cho người bản xứ nào xuất ngoại để thoát khỏi cái chế độ dịu hiền ấy: gia quyến anh ta bị hành hạ; bản thân anh ta, nếu bị bắt, thì bị tù khổ sai hoặc bị đẩy lên máy chém. Thậm chí để đi lại trong nước, từ địa phương này đến địa phương khác theo luật, người bản xứ phải mang theo giấy phép. Còn công lý, đối với người bản xứ, nó tồn tại như thế này đây: người Âu nào đã giết chết, tàn sát hoặc cưỡng dâm người bản xứ, thì trong trường hợp vụ án không thể được ỉm hoàn toàn, anh ta chắc chắn rằng mình được toà án tha bổng, mình ra toà chẳng qua là chuyện hình thức. Đó là việc áp dụng nguyên tắc nhằm bảo tồn bằng mọi cách uy tín của người da trắng trước bọn da vàng. Nghị viện Pháp có biết chút đỉnh về việc vừa nêu, qua một số điều tiết lộ của ông nghị sĩ Viônlét trong một bản báo cáo về ngân sách Đông Dương.

Sự ngự trị của bạo chính

Ở các tỉnh, người bản xứ bị trói tay trói chân, phải gánh chịu thói tuỳ hứng, chuyên quyền của các quan cai trị người Pháp và thói tham tàn của bọn làm tôi tớ ngoan ngoãn cho chúng, bọn quan lại, sản phẩm của chế độ mới! Ấy là công lý bị bán đứt cho kẻ nào mua đắt nhất, trả giá hời nhất. Xưa kia, người bản xứ bao giờ cũng có thể kêu lên đến tận triều đình nhà vua; nhưng nay thì anh chàng “Annamít” khốn khổ chẳng biết có thánh nhân nào để dựa, và còn lại cho anh ta, chỉ là công lý của Chúa trời. Riêng đối với những ai mà ngôn ngữ thực dân gọi là bọn quấy rối, thì những phiên họp âm u,

được tô điểm thành toà đại hình, bí mật quyết định số phận của họ - những người bản xứ chính trực mà đồng bào của họ đều coi trọng và tin yêu.

Sự tương phản càng nổi bật không kém trong lĩnh vực kinh tế. Một bên là những người bản xứ bị dìm trong cảnh đói nát và suy yếu bởi một hệ thống tinh khôn nhầm nhòi sọ, đần độn hoá, không lấp liếm hết được dưới một dạng giáo dục bịp bợm: họ phải đổ mồ hôi sôi nước mắt trong những lao tác nặng nhọc nhất và bạc bẽo nhất để kiếm sống một cách chật vật, và hầu như chỉ bằng sức của họ thôi, để nuôi mọi ngân quỹ của chính quyền. Một bên là những người Pháp và người nước ngoài: họ đều đi lại tự do, tự dành cho mình tất cả các tài nguyên của đất nước, chiếm đoạt toàn bộ xuất nhập khẩu và tất cả các ngành nghề béo bở nhất, bóc lột trâng tráo trong cảnh đói nát và nghèo khổ của nhân dân.

Buộc phải bị kiềm chế bởi sức mạnh, nhân dân An Nam, mà lịch sử chân chính đã khởi đầu từ hơn 3.000 năm, từng lúc từng lúc như có những đợt cồn cào chống đối, biểu hiện bằng những mưu toan nổi dậy rộng khắp, hoặc bằng hành động của những con người tuyệt vọng, như những cuộc biểu tình ôn hoà năm 1908 (xem *Bulletin officiel de la Ligue des Droits de l'Homme*, ngày 31/10/1912), và như những vụ nổ bom gần đây ở Nam Kỳ và ở Bắc Kỳ. Than ôi! Đó là những cuộc phản kháng vô hiệu mà mỗi lần đều đem lại những trận đòn áp đầm máu, và thêm nữa đã tạo cơ cho chính quyền thể theo Napôlêông trong vụ chiếc “máy ma quái”¹⁾, mà trừ khử một cách lịch sự những người An Nam không tỏ vẻ hoan hô thói độc đoán của nó. Người ta biết rằng trong chiến tranh²⁾, Đông Dương đã là nơi diễn ra những sự kiện đau lòng, dẫn đến việc ban bố thiết quân luật, và kèm theo là những vụ tuyên án và hành quyết hàng loạt. Giờ đây, các nhà tù khổ sai ở Guyan, ở Tân Calêđôni, ở Côn Đảo, v.v., đều đầy ắp tù chính trị người bản xứ. Súng liên thanh và máy chém đều chóng vánh buộc những ai bướng bỉnh, những ai phản kháng phải im hơi lặng tiếng.

1) *Machine infernale*: Máy ma quái nổ có thể gây tử vong, đã từng được bố trí để ám sát Bonapac. May thay, Bonapac thoát nạn và biết rõ thủ phạm. Tuy vậy, ông khéo thừa cơ hạ lệnh đày 138 người vô tội, có hành vi không tán thành chính sách của ông (B.T).

2) Chiến tranh thế giới thứ nhất (B.T).

Sự cạnh tranh của Nhật Bản

Tình hình mà chúng tôi vừa mới phác ra một số nét lớn, có lẽ sẽ có thể kéo dài vô tận, nếu cuộc chiến tranh - đã đảo lộn toàn bộ châu Âu - hiện nay không kéo theo một sự xì xào mới về vấn đề dân bản xứ. Quả vậy, do chiến tranh, nước Nhật đã tranh thủ được, từ phía nước Pháp, những quyền ưu tiên đặc biệt ở Đông Dương. Vậy phải thấy trước rằng người Nhật sẽ đến lập nghiệp ngày càng nhiều trên xứ này và sẽ làm đủ mọi nghề ở đây; kết quả là dân bản xứ sẽ sống càng khốn đốn hơn: bị hãm trong cảnh dốt nát bởi chính sách đàn độn hoá, bị suy yếu vì phải chịu nhiều thiến thốn, nhiều thủ đoạn đầu độc của nhà nước - ngân khố và các công ty đặc nhượng ép họ tiêu thụ thuốc phiện, rượu -, họ sẽ tiếp tục luẩn quẩn trong một cái vòng thu hẹp quá đỗi.

Xét về nguyên tắc, tiến bộ chung phụ thuộc vào việc phát triển chủ nghĩa quốc tế; và văn minh chỉ có lợi khi các quan hệ quốc tế được mở rộng và tăng cường. Mặt khác, là phi lý nếu nghĩ rằng hai dân tộc láng giềng như dân tộc An Nam và dân tộc Nhật Bản lại có thể cứ tồn tại biệt lập đối với nhau. Nhưng người Nhật, nhờ ở Chính phủ khôn khéo của họ, có các phương tiện rất đầy đủ, được trang bị tốt để tiến hành đấu tranh kinh tế; trong khi đó thì người An Nam - chúng tôi đã nói vì sao - lại hoàn toàn là con số không, xét về mặt tiến bộ hiện đại, so với các láng giềng của họ: người Hoa, người Nhật, người Xiêm và cả người Ấn nữa. Câu hỏi đặt ra từ nay, là đứng trước tình hình mới được tạo ra bởi những luồng du nhập của người nước ngoài, phải chăng Chính phủ Pháp tin rằng đã đúng lúc, vì lợi ích chung, phải giải phóng dân bản xứ và giúp đỡ họ bằng tất cả các phương tiện mình có trong tay, để họ tự chuẩn bị cho cuộc cạnh tranh gay go mà họ sẽ đảm đương đối với người Nhật và những người nước ngoài khác?

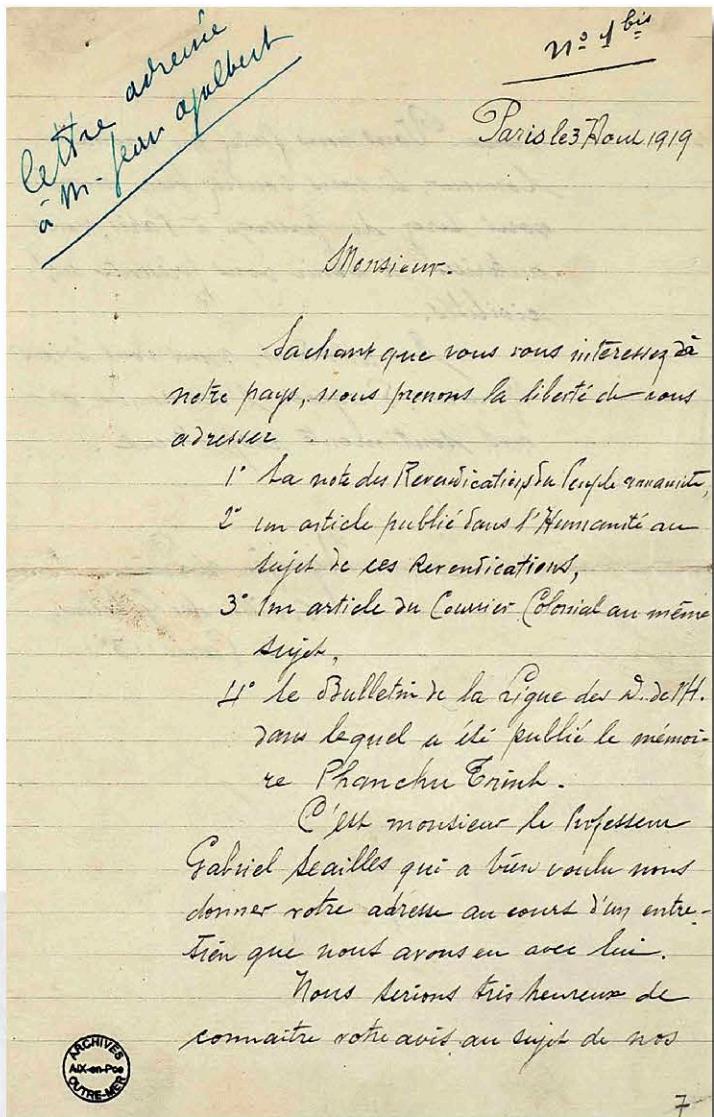
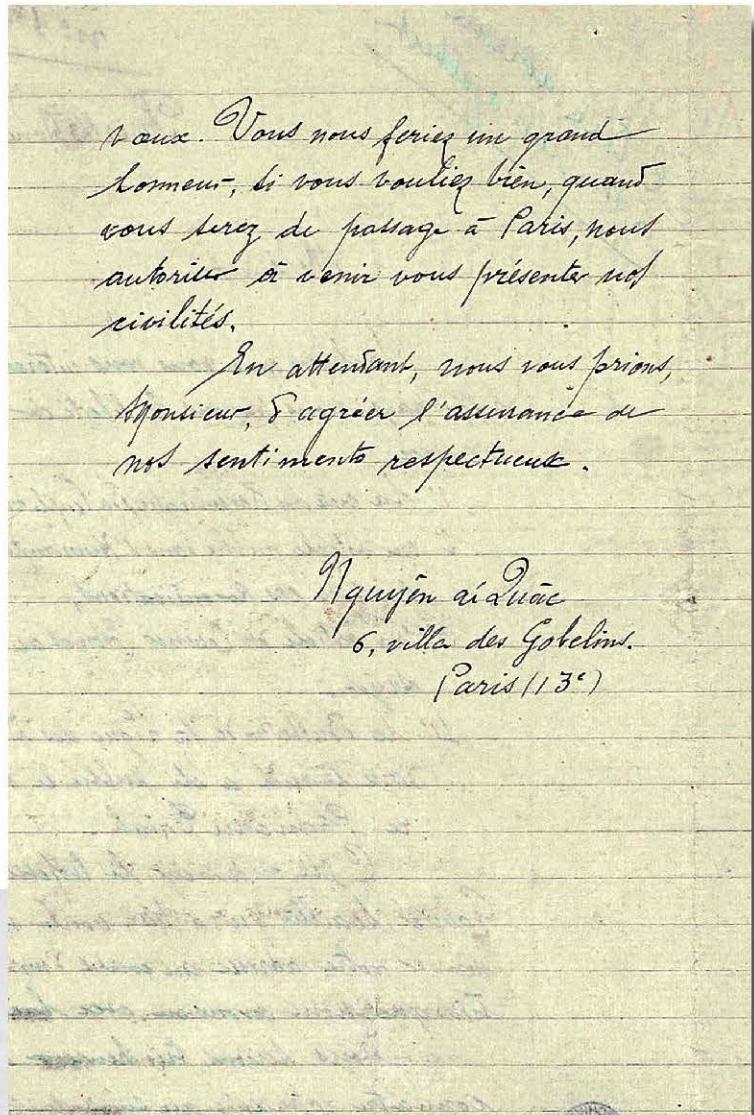
Nếu lời đáp có chiều khẳng định, thì chúng tôi khó hiểu vì sao các yêu sách của mình, mà báo *L'Humanité* đã đăng trong số ra ngày 18/6 vừa qua, *lại có thể gây chấn động trong giới thực dân*. Chúng tôi biết đích xác rằng một sĩ quan cao cấp chỉ huy các tập đoàn lao công thuộc địa - có lẽ căn cứ vào những chỉ thị nhận được từ bên trên - đã hạ lệnh cho từng trưởng tập đoàn hãy tịch thu tất cả những bản yêu sách vừa nêu, tìm thấy ở những người lao công An Nam. Rất ôn hoà cả về nội dung lẫn về hình thức, các nguyện vọng của chúng tôi nhằm vào những cải cách chủ yếu cho việc giải phóng

chúng tôi, và nhầm vào những quyền tự do mà nếu không có chúng thì con người ngày nay chỉ là một kẻ nô lệ khốn nạn. Không ai có thể phủ nhận rằng nếu không có các quyền tự do ấy, thiết yếu cho việc truyền bá những tư tưởng và kiến thức mà đời sống hiện đại đòi hỏi, thì không thể trông mong tiến hành bất cứ một công cuộc giáo hoá nghiêm chỉnh nào cả.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.10-15.

1
9
1
9

ARCHIVES
AIX-en-Provence
OUTRE-MER

Thư của Nguyễn Ái Quốc gửi từ Pari (Pháp) đến Giangi Agianbéc (Jean Ajalbert - nhà văn, nhà báo Pháp) về việc gửi một số tài liệu cho ông với mong muốn được biết quan điểm của ông về bản Yêu sách của nhân dân An Nam, ngày 3/8/1919

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

TRẢ LỜI PHỎNG VẤN CỦA MỘT PHÓNG VIÊN MỸ

1
9
1
9

Hỏi: Anh đến Pháp với mục đích gì?

Đáp: Để đòi quyền tự do cho dân An Nam.

Hỏi: Bằng cách nào?

Đáp: Bằng cách làm việc hết mình và luôn xông xáo tiến lên.

Hỏi: Nhưng đất nước đã sẵn sàng chưa? Các phong trào vũ trang hiện nay ra sao?

Đáp: Tình cảnh nước Việt Nam thật đáng buồn. Ngoài chúng tôi (chỉ một số người yêu nước) chưa có sự chuẩn bị nào cả và các hoạt động vũ trang gần đây đã hoàn toàn thất bại và không có tiếng vang nào...

Hỏi: Từ lúc đến Pari tối nay, anh đã đạt kết quả nào rồi?

Đáp: Ngoài các nghị sĩ, tôi đã gặp tất cả những người chịu giúp chúng tôi. Những người Xã hội nghĩ rằng Chính phủ Pháp không khi nào chấp nhận những yêu cầu của chúng tôi nhưng họ vẫn vui lòng giúp đỡ. Và đó là chỗ dựa quan trọng đối với chúng tôi. Chúng tôi cũng hoạt động trong những tầng lớp khác nữa.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.16.

1
9
1
9



(3)
Paris, le 7 Septembre 1919.

A Monsieur Albert Sarraut, Gouverneur Général
de l'Indochine.

Monsieur le Gouverneur Général,

Comme suite à notre entretien d'hier, j'ai l'honneur de vous adresser ci-jointe la note des revendications annamites.

Comme vous avez eu l'obligeance de me dire que vous étiez disposé à mettre les choses au point, je prends la liberté de vous demander de vouloir bien nous faire indiquer ce qu'il y a déjà de fait concernant nos huit revendications et les documents auxquels nous devons nous reporter à ce sujet: car je maintiens que les huit questions restent entières, aucune d'elles n'ayant encore reçu une solution convenable.

Veuillez agréer, Monsieur le Gouverneur Général,
l'assurance de mon profond respect.

Nguyễn Ái Quốc

6, villa des Gobelins, 6

- Paris 13^e -

10

Thư của Nguyễn Ái Quốc gửi
từ Pari (Pháp) đến Anbe Xarô
(Albert Sarraut) - Toàn quyền
Đông Dương về những ghi chép
liên quan đến bản Yêu sách của
nhân dân An Nam, ngày 7/9/1919.

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

1
9
1
9

THƯ GỬI ANBE XARÔ

Pari, ngày 7/9/1919

Kính gửi Ngài Anbe Xarô, Toàn quyền Đông Dương

Thưa ngài Toàn quyền!

Tiếp theo cuộc trao đổi với Ngài hôm qua, tôi xin phép gửi đến Ngài kèm theo đây bản trình bày các yêu cầu của người An Nam. Vì Ngài có nhã ý nói với tôi rằng Ngài luôn luôn muốn làm sáng tỏ mọi vấn đề, tôi xin phép yêu cầu Ngài cho biết là trong 8 điểm yêu cầu của chúng tôi có điểm nào đã được thực hiện, và chúng tôi phải liên hệ với những tư liệu nào để chứng minh điều đó. Vì tôi xin khẳng định là cả 8 điểm đều còn nguyên vẹn và chưa có điểm nào được giải quyết một cách thỏa đáng.

Xin Ngài vui lòng tiếp nhận.

KÝ TÊN: NGUYỄN ÁI QUỐC
Số 6, biệt thự đồi Gôbôlanh, Pari 13

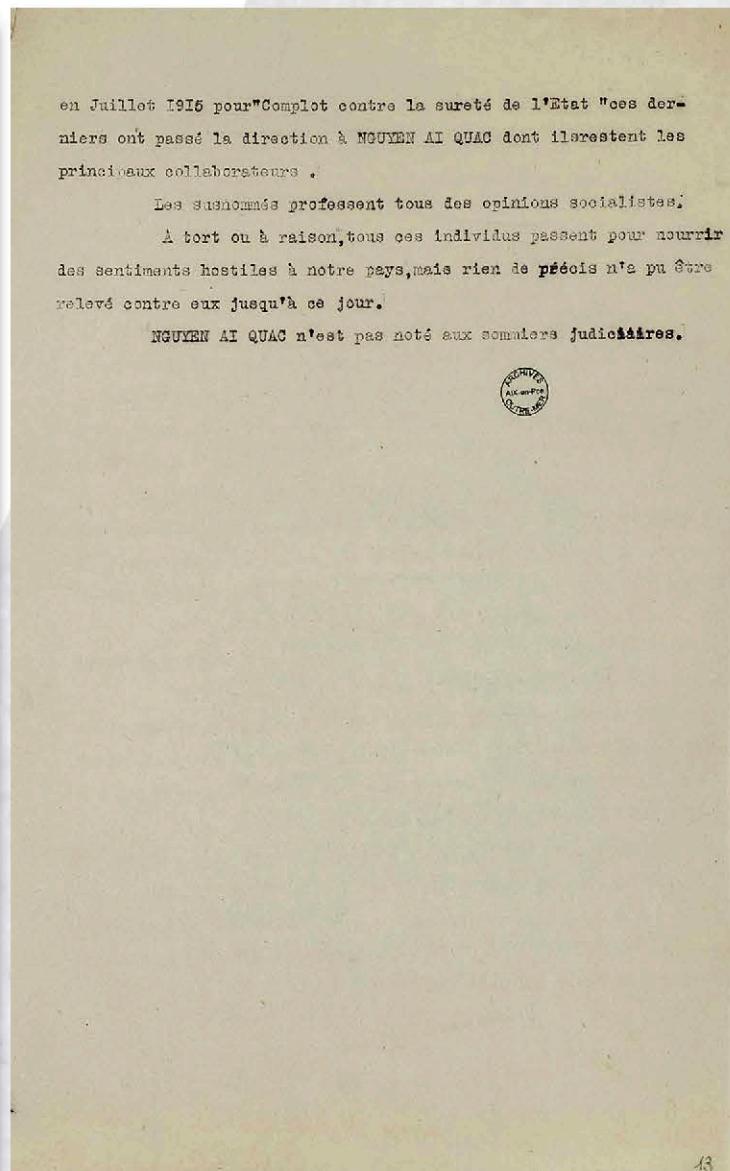
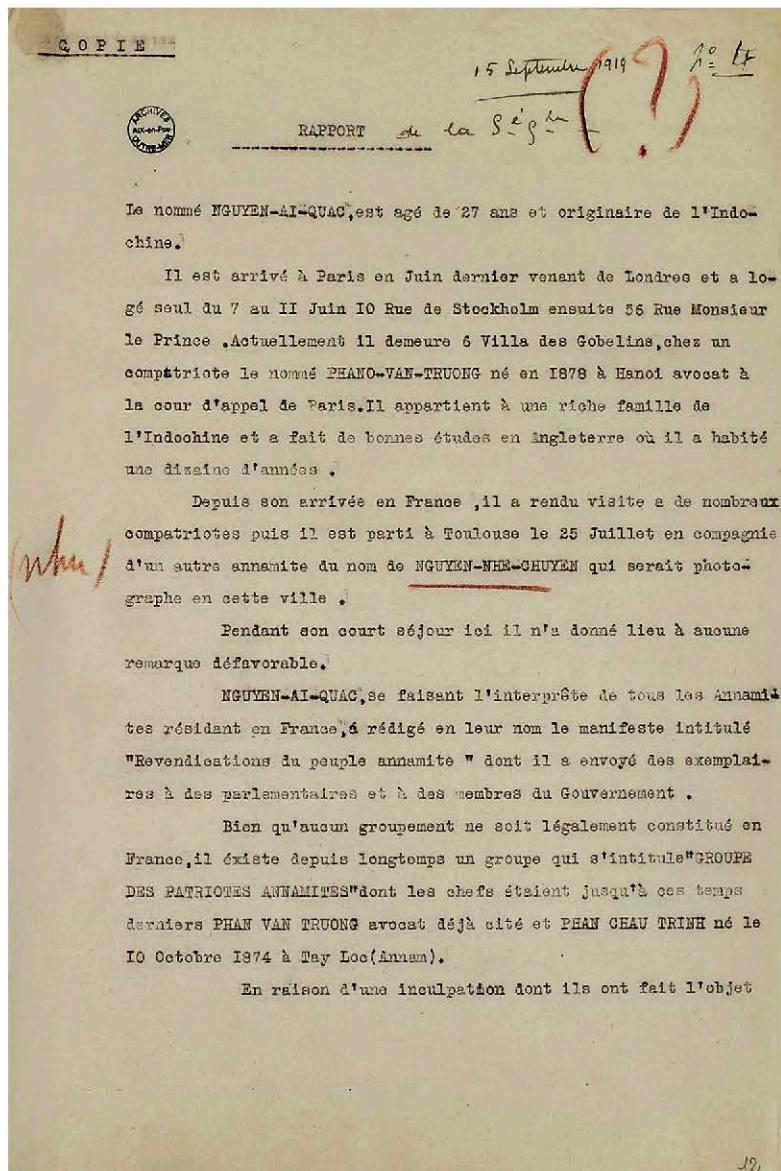
Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.21.

1
9
1
9



Thẻ căn cước của Nguyễn Ái Quốc ở
Pari (Pháp) tháng 9/1919

(Sưu tầm)

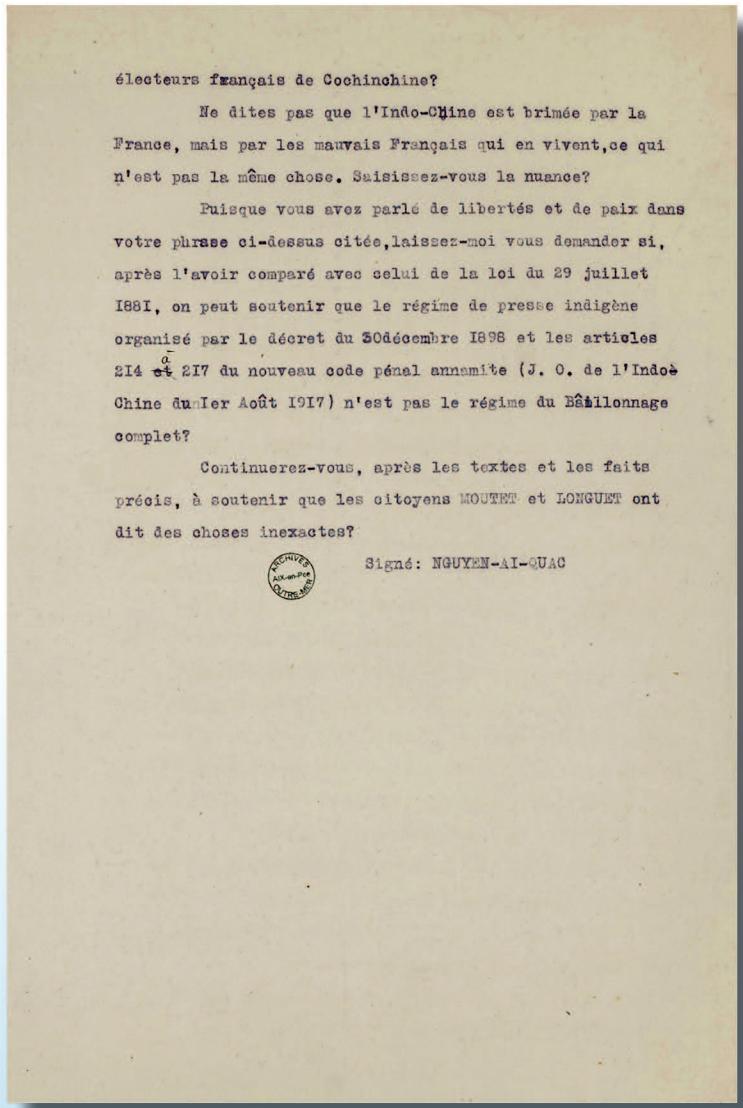
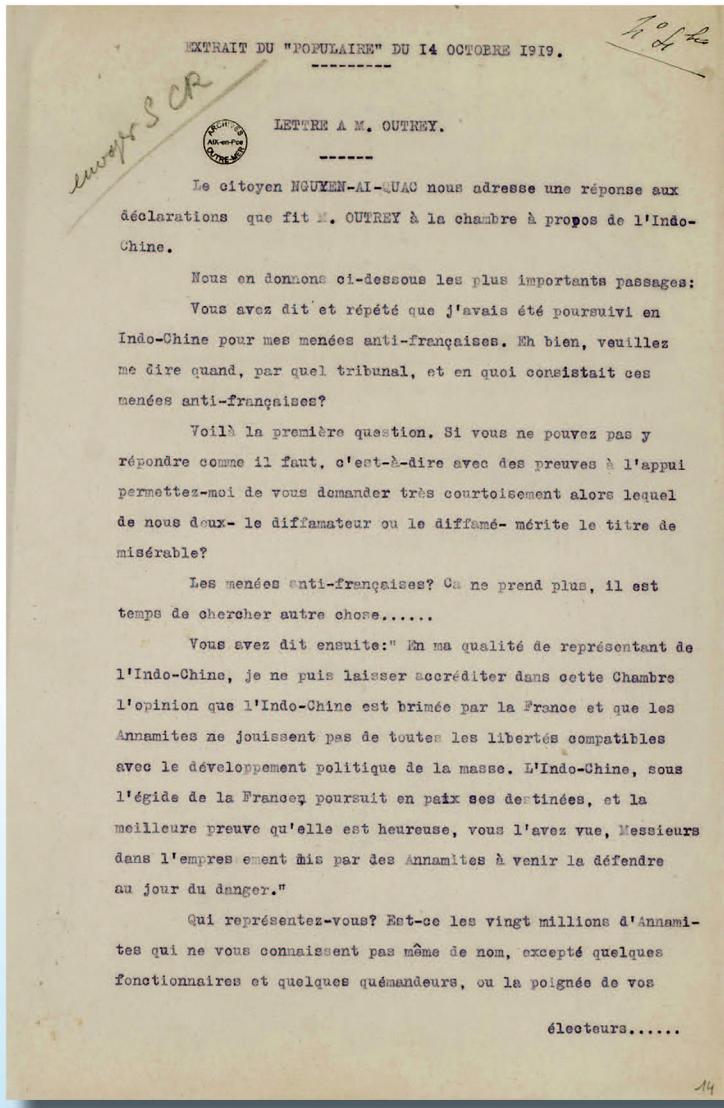


1
9
1
9

Báo cáo của Cơ quan an ninh Pháp tại Đông Dương về
Nguyễn Ái Quốc, ngày 15/9/1919

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

1
9
1
9



Thư của Nguyễn Ái Quốc gửi ông Utôrây (Outrey) - Nghị sĩ Nam Kỳ phản bác lại những vấn đề liên quan đến tự do của người dân An Nam (đăng trên báo Le Populaire, ngày 14/10/1919)

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

THƯ GỬI ÔNG UTORÂY

BIARIT, ngày 16 tháng 10 năm 1919

Ông Utoray,

Đang nghỉ mát xa Pari, mãi tới hôm nay tôi mới được tin về các cuộc thảo luận của Nghị viện ngày 18 tháng 9, ở đó, ông đã công kích tôi kịch liệt và thô bỉ. Tôi không hơi đâu nêu ra đây những lời thoả mạ từ miệng ông phun ra, nếu không vì trong khi công kích tôi, thì đồng thời ông cũng đã công kích tờ nhật báo đáng tôn kính đã rộng lượng dành những cột báo cho bài viết gần đây của tôi.

Các bài viết của tôi đều có ký tên, và tôi đàng hoàng đòi cho riêng mình trách nhiệm về các bài báo đó. Ông hiểu rằng một tờ báo Pháp xứng đáng với cái tên của nó phải tiếp nhận một cách vô tư mọi sự thật, bất kể từ phía nào tới, dù những sự thật đó làm phật ý những kẻ bị vạch mặt. Trong các bài viết của mình, tôi không có những giả thiết vô căn cứ, tôi chỉ đưa ra những sự việc chính xác mà ông đều biết và ông đã không tranh cãi, vì ông không thể tranh cãi nổi.

Trong những điều kiện như vậy, không phải tôi định bút chiến với ông, tôi chỉ muốn nhã nhặn và ôn hoà đặt ra cho ông vài câu hỏi. Tôi sẽ tránh không nổi nóng la lối chửi rủa, đáp lại sự thô tục bằng sự thô tục, vì như vậy là tự hạ giá mình: không phải hổ cứ ném được bùn lên địch thủ là mình có lý đâu.

Trước hết, ông đã nói và nhắc lại rằng tôi bị truy nã bên Đông Dương vì các hoạt động chống Pháp. Ngày! Xin ông hãy cho tôi biết là vào lúc nào, do tòa án nào, và hoạt động chống Pháp đó là gì?

Đó là câu hỏi đầu tiên. Nếu ông không thể trả lời câu hỏi trên cho thỏa đáng, nghĩa là có bằng cứ chứng minh, thì cho phép tôi hỏi ông rất nhã nhặn rằng kẻ nào trong hai ta, người vu khống hay người bị vu khống, xứng đáng với danh hiệu thằng khốn nạn? Tôi rất muốn chọn cho ông một tính ngữ đúng với đặc tính của ông mà không làm ông phật ý, nhưng tôi không tìm thấy trong từ vựng tiếng Pháp những từ nào khác thật thích đáng ngoài từ thằng nói láo, và tôi buộc phải nói với ông, không chút thù hận và sợ hãi, mà thằng thắn và mặt đối mặt, rằng ông đã nói láo, rằng ông là một thằng nói láo.

Tôi đoán trước được chiến thuật của ông và tôi làm cho nó mất hiệu lực ngay từ đầu: ông đừng trốn nấp đằng sau thái độ trịch thượng và khinh bỉ. Nhân cách của ông và của tôi đều không liên quan gì đến vấn đề này: đây chỉ là việc xác minh sự thật và chỉ có sự thật mà thôi.

Bây giờ tôi nói thêm: giá như tôi đã bị truy nã hay bị kết án đi nữa ở bên Đông Dương về cái mà bọn thực dân Pháp vô liêm sỉ gọi là chống Pháp thì tôi cũng chẳng có gì phải hổ thẹn, trái lại tôi còn tự hào về việc đó: vì đối với bọn thực dân, chống Pháp có nghĩa là công khai tố cáo những ý định vô nhân đạo và những hành động chúng không dám thú nhận, những ý định làm tổn thương nghiêm trọng đến danh tiếng tốt đẹp của nước Pháp cao thượng và phản lại một cách bỉ ổi những lý tưởng cao cả về tự do và công lý mà toàn thế giới nhìn nhận ở nước Pháp.

Vâng, thưa ông Utôrây, có những lời kết án làm vang chửu không làm ô nhục. Ông có những ví dụ về điều này trong mọi thời đại và ở mọi nước, ông có thể tìm được dễ dàng những ví dụ đó ngay trong lịch sử nước Pháp. Những hoạt động chống Pháp! Không ai mắc lừa nữa đâu! Đã đến lúc phải kiểm những lý do khác thôi!...

Ông lại nói tiếp rằng: “Với tư cách đại biểu Đông Dương, tôi không thể chấp nhận trong Nghị viện này dư luận cho rằng xứ Đông Dương bị nước Pháp ngược đai và người An Nam không được hưởng mọi quyền tự do phù hợp với sự phát triển chính trị của đại chúng. Đông Dương dưới sự che chở của nước Pháp đang đi theo số phận của nó trong hoà bình, và chứng cứ hùng hồn nhất rằng nó hạnh phúc, thưa các ngài, các ngài đã từng được chứng kiến qua nhiệt tình của người An Nam sang bảo vệ nước Pháp trong cơn nguy biến”¹⁾.

Ông đại diện cho ai. Phải chăng là cho hai mươi triệu người An Nam không hề biết ngay cả tên của ông, trừ vài công chức hay vài tên xin xỏ hay là cho một nhúm cù tri của ông ở Nam Kỳ?

Đừng nói là xứ Đông Dương bị nước Pháp ngược đai, mà phải nói là nó bị những người Pháp xấu sống bám vào nó ngược đai; hai việc ấy không phải là một. Ông có nắm được sự khác biệt đó hay không?

Vì ông đã nói đến tự do và hoà bình trong câu dẫn ở trên, vậy cho tôi hỏi ông rằng: sau khi so sánh với chế độ báo chí do Đạo luật ngày 29 tháng 7 năm 1881 quy định, liệu người ta còn có thể chống chế được nữa không rằng chế độ báo chí bản xứ do Sắc lệnh ngày 30 tháng 12 năm 1918 và các điều khoản 214 đến 217 của Luật hình An Nam mới ban hành (*Journal officiel de l'Indochine - Française*, số ngày 1 tháng 8 năm 1917) không phải là một chế độ hoàn toàn khoá miệng và bưng bít sự thật và

1) Chỉ những người Việt Nam bị bắt đi lính chiến và lính thợ sang Pháp và một số thuộc địa của Pháp, tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất (B.T).

vì vậy, nó không xác nhận từ đầu đến cuối những điều tôi đã nói về nạn nhồi sọ dân da vàng trong bài báo của tôi mà nhân đó ông đã nham hiểm cáo giác tờ *Le Populaire* trước Nghị viện.

Xin ông hiểu cho rằng, tôi không làm cái việc cãi nhau với ông về ngôn từ: tôi đưa ông trở về với các văn bản. Ông nhồi sọ dân da vàng chúng tôi, như bọn Đức đã từng cố nhồi sọ những người da trắng trong vùng Acđen¹⁾ nhưng vô hiệu và xin ông nhớ cho rằng, trong số cộng tác viên của chúng, có một trong số các bạn đồng nghiệp cũ của ông ở các cơ quan dân sự các thuộc địa, anh ta là học trò được cấp bằng của Trường Thuộc địa. Ái chà! Ông thích viện dẫn các hoạt động chống Pháp! Thì đấy, và lại là những thứ chính cống.

Khôn ngoan hơn là ông hãy im đi, đừng nói về việc sử dụng người An Nam trên đất Pháp. Phải chăng khi Chính phủ tham khảo ý kiến của tướng Pennocanh và một tướng khác về vấn đề này thì ông đã kiên quyết chống lại việc thi hành bản dự án, cho rằng dự án không thể thực hiện được, rằng bên đó không đủ lính An Nam để bảo vệ Đông Dương, vân vân và vân vân... Ông sợ đồng bào tôi, trong thời gian ở Pháp, không khỏi khóc so sánh thái độ kiêu căng của những người Pháp ở Đông Dương với sự nhã nhặn tuyệt vời và phép lịch sự cao quý của những người Pháp chân chính trên đất Pháp. Ủy thế của bọn thực dân trước đâ, sau đó mới đến Tổ quốc, có phải vậy không?

Còn về vấn đề hoà bình, tôi bỏ qua cho ông rất nhiều sự việc khác, và không phải là những việc nhỏ đâu, tôi chỉ xin hỏi: liệu ông có thể phủ nhận hai sự việc lớn xảy ra trong chiến tranh không? Đó là mưu toan nổi dậy của Duy Tân, sau đó, ông vua khốn khổ mất nước bị đày ra đảo Réuyniông, và việc người An Nam chiếm tỉnh Thái Nguyên. Ông bảo xứ Đông Dương đang đi theo số phận của nó một cách yên ổn. Phải chăng ông không nhìn thấy rằng, ngay trong cái cung điện Huế cũ kỹ và tối tăm, mà cuộc sống tù hâm, truy lục đã nhấn chìm những người sống trong đó vào sự nhu nhược, đến nỗi họ đứng đằng trước mọi việc diễn ra bên ngoài, cũng không phải không có ý định hướng số phận đất nước theo cách khác mà ông chẳng thích. Điều đó chứng tỏ rằng, người ta đã chán ngấy những cung cách tàn bạo mà ông là kẻ biện hộ.

Ông đã viện dẫn ông Anbe Xarô và tất cả những người An Nam suốt ba mươi năm nay đã nuôi sống ông như một con mọt ngân sách bằng những khoản thuế do họ đóng góp, mà ông không biết.

Ông hãy tỉnh ngộ đi, ông Anbe Xarô đối với tôi không xa lạ gì. Giữa các ý kiến của ông và của ông Anbe Xarô có cả khoảng cách của hai đối cực. Trong dân chúng An Nam, người ta đồn rằng ông dòm ngó cái ghế Toàn quyền Đông Dương và họ run sợ khi nghĩ đến tai họa mà Chính phủ "mẫu quốc" sẽ gây ra một cách vô ý thức cho dân An Nam nếu cử ông làm người kế vị ông Anbe Xarô.

1) Tên một quận ở miền Đông Bắc nước Pháp, bị Đức chiếm trong Chiến tranh thế giới thứ nhất (B.T).

Tôi đã có ý kiến về chính sách cai trị của ông Xarô khi tôi tuyên bố hoàn toàn ủng hộ những lời phát ngôn của vị nghị sĩ xã hội đáng kính Mariuýt Mutê được tất cả đồng bào tôi rất yêu mến và kính trọng: yêu mến và kính trọng chỉ vì ông ta bênh vực sự nghiệp chung của nước chúng tôi, ông ta không có và không bao giờ như ông, cứ muốn có những quan hệ với chính quyền thuộc địa đã cho phép ông có thể mua chuộc vài công chức và vài tên An Nam quen thói xin xỏ, bằng những ân huệ nhỏ mọn.

Sau những văn bản và sự kiện cụ thể tôi nêu ra ở trên, liệu ông có còn tiếp tục khăng khăng rằng các công dân Mutê và Lôngghê đã nói những điều sai trái nữa hay thôi?

Xin chào ông.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.22-26.

1
9
1
9

GOVERNEMENT GÉNÉRAL
DE
L'INDOCHINE

CABINET DU GOUVERNEUR GÉNÉRAL

RÉPUBLIQUE FRANÇAISE



20 novembre 1919

13

LE GOUVERNEUR GÉNÉRAL

DE L'INDOCHINE

à Monsieur NGUYEN-AI-QUOC,

56, Rue Monsieur le Prince,
PARIS.

Monsieur,

Je vous serais reconnaissant de vouloir bien passer à mon Cabinet dans la matinée de demain samedi, 15 courant. J'autais une communication à vous faire concernant la cérémonie de la Pagode de Nogent qui doit avoir lieu dans le courant du mois.

Je vous prie d'agréer, Monsieur, l'assurance de ma considération distinguée.

S. jui : Paraphe

Gây mời của Văn phòng Toàn quyền Đông Dương mời Nguyễn Ái Quốc tới Văn phòng để trao đổi thông tin liên quan đến lễ hội chùa Nogent, ngày 20/11/1919

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

1
9
1
9

Feuillet No. 1 - R. frang.

Paris le 1^{er} Décembre 1919.

CONTROLE GÉNÉRAL
DES INDOCHINOIS
en
FRANCE

GOUVERNEMENT GÉNÉRAL DE L'INDOCHINE

SURETÉ GÉNÉRALE

Nom et Prénoms⁽¹⁾ Nguyễn Ái QUOC (Nguyễn Ái Quốc)

Surnoms ou quels - (Juste Nguyễn Văn Chanh)

Race (nationalité) Annamite

Age 28 ans environ Né en

Profession ou qualité

Titres et grades

Lieu de naissance

Domicile actuel

Domiciles antérieurs

Célibataire, Marié, ⁽²⁾ Veuf

Enfants vivants⁽²⁾

Noms, prénoms et surnoms des Parents⁽³⁾

Profession ou qualité des Parents

Domicile des Parents

Parenté acquise par le mariage⁽⁴⁾

(1) Tous les noms propres et noms de lieu doivent être mentionnés en langues indigènes (Quoc-ngu, Chinois, Cambodgien, etc) et accompagnés, le cas échéant, de leur transcription en caractères.
(2) Indiquer, si elle est différente, la résidence de la femme ou des enfants.
(3) S'ils sont morts, l'indiquer par une (+), à la suite du nom.
(4) Si elle présente un certain intérêt.



SIGNALLEMENT

Race annamite Taille 1m 62 environ. Age apparent 28 ans.
Conformation générale maigre. Teint pâle.
Tête
Cheveux
Barbe mince
Front bombé
Sourcils
Yeux
Nez narins largement ouverts - Superérieure prédominante
Oreilles très courtes
Bouche lèvres épaisse
Menton
Cou
Allure générale Légèrement voûté - allure gauchie - pas très droit - lente
et lente courbature pour une marche en peu moins
Marques particulières Superérieure forme entable partie Supérieure pavillon
nasse gauche - Superérieure même forme, moins accusée, partie latérale
pavillon droit.

Hồ sơ cá nhân của Nguyễn Ái Quốc do Cơ quan giám sát người
Đông Dương tại Pháp lập ở Pari, ngày 1/12/1919

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

1
9
1
9

N° 1 - 75-28
Paris, le 23 Décembre 1919.

NOTE RECAPITULATIVE DE JEAN.

- - - - -

Le ... M. BAY m'a donné une carte pour me présenter à l'adjoint interprète Héché à Versailles, pour la recherche de nos bouchons en Angleterre. Mais comme cette présentation n'a pas eu de succès, j'ai préféré ne pas aller faire la course à Versailles.

Le ... Je suis allé voir M. QUOC, un entrant qui va le service interprète Georges KHOANG avec sa maîtresse. M. KHOANG n'a pas assez d'argent pour inviter sa maîtresse à dîner ce soir. Il a envoyé chez M. QUOC, quelques et s'est occupé immédiatement à cuisiner pour lui et à M. QUOC. KHOANG et sa maîtresse nous ont relaté cette histoire: "un jour sa maîtresse lui a donné un rendez-vous à 6 heures à l'heure-tel chinoise.

"Elle va venir à la Long-Trinh à 7 heures et M. KHOANG (au Ministère) la suivait à Long-Trinh.

"Quand que c'était, KHOANG, elle a pris le bras de M. KHOANG

"Le bourgeois et lui dit:

"Qu'est ce que tu me demandes de venir pour 6 heures?"

Ainsi, M. QUOC a demandé si sa maîtresse connaît M. KHOANG. M.

KHOANG a répondu qu'elle l'a vu avec M. KHOANG, sa maîtresse a deviné trop vite que cela qui suivrait M. KHOANG fut M. KHOANG.

Nous pouvons conclure que M. BAY, KHOANG et KHOANG se voient ensemble

Le 23 Décembre 1919 à 1/2 de l'après-midi.
J'en ai parlé à M. BAY et je l'ai accompagné jusqu'à la Ministère. Il m'a encore recommandé d'identifier son domestique de M. QUOC. Il m'a aussi dit que d'après M. KHOANG, M. QUOC serait un vieil ENTHAM. Il a l'intention d'éliminer que nous nous occupions d'autre chose. Il a donc demandé à M. QUOC de ne pas faire dans les journaux leurs revendications politiques. "ils ne sont rien en cassette et qu'ils n'ont pas de correspondants à la colonie que les grands s'élèvent par mal et les petits s'élèvent par la chose pour avoir plus de marbre."

Je conclus, mais avec toutes réserves, qu'il y a liaison XXXX entre M. BAY et M. QUOC et M.
qu'il se pourrait qu'en tirant au clair la chose, soit-il antérieurement compromis dans cette affaire?????

Deux hypothèses seront à envisager.
1^e) que si M. BAY connaît la chose à fond, que QUOC et M. QUOC est M. BAY qu'il n'a pas de correspondants à la colonie, que M. BAY n'a pas d'informations renseignées.
2^e) que si M. BAY cherche à mi dépit, il semble qu'il ne découvre pas rien de utile de ce qu'il a courut de l'entretien.

Le 23 Décembre de 9 heures et 1/2 à 11 heures du soir.
J'en ai parlé à M. BAY et il a dit que M. QUOC et KHOANG étaient dans la ville du commerce d'Indochine.
M. QUOC m'a prêté quelques numéros de la "Khoa review"
a monthly Journal devoted to the cause of Political and Religious Freedom for Geneva.

C'est un.....

67

Báo cáo của Jean (mật thám Pháp) về một số hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Pari (Pháp), ngày 23/12/1919

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

C'est un journal mensuel édité à Philadelphie par les étudiants de la Corée.
Si vous le voulez, nous pourrons avoir tous ces documents peut-être en français au bureau d'information de la presse étrangère ou au bureau d'information Coréen qui doit être au 80 rue de l'Allyement ou Champs Elysées.
(Journal n° 100 est daté du 1^{er} octobre et Novembre. Il y a question d'un banquet ayant eu lieu au mois d'octobre, un décret de Paris prononçait une trentaine de Coréens étaient présents.)
Au cours de la conversation, j'ai entendu KHOANG-CHIEN dire à QUOC qu'il a rencontré un Coréen.



Signd: JEAN.

DECLARATIONS VERBALES DU JEAN.

- - - - -

KHOANG-KY et KHOANG-CHIEN se sont entretenus du commerce d'appareils photographiques, jumelles prises-objectifs pour cinéma, conséquemment au voyage de KHOANG-KY. N'ont pas parlé de politique, mais de la situation de la Corée. Deux commandants par l'autorité française revendiquent de QUOC et article "Antidéfense communautaire" paru dans Humanité ou Populaire dont le dernier stipule que Autorité supérieure a fait minimes toutes faillies de revendications et depuis création service Direct conduite à cet article, tous interprètes pris pour, ce n'importe quoi, ne se regardent plus comme avant. On n'est plus perdre de temps, mais de temps surveiller.

QUOC a recommandé de faire attention quand je viens chez lui car, a-t-il dit, nous sommes surveillés.

NĂM 1920

1
9
2
0



Chân dung Nguyễn Ái Quốc, năm 1920

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1920



Danh thiếp của Nguyễn Ái Quốc khi làm thơ ánh ở Pari

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)



Tấm biển chỉ tên phố Gôbolanh, Quận 13, Pari - nơi có ngôi nhà số 6 Nguyễn Ái Quốc đã ở cùng cụ Phan Châu Trinh và Luật sư Phan Văn Trường trước khi Người bí mật rời Pháp sang Liên Xô

(CD-ROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
2
0

Feuillet N° 1446, le 191

SERVICE CENTRAL DE RENSEIGNEMENTS GOUVERNEMENT GÉNÉRAL DE L'INDOCHINE
SÉCURITÉ GÉNÉRALE

SURETÉ GÉNÉRALE

Nom et Prénom⁽¹⁾ *Nguyễn-Tết Thành*

Surnoms *NGUYỄN-ÁI-QUỐC, NGUYỄN-VĂN-THÀNH, NGUYỄN-BÉ-CON, SINH-CON ou SANH CON, NGUYỄN-SINH-CON ou NGUYỄN-SANH-CON, TẤT-THÀNH.*

Nguyễn ai Khanh

Race (Nationalité) *annamite*
Age plus de 28 ans (en 1920) *Né en*
Profession ou qualité
Titres et grades
Lieu de naissance *Village de Kim-Liên, canton de Lam-Thịnh, huyện de Tam-Bản province de Nghê-An, Annam.*
Domicile actuel *Paris*

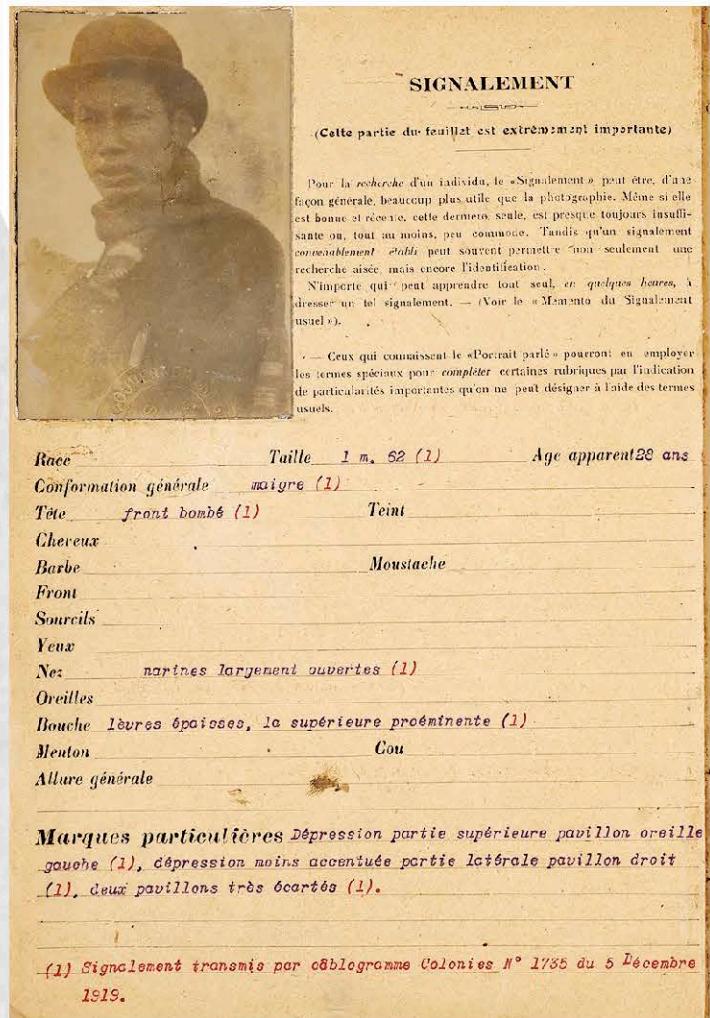
Domiciles antérieurs *Kim-Liên, Hué et Tourane (Annam) Amérique et Angleterre.*
Célibataire, Marié,⁽²⁾ Veuf

Enfants vivants⁽²⁾
Nom, prénom et surnom des Parents⁽³⁾ *le père Nguyễn-Sinh-Huy dit "Nguyễn-Sanh-Huy, dit Nguyễn-Xuan-Sac, dit Nguyễn-Sinh-Sach, sa sœur ainée Nguyễn-Thi-Thanh, dite Bach-Liên-Tú (nénuphar blanc), son frère ainé Nguyễn-Sinh-Kham, dit Nguyễn-Tết-Dat dit Ca-Khiem.*
Profession ou qualité des Parents *le père ancien Han-Lân Viên Kiêm Thảo, ancien tri-huyện de Bình-Khê (Binh-Linh - Annam -)*
Domicile des Parents *le père domicile inconnu, en Cochinchine probablement, la sœur ainée détenue à Quang-Ngai (Annam) et le frère ainé, détenu à Sa-Ngöt (Annam).*
Parenté acquise par le mariage⁽⁴⁾

(1) Tous les noms propres et noms de lieu doivent être mentionnés en langues indigènes (Quoc-ngr, Chinois, Cambodgien, etc.) et accompagnés, le cas échéant, de leur transcription en caractères.
(2) Indiquer, si elle est différente, la résidence de la femme ou des enfants.
(3) Si ils sont morts, indiquer par une (+), à la suite du nom.
(4) Si elle présente un certain intérêt.

43

Hồ sơ và thông tin của Nguyễn Tất Thành do Sở Mật thám
Đông Dương lập năm 1920



RENSEIGNEMENT DIVERS⁽¹⁾

Agissements répréhensifs. — Inculpations. — Condamnations. — Moyens d'existence actuels et antérieurs. — Service militaire. — Service et conduite en France. — Fréquentations. — Relations. — Occupations. — Déplacements, etc.

NGUYỄN-AI-QUỐC se dit originaire du Nghè-An de la région de Nam-Dang.
(Colonies cobl. 1279 du 5/IX/19).

NGUYỄN-AI-QUỐC change souvent de nom, cache soigneusement origine véritable, contrefait son accent, semble néanmoins être originaire Nord-Annam. (Colonies cobl. 1735 du 5/XII/19).

D'après renseignements non encore recoupés, patriote Nguyễn s'appelle-rait NGUYỄN-VĂN-THÀNH et serait originaire Fourane. (Colonies cobl. 1826 du 29/XII/19).

D'après nouveaux renseignements QUỐC serait né à Vinh le 1894.
(Colonies cobl. 179 du 5/II/20).

Les notables du village de Kim-Lien, huyen de Nan-Dang, province du Nghè-An (Vinh) ont déclaré :

Nguyễn-Sinh-Huy originaire de notre village avait trois enfants : une fille aînée Nguyễn-Thị-Thanh et deux fils, l'aîné Nguyễn-Sinh-Kham, le cadet Nguyễn-Bé-Con (probablement NGUYỄN-AI-QUỐC). Il s'installa à Hué en 1894, avec sa famille. Vers 1910, Nguyễn-Thị-Thanh et Nguyễn-Sinh-Kham revinrent au pays. (Sûreté Annam N. Conf. 291 du 13/XII/20).

Suivant renseignements émanant de la Préfecture de Police NGUYỄN-AI-QUỐC âgé de 27 ans (Colonies cobl. 1279 du 5/IX/19).

Age apparent de QUỐC : 28 ans (Colonies cobl. 1735 du 5/XII/19).

D'après nouveaux renseignements QUỐC serait né à Vinh le 1894

1894 (Colonies cobl. 179 du 5/II/20).

Si Nguyễn-Bé-Con dit Nguyễn-Văn-Thanh (supposé être NGUYỄN-AI-QUỐC) vit encore, il doit avoir à l'heure actuelle plus de 28 ans. (Sûreté Annam Note Conf. 291 du 13/XII/20).

QUỐC était en Annam en 1908, au moment des troubles dont parle souvent (Colonies cobl. 1826 du 29/XII/19).

Le Tong-Doc de Vinh signale que les deux garçons étaient en 1908 au Collège Quốc-Học à Hué. Le cadet (Quốc) était en 2e ou 3e année du cours complémentaire. Au cours des événements qui survinrent à cette époque dans le Centre-Annam, les deux jeunes gens manifestèrent ouvertement de tels sentiments hostiles que le Directeur de l'Ecole dut à différentes reprises leur adresser de sévères observations. (Sûreté Annam N. Conf. 291 du 13/XII/20).

NGUYỄN-AI-QUỐC serait en Europe depuis 5 ou 6 ans (Colonies cobl. 1735 du 5/XII/19).

Le fils de Nguyễn-Sanh-Huy (probablement de 2e, Nguyễn-Tát-Thanh) qui habitait il y a deux ans un quartier de Dong-Ba (à Hué) a disparu subitement. On le croit en Cochinchine. Nguyễn-Sanh-Huy irait le rejoindre et conférer avec Phan-Châu-Trinh. (Renseignement sérieux recueilli par M. de la SUSSE, figurant au dossier personnel de Nguyễn-Sanh-Huy, le 6/III/1911).

Nguyễn-Sanh-Huy fut signalé comme s'étant embarqué le 26 Février 1911 pour aller rejoindre en Cochinchine son fils Nguyễn-Tát-Thanh et conférer avec Phan-Châu-Trinh. (Res. Sup. Annam T61.860 S. du 14/III/1911).

Nguyễn-Tát-Thanh dit Sinh-Con écrit de Saigon le 31 Octobre 1911 au Résident Supérieur en Annam, annonçant qu'il est employé à bord de l'"Admiral Latouche Tréville" des Chargeurs Réunis et envoyant pour son père

(1) Mentionner les renseignements dans l'ordre chronologique, autant que possible.
Énoncer les faits avec précision (*quand?* *qui?* *comment?*).
Indiquer toujours très explicitement la source (témoignage, avertissement, documents, etc.) et la date des divers renseignements.

RENSEIGNEMENT DIVERS⁽¹⁾

(Aécissemens répréhensifs. — Inculpations. — Condamnations. — Moyens d'existence actuels et antérieurs. — Service militaire. — Service et conduite en France. — Fréquentations. — Relations. — Occupations. — Déplacements, etc.)

père un mandat poste de quinze piastres. Il donne comme adresse : Tat-Thanh à bord de l'Amiral Latouche Tréville " Chargeurs Réunis, Colombo A suivre. (Res.Sip. Annam Lettre Nguyen-Tat-Thanh figurant au dossier personnel de Nguyen-Sanh-Huy).

&

Le plus jeune des fils du phò-bảng Nguyen-Xuân-Sắc se faisait appeler Nguyen-Tat-Thanh et pourrait bien être le fameux Nguyen-Ái-Quoc. Il était employé à bord d'un bateau faisant des voyages entre France Angleterre et Amérique. (Sûreté Annam N. Conf. 140 du 23/I/20).

&

Une lettre du fils de Nguyen-Sanh-Huy (probablement Nguyen-Ái-Thanh) est transmise par le Résident Supérieur en Annam au Gouverneur de la Cochinchine. (Res.Sip. Annam Lettre N°16 du 12/III/1913).

&

Nguyen-Tat-Thanh a expédié d'Angleterre, il y a trois ans environ (1917) par l'intermédiaire du Consul d'Angleterre à Saigon, une lettre adressée à M. le Gouverneur Général SARRAUT pour être remise à son père. Ce dernier ne put être retrouvé par la Sûreté de Saigon et le pli ne put être remis au destinataire. (Sûreté Annam N. Conf. 140 du 13/I/20).

&

NGUYEN-ÁI-QUOC qui aurait séjourné Angleterre parle assez bien Anglais. (Colonies étbl. 1735 du 5/XII/19).

&

suivant renseignements émanant de la Préfecture de Police NGUYEN-ÁI-QUOC, seraient arrivé de Londres à Paris le 15 Juillet 1919. (Colonies étbl. 1279 du 5/IX/19).

& &

(1) Mentionner les renseignements dans l'ordre chronologique, autant que possible.
Énoncer les faits avec précision (quand ? quoi ? où ? comment ?).
Indiquer toujours très exactement la source (témoin, agent, documents, etc.) et la date des divers renseignements.

RENSEIGNEMENTS COMPLEMENTAIRES SUR LA FAMILLE DE NGUYEN-TAT-THANH.

On dit que Nguyen-Xuân-Sắc ou Nguyen-Sinh-Huy ne voulait plus entendre parler de ses enfants. Un jour alors qu'il était en fonctions comme tri-huynh de la province de Binh-Dinh, un de ses fils, on ignore lequel, vint le visiter. Nguyen-Xuân-Sắc, alias Nguyen-Sinh-Huy l'aurait immédiatement renvoyé après l'avoir fait battre. (Sûreté Annam N. Conf. 140 du 23/I/20).

&

Nguyen-Sinh-Huy, ancien tri-huynh de Binh-Dinh (Annam) a été révoqué de ses fonctions pour ivrognerie et mauvais traitements suivis de mort sur un prévenu. (Res.Sip. Décision 17/IX/1910).

&

Tout récemment Nguyen-Xuân-Sắc (alias Nguyen-Sanh-Huy) fut renontré à Saigon et comme on lui parlait de son fils qui est à l'étranger, il répondit qu'il ne s'occupait plus de ses enfants. (Sûreté Annam, N. Conf. N°140 du 23/I/20).

&

La fille ainée de Nguyen-Xuân-Sắc, Nguyen-Thi-Thanh, dite Bạch-Liên-Cô (ménuphar blanc) a été accusée de complicité avec les rebelles du Nord-Annam. Compromise dans une affaire de vol de trois fusils commis dans la nuit du 6 au 7 Février 1918 au casernement de la Garde Indigène de Vinh, elle a été condamnée pour ce fait, par le Tribunal provincial de Nghe-An, à neuf ans de travaux forcés qu'elle purge actuellement à Quang-Ngai. (Res.Sip. Annam Délégation Justice 1918).

&

Le fils ainé, Nguyen-Tat-Pat dit Nguyen-Sinh-Kham dit Cà-Khiêm condamné par le Tribunal du Nghè-An pour avoir donné asile au chef rebelle Doi-Quyên est actuellement (1920) détenu à Ba-Ngòi (Khanh-Hoa).

(Res.Sip. Annam Délégation Justice).

&



(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

1
9
2
0

Le 25 Septembre 1920 .



NGUYEN AI QUOC qui devait quitter Paris dimanche 19 ou Lundi 20 courant pour aller passer une quinzaine de jours à Chartres a renoncé à ce projet, il a dit à sa concierge qu'ayant trouvé du travail à Paris il ne partirait pas .

Après l'arrivée de PHAN CHAU TRIEM, lundi 20 courant, NGUYEN AI QUOC a envoyé une dépêche à T.V. CAN rue Ernest Ringuier à Soissons qui est arrivé à Paris le lendemain mardi à 2 H. 30, il a diné et couché villa des Gobelins et il est reparti pour Soissons mercredi à 5 H. du soir .

Jeudi 23 NGUYEN AI QUOC a reçu une lettre recommandée avec entête du journal " La Bataille" ./.

signé: DEVEZE .

Envoi 129, 130, 131, 132/SR du 6 Novembre 1920 . (PN° 50)
345

Tin tình báo ngày 25/9/1920 của Deveze (mật thám Pháp) về một số hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Pari (Pháp) từ ngày 19 đến ngày 23/9/1920

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

1
9
2
0

Nguyễn Ái Quốc phát biểu tại Đại hội toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp (thành phố Tua, Pháp) năm 1920

(Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Việt Nam)



Toàn cảnh Đại hội toàn quốc lần thứ XVIII
Đảng Xã hội Pháp họp tại thành phố Tua,
tháng 12/1920 (Nguyễn Ái Quốc ngồi đầu
dãy bàn thứ hai phía bên trái Đoàn Chủ tịch)

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

LỜI PHÁT BIỂU TẠI ĐẠI HỘI TOÀN QUỐC LẦN THỨ XVIII ĐẢNG XÃ HỘI PHÁP

Chủ tịch¹⁾: Đông Dương có ý kiến. (Vỗ tay).

Đại biểu Đông Dương²⁾: Thưa các đồng chí, lẽ ra hôm nay, tôi đến đây là để cùng với các đồng chí góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới, nhưng với một nỗi đau buồn sâu sắc, tôi đến đây với tư cách là đảng viên xã hội, để phản kháng những tội ác ghê tởm trên quê hương tôi. (*Tốt lắm!*). Các đồng chí đều biết rằng chủ nghĩa tư bản Pháp đã vào Đông Dương từ nửa thế kỷ nay; vì lợi ích của nó, nó đã dùng lưỡi lê để chinh phục đất nước chúng tôi. Từ đó, chúng tôi không những bị áp bức và bóc lột một cách nhục nhã, mà còn bị hành hạ và đầu độc một cách thảm. Tôi xin nhấn mạnh từ “đầu độc” bằng thuốc phiện, bằng rượu, v.v.. Trong vài phút, tôi không thể vạch được hết những sự tàn bạo mà bọn tư bản ăn cướp đã gây ra ở Đông Dương. Nhà tù nhiều hơn trường học, lúc nào cũng mở cửa và chật ních người. Bất kỳ người bản xứ nào có tư tưởng xã hội chủ nghĩa cũng đều bị bắt và đôi khi bị giết mà không cần xét xử. Cái gọi là công lý Đông Dương là thế đấy! Ở xứ đó, người An Nam bị phân biệt đối xử, họ không có những sự bảo đảm như người châu Âu hoặc có quốc tịch châu Âu. Chúng tôi không có quyền tự do báo chí và tự do



Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp tại Đại hội toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp ở thành phố Tua, tháng 12/1920

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1) Chủ tịch phiên họp buổi chiều ngày 26/12/1920 là Emile Guérin (B.T).

2) Đại biểu Đông Dương là đồng chí Nguyễn Ái Quốc (B.T).

ngôn luận, ngay cả quyền tự do hội họp và lập hội cũng không có. Chúng tôi không có quyền cư trú và du lịch ra nước ngoài; chúng tôi phải sống trong cảnh ngu dốt tối tăm vì chúng tôi không có quyền tự do học tập. Ở Đông Dương, bọn thực dân tìm mọi cách để đầu độc chúng tôi bằng thuốc phiện và làm cho chúng tôi đần độn bằng rượu. Người ta đã làm chết hàng nghìn người An Nam và tàn sát hàng nghìn người khác để bảo vệ những lợi ích không phải của chính họ.

Thưa các đồng chí, hơn hai mươi triệu dân An Nam, bằng hơn nửa số dân nước Pháp, đã bị đối xử như vậy. Ấy thế mà họ lại là những người được nước Pháp bảo hộ! (*Vỗ tay*). Đảng Xã hội cần phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức. (*Hoan hô*).

Giăng Lôngghê: Tôi đã phát biểu ý kiến để bảo vệ những người bản xứ.

Đại biểu Đông Dương: Ngay khi tôi bắt đầu nói, tôi đã yêu cầu mọi người tuyệt đối im lặng. (*Nhiều tiếng cười*). Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa. Chúng tôi thấy rằng việc Đảng Xã hội gia nhập Quốc tế thứ ba có nghĩa là Đảng hứa một cách cụ thể rằng từ nay Đảng sẽ đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa. Chúng tôi rất sung sướng khi nghe tin thành lập một đoàn đại biểu thường trực nghiên cứu về Bắc Phi, và mai đây, chúng tôi sẽ vui mừng nếu Đảng phái một đồng chí của Đảng để nghiên cứu tại chỗ những vấn đề ở Đông Dương và đề xuất những hoạt động cần phải tiến hành.

Một đại biểu: Với đồng chí Ăngve Pasa?...

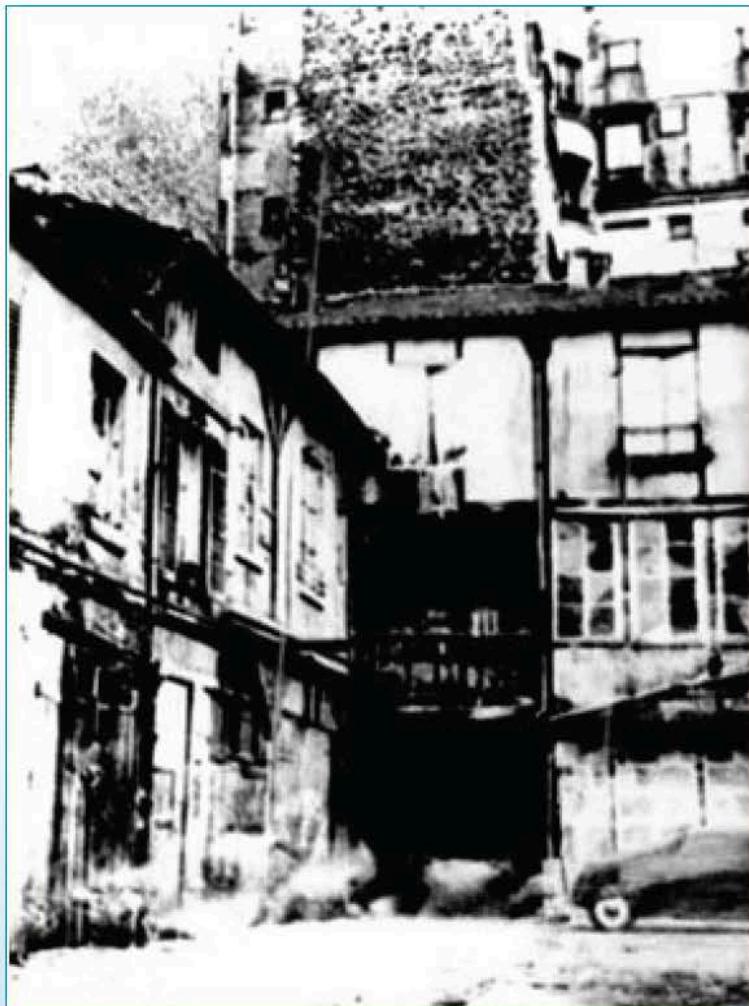
Đại biểu Đông Dương: Im đi! Phái nghị viện. (*Vỗ tay*).

Chủ tịch: Bây giờ, tất cả các đại biểu phải im! Kể cả những đại biểu không thuộc phái nghị viện!

Đại biểu Đông Dương: Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên xã hội, cả phái hữu lẫn phái tả, chúng tôi kêu gọi: Các đồng chí, hãy cứu chúng tôi! (*Vỗ tay*).

Chủ tịch: Qua những loạt vỗ tay tán thành, đại biểu Đông Dương có thể thấy rằng toàn thể Đảng Xã hội đều đứng về phía đồng chí để phản đối những tội ác của giai cấp tư sản.

NĂM 1921



Nhà số 9 ngõ Côngpoanh (Pari) nơi Nguyễn Ái Quốc ở trọ thời kỳ hoạt động ở Pháp (1921 - 1923)

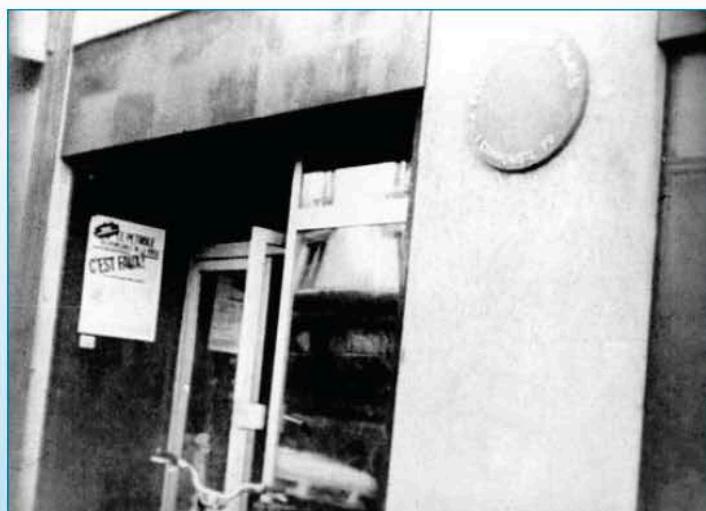
(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)



Bàn ghế làm việc trong căn phòng trọ của Nguyễn Ái Quốc tại nhà số 9 ngõ Côngpoanh (Pari)

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
2
1



Nhà số 120 phố La Phayet, trụ sở Ban Nghiên cứu thuộc địa, Đảng Cộng sản Pháp

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
2
1

ĐÔNG DƯƠNG

Tuy rằng Quốc tế Cộng sản đã làm cho vấn đề thuộc địa có được tầm quan trọng xứng đáng với nó bằng cách coi nó là thuộc về những vấn đề thời sự khẩn trương nhất, nhưng trong thực tiễn, các ban thuộc địa ở các cường quốc thực dân, cho đến nay, vẫn chưa quan tâm đến vấn đề này, thậm chí các ban này cũng chưa xem xét vấn đề một cách nghiêm túc!

Sự không hoạt động này thật đáng ngạc nhiên, nhất là khi không còn sự tranh cãi nội bộ trong đảng đã được thanh trừ, và đáng ngạc nhiên khi vấn đề tuyển mộ người thuộc địa lại được chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc của chính quốc nghiên cứu ráo riết. Sự không hoạt động này có lẽ do các đồng chí chúng ta không hiểu biết tình hình chính xác của những xứ bị áp bức. Do vậy, tôi thấy có ích, nếu phác họa ngắn gọn ở đây tình hình của một trong những thuộc địa lớn nhất của nước Pháp, là Đông Dương.

Nói rằng Đông Dương gồm hai mươi triệu người bị bóc lột, hiện nay đã chín muồi cho một cuộc cách mạng là sai, nhưng nói rằng Đông Dương không muốn cách mạng và bằng lòng với chế độ bấy giờ như các ông chủ của chúng ta thường vẫn nghĩ như thế, thì lại càng sai hơn nữa. Sự thật là người Đông Dương không có một phương tiện hành động và học tập nào hết. Báo chí, hội họp, lập hội, đi lại đều bị cấm... Việc có những báo hoặc tạp chí mang tư tưởng tiến bộ một chút hoặc có một tờ báo của giai cấp công nhân Pháp là một tội nặng. Rượu cồn và thuốc phiện cùng báo chí phản động của bọn cầm quyền bổ sung cho cái công cuộc ngu dân của Chính phủ. Máy chém và nhà tù làm nốt phần còn lại.

Bị đầu độc cả về tinh thần lẫn về thể xác, bị bịt mồm và bị giam hãm, người ta có thể tưởng rằng cái bầy người ấy cứ mãi mãi bị dùng làm đồ để tế cái ông thần tư bản, rằng bầy người đó không sống nữa, không suy nghĩ nữa và là vô dụng trong việc cải tạo xã hội. Không: *người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi*. Sự đầu độc có hệ thống của bọn tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của người Đông Dương. Luồng gió từ nước Nga thợ thuyền, từ Trung Quốc cách mạng hoặc từ Ấn Độ chiến đấu đang thổi đến

giải độc cho người Đông Dương. Người Đông Dương không được học, đúng thế, bằng sách vở và bằng diễn văn, nhưng người Đông Dương nhận sự giáo dục bằng cách khác. Đau khổ, nghèo đói và sự đàn áp tàn bạo là những người thầy duy nhất của họ. Nếu những người xã hội chủ nghĩa lơ là việc giáo dục, thì giai cấp tư sản thực dân và bản xứ - bọn quan lại - cứ phụ trách giáo dục bằng phương pháp của chúng. Người Đông Dương tiến bộ một cách rất màu nhiệm và khi thời cơ cho phép họ sẽ biết tỏ ra xứng đáng với những người thầy của họ. Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc đẩy cho thời cơ đó mau đến.

Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.39-40.

1
9
2
1

NHỮNG KẺ BẠI TRẬN Ở ĐÔNG DƯƠNG

Trong thời gian chiến tranh vừa qua, cuộc chiến tranh vì chính nghĩa và công lý để cho các dân tộc giành quyền tự quyết, những người An Nam lại buộc phải tình nguyện sang bảo vệ nước mẹ (?). Bấy giờ người ta nói với họ như đã nói với người Pháp: “Bạn bôsơ¹⁾ sẽ trả công!”.

Tuy nhiên, giờ đây hai năm sau chiến tranh, nước mẹ bị mắc nợ một cách thắng lợi, những khu nhà nghỉ mát đắt tiền của các quan chức cao cấp của Nhà nước không đem lại được bỗng lộc bao nhiêu, và bạn bôsơ vẫn không trả gì. Bấy giờ, nước mẹ bảo hộ âu yếm quay về những đứa con nuôi của mình và nói một cách âu yếm hơn nữa: “Vì bạn Đức lật lọng không muốn trả, vậy thì các con, những kẻ lao động An Nam, hãy trả thay cho chúng”.

Nhưng hãy nghe lời nói của ông Xarô tốt bụng, trong một cuộc tranh luận về ngân sách thuộc địa, vị uỷ viên nhân dân thuộc địa đó đã tuyên bố: “Chừng nào mà xứ Đông Dương còn có thể tự đảm đương một số gánh nặng tài chính mà chính quốc không gánh vác nổi, xứ Đông Dương sẽ gánh vác, vì dù sao nước Pháp, chính quốc, đã cứu Đông Dương thoát khỏi sự tham lam của nước Đức”.

Nhân danh hàng nghìn người An Nam đã bỏ thây ở nước Pháp trong chiến tranh, tôi xin cảm ơn ông, ông Xarô. Hãy tin chắc rằng chúng tôi biết rất rõ chính chiến thắng trên sông Mácnơ đã ngăn cản quân xung kích Đức tiến về sông Mê Kông, để truyền bá trên ruộng đồng chúng tôi chế độ dã man của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc Phổ. Nếu không có ngài và người thay mặt đáng kính của chúng tôi, ông Utorây, chúng tôi sẽ mất cái tự do thân yêu được say bằng rượu cần và cái bình đẳng quý giá được đầu độc bằng thuốc phiện; không có ngài, giai cấp vô sản bản xứ không còn được nhồi nhét vào tai những bài diễn văn hay ho và những lời hứa tốt đẹp được ngài ban cho một cách hữu ái; không có ngài... Nhưng hãy cho qua và quay trở lại bài diễn văn của ngài.

1) Boches: tên gọi chế giễu và khinh bỉ của người Pháp đối với lính Đức (B.T).

Ngài còn nói: “Tôi tin rằng trong một thời gian không xa nữa, xứ Đông Dương sẽ không tiêu mất một đồng xu nào nữa của chính quốc và nó sẽ tự hào và hạnh phúc được đem lại sự đóng góp của mình”.

Nhất định thế, đến thời kỳ đó, không còn xa lăm, như ngài nói, giai cấp vô sản chính quốc sẽ làm nhiệm vụ của mình: họ sẽ tống cổ tất cả bọn ăn bám ra khỏi cửa; sau khi đã giải phóng mình, họ sẽ giải phóng những người anh em ở Đông Dương; được giải phóng khỏi ách đế quốc chủ nghĩa, nhân dân Đông Dương nhất định sẽ tự hào và hạnh phúc, tự hào và hạnh phúc hơn là ông tướng, đem lại sự đóng góp của mình, cùng với những người lao động Pháp xây dựng Tổ quốc chung. Trong khi chờ đợi, hãy cứ bắt những người bại trận ở Đông Dương trả tiền. Ngài hãy khéo xoay xở theo phương pháp D¹). Nếu hòm tiền của nhân dân rỗng, thì còn có các lăng mộ của vua chúa.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.41-42.

1
9
2
1

1) D: Viết tắt từ chữ *débrouillard*, có nghĩa là tháo vát, linh hoạt (B.T).

ĐÔNG DƯƠNG

Chế độ cộng sản có áp dụng được ở châu Á nói chung và ở Đông Dương nói riêng không? Đây là vấn đề mà chúng ta đang quan tâm hiện nay.

Muốn hiểu vấn đề đó, chúng ta phải xem xét tình hình hiện nay ở lục địa châu Á về mặt lịch sử và địa lý.

Lục địa rộng lớn đó có diện tích 80 lần lớn hơn nước Pháp ($45.000.000 km^2$), với dân số gần 800 triệu người, có một cơ cấu chính trị tương đối phức tạp.

Trong tất cả các nước châu Á, Nhật Bản là nước duy nhất mắc phải một cách trầm trọng nhất chứng bệnh truyền nhiễm là chủ nghĩa tư bản đế quốc. Từ chiến tranh Nga - Nhật, chứng bệnh đó diễn biến ngày càng nguy kịch, lúc đầu bằng sự thon tính Triều Tiên, tiếp đấy là sự tham gia vào cuộc chiến tranh “vì chính nghĩa”.

Để ngăn cản nước Nhật trượt dài đến vực thẳm của hiện tượng phương Tây hoá không thể cứu vãn nổi, nghĩa là để phá tan chủ nghĩa tư bản trước khi nó có thể bắt rễ sâu vào quần đảo Nhật Bản, một đảng xã hội vừa được thành lập. Cũng như tất cả các chính phủ tư sản, Chính phủ Thiên hoàng đã dùng mọi cách mà chúng có thể để chống lại phong trào đó. Cũng như tất cả các lực lượng công nhân ở châu Âu và châu Mỹ, phong trào công nhân Nhật Bản cũng vừa thức tỉnh. Mặc dù sự đàn áp của Chính phủ, phong trào do Đảng Xã hội Nhật Bản lãnh đạo vẫn phát triển khá nhanh.

Các đại hội đảng bị cấm ở các thành phố Nhật Bản, những cuộc đình công, những cuộc biểu tình của dân chúng vẫn nổ ra.

Trung Quốc, trước kia và hiện nay vẫn là con bò sữa của tư bản Âu, Mỹ. Nhưng sự thành lập chính quyền của nhà cách mạng Tôn Dật Tiên ở phía Nam, đã hứa hẹn với chúng ta một nước Trung Hoa được tổ chức lại và vô sản hoá. Có thể hy vọng một cách không quá đáng rằng, trong một tương lai gần đây, hai chị em - nước Trung Hoa mới và nước Nga công nhân - sẽ nắm tay nhau trong tình hữu nghị để tiến lên vì lợi ích của nền dân chủ và nhân đạo.

Bây giờ, chúng ta hãy đi đến châu Á đau khổ.

Nước Triều Tiên nghèo đói đang ở trong tay chủ nghĩa tư bản Nhật. Ấn Độ - xứ Ấn Độ đông dân và giàu có - bị đè nặng dưới ách bọn bóc lột người Anh. May sao, ý chí giải phóng đang làm sôi sục tất cả những người bị áp bức đó, và một cuộc cổ động cách mạng sôi nổi đang lay chuyển tinh thần Ấn Độ và Triều Tiên. Tất cả mọi người đều chuẩn bị một cách từ từ nhưng khôn khéo cho cuộc đấu tranh tối cao và giải phóng.

Và Đông Dương! Xứ Đông Dương bị chủ nghĩa tư bản Pháp bóc lột, để làm giàu cho một số cá mập! Người ta đưa người Đông Dương vào chỗ chết trong cuộc chém giết của bọn tư bản để bảo vệ những cái gì mà chính họ không hề biết. Người ta đầu độc họ bằng rượu cồn và thuốc phiện. Người ta kìm họ trong ngu dốt (cứ 10 trường học thì có 1.000 đại lý thuốc phiện chính thức). Người ta bịa đặt ra những vụ âm mưu để cho họ nếm những ân huệ của nền văn minh tư sản ở trên máy chém, trong nhà tù hay đày biệt xứ!

75 nghìn kilômét vuông đất đai¹⁾, 20 triệu dân bị bóc lột tàn nhẫn trong tay một nhúm kẻ cướp thực dân, đấy là xứ Đông Dương hiện nay. Bây giờ hãy xét những lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập vào châu Á dễ dàng hơn là ở châu Âu.

Người châu Á - tuy bị người phương Tây coi là lạc hậu - vẫn hiểu rõ hơn hết sự cần thiết phải cải cách toàn bộ xã hội hiện tại. Và đây là lý do tại sao:

Gần 5.000 năm trước đây, Hoàng đế (2.679 trước C.N) đã áp dụng chế độ tinh diền: ông chia đất đai trồng trọt theo hai đường dọc và hai đường ngang. Như vậy sẽ có chín phần bằng nhau. Người cày ruộng được lĩnh mỗi người một phần trong 8 miếng, miếng ở giữa tất cả đều cùng làm và sản phẩm được sử dụng vào việc công ích. Những đường phân giới được dùng làm mương dẫn nước.

Triều đại nhà Hạ (2.205 trước C.N) đặt ra chế độ lao động bắt buộc.

Khổng Tử vĩ đại (551 trước C.N) khởi xướng thuyết đại đồng và truyền bá sự bình đẳng về tài sản²⁾. Ông từng nói: thiên hạ sẽ thái bình khi thế giới đại đồng. Người ta không sợ thiếu, chỉ sợ có không đều. Bình đẳng sẽ xoá bỏ nghèo nàn, v.v..

Học trò của Khổng Tử là Mạnh Tử, tiếp tục tư tưởng của thầy và vạch ra một kế hoạch chi tiết để tổ chức sự sản xuất và tiêu thụ. Sự bảo vệ và phát triển lành mạnh của trẻ em, sự giáo dục và lao động

1) Số liệu này có thể do báo in nhầm. Diện tích Đông Dương là 745.000 km² (B.T).

2) Bản chất học thuyết của Khổng Tử là nặng về đẳng cấp, đề cao tầng lớp thống trị. Ở đây nêu lại thuyết đại đồng của Khổng Tử là Nguyễn Ái Quốc muốn gắn với cuộc đấu tranh vì sự công bằng và bình đẳng trong xã hội thuộc địa (B.T).

cưỡng bức đối với người lớn, sự lén án nghiêm khắc thói ăn bám, sự nghỉ ngơi của người già, không có điều gì đề án của ông không đề cập đến. Việc thủ tiêu bất bình đẳng về hưởng thụ, hạnh phúc không phải cho một số đông mà cho tất cả mọi người, đấy là đường lối kinh tế của vị hiền triết.

Trả lời một câu hỏi của vua, ông đã nói thẳng thắn: dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh¹⁾.

Về của cải tư hữu, luật pháp An Nam cấm mua bán toàn bộ đất đai. Hơn nữa, một phần tư đất tròng trọt bắt buộc phải để làm của chung. Cứ ba năm người ta chia lại ruộng đất đó. Mỗi người dân trong xã thôn được nhận một phần. Điều đó không hề ngăn cản một số người trở nên giàu có, vì còn ba phần tư đất đai khác có thể mua bán, nhưng nó có thể cứu nhiều người khác thoát cảnh bần cùng.

Cái thiếu đối với chúng tôi, mà trách nhiệm của chúng tôi phải nói lên ở đây để những đồng chí của chúng ta có nhiệt tình truyền bá chủ nghĩa cộng sản và thực tâm muốn giúp đỡ những người lao động lật đổ ách của những kẻ bóc lột và đi vào gia đình chung của giai cấp vô sản quốc tế, để cho những đồng chí đó có thể giúp đỡ chúng tôi một cách có hiệu quả. Cái mà chúng tôi thiếu để trở thành cộng sản, là những điều kiện cơ bản nhất để hành động:

Tự do báo chí,

Tự do du lịch,

Tự do dạy và học,

Tự do hội họp (tất cả những cái này đều bị những kẻ khai hóa thuộc địa ngăn cấm chúng tôi một cách dã man).

Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức tinh thần để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.45-48.

1) Có thể hiểu là: Dân là quý, xã tắc đứng thứ hai, vua xem là nhẹ (B.T).

BÁO CÁO¹⁾

DỰ THẢO

Pari, ngày 20/11/1921

Tiểu ban Đông Dương thuộc Pháp trong Ban Nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản được giao trách nhiệm phát biểu ý kiến về hoạt động cần tiến hành ở Viễn Đông nhằm tạo ra và phát triển một phong trào cộng sản cách mạng, xin trình bày:

1. Tiểu ban bác bỏ mọi kiến nghị về kinh tế hoặc chính trị nhằm cải thiện, cải cách hoặc đạt một tiến bộ nào đó, điều này, trong chế độ tư bản, chỉ phục vụ chính quyền hiện nay và giúp vào sự củng cố nó.

2. Nhận thấy rằng các giai cấp thống trị coi các thuộc địa Pháp không chỉ là một kho vô tận nguyên liệu, người bản xứ thuần túy là những con vật kéo nặng sản xuất ra những thứ đó, mà bọn kẻ thù giai cấp của chúng ta còn coi những nước hải ngoại đó là nguồn cung cấp những đội quân phản cách mạng.

Do đó, công tác tuyên truyền cách mạng và chống quân phiệt cần được tiến hành dưới sự lãnh đạo và đôn đốc của Đảng, trong tất cả các thuộc địa của Pháp và xứ gọi là bảo hộ.

Công tác tuyên truyền này thực hiện:

a) bằng các báo chí xuất bản ở Pháp.

b) bằng diễn đàn của các Đại hội của chúng ta và khi cần, bằng diễn đàn của nghị viện.

c) bằng các hội nghị.

d) bằng mọi phương thức thích hợp với đối tượng, với trình độ giáo dục và văn minh của quần chúng bản xứ ở các thuộc địa.

1) Tài liệu đánh máy, tiếng Pháp, không ký tên, lưu trữ tại CAOM, SLOTFOM, Série III, cặp số 3, hồ sơ của Hội Liên hiệp thuộc địa (Pháp) (B.T).

Bản trình bày sơ lược trên đây chỉ là một thông báo bước đầu. Ban nghiên cứu thuộc địa của phân bộ Pháp của Quốc tế Cộng sản cho rằng việc nghiên cứu các vấn đề thuộc địa từ nay về sau phải là bộ phận không tách rời các đề cương đưa lên Quốc tế Cộng sản, vì cách mạng cộng sản chủ nghĩa không chỉ có mục đích ở châu Âu mà còn ở toàn thế giới. Vì vậy, không được để một nơi nào trên thế giới, do cẩu thả hoặc không am hiểu vấn đề, lọt ra ngoài những hoạt động có ích cho mục đích cách mạng cộng sản chủ nghĩa.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.475-476.

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN VÀ CÁC THUỘC ĐỊA¹⁾

Dại hội lần thứ II của Quốc tế Cộng sản họp vào tháng 8/1920 đã tuyên bố trong những luận cương của Đại hội về những vấn đề thuộc địa rằng:

“Đại chiến ở châu Âu và những kết quả của nó đã chỉ rõ rằng quân chúng ở những nước phụ thuộc ngoài châu Âu gắn bó với phong trào vô sản châu Âu một cách tuyệt đối và đó là hậu quả không thể tránh được do sự tập trung của chủ nghĩa tư bản thế giới...”.

“Quốc tế Cộng sản phải mở rộng phạm vi hoạt động của mình. Nhiệm vụ của nó là tổ chức giai cấp công nhân toàn thế giới để lật đổ nền thống trị tư bản chủ nghĩa và thiết lập chủ nghĩa cộng sản”.

Những chỉ thị đó là cần thiết hàng đầu đối với Đảng Cộng sản Pháp, bởi vì giai cấp tư sản nước này thống trị những thuộc địa mà dân số có tới 40 triệu người.

Những thuộc địa bị các giai cấp thống trị coi là kho chứa nguyên liệu cơ bản mà để làm ra chúng, dân bản xứ bị người ta coi là những con vật kéo xe, như là nơi tiêu thụ dành riêng cho thương nghiệp chính quốc; và cũng là nguồn cung cấp cho chủ nghĩa quân phiệt binh lính cho những cuộc chiến tranh sắp tới do sự đối kháng giữa chủ nghĩa đế quốc kình địch của những nước khác nhau đang chuẩn bị.

Hàng chục nghìn người dân thuộc địa đã chết trong cuộc chiến tranh châu Âu. Hàng chục nghìn người khác còn phải làm nô lệ cho chủ nghĩa quân phiệt Pháp; trong suốt thời kỳ “hoà bình ở tình trạng chiến tranh” nó phái họ sang Đức, Xilixi, Xyri, với khí hậu độc hại nhất đến chết người đối với những con người xứ nóng ấy. Người ta đưa người chính quốc vào quân đội với danh nghĩa quốc phòng: chiêu bài này chỉ có thể dùng ở những thuộc địa mới bị thôn tính; ở đấy, người ta tuyển những người châu Phi và những người châu Á bằng những lời hứa dối trá cho tiền bạc hay cho chiến lợi phẩm,

1) Tại Đại hội lần thứ I Đảng Cộng sản Pháp họp ở Mácxây, phiên họp thứ 9, buổi chiều thứ năm, ngày 29/12/1921, sau khi Phrốtxa phát biểu, Chủ tọa giới thiệu Nguyễn Ái Quốc lên đọc bản Dự thảo nghị quyết này (B.T).

1
9
2
1

bằng rượu, bằng sự chuyên chế hành chính, hoặc là (khi những phương sách đó thất bại) bằng bạo lực, khủng bố và những sự hành quyết làm gương. Qua miệng Mănggianh, chủ nghĩa quân phiệt Pháp khoe khoang họ sử dụng 400.000 lính bản xứ; về thực tế và bằng những phương sách duyệt thêm, nó có thể đưa lên một hoặc hai triệu người châu Phi và người châu Á. Như thế, nó hy vọng có được những vật hy sinh dễ bảo hơn là công nhân và nông dân Pháp, và cũng là sử dụng được những lứa quân dịch thuộc địa, những công cụ mù quáng để áp bức và đè bẹp giai cấp vô sản châu Âu.

Ngoài sự cần thiết chống lại nguy cơ đối với phong trào giải phóng vô sản là sự can thiệp tuyêt đối của chủ nghĩa tư sản chính quốc đối với dân cư bản xứ bị ép vào trại lính, cần phải thấy được rằng trong một thời kỳ cách mạng, giai cấp tư sản sử dụng những thuộc địa làm nơi trốn tránh của lực lượng phản cách mạng hay ít nhất cũng dựa vào đấy để tổ chức ra nó. Ngay từ bây giờ chúng ta phải dự phòng sách lược này và muốn vậy chúng ta phải cố gắng tranh thủ cảm tình của quần chúng bản xứ và giáo dục họ bằng cách chỉ ra rằng những nỗi đau khổ của họ cũng có cùng nguyên nhân với đau khổ của giai cấp công nhân ở chính quốc. Đề ra nhiệm vụ này chưa phải là tất cả mà còn phải dốc lòng làm những nhiệm vụ thực tiễn phát sinh từ đó. Điều đó không dễ, vì nhiều lẽ:

a/ Thứ nhất, ở trong Đảng Cộng sản còn chưa có truyền thống vững vàng về mặt hoạt động thuộc địa. Quốc tế thứ hai gần như hoàn toàn thờ ơ với việc tạo ra ở thuộc địa phong trào đối kháng chống lại chủ nghĩa tư bản mà bằng lòng với việc đưa ra những bản tuyên bố của chủ nghĩa cải lương lập lò và vô hiệu quả. Vậy ngày nay Đảng Cộng sản phải tổ chức tất cả.

b/ Điều làm cho phức tạp và khó khăn của sự nghiệp này cũng chính là sự khác nhau của các loại thuộc địa hợp thành lãnh thổ thuộc địa Pháp. Vì thế, những phương sách hoạt động không giống nhau và phải thay đổi theo từng nhóm thuộc địa lớn. Về đại thể, người ta có thể chia các thuộc địa làm 5 loại như sau: Bắc Phi, Tây Phi và châu Phi xích đạo, Đông Dương, Mađagátxca, các thuộc địa cũ.

c/ Một khó khăn khác là thiếu khả năng tự giải phóng ở hầu hết những người bản xứ. Họ không có quá khứ cách mạng; trong nhiều thuộc địa họ quen thói nô lệ và còn chưa nhận khả năng tự giải thoát khỏi cảnh đó. Nỗ lực của chúng ta nhằm giải phóng họ và dắt dẫn họ, và qua đó, hành động cách mạng của chúng ta sẽ không được họ ủng hộ nghiêm chỉnh, ít ra là lúc bắt đầu ở những nước có chế độ chuyên chế độc đoán.

Bằng bất cứ cách nào những khó khăn đó cũng không thể biện minh cho việc Đảng Cộng sản từ bỏ một chính sách thuộc địa thực tế và có kết quả. Nếu chúng ta nêu ra những điều đó cốt chỉ ra ích lợi của một tổ chức đặc biệt chuyên lo tuyên truyền cộng sản thành công.

Tổ chức đặc biệt này, Ban lãnh đạo đã chuẩn bị lập một Ban nghiên cứu thuộc địa trong trụ sở Đảng.

Ban này là một cơ quan tư vấn tuyển người trong số các chuyên gia, nghĩa là những đảng viên có hiểu biết về các thuộc địa để đến đó sinh sống.

Nó có nhiệm vụ thu thập tài liệu về thuộc địa, cung cấp cho các Đại hội đảng và trong thời gian giữa hai đại hội, cho Ban lãnh đạo những kết luận có thể cho phép ra những quyết định thích hợp về mặt học thuyết, tuyên truyền và sách lược.

Ban nghiên cứu thuộc địa đã thảo một bản tường trình về tình hình hiện nay của các nhóm thuộc địa khác nhau, xác định rõ ràng những yêu cầu chủ yếu về loại kinh tế, chính trị, và xã hội mà người bản xứ cũng như người lao động chính quốc sống ở thuộc địa cảm nhận thấy. Từ sự kiểm chứng những nhu cầu đó, Ban đã rút ra những kết luận, những quy tắc sách lược thích hợp qua việc vận dụng chúng, để gây nên ở thuộc địa một phong trào đổi lập chống chủ nghĩa tư bản và phong trào gây cảm tình với cộng sản.

Vì chương trình nghị sự của Đại hội Mácxây quá nặng nề báo cáo này của Ban nghiên cứu thuộc địa, đáng tiếc là không thể được xem xét và thảo luận ở đó được. Nhưng điều mà người ta có thể trông đợi ở Đại hội Mácxây, trước hết là Đại hội tán thành nguyên tắc thành lập một cơ quan đặc biệt phụ trách chính sách về thuộc địa của Đảng, tiếp đó là uỷ quyền cho Ban lãnh đạo thấy rõ: 1/ Tiếp tục và mở rộng nhiệm vụ chuẩn bị đã được khởi đầu. 2/ Trình bày ở Đại hội sau của Đảng một luận cương về thuộc địa đã được nghiên cứu nghiêm túc để Đại hội thảo luận đến nơi đến chốn sao cho từ đó Đảng có một chính sách thuộc địa rõ ràng, có phương pháp và thiết thực.

Bởi vậy, chúng tôi đề nghị Đại hội thông qua nghị quyết dưới đây:

“Đại hội lần thứ I của Đảng Cộng sản Pháp, họp ở Mácxây sau khi nghe bản báo cáo do Ban lãnh đạo thay mặt Ban nghiên cứu thuộc địa trình bày, chỉ ra sự cần thiết trong thời gian ngắn nhất phải tạo ra một phong trào đối kháng mang tinh thần cộng sản, chống chủ nghĩa tư bản và hai hình thức đặc biệt của nó là chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa pháo thuyền ở các thuộc địa”.

“Xét tính phức tạp của vấn đề thuộc địa, vì có sự không thuần nhất của các thuộc địa và xét sự phát triển về kinh tế, chính trị và xã hội thường chậm chạp của dân bản xứ, đồng thời xét đến sức mạnh của chế độ chuyên chế hành chính mà họ là nạn nhân”.

“Chuẩn y nguyên tắc lập thành một cơ quan đặc biệt chuyên nghiên cứu và sưu tập tư liệu về thuộc địa là cơ quan tư vấn, đặt dưới quyền kiểm tra của Ban lãnh đạo”.

“Giao cho Ban này bằng mọi phương sách cần thiết nhằm tích cực tuyên truyền ngay từ bây giờ về thuộc địa trong khi chờ đợi một dự án hoàn chỉnh và chi tiết về hoạt động thuộc địa được thảo luận ở Đại hội tới của Đảng”.

“Đặc biệt Đại hội đề nghị Ban lãnh đạo dành một mục để nghiên cứu vấn đề này trên báo *L'Humanité* và trong các sách, báo và ấn phẩm của Đảng”.

“Đại hội đề nghị các ban nói chung, đặc biệt là các ban tồn tại ở các thuộc địa hay ở những thành phố có quan hệ thường xuyên với các thuộc địa đó cũng như những người cộng sản biệt lập thuộc mọi chủng tộc, hợp tác ngay từ bây giờ với Ban nghiên cứu thuộc địa”.

Tháng 12 năm 1921

BAN NGHIÊN CỨU THUỘC ĐỊA

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.1, tr.477-481.*

1
9
2
1

UNION INTERCOLONIALE.

Chers Compatriotes,

Si "l'Union fait la force", n'est pas une vaine expression,

Si vous voulez que nous nous aidions mutuellement,

Si vous voulez défendre vos intérêts et les intérêts de nos frères dans les colonies,

Adhérez à :

L'Union Intercoloniale.

EXTRAIT DES STATUTS.

ARTICLE 2.- Cette Union a pour but de grouper et de guider les coloniaux habitant en France,

d'éclairer sur les choses de France ceux qui sont aux colonies, dans le but de solidarité,

de discuter et d'étudier toutes les questions de politique et d'économie coloniales.

ARTICLE 4.- Les membres actifs payent une cotisation trimestrielle de 9 francs.

ARTICLE 10.- Les membres pourront, en tout temps, s'adresser au Bureau de l'Union pour s'informer des avantages que l'Association réserve à ses membres.

ARTICLE 13.- L'Association prêtera aide et assistance à tous les affiliés des groupements adhérents.

ARTICLE 14.- Il sera fait à tous les membres, dans la mesure des fonds disponibles, l'envoi des revues, journaux et feuilletons relatifs à la vie coloniale et con-

440

sacrant à la défense des coloniaux.

COMITÉ EXECUTIF.

Pour : INDOCHINE.....	NGUYEN-AI-QHAI	(Retoucheur)
LA REUNION.....	BARQUISSAU	(Avocat)
DAHOMEY.....	M. BLONCOUR	(Avocat)
GUADELOUPE.....	JEANBAPTISTE	(Négociant)
LES ANTILLES....	MORINDE	(Commerçant)
GUYANE.....	HONORIEU	(Directeur du R.C)
MARTINIQUE.....	MONNERVILLE	(Représentant de Commerce).

Envoyez votre adhésion à :

MONNERVILLE, 9, Rue Valette, Paris, Vème.
ou à NGUYEN AI QUAI, 9, Impasse Compoin, Paris, XVIIe.

441

Văn bản của Hội Liên hiệp thuộc địa kêu gọi người dân các nước thuộc địa sống tại Pháp tham gia Hội, có trích Điều lệ hoạt động của Hội và trong danh sách các thành viên điêu hành có Nguyễn Ái Quốc, năm 1921

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

1
9
2
1

HỘI LIÊN HIỆP THUỘC ĐỊA

Đồng bào thân mến,

Nếu câu phương ngôn “Đoàn kết làm ra sức mạnh” không phải là một câu nói suông,

Nếu đồng bào muốn giúp đỡ lẫn nhau,

Nếu đồng bào muốn bênh vực cho quyền lợi của bản thân mình, cũng như quyền lợi của tất cả đồng bào ở các xứ thuộc địa,

Hãy gia nhập *Hội Liên hiệp thuộc địa*.

ĐIỀU LỆ TRÍCH YẾU

Điều 2. Mục đích của Hội là tập hợp và hướng dẫn cho mọi người dân các xứ thuộc địa hiện sống trên đất Pháp để; soi sáng cho những người dân ở thuộc địa về tình hình mọi mặt ở nước Pháp nhằm mục đích *đoàn kết họ*; thảo luận và nghiên cứu tất cả những vấn đề chính trị và kinh tế của thuộc địa.

Điều 4. Tất cả hội viên phải đóng hội phí 3 tháng một kỳ là 9 phrăng.

Điều 10. Tất cả hội viên bất kỳ lúc nào, đều có thể gửi thư đến trụ sở của Hội để yêu cầu những điều lợi ích mà Hội dành riêng cho các hội viên của mình.

Điều 13¹⁾. Hội sẵn sàng giúp đỡ và cứu trợ cho mọi hội viên của các nhóm đã gia nhập Hội.

Điều 14²⁾. Trong phạm vi tài chính sẵn có, Hội có thể cung cấp cho tất cả hội viên những báo chí và tài liệu có liên quan đến sinh hoạt của các thuộc địa, hoặc chuyên lo bênh vực cho các thuộc địa.

1), 2) Có bản chụp các điều 13 và 14 trên đây, nhưng đánh số là *điều 15 và 19*, nội dung các điều đều giống nhau (B.T).

BAN CHẤP HÀNH:

Đại diện:

- Đông Dương: Nguyễn Ái Quốc (thợ sửa ảnh)
Đảo Réunion: Bác Kítô (trạng sư)
Đahomay: M. Blongcua (trạng sư)
Goadolup: Giảng Báptixtơ (nhà buôn)
Quần đảo Ăngtio: Môranhđơ (nhà buôn)
Máctinich: Môngnécvin (đại diện thương mại)
Guyan: Ông Oriang (Chủ nhiệm), Giám đốc Hội chữ thập đỏ.
Đồng bào hãy gửi đơn xin vào hội cho Môngnécvin, 9, Phố Valéttơ, quận 5, Pari; hoặc cho Nguyễn Ái Quốc, 9, Ngõ Công poanh, quận 17, Pari.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.482-483.

1
9
2
1

NĂM 1922

1
9
2
2

Một đoạn bản *Tuyên ngôn* của Hội Liên hiệp
thuộc địa do Nguyễn Ái Quốc (trong Ban
Chấp hành của Hội) soạn thảo

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

LE RÉVEIL DES ESCLAVES

117

que lorsque nous aurons réussi à arracher ces fondements de l'édifice impérialiste. A ce point de vue, l'organisation des syndicats dans les pays coloniaux acquiert une importance particulièrement grave. Les partisans de l'L. S. R. n'ont presque rien fait en ce sens, ni en Egypte, ni en Tunisie, ni dans tous les pays qui sont sous la botte de l'impérialisme français. La liaison qui existe entre les divers groupes ouvriers des colonies françaises et les syndicats français n'est que l'effet du hasard. Nul travail systématique n'est poursuivi. Or, il est de toute évidence qu'avant d'avoir conquis les masses des colonies, nous serons impuissants à saper l'organisme impérialiste. Ce qu'il faut, c'est entreprendre un grand travail de propagande pour créer dans les pays coloniaux des organisations syndicales et développer les syndicats existant sous une forme embryonnaire. Il est nécessaire également que nous surmontions la méfiance des travailleurs des colonies à l'égard des représentants des races dominatrices, en leur montrant la fraternité effective de classe entre les ouvriers de toutes nations et de toutes races. La liaison organique des syndicats coloniaux avec ceux de la métropole ne peut être que le résultat d'un travail très long dans les colonies.

Ne pas oublier les travailleurs des colonies, aider leurs organisations, lutter constamment contre les gouvernements des métropoles qui oppriment les colonies, voilà l'un des devoirs les plus impérieux de tous les syndicats révolutionnaires, surtout dans les pays dont la bourgeoisie asservit et exploite les pays coloniaux et semi-coloniaux.



MANIFESTE DE L' « UNION INTERCOLONIALE » ASSOCIATION DES INDIGENES DE TOUTES LES COLONIES

« Frères des Colonies ! En 1914, les Pouvoirs publics aux prises avec un effroyable cataclysme, se sont tournés vers vous et vous ont demandé alors de consentir votre part de sacrifice pour la sauve-

MẤY Ý NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA

Từ khi Đảng Cộng sản Pháp đã thừa nhận 21 điều kiện của Mátxcơva và gia nhập Quốc tế thứ ba, Đảng đã tự đặt cho mình một nhiệm vụ đặc biệt khó khăn trong số các nhiệm vụ khác: chính sách thuộc địa. Đảng không thể thoả mãn với những bản tuyên ngôn chỉ thuần là bằng tình cảm và không có kết quả gì như thời Quốc tế thứ nhất và Quốc tế thứ hai nữa, mà cần phải có một kế hoạch hoạt động chính xác, một chính sách có hiệu quả và thiết thực.

Trong vấn đề này, Đảng gặp nhiều khó khăn hơn mọi vấn đề khác, và đây là những khó khăn chủ yếu:

1. Diện tích các thuộc địa rất rộng. - Không kể những “khu vực uỷ trị” mới, lấy được từ sau chiến tranh, nước Pháp có:

Ở châu Á, 450.000 km²; ở châu Phi, 3.541.000 km²; ở châu Mỹ, 108.000 km²; ở châu Đại Dương, 21.600 km². Tổng cộng: 4.120.000 km² (gần gấp tám lần diện tích nước Pháp) với một dân số là 47.000.000 người. Số dân đó nói hơn 20 thứ tiếng khác nhau. Tình trạng có nhiều tiếng nói khác nhau như vậy làm khó khăn cho công tác tuyên truyền, bởi vì trừ mấy thuộc địa cũ ra, thì một tuyên truyền viên người Pháp chỉ có thể nói chuyện với quần chúng bản xứ qua người phiên dịch mà thôi. Mà phiên dịch thì khó nói lên được hết ý, và lại trong những xứ bị cai trị một cách độc đoán ấy, thật khó mà tìm ra được một người phiên dịch những lời lẽ cách mạng.

Lại còn những trở ngại khác nữa. Tuy người dân bản xứ ở tất cả các thuộc địa đều là những người bị áp bức và bóc lột như nhau, nhưng trình độ văn hóa, kinh tế và chính trị giữa xứ này với xứ khác lại rất khác nhau. Giữa An Nam với Cônggô, Máctinich hay Tân Đảo, hoàn toàn không giống nhau chút nào, trừ sự cùng khổ.

2. Tình trạng thờ ơ của giai cấp vô sản chính quốc đối với các thuộc địa. - Trong những luận cương về vấn đề thuộc địa, Lenin đã tuyên bố rõ rệt rằng “nhiệm vụ của công nhân ở các nước đi chiếm thuộc địa là phải giúp đỡ một cách tích cực nhất phong trào giải phóng của các nước phụ

thuộc". Muốn thế, công nhân ở chính quốc cần phải biết rõ thuộc địa là cái gì, phải biết những việc gì đã xảy ra ở thuộc địa, biết rõ nỗi đau khổ - hàng nghìn lần đau khổ hơn công nhân ở chính quốc - những người anh em của họ, những người vô sản thuộc địa phải chịu đựng. Tóm lại là công nhân ở chính quốc phải quan tâm đến vấn đề thuộc địa.

Tiếc thay, một số đông chiến sĩ vẫn còn tưởng rằng, một thuộc địa chẳng qua chỉ là một xứ dưới đầy cát và trên là mặt trời, vài cây dừa xanh với mấy người khác màu da, thế thôi. Và họ hoàn toàn không để ý gì đến.

3. Tình trạng dốt nát của người dân bản xứ. - Trong tất cả các nước thuộc địa, ở cái xứ Đông Dương già cỗi kia cũng như ở xứ Đahomây trẻ trung này, người ta không hiểu đấu tranh giai cấp là gì, lực lượng giai cấp vô sản là gì cả, vì một lẽ đơn giản là ở đó không có nền kinh doanh lớn về thương nghiệp hay công nghiệp, cũng không có tổ chức công nhân. Trước con mắt người dân bản xứ, chủ nghĩa bônsêvích - danh từ này vì thường được giai cấp tư sản dùng đến luôn, nên đặc sắc hơn và mạnh mẽ hơn - có nghĩa là: hoặc sự phá hoại tất cả, hoặc sự giải phóng khỏi ách nước ngoài. Nghĩa thứ nhất gán cho danh từ ấy làm cho quần chúng vô học và nhút nhát xa lánh chúng ta; nghĩa thứ hai thì dẫn họ đến chủ nghĩa quốc gia. Cả hai điều đó đều nguy hiểm cả. Chỉ có một số ít người trong nhân dân hiểu được thế nào là chủ nghĩa cộng sản. Nhưng số người thượng lưu ấy, - thuộc giai cấp tư sản bản xứ¹⁾ và là cột trụ của giai cấp tư sản thực dân, - cũng không thích thú gì việc chủ nghĩa cộng sản được người ta hiểu và được truyền bá rộng rãi cả. Trái lại, giống như con chó trong chuyện ngũ ngôn, họ lại thích đeo cái vòng cổ để kiểm miếng xương của chủ. Nói chung, quần chúng căn bản là có tinh thần nổi dậy, nhưng còn rất dốt nát. Họ muốn giải phóng, nhưng họ chưa biết làm cách nào để đạt được mục đích ấy.

4. Những thành kiến. - Vì giai cấp vô sản ở cả hai đảng đều không hiểu lẫn nhau, nên đã nảy ra những thành kiến. Đối với công nhân Pháp, thì người bản xứ là một hạng người thấp kém, không đáng kể, không có khả năng để hiểu biết được và lại càng không có khả năng hoạt động. Đối với người bản xứ, những người Pháp - mặc dầu họ là hạng người nào cũng đều là những kẻ bóc lột độc ác. Chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản không bỏ lỡ dịp lợi dụng sự nghi kỵ lẫn nhau đó và sự phân biệt đẳng hạng giả tạo về nòi giống đó để ngăn cản việc tuyên truyền và để chia rẽ những lực lượng đáng phải đoàn kết lại.

1) Nguyên bản: *La bourgeoisie autochtone* (B.T).

5. Đàn áp dã man. - Nếu bọn thực dân Pháp rất vụng về trong việc phát triển nền kinh tế ở thuộc địa, thì họ lại là những tay lão luyện trong nghề đàn áp dã man và trong việc chế tạo ra cái lòng trung thành bắt buộc. Những người như ông Găngđi và ông Đờ Valora có lẽ đã lên thiên đàng từ lâu rồi nếu các ông ấy sinh ở một trong những thuộc địa của Pháp. Bị tất cả mọi thứ thủ đoạn thâm hiểm của các tòa án quân sự và tòa án đặc biệt vây xung quanh, một người chiến sĩ ở bản xứ khó lòng tiến hành việc giáo dục đồng bào bị áp bức và dốt nát của mình mà không sa vào nanh vuốt của các nhà đi khai hóa cho họ.

Trước những khó khăn ấy, Đảng phải làm gì?

Tăng cường công tác tuyên truyền của Đảng để khắc phục.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.79-82.

1
9
2
2

1
9
2
2



Báo *Le paria* - cơ quan ngôn luận của Hội Liên hiệp thuộc địa, do Nguyễn Ái Quốc và một số nhà hoạt động cách mạng của các nước thuộc địa sáng lập, xuất bản ở Paris từ năm 1922 đến năm 1926

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
2
2

Tranh đả kích do Nguyễn Ái Quốc vẽ, đăng trên báo Le Paria

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

Afrique	50	-
Gentilhomme de Tonky	50	-
Després	40	-
Chillet	5	-
X... (179)	2	-
Thayet	5	-
TOTAL	162	-

Extrait : memorandum dans le journal du Paix
1919
(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)



Tranh đả kích do Nguyễn Ái Quốc vẽ, đăng trên báo Le Paria

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
2
2

Lettre ouverte à M. Albert Sarraut Ministre des Colonies

Excellence,

Nous savons parfaitement bien que votre affection pour les indigènes des colonies en général, et en particulier pour les Annamites, est grande.

Sous votre proconsulat, le peuple d'Annam a connu la vraie prospérité et le réel bonheur, bonheur de voir pulluler dans tout le pays des débits d'alcool et d'opium qui, concurremment avec les fusillades, la prison, la démocratie et tout l'appareil perfectionné de la civilisation moderne, rendent l'Annamite le plus avancé des Asiatiques et le plus heureux des mortels.

Cet acte de bienveillance nous évite la peine de retracer tous les autres : tels que le recrutement et l'emprunt forcés, les répressions sanglantes, le détrônement et l'exil d'un roi, la profanation des lieux sacrés, etc.

Comme dit un poète chinois : « Le vent de la tendresse suit le mouvement de votre éventail et la pluie de la vertu précède la trace de votre voiture. » Devenu suprême chef de toutes les colonies, votre sollicitude particulière pour les Indochinois ne fait qu'augmenter avec votre grandeur. Vous avez créé, à Paris même, un service spécialement chargé — surtout pour l'Indochine, précisément un organe colonial — de surveiller les indigènes résidant en France.

Mais « surveiller » seulement paraissait insuffisant à la pitié paternelle de Votre Excellence, et Elle a voulu faire mieux. C'est pourquoi, depuis quelque temps, Elle a octroyé à chaque Annamite — cher Annamite, comme dit V. E. — des aides de camp particuliers. Bien que très primaires dans l'art de Sherlock Holmes, ces braves gens sont très dévoués et particulièrement sympathiques. Nous n'avons que des louanges à faire à leur égard, et des compliments à faire à l'égard de leur chef, Votre Excellence.

Nous sommes sincèrement touchés de l'honneur que Votre Excellence a eu l'extrême bonté de nous faire, et nous l'aurions accepté avec la reconnaissance la meilleure si cet honneur ne nous paraissait pas un peu superflu et s'il n'excite pas des envies et des jalousies.

Au moment où le Parlement cherche à faire des économies, à comprimer le personnel des administrations ; où le budget se trouve largement troué ; où l'agriculture et l'industrie manquent de bras ; où l'on cherche à imposer les salaires des travailleurs, et où la repopulation réclame toutes les énergies productrices, il nous semblerait antipatriotique d'accepter, à un moment pareil, des faveurs personnelles qui occasionnent nécessairement le gaspillage des forces des citoyens condamnés — comme les aides de camp — à l'oisiveté, et la dépense de l'argent péniblement sué par le prolétariat.

Par conséquent, tout en restant votre obligé, nous déclinons respectueusement cette distinction flattueuse pour nous, mais trop coûteuse pour le pays.

Si Votre Excellence voulait absolument connaître ce que nous faisons tous les jours, rien n'est plus facile : nous publierons chaque matin un bulletin de mouvement et Votre Excellence n'aura qu'à se donner la peine de lire.

D'ailleurs, notre emploi du temps est tout à fait simple, et presque invariable :

Le matin : de 8 à 12, à l'atelier.

L'après-midi : au bureau des journaux (de gauche, naturellement) ou à la bibliothèque.

Le soir : dans notre chambre, 9, impasse Compain, Paris (17^e), ou dans des conférences éducatives.

Dimanches et fêtes : visite des musées ou d'autres lieux intéressants.

Voilà !

En espérant que cette méthode commode et rationnelle donnera satisfaction à Votre Excellence, nous lui prions d'agrérer, etc.

Nguyễn Ái Quốc.



Thư ngỏ gửi Anbe Xarô - Bộ trưởng Bộ Thuộc địa của Nguyễn Ái Quốc tố cáo các hoạt động theo dõi người dân thuộc địa nói chung và người dân An Nam nói riêng sống tại Pháp, đăng trên báo *L'Humanité*, ngày 25/7/1922

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

mentos a estos que considero que son mejores que los que han hecho para el control de la vida humana. Es por esto que yo no me considero un comunista. Yo soy un comunista y comunista de los demás pueblos.

Le résultat principal et surtout le plus important obtenu par ces réformes, au cours desquelles une régression, toutefois certaine, a été subie par la partie conservatrice de la classe moyenne, est l'opinion publique en général favorable aux nouvelles dispositions dans la situation des fonds de pension.

table financiers qui n'a cessé de donner l'assurance de nos libertés et de nos adhésions à la grande France qui a progressé, progressé, croissante, dans le respect de l'espoir (ce futur réside dans lequel nous autres à nous de décider l'avenir de l'ordre dans l'ordre et faire venir à population française les garanties demandées), ce qui ne pourra que former en confiance dans notre propre justice et de civilisation et renouer avec les liens indissolubles qui lient l'Amérique à la France.

Ablaufstruktur - Variante

SENÉGAL

Conditions /

Le processus colonialiste d'Angola est parti de l'assassinat de l'aristocrate des Beira qui a été assassiné dans un bar, disent-ils.

On croit qu'il s'agit d'un vaste parti
européen, qui a pris naissance aux Etats-
Unis, dans les esprits des hommes de
guerre. Le cri de guerre des Guerrières,
dans l'Afrique aux Africains ? — Mar-
tin-Garvey ferait — mais entre bien cer-
te de nationalismes tout intégral. Il
est aussi, d'après certaines révélations, ce la
tique de puissances mondial contre le
monde quasi universel de compétition
économique et de guerre capitaliste.

mais il me semble que, au contraire, c'est pour les tentatives et le but pourrit en Afrique occidentale française par partisans de Marcus Garvey, un résultat assez que les Américaines ont obtenu la paix, trop particulièrement, jet de l'attention - des sénateurs républicains, pour qu'il leur soit permis, toutefois, de chercher par ailleurs la vérité et la justice. — II, 2.

LE COMMUNISME EN EXTRÉME-ORIENT

E. Oulry, membre du conseil supé-
r du Collège, depuis directeur du
Collège, etc., estime dans son hél-
lement, ce qui il appelle « le déclinaison
de un propagande communiste, inti-
tulé et signé, etc., etc. Ainsi et dans
la mesure où cela se

INDO-CHINE

Sous l'égide de...

M. Etienne, lorsqu'il était administrateur de la prison de la Santé, à Paris, a été arrêté, et condamné au déportation, les Américains ayant les personnes si à longtemps dans la prison et à ce point de vue des étrangers admis comme à volonté, il a été arrêté pour ces raisons. Il a été libéré dans les dernières, et a été envoyé à faire ses chevaux, leur coûteau le rôle dans lequel il se trouve.

Si le peuple des chasseurs dits prisonniers n'avoit pas éprouvé d'insatisfaction de la part que plusieurs d'entre eux avaient.

Il a déposé une demande de vente en vente privée et il a été à ce niveau dans l'ordre. Il a fait une vente privée avec des personnes qui lui appartiennent et ne les connaît pas et qui sont dans le commerce. Il a obtenu une vente privée dans son entreprise.

Il est difficile à trouver quel que soit le résultat de ces

Walter von Eichenbühl est un jeune francophile et historien de culture, beaucoup plus tard, et un écrivain très actif de théâtre et des sciences sociales.

Pour l'heure présent nos actes de méritation sont le plus grand événement dans la histoire de l'Institut et le chef du conseil de direction approuve ce résultat.

Il s'agissait en fait d'une des deux dernières émissions de l'Em-
ission spéciale.

Le 1^{er} octobre, démission de Mme Scherzer, pour avoir transmis les gars de Béthune, à renvoi, vers l'île de Gravelines. M. Berthe, adjoint à la préfecture, remplace. Pour éviter fait ce qu'il a fait, au moins trois fois dans une de ses séances publiques.

On sait très ce qu'il est devenu ? Il est devenu membre de la commission municipale de Mayenne, l'entière collaboration d'avec M. Marrou et Cottet et le chef de la section des émeutes assignées.

Morone saxatilis L. — *Nigropinnatus*

One question

Est-il vrai que dans la Réserve du gouvernement général de l'Indochine est empêtré un franc-tireur nommé C. T. Quoc C. ayant été tué à Phnom-Penh, oblige les autorités de l'île de l'Amakot (Quangnam) à l'arrêter, et France ayant violé une fois de plus ses droits sous le prétexte que le malais C. a violé un droit de marchandise? Quoc C. Tuan est pourtant tout entier prisonnier, alors ce franc-tireur malaisien, n'est-il pas M. Lang?

L'Amour et le malheur des Juifs de France

Par arrêté de M. Courtois, préfet, le conseil municipal a été nommé à ce que, en remplacement des conseils municipaux de cette ville, dont six membres avaient démissionné, quatre autres étaient dans l'ordre depuis longtemps, et trois autres n'étaient pas en état pour assister à cette partie, parce que les autres administrateurs de la ville, qui se portent plus longtemps au service du peuple. M. Luray, créature de depuis le Constitution, M. Courtois,

M. Thivierge a été désigné pour remplir les fonctions de président de la Commission administrative et des élections au sein même de cette dernière quelques mois.

[View all reviews](#) | [Write a review](#)

Bài của Nguyễn Ái Quốc *Dưới sự bảo hộ của...*
đăng trên báo *L'Humanité*, ngày 17/8/1922

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1922

1
9
2
2

N O T E
de l'agent Boncourt du 28 Septembre 1922
de Villier

Les membres militants de la Société " Le Paria " se sont réunis lundi 25 Septembre courant au siège social 3 rue du Marché des Patriarches.

La séance est ouverte à 21 heures sous la présidence de MONNERVILLE.

Y ont assisté Stéfani, Nguyen Ai Quoc, Bloncourt, un noir qu'il n'a pas été possible d'identifier, Van Ai et un Français nommé Lapogone, ami de Nguyen Ai Quoc.

Bloncourt reçoit de Nguyen Ai Quoc un manuscrit de cinq pages qui doit être publié dans le prochain numéro de "Paria".


Le noir lui remet également un article.

Ces deux manuscrits seront revus et corrigés par Bloncourt qui les remettra à l'imprimeur.

Monnerville demande à Stéfani d'apporter à la prochaine réunion toutes les pièces de comptabilité de caisse afin que les membres du groupe puissent connaître exactement la situation financière.

Stéfani répète que la caisse est vide et qu'il a été du 150 Frs à l'imprimeur et il se demande par quel moyen on va pouvoir faire paraître le prochain numéro du journal.

Lapogone demande à Stéfani de l'accompagner chez l'imprimeur.

Nguyen Ai Quoc reparle du service politique institué au Ministère des Colonies et demande à Bloncourt de vouloir bien s'informer comment fonctionne ce service et surtout de la manière

.....
487

(2)

dont on établit les fiches sur les indigènes des Colonies résidant en France.

Bloncourt répond qu'il va s'en occuper et qu'il tâchera d'obtenir des renseignements précis à ce sujet.

Sur la proposition de Monnerville la prochaine réunion aura lieu vendredi 29 courant et l'Union Intercoloniale tiendra son assemblée mensuelle dimanche 15 Octobre rue St Séverin 16, la salle de la rue des Patriarches, étant trop petite.
¹⁶³

La séance est levée à 22 heures 30.



signé: de Villier

488

Ghi chép của Villier (mật thám Pháp) về nội dung cuộc họp ngày 25/9/1922 của các thành viên báo *Le Paria*, trong đó có đề cập đến việc Nguyễn Ái Quốc muốn tìm hiểu về Bộ Thuộc địa và cách thức hoạt động của Bộ cũng như cách mà họ quản lý thông tin về những người bản địa đến từ các thuộc địa của Pháp đang sống tại Pháp, ngày 28/9/1922

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

1
9
2
2

Marseille 21 Décembre 1922.

NOTE
de l'agent JOLIN

N° 333
adresses de NGUYEN AI QUOC

J'ai l'honneur de vous informer que
NGUYEN AI QUOC se fait adresser des correspondances
16 rue Jacques GALLOT, au journal " CHARIE "

Au mois de Juin dernier, à l'occasion
de la visite de S.M. KHAI DINH à Hanoï, un de nos agents "correspondant" de NGUYEN AI QUOC s'est rendu à Paris. Il a rencontré le
leader du parti révolutionnaire annamite en France avec lequel
il a eu une longue conversation - NGUYEN AI QUOC lui a demandé de
profiter de son retour prochain dans la Colonie pour faire de la
propagande en faveur de la libération du peuple français qui opprime
les indigènes, citant comme toujours l'exemple de l'Irlande, l'Egypte et l'Inde. - NGUYEN AI QUOC a demandé également à son correspondant
de lui procurer une brochure en caractères chinois l'Histoire de
l'Inde du Ky .(1)

Le " correspondant a promis de faire de
la propagande et de lui procurer l'ouvrage en question écrit en
caractères chinois. NGUYEN AI QUOC lui a donné alors une adresse
secrète à laquelle il pourrait écrire pour lui faire ses comptes
rendus à savoir :

Roger BOULANGER 9 rue Ganneron Paris 18^e

J'ai dès ce moment retenu l'hypothèse
d'une plaisanterie ou d'un désir chez QUOC de sonder la sincérité
de son "correspondant" fait commander en Indochine aux frais du
service la brochure Tey du Ky. Dès que j'ai reçu cette brochure, je
l'ai fait adresser à NGUYEN AI QUOC à l'adresse ci-dessus, sans
autre mention.

Expédiée le 20 Novembre sous plis recommandés (voir récépissé de la poste joint) le 27 Novembre NGUYEN AI QUOC
répondait par la lettre dont les photographies sont jointes (deux exemplaires).

Il est donc certain que les correspondants
à cette adresse peuvent parvenir à NGUYEN AI QUOC. Le Contrôle le
plus discret pourrait être exercé de côté, car notre agent qui est
peut-être le seul indigène en possession de cette indication, serait
fatalement découvert, et risquerait des représailles.

signé: JOLIN

(1) Relation d'événements passés sous la Dynastie des Duong.
Le Roi DUONG KHAU TOM envoya en mission de Chef des Bonzes du nom
de

491

(2)

de BAM TAN à Thien Truc (ancien nom de l'Inde) pour se
recourir des ouvrages relatifs à la religion bouddhique.
L'histoire de l'Inde du Ky est donc la nar-
ration du voyage effectué par le Bonze de la Chine dans
l'Inde pour accompagner sa mission.


Une photographie jointe

Signé: JOLIN

492

Ghi chép của Jolin (mật thám Pháp), trong đó có thông tin về địa chỉ liên lạc của Nguyễn Ái Quốc tại Pari (Pháp), ngày 21/12/1922

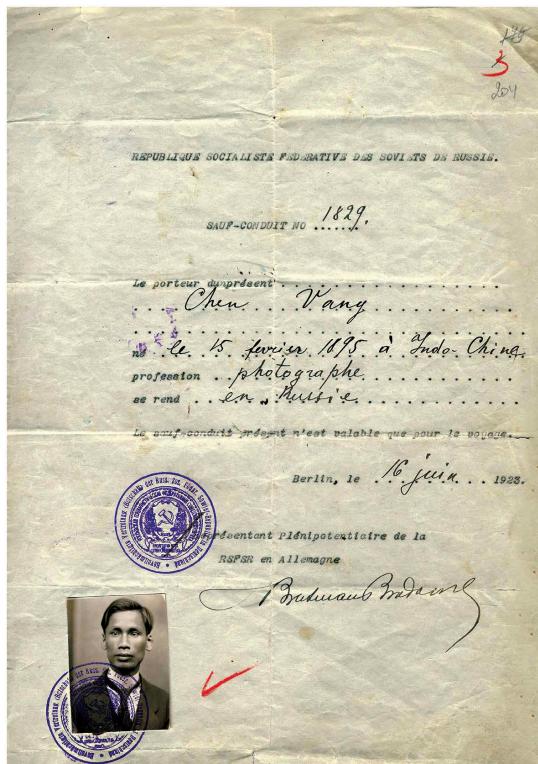
(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

NĂM 1923

1
9
2
3

Báo Le Paria, số 12, ngày 5/2/1923

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)



Giấy thông hành số 1829 ngày 16/6/1923 của Đại diện Toàn quyền Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết tại Béclin (Đức) cấp cho Chen Vang (Nguyễn Ái Quốc) để tới Nga

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)

1
9
2
3

Camarades (W. XXX).
 Les décisions du 11^e Congrès de l'Internationale sur la question des colonies ont produit deux effets simultanés, mais diamétralement opposés. D'une part, l'imperialisme oppresseur — prévoyant les conséquences possibles de cette politique si elle était appliquée strictement — s'est mis sur la garde et redouble ses efforts de propagande, d'obscurantisme et de répression. De l'autre, les populations opprimées des colonies révoltées par l'écho révolutionnaire, tournent instinctivement leur regard vers cette Internationale, seul parti politique qui présente de vraies intérêts d'elles. Cette façon fraternelle et sur laquelle elles mettent tout leur espoir d'émancipation. Des lors, nous aurions pu non seulement démolir le prestige des colonisations exploitative et braqueuse en situation, mais encore transformer la sympathie purement sentimentale et passive que les peuples colonisés avaient pour nous en une sympathie agissante, si les décisions de l'Internationale avaient été appliquées. Malheureusement, ces décisions ne servent, jusqu'à présent, qu'à embellir le papier. Qui n'a fait les sections françaises, anglaises et celles d'autres pays colonisateurs, pour les colonies de leur propre capitalisme ? Out : elle une politique qui protège nos colonies très précis et suivie ? Les militaires de ces sections savent-ils ce que c'est que la colonie et son importance ? Et toutes ces questions, on peut répondre négativement.

Pour les colonies françaises

- a) un comité d'Etudes Coloniales a été créé,
 - b) une chronique coloniale a été ouverte dans "L'Humanité"
 - c) des déclarations en faveur des populations coloniales ont été faites dans les congrès nationaux.
- d) deux tournées de propagande ont été entrepris par des élus du parti. Quelque temps après sa création et lorsque il avait ^{non sans difficulté obtenu} obtenu l'hospitalité dans les colonies de "L'Humanité", le Comité d'Etudes Coloniales avait assez bien fonctionné. Des documents et des nouvelles communiquées à leur ^{émission} échelles coloniales. La campagne menée par lui dans le journal du Parti contre les abus et les crimes commis par la bande coloniale n'a pas tardé à obtenir la sympathie des populations coloniales et à inquiéter l'imperialisme colonial et sa presse. Mais cette tribune coloniale a été bientôt suppressionnée par "L'Humanité". Aussi déposons-nous de l'ami de l'ami et d'activité. Le Comité se trouve immobile. Cela a fait ^{de longs et de grands} plaisir à la presse bourgeoisie, elle qui couvre ^{très régulièrement} des pays extérieurs à la propagande coloniale et qui avait toujours peur ^{de la démolir et dévriter}.

(2)
 Cela a surtout produit des impressions très-pénibles parmi les indigènes. Bien que platoniques, les déclarations faites dans les congrès nationaux en faveur des populations des colonies ont contribué à consolidé la sympathie que celles-ci avaient pour le Parti. Cependant, on ne peut absolument pas répondre toujours la même chose en se faisant rien. Il les malheureux opprimés — nous voyant toujours promettre mais toujours inactif — commencent à se demander si vraiment nous sommes des gens sérieux ou des bluffeurs ! La tournée de nos camarades Vaillant-Couturet et André Grollier en Algérie et en Tunisie, toute faite presque parallèlement avec le premiers mai-cierge des élus bourgeois, a été très apprécier par la population africaine et ~~l'essentiel~~ et ~~encourageant~~. Si des tournées du même caractère étaient continuées dans toutes les colonies, le résultat serait certainement encourageant.
 Mais, au lieu d'entendre la propagande, nous avons laissé échapper ce qu'il fallait, manqué ce qui a été commencé, et échapper les bonnes occasions qui nous sont offertes. Ainsi, nous avons fait très peu de chose pendant la grève sanglante de la Martinique, la famine dans le Nord-Africain et la révolte du Dalormey. Dans ce dernier cas, nous avions une mine pittoresque. Le journal du Parti n'a publié les nouvelles de la révolte que plusieurs jours après toute la presse bourgeoisie et des journaux après "L'Humanité". Alors que le gouvernement colonial a déclaré l'état de siège, concentré ses troupes, mobilisé ses armes de guerre, mis en branle ses machines de répression, arrêté et ~~condamné~~ des militants de 5 à 10 ans, alors que les journaux stipendiés ont pourraient une campagne de mensonge et d'affirmation systématiques, nous nous sommes contenté de deux ou trois petits articles, sans lendemain. C'est pas sans risque et sans intérêt que, dans l'ombre des grottes cieillotes, nos malheureux frères dahoméens lisent la 8^e ^{point} des 81 conditions dans laquelle il a été dit que "Chaque parti s'engage à mener une agitation systématique dans l'armée de son pays contre toute sorte d'oppression de la population coloniale ; et quel doit appuyer non seulement en paroles mais par des actes, le mouvement de libération des colonies."

Il est évidemment inutile d'invoquer le passé et de regretter le temps perdu. Le mieux sera de le bien employer dans l'avenir. Nous demandons donc au Parti :

- 1/- de reconnaître officiellement la fédération (groupe Jean-Jaurès) de la Martinique
- 2/- de recommander la chronique coloniale dans "L'Humanité" (2)

3/- de faire le Comité d'Etude Coloniale de documenter la Section Coloniale et de lui faire un rapport sur son travail tous les deux ou trois mois (3)

4/- d'encourager, là où elles existent, les sections des colonies à se classifier la propagande et le recrutement parmi les indigènes. (4)

5/- de faire ouvrir, dans tous les journaux du Parti, une chronique coloniale afin d'inviter les lecteurs aux réunions des colonies. (5)

6/- de détourner, dans tous les congrès, meetings ou réunions du parti, des parlementaires faire des tournées dans les colonies. (6)

7/- d'envoyer, toutes les fois que la finance du parti le permet, des parlementaires faire des tournées dans les colonies. (5)

8/- d'organiser des syndicats ou former des groupes similaires dans les colonies

Moscou le Juillet 1923
Nguyễn Ái Quốc

Thư của Nguyễn Ái Quốc gửi Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, trong đó đề cập đến phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Dương thuộc Pháp, tháng 7/1923

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)

1
9
2
3

THƯ GỬI TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN PHÁP

Các đồng chí,

Những nghị quyết của Đại hội lần thứ II của Quốc tế về vấn đề thuộc địa đã mang lại hai tác dụng đồng thời nhưng lại hoàn toàn trái ngược nhau. Một mặt, chủ nghĩa đế quốc đi áp bức - ngừa trước những kết quả có thể xảy ra của chính sách đó nếu nó được thi hành nghiêm túc - đã để phòng và tăng gấp bội những hoạt động tuyên truyền, ngu dân và đàn áp. Mặt khác, nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa, được tiếng vang của cách mạng thức tỉnh, đã hướng theo bản năng của họ về Quốc tế của chúng ta, một chính đảng duy nhất mà họ hy vọng là sẽ quan tâm đến họ một cách thân thiết, mà họ hoàn toàn mong mỏi là sẽ mang lại cho họ sự giải phóng. Như vậy, chúng ta sẽ có thể không những đánh đổ uy thế của chủ nghĩa thực dân bóc lột và lay chuyển vị trí của chúng, mà còn có thể biến mỗi cảm tình thuần tuý tình cảm và thụ động của các dân tộc thuộc địa đổi với chúng ta thành mỗi cảm tình hành động, nếu những nghị quyết của Quốc tế được chấp hành. Khốn nỗi cho đến nay, những nghị quyết ấy chỉ được dùng để tô điểm mặt giấy! Phân bộ Pháp, phân bộ Anh và những phân bộ các nước thực dân khác đã làm gì cho các thuộc địa của chủ nghĩa tư bản nước họ? Những phân bộ ấy đã có một chính sách thuộc địa và một cương lĩnh rõ rệt về thuộc địa, chính xác và liên tục chưa? Những chiến sĩ của các phân bộ ấy có hiểu thuộc địa là gì và tầm quan trọng của thuộc địa là như thế nào không? Người ta có thể trả lời là không.

Đối với các thuộc địa Pháp,

- a) một ban nghiên cứu thuộc địa đã được thành lập;
- b) một mục viết về thuộc địa đã được mở ra trên báo *L'Humanité*;
- c) những lời tuyên bố ủng hộ dân chúng thuộc địa đã được phát biểu trong các đại hội toàn quốc;
- d) hai cuộc hành trình tuyên truyền đã được các đại biểu của Đảng tiến hành.

Sau khi được thành lập ít lâu và khi đã giành được không phải là không chật vật những cột báu trên tờ *L'Humanité*, Ban nghiên cứu thuộc địa đã hoạt động khá tốt. Những tài liệu và tin tức có giá

trị đã bắt đầu được gửi từ các thuộc địa đến Ban. Chiến dịch mà Ban tiến hành trên báo Đảng nhằm chống những nhũng lạm và tội ác của bè lũ thực dân, đã nhanh chóng thu hút sự quan tâm mạnh mẽ của dân chúng các thuộc địa và mang lại nỗi lo lắng cho chủ nghĩa đế quốc thực dân và báo chí của nó. Nhưng diễn đàn ấy đột nhiên đã bị báo *L'Humanité* bỏ đi. Bị tước mất phương tiện công tác và hoạt động, Ban lâm vào tình trạng hoàn toàn bị tê liệt. Điều đó đã làm cho giới báo chí to lớn của giai cấp tư sản rất hài lòng, những báo chí này đã dành rất đều đặn hàng bao nhiêu trang cho công tác tuyên truyền thực dân và luôn luôn sợ bị cải chính và lật mặt nạ.

Điều đó đã đặc biệt gây những ấn tượng rất nặng nề cho dân bản xứ. Mặc dầu là hão huyền, những lời tuyên bố trong các đại hội toàn quốc ủng hộ dân chúng các thuộc địa cũng đã góp phần củng cố mối cảm tình mà họ đã có đối với Đảng. Tuy nhiên thật là không thích đáng nếu cứ lấp đi lấp lại mãi một điều mà không làm gì cả. Và những người bị áp bức khổn khổ thấy chúng ta chỉ luôn luôn hứa hẹn nhưng cũng luôn luôn không hành động gì thì bắt đầu tự hỏi rằng không biết thực ra chúng ta là những người đứng đắn hay là những kẻ lừa phỉnh. Cuộc hành trình của các đồng chí Vayăng Cutuyariê và Ăngđrê Bectông qua Angieri và Tuynidi, tiến hành hầu như cùng một lúc với các cuộc dạo chơi để vương của bọn đại biểu tư sản, đã được dân chúng châu Phi rất hoan nghênh. Nếu những cuộc hành trình cùng một tính chất như thế được tiếp tục trong tất cả các thuộc địa thì chắc chắn là kết quả sẽ đáng mừng.

Nhưng, đáng lẽ phải tăng cường tuyên truyền thì chúng ta lại đã bỏ dở cái việc đã được bắt đầu, và bỏ mất những cơ hội tốt. Bởi thế, chúng ta đã làm rất ít trong khi xảy ra cuộc bãi công đẫm máu ở Máctinich, cảnh chết đói ở Bắc Phi và cuộc nổi dậy ở Dahomay.

Trong trường hợp sau chót này, chúng ta đã có một bộ mặt thiếu não. Nhiều ngày sau tất cả các báo tư sản và mười ngày sau báo *L'Oeuvre*, báo Đảng mới đăng tin về cuộc nổi dậy. Trong lúc Chính phủ thuộc địa đã thiết quân luật, tập trung quân đội, huy động chiến hạm, huy động các bộ máy đàn áp, bắt bớ và kết án các nhà hoạt động từ 5 đến 10 năm tù; trong lúc các báo chí viết thuê đã tiến hành một cách có hệ thống một chiến dịch lừa dối và bưng bít dư luận thì chúng ta chỉ viết có hai hay ba bài báo ngắn, rồi thôi. Không phải là không mỉa mai và không đáng buồn khi trong bóng tối của những ngục tù có tính chất khai hoá, những người anh em Dahomay đau khổ của tôi đọc điều thứ 8, trong số 21 điều kiện, nói rằng: “*Mỗi đảng cam đoan tiến hành một công tác cổ động có hệ thống trong quân đội*

1
9
2
3

nước mình nhằm chống mọi ách áp bức dân chúng thuộc địa; và mỗi đảng phải ủng hộ, không những bằng lời nói mà cả bằng hành động, phong trào giải phóng của các thuộc địa”.

Nhưng thật là vô ích nếu buộc tội quá khứ và tiếc rẻ thì giờ đã mất. Tốt nhất là biết sử dụng tốt thì giờ trong tương lai. Vậy chúng tôi yêu cầu Đảng:

- 1) chính thức thừa nhận Liên đoàn Máctinich (nhóm Giăng Giôrét);
- 2) mở lại mục viết về thuộc địa trong báo *L'Humanité*;
- 3) yêu cầu Ban nghiên cứu thuộc địa cung cấp tài liệu cho phân bộ thuộc địa và cứ hai hoặc ba tháng một, báo cáo công tác của mình với phân bộ;
- 4) ở những nơi đã thành lập phân bộ thuộc địa thì khuyến khích các phân bộ này tăng cường công tác tuyên truyền và tuyển thêm người bản xứ;
- 5) trên tất cả báo chí của Đảng, mở một mục viết về thuộc địa để làm cho độc giả làm quen với các vấn đề thuộc địa;
- 6) nói đến các thuộc địa trong hết thảy các đại hội, mít tinh hoặc hội nghị của Đảng;
- 7) cử các nghị sĩ đi thăm các thuộc địa, mỗi khi nền tài chính của Đảng cho phép;
- 8) tổ chức những nghiệp đoàn hoặc thành lập các nhóm tương tự ở các thuộc địa.

Mátxcơva, tháng 7 năm 1923

NGUYỄN ÁI QUỐC

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.211-214.

PHÁT BIỂU TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ NHẤT QUỐC TẾ NÔNG DÂN

Nông dân trong các thuộc địa của Pháp bị hai tầng bóc lột: vừa như những người vô sản, vừa như những người bị mất nước. Ở Angiêri, những đất đai màu mỡ được dành cho người Pháp; còn những người nông dân thì bị dồn vào sống trong vùng núi là nơi đất đai cần cỗi và không thể canh tác được. Ở Đông Dương, hễ người Pháp đến là Chính phủ cấp cho anh ta cả nhiều làng trọn vẹn. Nhưng người nông dân, không chỉ bần nông mà cả trung nông đều bị bắt buộc phải rời bỏ quê hương của mình hoặc làm dày tớ cho ông chủ người nước ngoài.

Thưa các đồng chí, khi các đồng chí được tổ chức lại, các đồng chí cần phải nêu gương cho chúng tôi, giúp đỡ chúng tôi, dang rộng cánh tay anh em đón chúng tôi để chúng tôi cũng có thể bước vào gia đình vô sản quốc tế.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.225.

1
9
2
3

PHÁT BIỂU TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ NHẤT QUỐC TẾ NÔNG DÂN

Ở các thuộc địa Pháp, công nghệ và thương mại phát triển rất kém. Trong số 55.571.000 dân bản xứ thì có 95% là nông dân. Họ bị bóc lột hết sức thê thảm tệ. Xin nêu một vài ví dụ:

Ở Đông Dương, do chiến tranh, nông dân bị đuổi đi, bị coi là những đối tượng thù địch, nhưng nông dân vẫn phải bám lấy làng xóm, ruộng đất, mặc dù nó đã bị những tên đặc quyền thừa lệnh quân đội chiếm giữ. Nhiều khi người ta lại còn ban ra các quyền hạn đối với các khu vực mà ở đó nông dân đã cư trú và cấy trồng hàng trăm năm nay. Nông dân An Nam đã nhận thấy cảnh buộc phải làm nô lệ cày cấy cho những tên chủ mới xa lạ trên mảnh ruộng cũ của họ.

Những tên đặc quyền người Pháp không chỉ chiếm đoạt ruộng đất tùy tiện, đã chiếm khoảng 20 đến 25 nghìn hécta, mà còn có những đặc quyền bóc lột theo khả năng cho phép, chẳng hạn như bóc lột sức lao động ở nông thôn. Bên cạnh việc cai trị theo lối cướp bóc là giới tôn giáo bịp bợm. Qua các việc làm xấu xa, khốc khế, cho vay nặng lãi, đạo Thiên Chúa giáo ở Nam Kỳ đã cướp một phần tư diện tích canh tác ở thuộc địa này.

Nông dân An Nam đã bị cướp bóc bằng hình thức thông qua những tên mệnh danh là bảo vệ thế giới, bảo vệ tinh thần và chẳng được hưởng một chút quyền yên thân tối thiểu còn lại. Thuế điền địa đã tăng 3 lần trong những năm gần đây. Ngoài ra, khi bọn cai trị cần tiền, lại sử dụng cái bảo bối độc quyền ruộng đất để tăng thuế đánh vào đầu nông dân An Nam. Ngoài việc bị cướp ruộng và chịu các gánh nặng thuế khóa to lớn và vô lý, người dân An Nam còn phải đi phu mặt trận, trả thuế thân, thuế muối, phải vay mượn cưỡng bức và chịu các hội hè bắt buộc v.v..

Ở Angieri, Tuynidi và Marốc, chủ nghĩa tư bản Pháp cũng thực hiện chính sách cướp đoạt và bóc lột như vậy. Người ta đã tịch thu tất cả ruộng đất màu mỡ cày cấy được (coi là khu vực thuộc địa) và đuổi dân bản xứ lên núi hoặc các vùng trung du. Các công ty đặc quyền, những nhà đầu cơ tích trữ, những nhà chức trách cao cấp, tất cả đã được phân đặt ra các thuộc địa. Bằng cách kinh doanh trực tiếp, gián tiếp, nhà băng Tuynidi, riêng năm 1914, đã lãi 12.258.000 triệu phrăng trong khi tiền vốn chỉ có 25 triệu.

Công ty Pháp Angieri đã chiếm 324 nghìn hécta ruộng cày cấy loại tốt, 50 nghìn hécta khai mỏ, ngoài ra còn có đặc quyền một khu vực 20 triệu hécta khai mỏ khác.

Thực dân Pháp tiến hành xóa bỏ hình thức sở hữu thôn xã thay thế nó bằng sở hữu cá nhân. Sau đó, xóa bỏ cách chiếm hữu cá nhân và thay bằng các xí nghiệp đặc quyền khổng lồ. Dân địa phương đã bị cướp đi 5 triệu hécta ruộng đất.

Trong vòng 15 năm, người ta đã cướp của nông dân Kabylia¹⁾ 192 nghìn hécta ruộng.

Từ năm 1913, nông dân Marốc đã mất bình quân mỗi năm là 12 nghìn hécta. Diện tích bình quân này lên tới 14.540 hécta khi nước Pháp đã thắng trong “cuộc chiến tranh chính nghĩa”.

Hiện tại, 1.070 người Pháp đã chiếm 100.000 hécta ruộng của Marốc.

Nỗi khổ cực của nông dân bản xứ thật đáng sợ. Ngay giữa mùa gặt tốt, nông dân phải tranh nhau với chó để bối các đống rác. Xin lưu ý, khi mùa hết, những thân hình giờ xương của họ lại kéo lê trên các... đường sá.

Ở Tây và Trung Phi, tình cảnh nông dân còn đói hơn. Người ta xuất cảng nông dân và cưỡng bức họ làm việc trong các công ty đặc quyền. Bên cạnh hệ thống cưỡng bức, phải kể đến hệ thống cai quản. Cách thức như sau: người ta tống giam người già, phụ nữ và trẻ em như những Geise²⁾. Họ bị quản thúc ở Barakken, bị ngược đãi, bị làm nhục, lại đói khát và thậm chí bị giết. Ở những khu vực nhất định, người ta luôn luôn giữ một số lượng Geise phù hợp với số lượng công nhân để họ ngăn cản sự chạy trốn. Nếu người bản xứ trốn được lên rừng thì làng xóm họ sẽ bị tiêu hủy, nhà họ bị đốt, ruộng đất bị bình địa. Hệ thống tổ chức nô lệ này đã làm tan tác các tỉnh, đã làm mất tính dân và đã gây nên chết chóc.

Cần phải nói thêm là ở một số thuộc địa, như Mađagátxca, Rêuyniông, Angieri, dân bản xứ chính thống đã bị chết đói. Người ta đã thay thế trồng ngũ cốc bằng các thứ cây khác cần thiết cho nền công nghiệp Pháp và có lợi cho những chủ đồn điền.

Nhiệm vụ của Quốc tế là phải tổ chức những nông dân bất hạnh đó lại, là cung cấp lanh tụ cho họ, là chỉ ra cho họ con đường cách mạng và con đường giải phóng.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.226-228.

1
9
2
3

1) Kabylia: Vùng núi cao ở phía bắc Angieri (B.T).

2) Có thể là từ Geibe tức *con dê* (B.T).

		<u>VII</u> <u>Pycc.</u>
6 -	Узаков.	
17 -	Несел	
18 -	Тепелсукова	
21 -	Дерескун, Асмагит	
22 -	Засекин	
23-24 -	Мумин,	
36 -	Менепскол	
37 -	Менепсул	
<hr/>		
		Член.
1-5	Släser	
10-11	Bischof	
16	Bittel	
19	Bischoff	
25-33	Зуннебел.	
34	Гомбаль	
35	Гомбаль	
38	Лескин	
<hr/>		
		Прочие
7-9	Сиренкт	
12-15	Nguyen Ai Quoc	
20	Vazelles	



Nguyễn Ái Quốc trình bày tham luận tại Đại hội Quốc tế Nông dân, tháng 10/1923

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

Danh sách các đại biểu tham dự phiên họp thứ bảy Hội nghị Quốc tế Nông dân tổ chức tại Mátxcơva (Liên Xô), trong đó có Nguyễn Ái Quốc là đại biểu đến từ Pháp, ngày 13/10/1923

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)

Oranopshata
7-e séance
15 octobre 1926.

12

16
34

Nguyen Ai Quoc (Indochine). - Comrades. Vous tous savez parlé de la situation des paysans dans votre pays. Je souhaiterai à mon devoir si, ayant le privilège d'être présent parmi vous, je ne disais pas quelques mots sur la situation des paysans de mon pays.

Pour nous illustrer la situation des paysans indo-chinois je dois nous faire une comparaison; mettez d'un côté le paysan russe et de l'autre le paysan indo-chinois. Le paysan russe est comme un homme assis ~~face~~ confortablement dans un fauteuil, tandis que le paysan annamite est comme un homme attaché à un poteau, la tête en bas. Ce n'est pas une exagération, vous allez le voir par la suite.

Quand nous sommes devant la Place Rouge nous avons remarqué l'inscription qui dit: "L'Urssie est l'asym du monde" mais nous, par la civilisation occidentale, nous avons et l'église et l'optium.

Pour ce dernier fait, je vous offrirai simplement que chaque année le gouvernement colonial français vend ~~plusieurs~~ pour plus de 400 millions de dollars d'optium au peuple annamite de 20 millions d'habitants. Et d'autre part, on a compilé que sur 1000 débits vendant de l'alcool et de l'optium, il n'y a pas 10 écoles. Vous voyez les faits.

Maintenant, je vous parlerai brièvement au sujet de l'église.

Je vous ai déjà dit comment les colons exproprent les chrétiens. Maintenant je vous dirai comment le Christ exproprie les paysans.

Pendant la conquête de l'Indo-Chine, on sont les missionnaires catholiques qui ont fait l'espionnage pour

17
35

communiquer les plans de défense du pays à l'armée d'occupation; ce sont aussi les missionnaires qui ont guidé les colonnes d'attaque; ce sont encore les missionnaires qui ont profité de l'état de trouble du pays pour voler les documents qui démontrent que les terres appartenent à tel ou tel paysan ou à tel ou tel village. Quand la paix fut rétablie, lorsque les paysans retrouvent, tôt ou tard, toutes les terres occupées par les missionnaires qui ~~savaient~~ possédaient les documents. C'est de cette façon qu'en Cochinchine, les missionnaires catholiques possédaient plus du quart des terres cultivables. Au Cambodge, les missionnaires possédaient plus du tiers des terres; au Tonkin ^{et au} quinzième chef-lieu, dans la ville d'Annam les missionnaires ont d'immenses propriétés foncières.

Ce n'est pas seulement par ce moyen qu'ils acquièrent des richesses et qu'ils s'approprient les terres des paysans. Vous savez que dans le pays du littoral, surtout dans les pays de l'extrême-Orient, il arrive des typhons et des inondations qui occasionnent de mauvaises récoltes; les missionnaires profitent de ces occasions pour accorder de l'argent aux paysans à des taux d'usuriers et à délai très court; sachant que de cette façon les paysans ne pourront jamais rembourser leurs dettes, les missionnaires demandent aux paysans de leur donner des terres en garantie. Lorsque l'obligation arrive, toutes les terres des paysans tombent ainsi aux mains des missionnaires.

Vous voyez de quelle façon, les colons ~~entrepreneurs~~ exploitent les paysans et de quelle façon les ministres de Dieu les exproprent.

Maintenant, il y a d'autres exploiteurs, par exemple l'Etat. Aussi naufrage que soit la récolte, les paysans annamites doivent payer l'impôt; pour le faire, il faut qu'ils vendent leurs récoltes pour ne pas être jetés en prison (chaque fois

18
34

18
34

qu'ils payent les impôts avec retard, ils sont mis en prison, ils perdent leur récolte sur pied, c'est-à-dire avant que la récolte soit faite; ils perdent à une école, un commerçant. De cette façon, le commerçant achète le riz avant les récoltes à très bon marché et le revend très cher après. Par conséquent, le paysan annamite n'est pas seulement attaché à un poteau, comme je vous l'ai dit, mais il est crucifié par 4 puissances réunies: l'Etat, le colon, le Christ, et le commerçant.

Sans doute, vous avez demandé pourquoi les paysans annamites ne s'organisent pas, ne font pas comme vous de la coopération. Simplement parce qu'il ne le peuvent pas.

Je dois vous dire que nous sommes gouvernés par un régime d'isolement. Nous n'avons pas le droit de publier des journaux; nous n'avons pas le droit de voyager; par exemple, nous ne pourrions pas aller de Moscow à Pétrograd, il faut que nous demandions un passeport, sinon on nous arrête et on nous jette en prison. De même nous n'avons pas le droit de réunir, c'est-à-dire que nous n'avons pas le droit de nous réunir à plus de 4 ou 5 sans une autorisation spéciale de l'administrateur français.

Je dois vous rappeler aussi que nous avons parlé contre la guerre, pour la paix; nous avons parlé du pouvoir prolétarien et du renversement du capitalisme. Mais tout ce que vous dites ici sera vain si vous oublierez l'élément militariste colonial. Vous connaissez les faits. Pendant la guerre mondiale, bien qu'en France on a fait entrer près de 1 million d'indigènes des colonies pour prendre part à la guerre. Pendant les années 1916-1917, on a fait entrer 2 milliards de tonnes de cordage, pendant que les indigènes de l'Afrique et de l'Indo-Chine croisaient de jumeau.

19
35

19
35

Camarades. En terminant, je dois vous rappeler que votre Internationale ne sera qu'une vraie Internationale qui lorsque non seulement les paysans d'Orient, mais aussi les paysans d'Asie, surtout les paysans des colonies qui sont plus exploités et plus opprimés que vous, feront partie de votre Internationale (Applaudissements).

Bài phát biểu của Nguyễn Ái Quốc - đại biểu chính thức của nông dân Đông Dương về tình hình nông dân ở địa phương tại phiên họp thứ bảy Hội nghị Quốc tế Nông dân tổ chức tại Mátxcơva (Liên Xô), ngày 13/10/1923

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)

1
9
2
3

PHÁT BIỂU TẠI PHIÊN HỘP THỨ BẢY HỘI NGHỊ LẦN THỨ NHẤT QUỐC TẾ NÔNG DÂN

Thưa các đồng chí,

Tất cả các đồng chí đều đã nói về tình hình của nông dân trong đất nước các đồng chí. Tôi sẽ không làm tròn bổn phận của tôi nếu có được quyền đến đây với các đồng chí mà tôi lại không nói một đôi lời về tình cảnh của nông dân tại đất nước tôi.

Để minh họa với các đồng chí tình cảnh của nông dân Đông Dương, tôi phải đưa ra một sự so sánh: một bên là người nông dân Nga và một bên nữa là người nông dân Đông Dương. Nông dân Nga giống như một người ngồi chẽm chệ trong chiếc ghế bành, còn nông dân An Nam lại giống như một người bị trói vào một chiếc cột, đầu ngược xuống đất. Nói thế không phải là nói phóng đại đâu, sau đây các đồng chí sẽ thấy rõ.

Khi các đồng chí đi qua Hồng trường, các đồng chí thấy có khắc một dòng chữ “Nhà thờ là thuốc phiện của thế giới”; nhưng chúng tôi, nhờ nền văn minh phương Tây mà chúng tôi có cả nhà thờ lẫn thuốc phiện.

Về thuốc phiện, tôi sẽ xin chỉ kể lại với các đồng chí rằng mỗi năm chính quyền Pháp ở thuộc địa đã bán cho dân An Nam gồm 20 triệu người, trên 400 triệu đôla¹⁾ thuốc phiện. Và mặt khác, người ta đã tính ra rằng cứ 1.000 ty bán rượu và thuốc phiện thì không có được lấy 10 trường học. Đây là những sự thật.

Bây giờ, tôi xin nói vắn tắt với các đồng chí về chuyện nhà thờ.

Tôi đã nói với các đồng chí rằng những tên thực dân đã tước đoạt người An Nam như thế nào. Bây giờ, tôi xin nói để các đồng chí biết nhà thờ Kitô đã tước đoạt nông dân như thế nào.

Trong cuộc xâm chiếm Đông Dương thì chính những nhà truyền đạo Thiên chúa đã đi do thám để báo cho đội quân chiếm đóng biết những kế hoạch phòng thủ của nước chúng tôi. Cũng chính những

1) Số liệu này chưa được kiểm tra lại. Chúng tôi dịch đúng theo bản tiếng Pháp (B.T).

nà truyền đạo đã dẫn đường những đội quân tấn công, cũng chính lại là những nhà truyền đạo đã lợi dụng tình trạng lộn xộn của đất nước để ăn cắp những văn bản chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất của người nông dân này nọ hay của một làng nào đó. Khi hòa bình được lập lại, nông dân trở về thì tất cả ruộng đất đều đã bị các nhà truyền đạo nắm được các văn bản nói trên, chiếm mất. Chính bằng cách đó, mà ở Nam Kỳ những nhà truyền đạo Thiên chúa có được trên một phần tư những đất đai cày cấy được. Ở Campuchia, các nhà truyền đạo nắm trên một phần ba ruộng đất; ở Bắc Kỳ, chỉ riêng ở thủ phủ, trong thành phố Hà Nội, các nhà truyền đạo có những bất động sản rộng bao la.

Họ có được của cải và chiếm hữu ruộng đất của nông dân không phải chỉ bằng cách đó. Các đồng chí đều biết rằng trong các nước ven biển, nhất là trong những nước ở Viễn Đông, thường xảy ra giông bão và lụt lội làm cho mùa màng thất bát; các nhà truyền đạo lợi dụng những dịp đó để ứng trước tiền cho nông dân với những tỷ suất lãi rất nặng và một thời hạn rất ngắn. Biết rõ ràng làm như vậy thì nông dân không bao giờ có thể trả nợ được, nên các nhà truyền đạo đòi nông dân phải đem ruộng đất ra bảo đảm. Thế là khi đến thời hạn trả nợ, thì toàn bộ ruộng đất của nông dân đều rơi vào tay các nhà truyền đạo.

Các đồng chí đã thấy bọn thực dân bóc lột nông dân như thế nào và các giáo sĩ tước đoạt nông dân như thế nào.

Bây giờ, còn có những kẻ bóc lột khác nữa, chẳng hạn như Nhà nước. Dù mùa màng có xấu đến mức nào đi nữa, nông dân An Nam vẫn cứ phải đóng thuế; để đóng được thuế, nông dân phải bán mùa màng của mình đi; để khỏi bị bỏ tù (hễ đóng thuế chậm là họ bị bỏ tù), họ phải bán non mùa màng của họ, nghĩa là bán trước khi gặt; họ bán cho bọn lái buôn theo cách ước lượng bằng mắt. Bằng cách đó bọn lái buôn mua được lúa trước khi gặt bằng một giá rất rẻ và sau đó đem bán lại rất đắt. Như vậy là người nông dân An Nam không phải chỉ bị trói vào một chiếc cột như tôi đã trình bày với các đồng chí, mà họ bị đóng đinh câu rút bởi bốn thế lực liên hợp là: Nhà nước, tên thực dân, nhà thờ và tên lái buôn.

Chắc là các đồng chí sẽ hỏi rằng tại sao nông dân An Nam không tổ chức nhau lại, không làm như các đồng chí là thành lập hợp tác xã. Chỉ là vì họ không có thể làm như vậy được.

Tôi phải nói với các đồng chí rằng chúng tôi bị cai trị bởi một chế độ nô lệ. Chúng tôi không được quyền xuất bản báo. Chúng tôi không được quyền tự do đi lại; chẳng hạn như chúng tôi không thể đi từ Mátxcơva đến Pêtôrôgrát được, chúng tôi phải xin được một tờ giấy thông hành, nếu không họ sẽ bắt giữ và ném chúng tôi vào tù. Cũng vậy, chúng tôi không được quyền hội họp

1
9
2
3

nghĩa là chúng tôi không được quyền họp với nhau trên 4 hoặc 5 người nếu không có một giấy phép đặc biệt của cơ quan cai trị Pháp.

Tôi cũng xin nhắc lại rằng các đồng chí đã lên tiếng chống chiến tranh, đòi hoà bình; các đồng chí đã nói đến một chính quyền vô sản và việc lật đổ chủ nghĩa tư bản. Nhưng tất cả những điều các đồng chí nói ở đây sẽ trở thành vô ích, nếu các đồng chí quên mất cái yếu tố quân phiệt thực dân. Các đồng chí đều biết những sự kiện. Trong chiến tranh thế giới, chỉ riêng ở nước Pháp, người ta đã đưa từ các thuộc địa về gần một triệu người bản xứ để tham gia chiến tranh. Trong những năm 1916-1917, người ta đã chở về 2 tỷ tấn ngũ cốc¹⁾, trong khi những dân bản xứ ở châu Phi và ở Đông Dương đang chết đói.

Thưa các đồng chí, để kết thúc, tôi phải nhắc lại với các đồng chí rằng Quốc tế của các đồng chí chỉ trở thành một quốc tế thật sự khi mà không những nông dân phương Tây, mà cả nông dân ở phương Đông, nhất là nông dân ở các thuộc địa là những người bị bóc lột và bị áp bức nhiều hơn các đồng chí, đều tham gia Quốc tế của các đồng chí (*võ tay*).

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.1, tr.229-232.*

1) Số liệu này chưa được kiểm tra lại. Chúng tôi dịch đúng theo bản tiếng Pháp (*B.T*).

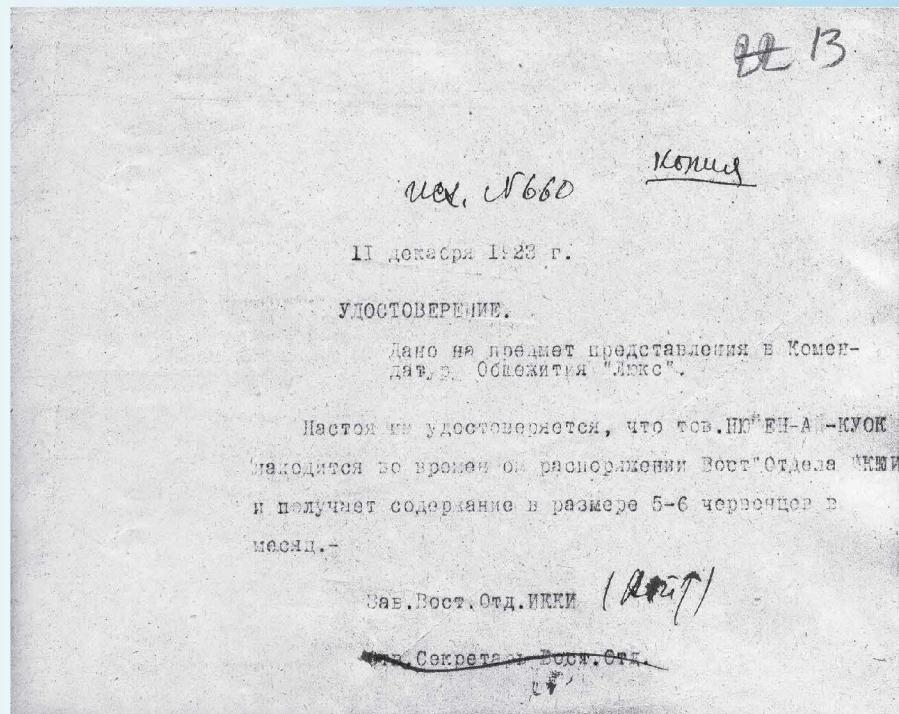


Bài *Cách mạng Nga và Trung Quốc* của Nguyễn Ái Quốc đăng trên báo *Đời sống công nhân*, số 233, ngày 26/10/1923

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

Giấy chứng nhận ngày 11/12/1923 của Ban Phương Đông, Quốc tế Cộng sản cấp cho Nguyễn Ái Quốc để trình Ban Quản lý Ký túc xá Quốc tế Cộng sản "LUX" trong thời gian tham dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản tại Mátxcova (Liên Xô)

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)



1
9
2
3

THƯ GỬI CÁC BẠN CÙNG HOẠT ĐỘNG Ở PHÁP

Các bạn thân mến,

Bao lâu nay chúng ta làm việc với nhau.

Mặc dầu chúng ta là những người khác giống, khác nước, khác tôn giáo, chúng ta đã thân yêu nhau như anh em.

Chúng ta cùng chịu chung một nỗi đau khổ: sự bạo ngược của chế độ thực dân. Chúng ta đấu tranh vì một lý tưởng chung: giải phóng đồng bào chúng ta và giành độc lập cho Tổ quốc chúng ta.

Trong cuộc chiến đấu của chúng ta, chúng ta không cô độc, vì chúng ta có tất cả dân tộc của chúng ta ủng hộ và vì những người Pháp dân chủ, những người Pháp chân chính, đứng bên cạnh chúng ta.

Công việc chung của chúng ta “Hội Liên hiệp thuộc địa” và tờ báo NGƯỜI CÙNG KHỔ¹⁾ đã có những kết quả tốt. Nó đã làm cho nước Pháp, nước Pháp chân chính hiểu rõ những việc xảy ra trong các thuộc địa. Làm cho nước Pháp hiểu rõ bọn cá mập thực dân đã lợi dụng tên tuổi và danh dự của nước Pháp để gây nên những tội ác không thể tưởng tượng được. Nó đã thức tỉnh đồng bào chúng ta. Đồng thời nó cũng khiến cho đồng bào chúng ta nhận rõ nước Pháp, nước Pháp tự do, bình đẳng và bác ái. Nhưng chúng ta còn phải làm nhiều hơn.

Chúng ta phải làm gì?

Chúng ta không thể đặt vấn đề ấy một cách máy móc. Điều đó tuỳ hoàn cảnh của mỗi dân tộc chúng ta.

Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quân chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập.

Có lẽ một vài người trong các bạn cũng phải và có thể làm như tôi. Còn các bạn khác thì tiếp tục công việc hiện thời của chúng ta: củng cố “Hội Liên hiệp thuộc địa” và phát triển tờ báo NGƯỜI CÙNG KHỔ của chúng ta.

1) Báo Le Paria (B.T).

Các bạn thân mến,

Tôi từ giã các bạn. Tôi xa các bạn, nhưng lòng tôi luôn luôn gần các bạn.

Các bạn tha lỗi cho tôi không hôn các bạn trước khi đi. Các bạn biết rằng tôi bị theo dõi riết.

Khi các bạn được thư này, Nguyễn của các bạn ít nhất cũng đã xa nước Pháp 24 giờ rồi.

Đại, người đồng hương của tôi, sẽ giao lại cho ông B. th匣 khoá của tòa báo, giấy tờ và tài liệu của Hội và của tờ báo, cũng như quỹ của tờ báo. Tôi đã trả tiền thuê nhà cho tòa báo đến cuối năm. Tiền in cũng đã thanh toán. Chúng ta không mắc nợ ai. Sổ thư viện để ở trong ngăn kéo bên phải. Sách cho mượn đã lấy về, trừ những sách cho những hội viên đi nghỉ mượn.

Nói tóm lại, các việc đều đâu vào đấy trước khi tôi đi.

Tôi sẽ viết thư cho các bạn. Nhưng tôi không dám hứa với các bạn, vì không phải dễ viết thư khi người ta hoạt động bí mật. Dù tôi có viết thư cho các bạn hay không, các bạn hãy tin chắc rằng lòng tôi luôn luôn yêu các bạn. Nhờ các bạn bắt tay những người bạn Pháp của chúng ta.

Bây giờ, một vài lời với cháu trai và cháu gái.

Các cháu rất yêu chú và chú cũng rất yêu các cháu, phải không các cháu? Chú sẽ nói với những người bạn nhỏ Việt Nam là các cháu rất ngoan. Chú sẽ thay mặt các cháu bắt tay các bạn nhỏ Việt Nam.

Có lẽ rất lâu, các cháu sẽ không được thấy chú Nguyễn, không được leo lên đùi, lên lưng chú như các cháu thường làm. Và cũng rất lâu chú sẽ không thấy cô Alítxơ (Alice) và cậu Pôn (Paul) của chú. Khi chú cháu mình gặp nhau, có lẽ chú đã già, các cháu đã lớn bằng ba và má. Điều đó không ngại gì. Chú sẽ luôn luôn nhớ đến các cháu. Các cháu luôn luôn vẫn là cô bé Alítxơ và cậu bé Pôn thân yêu của chú.

Các cháu ngoan. Học thuộc bài. Vâng lời cha mẹ. Đừng đánh con chó nhỏ Mariuýt (Marius) của các cháu. Khi các cháu đã hơi lớn, các cháu sẽ đấu tranh cho Tổ quốc của các cháu cũng như ba má, chú Nguyễn và những chú khác.

Các cháu nhỏ thân yêu của chú, chú hôn các cháu rất kêu. Các cháu hôn mẹ hộ chú.

CHÚ NGUYỄN

1
9
2
3

BÁO CÁO GỬI QUỐC TẾ CỘNG SẢN

ĐÔNG DƯƠNG, TÓM TẮT

Chính trị

Không có chính đảng: Đất nước bị cai trị theo cách như sau:

Nam Kỳ và Bắc Kỳ bị cai trị trực tiếp bởi các nhà cầm quyền Pháp với những thuộc hạ người bản xứ.

Trung Kỳ và Campuchia có Chính phủ bản xứ của mình mà thực tế chỉ là thực hành các mệnh lệnh của các nhà cai trị Pháp.

Kinh tế

Xí nghiệp, đồn điền, hầm mỏ, giao thông vận tải và thương nghiệp lớn, tất cả đều ở trong tay người Pháp. Thương nghiệp hạng vừa có thể nói là người Trung Quốc nắm độc quyền. Người bản xứ chỉ có thương nghiệp địa phương nhỏ.

Xã hội

Dân cư hợp thành xã, những xã hợp thành tổng, những tổng thành huyện, những huyện thành tỉnh.

Dân cư bầu lấy lý trưởng, những lý trưởng bầu lấy chánh tổng. Cuộc bầu cử của nhân dân dừng lại ở đấy.

Những huyện và những tỉnh thì các quan cai trị do Chính phủ chỉ định.

Triều đình và quan chức lệ thuộc tuyệt đối vào chính quyền Pháp. Họ bị chủ Pháp của họ khinh bỉ và nhân dân An Nam ghét.

Thiểu số các nhà nho hay là các nhà trí thức là các nhà cách mạng dân tộc chủ nghĩa. Chính họ đã khích động mọi cuộc nổi dậy trong quá khứ.

Công nhân có thể là 2% trong dân số, không được học hành, không được tổ chức. Do vậy họ không có một lực lượng chính trị nào.

Tiểu tư sản không nhiều, là một phần tử bấp bênh. Nó chịu sự chi phối bởi nhiều thứ triết lý, như là nó hướng vào phong trào dân tộc rất vội vã. Nó nhút nhát.

Quân chúng nông dân bị bóc lột nhất và cùng khổ nhất, rất yêu nước.

Tuyên truyền tốt trong nông dân và tổ chức tốt trong công nhân nếu chúng ta làm tốt được điều đó thì tương lai thuộc về chúng ta.

1
9
2
3

CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG

- 1/ Xuất bản một tờ báo nhỏ tiếng Việt.
- 2/ Tập hợp những phần tử dân tộc cách mạng.
- 3/ Cố gắng đưa những thanh niên người bản xứ đi Mátxcơva.
- 4/ Xây dựng dây liên lạc Mátxcơva - Đông Dương - Pari.

HỢP TÁC

a/ Điều gì mà Đảng có thể làm thì đã liệt kê trong thư gửi cho nó do Ban Phương Đông chuyển.

b/ Tổng Công hội thống nhất đã hứa làm hết sức mình để 2 hoặc 3 đồng chí người Pháp có thể sang Đông Dương để tổ chức công nhân.

c/ Thanh niên cộng sản Pháp phải lợi dụng chủ nghĩa quân phiệt để đưa những thành viên chắc chắn nhất đăng lính vào đội quân thuộc địa để dắt dẫn sự tuyên truyền trong những người bản xứ.

2/ Sự giúp đỡ của Thanh niên cộng sản Trung Quốc là tuyệt đối cần thiết cho sự hoạt động ở Đông Dương.

Một cuộc thảo luận giữa những đại biểu của Đảng, của Tổng công hội thống nhất, của Thanh niên và của Ban Phương Đông có thể ló ra nhiều ánh sáng khác.

1
9
2
3

Nguyễn Ái Quốc trong thời kỳ hoạt động ở
Liên Xô, năm 1923 - 1924

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)



Nguyễn Ái Quốc với các chiến sĩ cộng sản
quốc tế: Trương Thái Lôi (Trung Quốc) và
Kataiama (Nhật Bản) trong thời gian hoạt
động ở Mátxcova, năm 1923 - 1924

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

NĂM 1924



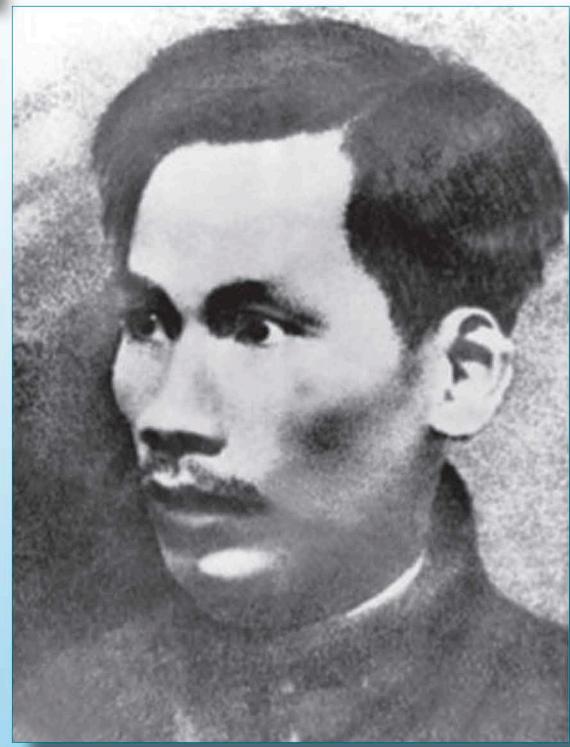
Thẻ dự Đại hội Quốc tế Thanh niên của Nguyễn Ái Quốc,
năm 1924

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

Chân dung Nguyễn Ái Quốc khi hoạt động ở Liên Xô,
năm 1924

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
2
4



1
9
2
4



Ảnh chụp Nguyễn Ái Quốc và một số đồng chí quốc tế khi Người tới Liên Xô, năm 1924
(Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, Việt Nam)

G/ 28

G

le 25 Janvier 1924

N° S.C.R. 2/11

SECRET

A/S: de NGUYEN AI QUOC

RENSEIGNEMENT

L'agitateur annamite Ái Quoc a bien été appelé à siéger au Présidium de l'Internationale des Paysans Communistes (M.K.S.) qui s'est constituée à Moscou le 16 Octobre 1923.

(Pravada N° 229 à 235)

Ce renseignement est confirmé par le Service de Sûreté Letton.

La composition du Presidium est la suivante :

SSSR	-	SMIRNOV
Pologne	-	DOMBAL
Allemagne	-	BIRGI
France	-	VAZEI
Tchécoslovaquie	-	RIDLÓ
Bulgarie	-	GOROFF
Scandinavie	-	HERRO
Amérique	-	GRIN
Mexique	-	GALVAN
Japon	-	HAJASSO
Indo-Chine	-	ÁI QUOC

ARCHIVES
ADM-en-POL
CONTRE-VIE

Des renseignements sont recherchés sur l'activité et les agissements de Ái QUOC en Russie.

communiqué à :

566

1
9
2
4

Tin tinh báo số S.C.F.2/11 ngày 25/1/1924 của Sở Mật thám Trung ương về việc Nguyễn Ái Quốc đã được bầu vào Đoàn Chủ tịch Hội đồng Quốc tế Nông dân họp tại Mátxcơva (Liên Xô), ngày 26/10/1923

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

1
9
2
4

LÊNIN VÀ CÁC DÂN TỘC THUỘC ĐỊA

“Lênin đã mất!”. Tin này đến với mọi người như sét đánh ngang tai, truyền đi khắp các bình nguyên phì nhiêu ở châu Phi và các cánh đồng xanh tươi ở châu Á. Đúng, những người da đen và da vàng có thể chưa biết rõ Lenin là ai, nước Nga ở đâu. Bọn đế quốc thực dân cố ý bưng bít không cho họ biết. Sự ngu dốt là một trong những chỗ dựa chủ yếu của chế độ tư bản chủ nghĩa. Nhưng tất cả họ, từ những người nông dân An Nam đến người dân săn bắn trong các rừng Dahomay, cũng đã thầm nghe nói rằng ở một góc trời xa xăm có một dân tộc đã đánh đuổi được bọn chủ bóc lột họ và hiện đang tự quản lý lấy đất nước mình mà không cần tới bọn chủ và bọn toàn quyền. Họ cũng đã nghe nói rằng nước đó gọi là nước Nga, rằng có những người dũng cảm, mà người dũng cảm nhất là Lenin. Chỉ như thế cũng đủ làm cho họ ngưỡng mộ sâu sắc và đầy nhiệt tình đối với nước đó và lãnh tụ của nước đó.

Nhưng không phải chỉ có thế. Họ còn được biết rằng người lãnh tụ vĩ đại này sau khi giải phóng nhân dân mình, còn muốn giải phóng các dân tộc khác nữa. Người đã kêu gọi các dân tộc da trắng giúp đỡ các dân tộc da vàng và da đen thoát khỏi ách áp bức của bọn rumi¹⁾, của tất cả bọn rumi: toàn quyền, công sứ, v.v.. Và để thực hiện mục đích ấy, Người đã vạch ra một cương lĩnh cụ thể.

Lúc đầu họ tưởng là trên đời không thể có một người như thế và cương lĩnh như thế được. Nhưng về sau họ được biết tin, tuy lờ mờ về đảng cộng sản, về tổ chức gọi là Quốc tế Cộng sản đang đấu tranh vì những người bị bóc lột, vì tất cả những người bị bóc lột, trong đó có cả họ nữa, họ biết rằng chính Lenin là người lãnh đạo tổ chức này.

Và chỉ như thế cũng đủ để cho những người đó tuy văn hoá kém cỏi nhưng là những người có thiện chí và biết ơn, hết lòng tôn kính Lenin. Họ coi Lenin là người giải phóng cho họ. Lenin đã mất rồi thì chúng ta biết làm thế nào? Liệu có những người dũng cảm và rộng lượng như Lenin để không quản thời gian và sức lực chăm lo đến sự nghiệp giải phóng của chúng ta không? Đó là những điều mà quần chúng nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa băn khoăn tự hỏi.

1) Tiếng Arập, nghĩa là người nước ngoài, kẻ di nô dịch (B.T).

Còn chúng tôi, những người cộng sản, những người sinh ra ở các thuộc địa, chúng tôi vô cùng đau đớn trước sự tổn thất không thể nào đền bù được và chia sẻ nỗi buồn chung của nhân dân các nước với những người anh người chị của chúng tôi. Song chúng tôi tin tưởng rằng Quốc tế Cộng sản và các phân bộ của nó, trong đó có các chi bộ ở các nước thuộc địa, sẽ thực hiện được những bài học và những lời giáo huấn mà vị lãnh tụ đã để lại cho chúng ta. Làm những điều mà Người đã căn dặn chúng ta, đó chẳng phải là phương pháp tốt nhất để tỏ tình yêu mến của chúng ta đối với Người hay sao?

Khi còn sống, Người là người cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội.

Lênin bất diệt sẽ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta.

NGUYỄN ÁI QUỐC

(Đông Dương)

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.256-257.

1
9
2
4

1
9
2
4

THƯ GỬI CHO MỘT ĐỒNG CHÍ Ở QUỐC TẾ CỘNG SẢN¹⁾

Đồng chí thân mến,

Tôi quê quán ở Đông Dương và là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp. Chính với tư cách đó mà tôi mạo muội cảm ơn đồng chí về sự chú ý của đồng chí đến vấn đề thuộc địa tại Đại hội Liông.

Mặt khác, tôi sẽ sung sướng vì được thảo luận với đồng chí về vấn đề thuộc địa nếu đồng chí vui lòng cho gặp.

Do mũi và các ngón tay bị lạnh cứng khi tang lễ đồng chí Lênin, tôi không thể đi làm việc ở Quốc tế Cộng sản, vậy nên tôi sẽ rất cảm ơn, nếu đồng chí vui lòng trực tiếp viết thư cho tôi đến địa chỉ sau:

Khách sạn Luých, số 176.

Đồng chí thân mến, xin gửi đồng chí lời chào cộng sản anh em.

NGUYỄN ÁI QUỐC

5/2/1924

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.1, tr.261.*

1) Trong thư không có tên người nhận. Có thể là Nguyễn Ái Quốc gửi cho một đồng chí lãnh đạo của Quốc tế Cộng sản (B.T).

1
9
2
4

THƯ GỬI CHỦ TỊCH QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Mátxcova, ngày 15 tháng 3 năm 1924

Kính gửi đồng chí Dinôviép, Chủ tịch Quốc tế thứ ba,

Đồng chí thân mến,

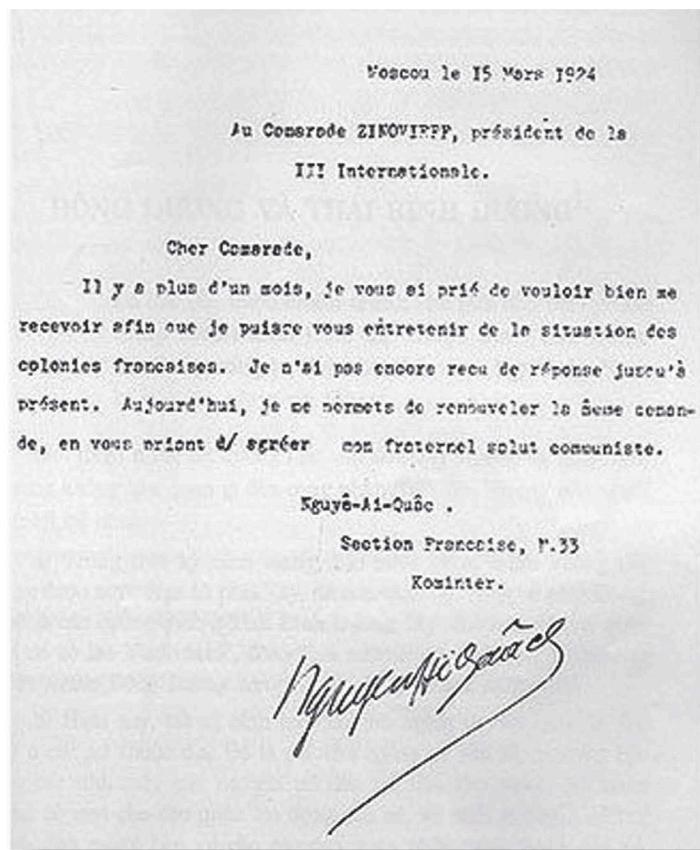
Đã hơn một tháng nay, tôi xin đồng chí vui lòng tiếp đẻ tôi có thể thảo luận với đồng chí về tình cảnh những thuộc địa của Pháp. Cho tới nay, tôi vẫn chưa được trả lời. Hôm nay, tôi xin mạn phép nhắc lại sự thỉnh cầu đó, và xin đồng chí nhận lời chào cộng sản anh em.

NGUYỄN ÁI QUỐC
Phân bộ Pháp, số 33
Quốc tế Cộng sản

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.1, tr.262.*

Thư của Nguyễn Ái Quốc gửi Dinôviép, Chủ tịch Quốc tế Cộng sản, ngày 15/3/1924

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)



1
9
2
4

THƯ GỬI BAN CHẤP HÀNH QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Các đồng chí,

Những thuộc địa của Pháp nói chung và Đông Dương nói riêng ít được biết đến trong giới vô sản và cộng sản. Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Pháp rất ít được thông tin về những gì xảy ra ở những thuộc địa đó. Cục thông tin của đảng cần phải được thành lập. Còn như ở đây, chúng tôi tuyệt đối không có gì.

Nếu chúng ta muốn hoạt động một cách có ích về vấn đề thuộc địa thì nhất thiết phải bắt liên lạc với các thuộc địa đó.

Về phần Đông Dương, từ lúc tôi tới Mátxcova đã có quyết định rằng sau 3 tháng lưu lại ở đây, tôi sẽ đi Trung Quốc để tìm cách liên lạc với đất nước tôi. Nay giờ đã là tháng thứ chín tôi lưu lại và tháng thứ sáu tôi chờ đợi, vậy mà việc lên đường của tôi chưa được quyết định.

Tôi nghĩ là không cần thiết phải nói ở đây về những phong trào cách mạng và dân tộc chủ nghĩa, trước kia hoặc gần đây; về sự tồn tại hoặc không tồn tại của các tổ chức công nhân, của những hoạt động quấy phá của các hội bí mật và các hội khác, vì tôi không có ý định đệ trình với các đồng chí một luận cương, và chỉ muốn nêu cho thấy sự cần thiết đối với chúng tôi là phải nghiên cứu *TẤT CẢ* một cách chính xác, và phải tạo ra cái gì đó nếu chưa có gì.

Vậy chuyến đi sẽ là một chuyến đi để khảo sát và nghiên cứu. Tôi sẽ phải cố gắng:

- A- Thiết lập những quan hệ giữa Đông Dương và Quốc tế Cộng sản.
- B- Thông báo cho Quốc tế Cộng sản về tình hình chính trị, kinh tế và xã hội của thuộc địa này.
- C- Tiếp xúc với các tổ chức đang tồn tại ở đó, và
- D- Tổ chức một cơ sở thông tin và tuyên truyền.

Tôi hành động thế nào để hoàn thành nhiệm vụ này? Trước hết tôi phải đi Trung Quốc. Tiếp đó hướng sự hoạt động theo những khả năng sẽ xuất hiện.

Số tiền cần thiết cho sự ăn ở của tôi sẽ là bao nhiêu? Hẳn là tôi sẽ phải đổi chốt luôn, duy trì những mối liên hệ với các giới khác nhau, trả tiền thư tín, mua những ấn phẩm nói về Đông Dương, tiền ăn và tiền trọ, v.v., v.v.. Tôi tính rằng, sau khi tham khảo ý kiến các đồng chí người Trung Quốc phải có một ngân sách xấp xỉ 100 đôla Mỹ mỗi tháng, không kể hành trình Nga - Trung Quốc (vì tôi không biết giá vé).

Tôi hy vọng rằng những điều trên sẽ có thể dùng làm cơ sở để các đồng chí thảo luận về việc cử tôi đi Viễn Đông.

NGUYỄN

11/4/1924

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.1, tr.273-274.*

1
9
2
4

1
9
2
4

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ
:: ИНТЕРНАЦИОНАЛ ::
ИСПОЛНИТЕЛЬНЫЙ КОМИТЕТ

№

Приемный пр. 1,
для телеграфа: Интернационал, Москва.
56-71.
56-72.
56-74.
Комитет

Пролетарии всех стран, соединяйтесь!

Москва, 30 Avril 1924 г.

Телефон.....

Camarade *Bi - Quaque* . . .

Cher camarade,

Sur la demande du Comité de Moscow du P.C.R., le Secrétariat du C.E. de l'I.C. vous prie de vous trouver demain, Premier Mai, de 12 à 2 heures, sur la Place Rouge pour prononcer une allocution devant les manifestants.

~~Le Secrétaire~~ ~~vous accompagnera~~

~~Le Secrétaire~~

Le Secrétaire du C.E. de l'I.C.

W. Molotov

Giấy mời ngày 30/4/1924 của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản mời Nguyễn Ái Quốc tham dự mítinh tại Quảng trường Đỏ (Mátxcova) nhân Ngày Quốc tế Lao động 1/5

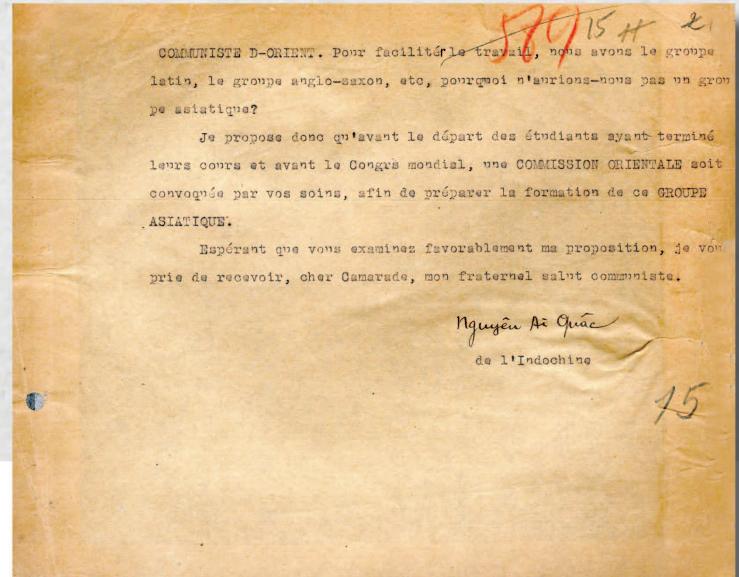
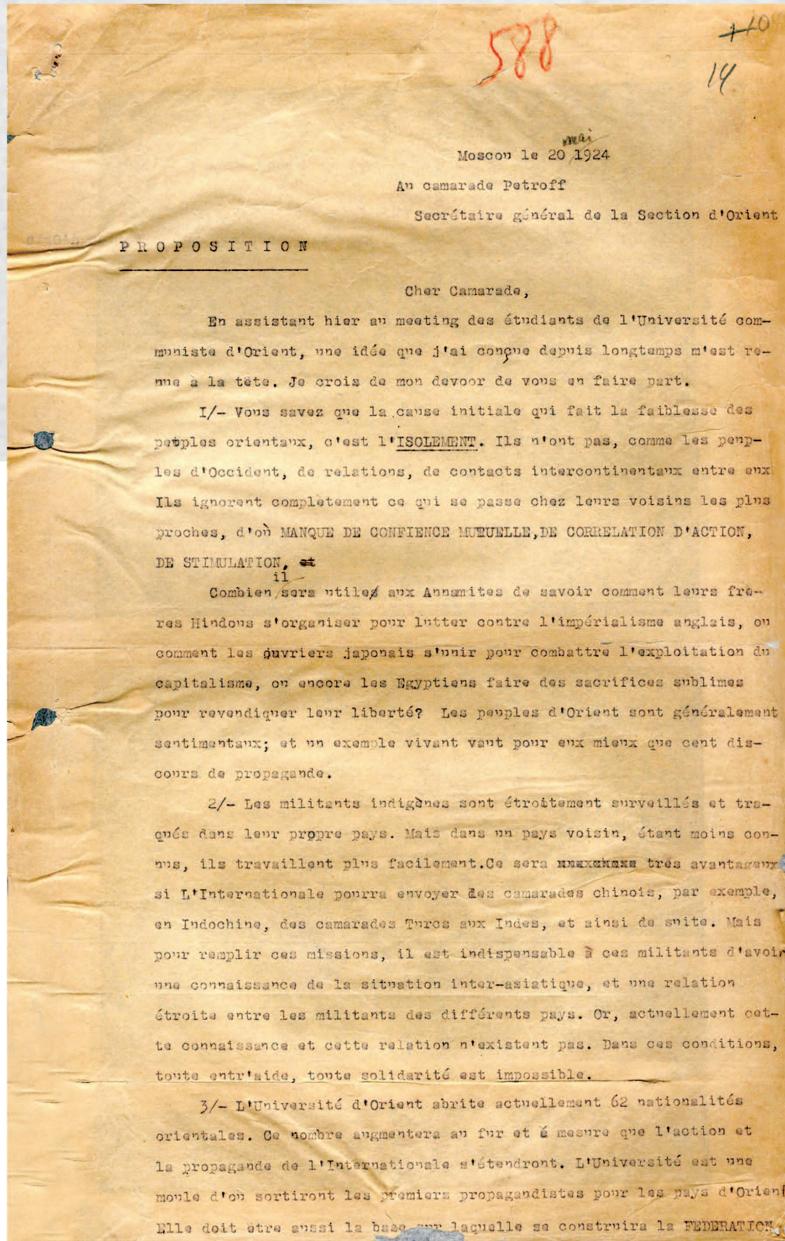
(Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, Việt Nam)



Thẻ công vụ số 56 do Tư lệnh thành phố Mátxcova cấp cho Nguyễn Ái Quốc, cho phép Nguyễn Ái Quốc được đi lại trên Quảng trường Đỏ (Mátxcova) trong Ngày diễu hành 1/5/1924.

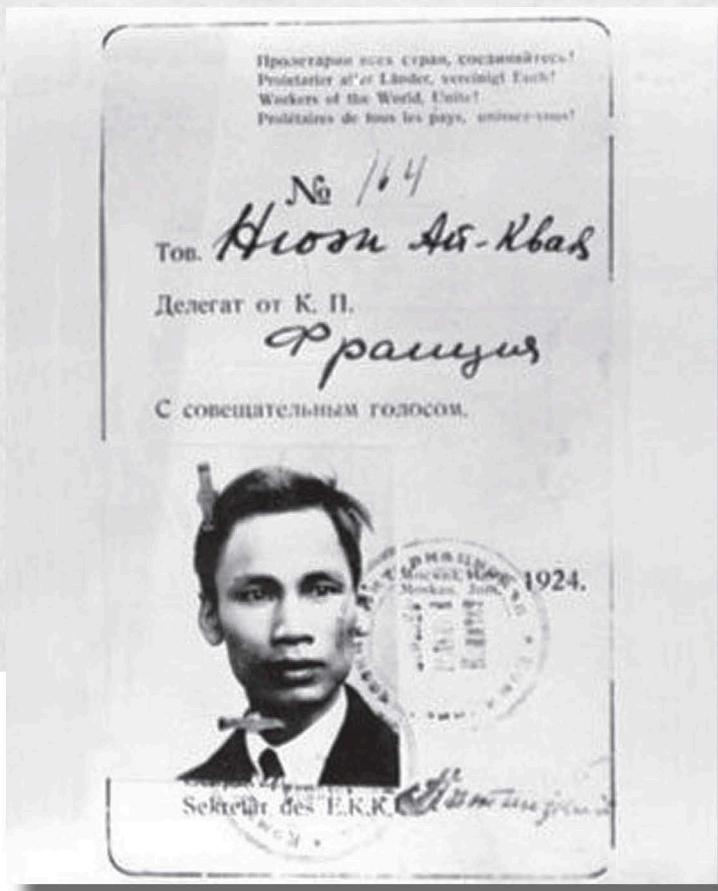
(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)

1
9
2
4



Thư của Nguyễn Ái Quốc gửi từ Mátxcova đến đồng chí Pétôrốp (Petrov) - Trưởng ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản đề nghị thành lập Nhóm châu Á trong số sinh viên từ các nước phương Đông thuộc Trường Đại học Phương Đông, ngày 20/5/1924

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)



Thẻ dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản
của Nguyễn Ái Quốc, năm 1924

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)



Nguyễn Ái Quốc phát biểu tại Đại hội
lần thứ V Quốc tế Cộng sản, năm 1924

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

127
NGUYỄN.- Je suis ici pour attirer incessamment l'attention de l'Internationale sur l'existence des colonies et pour lui signaler qu'il y a un danger colonial comme il y a un avenir colonial pour la Révolution. Or, il me semble que les camarades ne sont pas encore tout à fait pénétrés de l'idée que le sort du prolétariat du monde entier, et surtout celui du prolétariat des pays colonisateurs, est étroitement lié au sort des opprimés des colonies. Puisqu'il en est ainsi, je saisirai toutes les occasions qui se présentent, ou je les provoquerai si cela serait nécessaire, pour agiter devant vous la question coloniale.

Pour cela moi et pour aujourd'hui, il me suffirait de répéter le discours que le cam. Roy a fait ici hier, en changeant seulement les noms propres, en remplaçant simplement le mot Angleterre par les mots France, Belgique, Amérique, Japon, Italie, etc. Mais devant des colonies françaises et pour être bref, je dis que l'imperialisme français, notre parti de France et des colonies françaises; comme le cam. Roy a dit l'imperialisme anglais, notre parti d'Angleterre et des colonies anglaises.

C/. Vous voudrez bien m'excuser de ma franchise, mais je ne peux m'empêcher de vous avouer que, après avoir entendu les discours des camarades des métropoles - j'ai eu l'impression qu'ils veulent tous tuer un serpent en frappant sur la queue. Car vous savez tous que aujourd'hui le vain et la vitalité du serpent capitaliste se trouvent concentré davantage dans les colonies que dans les métropoles. Ce sont les colonies qui lui fournissent les matières premières pour ses usines. Ce sont les colonies qui lui fournissent des soldats pour son armée. Ce seront les colonies qui lui serviront de remparts contre-révolutionnaires. Et vous négligez les colonies en parlant de la Révolution.

C/. Lorsque vous voulez casser un œuf ou une pierre, vous aurez soin de chercher un instrument dont la force est proportionnelle à l'objet à casser. Pourquoi ne prenez-vous pas la même précaution, lorsque vous

128-2
voulez casser le capitalisme? Mais pourquoi dans les questions de la Révolution, vous ne mesurez pas aussi votre tactique, votre force. Pourquoi ne pas proportionner votre force et votre propagande à celles de l'ennemi? Pourquoi voulez combattre et abattre? Pourquoi négligez-vous les colonies alors que le capitalisme s'appuie sur elle pour se défendre et pour vous combattre?

je veux ajouter encore quelque chose en réponse au discours du cam. Treint. Dans son discours, le cam. Treint a parlé d'une poussée révolutionnaire qui approche et d'un mouvement fasciste qui va se former en France. Sur le premier point je suis entièrement d'accord avec l'optimisme du cam. Treint; mais sur le second point, je suis d'un avis contraire. Je pense que la réaction en Italie, en Allemagne et dans d'autres pays a besoin du fascisme pour sa défense, tandis que la réaction française n'en a pas besoin. Elle a d'autres défenseurs beaucoup plus forts, mieux organisés et disciplinés que les chemises noires. Elle a des soldats noirs et jaunes. Vous savez peut-être que l'armée française est actuellement composée de 458.000 jeunes français et 206.550 indigènes des colonies. Mais ce que vous ne savez probablement pas c'est que si l'on compte le temps de service et d'exercice ainsi que la passivité et la facilité avec laquelle on peut faire marcher ces indigènes, chaque soldat indigène vaut 2 soldats français et 1/3. Par conséquent, bien que nominellement l'effectif de l'armée, qui est toujours prête à vous tomber dessus, n'est que de 664.550 hommes, elle est en réalité puissante d'un million, ou pour être rigoureusement exact, 926.960 hommes, puisque si les régiments indigènes, ceux-ci ont, par contre, 431.100 mois de services plus que les soldats français.

(En discutant sur la possibilité et les moyens

129
de faire la révolution, en traçant votre plan pour la prochaine bataille, vous avez bien sûr cam. anglo, cam. français, et que tous les autres camarades nous vous savez avec tous négligé ce point stratégique extrêmement important. C'est pourquoi je toutes mes forces je vous crie : attention!

Bài phát biểu của Nguyễn Ái Quốc tại phiên họp thứ tám Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản về vấn đề thuộc địa tổ chức tại Mátxcova (Liên Xô), ngày 23/6/1924

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)

PHÁT BIỂU TẠI PHIÊN HỌP THỨ TÁM ĐẠI HỘI LẦN THỨ V QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Ngày 23/6/1924

Tôi đến đây để không ngừng lưu ý Quốc tế Cộng sản đến một sự thật là: Thuộc địa vẫn đang tồn tại, và vạch ra để Quốc tế Cộng sản thấy rằng: Cách mạng, ngoài vấn đề tương lai của các thuộc địa còn có cả nguy cơ của các thuộc địa. Song, tôi thấy rằng hình như, các đồng chí chưa hoàn toàn thấm nhuần tư tưởng cho rằng vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa. Vì vậy, tôi sẽ tận dụng mọi cơ hội có được, sẽ gợi ra những vấn đề và nếu cần tôi sẽ thúc tinh các đồng chí về vấn đề thuộc địa.

Hôm nay, tôi cần nhắc lại lời phát biểu tại đây của đồng chí Rô, chỉ xin đổi những tên riêng, nghĩa là đơn giản thay thế từ nước Anh bằng các từ Pháp, Bỉ, Mỹ, Nhật... Song, vì tôi là người xứ thuộc địa Pháp và vì tôi muốn nói ngắn, nên tôi chỉ nói về chủ nghĩa đế quốc Pháp, về Đảng Pháp của chúng tôi và về các đảng tại các thuộc địa Pháp, giống như đồng chí Rô đã nói về nước Anh, về đảng anh em của chúng ta và về các đảng ở các thuộc địa của nước Anh.

Các đồng chí thứ lỗi về sự mạnh bạo của tôi, nhưng tôi không thể không nói với các đồng chí rằng, sau khi nghe những lời phát biểu của các đồng chí ở chính quốc, tôi có cảm tưởng là các đồng chí ấy muốn đánh chết rắn đằng đuôi. Tất cả các đồng chí đều biết rằng, hiện nay nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc. Các thuộc địa cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy; các thuộc địa cung cấp binh lính cho quân đội của chủ nghĩa đế quốc. Các thuộc địa trở thành nền tảng của lực lượng phản cách mạng. Thế mà các đồng chí khi nói về cách mạng, các đồng chí lại khinh thường thuộc địa.

1
9
2
4

1
9
2
4

Các đồng chí, khi các đồng chí muốn đập vỡ một quả trứng hay một hòn đá, thì các đồng chí phải nghĩ đến việc tìm kiếm một công cụ mà sức bền của nó tương xứng với sự vững chắc của đối tượng định đập tan. Tại sao các đồng chí không có sự đề phòng như vậy khi các đồng chí muốn đánh đổ chủ nghĩa tư bản? Tại sao trong những vấn đề của cách mạng các đồng chí không đem ra đối chiếu sách lược, sức mạnh của các đồng chí? Tại sao không so sánh sức mạnh và sự tuyên truyền của các đồng chí với sức mạnh và sự tuyên truyền của kẻ địch mà các đồng chí muốn chống lại và chiến thắng nó? Tại sao các đồng chí lại xem thường các thuộc địa trong lúc chủ nghĩa tư bản lại dựa vào nó để tự bảo vệ và chống lại các đồng chí? Tôi xin bổ sung mấy lời để đáp lại bài phát biểu của đồng chí Tô ranh. Trong bài phát biểu của mình, đồng chí Tô ranh đã nói đến sự xuất hiện một cao trào cách mạng ở Pháp và sự ra đời phong trào phát xít ở đây. Về điểm đầu tiên, tôi hoàn toàn tán thành tinh thần lạc quan của đồng chí Tô ranh; còn điểm thứ hai, thì tôi có ý kiến ngược lại. Tôi cho rằng, bọn phản động ở Italia, ở Đức và các nước khác cần đến chủ nghĩa phát xít để bảo vệ mình; trong khi đó bọn phản động Pháp lại không cần đến nó. Chúng có những người bảo vệ khác, những người bảo vệ mạnh hơn nhiều, có tổ chức hơn và có kỷ luật hơn là "bọn áo đen". Họ có những người lính da đen và da vàng. Có lẽ các đồng chí đã biết là quân đội Pháp hiện nay bao gồm 458.000 thanh niên Pháp và 206.550 người bản xứ ở các thuộc địa. Nhưng chắc chắn là các đồng chí không biết được rằng, nếu tính thời gian phục vụ và huấn luyện cũng như sự dễ dàng làm cho những người bản xứ nổi dậy, thì mỗi người lính bản xứ này có giá trị bằng 2 lính Pháp. Do đó, trên danh nghĩa, tuy số lượng đội quân luôn sẵn sàng tấn công các đồng chí là 664.550 người, mà thực tế lại là 1.000.000 người, hay nói đúng hơn 939.950 người vì số lính Pháp có 251.450 tay súng, đông hơn các trung đoàn người bản xứ thì những người bản xứ này lại phục vụ 431.100 tháng nhiều hơn lính Pháp.

Bàn về khả năng và các biện pháp thực hiện cách mạng, đề ra kế hoạch của cuộc chiến đấu sắp tới, các đồng chí Anh và Pháp cũng như các đồng chí ở các đảng khác hoàn toàn bỏ qua luận điểm cực kỳ quan trọng có tính chiến lược này. Chính vì thế, tôi hết sức kêu gọi các đồng chí: Hãy chú ý!

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.1, tr.295-297.*

1
9
2
4



Nguyễn Ái Quốc chụp ảnh lưu niệm với các đại biểu tham dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản tổ chức tại Mátxcova (Liên Xô), năm 1924

(Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Việt Nam)

1
9
2
4



Nguyễn Ái Quốc cùng các đại biểu tham dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản, năm 1924

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
2
4



Nguyễn Ái Quốc và các đại biểu trong hội trường Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản, năm 1924

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
2
4

Nguyễn Ái Quốc chụp ảnh cùng Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đức, trong dịp Người dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản, năm 1924

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
2
4



Nguyễn Ái Quốc tiếp xúc với một số đại biểu các nước trong thời gian dự
Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản, năm 1924

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
2
4

PHÁT BIỂU TẠI PHIÊN HỌP THỨ 22 ĐẠI HỘI LẦN THỨ V QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Ngày 1/7/1924

Thưa các đồng chí, tôi chỉ xin bổ sung những ý kiến phê bình của đồng chí Manuinxki về chính sách của chúng ta trong vấn đề thuộc địa. Nhưng trước khi đi vào thực chất của vấn đề, tôi thấy nên đưa ra một vài con số thống kê về thuộc địa. Điều này sẽ giúp chúng ta thấy rõ hơn tất cả tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa.

Các nước	Chính quốc		Thuộc địa	
	Diện tích (km ²)	Dân số	Diện tích (km ²)	Dân số
Anh	151.000	45.500.000	34.910.000	403.600.000
Pháp	536.000	39.000.000	10.250.000	55.600.000
Mỹ	9.420.000	100.000.000	1.850.000	12.000.000
Tây Ban Nha	504.500	20.700.000	371.600	853.000
Ý	286.600	38.500.000	1.460.000	1.623.000
Nhật Bản	418.000	57.070.000	288.000	21.249.000
Bỉ	29.500	7.642.000	2.400.000	8.500.000
Bồ Đào Nha	92.000	5.545.000	2.062.000	8.738.000
Hà Lan	83.000	6.700.000	2.046.000	48.030.000

Như vậy, 9 nước với tổng số dân 320.657.000 người và với diện tích 11.407.600 km² bóc lột các nước thuộc địa gồm hàng trăm dân tộc với số dân 560.193.000 người và với diện tích 55.637.000 km².

Toàn bộ lãnh thổ của các nước thuộc địa rộng gấp 5 lần lãnh thổ của các chính quốc, còn số dân của các chính quốc chưa bằng 3/5 số dân của các nước thuộc địa.

Nếu tính riêng những cường quốc đế quốc lớn nhất, thì những con số này lại càng có sức thuyết phục hơn. Số dân của các thuộc địa Anh đông gấp hơn 8 lần rưỡi số dân nước Anh và đất đai của các thuộc địa Anh rộng gấp gần 252 lần đất đai của nước Anh. Còn nước Pháp thì chiếm một số đất đai rộng gấp 19 lần nước Pháp; và số dân ở các thuộc địa Pháp đông hơn số dân nước Pháp 16.600.000 người.

Vì vậy sẽ không phải là quá đáng nếu nói rằng chừng nào Đảng Pháp và Đảng Anh chúng ta chưa thi hành một chính sách thật tích cực trong vấn đề thuộc địa, thậm chí chưa đề cập đến quần chúng các nước thuộc địa, thì toàn bộ chương trình rộng lớn của hai đảng đó vẫn không có hiệu quả gì. Chương trình ấy sẽ không có hiệu quả gì vì nó trái với chủ nghĩa Lênin. Tôi xin nói rõ ý của tôi. Trong bài nói chuyện về Lênin và vấn đề dân tộc, đồng chí Xtalin đã chỉ rằng bọn cải lương và các lãnh tụ Quốc tế thứ hai đã không dám đặt ngang hàng các dân tộc da trắng và các dân tộc thuộc các màu da khác, rằng Lênin đã bác bỏ sự bất bình đẳng đó và phá tan cái vật chướng ngại ngăn chia những người nô lệ văn minh với những người nô lệ không văn minh của chủ nghĩa đế quốc.

Theo Lênin, cách mạng ở phương Tây muốn thắng lợi thì nó phải liên hệ chặt chẽ với phong trào giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và các nước bị nô dịch và vấn đề dân tộc, như Lênin đã dạy chúng ta, chỉ là một bộ phận của vấn đề chung về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản.

Sau đó, đồng chí Xtalin đã nói đến quan điểm phản cách mạng cho rằng không cần liên minh trực tiếp với phong trào giải phóng ở các nước thuộc địa, giai cấp vô sản châu Âu cũng có thể thắng lợi được. Nhưng nếu căn cứ vào hành động để xét về mặt lý luận thì tình trạng các đảng lớn của chúng ta, trừ Đảng Nga, không hoạt động gì cả khiến chúng ta có quyền cho rằng ngày nay các đảng đó vẫn còn giữ quan điểm mà đồng chí Xtalin đã nói.

Giai cấp tư sản các nước thực dân đã làm gì để kìm giữ trong vòng áp bức biết bao quần chúng của các dân tộc bị chúng nô dịch? Chúng làm tất cả. Ngoài việc dùng những phương tiện do bộ máy chính quyền Nhà nước đem lại cho nó, nó đồng thời còn tiến hành tuyên truyền hết sức ráo riết. Bằng những bài nói chuyện, bằng điện ảnh, báo chí, triển lãm và mọi phương pháp khác nữa, nó nhồi cho nhân dân các chính quốc cái đầu óc thực dân, nêu lên trước mắt họ cảnh sống dễ dàng, vinh quang và giàu có đang chờ đợi họ ở các nước thuộc địa.

Còn các đảng cộng sản của chúng ta như Đảng Cộng sản Anh, Hà Lan, Bỉ và các đảng cộng sản các nước khác mà giai cấp tư sản ở đấy chiếm giữ thuộc địa, thì đã làm những gì? Các đảng này, từ

khi chấp nhận bản luận cương của Lênin, đã làm được những gì để giáo dục cho giai cấp công nhân nước mình tinh thần quốc tế chủ nghĩa chân chính, tinh thần gần gũi với quần chúng lao động các nước thuộc địa? Tất cả những việc mà các đảng của chúng ta đã làm về mặt này, thật hầu như chưa có gì cả. Còn về tôi, là một người sinh trưởng ở một nước hiện nay là thuộc địa của Pháp và là một đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, tôi lấy làm tiếc phải nói rằng Đảng Cộng sản Pháp chúng tôi làm rất và rất ít cho các nước thuộc địa.

Báo chí cộng sản chủ nghĩa có nhiệm vụ làm cho các chiến sĩ của chúng ta hiểu rõ vấn đề thuộc địa, làm thức tỉnh sự đồng tình hưởng ứng của quần chúng lao động ở các nước thuộc địa, tranh thủ họ tham gia sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản. Thủ hỏi báo chí đó đã làm được gì? Không được gì hết.

Nếu đem so sánh những chỗ dành cho các vấn đề thuộc địa trên các tờ báo tư sản như *Le Temps*, *Le Figaro*, *L'Œuvre* hay những báo thuộc các khuynh hướng khác như: *Le Peuple* hay *Le Libertaire* với những chỗ dành cho các vấn đề đó trên báo *L'Humanité*, cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng chúng tôi, thì phải nhận rõ rằng sự so sánh này sẽ hoàn toàn không có lợi cho chúng ta.

Bộ Thuộc địa đã đặt ra kế hoạch biến nhiều vùng ở châu Phi thành những vùng đồn điền rộng lớn của tư nhân, và biến dân bản xứ ở những nước này thành những dân nô lệ thật sự, bị trói buộc vào ruộng đất của những ông chủ mới, thế mà báo chí của chúng ta vẫn im tiếng hoàn toàn về điều này. Ở các thuộc địa của Pháp ở Tây Phi, người ta đã áp dụng những biện pháp cưỡng ép chưa từng thấy để bắt lính, thế mà báo chí của chúng ta vẫn không hề lên tiếng. Chính quyền thực dân ở Đông Dương đã biến thành những kẻ buôn nô lệ và bán những người dân Bắc Kỳ cho các chủ đồn điền trên các đảo ở Thái Bình Dương; chúng kéo dài thời hạn đi lính của dân bản xứ từ 2 năm lên 4 năm; chúng đem nộp phần lớn đất đai thuộc địa cho côngxócxiom của những bọn tư bản cá mập; thuế má vốn đã quá nặng nề không chịu nổi, thế mà chúng lại còn tăng lên 30% trong lúc dân bản xứ bị phá sản và chết đói sau trận lụt. Thế mà báo chí chúng ta vẫn cứ im tiếng. Và sau tất cả những điều đó, các đồng chí sẽ ngạc nhiên thấy rằng nhân dân bản xứ đi theo những nhóm dân chủ và tự do như Hội Nhân quyền và các tổ chức tương tự khác là những tổ chức chăm lo hay làm ra vẻ chăm lo đến họ.

Nếu đi sâu hơn chút nữa, chúng ta sẽ thấy những việc hoàn toàn không thể tưởng tượng được, làm cho mọi người phải nghĩ rằng Đảng chúng tôi đã coi thường tất cả những gì dính dáng đến các nước thuộc địa. Ví dụ: báo *L'Humanité* không hề đăng lời kêu gọi của Quốc tế Nông dân gửi nhân dân các nước thuộc địa, do Quốc tế Cộng sản gửi đến để đăng trên báo. Trước Đại hội Liêng trong mục đăng các bài tranh luận, đã đăng hết mọi luận cương, trừ luận cương về vấn đề thuộc địa. Báo *L'Humanité* đã đăng nhiều bài về thắng lợi của võ sĩ Xiki xứ Xênegan, nhưng không hề lên tiếng khi các công nhân bến tàu Đaca, những người đồng nghiệp của Xiki bị bao vây trong khi đang làm việc, bị

bắt và bị vứt lên xe ô tô chở về nhà giam và sau đó bị đưa sang trại lính để rồi trở thành những người bảo vệ văn minh, nghĩa là trở thành lính. Cơ quan trung ương của Đảng chúng tôi hằng ngày đều báo tin cho các bạn đọc về những chiến công của anh phi công Uadi đã bay từ Pháp sang Đông Dương; nhưng khi chính quyền thực dân cướp bóc nhân dân “nước An Nam cao quý”, lấy ruộng của họ giao cho bọn đầu cơ Pháp, phái máy bay chở bom, rồi ra lệnh cho các phi công phải dạy cho những người dân bản xứ bất hạnh và bị cướp bóc kia phải biết điều, thì cơ quan của Đảng chúng tôi lại không thấy cần thiết báo tin đó cho các bạn đọc biết.

Thưa các đồng chí, qua báo chí của mình, giai cấp tư sản Pháp hiểu rằng vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa không tách rời nhau. Tôi cho rằng Đảng chúng tôi chưa hiểu hết điều đó. Những bài học ở miền Ruya, nơi mà binh lính bản xứ được phái đến trấn an những công nhân Đức bị đói, đã vây chặt những trung đoàn lính Pháp đáng nghi; trường hợp xảy ra trong đội quân phương Đông, trong đó binh lính bản xứ được giao súng máy để “động viên tinh thần” binh lính Pháp đã mệt mỏi vì chiến tranh kéo dài và gian khổ; những sự kiện xảy ra năm 1917 ở nơi đóng quân của lính Nga ở Pháp; kinh nghiệm cuộc bãi công của công nhân nông nghiệp ở Pyrénê là nơi mà binh lính bản xứ đã buộc phải giữ vai trò nhục nhã của những kẻ phá hoại cuộc bãi công; và cuối cùng là sự có mặt của 207.000 binh lính bản xứ ở ngay nước Pháp, - tất cả những việc trên đây chưa làm cho Đảng chúng tôi phải suy nghĩ, chưa làm cho Đảng chúng tôi thấy cần phải thực hiện một chính sách rõ ràng và tích cực trong vấn đề thuộc địa. Đảng đã bỏ lỡ tất cả những cơ hội tốt để tuyên truyền. Những cơ quan lãnh đạo mới của Đảng đã thừa nhận là Đảng chúng tôi đã bị động trong vấn đề này. Tôi thấy đó là một dấu hiệu đáng mừng vì khi các lãnh tụ của Đảng đã thừa nhận và nhấn mạnh nhược điểm này trong chính sách của Đảng thì việc đó làm cho người ta hy vọng rằng Đảng sẽ cố gắng hết sức để sửa chữa và củng cố về mặt này. Tôi tin chắc rằng Đại hội này sẽ là bước ngoặt về mặt này và sẽ thúc đẩy Đảng sửa chữa được những thiếu sót trước. Mặc dù nhận xét của đồng chí Manuinxi về cuộc vận động bầu cử ở Angieri rất đúng, song để cho được khách quan, tôi phải nói rằng đúng là Đảng chúng tôi đã bỏ lỡ dịp tốt ở đây, nhưng đã sửa chữa sai lầm, đã đưa đại biểu người bản xứ ra ứng cử ở quận Pari. Tất nhiên như thế còn ít, song bước đầu như vậy là tốt. Tôi sung sướng nhận thấy rằng hiện nay Đảng chúng tôi lại có những ý định tốt đẹp nhất, lại có lòng hăng hái, cái đó là hoàn toàn mới đối với Đảng chúng tôi; và chỉ cần bằng hành động thực tiễn thì nhất định những cái ấy sẽ đưa Đảng tới một chính sách đúng đắn trong vấn đề thuộc địa.

Vậy phải hành động thực tiễn như thế nào? Đề ra những luận cương dài dằng dặc và thông qua những nghị quyết rất kêu để sau Đại hội đưa vào viện bảo tàng như từ trước vẫn làm thì chưa đủ. Chúng ta cần có biện pháp cụ thể. Tôi đề nghị mấy điểm dưới đây:

1. Mở trên báo *L'Humanité* một mục để đăng đều đặn hằng tuần ít nhất hai cột các bài về vấn đề thuộc địa.
2. Tăng cường tuyên truyền và tuyển lựa đảng viên của Đảng trong những người bản xứ ở những nước thuộc địa đã có phân bộ cộng sản.
3. Gửi những người bản xứ vào Trường đại học cộng sản của những người lao động phương Đông ở Mátxcova.
4. Thỏa thuận với Tổng Liên đoàn lao động thống nhất để tổ chức những người lao động của các thuộc địa làm việc ở Pháp.
5. Đặt nhiệm vụ cho các đảng viên của Đảng phải quan tâm hơn nữa đến vấn đề thuộc địa.

Theo tôi, những đề nghị này là hợp lý và nếu Quốc tế Cộng sản và các đại biểu của Đảng chúng tôi tán thành thì tôi tin rằng đến Đại hội lần thứ VI, Đảng Cộng sản Pháp chúng tôi sẽ có thể nói rằng mặt trận thống nhất của nhân dân chính quốc và thuộc địa đã trở thành sự thật.

Thưa các đồng chí, vì chúng ta tự coi mình là học trò của Lênin, cho nên chúng ta cần phải tập trung tất cả sức lực và nghị lực để thực hiện trên thực tế những lời di huấn quý báu của Lênin đối với chúng ta về vấn đề thuộc địa cũng như các vấn đề khác.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.298-304.

PHÁT BIỂU TẠI PHIÊN HỌP THỨ 25 ĐẠI HỘI LẦN THỨ V QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Ngày 3/7/1924

Các thuộc địa Pháp chiếm một diện tích rộng 10.211.510 km² với số dân là 55.571.000 người ở rải khắp bốn lục địa. Dù có sự khác nhau về chủng tộc, khí hậu, tập quán, truyền thống, về trình độ phát triển kinh tế và xã hội, song có hai điểm chung làm cho các nước thuộc địa giống nhau và sau này có thể đi tới thống nhất để cùng đấu tranh:

1. *Tình hình kinh tế*: trong tất cả các thuộc địa Pháp, công nghiệp và thương nghiệp phát triển rất yếu ớt và nhân dân hầu hết làm nghề nông, 95% số dân bản xứ là nông dân.

2. Ở tất cả các nước thuộc địa, nhân dân bản xứ đều bị tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp bóc lột không ngừng.

Tôi không có thời giờ phân tích kỹ lưỡng về tình hình nông dân từng nước thuộc địa. Vì vậy, tôi chỉ lấy một vài thí dụ điển hình để chúng ta có một ý niệm về tình cảnh nông dân các nước thuộc địa.

Tôi xin bắt đầu từ nước tôi, Đông Dương là nước tôi biết rõ hơn cả.

Khi Pháp đánh chiếm thuộc địa này, chiến tranh đã làm cho nông dân phải rời bỏ làng mạc của họ. Sau đó, khi họ trở về thì đã thấy ruộng đất của họ bị bọn chủ đồn điền, theo sau quân đội chiến thắng, chiếm mất. Thậm chí chúng đã chia nhau cả những đất đai mà nông dân bản xứ đã cày cấy từ bao đời nay. Như vậy là nông dân An Nam đã biến thành nông nô và buộc phải cày cấy ruộng đất của chính mình cho bọn chủ nước ngoài.

Nhiều người trong những người xấu số này vì không chịu sống trong những điều kiện vô cùng khắc nghiệt do những kẻ chiếm đoạt đưa ra, nên đã bỏ ruộng đất của mình và lang thang nay đây mai đó khắp nước; người Pháp gọi họ là “giặc cướp” và tìm đủ mọi cách truy nã họ.

Ruộng đất cướp được bằng cách ấy đã được đem chia cho bọn chủ đồn điền. Chỉ cần xin một tiếng là bọn chúng có thể được hưởng những khoảnh đất có khi trên 2 vạn và 2,5 vạn ha.

1
9
2
4

Những tên chủ đồn điền này không những chiếm không ruộng đất mà còn chiếm không cả mọi thứ cần thiết để khai thác số ruộng đất đó, kể cả sức lao động.

Chính quyền cho phép chúng sử dụng một số tù khổ sai làm không công, hoặc bắt các xã phải cung cấp nhân lực cho các chủ đồn điền.

Bên cạnh chính quyền lang sói đó, cần phải nói tới Nhà chung. Chỉ riêng Giáo hội Thiên Chúa đã chiếm 1/4 diện tích cày cấy ở Nam Kỳ. Để chiếm số ruộng đất đó, Nhà chung đã dùng những phương pháp không thể tưởng tượng được là mua chuộc, lừa đảo và cưỡng bức. Đây là một vài thí dụ. Lợi dụng lúc mất mùa, Nhà chung cho nông dân vay tiền nhưng bắt buộc họ phải cầm ruộng. Tiền lãi quá cao làm cho nông dân không sao trả hết nợ, nên buộc phải bán đứt số ruộng cầm trước cho Nhà chung. Bằng mọi thủ đoạn tàn ác, Nhà chung cố tìm ra đủ mọi thứ tài liệu mật có thể gây nguy hại cho những nhà cầm quyền. Lợi dụng những giấy tờ đó làm công cụ đe dọa, Nhà chung đạt được tất cả những gì họ muốn. Nhà chung lập hội với bọn tư bản lớn để khai khẩn những đồn điền chiếm không và những ruộng đất cướp được của nông dân. Bọn tay chân của Nhà chung giữ những chức cao trong Chính phủ. Nhà chung cũng bóc lột “con chiên” một cách tàn nhẫn không kém chủ đồn điền. Một thủ đoạn khác của Nhà chung là tập hợp những người ăn xin, bắt họ khai khẩn đất mới và hứa là sau khi khai khẩn xong sẽ chia cho họ. Nhưng khi ruộng đất mới vừa khai khẩn xong và sắp được gặt, thì Nhà chung tuyên bố là ruộng đất này thuộc về Nhà chung và đuổi những người đã dùng sức lao động của mình làm cho ruộng đất ấy được phì nhiêu. Bị những kẻ “bảo hộ” họ (ở trong tôn giáo hay ở ngoài tôn giáo) cướp bóc, nông dân An Nam thậm chí không thể yên ổn làm ăn trên phần ruộng đất ít ỏi còn lại của mình. Người ta bắt những người đo đạc phải đo ruộng đất của nông dân không đúng để bắt họ phải đóng thuế khống. Thuế ruộng đất mỗi năm một tăng. Mới đây, khi chiếm hàng nghìn hécta của người An Nam ở miền ngược để giao cho bọn đầu cơ, các nhà cầm quyền đã phái máy bay đến để những nạn nhân bị cướp bóc ở đấy không dám nghĩ đến nổi loạn.

Những người nông dân bị cướp bóc, phá sản và bị đuổi đi nơi khác lại tìm cách khai khẩn đất để làm ruộng. Nhưng khi đất mới vừa khai khẩn xong thì chính quyền lại chiếm lấy và buộc nông dân phải mua lại theo giá do chính quyền định. Ai không đủ sức mua thì bị đuổi đi một cách tàn nhẫn.

Năm ngoái, mặc dù đất nước bị nạn lụt tàn phá, thế mà thuế ruộng đất vẫn tăng ngay một lúc lên 30%.

Ngoài những thứ thuế bất công làm cho nông dân bị phá sản, nông dân còn phải đi phu, đóng thuế thân, thuế muối, đóng công trái cưỡng bức, lạc quyền và v.v..

Chủ nghĩa tư bản Pháp cũng thực hiện chính sách ăn cướp và bóc lột như vậy ở Angieri, Tuynidi, Marốc. Tất cả những ruộng đất tốt và được tưới nước thì phải để cho bọn thực dân di cư tới chiếm.

Dân bản xứ bị đuổi đi, họ phải tìm nơi nương tựa ở những vùng ven núi hay những nơi ruộng đất khó làm ăn. Các công ty tài chính, bọn đầu cơ và quan lại cao cấp chia nhau ruộng đất của các thuộc địa.

Do những hoạt động trực tiếp và gián tiếp, các ngân hàng Angieri và Tuynidi năm 1914 đã thu được 12.258.000 phrăng tiền lời với số vốn là 25 triệu phrăng.

Ngân hàng Marốc với số vốn là 15.400.000 phrăng, năm 1921 đã thu được 1.753.000 phrăng tiền lời.

Công ty Pháp - Angieri chiếm 324.000 ha ruộng đất tốt nhất.

Tổng công ty Angieri chiếm 10 vạn hécta.

Một công ty tư nhân đã chiếm khoảng 5 vạn hécta rừng, còn công ty phốt phát và đường sắt Cápde thì đã chiếm 5 vạn hécta có nhiều mỏ quặng và lại có quyền ưu tiên đối với 2 vạn ha chung quanh khu vực này.

Một cựu nghị sĩ Pháp đã chiếm một đồn điền 1.125 ha có quặng mỏ, trị giá là 10 triệu phrăng, thu nhập hàng năm là 4 triệu phrăng. Dân bản xứ, người chủ của những mỏ quặng này, mỗi năm chỉ thu hoạch được 1% phrăng mỗi hécta.

Chính sách thực dân của Pháp đã thủ tiêu quyền chiếm hữu công cộng và thay thế bằng quyền chiếm hữu tư nhân. Nó cũng thủ tiêu quyền chiếm hữu nhỏ, làm lợi cho quyền chiếm hữu đồn điền lớn. Nó đã làm cho nông dân bản xứ mất hơn 5 triệu ha ruộng đất tốt nhất.

Trong 15 năm, nông dân ở Cabili bị cướp mất 192.090 ha.

Từ năm 1913, mỗi năm nông dân Marốc bị cướp mất 12.500 ha ruộng đất cà cấy. Từ khi Pháp thắng trong cuộc chiến tranh “vì công lý”, con số đó tăng lên tới 14.540 ha.

Hiện nay, ở Marốc chỉ có 1.070 người Pháp mà chiếm tới 500.000 ha ruộng đất.

Cũng như những người anh em của họ là nông dân An Nam, nông dân châu Phi phải chịu cảnh cơ cực không thể chịu nổi, phải lao dịch liên miên và phải gánh những thứ thuế má nặng nề. Sự còng khốn của họ không sao tả xiết. Thiếu lương thực nên họ phải ăn những thứ rau cỏ dại hay thóc gạo mục nát, vì thế mà bệnh sốt, thương hàn, bệnh lao hoành hành trong nhân dân. Ngay những năm được mùa cũng thấy có nông dân đi bới những đống rác ở thành thị, tranh thức ăn thừa với chó. Còn khi mất mùa thì xác chết nông dân ngổn ngang ngoài đồng và trên đường.

Tình cảnh của nông dân ở miền Tây châu Phi và châu Phi xích đạo thuộc Pháp còn khủng khiếp hơn nữa.

Gần 40 công ty chiếm những thuộc địa này. Họ chiếm tất cả: ruộng đất, tài nguyên thiên nhiên, cả sinh mạng của dân bản xứ nữa. Nhân dân bản xứ thậm chí không có quyền làm việc cho mình. Họ buộc phải làm việc cho các công ty, bao giờ cũng thế và chỉ được làm việc cho các công ty mà thôi.

Để bắt họ phải làm không công, các công ty đã dùng thủ đoạn cưỡng bức vượt quá sức tưởng tượng. Tất cả ruộng đất đều bị tịch thu hết. Chỉ có người nào chịu làm công việc do các công ty ấy đòi hỏi thì mới được một phần ruộng nhỏ. Ăn uống thiếu thốn đã làm cho họ mắc đủ thứ bệnh tật và chết rất nhiều, nhất là trẻ con.

Một phương pháp khác là bắt ông già, phụ nữ và trẻ con làm con tin. Chúng giữ những người này trong những căn nhà chật chội, đói xử tàn tệ, hành hạ họ, bắt nhịn đói và nhiều khi giết họ nữa. Ở một vài địa phương, số người bị bắt làm con tin thường xuyên lại nhiều bằng số người làm việc để đề phòng mọi mưu toan của những người làm việc tìm cách chạy trốn. Để công việc ở các đồn điền khỏi bị đình trệ, người ta cấm dân bản xứ không được cày cấy ruộng của mình kịp thời. Do đó, nạn đói và bệnh dịch thường xảy ra, tàn phá các thuộc địa.

Nếu một vài bộ lạc trốn vào rừng và tránh được ách bóc lột của bọn chủ đồn điền thì họ phải sống chẳng khác gì thú vật, họ ăn rễ củ và lá cây, chết vì sốt rét, vì khí hậu. Trong lúc ấy thì bọn chủ da trắng tàn phá đồng ruộng và làng mạc của họ để khủng bố. Sau đây là một đoạn trong cuốn sổ tay công vụ của một sĩ quan tả một cách vắn tắt, rõ ràng và thê thảm sự đàn áp nô nòng dân bản xứ:

Hành binh càn quét làng Côevan.

Hành binh càn quét làng Phanôp Cunô, làng và vườn trại bị tàn phá.

Hành binh càn quét làng Bêcannixơ, làng bị đốt trụi, 3.000 cây chuối bị chặt.

Hành binh càn quét làng Cua, làng bị phá, vườn trại hoàn toàn bị phá trụi.

Hành binh càn quét làng Abimaphan, tất cả nhà cửa đều bị đốt, vườn trại bị phá.

Hành binh càn quét làng Examphami, làng bị phá.

Các làng ven sông Bôm đều bị đốt.

Tại những miền châu Phi thuộc Ý, Tây Ban Nha, Anh và Bồ Đào Nha cũng có một chế độ cướp bóc, làm phá sản, giết chóc và tàn phá một cách khủng khiếp như vậy.

Ở Cônggô thuộc Bỉ, năm 1891 dân số là 25 triệu, thế mà đến năm 1911 chỉ còn có 8,5 triệu. Những bộ lạc Hererô và Cama ở thuộc địa cũ của Đức tại châu Phi đã hoàn toàn bị tiêu diệt, 8 vạn người bị giết trong thời gian Đức chiếm đóng và 15.000 người bị giết trong thời kỳ “bình định” năm 1914. Cônggô thuộc Pháp năm 1894 có 20.000 dân, thế mà đến năm 1911 chỉ còn có 9.700 người. Trong một vùng, năm 1910 có 10.000 dân, sau đó 8 năm chỉ còn được 1.080 người. Trong một vùng khác với 4 vạn dân da đen, chỉ trong 2 năm đã có 2 vạn người bị giết, nửa năm sau 6.000 người nữa lại bị giết và bị thương tật.

Những vùng ven sông trù phú và đông đúc dân cư, chỉ sau 15 năm đã biến thành những miền hoang vu. Những mảnh xương tàn đã rải rác trắng khắp các ốc đảo và làng mạc bị tàn phá.

Tình cảnh những người còn sống sót thật khủng khiếp: nông dân bị cướp mất phần ruộng bé nhỏ “để dành” của mình, thợ thủ công mất nghề, còn người chăn nuôi thì mất súc vật. Dân Matabêle là dân chăn nuôi nhiều súc vật trước khi người Anh đến, họ có tới 20 vạn súc vật có sừng. Hai năm sau chỉ còn 40.900 con. Dân Hererô có 9 vạn súc vật, trong vòng 12 năm bọn thực dân Đức đã cướp mất một nửa. Những trường hợp tương tự như vậy, xảy ra rất nhiều trong tất cả các nước da đen đã tiếp xúc với văn minh của người da trắng.

Để kết luận, tôi xin lấy một dẫn chứng của một người da đen là Ronê Marâng, tác giả cuốn *Batuala*. Ông ta nói: “Châu Phi vùng xích đạo là nơi dân cư đông đúc, giàu cao su, ở đây có đủ các loại vườn trại trồng cây, gà và dê rất nhiều. Chỉ sau 7 năm mọi cái đều bị phá hoại. Làng mạc tan tành, vườn trại hoang tàn, gà và dê bị giết. Nhân dân bản xứ kiệt sức vì phải làm việc nặng nhọc liên miên và không công nên không đủ sức và không còn thời gian, dù là rất ít, để cày cấy ruộng đất. Bệnh tật phát sinh, nạn đói hoành hành, số người chết càng nhiều... Nên biết rằng họ là con cháu của một bộ lạc khỏe mạnh, thiện chiến, dẻo dai và đã được tôi luyện. Ở đây, nền văn minh đã tiêu tan...”.

Để bổ sung bức tranh bi thảm này, tôi xin thêm một điểm là chủ nghĩa tư bản Pháp không hề ngần ngại đẩy cả một khu vực vào cảnh đói kém, nếu việc đó có lợi cho nó. Trong nhiều nước thuộc địa, ví dụ như Rêuyniông, Angieri, Mađagátxca, v.v., người ta không trồng ngũ cốc nữa, mà lại phải trồng những thứ khác cần cho nền công nghiệp của Pháp. Những thứ này có lợi hơn cho chủ đồn điền. Điều đó làm cho đời sống ở thuộc địa rất đắt đỏ và luôn luôn xảy ra nạn đói.

Trong tất cả các thuộc địa của Pháp, nạn nghèo đói đều tăng, sự phẫn uất ngày càng lên cao. Sự nổi dậy của nông dân bản xứ đã chín muồi. Trong nhiều nước thuộc địa, họ đã vài lần nổi dậy, nhưng lần nào cũng bị dìm trong máu. Nếu hiện nay nông dân vẫn còn ở trong tình trạng tiêu cực, thì nguyên nhân là vì họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Quốc tế Cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng.

1
9
2
4



Nguyễn Ái Quốc được quần chúng công kênh trong buổi liên hoan mừng Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản thành công, năm 1924

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
2
4



Nguyễn Ái Quốc cùng một số đồng chí hoạt động ở Quốc tế Cộng sản, năm 1924

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
2
4

Бо́льшеви́к междунаро́дного пролетариа́та



Nguyễn Ái Quốc và các lãnh tụ của giai cấp
vô sản quốc tế, năm 1924

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
2
4

civilisé

caise

**LÉNINE
ET LES PEUPLES NOIRS**

L'attent

Un Avertis

Nous allons nous occuper dans les prochaines colonnes de l'actualité chinoise. L'actualité nationale de l'Indo-Chine. Nous d'abord rappellerons quelques mots sur le communisme et les idées politiques qui, partis un peu partout, ont éclaté d'organiser la chef à Chine, et nous au sujet de la présence de certaines compagnies et que négocié en Hong Kong. La révolution, et finalement à expliquer le point de vue des deux dernières, et de l'opposition au gouvernement de la République. Ensuite, nous nous intéresserons à la situation dans l'Asie centrale et au sud de l'Asie, et nous terminerons par une analyse de l'actualité mondiale.

Cette fois-ci, nous nous intéresserons à l'Asie centrale et au sud de l'Asie, et nous terminerons par une analyse de l'actualité mondiale.

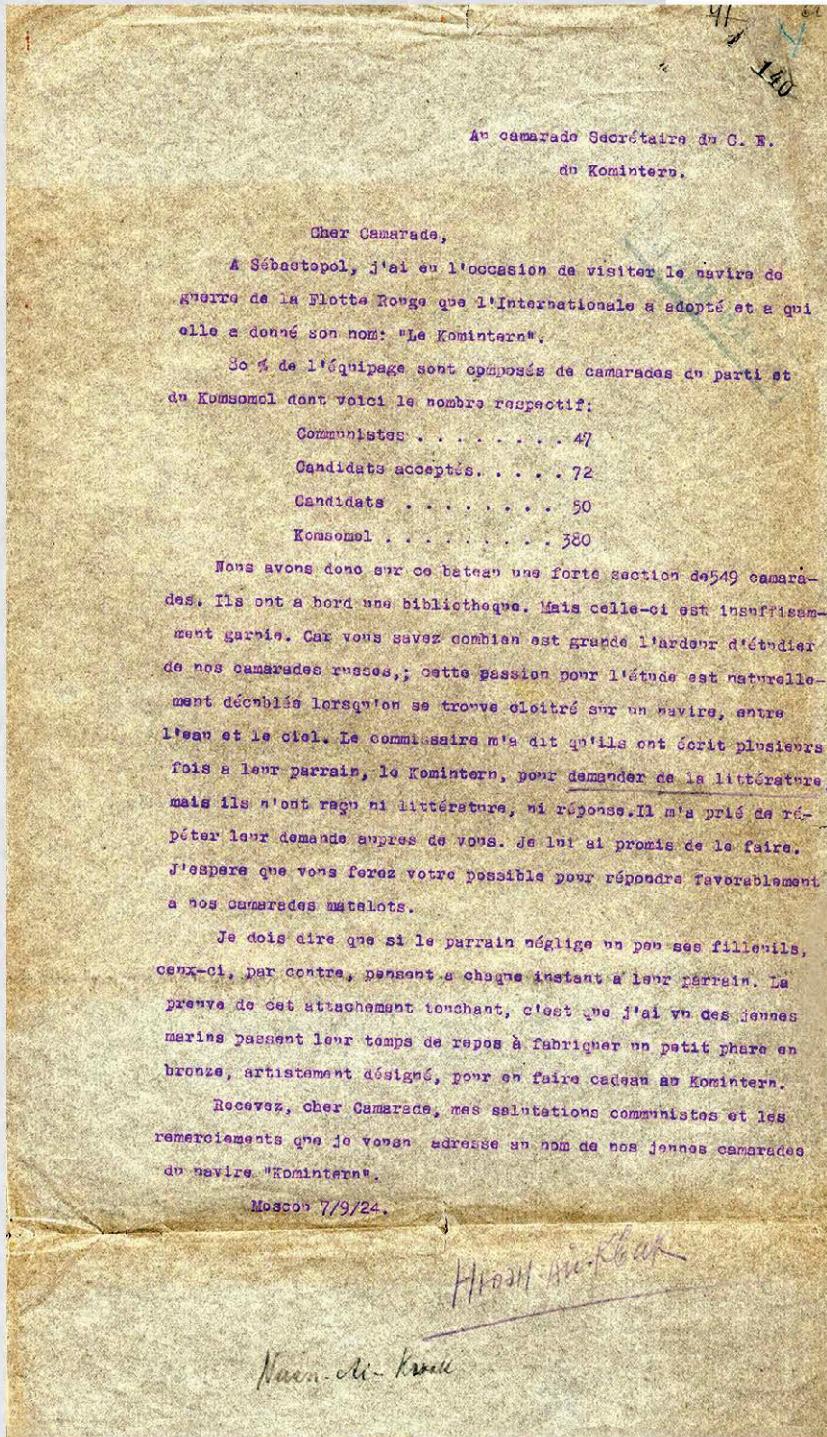
W. LENINE

Le Parlement chinois a accepté les intégrations de communautés. Il a été décidé à Pékin, le 10 juillet, que les deux communautés, l'industrielle et l'agricole, doivent être intégrées dans le régime, qui sera établi pour servir toute la population. Les deux communautés doivent être intégrées dans le régime, qui sera établi pour servir toute la population.

Bài *Lênin và các dân tộc phương Đông*
của Nguyễn Ái Quốc, đăng trên báo
Le Paria, số 27, tháng 7/1924

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
2
4



Thư của Nguyễn Ái Quốc gửi từ Mátxcova (Liên Xô) đến Bí thư Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản báo cáo về việc đến thăm Chiến hạm "Quốc tế Cộng sản" ở cảng Xêvaxtôpôn (Sevastopol), Liên Xô, ngày 7/9/1924

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)

1
9
2
4



Trích Biên bản họp số 9, ngày 25/9/1924 của Văn phòng Ban Thư ký quốc tế Cộng sản (Điểm 4: Đồng chí Nguyễn Ái Quốc được đi Quảng Châu bằng kinh phí của Ban Phương Đông)

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)

1
9
2
4

Canton, 12d november1924

Dear Comrade.

Juste a line to let you know that I arrived here yesterday, and am staying in the home of Comrade Verodin with 2 or 3 of our chinese comrades. I haven't seen anybody yet. Everyone here is busy about Dr Sun going North.

I will write you soon.

My brotherly greetings to you and to all our comrades at the Komintern.

Hồ Chí Minh

Address:

Lou, The Boston Agency
Canton, China

Please, give the following letter to the French Bureau.

Thư của Nguyễn Ái Quốc gửi Quốc tế Cộng sản, báo tin đã đến Quảng Châu và ở tại nhà của cố vấn Liên Xô Bôrôđin, ngày 12/11/1924

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

GỬI TỔNG THU KÝ QUỐC TẾ NÔNG DÂN

Quảng Châu, ngày 12/11/1924

Gửi đồng chí Đômban, Tổng Thư ký Quốc tế Nông dân,

Đồng chí thân mến,

Chuyến đi của tôi từ Mátxcơva được quyết định hơi đột ngột, và tôi không thể báo trước cho đồng chí điều đó. Tôi xin đồng chí thứ lỗi và chuyển sự tạ lỗi của tôi đến các đồng chí chúng ta ở Hội đồng.

Ở đây, chúng ta có một phong trào nông dân rất đáng chú ý: dưới sự bảo trợ của Quốc dân Đảng và dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản, những nông dân nghèo đã tự tổ chức lại. Về phía các địa chủ, họ cũng có tổ chức nhưng tất nhiên với một mục đích khác. Đó là một cơ hội tuyệt diệu cho sự tuyên truyền của chúng ta. Vậy tôi đề nghị đồng chí vui lòng gửi cho tôi tất cả mọi tài liệu mà đồng chí có thể có như các báo, các tuyên ngôn, v.v.. Tôi sẽ đảm nhiệm thu xếp với các đồng chí chúng ta ở đây để phổ biến chúng.

Về việc liên quan tới vị trí của tôi là ủy viên Đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân thì đồng chí cứ làm nếu như đồng chí xét là tốt hoặc là đề nghị thay thế tôi, ở trường hợp này đồng chí nói là tôi ốm, chứ đừng nói là tôi *vắng mặt*, bởi vì tôi sống bất hợp pháp ở đây. Hoặc là nếu đồng chí thấy có ích thì cứ giữ lại cái danh nghĩa dân thuộc địa Nguyễn Ái Quốc để trang trí cho những tuyên ngôn và những lời kêu gọi của Hội đồng.

Xin gửi đồng chí và tất cả các đồng chí của chúng ta lời chào công sản.

Địa chỉ để gửi tài liệu:

Ô. Lu, Hàng thông tấn Rôxta, Quảng Châu, Trung Quốc.

NGUYỄN ÁI QUỐC

1
9
2
4

Canton le 12 novembre 1924

Mes chères Camarades,

Lorsque j'étais au Komintern, j'ai eu le plaisir de collaborer quelquefois à votre journal. Maintenant, je veux continuer cette collaboration. Mais puisque je travaille ici illégalement, je vous envoie des articles sous forme de (lettres de Chine), et signés d'un nom de femme. Je crois que cela peut donner plus d'originalité aux écrits et plus de variété à la lecture, en même temps cela me garde ^{un peu} comme l'anonymat.

Je vous serais infiniment obligé de vouloir bien m'envoyer régulièrement non seulement votre journal, mais toutes les publications russes pouvant intéresser les femmes et les enfants; car il y a un grand travail à faire ici parmi les femmes et les enfants, et nos camarades d'ici n'ont pas assez de matériel pour l'éducation et la propagande. De mon côté, je vous promets de vous fournir des informations sur le mouvement des femmes en Orient en général, et en particulier en Chine.

S'il serait nécessaire de payer les abonnements des journaux que vous nous enverrez, je vous prie de prendre le salaire de mes articles pour cela.

Recevez, chères Camarades, mes salutations communistes

- Adresse pour la réception des journaux-

*Soy, ROSTA news agency
Canton,
Chine*

Thư của Nguyễn Ái Quốc gửi Ban Biên tập
Tạp chí *Rabotnichtxa*, Quảng Châu, ngày
12/11/1924

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

GỬI BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ *RABÔTNHÍTXA*

Quảng Châu, ngày 12/11/1924

Các nữ đồng chí thân mến,

Khi tôi còn ở Quốc tế Cộng sản, tôi phấn khởi được đôi lần cộng tác với tờ báo của các đồng chí. Nay tôi muốn tiếp tục sự cộng tác ấy. Nhưng vì ở đây tôi hoạt động bất hợp pháp, cho nên tôi gửi bài cho các đồng chí dưới hình thức “Những bức thư từ Trung Quốc” và ký tên một phụ nữ. Tôi nghĩ rằng làm như vậy những bài viết có tính chất độc đáo hơn và phong phú hơn đối với độc giả, đồng thời cũng bảo đảm giấu được tên thật của tôi.

Xin các đồng chí gửi đều đặn cho tôi không chỉ riêng báo của các đồng chí, mà cả những sách báo Nga mà phụ nữ và thiếu nhi có thể ưa thích, bởi vì ở đây còn phải làm nhiều việc vận động phụ nữ và thiếu nhi, nhưng các đồng chí của chúng ta ở đây lại chưa có đủ tài liệu huấn luyện và tuyên truyền. Về phần tôi, tôi hứa sẽ cung cấp cho các đồng chí tin tức về phong trào phụ nữ ở phương Đông nói chung và ở Trung Quốc nói riêng.

Nếu phải trả tiền đặt mua các thứ báo mà các đồng chí sẽ gửi cho tôi, xin các đồng chí cứ giữ lại tiền thù lao các bài báo tôi viết để trả.

Xin các đồng chí nhận lời chào cộng sản của tôi.

Địa chỉ nhận báo:

Ô. Lu, Hằng thông tấn Rôxta,
Quảng Châu, Trung Quốc.

NGUYỄN ÁI QUỐC

1
9
2
4

THƯ TỪ TRUNG QUỐC, SỐ 1

Các nữ đồng chí thân mến,

Các đồng chí biết rằng nước tôi, Trung Quốc, bị kìm kẹp tàn nhẫn trong một cái kìm mà những đế quốc nước ngoài là một gọng và những tay sai trung thành của chúng - những bọn quân phiệt Trung Quốc - là gọng khác. Bọn chúng giúp nhau để bóc lột chúng tôi. Mỗi khi chúng thấy phong trào giải phóng nảy sinh - dù của đàn ông hay đàn bà - chúng không từ việc gì để bóp chết nó. Sự áp bức đè nặng lên chúng tôi, nhưng chúng tôi bị áp bức nặng nề hơn gấp nghìn lần đàn ông... Không có chút quyền tự do chính trị, kinh tế và xã hội, chúng tôi bị bóc lột gấp đôi bởi vì là lao động và vì là đàn bà. Việc không có học vấn, tính thu động, tập tục còn làm cho những nỗi khổ cực của chúng tôi càng nặng nề thêm.

Tiếng vang của cách mạng Nga làm cho chúng tôi dường như thoát khỏi cơn ác mộng đau đớn. Dần dần chúng tôi bắt đầu nghe, nhìn, suy nghĩ và trở nên ý thức được rằng chúng tôi cũng vậy, chúng tôi là những con người như những đàn ông, rằng chúng tôi cũng vậy, chúng tôi phải có quyền sống và làm việc, và sau hết rằng để giành được quyền đó, chúng tôi cũng phải đấu tranh như những đàn ông và cùng với đàn ông chống lại những kẻ bóc lột chúng tôi. Từ đó, những người tiến bộ nhất trong chúng tôi vào Đảng Cộng sản, vào Thanh niên Cộng sản; những người khác gia nhập đảng cách mạng là Quốc dân Đảng. Đảng này có cảm tình thành thật với nước Cộng hoà Xôviết.

Nước Nga cách mạng không chỉ nêu một tấm gương mà còn cho chúng tôi người hướng dẫn nữa. Chúng tôi được may mắn là ở đây có nữ đồng chí, đồng chí Bôrôđin¹⁾. Đồng chí này nỗ lực làm cho chúng tôi hiểu và làm việc trên con đường giải phóng. Đồng chí tổ chức, giáo dục, khuyến khích, làm thức tỉnh tại mọi nơi mà đồng chí đến. Khi làm cho chúng tôi cảm phục Cách mạng Nga, đồng thời, đồng chí cũng làm cho chúng tôi cảm thấy sự tất yếu của cách mạng Trung Quốc. Đồng chí có cách đặc

1) Ở đây tác giả nói tới vợ của M.M. Bôrôđin, Trưởng đoàn cố vấn của Chính phủ Liên Xô bên cạnh Chính phủ Tôn Trung Sơn những năm 1923 - 1927 (B.T).

biệt để nói chuyện với chúng tôi. Những lời rõ ràng, đơn giản và thành thực của đồng chí khiến chúng tôi hiểu được và suy nghĩ. Đồng chí biết khuyến khích những chị đã hiểu chút ít và làm cho những chị khác còn chưa hiểu thì hiểu. Các đồng chí biết rằng chúng tôi, phụ nữ Trung Quốc, còn rất lạc hậu, nhút nhát và hững hờ. Đó là một nhiệm vụ khá khó khăn để làm cho chúng tôi đột nhiên thoát khỏi tập quán hàng nghìn năm đó, vậy mà đồng chí thân mến của chúng tôi đã làm cái đó khéo léo đến thế và ân cần niềm nở đến thế, nếu như tôi có thể bày tỏ như vậy. Các đồng chí hãy ghi nhận đây là một ví dụ: Tháng trước, tại buổi lễ kỷ niệm Cách mạng Nga, do lời kêu gọi của nữ đồng chí Bôrôđin, hơn 3.000 nữ công nhân và nữ sinh viên Quảng Châu đã đi biểu tình với nam giới và đã dự mít tinh. Sau khi nghe người đồng chí chúng ta nói trong một giờ mà bài diễn văn bị ngắt quãng bởi những tràng vỗ tay kéo dài, một chị của chúng tôi đã đọc nghị quyết sau đây:

Hôm nay, chúng tôi ở đây để làm lễ kỷ niệm cuộc Cách mạng vĩ đại nhất mà lịch sử đã chứng kiến: Cuộc Cách mạng Nga. Chính nhờ cuộc cách mạng này mà cơ sở của quyền tự do chân chính và quyền bình đẳng thực sự đã được đặt ra cho loài người. Chính nhờ cuộc cách mạng này mà sự giải phóng phụ nữ sẽ có giá trị và có những ý nghĩa đầy đủ, trọn vẹn.

Thay mặt cho tất cả các chị em, cảm ơn nữ đồng chí và cam kết làm việc hết sức mình để hợp sức vào sự chiến thắng cuối cùng của cách mạng thế giới, mở đầu một cách thắng lợi bởi giai cấp vô sản anh hùng nước Nga.

Nghị quyết này đã được biểu quyết nhất trí với tiếng hô to:

Cách mạng Nga muôn năm!

Cách mạng Trung Quốc muôn năm!

Đả đảo chủ nghĩa đế quốc!

Người ta chưa bao giờ thấy phấn khởi nhiều như thế trong phụ nữ chúng tôi! Đó thật sự đã là cuộc cách mạng nhỏ!

Trong thư sau, tôi sẽ cho các đồng chí biết chúng tôi hoạt động ở đây như thế nào. Trong khi chờ đợi niềm vui được đọc thư các đồng chí, thay mặt các đồng chí của tôi, xin gửi đến các đồng chí lời chào chân thành nhất.

Quảng Châu, 12/11/1924

LOO SHING YAN

nữ đảng viên Quốc dân Đảng¹⁾

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.6-8.

1) Trong thư gửi tạp chí *Rabotnichtxa* ngày 12/11/1924, Nguyễn Ái Quốc thông báo: Các bài gửi tạp chí lấy tên *Những bức thư từ Trung Quốc* và ký tên một phụ nữ (B.T).

GỬI CHỦ TỊCH ĐOÀN QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Tôi đến Quảng Châu vào giữa tháng 12. Tôi đã gặp tại đây vài ba nhà cách mạng quốc gia An Nam, trong số này có một người đã xa rời xứ sở từ ba mươi năm nay¹⁾. Trong thời gian đó ông ta đã tổ chức nhiều cuộc nổi dậy chống Pháp. Tất cả những cuộc nổi dậy ấy đều đã đưa tới cái chết của mấy tên sĩ quan và binh lính Pháp, sự chiếm đoạt mấy khẩu súng và... là việc người của chúng ta chạy thoát, do không được giúp đỡ và viện trợ.

Mục đích duy nhất của ông này là trả thù cho nước, cho nhà đã bị bọn Pháp tàn sát. Ông không hiểu chính trị, và lại càng không hiểu việc tổ chức quần chúng. Trong các cuộc thảo luận, tôi đã giải thích cho ông hiểu sự cần thiết của tổ chức và sự vô ích của những hành động không cơ sở. Ông đã đồng ý. Và đây là những việc mà chúng tôi bắt đầu cùng nhau tiến hành:

a) Tôi đã vạch một kế hoạch tổ chức và xin gửi kèm bản sao theo đây.

b) Sau khi đã tán thành kế hoạch này, ông đã đưa cho tôi một bản danh sách 10 người An Nam đã cùng ông hoạt động bấy lâu.

c) Tôi đã chọn 5 người quê ở 5 tỉnh khác nhau. Chúng tôi sẽ cử một người An Nam đưa họ tới Quảng Châu. Tôi sẽ huấn luyện cho họ về phương pháp tổ chức. Chúng tôi sẽ gửi họ trở về Đông Dương hoạt động sau 3 tháng học tập; và chúng tôi sẽ lấy ra một đoàn khác. Trong lúc này, đây là biện pháp duy nhất.

Để chi vào các phí tổn, tôi đã lấy số còn lại trong món tiền đi đường của các đồng chí đã cho tôi (150 đồng) và về sau thì sao?

Tôi làm việc mỗi ngày vài giờ cho hãng Rôxta; nhưng tiền lương của tôi không cho phép tôi có thể một mình bao cho “các học viên” của tôi. Và khi các học viên đến Quảng Châu, rất có thể rồi sẽ phải đem tất cả hoặc gần tất cả thì giờ của tôi vào việc huấn luyện họ, lúc đó tình hình tài chính của tôi sẽ không có lối thoát. Bởi vậy, tôi đề nghị đồng chí chỉ thị cho các đại diện của đồng chí ở Quảng Châu cũng phải chăm lo đến Đông Dương.

Tôi thiết tưởng chưa cần phải thảo một bản báo cáo về tình hình Trung Quốc bởi vì các đồng chí Trung Quốc và Nga đã làm việc đó; tuy nhiên, bây giờ tôi lưu ý đồng chí vấn đề tuyên truyền trong

1) Nguyên bản tiếng Pháp viết là: “Ba mươi năm nay”. Ở đây tác giả nhắc tới cụ Phan Bội Châu (B.T).

phụ nữ và thiếu nhi. Nữ đồng chí Bôrôđin đã phàn nàn là không nhận được tài liệu (báo chí, chương trình, v.v.) mà nữ đồng chí đã xin Mátxcxova. Điều đó đã ngăn cản không cho công tác của nữ đồng chí ấy tiến triển và cũng có lúc đã cản trở hoàn toàn công tác của nữ đồng chí ấy. Nữ đồng chí ấy đã viết thư nhiều lần cho Quốc tế Phụ nữ, nhưng các bức thư đều không có hồi đáp và không mang lại kết quả.

Mong các đồng chí nhận cho lời chào cộng sản.

Quảng Châu, ngày 18 tháng 12 năm 1924

(Trong lúc này tôi là một người Trung Quốc chứ không phải là một người An Nam, và tên tôi là Lý Thụy chứ không phải là Nguyễn Ái Quốc).

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.9-10.

1
9
2
4

1
9
2
4

THAM LUẬN TẠI ĐẠI HỘI LÂN THỨ III QUỐC TẾ CÔNG HỘI ĐỎ

Thưa các đồng chí, tôi xin thông báo với các đồng chí về tình hình giai cấp công nhân ở Đông Dương, một trong những thuộc địa quan trọng nhất của Pháp.

Theo những số liệu thống kê gần đây, ở Đông Dương hiện có 63 xí nghiệp khai mỏ sản xuất 70 vạn tấn than đá, 5 vạn tấn kẽm, 15 vạn tấn chì, 2.500 tấn sắt, 1.500 tấn các kim loại khác, 3.500 cara¹⁾ đá quý và 100 kilôgam vàng.

Còn về những ngành công nghiệp khác thì nên lưu ý rằng ở Đông Dương còn có 140 đồn điền cao su với diện tích chung 3.500 hécta và sản xuất 5.000 tấn. Công nghiệp thực phẩm cũng đáng kể - sản xuất 250 tấn thịt hộp.

100 xí nghiệp tơ lụa sản xuất 100 tấn hàng tơ lụa.

Nếu như kể thêm rằng ở Đông Dương còn có 355 trạm điện báo, 2.100 kilômét đường sắt và 3 cảng lớn mà mỗi năm bốc dỡ 7-8 triệu tấn hàng khác nhau thì điều đó sẽ cho một quan niệm chung về những lĩnh vực sản xuất mà vô sản Đông Dương đang bỏ sức lao động vào đó.

Ở Đông Dương còn có những xí nghiệp tương đối lớn: nhà máy xi măng Poóclan²⁾ có 30.000 công nhân làm thuê, khu mỏ vịnh Hạ Long có 4.000 công nhân, nhà máy dệt Bắc Kỳ³⁾ - 3.000 công nhân, đường sắt - 8.000 công nhân.

Ngày làm việc 12 - 13 tiếng. Trong nông nghiệp ngày làm việc còn dài hơn. Những ngày lễ - và nhiều khi cả những ngày chủ nhật - đều không được đếm xỉa tới. Không có bảo hiểm xã hội cho tuổi già, không có trợ cấp cho lúc bị thương tật hoặc đau ốm. Tiền lương của công nhân không lành nghề không quá 50 phrăng một tháng, còn của công nhân lành nghề - 250 phrăng. Công nhân nhiều khi phải ký những giao kèo một phía, bắt buộc họ phải làm việc cho bọn chủ trong một số năm nhất định.

1) Cara: Đơn vị trọng lượng đá quý = 0,2 gam (B.T).

2) Nhà máy xi măng Hải Phòng (B.T).

3) Nhà máy dệt Nam Định (B.T).

Theo giao kèo, bọn chủ nhà máy có thể sa thải họ bất kỳ lúc nào, nhưng người công nhân lại không thể bỏ việc trước lúc hết thời hạn như đã quy định trong giao kèo. Trong nông nghiệp, nhiều khi ngay cả thủ tục hình thức đó cũng không được dùng, và cống nòng trở thành hầu như nô lệ, như sở hữu riêng của bọn chủ. Đối với những người không phục tùng, có sẵn cả một hệ thống bắt bớ và đánh đập.

Tất nhiên, không thể nói tới tự do bãi công. Một vài cuộc nổi dậy lớn mang tính chất bãi công, không phải là do vận động tuyên truyền gây ra mà là do bị đói, đã bị đàn áp bằng mọi cách tàn ác nhất.

Với sự giúp đỡ hào hiệp của chủ nghĩa đế quốc Pháp, ở Đông Dương thật ra là đã phục hồi chế độ nô lệ. Nô lệ có ba loại: 1) tù khổ sai, mà chính quyền cai trị đã cho bọn chủ các nhà máy sử dụng, sau cả một ngày lao động cho bọn tư bản thì tối đến họ lại trở về các nhà tù có biển đề hứa hứa hẹn “tự do, bình đẳng và bác ái”; 2) nông nô, có thể bao gồm tất cả người An Nam từ 18 đến 60 tuổi, hằng năm buộc phải đi phu một số ngày nhất định. Vả lại, số lượng những ngày đó chỉ là quy định ước chừng, còn trên thực tế hầu như không có hạn định. Một phần lớn dân cư đã bị huy động vào việc làm đường, đào kênh và không có bất kỳ một thứ công sá nào hết. Số người dân bản xứ chết vì những công việc ấy thật rất lớn; 3) nô lệ, đúng theo nghĩa đầy đủ của từ, họ bị bán và bị mua. Trong việc mua bán này, chính quyền thực dân đã trở thành bọn chủ kinh doanh. Giống như thời chiến tranh, chính quyền thực dân đã tuyển dân bản xứ làm lính - tình nguyện, thì bây giờ chúng lại mộ công nhân - tình nguyện đi các thuộc địa Pháp khác, chủ yếu cho các đảo ở Thái Bình Dương. Những người An Nam này đến đó bị bán cho bọn chủ đồn điền và chủ nhà máy người châu Âu.

Có một bức thư, đã đăng khắp Đông Dương và đề ngày 17 tháng 3 năm 1924, nói về những tai họa khủng khiếp do bệnh sốt rét gây ra trong số những người nô lệ đã bị đưa tới đảo Ébrít¹⁾, bức thư yêu cầu phải chấm dứt cái hệ thống bóc lột vô liêm sỉ đối với tình trạng tăm tối của người dân bản xứ.

Giai cấp vô sản không thể làm gì để chống lại cái hệ thống bóc lột đó, chưa có một tổ chức công nhân nào cả. Bộ luật thuộc địa do những nhà khai hoá Pháp soạn ra chính là để đàn áp bất kỳ một biểu hiện nào có tính tự chủ của người dân bản xứ nói chung và tầng lớp vô sản nói riêng. Theo bộ luật đó, người An Nam không có quyền xuất bản báo chí bằng tiếng mẹ đẻ, không có tự do hội họp và lập hội, bị tước đoạt cả quyền tự do đi lại từ tỉnh này sang tỉnh khác. Để bảo vệ những luật pháp đó thì có toà án gồm 5-6 quan lại Pháp, chúng xử kín và tuyên án, kể cả án tử hình.

Trước chiến tranh, người An Nam có tổ chức vài hợp tác xã, nhưng chính quyền thực dân đã giải tán chúng, bắt giam những người tổ chức vì nghi là tuyên truyền cách mạng.

1) Hébrides: đảo nhỏ ở Nam Thái Bình Dương (B.T).

1
9
2
4

Thưa các đồng chí, tình cảnh công nhân An Nam là như thế. Đó là một tình cảnh khủng khiếp, nhưng không phải là không có lối thoát. Tình hình không phải là không có lối thoát, bởi vì với sự giúp đỡ của các tổ chức cách mạng gần gũi với Quốc tế Công hội đỏ, chúng tôi quyết đập tan lực lượng của chủ nghĩa đế quốc châu Âu áp bức chúng tôi. Nhưng để đạt tới kết quả đó, để thúc đẩy nhanh chóng công cuộc giải phóng của giai cấp vô sản Đông Dương thì cần thiết một điều là các đồng chí chúng ta trong các tổ chức công nhân cách mạng Pháp phải tích cực giúp đỡ chúng tôi trong cuộc đấu tranh giải phóng của chúng tôi. (*Vỗ tay vang dội*).

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.312-315.

NĂM 1925

VẤN ĐỀ ĐÔNG DƯƠNG¹⁾

1
9
2
5

1- Nếu đồng chí đồng ý cho tôi gửi *ngay* một hoặc hai sinh viên thì điều đó sẽ cho phép tôi tuyên truyền tốt, và nói rằng cách mạng Nga đang và sẽ có thể làm gì cho dân chúng thuộc địa. Điều đó cũng sẽ cho phép tôi - từ nay đến tháng 8 - tranh thủ được những phần tử tốt của Quốc dân Đảng Đông Dương. Hơn nữa, điều đó cho phép tôi chọn ngay được vài người trong số họ để phái về nước.

2- Tôi không hiểu rõ vì sao đồng chí ngần ngại cho tôi vay tiền. Đó là một việc giữa đồng chí với tôi, và không một ai khác biết được tí nào về việc này. Tiền vay đó sẽ cho phép tôi:

- a/ Có được một cơ sở ở trong nước.
- b/ Có người sẵn sàng làm tuyên truyền viên.
- c/ Thực hiện việc tuyên truyền đến nơi đến chốn và,
- d/ Bắt đầu ngay công tác tổ chức.

Không có người nào khác có thể giúp tôi trong việc này, bởi vì tôi là một dây liên lạc giữ bí mật kế hoạch của chúng ta.

3- Tuyên truyền và làm công tác khác, tôi phải:

- a/ Dịch tài liệu
- b/ In ấn nó
- c/ Lấy người từ trong nước đến Quảng Châu
- d/ Huấn luyện họ
- e/ Phái họ trở về.

Không có tiền, tất cả những điều đó đều không thể làm được. Vì thế tôi muốn đề nghị đồng chí cấp cho một quỹ nào đó.

1) Thư không đề ngày tháng và tên người nhận. Căn cứ nội dung, chúng tôi dự đoán thư gửi cho một đồng chí đại diện Đảng Cộng sản Pháp tại Quốc tế Cộng sản, khoảng đầu năm 1925 (B.T).

1
9
2
5

4- Không có sự đồng ý và sự giúp đỡ của các đồng chí Nga của chúng ta thì tôi sẽ khó mà tránh khỏi sai lầm. Nhưng tôi cũng không nhận được gì nếu không có chỉ thị của đồng chí. Và họ có thể không làm gì cho tôi khi tôi đến tay không.

5- Nếu 4 yêu cầu này không có kết quả thì triển vọng về sau đối với tôi sẽ là như sau:

a/ Tôi không có chứng cứ để chỉ ra được những phần tử tốt nhất ở Quốc dân Đảng Đông Dương để nhận họ đến với ta.

b/ Tôi không thể về nước được.

c/ Do đang mắc nợ trên 350 đôla cho công tác đầu tiên, tôi sẽ phải làm việc ít ra là 5 tháng để trả nợ. Ở điều kiện đó, tôi sẽ không có thời giờ, không có tiền để làm công tác khác.

Tôi rất hy vọng đồng chí sẽ ủng hộ yêu cầu của tôi.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.2, tr.18-19.*

THƯ GỬI MỘT ĐỒNG CHÍ Ở QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Đồng chí thân mến,

Quốc dân Đảng Đông Dương vừa được thành lập vào ngày 3 tháng này với 3 đảng viên lúc bắt đầu.

Một người sẽ được phái đi Trung Kỳ và Lào. Một người khác (chưa phải là đảng viên) sẽ được phái đến Bắc Kỳ để lấy 5 người đi Quảng Châu học cách làm công tác tổ chức.

Tôi nghĩ có thể tìm nam thanh niên để gửi đi học ở Trường đại học Mátxcova. Xin đồng chí vui lòng cho biết có thể cho tôi gửi bao nhiêu sinh viên.

Đồng thời, tôi xin đồng chí chỉ thị cho các đồng chí Nga ở đây cũng nhận trách nhiệm về các công việc của Đông Dương bởi vì có một mình, tôi không thể làm quá nhiều việc được.

Quảng Châu, ngày 5/1/1925

Chào cộng sản

N.A.Q

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.20.

1
9
2
5

GỬI ĐOÀN CHỦ TỊCH QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Quảng Châu, ngày 10/1/1925

Kính gửi Đoàn Chủ tịch Quốc tế Cộng sản,

Các đồng chí thân mến,

Quốc dân Đảng (Quốc dân Đảng Đông Dương), chiêu hôm qua đã kết nạp người đảng viên thứ tư.

Một trong số những đảng viên đó, xế trưa nay, đã đi Trung Kỳ và Lào, với nhiệm vụ là tổ chức những cơ sở ở các xứ đó và tìm thanh niên để đi học Trường đại học Cộng sản chủ nghĩa ở Mátxcơva.

Các đồng chí cho tôi biết các đồng chí muốn nhận bao nhiêu sinh viên An Nam vào học Trường đại học ấy.

Ngày 15 sắp tới, một đảng viên thứ hai sẽ được gửi đến Bắc Kỳ để lấy 5 người Bắc Kỳ sang học Trường Nông dân ở Quảng Châu. Những người này sẽ học cách tổ chức như thế nào.

Phải chi phí cho phái viên thứ nhất là 290 đôla và cho phái viên thứ hai 230 đôla. Số tiền đó là do số tiền đi đường còn lại của tôi, gộp với số tiền lương mà Rôxta đã ứng trước cho tôi.

Q.D.Đ¹⁾ có thể có nhiều triển vọng, nhưng những phương tiện tài chính của nó rất eo hẹp: ít ra là tới lúc này, những phương tiện ấy chỉ do tôi cung cấp thôi.

Chuyển thư sắp khởi hành rồi. Tôi xin kết thúc bản báo cáo của tôi. Chuyển thư sau, tôi sẽ gửi các đồng chí một bản báo cáo chi tiết hơn.

Xin gửi lời chào cộng sản

NGUYỄN ÁI QUỐC

T.B. Yêu cầu các đồng chí chỉ thị cho các đại diện của các đồng chí ở Quảng Châu cũng phải chăm lo đến Đông Dương.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.2, tr.21-22.*

1) Q.D.Đ: Quốc dân Đảng (B.T).

BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP

CHƯƠNG IV THUẾ MÁU

I- CHIẾN TRANH VÀ “NGƯỜI BẢN XÚ”

Trước năm 1914, họ chỉ là những tên da đen bẩn thỉu, những tên “Annamít” bẩn thỉu, giỏi lăm thì cũng chỉ biết kéo xe tay và ăn đòn của các quan cai trị nhà ta. Ấy thế mà cuộc chiến tranh vui tươi vừa bùng nổ, thì lập tức họ biến thành những đứa “con yêu”, những người “bạn hiền” của các quan cai trị phụ mẫu nhân hậu, thậm chí của cả các quan toàn quyền lớn, toàn quyền bé nữa²⁾. Đùng một cái, họ (những người bản xứ) được phong cho cái danh hiệu tối cao là “chiến sĩ bảo vệ công lý và tự do”. Nhưng họ đã phải trả bằng một giá khá đắt cái vinh dự đột ngột ấy, vì để bảo vệ cho cái công lý và tự do mà chính họ không được hưởng một tí nào, họ đã phải đột ngột xa lìa vợ con, rời bỏ mảnh ruộng hoặc đàn cừu của họ, để vượt đại dương, đi phơi thây trên các bãi chiến trường châu Âu. Trong lúc vượt biển, nhiều người bản xứ, sau khi được mời chứng kiến cảnh kỳ diệu của trò biểu diễn khoa học về phóng ngư lôi, đã được xuống tận đáy biển để bảo vệ tổ quốc của các loài thuỷ quái. Một số khác đã bỏ xác tại những miền hoang vu thơ mộng vùng Bancango, lúc chết còn tự hỏi phải chăng nước mẹ muốn chiếm ngôi nguyên phi trong cung cấm vua Thổ, - chả thế sao lại đem nướng họ ở những miền xa xôi ấy? Một số khác nữa thì đã anh dũng đưa thân cho người ta tàn sát trên bờ sông Mácno, hoặc trong bãi lầy miền Sămpango, để lấy máu mình tươi những vòng nguyệt quế của các cấp chỉ huy và lấy xương mình chạm nén những chiếc gậy của các ngài thống chế.

Cuối cùng, ở hậu phương, những người làm kiệt sức trong các xưởng thuốc súng ghê tởm, tuy không phải hít hơi ngạt của bọn “bôsơ”³⁾, nhưng lại nhiễm phải những luồng khí độc đốt ối của người Pháp; đằng nào cũng thế thôi, vì những kẻ khốn khổ ấy cũng đã khạc ra từng miếng phổi, chẳng khác gì đã hít phải hơi ngạt vậy.

1) Trong bản in năm 1925, mở đầu tác phẩm in lời giới thiệu của ông Nguyễn Thế Truyền (B.T).

2) Nguyên văn tiếng Pháp là “nos gouverneurs plus ou moins généraux” (B.T).

3) Nguyên văn tiếng Pháp là “Boches” - từ có nghĩa xấu chỉ quân Đức (B.T).

1
9
2
5



Bìa sách *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc, xuất bản lần đầu tiên ở Pari, năm 1925

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

Tổng cộng có 700.000 người bản xứ đã đặt chân lên đất Pháp; và trong số ấy, 80.000 người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa!

II- CHẾ ĐỘ LÍNH TÌNH NGUYỆN

Một bạn đồng nghiệp nói với chúng tôi: dân lao khổ bản xứ ở Đông Dương từ bao đời nay bị bóp nắn bằng đủ mọi thứ thuế khoá, sưu sai, tạp dịch, bằng cưỡng bức phải mua rượu và thuốc phiện theo lệnh quan trên, từ 1915-1916 tới nay, lại còn phải chịu thêm cái vạ mộ lính nữa.

Những biến cố trong mấy năm gần đây là cái cớ để người ta tiến hành những cuộc lùng ráp lớn về nhân lực trên toàn cõi Đông Dương. Những người bị bắt đều bị nhốt vào trại lính với đủ thứ tên: lính khổ đỏ, lính thợ chuyên nghiệp, lính thợ không chuyên nghiệp, v.v..

Theo ý kiến của tất cả các cơ quan có thẩm quyền không thiên vị được giao cho sử dụng ở châu Âu “vật liệu biết nói” châu Á, thì vật liệu này đã không đưa lại kết quả tương xứng với chi phí rất lớn về chuyên chở và bảo quản.

Sau nữa, việc săn bắt thú “vật liệu biết nói” đó, mà lúc bấy giờ người ta gọi là “chế độ lính tình nguyện” (danh từ mỉa mai một cách ghê tởm) đã gây ra những vụ nhũng lạm hết sức trắng trợn.

Đây! Chế độ lính tình nguyện ấy được tiến hành như thế này: vị “chúa tể” - mỗi viên công sứ ở Đông Dương quả là một vị “chúa tể” - ra lệnh cho bọn quan lại dưới quyền, trong một thời hạn nhất định phải nộp cho đủ một số người nhất định. Bằng cách nào, điều đó không quan trọng. Các quan cứ liệu mà xoay sở. Mà cái ngón xoay sở kiểu D¹⁾ thì các ông tướng ấy thạo hết chỗ nói, nhất là xoay sở làm tiềng.

Thoạt tiên, chúng tóm những người khoẻ mạnh, nghèo khổ, những người này chỉ chịu chết thôi không còn kêu cứu vào đâu được. Sau đó, chúng mới đòi đến con cái nhà giàu. Những ai cứng cổ thì chúng tìm ngay ra dịp để sinh chuyện với họ hoặc với gia đình họ, và nếu cần, thì giam cổ họ lại cho đến khi họ phải dứt khoát chọn lấy một trong hai con đường: “đi lính tình nguyện, hoặc xì tiền ra”.

Những người bị tóm đi như thế còn hào hứng gì nữa với cái nghề cột vào cổ họ. Cho nên, bước chân vào trại lính là họ liền tìm mọi cơ hội để trốn thoát.

1
9
2
5

1) Nguyên văn tiếng Pháp là “Le Système D”. D là chữ đầu của từ “débrouillard”, có nghĩa là “xoay sở, tháo vát” (B.T).

Còn những người nào thấy không thể thoát khỏi số phận hẩm hiu, thì tìm cách tự làm cho mình nhiễm phải những bệnh nặng nhất, mà thông thường hơn cả là bệnh đau mắt toét chảy mủ, gây ra bằng cách xát vào mắt nhiều thứ chất độc, từ vôi sống đến mủ bệnh lậu.

*

* * *

1
9
2
5

Ấy thế mà trong một bản bối cáo với những người bị bắt lính, Phủ Toàn quyền Đông Dương, sau khi hứa hẹn ban phẩm hàm cho những lính sẽ còn sống sót và truy tặng những người sẽ hy sinh “cho Tổ quốc”, đã trịnh trọng tuyên bố rằng:

“Các bạn đã *tấp nập* đầu quân, các bạn đã *không ngần ngại* rời bỏ quê hương xiết bao triều mến để người thi hiến dâng xương máu của mình như lính khố đở¹⁾, kẻ thi hiến dâng cánh tay lao động của mình như lính thợ”.

Nếu quả thật người An Nam phấn khởi đi lính đến thế, tại sao lại có cảnh, tốp thì bị xích tay điệu về tỉnh lỵ, tốp thì trước khi xuống tàu, bị nhốt trong một trường trung học ở Sài Gòn, có lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lê nòng săn? Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao Miên, những vụ bạo động ở Sài Gòn, ở Biên Hoà và ở nhiều nơi khác nữa, phải chăng là những biểu hiện của lòng sốt sắng đầu quân “tấp nập” và “không ngần ngại”?

Những vụ trốn đi lính và đào ngũ (tính ra có đến 50 phần trăm trong hàng ngũ quân dự bị) đều bị đàn áp không góm tay và những cuộc đàn áp lại gây ra những cuộc binh biến bị dìm trong biển máu²⁾.

Bản bối cáo của Phủ Toàn quyền còn cẩn thận nhắc thêm rằng, tất nhiên muốn xứng đáng với “lòng tốt rõ rệt” và “độ lượng lớn lao” của chính phủ thì “các anh (binh lính Đông Dương) cần phải cư xử đúng đắn và không được làm một điều gì cho người ta phải phàn nàn cả”.

Viên chỉ huy tối cao quân đội Đông Dương còn có một lối đề phòng khác: ông ta bắt thích vào lưng hoặc cổ tay của từng người lính mới mộ một con số không thể nào tẩy xoá được bằng một dung dịch nitơrát bạc.

Ở đây cũng giống như ở châu Âu, sự khốn khổ của những người này là nguồn lợi nhuận của những kẻ khác: nào là bọn đeo lon chuyên nghiệp may mắn vớ được công việc tuyển mộ và quản lý lính mới bắn xứ mà lánh xa được càng lâu càng tốt những cuộc giao chiến nguy hiểm ở châu Âu; nào

1) Nguyên văn tiếng Pháp là “Les tirailleurs” (B.T).

2) Nguyên văn tiếng Pháp là “qui ont été étouffées dans le sang” chỉ có nghĩa “bị dìm trong máu” (B.T).

là bọn chủ thầu lương thực làm giàu vùn vụt bằng cách bỏ đói những lính mệt khốn khổ; nào là bọn độc quyền tiếp liệu thông đồng với bọn quan chức để gian lận, đầu cơ.

Về chuyện này, cần nói thêm là còn một loại chế độ tình nguyện khác nữa: tình nguyện mua công trái. Biện pháp tiến hành thì cũng như thế. Ai có máu mặt là phải bỏ tiền ra. Kẻ nào khó bảo thì người ta dùng cách dụ dỗ và cưỡng bách đến phải mua mới thôi.

Phần đông những người mua công trái ở Đông Dương không hiểu gì về thể thức tài chính cả; họ coi việc mua công trái cũng như đóng một thứ thuế mới và coi các phiếu công trái không khác gì những biên lai nộp thuế.

*

* * *

Bây giờ thử xem chế độ mua lính tình nguyện đã được tổ chức ở các thuộc địa khác như thế nào.

Lấy Tây Phi làm thí dụ:

Ở đây, bọn chỉ huy quân đội kéo quân đến từng làng bắt bọn hào mục phải nộp ngay lập tức đầy đủ số người chúng muốn tuyển mộ. Để buộc những thanh niên Xênegan bỏ trốn phải ra nhận đội ngũ lính, chẳng phải một viên chỉ huy đã tra tấn, hành hạ các thân nhân của họ, và cho rằng làm như thế là tài giỏi đó sao? Chính hắn đã bắt các ông bà già, đàn bà có thai, con gái, đem lột trần truồng, rồi đốt hết quần áo trước mặt họ. Những nạn nhân khốn khổ đó mình trần như nhộng, tay trói cánh khuỷu buộc phải chạy khắp các thôn xã dưới làn roi vọt, để “nêu gương”! Một người đàn bà cõng con phải van xin mãi mới được cởi trói một tay để đỡ đứa bé. Trong khi chạy, hai cụ già đã ngã chết ngất đi; nhiều em gái khiếp sợ trước những hành vi bạo ngược đó, đã hành kinh trước tuổi; một người đàn bà trùy thai, một chị khác để một đứa con mù.

*

* * *

Có rất nhiều thủ đoạn bắt lính.

Thủ đoạn sau đây đã tỏ ra nhanh và tiện nhất:

Lấy dây chằng ngang hai đầu con đường chính trong làng lại. Thế là tất cả những người da đen ở vào giữa đều coi như chính thức phải tòng quân.

Một nhân chứng đã viết cho chúng tôi như sau: “Giữa trưa ngày 3 tháng 3 năm 1923, bọn hiến binh vây ráp các bến cảng Ruyphixcơ và Đaca¹⁾ rồi tóm tất cả những người bản xứ làm việc ở đó.

1925

1) Rufisque et Dakar: Tên những hải cảng của nước Xênegan (B.T).

1
9
2
5

Những anh chàng này vì không tỏ vẻ sốt sắng đi bảo vệ văn minh ngay, nên người ta rước họ lên ôtô cam nhông mòn về nhà lao. Ở đấy, sau khi họ có đủ thì giờ để thay đổi ý kiến rồi, người ta mới đưa họ sang trại lính”.

“Ở trại lính, sau những nghi lễ biểu dương tinh thần yêu nước, 29 lính tình nguyện được tuyên dương có thể trở nên anh hùng của cuộc chiến tranh cuối cùng nay mai... Bây giờ thì tất cả đều nóng lòng muốn lấy lại miền Ruya¹⁾ cho nước mẹ.

Nhưng theo tướng Mănggianh²⁾, người hiểu rõ họ nhất, thì đó chỉ là những đội quân để đem nướng trước mùa đông”.

Chúng tôi hiện có trong tay bức thư của một người Đahomây, vốn là cựu binh, đã từng làm “nghĩa vụ” trong cuộc chiến tranh “vì công lý”. Một vài đoạn trích trong bức thư sẽ vạch rõ cho các bạn thấy người “Batuala³⁾ đã được bảo vệ như thế nào và các quan cai trị thuộc địa nhà ta đã nặn ra lòng trung thành của người bản xứ như thế nào để tô điểm cho tất cả những bài diễn văn của các nhà cầm quyền và làm đề tài cho tất cả những bài báo của bọn Rêgixmăngxê và Hôde⁴⁾ thuộc đủ cõ”.

Bức thư viết: “Năm 1915, khi ông M. Nuphla, Thống đốc Đahomây, ra lệnh bắt lính, thì làng tôi bị bọn cảnh sát cùng lính cơ cướp phá và đốt sạch. Tất cả tài sản của tôi đều bị mất hết trong các cuộc đốt phá đó. Tuy thế, tôi vẫn bị cưỡng bách nhập ngũ, và mặc dầu là nạn nhân của việc xúc phạm bỉ ổi đó, tôi đã làm nghĩa vụ của tôi ở mặt trận bên Pháp. Tôi bị thương ở trận Exno”.

“Ngày nay, chiến tranh đã chấm dứt, tôi sắp trở về nước, nhưng không còn nhà cửa, của cải gì cả”.

“Người ta đã cướp của tôi:

1.000 phrăng tiền mặt;

12 con lợn;

15 - cừu;

10 - dê;

60 - gà;

8 tấm vải quần mình;

5 áo mặc ngoài;

1) Ruhr: Vùng công nghiệp của Đức, sau Chiến tranh thế giới thứ nhất bị cắt giao cho Pháp từ năm 1921 đến năm 1925 (B.T).

2) Mangin: Tướng Pháp (1866 - 1925) đã tham gia chiến thắng Vécđoong, từng chỉ huy đội quân xâm lược Xudăng, Bắc Kỳ, Marốc (B.T).

3) Batouala: Tên một bộ lạc ở vùng xích đạo châu Phi (B.T).

4) Régismanset et Hauser: Tên những người viết báo tay sai, có nghĩa như những tên bồi bút (B.T).

10 quần;
7 mũ;
1 dây chuyền bằng bạc;
2 hòm đồ vật”.

“Đây là tên những bạn cùng ở một xóm đã bị cưỡng bách nhập ngũ cùng ngày với tôi, và nhà cửa cũng đã bị cướp phá và đốt sạch. (Ghi tiếp theo tên bảy người)”.

“Còn nhiều nạn nhân nữa của những chiến công kiểu ấy của ngài thống đốc Nuphla, nhưng tôi không biết rõ tên những người đó để gửi cho các anh hôm nay...”.

Chắc bọn “bôsô” của vua Ghiêm cũng không làm được hơn thế.

III- KẾT QUẢ CỦA SỰ HY SINH

Khi đại bác đã ngãy thịt đen, thịt vàng rồi, thì những lời tuyên bố tình tứ của các ngài cầm quyền nhà ta bỗng dung im lặng như có phép lạ, và cả người Nêgrô¹⁾ lẫn người “Annamít” mặc nhiên trở lại “giống người bẩn thỉu”.

Để ghi nhớ công lao người lính An Nam, chẳng phải người ta đã lột hết tất cả của cải của họ, từ chiếc đồng hồ, bộ quần áo mới toanh mà họ bỏ tiền túi ra mua, đến các vật kỷ niệm đủ thứ, v.v. trước khi đưa họ đến Mácxây xuống tàu về nước, đó sao? Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao? Chẳng phải người ta đã cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt, không giường nằm, không ánh sáng, thiếu không khí đó sao? Về đến xứ sở, chẳng phải họ đã được một quan cai trị biết ơn đón chào nồng nhiệt bằng một bài diễn văn yêu nước. “Các anh đã bảo vệ Tổ quốc, thế là tốt. Bây giờ, chúng tôi không cần đến các anh nữa, cút đi!”, đó sao?

Thế là những “cựu binh” - đúng hơn là cái xác còn lại - sau khi đã dũng cảm bảo vệ chính nghĩa và công lý nay tay không trở về với chế độ bản xứ của họ, một chế độ không biết gì đến chính nghĩa và công lý cả.

*
* *

Theo báo chí Đông Dương thì thương binh người Pháp bị mất một phần thân thể và vợ của tử sĩ người Pháp đều được cấp món bài bán lẻ thuốc phiện.

1) Négro: Từ chỉ người da đen (B.T).

Như thế là trong một việc mà chính quyền thuộc địa đã phạm tới hai tội ác đối với nhân loại. Một mặt, họ vẫn chưa thoả khi tự tay làm cái việc bỉ ổi của người đầu độc, mà còn muốn lôi kéo vào đây cả những nạn nhân đáng thương hại của cuộc huynh đệ tương tàn nũa. Mặt khác, họ coi rẻ tính mạng và xương máu của những kẻ đã bị họ lừa bịp, đến nỗi tưởng rằng chỉ cần quẳng cho những người này khúc xương thôi ấy là đủ để được một phần của cánh tay bị mất hoặc mạng của một người chồng.

Chúng tôi chắc rằng thương binh và quả phụ chiến tranh sẽ đá văng món quà nhơ nhớp ấy và nhổ vào mặt kẻ tặng quà. Chúng tôi cũng tin chắc rằng thế giới văn minh và người Pháp lương thiện sẽ đứng về phía chúng tôi để lên án bọn cá mập thực dân đang không ngần ngại đầu độc cả một dân tộc để vơ vét cho đầy túi.

*
* * *

Theo tục lệ An Nam, khi trong làng có người chết thì những người xay lúa, giã gạo phải tò lòng kính trọng vong linh người chết và thông cảm nỗi đau buồn của tang gia bằng cách im lặng không hát hò trong khi xay giã như họ vẫn thường làm. Nhưng nền văn minh hiện đại được đưa vào nước chúng tôi bằng bạo lực có cần gì phải tế nhị đến như thế. Xin đọc câu chuyện sau đây đăng trên một tờ báo ở Nam Kỳ:

Những ngày hội ở Biên Hoà

“Để lấy tiền bỏ vào quỹ xây dựng đài kỷ niệm người An Nam trận vong của tỉnh Biên Hoà, ban tổ chức ngày hội đang tích cực chuẩn bị một chương trình tuyệt diệu”.

“Người ta bàn tán sẽ có nào là *yến tiệc giữa vườn*¹⁾, nào là *chợ phiên*, nào là *khiêu vũ ngoài trời*, v.v., tóm lại, sẽ có nhiều và đủ thứ trò chơi để ai ai cũng có thể góp phần làm việc nghĩa *một cách thú vị nhất đời*.

“Quý ông phi công ở sân bay Biên Hoà có nhã ý sẽ góp phần vào cuộc vui, và ngay từ bây giờ ban tổ chức đã có thể khẳng định rằng sự có mặt của các quan chức cao cấp nhất ở Sài Gòn sẽ làm cho ngày hội thêm phần rực rỡ”.

“Xin tin thêm cho các bạn nam nữ ở Sài Gòn lên dự hội biết rằng, các bạn sẽ không cần phải bỏ dở cuộc vui để về nhà dùng cơm, vì ngay tại chỗ, sẽ có phòng ăn tổ chức cực kỳ chu đáo và đặc biệt đầy đủ, các bạn sành ăn uống nhất cũng sẽ được hài lòng”.

1) Nguyên bản tiếng Pháp là “Garden - Party” (B.T).

“Ngày 21 tháng 1 tới, tất cả chúng ta hãy đi Biên Hoà, chúng ta sẽ vừa được dự *những hội hè linh đình vui tươi*, vừa được dịp tỏ cho những gia đình tử sĩ An Nam ở Biên Hoà thấy rằng chúng ta biết tưởng nhớ đến sự hy sinh của con em họ”.

Thật là thời đại khác, phong tục khác.

Nhưng phong tục kỳ quái làm sao!

Người ta còn cho chúng tôi xem bức thư sau đây nữa:

Sài Gòn, ngày...

“Nếu trên đời này mà có một việc quái gở vừa thương tâm lại vừa lố bịch, thì đó hẳn là việc bắt một dân tộc vẫn đang chịu đựng đủ mọi thứ bất công và không có bất cứ thứ quyền nào phải làm lễ mừng cuộc chiến thắng của “công lý” và “chính nghĩa”. Ấy thế mà ở bên này chúng tôi đã làm như thế đấy. Tôi tưởng không cần thuật lại cho anh nghe về những hội hè và “trò vui công cộng” trong thành phố này ngày 11 tháng 11 làm gì. Ở đâu và bao giờ cũng thế thôi, rước đèn, đốt pháo bông, duyệt binh, khiêu vũ ở dinh thống đốc, đua xe hoa, mổ lợn quyên vì nước, quảng cáo, diễn văn, tiệc tùng, v.v.. Trong tất cả những trò hề đó, tôi chỉ còn nhớ lại một việc đáng chú ý về phương diện tâm lý như sau: cũng như công chúng ở tất cả các nước, công chúng Sài Gòn rất thích xi nê. Vì thế, một đám người dày đặc đã tụ tập trước khách sạn Palaxơ để xem phim, nào hề Sáclô, nào bọn cao bồi, nào những người “lính quang vinh” lần lượt diễn trên màn ảnh. Công chúng tràn ngập cả đại lộ, đứng chật cả mặt đường và hè phố. Lúc bấy giờ ông chủ khách sạn Sài Gòn - Palaxơ không muốn cho người ta đứng đông trên vỉa hè trước cửa tiệm của ông ta, ông ta liền vung roi mây quất túi bụi. Bà chủ cũng ra giúp một tay và đánh bừa vào đám đông. Mấy chú trẻ ranh mãnh không biết làm thế nào mà lại “cướp” được ngọn roi của bà, làm cho mọi người vỗ tay cười ầm lên. Ông chủ điên tiết chạy lại tiếp viện cho bà chủ. Lần này, ông cầm một cái ba toong và hùng dũng phang tới tấp xuống đầu người ta, cứ mỗi tay này thì đổi tay khác. Những người “nhà quê” phải chạy dồn xuống đường; nhưng vì say sưa với “chiến thắng” của mình, ông người Pháp quý hoá ấy liền hùng hổ vượt qua đường và cứ tiếp tục vùi bụi cái gậy to tướng xuống đầu, xuống vai, xuống lưng những người dân bản xứ đáng thương ấy. Một em bé bị ông túm lấy và “đẩ” cho một trận nện thân”...

1
9
2
5

IV- HÀNH VI QUÂN PHIỆT TIẾP DIỄN

Bước chân đến Cadablanca¹⁾, Thống chế Liôtay gửi cho binh sĩ của đạo quân chiếm đóng Marốc một bản nhật lệnh như sau:

1) Cadablanca: Hải cảng lớn của nước Marốc (B.T).

“Bản chức có vinh dự được Chính phủ nước Pháp cộng hoà phong quân hàm cao nhất là nhờ, trong chín năm nay, các người đã hiến dâng lòng trung thành và *máu xương của các người mà không hể tính toán*”.

“Chúng ta sắp mở một chiến dịch để hoàn thành công cuộc bình định xứ Marốc, vì *lợi ích chung của dân chúng trung thực trên đất nước này*, cũng như vì lợi ích của quốc gia bảo hộ¹⁾, v.v.”.

Nhưng, cũng trong ngày ấy (ngày 14 tháng 4), lại có bản thông cáo sau đây:

“Trong một cuộc giao chiến với bọn Beni Bude²⁾ ở Bápен Hácbe, bên ta đã có 29 binh sĩ hy sinh và 11 bị thương”.

Khi người ta nhớ rằng đã phải tốn xương máu của một triệu rưỡi người lao động mới tạo nên được sáu chiếc gậy Thống chế, thì cái chết của 29 kẻ khốn khổ chưa đủ để hoan hô bài diễn văn hùng hồn của ngài Thống chế - Khâm sứ! Nhưng như vậy thì cái quyền dân tộc tự quyết, mà vì nó trong suốt bốn năm trời, người ta đã chém giết lẫn nhau, cái quyền ấy, các ngài để đâu mất rồi? Thật là một cách khai hoá kỳ khôi: để dạy mọi người sống cho ra sống, người ta bắt đầu bằng việc giết họ đi đà!

*

* * *

Ở đây (Hải Phòng), cũng có những cuộc bắn công của thủy thủ. Chẳng hạn như hôm thứ năm (ngày 15 tháng 8) là ngày mà hai chiếc tàu phải nhổ neo để chở một số lớn lính khố đỏ An Nam đi Xyri.

Nhưng thủy thủ không chịu đi, vì người ta không chịu phát lương cho họ bằng tiền Đông Dương. Theo giá thị trường, thì một đồng Đông Dương ăn khoảng mười phrăng chứ không phải 2 phrăng 50, thế mà các công ty hàng hải lại làm một việc hè lạm tráng trợn là định trả lương cho thủy thủ bằng phrăng chứ không trả bằng tiền Đông Dương như đã trả cho công chức.

Thế là người ta liền xua tất cả mọi người ở dưới tàu lên, rồi lập tức bắt hết các thủy thủ.

Rõ ràng là thủy thủ Hoàng Hải chẳng có gì phải so bì với thủy thủ Hắc Hải.

Chúng tôi cực lực phản đối việc đưa lính An Nam sang Xyri. Phải chăng các nhà cầm quyền cấp cao cho rằng bao nhiêu anh em da vàng xấu sổ của chúng tôi bị giết hại trên các chiến trường từ năm 1914 đến năm 1918, trong cuộc “chiến tranh vì văn minh và công lý”, vẫn còn chưa đủ hay sao?

*

* * *

1) Nguyên bản tiếng Pháp là “Nation protectrice” (B.T).

2) Beni-Bouzert: Quân khởi nghĩa do Ápden Crim, lãnh tụ phong trào chống Pháp của Marốc, lãnh đạo (B.T).

Các ngài chiến thắng quang vinh của chúng ta thường quen thói “giáo dục” người bản xứ bằng đá đít hoặc roi vọt.

Anh Nahông đáng thương hại đã bị ám sát đến hai lần. Lần thứ nhất bởi tay tên đại úy Vida, lần thứ hai bởi tay lang băm đóng lon quân nhân coi việc phẫu nghiệm xác chết. Tên này đã đánh cắp và giấu biệt bộ óc người chết để phi tang, đang cứu hung thủ là bạn của hắn. Nhưng than ôi! Anh Nahông không phải là nạn nhân duy nhất của bọn quân phiệt thuộc địa! Một bạn đồng nghiệp của chúng tôi ở thuộc địa đã thuật chuyện một nạn nhân khác như sau:

“Lần này, sự việc xảy ra trong trung đoàn lính khố đỏ thứ 5 ở Medông - Carê¹⁾. Nạn nhân là một người lính trẻ tuổi tên là Terie quê ở Ténét²⁾ thuộc lớp quân dịch năm 1921”.

“Anh chết trong trường hợp rất thương tâm. Ngày 5 tháng 8, anh lính trẻ Terie đến bệnh xá của trung đoàn để xin thuốc tẩy. Người ta đưa thuốc tẩy cho anh, nói đúng hơn là đưa cho anh một thứ thuốc mà anh tưởng là thuốc tẩy. Anh uống và vài giờ sau anh đau bụng quằn quại, rồi lăn đùng ra chết”.

“Cụ thân sinh ra Terie nhận được một bức điện báo tin rằng người con độc nhất của cụ đã chết và sáng hôm sau, chủ nhật, sẽ đưa đám. Bức điện không có đến nửa lời an ủi hay giải thích”.

“Đau xót đến cực độ, cụ Terie đến ngay Angiê, tìm trung đoàn lính khố đỏ thứ 5 ở Medông - Carê. Ở đây cụ được biết xác con đang để ở bệnh viện Maiô. (Mà làm sao xác Terie lại chở đến đây được nhỉ? Phải chăng để tránh việc khám nghiệm mà luật lệ đã quy định là bắt buộc đối với mọi trường hợp chết ở trạm y tế, người ta đã chở xác anh ta đến bệnh viện làm ra vẻ như bệnh nhân đã chết ở dọc đường?)”.

“Đến bệnh viện, người cha đau khổ xin thăm xác con; người ta bảo hãy chờ đã”.

“Mãi sau, một quan tư thầy thuốc mới đến báo cho cụ biết là việc phẫu nghiệm không phát hiện dấu vết gì khả nghi cả. Nói xong hắn bỏ mặc cụ đứng đó, không cho phép cụ vào thăm xác con”.

“Theo tin cuối cùng thì hình như cụ thân sinh ra Terie đã đến hỏi viên đại tá chỉ huy trung đoàn lính khố đỏ thứ 5 về nguyên do cái chết của Terie và đã được trả lời là *con ông chết vì ngộ độc!*”.

1
9
2
5

1) Maison - Carée: Một thị xã thuộc tỉnh Angiê ở Angiêri (B.T).

2) Ténès: Hải cảng của Angiêri (B.T).

CHƯƠNG II
VIỆC ĐẦU ĐỘC NGƯỜI BẢN XỨ

Cứ theo lời ngài Xarô quý mến, đảng viên Đảng cấp tiến, nguyên Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, thì ngài là người cha hiền của dân bản xứ, ngài rất quý mến người An Nam và được người An Nam quý mến lại.

Để nhồi nhét văn minh “Đại Pháp” cho người An Nam, ngài Xarô, người trùm của sự nghiệp đó đã không từ một thủ đoạn nào, kể cả những thủ đoạn bỉ ổi nhất và những tội ác. Đây, một chứng cứ: đó là bức thư mà ngài đã gửi cho những người thuộc quyền ngài, với tư cách là Toàn quyền Đông Dương và nhằm vơ vét cho đầy túi tham của bọn kẻ cướp thực dân và cả của ngài nữa:

“Kính gửi ông Công sứ,

“Tôi trân trọng yêu cầu ông vui lòng giúp đỡ những cố gắng của Nha Thương chính trong việc đặt thêm đại lý bán lẻ thuốc phiện và rượu, theo chỉ thị của ông Tổng giám đốc Nha Thương chính Đông Dương”.

“Để tiến hành việc đó, tôi xin gửi ông một bản *danh sách những đại lý cần đặt* trong các xã đã kê tên; phần lớn các xã này, tới nay, vẫn hoàn toàn chưa có rượu và thuốc phiện”.

“Qua các tỉnh trưởng và các xã trưởng Cao Miên, ông có thể dùng ảnh hưởng to tát của ông để làm cho một số tiểu thương người bản xứ thấy rằng buôn thêm rượu và thuốc phiện là rất có lợi”.

“Về phần chúng tôi, thì những viên chức lưu động trong khi đi kinh lý sẽ tìm cách đặt đại lý, trừ phi ông muốn họ đợi ông tranh thủ được sự giúp đỡ của các quan chức địa phương trước đã. Trong trường hợp này, tôi đề nghị ông vui lòng báo cáo cho tôi biết”.

“Chúng ta chỉ có thể đạt kết quả mỹ mãn, nếu chúng ta hợp đồng với nhau chặt chẽ và liên tục, vì lợi ích tối cao của ngân khố”.

“Ký tên: Anbe Xarô”

Lúc ấy, cứ một nghìn làng thì có đến một nghìn năm trăm đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện. Nhưng cũng trong số một nghìn làng đó lại chỉ có vỏn vẹn mười trường học.

Trước khi có bức thư quý hoá trên, hàng năm người ta cũng đã tống từ 23 đến 24 triệu lít rượu cho 12 triệu người bản xứ, kể cả đàn bà và trẻ con.

*

* * *

“Nói đến các món độc quyền, người ta có thể hình dung Đông Dương như một con nai béo mập bị trói chặt và đương hấp hối dưới những cái mỏ quặp của một bầy diều hâu rìa rói mãi không thấy no”.

Trong số người có cổ phần trong công ty độc quyền rượu, có các nhân vật cao quý nhất ở Đông Dương và tất cả các ngành cai trị đều có đại diện tai to mặt lớn trong ấy. Phần đông các quan lớn này đều rất có ích cho công ty, không ai chối cãi được:

Ngành tư pháp, có ích để giải quyết những vụ lôi thôi với những kẻ mà người ta muốn cưỡng bức, có:

2 chưởng lý;

1 biện lý;

1 lục sự - chưởng khế.

Ngành quân đội, có ích để đàn áp một cuộc nổi loạn mà người ta tính là có thể xảy ra do chỉ riêng cái việc thi hành chế độ độc quyền béo bở, có:

1 thiếu tướng;

1 trung tá;

2 quân y sĩ cao cấp;

1 thiếu tá;

2 đại úy.

Ngành hành chính mà sự ân cần vô tư là điều đảm bảo nhất cho việc kinh doanh thành công, thì có:

1 công sứ;

1 giám đốc tài chính;

1 tổng giám đốc ngân khố;

1 thanh tra bưu chính;

1 giám đốc trước bạ;

1 quan cai trị;

2 giáo sư, v.v..

Và cuối cùng là: ngài Clémangten đáng kính, nghị viên hạt Puyđơ - Đôm.

*

* * *

Trong Hội chợ triển lãm thuộc địa ở Mácxây, ông Xarô lớn tiếng ba hoa: “Nước Pháp hãy nhìn vào đây và lấy đó làm tự hào!”. Mà quả thế thật. Những anh lạc đà Tuynidi thản nhiên đứng ngáp

1
9
2
5

bên cạnh mấy chú cá sấu oai vệ của Tây Phi và những anh chàng cá sấu¹⁾ đáng yêu của Madagátxea chuyện trò thân mật với các ả bò cái mỹ miều của Đông Dương. Chưa bao giờ lại có một sự hoà hợp tuyệt diệu đến thế, và trước sự xâm nhập hoà bình của các loài thú thuộc địa, chị cá trích trong huyền thoại của Hải cảng cũ²⁾ nở nụ cười duyên dáng của một bà chủ nhà mến khách.

Người đi xem nhìn một cách rất thích thú chiếc trường kỷ lịch sử của một vị toàn quyền nọ, thanh gươm của viên Công sứ Đáclơ từng dùng để đâm vào đầu tù nhân Bắc Kỳ và cây đuốc mà viên quan cai trị Bruye đã dùng để thuỷ sống hơn 200 thổ dân Huátxa³⁾.

Gian hàng Camorun được đặc biệt chú ý. Ở đây có tấm bảng đề mấy dòng chữ yêu nước sau đây:
“Trước kia người Đức nhập vào xứ Camorun rất nhiều rượu”.
“Ngày nay người Pháp lại cấm rượu”.

Nhưng, một bàn tay ranh mãnh nào đó đã dán ngay vào dưới tấm bảng bức thư của ngài Xarô chỉ thị cho người thuộc quyền ngài tăng số đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện ở các làng An Nam, kèm theo lời phê:

“Thế mà người An Nam lại đã có: những 10 trường học, những 1.500 đại lý rượu và thuốc phiện cho 1.000 làng kia đấy!”.

*

* * *

Đây là một sự kiện đầy ý nghĩa của một viên chức đứng đầu tỉnh Sơn Tây, một tỉnh ở Bắc Kỳ.

Số dân tỉnh này ước tính chỉ độ 200.000 người. Nhưng để nâng số lượng rượu phải tiêu thụ lên, số dân ấy bỗng nhiên tăng vọt nhanh như chớp tới 230.000 người. Nhưng vì 230.000 dân này uống quá ít, viên Công sứ Sơn Tây đã gia công một năm đầy số lượng rượu tiêu thụ lên 560.000 lít.

Ngay lập tức, viên công sứ được thăng cấp và được khen.

Ông đờ C... khẳng định rằng một viên công sứ khác đã đưa ông xem một bức thư của cấp trên, trong đó có đoạn viết: “Số rượu tiêu thụ trong phủ X, đã tụt xuống dưới con số Z, cho mỗi dân đinh. Vậy ông có nghĩ rằng cần phải có biện pháp làm gương không?”. Viên công sứ bị cảnh cáo gián tiếp như thế bèn đòi tổng lý trong phủ ấy đến hiểu thị rằng sở dĩ họ tiêu thụ ít rượu đến như thế là vì họ

1) Tác giả dùng chữ “crocodile, caiman”, chúng tôi tạm dịch là “cá sấu” (B.T).

2) Hải cảng Mácxây cũ (B.T).

3) Houassas: Tên một bộ tộc ở châu Phi (B.T).

nấu rượu lậu. Để được yên chuyện, các làng liền mua ngay số rượu quy định chiếu theo dân số mà sự tính toán của các phòng giấy bắt họ phải chịu.

Rõ ràng là người ta đã ấn định trên thực tế - nếu không phải bằng cách hợp pháp - mức rượu mà mỗi người bản xứ buộc phải uống hằng năm. Và khi nói *mỗi người bản xứ* thì cũng đừng tưởng đó chỉ là người đứng tuổi mà là *toàn bộ* dân số, kể cả người già, phụ nữ, trẻ em, cả đến đứa còn bú mẹ. Như thế là buộc thân nhân của họ phải uống thay, không phải chỉ một lít mà hai, ba lít.

Dân một làng Bắc Kỳ, buộc phải uống rượu, thấy trước nguy cơ đe doạ ấy, đã kêu với viên quan người Pháp “của họ” rằng:

“Ngay đến cái ăn, chúng tôi cũng không có gì cả”. Quan đáp: “Chúng mày quen ngày ba bữa, bây giờ bớt đi một bữa, hay nếu cần thì bớt đi một bữa rưỡi để có thể mua rượu của nhà nước”.

Trước đây, người bản xứ quen mua rượu từng ít mọt; họ mang chai lọ thế nào cho vừa thì thôi. Nay thì người ta đóng rượu vào chai sǎn. Rượu chỉ bán trong chai nửa lít hay một lít. Người An Nam quen dùng rượu từ 20 đến 22 độ; ngày nay người ta bắt họ dùng rượu từ 40 đến 45 độ. Họ quen dùng loại rượu có mùi vị thơm dịu do chất lượng của những nguyên liệu mà họ vẫn dùng; trong số nguyên liệu này có thứ gạo thuộc vào loại ngon nhất. Còn thứ rượu mà nay người ta buộc họ phải uống lại cất bằng thứ gạo rẻ tiền, pha thêm chất hóa học, có mùi vị nồng nặc khó chịu.

Bọn chủ độc quyền còn ra thông tư bắt nhân viên của chúng pha thêm nước lᾶ vào rượu đem bán; cứ mỗi héctôlít rượu pha thêm 8 lít nước lᾶ.

Như thế, tính trên toàn cõi Đông Dương mỗi ngày cứ bán 500 héctôlít rượu thì có 4.000 lít nước lᾶ pha thêm vào; 4.000 lít, mỗi lít giá ba hào, thành 1.200 đồng một ngày, 36.000 đồng một tháng. Như thế chỉ cần mở vòi nước lᾶ không thôi, mỗi năm công ty cũng thu được một món lãi nho nhỏ 432.000 đồng, hay 4 triệu phrăng.

Xem thế, đủ biết thứ rượu mà bọn độc quyền cất và đem bán ở Đông Dương là không hợp với khẩu vị của người bản xứ về độ cung như về mùi vị, cho nên người ta phải cưỡng bức họ mua.

Vì bắt buộc phải trả những khoản chi tiêu thường xuyên, phải trang trải những món kinh phí ngày càng tăng của Phủ Toàn quyền, của những trái khoản lớn, của những công trình kiến thiết quân sự và phải đặt ra - nếu không phải là những chức vụ thực sự - thì ít ra cũng là những khoản lương cho một đám đông công chức từ Pari gán sang, cho nên Chính phủ đã tìm mọi cách thúc đẩy các viên chức, từ công sứ đến nhân viên hạng bét, phải làm tăng mức tiêu thụ rượu lên.

CHƯƠNG III

CÁC QUAN THỐNG ĐỐC

I- ÔNG PHUỐC

1
9
2
5

Ông Phuốc, Thống đốc xứ Dahômây, cai trị giỏi đến nỗi người bản xứ nào ở thuộc địa ấy cũng kêu ca về ông ta. Để xoa dịu lòng công phẫn, người ta vờ phái sang đó một viên thanh tra. Viên thanh tra này kiểm tra giỏi đến nỗi chưa thèm xét gì đến đơn khiếu nại của nhân dân đã cuốn gói chuồn thẳng¹⁾.

Về việc này, chúng tôi có nhận được một bức thư của Ủy ban hành động Pháp - Hồi ở Poóctô - Nôvô²⁾ trong đó có những đoạn chính như sau:

“Trước lúc người Pháp đến Dahômây rất lâu, ở Poóctô - Nôvô đã có một thủ lĩnh Hồi giáo gọi là Imăng có nhiệm vụ đại diện cho tập thể người Hồi ở bất cứ chỗ nào cần thiết, quản lý tài sản của tập thể Hồi giáo ấy và trông nom việc lễ bái”.

“Theo tục lệ, Imăng phải do một đoàn cử tri bầu lên, chọn trong những người Hồi giáo ngoan đạo, có tiếng là đức độ và đã từng làm phó Imăng một thời gian lâu. Hơn nữa, trước khi chết, Imăng đương quyền có ý kiến về vị phó nào có đủ tư cách để thay thế mình”.

“Ý kiến của Imăng lúc đó là ý kiến không được sửa đổi”.

“Trước khi qua đời, Imăng Cátxumu đã chỉ định viên phó Xarucu làm người kế vị mình. Đoàn cử tri và đa số người Hồi giáo cũng đã tán thành”.

“Khi Cátxumu mất, đáng lẽ Xarucu phải được bầu lên, nhưng tên Inhaxiô Paredô *dựa vào thế* của thống đốc đã độc đoán cản trở, bắt ép người Hồi giáo phải nhận tên Lavani Cốtxôcô là bạn thân của y, làm Imăng. Tên Cốtxôcô, cũng như y, chỉ theo đạo Hồi trên danh nghĩa”.

“Thấy đoàn cử tri và đa số người Hồi giáo chống lại việc cử tên Cốtxôcô một cách bất hợp pháp, Paredô liền nhờ viên thủ lĩnh cao cấp là Hútgi can thiệp. Hútgi là tín đồ đạo bái vật, *được chính phủ* che chở, nên hắn cứ cử tên Lavani Cốtxôcô làm Imăng, bất chấp nguyện vọng người Hồi giáo”.

1) Nguyên bản tiếng Pháp là “Celuici inspecte si bien qu'il f ... le camp”, viết tắt của từ “soutre le camp”, có nghĩa là “chuồn thẳng”. Từ này bắt đầu bằng chữ “f” như tên ông Thống đốc Fourn (B.T).

2) Porto Novo: Thủ phủ Dahômây, nay là nước Cộng hòa Bénanh (B.T).

“Kể ra, nếu Lavani Cốtxôcô là một người Hồi giáo tốt và lương thiện thì chúng tôi cũng làm ngơ việc hắn được cử làm Imăng, nhưng hắn lại là một tên bất lương chưa từng thấy trên đời này. Chúng tôi nói như thế là có bằng cứ:

Lavani Cốtxôcô sinh ở Lagốt (xứ Nigiêria thuộc Anh). Hắn là dân thuộc địa Anh. Vì can nhiều tội giết người và nhiều tội ác khác ở Nigiêria thuộc Anh, nên bị nhà chức trách Anh truy nã”.

“Ông Thống đốc của chúng tôi hồi đó đã thu dụng tên dân thuộc địa Anh bất lương này và như để thưởng công cho hắn, đã cử hắn làm tù trưởng các xã ven hồ như Ápphôtônu Aghêghê, Áplăngcăngtăng, v.v.. Toàn dân vùng ấy ngày nay đều ghê tởm những hành vi nhũng lạm, những tội ác của hắn, và kêu ca về hắn”.

“Nguyên chúng tôi có một điện thờ ở khu phố Atpatxa tại Poóctô - Nôvô. Nhà đương cục Pháp đã phá huỷ điện thờ ấy với lý do vì lợi ích công cộng rồi bồi thường cho chúng tôi năm nghìn phrăng”.

“Tiền bồi thường không đủ để xây dựng một điện thờ mới. Chúng tôi đã mở một cuộc lục quyên riêng, thu được 22.000 phrăng”.

“Paredô là người có chân trong tiểu ban mua sắm vật liệu và phát lương cho thợ”.

“Khi viên phó Imăng Bítxiriу - người nắm giữ chìa khóa két - chết, thì Paredô trở thành người giữ chìa khoá két. Hắn lợi dụng địa vị ấy để biển thủ số tiền 2.775 phrăng. Tiểu ban bắt buộc phải khai trừ hắn ra khỏi tiểu ban”.

“Inhaxiô Paredô căm tức, bèn bàn mưu tính kế với ông Thống đốc. Thế là ông này cho thi hành những biện pháp độc đoán đối với chúng tôi, và làm trái ngại việc xây dựng điện thờ của chúng tôi”.

“Giờ đây, do mưu mô của Inhaxiô Paredô được ông Thống đốc tiếp tay cho trong việc cử một cách trái đạo tên Cốtxôcô làm Imăng, dân Hồi giáo ở Poóctô - Nôvô đã chia thành hai phe. Tình trạng ấy làm tổn thương tình đoàn kết, hoà hợp của người Hồi giáo, làm hại cho việc tự do hành đạo của chúng tôi và gây ra những vụ lộn xộn lớn”.

II- ÔNG LÔNG

Dưới đây là mấy đoạn trích ở một lá thư của Đại tá Bécna gửi cho báo *La République Française*, ngày 6 tháng 12 năm 1922. Thưa ngài Bộ trưởng, xin ngài vững tâm, Đại tá Bécna không phải là cộng sản đâu.

“Con số hàng xuất khẩu ở Đông Dương, bức thư viết, hiện đang giảm chân tại chỗ, thậm chí còn đang sụt xuống. Năm 1914, Đông Dương đã xuất khẩu 45.000 kilô tơ lụa, 99.000 tấn ngô, 480 tấn chè; năm ngoái chỉ xuất khẩu có 15.000 kilô tơ lụa, 32.000 tấn ngô, 156 tấn chè.

Người ta cũng tưởng rằng hiện nay chính phủ Đông Dương đang tích cực tiến hành những công trình lớn cần thiết cho việc khai thác thuộc địa. Ấy thế mà, từ năm 1914 đến nay, người ta *không hề đặt thêm được một kilômét đường sắt nào, cũng không khai thác được lấy một hécta ruộng nào*. Cách đây 10 năm, ông Xarô có đưa thông qua một chương trình kiến thiết, bao gồm việc xây dựng con đường sắt từ Vinh đến Đông Hà và bốn hệ thống đại thủy nông; tất cả những công trình đó đều đã ngừng lại từ hơn 5 năm nay, lấy cớ là không có kinh phí. Nhưng, cũng trong thời gian ấy, xứ Đông Dương lại bỏ ra 65 triệu đồng tức là 450 triệu phrăng để làm đường và dinh thự. Mời ông Phaghê hãy suy nghĩ về những con số đó xem! Tiêu gần nửa tỷ để làm những đường ôtô mà trên đó không hề lưu thông một tấn hàng hoá nào; để xây dựng những dinh thự và phòng giấy cho đám công chức đang mọc đầy rẫy lên ở Đông Dương như cỏ cây vùng nhiệt đới; trong khi ấy thì những công trình đã được thừa nhận là cần thiết và đã được Nghị viện thông qua, lại bị bỏ rơi!

Nhưng đừng tưởng là người ta có ý muốn thay đổi phương pháp ở Đông Dương. Để hoàn thành chương trình năm 1912, ông Lông đã xin Nghị viện cho phép phát hành một đợt công trái. Nay, ông ta lại xin phát hành một đợt thứ hai nữa. Những kẻ hiện đang điều khiển việc khai thác Đông Dương hình như đã định tâm không làm cái gì thật sự có ích lợi cả nếu trước hết người ta không cho phép họ vay nợ. Còn đối với tài nguyên ngân sách, đối với những dự trữ tích luỹ được trong và sau thời kỳ chiến tranh, thì họ quyết vung tay ném qua cửa sổ nếu Nghị viện không đưa vào nền nếp”.

III- ÔNG GÁCBI

Ông Gácbi, Toàn quyền đảo Mađagátxca, vừa về Pháp. Cũng như tất cả các viên thống đốc, bạn đồng nghiệp của ông, ông Gácbi rất lấy làm hài lòng về cái thuộc địa “của mình”: tiến bộ, giàu có, trung thành, an cư lạc nghiệp, có tổ chức, có dự án này, chương trình nọ, v.v.. Đó là cái bọc hành lý muôn thuở, bất di bất dịch của các ngài thống đốc về nghỉ, mà nay đến lượt ông Gácbi lại ân cần mở ra cho tất cả những ai muốn xem... Và vượt lên trên tất cả những ngón bẹp bợm cũ rích ấy, ông Gácbi còn khéo léo giở ra ngón bẹp khác (hay đúng hơn ngón bẹp của người khác) rất mực tinh vi: việc khai thác thuộc địa. Chúng tôi xin chào mừng quan Toàn quyền mới về, và xin hỏi ngài:

“Phải chăng phái đoàn thanh tra của bộ đã không có đủ xà phòng để xát¹⁾ lên đầu quan Toàn quyền, đồng thời thoa trơn cái dốc, trên đó cù lớn phải trượt thẳng về chính quốc để ở lại đó mãi mãi đến mẫn đời trọn kiếp?”.

“Phải chăng để cứu vớt thể diện cho ngài, một vài tên tay sai đắc lực đã tổ chức một tiệc rượu tiễn hành, và để làm việc đó, chúng đã phải chạy bở hơi tai, vì ngoài ban tổ chức ra, không ma nào buồn đến dự tiệc cả?”.

“Phải chăng bọn tay chân của quan Toàn quyền đã định làm một lá đơn ái mộ xin ngài trở lại thuộc địa, nhưng lại không dám đưa ra vì sợ có đơn chống lại?”.

“Sau cùng, phải chăng nhân dân bản xứ đã tặng ngài lời chúc thân ái này: “Thôi nhé, chú Gácbi! Xin chúc không bao giờ gặp lại chú nữa!””.

IV- ÔNG MÉCLANH

Vận mệnh hai mươi triệu người An Nam tốt số đang nằm trong tay ông Mácxian Méclanh.

Các bạn sẽ hỏi tôi: “Cái ông Méclanh ấy là ai vậy?”. Đó là một ông đã từng làm quan cai trị ở quần đảo Gambia, sau giữ chức Phó Thống đốc Tây Phi, rồi lên làm Thống đốc xứ ấy. Đó là một ông đã bỏ ra ba mươi sáu năm của đời mình để nhồi nhét cái văn minh đầy ân huệ của nước Pháp vào đầu óc người bản xứ.

Có lẽ các bạn cho rằng đưa một người không hiểu gì về Đông Dương đến nắm vận mệnh Đông Dương thì thật là một trò hề lớn kiểu Đông Dương chứ gì.

Đúng đấy! Nhưng đó là cái “mốt”. Một bạn đồng nghiệp cho biết rằng: tại Bộ Thuộc địa, một viên quan cai trị cũ ở Đông Dương ngồi chêm chệ tại vụ Tây Phi thuộc Pháp; một viên quan cai trị cũ ở Tây Phi phụ trách vụ châu Phi xích đạo thuộc Pháp; một viên chức cũ ở Xuđang phụ trách những vấn đề về Mađagátxca; còn đại diện cho xứ Camorun ở hội chợ triển lãm thuộc địa lại là một viên chức chưa hề bao giờ đặt chân lên đất Camorun.

Thế nên, trước khi sang Đông Dương khai hoá cho người Đông Dương, quan toàn quyền Méclanh định bắt đầu khai hoá những người Đông Dương chết ở Pháp, tức là những người đã hy sinh vì tổ quốc, vì công lý, và vì vân vân ấy mà!

1) Tiếng Pháp là “Savonner”, nghĩa đen là “xát xà phòng”, nghĩa bóng là “khiển trách kịch liệt” (B.T).

Cười trong nghĩa địa là một cái thú đồi với những vĩ nhân, nhưng cười một mình ở đó thì có lẽ là không khoái lắm. Bởi vậy, Cụ lớn Méclanh đã ra lệnh cho những thanh niên An Nam được trợ cấp phải theo Cụ lớn đến nghĩa trang Nôgiăng trên bờ sông Mácnơ để đọc một bài diễn văn trước sự chứng kiến long trọng của ngài. Nhưng bài diễn văn ấy phải đệ trình cho Cụ lớn kiểm duyệt trước. Họ đã làm đúng như thế. Nhưng Cụ lớn thấy bài diễn văn quá ư quá khích, nên Cụ bỏ phắt đi và thay bằng một bài khác do Cụ tự tay vạch ra dàn bài.

Dĩ nhiên, bài diễn văn được xào xáo theo kiểu nhà quan như vậy thì phải sặc mùi trung thành và quyền luyến.

Nếu người chết mà nói được, như bọn phù thủy thường bảo, thì hồn ma của những người An Nam chôn ở Nôgiăng, hẳn đã nói rằng: “Ngài toàn quyền ôi! Xin c... cảm ơn ngài! Nhưng xin Ngài làm ơn... xéo đi cho!”¹⁾.

V- ÔNG GIÊRÊMI LOME

Chúng tôi đọc tờ *Annales coloniales* thấy mẫu tin ngắn như sau:

“Chúng tôi được tin Giêrêmi Lome, cựu Thống đốc thuộc địa, cựu nghị viên của Ấn Độ thuộc Pháp, đương bị truy tố trước toà. Ông ta nguyên là chủ tịch một nhà băng do ông Phrđdun làm quản trị - ủy nhiệm. Nhà băng ấy đã tuyên bố vỡ nợ cách đây hai năm”.

“Đó là sự kết liễu đích đáng con đường công danh của tên vô lại ấy”.

Ô! Ô! Thế ra cũng có những tên vô lại trong cái giới thống đốc và nghị viên thuộc địa cao quý ấy ư? Ai ngờ nhỉ!

VI- ÔNG UTƠRÂY

Ông Utørây là một nghị viên Nam Kỳ (ông ta là người Nam Kỳ cũng giống như ông P. Lôti là người nước Thổ vậy). Ông ta đọc diễn văn ở nghị viện, và kinh doanh ở Sài Gòn. Là nghị viên ông ta

1) Nguyên văn tiếng Pháp là “M... erci à toi,... F... nous la paix!”. Trong tiếng Pháp chữ “M” viết tắt, người ta thường hiểu là “Merde”, là một tiếng chửi rủa rất tục, cũng có nghĩa là phản; chữ “F.” là “Foutre”, có nghĩa là “cút, xéo đi, để yên...” (Foutre le camp, Foutre la paix...). Đây là lối chơi chữ của tác giả (B.T).

nhận cấp phí đều đặn; là thực dân, ông ta không nộp thuế. Ông nghị liêm chính này có một đồn điền 2.000 hécta, và mười lăm năm nay, ông chủ đồn điền đáng kính đó không nộp một xu nhỏ thuế nào. Khi sở thuế yêu cầu ông làm đúng luật lệ thì ông trả lời: c...ảm ơn. Vì ông ta là nghị viên nên người ta không động đến ông.

Đã có một thời, cái ông Utôrây ấy đã giữ chức quyền Thống đốc Nam Kỳ.

Xứ Nam Kỳ do một Thống đốc cai trị, viên Thống đốc này do sắc lệnh Tổng thống Pháp bổ nhiệm. Để làm tròn nhiệm vụ *cao cả* của mình, vị quan *cao cấp* này dựa vào một hội đồng hỗn hợp gồm cả người Pháp lẫn người An Nam, gọi là Hội đồng quản hạt. Một trong những quyền hạn chắc là quan trọng nhất của hội đồng này là hàng năm biểu quyết dự toán ngân sách của thuộc địa. Chúng tôi xin nói ngay rằng nguồn thu của ngân sách ấy là các khoản thuế trực thu và gián thu do *người An Nam nộp*, còn các khoản dự chi, thì trên nguyên tắc (*nhưng không bao giờ trên thực tế!*) là phải được chi tiêu cho những công cuộc *có lợi cho người An Nam*; tóm lại là *quyền lợi của người An Nam* được giao phó cho cái Hội đồng quản hạt ấy. Thế nhưng cái Hội đồng quản hạt quý hóa này lại gồm *nhiều người Pháp hơn là người An Nam*: có 18 người Pháp, thì 12 là đại biểu do tuyển cử bầu ra, 6 là đại biểu của các công ty, phòng thương mại, phòng canh nông v.v., và 6 người An Nam. Cứ cho rằng luôn luôn đủ mặt đi nữa thì 6 phiếu của người An Nam kia tài nào mà chống lại được 18 phiếu của người Pháp? Vì thế chính phủ cứ việc tùy ý mà dự toán và chắc chắn là tất cả các khoản dự toán đều đã được biểu quyết trước rồi.

Hầu như sự việc luôn luôn xảy ra như thế. Cho nên năm 1905, cũng bằng cách ấy, quan quyền Thống đốc Utôrây nay là nghị viên của người Pháp ở Nam Kỳ đã tăng thuế điền thổ vốn đã quá nặng, lên *một trăm phần trăm*. Việc tăng thuế này đã làm cho tên tuổi Utôrây trở thành bất tử trong trí nhớ của người An Nam, nó đã làm cho các đại biểu người An Nam trong hội đồng nhất loạt từ chức! Cần quái gì! Utôrây liền thay họ bằng những người khác do ông ta đích thân bắt cử tri An Nam phải bầu. Trước ngày bầu phiếu, một tay chân của ông ta là viên quan cai trị Maxperô (tỉnh Biên Hoà) chẳng đã bắt giam tất cả cử tri ở tỉnh ấy lại, không cho họ tiếp xúc với những người ứng cử đó hay sao? Người ta dọa trừng phạt để buộc họ phải bỏ phiếu cho Bùi Thế Khâm, người do Utôrây đưa ra nhằm ngăn cản việc bầu lại ông Hoài, một đại biểu vừa từ chức đã có lỗi là không làm theo ý muốn của Utôrây.

CHƯƠNG IV
CÁC QUAN CAI TRỊ

I- ÔNG XANH¹⁾

Như các bạn đều biết, các thuộc địa vẫn được gọi là những nước Pháp hải ngoại, và người Pháp của những nước Pháp ấy là người An Nam, người Mađagátxca hoặc người... v.v.. Bởi thế, cái gì ở bên này là phải thì ở bên kia là trái, và cái gì ở bên kia được phép thì ở bên này bị cấm. Thí dụ: Ở bên ấy, tất cả người Pháp đều được phép làm cho dân bản xứ ngu muội đi bằng thuốc phiện, họ càng bán được nhiều thuốc phiện, thì càng được quý trọng; nhưng ở bên này, nếu anh đem bán thứ thuốc độc ấy thì, anh sẽ bị tóm cổ ngay lập tức. Nếu ở bên Pháp, một viên chức cao cấp được phép vận quần áo lót để đi ra đường, thì ngược lại một ông hoàng bản xứ không có quyền mặc áo bản xứ, ngay cả khi ở nhà và đang ốm.

Vì đang ốm, nên cố Quốc vương Tuynidi đã cùi mặc nguyên áo ngủ mà tiếp quan Khâm sứ. Như thế đã là bậy rồi; nhưng còn bậy hơn nữa là cháu nội và cháu họ nhà vua lại quên chào quan Khâm sứ nói trên. Thế là sau hai ngày, đúng vừa đủ thời gian để suy nghĩ, quan lớn Khâm sứ bèn mặc nhung phục, kéo binh mã đến bắt nhà vua phải xin lỗi. Thế mới đúng chứ. Một khi anh là Quốc vương và chịu sự bảo hộ của một ông Thánh (ông Xanh) thì dù là Thánh cha, Thánh con hoặc Thánh thần, anh cũng không có quyền được đau ốm. Còn các chú “nhóc con” bản xứ, các chú phải biết rằng, một khi đã sinh ra dưới đôi cánh mẹ hiền của nền dân chủ thì các chú không được nô đùa, reo cười, hò hé, mà phải học chào lạy.

Ở Đông Dương cũng như ở các thuộc địa khác, đối với những người bản xứ không kịp lạy chào các “quan bảo hộ” thì nhiều quan cũng chỉ khiêm tốn “giã cho một trận” thôi, chứ chưa bao giờ lại huy động quân đội để bắt trẻ con phải lạy chào. Dĩ nhiên trong bọn họ không phải ai cũng đều là khâm sứ cả!

Mặc dầu: “sự việc nghiêm trọng” ấy đã bị vạch ra trên diễn đàn nghị viện và theo lời ông Poăngcarê, nó có thể làm tổn thương đến ảnh hưởng của nước Pháp, chúng ta sẽ là những người vong ân đối với quan Khâm sứ Xanh, nếu chúng ta buộc cho ông cái tội “thất bại chủ nghĩa”; bởi vì, nhờ có cuộc biểu

1) Saint: Vừa là tên viên Khâm sứ, vừa có nghĩa là Thánh. Đây là lối dùng chữ của tác giả để chế giễu viên Khâm sứ Saint, dựa theo điển tích Chúa ba ngôi - Thánh Cha, Thánh Con, Thánh Thần (*Sainte Trinité: Saint père, Saint fils, Saint esprit*) (B.T).

diễn lực lượng thân thiện, trẻ con và hoà bình ấy mà từ đó người bản xứ biết cách nêu lạy chào một “người anh em da trắng” như thế nào. Ai cũng còn nhớ khi ông Milorăng sang thăm châu Phi, người bản xứ đã đón chào ông, và để tỏ lòng trung thành vô hạn và lòng tôn kính sâu sắc với vị quốc trưởng nước bảo hộ, họ đã kéo áo sơmi ra ngoài quần đùi.

II- ÔNG ĐÁCLO

Tập *Cahier des droits de l'Homme* vừa mới đăng một bức thư của ông Phécđinăng Buytxông, Chủ tịch Hội Nhân quyền, gửi ông Xarô, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, nói về cuộc khởi nghĩa ở Thái Nguyên (Đông Dương) năm 1917 và việc đàn áp cuộc khởi nghĩa đó.

Bức thư vạch rõ trách nhiệm của viên Công sứ tỉnh Thái Nguyên là ông Đáclơ: chính vì sự lạm quyền của ông Đáclơ mà cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Toà án Sài Gòn cũng đã xác định tội của ông ta ngay từ năm 1917.

Thế nhưng, có ai ngờ rằng ông Đáclơ không hề bị một sự trừng phạt nào về mặt hành chính cả. Trái lại, ông ta lại được cử làm uỷ viên Hội đồng thành phố Sài Gòn. Còn sự trừng phạt về mặt tư pháp thì thật là đáng buồn cười: nộp vẫn vẹn có 200 phrang tiền phạt!

Cái ông Đáclơ ấy quả là một nhà cai trị có tài. Khoa cai trị của ông ta, ông ta đã học được ở khu phố latinck khi ông còn là một anh hàng cháo.

Lúc ấy, ông Đáclơ không có một xu dính túi và mắc nợ như chúa chồm. Nhưng nhờ một chính khách có thế lực, ông ta được bổ nhiệm làm quan cai trị ở Đông Dương.

Chẽm chẽ đứng đầu một tỉnh có hàng vạn dân, và được giao cho quyền hành tuyệt đối, ông ta vừa là Tỉnh trưởng, vừa là Thị trưởng, vừa là quan toà, vừa là mõ toà, vừa là người đốc thuế; tóm lại, ông ta nắm trong tay tất cả mọi quyền hành: Toà án, thuế khoá, điền thổ, tính mạng và tài sản của người bản xứ, quyền lợi của viên chức, việc bầu cử lý trưởng và chánh tổng, tức là vận mạng của cả một tỉnh được đặt vào tay cái anh hàng cháo ngày xưa ấy.

Ở Pari, không làm giàu nổi bằng cách bóc lột khách hàng, sang Bắc Kỳ ông ta gỡ gạc lại bằng cách bắt bớ, giam cầm, xử tội người An Nam một cách độc đoán, để bòn rút họ.

Đây là một vài việc làm rạng rỡ thời thống trị độc tài của vị quan cai trị dễ thương ấy mà nước mẹ cộng hoà đã có nhã ý gửi sang để khai hoá cho chúng tôi.

Một số lính tình nguyện (!) bản xứ, bị điệu về để sung vào lính khổ đở và vì thế họ phải đi khám sức khoẻ. Đó là những người mù chữ, nhút nhát, khi hỏi thì trả lời chậm chạp, nên quan Công sứ đã chửi bới, đấm đá và lấy gậy phang họ túi bụi.

Ba người lính khổ xanh để xổng một người tù, đã bị ông Đáclo đánh đập một cách rất tàn nhẫn, nắm tóc họ kéo lê dưới đất và đập đầu họ vào tường toà sứ.

Khi hỏi cung tù nhân, quan Công sứ thường lấy thanh gươm đâm vào đùi họ. Có người khi về đến nhà lao thì lăn ra bất tỉnh.

Một đoàn tù khốn khổ, gầy đói, quần áo tả tơi, bị lôi dậy từ tờ mờ sáng, cổ mang gông, chân buộc xiềng, người nọ bị xích vào người kia, cùng kéo một chiếc xe lu to tướng trên những lớp sỏi dày. Hoàn toàn kiệt sức, họ ù ạch kéo chiếc xe lu nặng nề dưới ánh nắng như thiêu như đốt. Bỗng quan Công sứ đến. Như lệ thường, quan cầm theo một cái gậy to tướng, rồi bỗng dừng vô cớ, quan xông vào đấm người khốn khổ ấy, như con thú dữ, đánh túi bụi, tàn nhẫn không tưởng tượng được, vừa đánh vừa chửi họ là đồ lười.

Một hôm nhà khai hoá của chúng ta vừa quở trách một nhân viên người Âu xong, không biết trút cơn giận lên đầu ai được, vó cái thước sắt trên bàn giấy đập nát hai ngón tay của một viên thư ký người An Nam chẳng liên can gì đến việc kia cả.

Một hôm khác, ông ta vụt roi gân bò vào mặt một viên đội người bản xứ trước những người lính dưới quyền anh ta.

Lại một lần khác, có mấy người lính khổ xanh làm trái ý ông ta, ông ta bèn cho đem chôn họ đến tận cổ, mãi đến khi họ ngất ngoài mới cho moi lên.

Cứ mỗi khi ông ta đi xem xét các con đường có dân phu làm việc thì số chân người bị đánh què bằng lưỡi xéng, cán cuốc, phải tính bằng đơn vị nửa tá. Những người dân phu làm đường ấy đều là những người bị ông ta bắt ép đi làm với tiền công mỗi ngày một, hai xu, sau khi họ đã phải nộp tiền chuộc phần tạp dịch của họ với giá mười lăm xu mỗi ngày.

Một lần, ở một công trường, ông ta đã giật súng của một người lính coi tù để đánh một người tù. Người tù tránh được, quan Công sứ quay lại đánh người lính, cũng bằng cây súng ấy. Bà Công sứ, người vợ xứng đáng của quan lớn, cũng tham gia, bà đánh tù một cách tự nhiên và phạt lính lúc nào cũng được.

Người ta đã trông thấy quan Công sứ dùng gậy đánh một viên đội lòi mắt. Quan còn làm nhiều việc cao cả khác nữa mà ở đây chúng tôi không thể kể xiết được.

Tất cả những việc kể trên, mọi người đều tai nghe, mắt thấy, kể cả cấp trên của ông ta là các quan toàn quyền, quan khâm sứ. Để khen thưởng tinh thần “cương quyết” và “đức độ rất cộng hoà” của ông ta, những vị này đã thăng tay thăng quan tiến chức cho ông ta.

III- QUÝ NGÀI BUĐINÔ, BÔĐOANH VÀ NHỮNG NGÀI KHÁC

Mặc các cuộc triển lãm ồn ào, những bài diễn văn rùm beng, những cuộc kinh lý để vương và những bài báo hoa mỹ, tình hình ở Đông Dương vẫn chẳng ổn chút nào.

Chiếc ghế bị cáo mà quan cai trị liêm chính Lanô vừa rời khỏi chưa kịp nguội thì người ta lại báo cho chúng tôi biết về những vụ xáu xa khác nữa.

Trước hết là vụ Buđinô. Ông Buđinô là một nhà khai hoả điển hình, một vị quan cai tri chuyên ăn hối lộ. Trong số vụ ông ta bị tố cáo, chúng tôi xin kể vụ sau đây:

“Làng Tân An, nơi lỵ sở của tổng, đã lấy quỹ làng và vay tiền để xây dựng một nhà máy điện. Việc kinh doanh rất có lợi, vì thu vượt chi rất nhiều. Ngoài ra, các công sở và đường sá của làng còn được thắp đèn điện không mất tiền”.

“Nhưng bỗng một quan cai trị khá xảo quyết (ông Buđinô), đã khéo xoay sở thế nào mà làng Tân An phải chịu nhường không nhà máy điện cho một anh chàng thầu khoán, để được hưởng cái thú phải trả tiền đèn đường và đèn công sở. Ngày nay làng nhận thấy chuộc lại nhà máy nhượng không ấy là có lợi, và chuộc lại thì phải xuất ra hàng chục nghìn đồng. Câu chuyện này là cả một thiên tiểu thuyết trong đó tài năng hư cấu của một tên cựu tinh trưởng đã được tự do phát huy với một sự đều cáng không thể tưởng tượng nổi”.

Vụ xáu xa thứ hai trước mắt là vụ Têa. Một bạn đồng nghiệp ở Đông Dương đã viết về vụ đó như sau:

“Chúng ta đang sống trong một bầu không khí thật là... không bình thường chút nào: chưa xong vụ Buđinô, vụ Lanô, lại đến vụ Têa”.

“Ông Têa là một kỹ sư xuất sắc, giám đốc một hãng lớn của người Pháp ở Hải Phòng. Ông đã đến tìm ông Xcala, Giám đốc thương chính, và tặng trước ông này số tiền chè lá một vạn đôla để ký kết một chuyến buôn thuốc phiện với cơ quan nhà nước. Chắc là ông Têa có những lý do rất đặc biệt để nghĩ rằng việc vận động như thế không có gì là bất thường cả. Như vậy có nghĩa là việc hối lộ là việc thông thường trong chính giới ở Đông Dương. Tất cả những kẻ nào có quyền thế như vậy đều lợi dụng để vơ vét cho đầy túi tham của mình và làm hại lớn cho xã hội”.

Nếu như ông Đáclơ, Công sứ khát máu ở Thái Nguyên mà được cử làm Ủy viên Hội đồng thành phố Sài Gòn, và ông Bôđoanh, người đang được quan toà Oaren nóng lòng chờ đợi, mà được cử giữ chức Toàn quyền Đông Dương, thì các ông Têa và Buđinô ít ra cũng nên được gắn bội tinh mới phải.

CHƯƠNG V

NHỮNG NHÀ KHAI HOÁ

Xin hỏi: có phải là ở Sở Mật thám của Phủ Toàn quyền Đông Dương có một nhân viên người Pháp là C... không? Có phải chính tên C... ấy trong khi được phái đi “công cán” ở Phú Xuyên, đã bắt người An Nam ở đây gọi hắn bằng “quan lớn”, và đã đánh đập tàn nhẫn những ai không nhanh miệng chào hắn như thế không? Có phải cũng chính tên C... này đã hiếp dâm một người lính lè khồng? À, té ra cái gì người ta cũng được phép và có thể làm được ở cái thiên đường Đông Dương ấy.

*

* * *

Giữa tháng 12 năm 1922, một viên đội phó cảnh binh Pháp¹⁾ của sở cảnh sát đô thị Sài Gòn, “say mềm”, đã vào nhà một người bản xứ và làm bị thương nặng hai người trong nhà, trong đó có một người đàn bà.

Khi ông dự thẩm hỏi cung thì tên cảnh binh ấy khai là *hắn không còn nhớ gì cả*, và chối phăng là hắn không say.

Trái lại, các nhân chứng, trong đó có một người Âu, đều xác nhận rằng lúc xảy ra vụ thương tâm ấy, *người bảo vệ trật tự kia quả là không ở trong trạng thái bình thường*.

Người khai hoá ấy say hay là điên, điều đó không quan trọng, chúng tôi chỉ thiết tha mong rằng anh ta sẽ được tặng thưởng huân chương về hành động dũng cảm của anh ta.

*

* * *

Ở thuộc địa, hẽ có màu da trắng là quý phái, là thuộc chủng tộc thượng đẳng.

Để giữ thể thống, anh tây đoan hạng bét cũng có ít nhất một người ở, một người “bồi”, và người này thường thường lại bị dùng làm “người hầu gái vạn năng”.

Đày tớ người bản xứ đã dễ bảo lại rẻ tiền, nên nhiều viên chức thuộc địa về nghỉ hoặc về hư mang theo cả người ở về nước.

Chẳng hạn như ông Giăng Lơ M...riny ở phố Cácnô, thành phố Sécbua. Ông ấy ở Đông Dương về, mang theo một người bồi lương tháng 35 quan. Chẳng cần phải nói bạn cũng biết rằng, người bồi

1) Nguyên văn tiếng Pháp là “sous brigadier européen” (phó cảnh binh người Âu) (B.T).

ấy phải làm quần quật từ mờ sáng đến đêm khuya. Trong nhà ấy, không có chủ nhật cũng chẳng có ngày lễ. Hơn nữa, người ta cho anh ăn uống hết sức kham khổ, và chở ở rất tồi tệ.

Một hôm ông Giăng Lơ M...rinh muối sai người “được bảo hộ” của mình về làm lụng ở thôn quê. Vì đã từng được nếm cuộc sống sung sướng ở thôn quê mà ông chủ quý hoá dành cho, nên người con của xứ An Nam không chịu đi.

Thế là nhà cựu khai hoá kia nổi cơn thịnh nộ nện cho anh ta một trận nện thân, rồi đuổi ra khỏi nhà¹⁾, nhưng lại giữ tất cả tài sản của anh ta: tiền bạc, hòm xiềng, quần áo, v.v., mà nhất định không chịu trả lại, mặc dù anh ta đã nhiều lần van nài. Bị đuổi đột ngột, trơ hai bàn tay trắng, không biết tiếng Pháp, không bạn bè thân thích, bơ vơ lạc lõng, con người bất hạnh đó đang lâm vào cảnh cùng khốn ghê gớm.

*

* * *

Viên chức thuộc địa là nguyên nhân chính gây ra nạn đói sống đắt đỏ ở thuộc địa. Muốn biết nhân tố ăn bám ấy đè nặng lên ngân sách đến mức nào, nghĩa là đè nặng lên lưng nhân dân lao động như thế nào, hãy so sánh những con số sau đây:

Ở Ấn Độ thuộc Anh, dân số 325 triệu người, có 4.898 viên chức người Âu.

Ở Đông Dương thuộc Pháp, dân số 15 triệu người, có 4.300 viên chức người Âu.

Như thế nghĩa là ở thuộc địa Anh, cứ 66.150 người dân thì có một viên chức người Âu, còn ở thuộc địa Pháp, thì cứ 3.490 người dân đã có một viên chức người Âu.

Ở Ấn Độ, ngành thương chính có 240 viên chức người Âu. Ở Đông Dương, ngành thương chính có 1.100 viên chức người Âu.

Ở Ấn Độ, có 26.000 nhà dây thép với 268 viên chức người Âu.

Ở Đông Dương có 330 nhà dây thép với 340 viên chức người Âu.

Tại sao ở Đông Dương, cái loài ăn hại ngân sách ấy lại nhiều đến thế? Bởi vì thuộc địa là một thiên đường ở trần gian; ở đó, trừ một vài trường hợp rất hiếm hoi, còn thì tất cả những cặn bã trong các ngành chính trị, tài chính, báo chí, v.v., mà chính quốc thải ra, đều tìm được môi trường rất thích hợp để phát triển... Hãy bắt đầu từ nhân vật quan trọng nhất là viên toàn quyền. Về vấn đề này, một người thực dân không thiên vị đã viết: “Sang Bắc Kỳ, các ông toàn quyền chỉ nhầm một mục đích là:

1) Nguyên văn tiếng Pháp là “f... l'Annamite à la porte...” (đuổi người An Nam ra khỏi nhà) (B.T).

tìm chỗ bờ dụng bạn bè, con cháu thân thuộc và bọn vận động bầu cử của những bậc quyền thế có thể làm chỗ dựa cho mình; thường thường bọn này là những người mắc nợ như chúa chổm, bị chủ nợ săn lùng, phải có tiền cho chúng mới được ...”.

Đối với nhà văn thanh cao nào muốn viết lịch sử huy hoàng của công cuộc khai hoá thuộc địa, thì cuộc chiến tranh gọi là vì công lý và chính nghĩa sẽ là nguồn tài liệu vô tận. Với một cử chỉ say sưa và hùng biện, ông Anbe Xarô nói: “Chính công cuộc chinh phục thuộc địa đã đào tạo nên phần lớn những vị tướng lĩnh vĩ đại đã đưa chúng ta đến chiến thắng và đã từng được dư luận nước Pháp ca tụng chiến công và thanh danh khi họ đưa ngọn cờ của chúng ta đi khắp đất Á, trời Phi”.

Cũng với ý nghĩ thắng thắn như thế, nhưng bằng lời lẽ kém bay bướm hơn, tờ *Le Journal de Genève* (à, lại có quỷ sứ ở Giơnevơ chăng?) đã nói toạc ra rằng: “Chính phủ cộng hoà đã đi tìm thuộc địa để gỡ gạc lại trận thất bại năm 1870. Dân tộc Pháp coi việc chinh phục thuộc địa như là một sự đền bù lại những thất vọng cay đắng của mình ở châu Âu, và bọn quân nhân thì vớ được dịp để trổ tài trong những trận thắng dễ dàng”.

Nghe những lời chứng có thẩm quyền như thế, mà các bạn vẫn cứ khẳng khăng không tin rằng việc khai thác thuộc địa là một sứ mệnh khai hoá và nhân đạo không hơn không kém, thì thật là hết chỗ nói!

*

* * *

1. Ông Ghinôđô bị mất trộm số tiền 5.000 phrăng. Muốn bắt những người bản xứ làm việc ở nhà ông phải thú nhận, ông chủ tốt bụng và nhà khai hoá vĩ đại đó đã đem họ ra tra điện. Nhưng sau, người ta tìm ra kẻ cắp thì lại không phải là một người bản xứ, mà chính là một nhà khai hoá khác: ấy là cậu ấm con ngài Ghinôđô! Thế mà ông Ghinôđô vẫn được vô tội, còn tám người bản xứ giúp việc ông thì hiện vẫn còn nằm nhà thương.

2. Ông Vônla, nhà khai hoá kiêm nhà buôn, không trả lương đều đặn cho những nhân viên bản xứ làm cho ông. Một trong những nhân viên đó nhờ viên đốc công hỏi hộ cho anh số lương chủ còn thiếu. Ông Vônla bèn đưa cho viên đốc công một mảnh giấy ghi mấy chữ sau đây: “Bảo cái con lợn ấy lấy C... mà ăn, chỉ có món ấy là hợp với nó thôi”.

Việc này xảy ra ở Tuynidi, năm 1923, ngay giữa lúc ông Tổng thống Milorăng đi kinh lý ở đó.

*

* * *

Khi người ta có màu da trắng thì nghiêm nhiên người ta là một nhà khai hoá. Mà khi người ta đã là một nhà khai hoá thì người ta có thể làm những việc dã man mà vẫn cứ là người văn minh nhất.

Cho nên, một viên đốc công lục lộ ở Nam Kỳ đã bắt những người An Nam gặp hắn trên đường phải lạy chào hắn theo đúng nghi thức của chủng tộc chiến bại đối với chủng tộc chiến thắng.

Một hôm, một viên thư ký người bản xứ ở sở ra, vừa đi vừa đọc một quyển tiểu thuyết. Đến một đoạn hài hước, anh bật lên cười. Vừa lúc ấy viên đốc công lục lộ đi tới. Ông ta nổi cơn giận lên, thứ nhất là vì người bản xứ ấy mải đọc truyện đến nỗi không nhìn thấy ông mà chào; thứ hai là vì một người bản xứ mà lại dám cười khi đi qua trước mặt một người da trắng. Thế là nhà khai hoá nấm viên thư ký lại, buộc anh phải khai tên và hỏi anh có muốn ăn một cái tát không. Tất nhiên là người thư ký từ chối món quà quá hào hiệp đó, và tỏ vẻ ngạc nhiên tại sao lại có chuyện thoá mạ như thế được. Thế là chẳng nói chẳng rằng, người viên chức Pháp túm áo người bản xứ ấy lôi đến trước quan chủ tinh.

Cũng vẫn cái lão đốc công lục lộ ấy, lấy cớ là phải sắp xếp nhà cửa, vườn tược lại cho ngay ngắn, đã ra lệnh cho nhân dân ở hai bên đường hàng tỉnh phải dọn nhà đi, chặt cây và phá vườn trong một thời hạn do hắn quy định, nếu không thì sẽ bị phạt tiền.

Như thế đấy mà người ta vẫn cứ ngạc nhiên vì sao người bản xứ ở các thuộc địa lại cứ bất bình!

Chẳng những bọn thống đốc, công sứ muốn làm gì thì làm, mà cả các nhân viên nhà đوان, cảnh binh và tất cả những ai có tí chút quyền hành trong tay cũng đều sử dụng và lạm dụng quyền hành để thả cửa làm bậy vì họ biết chắc rằng sẽ không bị tội vạ gì hết.

Một viên cẩm ở Tuyên Quang (Bắc Kỳ) đã đánh một người bản xứ gãy cả hai cánh tay. Một viên cẩm khác ở Đà Lạt (Trung Kỳ)¹⁾ vừa mới sáng tạo ra một lối mua bán cực kỳ lý thú, chúng tôi xin thuật ra đây để hiến quý ngài Điô và Xarô. Một hôm ông cẩm cần gỗ ván, ông sai lính ra phố mua. Mua là một cách nói thôi, chứ ông ta có đưa tiền cho lính của ông ta đâu. Tuy vậy, lính của ông ta cũng cứ ra phố, vào hàng chọn gỗ và định mang đi, cố nhiên là không trả tiền. Người bán gỗ không cho. Lính trở về báo cáo với quan Tây yêu sách quái gỗ của nhà buôn ấy.

Điên tiết lên, ông cẩm phái ba người lính mang súng đến bắt người bán gỗ to gan đó. Người này đang bị cấm không chịu đi. Lính về báo lại với ông cẩm. Tức giận đến cực độ, ông liền phái thêm ba người lính nữa nhập với tốp trước, và hạ lệnh cho họ phải bắt bằng được tên cứng đầu cứng cổ kia đem về dù sống hay chết.

1) Nguyên văn tiếng Pháp là “Cochinchine” (Nam Kỳ) (B.T).

Toán lính vũ trang đến bao vây cửa hiệu bán gỗ và sắp sửa thi hành mệnh lệnh.

Lúc ấy, một nhà buôn người Âu can thiệp bệnh người bán gỗ bản xứ và viết thư cho ông cẩm. Nhưng người cộng sự đầy nghị lực của ông Môrixơ Lông, vẫn không chịu thu hồi “trát đòi” người bán gỗ và cho biết rằng nếu anh ta không chịu đến thì sẽ gặp nhiều chuyện rắc rối.

Nhà buôn người bản xứ ấy đành phải bỏ công việc làm ăn, bỏ cả quê hương để lần tránh cơn tức giận “khai hoá” của vị quan da trăng.

*

* * *

Bảy người An Nam đáng thương đang bơi một chiếc xuồng dài mỏng mảnh; đã xuôi dòng nước, lại có đến bảy tay chèo nên chiếc xuồng đi vùn vụt như một chiếc xuồng máy. Bỗng thuyền của một nhân viên nhà đoàn khuất sau đám cây được trong lạch hiện ra, với quốc kỳ Pháp cắm sau lái. Một thuỷ thủ trên thuyền nhà đoàn gọi, bảo xuồng kia dừng lại; người trên xuồng vẫn chèo. Thuyền của viên tây đoàn đi chậm không đuổi kịp. Viên đoàn liền cầm súng oanh sát bắn theo. Đoàng! Đoàng! Một người đang chèo thét lên rồi ngã gục. Đoàng! Lại một người nữa ngã gục. Lúc ấy, một người Âu khác, làm nghề gạch ngói, vừa đi xuồng tới, cũng tham gia đột kích “bọn cướp” kia ở một khúc ngoeo. Đoàng! Đoàng! Đoàng! Quả là tay súng cừ! Ba viên đạn, ba nạn nhân. Chiếc xuồng cùng hai người sống sót mất hút trong lạch...

Một hôm khác, cũng viên đoàn ấy đi với sáu thuỷ thủ vũ trang, phát hiện được một người khốn khổ đang trốn dưới ao, ngâm mình dưới bùn, thở bằng một cái ống, một đầu ngậm ở miệng, một đầu để ló ra khỏi mặt nước; trên mặt nước lá sen che phủ một cách rất khéo. Viên Tây đoàn liền bắt và chặt đầu “tên cướp” ấy đem về toà sứ. Thật ra, đó chỉ là một nông dân bình thường khiếp sợ vì thấy có nhiều người lạ đến làng, mặt mày hung tợn, mang đầy súng lục, túi đạn, lăm lăm súng oanh sát trên tay. Số là bọn nhà đoàn vào các túp lều trong làng đã tìm thấy ba chiếc vỏ đạn, mấy cái bánh tàu và một cái búa đi rừng. Vậy đích thị là một làng làm giặc và tiếp tế cho giặc rồi còn nghi ngờ gì nữa!

Một sĩ quan trẻ tuổi vừa ở Pháp sang, đến một làng nọ, thấy nhà cửa vắng vẻ, còn dân chúng thì tụ tập lại một chỗ. Tưởng đâu đã lọt vào ổ phục kích, hắn bắn xả vào đám đông vô tội. Thật ra thì dân chúng đương họp để cúng tế. Bị bắn, họ kinh hoảng bỏ chạy tán loạn. Tên sĩ quan đuổi theo và tàn sát họ.

Một người Pháp đã từng ở Bắc Kỳ lâu năm kể: Khi từ chiếc tàu của một nhà kinh doanh lớn, tôi đặt chân lên Bắc Kỳ, anh có biết mạng của một người An Nam đáng giá bao nhiêu không? Không đáng một trinh! Thật đấy.

- Nay nhé, tôi còn nhớ, khi chúng tôi ngược sông Hồng, người ta đã đem rượu ra đánh cuộc xem ai ngồi dưới tàu, bắn mười phát mà “hạ sát” được nhiều người An Nam nhất ở trên bờ.

Một đội kẻ súng cầm tay đi lùng bắt dân làng, thuyền bè để đội tiên chuộc.

Một đại đội thủy quân lục chiến hành quân đến Vĩnh Thượng. Theo phép lịch sự, viên quan địa phương dàn lính (bọn lính lệ) nghênh tiếp. Tên chỉ huy toán lính đi dò đường của đại đội thấy thế đã ra lệnh bắn vào họ, làm nhiều người chết.

Khi người ta không trừ nổi một nghĩa quân thì người ta đốt cả làng người ấy. Người ta đã triệt hạ cả một vùng chung quanh Hưng Hóa như vậy.

Một người An Nam đang đi lảo đảo trên một con đường nhỏ hẻo lánh, vai gánh hai thúng to đầy lạc. Chúng tôi tới gần, hắn ta không kịp tránh. Tức thời người ta bắt hắn và bắn chết.

Suốt ngày, người ta vác gậy hoặc sống gươm nện vào người An Nam để bắt họ làm việc.

Người An Nam rất hiền lành, rất ngoan ngoãn, nhưng người ta lại nói chuyện với họ chỉ bằng những cái đá đít thôi.

Chúng ta coi những người An Nam yêu nước là những tên cướp. Chẳng hạn như Đội Văn, một người yêu nước đã từng chiến đấu mấy năm trời chống lại sự thống trị của người nước ngoài, bị chém tại Hà Nội, bêu đầu ở Bắc Ninh, ném xác xuống sông Hồng.

Tống Duy Tân, sau mười năm ròng rã chiến đấu tuyệt vọng, đã bị bắt và bị chém.

Phan Đình Phùng, một vị quan to, kháng chiến trong mười năm trời rồi chết trong rừng sâu. Ông ta chết rồi mà chúng ta vẫn không tha; người ta vào rừng quật mộ ông lên, ném thi hài ông mỗi nơi một mảnh. Người ta báo thù ông ngay sau khi ông đã nằm sâu dưới mộ.

Ở tỉnh Quảng Trị, một viên cai lục lộ người Pháp say rượu đã “hạ” một người bản xứ ngồi trên lưng voi, chỉ vì tội không nghe rõ hay là không hiểu lệnh của hắn.

Một viên tây đoan ở Bà Rịa (Nam Kỳ) cũng say rượu, phang một gậy trúng lá lách một thuỷ thủ An Nam thuộc quyền hắn, làm cho anh ta chết tươi.

Một viên thầu khoán người Pháp giết một lính khổ xanh ở Đà Lạt. Cũng ở đấy, một nhà khai hoá khác đã đánh một người thợ mộc bản xứ đến chết.

Một viên thầu khoán bắt thợ làm việc ngày đêm dưới nước để đào một đường hầm. Một số đông thợ chết, những người còn sống sót bãй công. Viên thầu khoán đã tự tay đốt nhà những người bãй công để buộc họ phải đi làm trở lại. Cả một làng cháy rực giữa đêm tối.

Một viên chánh quản pháo binh nửa đêm vào nhà một bà vắng chồng. Bà ta không chịu tiếp hắn. Thế là hắn nổ lửa đốt nhà bà. Dĩ nhiên, người đàn bà đau khổ kia hết sức sợ hãi.

Một viên quan hai nhiều vợ, đã quật ngã một thiếu phụ, dùng gậy song đánh chị đến chết chỉ vì chị không chịu ăn ở với hắn.

Một viên chức ở xưởng đóng tàu của hải quân giết một nhân viên hoả xa người An Nam bằng cách xô anh vào một đống than hồng sau khi đánh đập anh hết sức tàn nhẫn.

*

* *

1
9
2
5

Ông Vinhê Đốctông viết: “Trên thế giới không có dân tộc chiến bại nào bị đàn áp và hành hạ như người dân thuộc địa”.

Một nhà du lịch khác viết: “Đời sống ở thuộc địa chỉ làm cho tật xấu của cá nhân phát triển: những kẻ đã nếm mùi chiến tranh thì càng mất hết ý thức đạo đức, càng truy lạc, bất lương và độc ác; những bọn con buôn và bọn phiêu lưu khác thì càng quen mùi trộm cắp, cướp giật. Ở bên Pháp ít có dịp để làm những việc đó, và người ta sợ cảnh sát hơn! Ở đây, bọn nói trên, đôi khi chỉ có một mình với vài người bản xứ, trên một con thuyền hoặc trong một thôn xóm; vì vậy chúng cướp bóc trắng trợn hơn là người Âu trên thị trường, và đối xử tàn nhẫn hơn với những nông dân nào phản đối chúng”.

Một nhà du lịch thứ ba viết: Khi đặt chân đến đây, tất cả những người Pháp đều nghĩ rằng người An Nam là hạng người thấp kém và phải làm nô lệ cho họ. Họ coi người An Nam như những súc vật phải điều khiển bằng roi vọt. Tất cả đều quen tự coi mình thuộc một đẳng cấp quý tộc mới, có đặc quyền đặc lợi. Binhsĩ hay là thực dân, họ đều cho rằng giữa họ và người bản xứ không có cách đối xử nào khác hơn là sự đối xử giữa chủ và tớ. Hình như đối với họ, người bồi là tiêu biểu của cả chủng tộc da vàng. Phải nghe một người Pháp ở Đông Dương nói về người da vàng mới thấy hết cái ngu xuẩn trong lối nói ngạo mạn của hắn. Phải nhìn một người Âu đối xử với người bản xứ mới thấy hết cái cục cằn thô lỗ của hắn.

Kẻ đi chinh phục rất quan tâm đến thái độ phục tùng và cung kính của người bị chinh phục. Người An Nam ở thành thị cũng như ở nông thôn đều bắt buộc phải ngả nón trước mặt người Âu.

Một tên mật thám Pháp đánh đập tàn nhẫn những người An Nam nào quên không gọi hắn ta bằng quan lớn. Một tên thám tử nhà đoán buộc những người bản xứ khi đi qua nhà hắn phải ngả mũ hoặc xuống xe, xuống ngựa. Một hôm, nhà khai hoá này đánh đập tàn nhẫn một chị người An Nam đang có mang, chỉ vì tuy chị có chào hắn, nhưng lại quên gọi hắn là quan lớn. Hắn đá một cái rất mạnh vào bụng chị làm chị trụy thai, ít lâu sau thì người đàn bà khốn khổ ấy chết.

Các quan bảo hộ của chúng ta buộc người An Nam phải khúm núm, ngoan ngoãn, dễ bảo và lê phép, nhưng ngược lại, về phía các quan, thì như một nhà văn sang thăm Đông Dương đã viết:

“Hình như họ chỉ làm những điều khiến cho sự có mặt của chúng ta trở thành một điều xấu xa bỉ ổi không ai chịu được”. Nhà văn ấy còn viết tiếp: “Ở châu Âu, người ta coi giống người da vàng chúa đựng tất cả những thói điêu ngoa, xảo trá. Ấy thế mà, chính chúng ta thì lại rất ít chú ý tỏ ra là mình ngay thẳng, thành thật”.

Có những sĩ quan đã giật râu thây cúng ngay trong lúc họ làm lễ. Một cậu ấm người Pháp đã đánh nhừ đòn một viên chức người An Nam, vì ông này đã ngồi trước trên một chiếc xe hàng mà không chịu nhường chỗ cho cậu.

Một viên Toàn quyền vừa về tới Mácxây, người ta thiết tiệc ông ta và đề nghị cho mấy viên quan Nam triều đang có mặt ở cảng đến cùng dự. Viên Toàn quyền Đông Dương đáp: “Nếu các ông mời các tên quan lại ấy, thì tôi cũng sẽ đưa tên bồi của tôi đến”.

*

* * *

Chúng tôi xin trích trong nhật ký đi đường của một anh lính thuộc địa, sự việc sau đây:

- Trong khi “những người từng ở Bắc Kỳ” đang vui chơi nhởn nhơ trên tàu, thì dưới mạn tàu phía bên phải, có mấy chiếc xuồng bán hoa quả, ốc hến. Để đưa hàng đến tận tay chúng tôi, những người An Nam buộc giỏ đựng hàng vào đầu ngọn sào, rồi giơ lên. Chúng tôi chỉ có mắt công chọn. Nhưng đáng lẽ trả tiền, thì người ta lại có nhã ý bỏ vào giỏ đủ thứ như sau: ống điếu, khuy quần, mẫu tàn thuốc (có lẽ họ làm như thế để giáo dục tính ngay thật trong việc mua bán cho người bản xứ chẳng!). Đôi khi để đùa vui, một anh sôphơ hất một thùng nước sôi xuống lưng những người bán hàng khốn khổ. Thế là, những tiếng kêu rú lên, mái chèo vung lên loạn xạ để bơi tránh, làm cho xuồng va chạm vào nhau lộc cộc.

“Ngay bên dưới tôi, một người An Nam bị giội nước sôi, *bỏng từ đầu đến chân*, phát điên lên muốn nhảy xuống biển. Người anh của anh ta, quên cả nguy hiểm, bỏ chèo, ôm lấy anh, bắt anh nằm xuống lòng thuyền. Cuộc vật lộn chớp nhoáng vừa chấm dứt thì một thùng nước sôi khác do một bàn tay thành thạo lại giội xuống; thế là đến lượt *chính người đi cứu, bị luộc chín*. Tôi trông thấy anh ta giãy giụa trong thuyền, da bị lột ra trồi thịt đỏ rói gào rống lên như một con vật. Thế nhưng cảnh đó lại làm cho chúng tôi cười, chúng tôi cho là rất ngộ nghĩnh. *Quả thật chúng tôi đã có tâm hồn thực dân!*”.

Ở một trang khác, anh lính viết:

- Trong thời kỳ tôi ở đây (ở Bắc Kỳ), không có tuần nào là tôi không thấy vài cái đầu rụng.

Trong những cảnh ấy, tôi chỉ còn ghi nhớ được một điều là chúng ta còn độc ác, còn dã man hơn cả bọn kẻ cướp nhà nghề. Tại sao lại có những hành vi quái ác đến thế đối với một con người tù sấp phải chết? Tại sao lại dùng nhục hình, tại sao phải giải từng đoàn tù đi bêu khắp xóm làng?

*

* * *

Ông Đume, cựu Toàn quyền Đông Dương, đã trình trọng phát biểu tại Hạ nghị viện như sau: “Tôi hiểu rõ những cảnh binh ở thuộc địa. Tôi đã từng cho tăng số đội cảnh binh lên, vì tôi đã nhận thấy rằng lực lượng cảnh binh bảo đảm cho người bản xứ tránh được những sự hà lạm có thể do một số tên thực dân gây ra. Cảnh binh rất được lòng người bản xứ”.

Chúng ta hãy xem các ông cảnh binh đã làm thế nào để “được lòng dân”. Phải nói ngay rằng, nhìn chung, các ông rất hiền từ đối với bọn côn đồ, đó là điều chắc chắn rồi. Nhưng đối với dân hiền lành thì lại là chuyện khác. Chúng ta chưa cần nói đến chuyện thương tâm xảy ra tại khám lớn Sài Gòn năm 1916, năm mà các ngài cảnh binh, do “nhiệt tình yêu nước”, đã bắt người bừa bãi, và những người vô tội bị bắt ấy đã bị kết án và hành hình. Dù máu người An Nam nhuộm đỏ “đồng Mã nguy” có phai đi với thời gian chẳng nữa, thì vết thương lòng của những bà mẹ già, những người vợ goá, những đứa con côi không bao giờ hàn gắn được. Bọn thủ phạm gây ra vụ đó, mà cảnh binh là công cụ hèn mạt của chúng, không hề bị trừng trị, chúng cũng chưa hề bị truy tố. Nay giờ, chỉ xin nêu một vài trường hợp đặc biệt:

Một viên cẩm ở Bắc Kỳ suốt ngày đi dọc các cống rãnh, bảo là để giữ gìn vệ sinh. Hễ bắt gặp được dù chỉ một cuộn cỏ trên dòng nước, là tức khắc hắn trừng trị và phạt tiền những người dân nghèo khổ ở quanh đấy.

Ở miền Tây Nam Kỳ, nhằm tránh tai nạn trong các kênh có thuyền bè đi lại, mỗi con kênh đều có một trạm cảnh binh làm nhiệm vụ kiểm soát không cho thuyền bè đi quá nhanh hoặc làm trở ngại giao thông. Nhưng với sự có mặt của bọn cảnh binh, thì đó là một cái “cửa cống” tuôn ra không biết bao nhiêu vụ phạt tiền, phạt vi cảnh. Hầu hết thuyền bè qua lại trên các kênh lạch có trạm cảnh binh ấy đều bị phạt từ một đến hai đồng. Như thế là ngoài các khoản thuế của nhà nước chồng chất lên ngập đầu, còn thêm thuế sông nước do các ngài cảnh binh “được lòng dân” đặt ra nữa; nên người dân An Nam thật là sung sướng, sung sướng lắm!

Ngoài việc thăng thưởng dành cho những người đắc lực nhất, nghe đâu các ngài cảnh binh còn được hưởng món hoa hồng bằng 20% số tiền phạt nữa thì phải! Chế độ tốt đẹp thay!

Một tờ báo bản xứ viết: “Dân bản xứ không muốn có cảnh binh Pháp nữa vì đó thường là mối tai họa cho người lương thiện”.

*

* * *

Một gã Puốcxinhông nào đó thấy một người An Nam dám tò mò và cả gan nhìn vào nhà hắn trong vài giây, hắn đã nhảy xổ ra đánh và giết anh ta bằng một phát súng lục vào đầu.

*

* * *

Một nhân viên hoả xa người Pháp ở Bắc Kỳ, lấy roi mây quất một người lý trưởng, rồi bắt nhốt vào cùi chó.

Ông Bếc đấm vỡ sọ người lái xe cho ông ta.

Ông Brét thầu khoán, trói một người An Nam cho chó cắn, rồi đá anh ta cho đến chết.

Ông Dépphi, chủ sự thuế quan, đá vào hông người đày túm cái rất mạnh làm anh này chết tươi.

Ông Hăngri, thợ máy, nghe có tiếng ồn ào ngoài phố; cửa nhà ông vừa mở; một chị người An Nam chạy xộc vào, có một người đàn ông bản xứ đuổi theo. Hăngri tưởng người đàn ông kia ghẹo “con gái”¹⁾ của mình, liền vớ ngay khẩu súng săn, bắn một phát, người kia ngã gục.

Một người Pháp đem ngựa của hắn buộc vào một tàu ngựa trong đó đã có con ngựa cái của một người dân bản xứ. Con ngựa đực lồng lên làm cho người Pháp tức điên đầu. Hắn liền đánh người bản xứ ấy hộc máu mồm máu mũi, rồi trói anh ta lại, treo lên cầu thang.

Một nhà truyền giáo (vâng, một tông đồ hiền lành của Chúa!) nghi cho một học sinh chủng viện bản xứ lấy cắp một nghìn đồng; hắn trói anh ta lại rút lênh xà nhà mà đánh. Người học sinh tội nghiệp kia ngất đi. Hắn hạ anh ta xuống. Anh hồi tỉnh, hắn lại rút anh lên, tra khảo. Người bản xứ đó dở sống dở chết. Có lẽ hôm nay thì đã chết thật.

Vân vân và vân vân.

1) Hồi Pháp thống trị nước ta, người Pháp thường nuôi những người thiếu nữ Việt Nam vừa làm người hầu hạ, may vá, vừa làm trò chơi; chúng gọi những người ấy là “con gái”. Khi một người Pháp nói “ma con gái” (đứa con gái của tôi) cũng như nói “mon boy” (người bối của tôi) vậy (B.T).

1
9
2
5

Toà án có trừng phạt những kẻ ấy, những nhà khai hoá ấy không?

Một số đã được tha bổng, còn một số thì chẳng hề bị động tới lông chân.

*

* * *

Một tên thực dân Pháp thấy ba người bản xứ thả cùu vào vườn ôliu của hắn. Hắn bảo vợ đem súng đạn ra; nấp vào bụi rậm, hắn bắn ba phát, làm bị thương nặng cả ba người.

Một tên thực dân Pháp khác có hai công nhân người bản xứ giúp việc là Amđuni và Ben Benkhia. Hai người này hình như có hái trộm vài chùm nho. Tên thực dân liền cho gọi họ đến, lấy roi gân bò quất xối xả vào họ cho đến chết ngất. Khi họ tỉnh lại thì quan lớn bảo hộ sai trói giật cánh khuỷu lại và treo lên. Mặc dù hai người khổn khổ kia đã mê man bất tỉnh, cuộc hành hạ ghê tởm đó vẫn cứ kéo dài suốt bốn tiếng đồng hồ cho đến khi có người láng giềng phản đối mới thôi.

Khiêng vào bệnh viện, mỗi người bị cưa mất một bàn tay. Còn bàn tay kia cũng không chắc gì cứu khỏi.

*

* * *

Một người An Nam, 50 tuổi, từng làm việc 25 năm ở Sở Xe lửa Nam Kỳ, đã bị một viên chức da trắng giết chết. Đầu đuôi như sau:

Ông Lê Văn Tài có bốn người An Nam khác giúp việc dưới quyền mình. Phận sự của họ là đóng cầu mỗi khi có xe lửa đi qua và mở cầu cho thuyền bè qua lại. Theo lệ thì phải đóng cầu mười phút trước khi xe lửa đi qua.

Ngày 2 tháng 4, hồi 16 giờ 30 phút, một người trong bọn họ vừa mới đóng cầu và treo tín hiệu xong thì một xuồng máy công dí đến; trên xuồng có một viên chức người Pháp của xuồng đóng tàu hải quân đi săn về. Chiếc xuồng kéo còi. Nhân viên bản xứ liền ra giữa cầu phắt cờ đỏ báo cho những người trên xuồng biết xe lửa sắp chạy qua. Thế là chiếc xuồng cập vào một trụ cầu. Người viên chức Pháp nhảy lên bờ, hầm hầm đi về phía người An Nam. Anh này khôn ý chạy về phía nhà ông Tài là “sếp” của mình. Người Pháp đuổi bắt, lấy đá ném theo. Nghe tiếng ồn ào, ông Tài chạy ra, đón viên đại diện của văn minh, thì viên này sừng sộ mắng vào mặt ông: “Đồ súc sinh! Tại sao mà không mở cầu ra?”. Vốn không biết nói tiếng Pháp, ông Tài chỉ còn biết trả lời hắn bằng cách trả tay vào cái tín hiệu màu đỏ. Cử chỉ đơn giản ấy làm cho vị cộng sự của ngài Toàn quyền Lông phát khùng lên.

Không phân phái trái, hắn ta nhảy xổ vào ông Tài và sau khi đánh ông nhừ tử, hắn xô ông vào một đống than hồng gần đó.

Người An Nam gác cầu ấy bị bắn một cách rùng rợn, phải chở đến nhà thương, và sau sáu ngày giãy giụa, ông đã chết.

Người viên chức kia vẫn được vô sự, không bị đòi hỏi gì cả. Trong lúc ở Mácxây người ta trưng bày sự phồn vinh giả tạo của xứ Đông Dương, thì ở Trung Kỳ dân đang chết đói. Ở đây, người ta ca ngợi lòng trung thành, thì ở bên kia, người ta đang giết người!

Trong khi tính mạng một con người An Nam bị rẻ rúng không đáng giá một trinh, thì ngài Tổng Thanh tra Rêna chỉ bị sứt một chút da ở cánh tay lại được lĩnh đến 120.000 phrăng tiền bồi thường.

*

* * *

Công cuộc khai hoá người Marốc bằng đại bác vẫn tiếp diễn.

Một viên chỉ huy bộ binh Duavơ¹⁾ đóng ở Xéttát, đã nói với binh sĩ như thế này: “Chúng ta phải diệt cho xong lũ man rợ này. Đất Marốc giàu khoáng sản và nông sản. Chúng ta, những người Pháp, những người văn minh, chúng ta đến đây với hai mục đích: khai hoá và làm giàu cho chúng ta”.

Viên chỉ huy ấy nói đúng đấy. Nhất là ông ta đã thành thật thú nhận rằng người ta sang thuộc địa là để cướp bóc người bản xứ. Bởi vì chỉ sau 10 năm đặt dưới chế độ bảo hộ, xứ Marốc đã bị người châu Âu cướp mất 379.000 hécta đất trồng trọt, trong đó 368.000 hécta đã lọt vào tay những người Pháp khai hoá. Diện tích Marốc có 815.000 kilômét vuông; nếu công cuộc khai hoá cứ tiếp tục với đà ấy thì chẳng mấy năm nữa, người dân Marốc khổ sở sẽ không còn lấy một tấc đất tự do nào để trồng trọt và sinh sống trên Tổ quốc mình mà không phải chịu cái ách bóc lột và nô dịch của chủ nghĩa thực dân.

1) Zouaves: Danh từ dùng để chỉ những binh lính thuộc những đơn vị quân đội thực dân Pháp lúc mới thành lập chỉ gồm những người bản xứ Angiêri ở vùng Zouagha, một địa phương thuộc miền núi nước Angiêri, giáp Tuynidi (B.T).

CHƯƠNG VI

TÊ THAM NHỮNG TRONG BỘ MÁY CAI TRỊ

Ngân sách Nam Kỳ chẳng hạn, năm 1911 là 5.561.680 đồng (12.791.000 phrăng); năm 1912 là 7.321.817 đồng (16.840.000 phrăng). Năm 1922, ngân sách đó lên tới 12.821.325 đồng (96.169.000 phrăng). Một con tính đơn giản cho chúng ta thấy giữa hai năm 1911 và 1922, trong ngân sách của thuộc địa này có một sự chênh lệch là 83.369.000 phrăng. Số tiền đó chạy vào đâu? Tất nhiên là vào các khoản chi về nhân sự, vì các khoản này ngốn gần hết 100% tổng số thu.

Hết hành vi điên rồ này đến hành vi điên rồ khác đã phung phí đồng tiền mà người dân An Nam khổn khổ phải đổ mồ hôi nước mắt mới kiếm được. Chúng tôi chưa biết đích xác số tiền chi tiêu cho vua An Nam sang ngao du bên Pháp, chỉ biết rằng, để đợi ngày lành cho con rồng tre xuống tàu, người ta đã phải bồi thường cho tàu Poocottxơ trong bốn ngày chờ đợi, mỗi ngày 100.000 phrăng (tức là 400.000 phrăng tất cả). Tiền tàu hết 400.000 phrăng. Tiền chiêu đãi hết 240.000 phrăng (chưa kể tiền lương trả cho bọn mật vụ để theo dõi người An Nam ở Pháp), 77.600 phrăng trả tiền ăn ở tại Mácxây cho lính khố xanh dùng để “bồng súng chào” cụ lớn và hoàng thượng.

Vì nói đến Mácxây, nên nhân tiện cũng thử xem cuộc triển lãm thuộc địa ở đây đã tốn phí bao nhiêu. Trước hết, ngoài bọn có thế lực ở chính quốc ra, người ta còn cho mời ba chục viên chức cao cấp ở các thuộc địa về; bọn này phè phõn ở đường phố Cannobie¹⁾ mà vẫn được lĩnh phụ cấp cả ở triển lãm lần ở thuộc địa. Riêng Đông Dương phải bỏ ra 12 triệu cho cuộc triển lãm này. Và các bạn có biết người ta đã chi tiêu số tiền đó như thế nào không? Một ví dụ: việc dựng lại cái mô hình nổi tiếng của các cung điện Ăngco đã tốn 3.000 mét khối gỗ, giá 400 hoặc 500 phrăng một mét khối. Tức là: từ 1 triệu 200 nghìn đến 1 triệu 500 nghìn phrăng!

Còn nhiều ví dụ khác về sự phung phí nữa. Trong việc đi lại của quan toàn quyền, xe hơi và xe luých vẫn chưa đủ, còn phải có một toa xe lửa đặc biệt nữa kia; việc sửa sang toa xe đó tốn cho ngân khố 125.250 phrăng.

Trong vòng mười một tháng hoạt động, nha kinh tế (?) đã làm hao phí công quỹ Đông Dương một số tiền 464.000 phrăng.

1) La Cannebière: Tên một đường phố đồng đúc ở Mácxây (B.T).

Tại trường thuộc địa, nơi “chế tạo” ra những nhà khai hoá tương lai, 44 giáo sư đủ các loại được đài thọ để dạy từ 30 đến 35 học viên. Lại phải tốn hàng nghìn phrăng nữa.

Công việc thanh tra thường xuyên các công trình phòng thủ thuộc địa hằng năm tốn cho ngân sách 785.168 phrăng. Thế nhưng các ngài thanh tra thì không bao giờ rời khỏi Pari và đối với các thuộc địa thì các ngài cũng không hiểu biết gì hơn là hiểu biết ông trăng già!

Nếu chúng ta đến các thuộc địa khác, thì ở đâu chúng ta cũng thấy một tình trạng tệ lậu như vậy. Để đón tiếp một phái đoàn “kinh tế” không chính thức, ngân khố Máctinich “nhẹ bổng đi” mất 400.000 phrăng. Trong vòng 10 năm, ngân sách Marốc từ 17 triệu lên 290 triệu phrăng, mặc dầu người ta đã giảm 30% các khoản chi tiêu cho lợi ích địa phương, tức là những khoản chi tiêu có thể có lợi cho nhân dân bản xứ!

*
* * *

Một cựu nghị sĩ đi thăm thuộc địa về, đã phải kêu lên: “So với bọn viên chức thuộc địa thì những tên cướp đường còn là những người lương thiện!”. Mặc dù đồng lương rất hậu (một nhân viên Pháp mới bổ dụng, dù có dốt đặc đi nữa, lương ít nhất cũng 200 đồng = 2.000 phrăng mỗi tháng), nhưng các ngài viên chức ấy vẫn không bao giờ thoả mãn, họ muốn kiểm xác nhiều hơn, bằng đủ cách.

Học bổng thì cấp cho các cậu ấm con các quan công sứ, hoặc các quan cai trị tại chức mà lương được coi như quá thấp (từ 4 vạn đến 10 vạn phrăng).

Có thể nói một số phiên họp của Hội đồng quản hạt chỉ là để bàn việc cướp giật công quỹ một cách có phương pháp. Riêng một ông chủ tịch nào đó của Hội đồng đã được lãnh thầu những công việc trị giá hai triệu phrăng rồi. Ông đóng lý sự vụ nọ, đại diện của Chính phủ trong Hội đồng, đã xin tăng lương mình lên gấp đôi và đã được chấp thuận. Việc làm một con đường kéo dài năm năm qua năm khác chẳng ai kiểm tra đem lại cho một vị thứ ba những món lợi thường xuyên đều đặn. Chức vụ thầy thuốc của các viên chức Đông Dương đem lại cho vị thứ tư một khoản lương khá hậu. Vị thứ năm được bổ làm thầy thuốc các công sở thành phố. Vị thứ sáu nhận cung ứng giấy và in tài liệu cho Chính phủ. Cứ thế, vân vân và vân vân.

Kho bạc có voi đi chút ít thì đã có những quý quan làm cho nó đầy lại một cách nhanh chóng. Với quyền hành săn có, họ súc cho dân bản xứ biết nhà nước cần một khoản tiền bao nhiêu đó, rồi họ phân bổ cho các làng phải đóng góp. Và các làng lo vội vàng tuân lệnh để khỏi bị trừng phạt ngay lập tức.

Khi một viên khâm sứ cần thanh toán một khoản tiền gì đó thì ngài phát hành các bằng sắc để bán. Người ta kể lại ở một tỉnh nọ, một vụ kinh doanh kiểu ấy đã thu được tới 10.620 phrăng. Mà những vụ như thế không phải hiếm.

Một trong những quan khâm sứ của chúng ta, vì tiêu hết trước hạn mấy tháng tất cả kinh phí cho chiếc xàlúp đã bắt công quỹ hoàn lại cho ngài các khoản chi phí về một cuộc lễ tiết nào đó không ai biết rõ, nhưng nói rằng nhà vua đã được mời ngự trên xàlúp.

Các tay chào hàng cho văn minh và dân chủ quả thật thông thạo về cái ngón xoay xở kiểu D.

*

* * *

Một cựu Toàn quyền Đông Dương, một hôm đã thú nhận rằng thuộc địa này đầy rẫy những viên chức ăn hại ngân sách mà thường chẳng được tích sự gì cả.

Một người thực dân viết: quá nửa số viên chức ấy, từ các quan đầu tỉnh đến các quan chức khác, đều không đủ tư cách cần thiết của những con người được giao phó những quyền hạn rộng rãi và ghê gớm như thế.

Tất cả bọn chúng chỉ có mỗi cái tài là phung phí công quỹ, còn người An Nam khổn khổ thì cứ nai lưng đóng góp, đóng góp mãi. Họ đóng góp không những để trả lương cho những viên chức giữ những chức vụ vô dụng, mà còn để trả lương cho cả những viên chức không có chức vụ gì cả! Năm 19..., 250.000 phrăng đã tan biến đi như thế.

Một chiến hạm đã được dành riêng cho sự đi lại của một cụ lớn. Việc sửa sang chiếc chiến hạm đã tốn 250.000 phrăng, ấy là chưa kể những khoản “chi phí linh tinh” mà Đông Dương phải đài thọ cho mỗi chuyến đi là trên 80.000 phrăng.

Quan Toàn quyền chưa vừa ý với những lâu đài tráng lệ mà ngài ở tại Sài Gòn và Hà Nội, còn phải cần thêm cho ngài một biệt thự ở bãi biển nữa. Ngân sách Đông Dương lại phải “è lưng ra gánh”.

Năm 19..., một tay nước ngoài¹⁾ tai to mặt lớn nào đó ghé qua Sài Gòn, đã được viên Thống đốc đón tiếp một cách đế vương. Bốn ngày liền ăn chơi phè phỡn thả cửa, yến tiệc, rượu chè lu bù, rốt cuộc xứ Nam Kỳ tội nghiệp phải tính sổ trả 75.000 phrăng.

1) Nguyên văn tiếng Pháp là “Un Tartempion de marqué étranger”. Tartempion là một danh từ riêng dùng để chỉ một anh chàng cha cảng chú kiết nào đó (B.T).

Các quan cai trị đều là những ông vua con. Họ muốn xung quanh mình cái gì cũng xa hoa tráng lệ, và nói rằng, có thể mới nâng cao được uy tín của họ đối với người bản xứ. Một viên Công sứ nọ đã lập cả một đội kỵ cận vệ và không bao giờ hắn đi đâu mà không có đội ấy theo hầu. Ở tất cả các tòa sứ đều có từ 6 đến 11 con ngựa và 5, 6 cỗ xe sang trọng đủ kiểu: độc mã, song mã, tứ mã¹⁾, v.v.. Ngoài những phương tiện đi lại đã quá thừa ấy, còn thêm những xe hơi mỹ lệ, tốn cho công quỹ hàng vạn đồng. Một viên quan cai trị nọ còn có cả một tàu ngựa đua.

Tiền nhà cửa, bàn ghế, điện nước của các vị đó đều do công quỹ đài thọ cả. Ngoài ra, những người đánh xe, lái xe, giữ ngựa, làm vườn, tóm lại, tất cả những kẻ hầu người hạ của họ cũng đều do nhà nước trả tiền công.

Thậm chí những cuộc giải trí về văn chương của những người tốt số ấy cũng lại do nhà nước trang trải. Một viên quan cai trị đã ghi vào ngân sách 900 đồng tiền sưởi ấm, và 1.700 đồng mua báo chí! Một vị khác đã dùng mánh lới kế toán để biến tiền mua sắm áo khoác ngoài, đàn dương cầm, đồ trang sức thành những khoản vật liệu tu bổ tòa sứ, hoặc những khoản tương tự như thế để bắt ngân sách nhà nước phải chịu.

*

* * *

Dù trước kia họ là những anh hàng cháo, hoặc giám thị trong các nhà trường, nhưng khi đã đặt chân đến thuộc địa là các nhà khai hóa ấy của chúng ta sống một đời sống đế vương. Một viên quan cai trị dùng năm sáu lính khổ xanh để chăn dê cho mình; một viên khác bắt lính có nghề điêu khắc chạm trổ cho mình những tượng Phật xinh xắn hoặc đóng cho mình những rương hòm rất đẹp bằng gỗ dạ hương.

Theo lệ, một viên giám binh chỉ được lấy một lính hầu, thế mà người ta kể, có một ngài đã dùng:

1 viên đội làm quản gia, 1 đầu bếp, 3 bồi, 2 phụ bếp, 3 người làm vườn, 1 hầu phòng, 1 người đánh xe, 1 người giữ ngựa.

Còn bà lớn thì dùng: 1 thợ may, 2 thợ giặt, 1 thợ thêu ren, 1 thợ đan lát.

Và cậu ấm thì có một người bồi riêng không lúc nào rời cậu nửa bước.

Một người mắt thấy kể lại: chỉ trong một bữa ăn thường, không phải yến tiệc gì, ở nhà một viên quan cai trị, cũng thấy đằng sau mỗi người ngồi ăn có một lính đứng hầu chờ thay đĩa và đưa món ăn. Và tất cả lính hầu trong phòng ăn đều do một viên đội nhất chỉ huy!

1) Trong bản tiếng Pháp, tác giả kể đủ các kiểu xe như: Victorias, muylords, tilburys, malabars, v.v. (B.T).

CHƯƠNG VII

BÓC LỘT NGƯỜI BẢN XỨ

“Sau khi cướp hết những ruộng đất màu mỡ, bọn cá mập Pháp đánh vào những ruộng đất cằn cỗi những thứ thuế vô lý gấp trăm lần thuế đất thời phong kiến”.

VINHÊ ĐỐCTÔNG

Trước khi Pháp chiếm cứ xứ này, trong bộ thuế điền thổ các làng, người ta xếp đất ruộng, công cũng như tư, thành nhiều hạng dựa theo các loại cây trồng. Thuế suất ruộng từ 5 hào đến 1 đồng một mẫu, còn đất từ một hào hai đến một đồng tư một mẫu. Mẫu là đơn vị diện tích hình vuông mỗi cạnh 150 thước. Thước thì dài, ngắn không chừng, tùy từng tỉnh, có thước 42, 47, hoặc 64 xăngtimét. Vì thế, diện tích mẫu rộng hẹp khác nhau, có nơi bằng 3.970 mét vuông, nơi 4.900, nơi 6.200 mét vuông.

Để tăng thu nhập cho nhà nước, người ta đã định một thước thống nhất là 40 xăngtimét, non hơn tất cả các thước thông dụng, do đó mỗi mẫu chỉ bằng 3.600 mét vuông. Với cách này, thuế điền thổ tăng lên theo tỷ lệ khác nhau tùy từng tỉnh: có nơi tăng một phần mười hai, có nơi một phần ba, nơi không may nhất tăng đến hai phần ba.

Từ năm 1890 đến năm 1896, thuế trực thu tăng gấp đôi; từ năm 1896 đến năm 1898 lại tăng lên gấp rưỡi. Làng nào bị tăng thuế cũng cắn răng mà chịu; hỏi còn biết kêu vào đâu? Được thể các ngài Công sứ càng làm già. Nhiều người Pháp coi việc các làng ngoan ngoãn đóng thuế như vậy là một bằng chứng rõ ràng rằng mức thuế không có gì là quá đáng!

*

* * *

Thuế thân tăng từ một hào tư lên hai đồng rưỡi. Những thanh niên chưa vào sổ đinh, nghĩa là còn dưới 18 tuổi, trước kia không phải nộp gì cả, nay phải nộp ba hào mỗi người, tức là hơn gấp đôi một suất đinh trước kia.

Theo nghị định ngày 11 tháng 12 năm 1919 của Thống sứ Bắc Kỳ, thì tất cả người bản xứ, từ 18 đến 60 tuổi đều phải đóng một suất thuế thân đồng loạt là hai đồng rưỡi.

Mỗi người An Nam lúc nào cũng phải mang theo mình thẻ thuế thân, khi hỏi phải xuất trình; ai quên hoặc đánh mất sẽ bị bỏ tù.

Để bù vào chỗ đồng bạc bị sụt giá, Toàn quyền Đume chỉ cần làm một việc đơn giản là tăng số đinh lên!

Mỗi năm người ta phân bổ cho mỗi làng một số nhất định về đinh và điền thuộc các hạng. Nhưng khi cần tăng thêm nguồn thu thì thế nào? Thì cứ việc chữa lại các con số của tài khoán rồi bắt các làng phải đóng thuế cho số đinh và điền cao hơn con số đã phân bổ đầu năm. Vì thế, tỉnh Nam Định (Bắc Kỳ) tổng diện tích chưa đến 120.000 hécta nhưng thống kê đã ghi đến 122.000 hécta ruộng, và người dân An Nam buộc phải nộp thuế cho những ruộng không có trên thực tế! Có kêu cũng chả ai thèm nghe!

Thuế má không những nặng oằn lưng, mà còn luôn luôn thay đổi.

Một số thuế lưu thông hàng hoá cũng giống như thế. Vả lại, đánh thuế như cách sau đây thì làm sao mà công bằng được: người ta cấp giấy phép lưu thông cho 150 kilogram thuốc lào, sau đó lại bố trí để đánh thuế được nhiều lần cũng món hàng đó mỗi khi nó chuyển sang tay chủ khác, mỗi khi số 150 kilogram ấy được phân phổi cho ba, bốn khách mua? Chẳng còn luật lệ nào khác ngoài sự tùy tiện của bọn nhà doan. Bởi vậy, người An Nam rất sợ bọn nhà doan, cứ thoảng thấy chúng là họ vứt ngay giữa đường những thúng muối, thúng cau, hoặc thuốc lào của họ: thà vứt của đi còn hơn là phải đóng thuế hết khoản này đến khoản khác mãi mãi không thôi. Ở một số vùng, nhân dân buộc lòng phải nhổ thuốc, chặt cau, để tránh những phiền nhiễu vì thuế mới.

Ở Luông Prabang, nhiều phụ nữ nghèo khổ thảm thương phải mang xiềng đi quét đường chỉ vì một tội không nộp nổi thuế.

Tỉnh Bắc Ninh (Bắc Kỳ) bị lũ lụt tàn phá, thế mà cũng phải nộp 500.000 đồng tiền thuế.

*

* * *

Các bạn đã nghe ông Môrixơ Lông, Toàn quyền Đông Dương, ông Anbe Xarô, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, và báo chí của họ - một thứ báo chí vô tư - khua chiêng gõ trống về thành công của công trái Đông Dương. Nhưng họ lại giữ kín không nói là đã dùng biện pháp gì để đi đến thành công đó. Họ sơ lộ bí quyết nhà nghề. Kẻ cũng phải. Và bí quyết ấy là như thế này: trước hết, họ đem khoản lợi tức công trái ra để câu những kẻ ngây thơ. Nhưng ngón ấy không ăn thua mấy, họ bèn bắt các xã phải bán công

1
9
2
5

sản đi để mua công trái. Cũng vẫn không đủ, họ liền đòi những người có máu mặt đến, ấn cho mỗi người một biên lai trước, thế là những người này chỉ còn có việc chạy vạy nộp cho đủ khoản tiền đã ghi sẵn trong biên lai. Vì ruột két của chính phủ thì rộng thênh thang, mà số những nhà công thương bản xứ thì không nhiều, cho nên số công trái ấn vào cho họ không đủ để nhét đầy cái ruột két không đáy kia. Thế là cái nhà nước quen gõ cứ gõ mãi vào đám đông đã bị gõ nhiều nhất: người ta bắt hai, ba, bốn người dân nghèo, hoặc nhiều hơn nữa, phải mua chung một cổ phiếu!

Dưới đây là một thí dụ về cái ngón mà các quan cai trị của chúng ta thường dùng để móc tiền trong túi người bản xứ.

Ở một tỉnh thuộc miền Tây Nam Kỳ, trước ngày mở công trái mấy tuần, viên tỉnh trưởng họp tất cả các chánh tổng trong tỉnh lại để hiểu dụ về thể thức mua công trái. Sau khi những lời hiểu dụ của ông ta được người thông ngôn dịch xong, viên Tỉnh trưởng kết luận:

- Thế đấy. Nhiệm vụ của tôi là giải thích cho các ông hiểu. Bây giờ thì mua đi! Rồi “quan lớn” quay lại hỏi viên Chánh tổng đứng bên cạnh:

- Thế tổng ông nhận mua bao nhiêu nào?

Viên Chánh tổng thảm hại kia bị hỏi đột ngột, áp úng trả lời rằng, vì chưa gặp được dân để tìm hiểu khả năng của họ, nên chưa thể nói ngay được con số sẽ mua là bao nhiêu.

Quan lớn liền thét:

- Câm cái mõm lại, anh không xứng đáng là Chánh tổng! Tôi cách chức anh!

.....

Công trái đã mở. Viên Thống đốc Nam Kỳ đi kinh lý, ghé lại tỉnh lỵ hỏi xem từ một tuần nay số công trái bán được là bao nhiêu.

Nghe báo cáo là 73.000 đồng, quan lớn tỏ vẻ không hài lòng, vì tỉnh này có tiếng giàu nhất miền Tây Nam Kỳ, và lại trong những đợt công trái trước, tỉnh này *đã mua được nhiều hơn thế kia mà*.

Viên Thống đốc đi rồi, viên chủ tỉnh quyết định đi một vòng để cổ động trong toàn hạt. Ông ta đến thăm tất cả các nhà giàu bản xứ có súng và ấn cho mỗi người một số công trái. Để cho họ hiểu rằng đây không phải là chuyện đùa, quan lớn tịch thu súng của họ và bảo:

- Phải biết, nếu cứ ì ra thì đừng có hòng được trả lại súng!

Thế là ai nấy đều phải cúi đầu chịu mua cả.

Nhân đây cũng nên nói, chính ông quan lớn này đã chi 30.000 đồng để đắp một con đường dài 9 kilômét hiện nay nó đang sụt lở xuống dòng kênh bên cạnh. Mong rằng con đường sắt xuyên Đông Dương sẽ tốt số hơn.

*

* * *

Người ta xây một ngôi chùa. Nhân công làm chùa toàn là người nhà pha, do một thân hào huống dẫu. Số chấm công thợ hằng ngày ghi rõ ràng đều đặn và thầu khoán cũng trả tiền sòng phẳng. Thế nhưng tiền thì lại chính quan lớn Công sứ bỏ túi.

Quan lớn Công sứ vừa được thưởng mề đay. Để mừng ngài, người ta mở một cuộc lạc quyên. Mức đóng góp bắt buộc đối với các quan lại, viên chức, hào lý, tối thiểu phải là 6 đồng. Tất cả thu được 10.000 đồng. Chiếc mề đay ấy quý giá như thế!

Việc cho bao thầu vật liệu để bắc mấy chiếc cầu gỗ và dựng mấy trường làng, đã mang lại cho quan Công sứ thanh liêm nhà ta một món quà nhỏ gần 2.000 đồng.

Việc đăng ký trâu bò không mất tiền, nhưng quan lớn Công sứ cứ cho phép những kẻ thửa hành thu mỗi con từ 5 hào đến 5 đồng.

Để đắp lại, bọn này cứ đóng cho ngài mỗi tháng 200 đồng.

Việc xếp hạng ruộng đất một cách gian dối còn đem thêm 4.000 đồng cho ông quan vừa mới được gắn mề đay ấy.

Việc nhượng trưng bất hợp pháp mấy hécta đất lại cho chui thêm vào túi ngài 2.000 đồng nữa.

Là nhà khai hoá, là nhà ái quốc, và cũng là môn đồ của chủ nghĩa cực đoan, quan lớn Công sứ đã biết lợi dụng rất có kết quả những đợt “công trái Chiến thắng” - xin nhớ rằng cứ mỗi lần chiến thắng là một lần mở công trái, và cứ mỗi năm lại có một lần chiến thắng. Trong lần mở công trái năm 1920, có mấy làng đã mua 55.900 phrăng, theo hối suất một đồng ăn 10 phrăng 25, tức là họ đã bỏ ra 5.466 đồng. Năm 1921, đồng bạc sụt giá chỉ còn 6 phrăng, cụ sứ bèn hào hiệp thu về cho cụ các cổ phiếu đó và bỏ ra 5.466 đồng hoàn lại cho các làng. Về sau, do giá đồng bạc Đông Dương lên, cụ đã vớ gọn 9.325 đồng.

*

* * *

Tin sau đây chúng tôi trích ở tờ *Công báo*, nói về buổi họp thứ nhất, ngày 22 tháng 12 năm 1922: “Trong thời kỳ chiến tranh, nhiều lính Phi gửi ngân phiếu cho gia đình, với những số tiền nhiều khi rất lớn. Nhưng các ngân phiếu ấy không bao giờ đến tay người nhận cả”.

Một bạn đồng nghiệp lại vừa cho chúng tôi biết một “hiện tượng” tương tự như thế. Lần này, thì sự việc xảy ra ở đảo Rêuyniông. Đã nhiều tháng nay nhân dân trên đảo không hề nhận được một bưu kiện nào gửi đến cho họ cả. Tờ báo viết:

“Hiện tượng ấy làm cho cả người gửi hàng lẫn người không nhận được hàng đều phải lấy làm lạ”.

“Nhiều người khiếu nại. Cuộc điều tra mới mở đã rọi ngay được ánh sáng vào điều bí mật nói trên, và phát hiện ra một loạt vụ đánh cắp được tiến hành một cách chu đáo và kiên trì lạ thường”.

“Người ta bắt một nhân viên, rồi một nhân viên nữa, rồi đến lượt ông “sếp”, và cuối cùng, khi tất cả nhân viên đã bị còng tay thì đến phiên ông giám đốc ngành bưu điện cũng theo họ vào tù nốt”.

“Mỗi ngày cuộc điều tra lại đưa ra ánh sáng vài sự việc mới. Số bưu kiện bị đánh cắp trị giá trên 125.500 phrăng. Giấy tờ kế toán đều làm gian cả. Sổ sách gian lận rồi beng đến nỗi phải mất hơn 6 tháng mới gỡ ra được.

Ở trong một ngành nào đó đôi khi có thể có một vài viên chức gian tham, song rất ít khi lại có cả một ngành suốt từ trên xuống dưới nhiễm phải bệnh ăn cắp đến như vậy; điều lạ kỳ hơn nữa là *tại sao tất cả bọn ăn cắp ấy lại có thể hoành hành được trong mấy năm ròng mà vẫn được bình yên vô sự*”.

*

* * *

Trong dịp nghị viện thảo luận dự luật về kinh phí hàng không quân sự, trong đó có khoản kinh phí mà các thuộc địa, nghĩa là người bản xứ, buộc phải nhả tiền ra đóng (Đông Dương 375.000 phrăng, Tây Phi 100.000 phrăng), ông Môrinô, nghị viên Angiêri, có nói về việc này:

“Thưa các bạn thân mến, trong dịp này, các bạn hãy cho phép tôi tiếp theo những lời ca tụng những người Pháp dũng cảm đã lập được một chiến công đẹp đẽ như thế, chiến công mà tờ *Times* đánh giá là kỳ diệu, được nói lên tấm lòng cảm phục của tất cả chúng ta đối với họ; sự cảm phục đó ông Xitrôen, nhà công nghiệp “chí công vô tư” cũng xứng đáng được dự phần, vì ông đã không ngần ngại giúp đỡ phương tiện tài chính và kỹ thuật cho họ. (Vỗ tay).

“Việc gì đã xảy ra sau sự kiện vĩ đại ấy? Ấy là việc các đồn đóng ở miền Nam Angiêri lập tức đặt mua thứ phương tiện vận tải vô song ấy cho sa mạc Xahara mà người ta gọi là ôtô dây xích”.

“Đồn Túcguốc và đồn Uácгла vừa đặt mua hai chiếc - tin này gần đây quan toàn quyền Angiêri vừa cho tôi biết”.

“Tất cả các đồn bốt khác của ta tất nhiên rồi cũng sẽ mau chóng được trang bị bằng những thứ đó”.

“Trong một thời gian ngắn, chúng ta cần phải thiết lập thêm bốn, năm đồn mới nữa, để cho có một tuyến đồn bốt nối tiếp nhau, cứ khoảng 200 kilômét có một đồn”.

“Đồn mới sẽ được thiết lập, rồi sẽ đặt mua ôtô dây xích. Thế là tất cả các đồn bốt ở Xahara sẽ liên lạc được với nhau không khó khăn gì. Việc chuyển vận quân nhu, lương thực từ đồn này sang đồn khác sẽ hết sức dễ dàng. Thư từ sẽ nhận đều đặn. (Võ tay)”.

(Trích *Công báo* ngày 22 tháng 1 năm 1923)

*
* *

Người dân đi tạp dịch không phải chỉ có dọn dẹp, sửa sang những lối đi quanh toà sứ để cho vui bước chân nhàn hạ của một vài người Âu đàu, mà họ còn phải luôn luôn làm những việc nặng nhọc hơn nhiều tuỳ theo ý thích của các quan công sứ.

Mới được tin ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa sang thăm Đông Dương, thế là người ta bắt ngay 10.000 dân đi làm cho xong con đường V.L.¹⁾, để kịp cho ngài Bộ trưởng làm lễ khánh thành.

Mùa hè năm 18..., một thời gian ngắn trước khi nạn đói tàn phá miền Trung Trung Kỳ, người ta đã bắt một vạn dân, có Lý trưởng từng làng áp giải, đi nạo vét bùn một con sông. Đến nơi một số lớn trong đoàn nhân công khổng lồ ấy không có việc làm. Thế nhưng người ta vẫn giữ họ lại hàng tháng trong lúc đòng ruộng đang cần đến những cánh tay nhàn rỗi ấy. Phải chú ý một điều là chưa bao giờ người ta huy động một lực lượng đông đến như thế, khi cần ngăn ngừa một tai họa chung cho nhân dân. Cuối năm 18..., nếu người ta tổ chức từ Đà Nẵng trở đi một đường dây vận chuyển để tiếp tế cho các địa phương bị đói thì đại đa số những người chết đói ở miền Trung đã khỏi bị chết oan; 10.000 dân phục dịch ở sông nói trên, rất có thể đủ sức phân phối trong vòng một tháng 2.000 tấn gạo cho các nơi bị đói trong các tỉnh của họ.

Công việc làm các con đường đi Đà Nẵng, đi Trấn Ninh và đi Lào còn để lại cho mọi người biết bao kỷ niệm đau đớn. Dân phu phải đi bộ hàng trăm kilômét mới đến công trường. Đến nơi, họ phải chui rúc trong những túp lều tranh thảm hại. Không có mày may vệ sinh; không có tổ chức y tế. Trên đường không trạm nghỉ chân, không nhà tạm trú. Họ chỉ được một suất cơm ăn không đủ no với một chút cá khô và phải uống nước bẩn, thứ nước khe núi mà họ rất sợ. Bệnh hoạn, cực nhọc, hành hạ tàn tệ đã gây nên chết chóc khủng khiếp.

1
9
2
5

1) Có lẽ là con đường từ Vinh sang Lào (B.T).

Nếu không bắt dân đi tạp dịch thì người ta trưng tập họ đi phu, giữa hai cách đó chỉ có một điểm khác nhau là đi tạp dịch thì có thời hạn, còn đi phu thì không. Cả hai cách đều dùng để giải quyết mọi nhu cầu: nhà đoàn muốn chở muối chặng? thì trưng dụng thuyền; muốn làm kho chặng? thì trưng tập thợ và trưng dụng luôn cả vật liệu xây dựng.

Trưng tập đi phu thì quả là một sự phát lưu trú hình vụng về. Người ta xua cả từng làng đến công trường, bất chấp công việc đồng áng, bất chấp cả những ngày hội tôn giáo. Số người được trở về rất ít. Vả lại, người ta có làm gì để giúp cho người dân phu trở về quê quán đâu!

Trên đường đi lên cao nguyên Lang Biên, đi lên rừng xanh núi đỏ, nơi mà thần chết đang đợi chờ, từng đoàn người dân đi tạp dịch hoặc đi phu trưng tập, lương thực thiếu thốn, có ngày không có lấy một hột cơm vào bụng, họ đã bỏ trốn từng đoàn, hoặc nổi dậy chống lại, và mỗi khi như thế là bị bọn lính áp giải đàn áp ghê rợn, xác họ rải khắp dọc đường.

Nhà cầm quyền Quảng Châu Loan¹⁾ được lệnh bắt phu. Thế là người ta bắt giữ tất cả những người bản xứ đang làm việc ở bến cảng, trói gô lại ném xuống tàu.

Nhân dân Lào, những thổ dân khốn khổ, sống trong cảnh luôn luôn nơm nớp sợ đi phu. Mỗi khi bọn sĩ quan phụ trách bắt phu đến làng, bản là chỉ thấy nhà hoang cửa trống, vì dân đã trốn biệt.

Ở tỉnh Thủ Dầu Một, một viên quan cai trị cần một chiếc xe lu. Làm thế nào? Hắn thương lượng với một công ty đấu thầu đang cần nhân công rẻ tiền. Công ty bỏ tiền ra mua xe lu với giá 13.500 phrăng. Còn quan thì bắt dân đi tạp dịch cho công ty với giá ngày công 0,50 phrăng. Ba năm liền, dân Thủ Dầu Một phải đặt dưới quyền sử dụng của công ty kia, làm xâu để trả tiền chiếc xe lu mà quan lớn cai trị thích mua để dùng trong vườn của ngài.

Ở một tỉnh khác, người dân đi tạp dịch làm hết ngày, còn phải gánh đá không công trên đường dài một kilômét để xây tường quanh dinh của viên quan cai trị chủ tỉnh.

Như thế là bắt cứ lúc nào, người dân An Nam cũng có thể bị bắt đi, bị ép làm những công việc cực nhọc, mà cơm ăn không no, tiền công rẻ mạt; bị trưng tập không thời hạn, rồi bị vứt bỏ xa quê hương hàng trăm kilômét.

*

* * *

1) Một phần lãnh thổ Trung Quốc ở phía Đông Nam thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) bấy giờ là thuộc địa của Pháp (B.T).

Nói chung, người An Nam đều phải è ra mà chịu công ơn bảo hộ của nước Pháp. Riêng người nông dân An Nam lại càng phải è ra mà chịu sự bảo hộ ấy một cách nhục nhã hơn: Là người An Nam, họ bị áp bức, là người nông dân, họ bị tước đoạt. Chính họ là những người lao khổ, làm để nuôi lũ người ăn bám, bọn đi khai hoá và những bọn khác. Chính họ phải sống cùng khổ, trong khi bọn đao phủ của họ lại sống phè phõn; hẽ mất mùa là họ chết đói. Họ bị cướp giật từ mọi phía, bằng mọi cách, bởi nhà nước, bởi bọn phong kiến tân thời, bởi giáo hội Thiên chúa. Xưa kia, dưới chế độ phong kiến An Nam, ruộng đất xếp thành đẳng hạng theo tốt xấu. Thuế đánh theo sự phân hạng ấy. Dưới chế độ thuộc địa hiện nay, những điều đó đã thay đổi. Khi cần tiền, nhà nước bảo hộ Pháp chỉ có việc thay đổi hạng ruộng. Chỉ một nét bút thần kỳ là họ biến một đám ruộng xấu thành ruộng tốt.

Như thế cũng vẫn chưa hết. Người ta còn tăng diện tích ruộng đất lên một cách giả tạo bằng thủ đoạn rút bớt đơn vị đo đạc. Bằng cách đó, thuế lập tức tăng lên, nơi thì một phần ba, nơi thì hai phần ba. Thế mà vẫn chưa đủ thoả lòng tham không đáy của nhà nước bảo hộ và hằng năm thuế cứ tăng lên mãi. Thí dụ, từ năm 1890 đến năm 1896, thuế đã tăng gấp đôi. Từ năm 1896 đến năm 1898 lại tăng lên gấp rưỡi và cứ như thế mà tiếp tục. Người An Nam cứ chịu để cho người ta róc thịt marmor, thì các quan lớn bảo hộ nhà ta quen ăn bén mùi lại càng tiếp tục bóc lột thêm.

Năm 1895, viên Công sứ một tỉnh ở Bắc Kỳ đã tước mất của một làng nọ nhiều hécta ruộng đất để cấp cho một làng khác theo đạo Thiên chúa. Những người mất ruộng khiếu nại. Người ta bắt họ bỏ tù. Các bạn đừng tưởng chế độ cai trị vô liêm sỉ ấy chỉ dừng lại ở đó thôi. Người ta còn bắt những kẻ xấu số bị mất ruộng phải tiếp tục nộp cho đến năm 1910, tiền thuế của những ruộng đất đã bị tước đoạt từ năm 1895!

Thêm vào nạn ăn cướp của chính quyền, là nạn ăn cướp của bọn chủ đồn điền. Người ta cấp cho những người Âu chỉ có cái bụng phệ và màu da trắng những đồn điền có khi rộng trên 20.000 hécta.

Phần lớn những đồn điền này đều được lập ra bằng lối cướp giật được hợp pháp hoá. Trong thời kỳ chiến tranh xâm lược, dân cày An Nam - cũng như người Andátxơ năm 1870, - đã bỏ ruộng đất của mình lánh sang những vùng còn tự do. Khi trở về thì ruộng vườn của họ đã “thành đồn điền” mất rồi. Hàng bao nhiêu làng đã bị tước đoạt theo kiểu đó, và người bản xứ lâm vào cảnh phải lao động cho bọn chúa đất tân thời, bọn này chiếm đoạt có khi đến 90% thu hoạch.

Lấy cớ khuyến khích khai thác thuộc địa, người ta miễn thuế điền thổ cho số lớn chủ đồn điền kinh xù.

Sau khi đã được cấp không ruộng đất, bọn chủ đồn điền còn được cấp không hoặc gần như không, cả nhân công nữa. Nhà nước cung cấp cho chúng một số tù khổ sai làm không công, hoặc dùng uy quyền để mờ nhán công cho chúng với một đồng lương chết đói. Nếu dân phu đến không đủ số hoặc tỏ ra bất mãn, thì người ta dùng vũ lực; bọn chủ đồn điền tóm cổ hào lý, đánh đập, tra tấn họ cho đến khi họ chịu ký giao kèo nộp đủ số nhân công mà chúng đòi hỏi.

Bên cạnh uy lực phần đời ấy, còn có những đấng cứu thế phần hồi nữa. Các đấng này, trong khi thuyết giáo “đức nghèo” cho người An Nam, cũng không quên làm giàu trên mồ hôi và máu của họ. Chỉ riêng ở Nam Kỳ, Hội Thánh truyền đạo cũng đã độc chiếm đến 1/5 ruộng đất trong vùng. Kinh thánh tuy không dạy, song thủ đoạn chiếm đất rất giản đơn: cho vay nặng lãi và hối lộ. Nhà Chung lợi dụng lúc mất mùa để cho nông dân vay và buộc phải có ruộng đất để làm bảo đảm. Vì lãi suất tính cắt cổ, nên người An Nam không thể trả nợ đúng hạn; thế là ruộng đất cầm cố vĩnh viễn rơi vào tay Nhà Chung (Hội Thánh).

Các viên toàn quyền lớn, toàn quyền bé được nước mẹ ký thác vận mệnh xứ Đông Dương, nói chung đều là bọn ngu xuẩn, bọn đêu cáng. Nhà Chung chỉ cần nắm được một vài giấy tờ bí mật, thuộc đời tư, có tính chất nguy hại đối với thanh danh, địa vị của chúng, là có thể làm cho chúng hoảng sợ và phải thoả mãn mọi yêu cầu của Nhà Chung. Chính vì thế mà một viên toàn quyền đã nhường cho Nhà Chung 7.000 hécta đất bãi bồi của người bản xứ, khiến họ phải đi ăn xin.

Phác qua như thế, cũng đủ thấy dưới chiêu bài dân chủ, đế quốc Pháp đã cắm vào đất An Nam chế độ đáng nguyền rủa của thời trung cổ; người nông dân An Nam bị hành hình vừa bằng lưỡi lê của nền văn minh tư bản chủ nghĩa, vừa bằng cây thánh giá của giáo hội sa đoạ làm ô danh Chúa.

*

* * *

Angieri đau khổ vì nạn đói. Tuynidi cũng bị tàn phá vì nạn đói. Để giải quyết tình trạng ấy, Chính phủ bắt giam một số đông người đói. Để cho bọn “người đói” đừng coi nhà tù là nơi cứu tế, người ta không cho họ ăn gì hết. Cho nên nhiều người đã chết đói trong lúc bị giam cầm. Trong những hang động En Ghiria, nhiều người đói là phải gặm xác một con lừa chết thối lâu ngày.

Ở Bêgia, người Cammê¹⁾ giành giật xác thú vật với quạ. Ở Xúcen Acba, ở Ghidja, Uét Mølidø, mỗi ngày hàng chục người chết đói.

Đi đôi với nạn đói, nạn dịch tẽ phát sinh ở nhiều nơi và có nguy cơ lan rộng.

*

* * *

Để che đậm sự xấu xa của chế độ bóc lột đầy tội ác, chủ nghĩa tư bản thực dân luôn luôn trang điểm cho cái huy chương mục nát của nó bằng những châm ngôn lý tưởng: Bác ái, Bình đẳng, v.v..

Cùng làm một việc trong cùng một xưởng, người thợ da trắng được trả lương cao hơn nhiều so với bạn đồng nghiệp khác màu da.

Trong các công sở, những người bản xứ dù đã làm việc lâu năm và dù rất thành thạo công việc, cũng chỉ được lĩnh một khoản tiền lương chết đói; trái lại một người da trắng mới được đưa vào, làm việc ít hơn, thì lại lĩnh lương cao hơn.

Có những thanh niên bản xứ đã học các trường đại học của chính quốc, đỗ bác sĩ y khoa hay tiến sĩ luật khoa, thế mà vẫn không được làm nghề nghiệp của mình trong nước mình, nếu không vào quốc tịch Pháp. Mà ai cũng đã biết, một người bản xứ muốn được nhập quốc tịch Pháp như vậy thì phải vượt qua bao nhiêu khó khăn và tốn bao nhiêu công chạy vạy nhục nhã.

Còn những người bản xứ bắt buộc phải lìa bỏ ruộng nương, gia đình đi “lính tình nguyện” thì đều sớm được ném hương vị tuyệt vời của món “bình đẳng”.

Cùng một cấp bậc, nhưng người da trắng hầu như bao giờ cũng được coi là cấp trên của người bản xứ. Cái chế độ đẳng cấp có tính chất “nhân chủng - quân sự” ấy lại càng rõ rệt hơn khi những quân nhân da trắng và quân nhân khác màu da cùng đi trên một chuyến xe lửa hoặc tàu thủy.

*

* * *

Một người bản xứ làm thế nào để có thể nhập quốc tịch Pháp? Đạo luật ngày 25 tháng 3 năm 1915 về việc dân thuộc địa Pháp nhập quốc tịch Pháp quy định:

1
9
2
5

1) Khammè: Danh từ người Bắc Phi thường dùng để gọi những người lính canh ruộng chỉ được hưởng một phần năm hoa lợi trong các vụ thu hoạch (tiếng Arập là “Khams”, có nghĩa là “một phần năm”) (B.T).

Điều 1. - Những người dân thuộc địa Pháp hoặc dân được Pháp bảo hộ, trên 21 tuổi, không phải là quê hương ở Angieri, Tuy nidi hoặc Marốc, đã cư trú ở Pháp, Angieri hoặc trên đất bảo hộ của Pháp và có được một trong những điều kiện sau đây thì có thể được thừa nhận cho hưởng quyền lợi công dân Pháp:

1. Đã được thưởng Bắc đầu bội tinh hoặc đã tốt nghiệp một trong những trường đại học hay là chuyên nghiệp mà danh sách sẽ do sắc lệnh ấn định.

2. Đã có công lớn trong việc khai thác thuộc địa hoặc phục vụ quyền lợi của nước Pháp.

3. Đã phục vụ trong quân đội Pháp và được giữ chức sĩ quan hay hạ sĩ quan, hoặc được thưởng Huân chương Quân công.

4. Đã lấy vợ Pháp và có chỗ ở tương đối ổn định trên đất Pháp được một năm.

5. Đã cư trú hơn mười năm tại các xứ kể trên, và biết tiếng Pháp đến một trình độ khá.

Tuy đạo luật còn có thiếu sót, song cứ trung thực thi hành thì cũng còn khá; nhưng không, các ngài viên chức có kể gì luật pháp và, như những tên ngu xuẩn tò mò ưa xoi mói, chúng buộc những người xin nhập quốc tịch Pháp phải trả lời trên giấy các câu hỏi sau đây:

A- Vợ con có nói tiếng Pháp không?

B- Họ có mặc Âu phục không?

C- Nhà có đồ đạc như giường, nệm, bàn, tủ, v.v. không?

D- Và ghế dựa nữa?

E- Ăn trên bàn hay trên chiếu?

F- Ăn gì?

G- Ăn cơm hay bánh mì?

H- Anh có tài sản không?

I- Vợ có tài sản không?

J- Thu hoạch đồng niêm của anh bao nhiêu?

K- Anh theo tôn giáo gì?

L- Anh vào những hội nào?

M- Trong các hội ấy, anh giữ chức vụ gì?

N- Chế độ bản xứ tốt và nhân từ, thế vì có gì anh lại xin nhập quốc tịch Pháp? Có phải để làm viên chức không? Hay để có địa vị cao? Hay để đi tìm mỏ vàng, mỏ ngọc?

O- Bạn bè thân thiết nhất là những ai?

Chỉ còn thiếu điều mà các ngài ấy chưa hỏi: Vợ anh có cắm S... lên đầu anh không!

CHƯƠNG VIII

CÔNG LÝ

Có phải vì quá thừa tình nhân đạo, như ông Xarô đã nhiều lần tuyên bố, mà người ta bắt các phạm nhân ở nhà lao Nha Trang (Trung Kỳ) phải ăn khan, nghĩa là ăn cơm mà không được uống nước, không? Có phải người ta đã quệt tanhtuya điốt lên mũi phạm nhân để dễ nhận ra họ khi họ vượt ngục không?

*

* * *

Báo *L'Indépendant* ở Mađagátxca số ra ngày 13 tháng 7 năm 1921 có đăng một bài tường thuật về cách phòng bệnh “dịch hạch”, chúng tôi xin trích đoạn sau đây:

“Vô số nhà bị đốt, trong đó, có cái nhà khá đẹp của Racôtômanga ở phố Galiêni cùng bị đốt hôm thứ hai vừa qua. Nhưng nhà của ông Đêrô thì lại thoát khỏi số phận chung ấy, tính ra cái nhà ấy, với tất cả đồ đạc đắt tiền quá (50.000 phrăng), vì thế nhà chức trách quyết định không đốt mà chỉ tẩy uế và cấm ở một thời gian khá dài, có lẽ là sáu tháng”.

Chúng tôi xin nói thêm rằng, ông Đêrô là công dân Pháp, còn Racôtômanga chỉ là dân lệ thuộc vì là người bản xứ. Nhân đây xin nhắc để bạn đọc nhớ lại rằng, đạo luật năm 1841 được biểu quyết là để áp dụng cho tất cả nông dân Pháp.

*

* * *

Cũng ở Mađagátxca, sáu người bản xứ bị bắt trong đồn điền của một thực dân người Pháp về tội trốn thuế. Trước toà, các bị can khai rằng, ông chủ đồn điền Đơla Rôsơ đã cam kết với họ: 1. sẽ đóng thuế cho họ; 2. sẽ xin miễn sai dịch cho họ; 3. trả tiền công cho họ cứ ba mươi ngày công là 10 quan. Cần chú ý là nhà thực dân kia chỉ thuê họ mỗi tuần làm có một ngày thôi. Muốn đủ sống họ phải đi làm thuê cho người Mangát ở gần đồn điền. Mặt khác, ông Đơla Rôsơ chẳng những không đóng thuế cho họ như đã hứa, mà hình như còn lờ luôn số tiền họ đã gửi ông để đóng thuế nữa.

Quý hoá làm sao, lần này Chính phủ đã mở một cuộc điều tra. Nhưng rồi các bạn xem...

Khi được biết vụ này, nghiệp đoàn nông nghiệp Mahanôrô, mà chắc hẳn ông Đơla Rôsơ là đoàn viên, liền điện cho quan Toàn quyền phản kháng việc cảnh binh đã đến xét hỏi không đúng lúc tại

đồn điền ông Đôla Rôsơ và yêu cầu trưởng tri viên trưởng đồn về tội cả gan phát hiện sự nhũng lạm của một người Pháp đối với người bản xứ.

Vì không muốn “mua việc” vào mình, quan Toàn quyền đã cho xếp ngay vụ rắc rối ấy lại.

*

* * *

Tòa án binh Linlơ vừa kết án 20 năm khổ sai tên Phôn Seven, sĩ quan Đức, về tội dùng roi da đánh đập những người bản xứ ở Rôngcơ¹⁾ trong thời gian quân Đức chiếm đóng.

Thế thì tại sao ở Đông Dương, ông người Pháp nọ bắn vỡ sọ một người Trung Kỳ bằng súng lục; ông viên chức Pháp kia nhốt một người Bắc Kỳ vào cũi chó sau khi đánh đập tàn nhẫn anh ta; ông thầu khoán Pháp này trói tay một người Nam Kỳ cho chó cắn, rồi đem giết đi; ông thợ máy Pháp kia “hạ sát” một người An Nam bằng súng săn; ông nhân viên hàng hải Pháp khác xô người gác cầu bản xứ vào đống than hồng cho chết, v.v. và v.v. lại không bị trừng trị?

Tại sao mấy ông thanh niên Pháp ở Angiê đấm đá một em bé người bản xứ 13 tuổi, rồi xóc em lên đầu một trong những ngọn giáo ở giữa hàng giáo cầm quanh “cây chiến thắng”, chỉ bị phạt có 8 ngày tù án treo?

Và tại sao tên hạ sĩ quan đã đánh anh Nahông cũng như tên sĩ quan đã giết chết anh, không bị trừng phạt gì cả?

Phải rồi, An Nam và Angieri đều là những xứ bị chiếm - cũng như Rôngcơ đã có lúc bị chiếm, - nhưng vì những người Pháp ở các thuộc địa ấy không phải là lũ “bôsơ”, cho nên cũng cùng một hành động, nếu là của lũ “bôsơ” thì là tội ác, nhưng nếu là của người Pháp thì lại là văn minh! Mà Annamít và Angieriêng đâu phải là người! Đó là bọn “nhà quê” bẩn thỉu, bầy “bicốt”²⁾ bẩn thỉu. Cần quái gì phải có công lý đối với những giống ấy.

Cái ông Vinhê Đốctông châm biếm kia quả là không lầm khi ông viết: “Pháp luật, công lý đối với người bản xứ ư? Thôi đi! Chỉ có batoong, súng ngắn, súng dài, đầy mới là thứ xứng đáng với lũ ròi bọ áy!”.

*

* * *

1) Roncq: tên một làng ở miền Bắc nước Pháp (B.T).

2) Bicot: nghĩa đen là con dê con, nghĩa bóng dùng để gọi một cách khinh bỉ những người Arập nói chung (B.T).

Trong cái kho đầy ắp những hình phạt để giáng vào đầu người bản xứ, có những khoản phạt tiền từ 200 đến 3.000 đồng.

Không phải ông Đume không biết rằng người An Nam không bao giờ đóng nổi những khoản tiền to đến thế. Nhưng ông ta cứ muốn xoay tiền bằng bất cứ giá nào; nên con người khôn ngoan ấy đã dự kiến rằng *có thể bắt làng xã phải chịu trách nhiệm* (điều 4).

Bạn sẽ bảo, muốn kết án cả một làng thì phải xác định làng ấy là đồng lõa chứ.

Không, với điều 4, việc ấy không cần thiết. Làng nào không biết ngăn ngừa một tội phạm, thì phải chịu trách nhiệm về tội phạm ấy.

Cái điều 4 này quả là một mánh khoé ác nghiệt, bởi vì chỉ cần những tay chân của bọn chủ bao thầu thuế - những tay chân đó được thuê tiền để phát giác càng nhiều vụ vi phạm càng hay - khai rằng làng sở tại chẳng hề làm gì để ngăn chặn vụ vi phạm, là đủ.

Tiết 3 quy định cách thức kiểm chứng những vụ vi phạm mà bọn tay sai của chủ bao thầu thuế có quyền làm.

Ở đây có một trớ ngại. Thường thường bọn tay chân ấy đều dốt nát, làm biên bản không hợp thức. Người ta khắc phục trớ ngại ấy bằng cách ủy cho viên chức nhà đoán ở tỉnh ly hoặc phủ ly, huyện ly làm biên bản theo báo cáo của bọn tay chân của chủ bao thầu.

*

* * *

Đông Dương là cô gái cưng, rất xứng đáng với nước mẹ Pháp. Mẹ có gì, con có nấy: Đông Dương có Chính phủ của nó, những bảo đảm của nó, công lý của nó và cũng có âm mưu phiến loạn nhỏ của nó nữa. Dưới đây chúng tôi chỉ nhắc lại hai vấn đề sau thôi.

Công lý được tượng trưng bằng một người đàn bà dịu hiền, một tay cầm cân, một tay cầm kiếm. Vì đường từ Pháp đến Đông Dương xa quá, xa đến nỗi sang được tới đó thì cán cân đã mất thăng bằng, đĩa cân đã chảy lỏng ra và biến thành những tầu thuốc phiện hoặc những chai rượu ty, nên người đàn bà tội nghiệp chỉ còn lại độc cái kiếm để chém giết. Bà chém giết đến cả người vô tội, và nhất là người vô tội.

Còn âm mưu phiến loạn thì lại là một chuyện khác.

Chúng tôi sẽ không nhắc lại những vụ phiến loạn nổi tiếng năm 1908 hoặc năm 1916, những vụ mà nhờ đó rất nhiều người dân được nước Pháp bảo hộ đã có thể ném mùi công ơn khai hoá trên máy chém, trong nhà tù hoặc ở nơi đầy ải. Những vụ phiến loạn ấy đã cũ rồi, chỉ còn để lại dấu vết trong trí nhớ của người bản xứ nữa thôi.

Chúng tôi chỉ nói đến vụ vừa xảy ra gần đây nhất. Vì ở chính quốc có vụ phiến loạn bônsêvích chấn động dư luận, nên các ngài thực dân ở Đông Dương - y như con nhái trong truyện ngụ ngôn¹⁾ - cũng muốn có một vụ phiến loạn, bèn cố phình bụng lên và cuối cùng cũng để ra được một vụ.

Chúng đã làm như thế này.

Một quan lớn Tây (quan công sứ Đại Pháp kia đấy à!), một quan huyện và một ông lý trưởng đã đảm nhiệm việc chế tạo ra vụ đó.

Bộ ba quan lại này phao tin là có một bọn phiến loạn chôn giấu hai trăm rưỡi quả bom âm mưu làm nổ tung cả xứ Bắc Kỳ.

Nhưng ngày 16 tháng 2, toà đại hình Hà Nội công nhận rằng chẳng những không có bằng chứng nào để kết luận có một tổ chức cách mạng có vũ khí phá hoại, mà cả cái vụ mưu phản kia chẳng qua cũng chỉ là một thủ đoạn khiêu khích do một số nhân viên Chính phủ muốn được thăng thưởng tạo ra mà thôi.

Chắc các bạn tưởng rằng sau khi toà đã phán quyết như thế rồi thì những người An Nam bị giam giữ sẽ được thả ra. Không đâu! Bằng bất cứ giá nào, nhất thiết phải giữ uy tín cho kẻ đi chinh phục! Muốn thế, lẽ ra chỉ gắn huân chương cho bọn đã khéo phịa ra vụ án là đủ rồi; đằng này người ta lại còn phạt tù 12 người An Nam từ 2 đến 5 năm, mà phần lớn là nhà nho. Và trên cửa nhà lao giam giữ họ, nổi lên mấy chữ: Tự do, Bình đẳng, Bác ái - dĩ nhiên là bằng tiếng Pháp hẳn hoi.

Thế rồi những tờ báo gọi là thân người bản xứ với vã ca tụng tính công bằng, không thiên vị của cái trò hề công lý ấy!

Nhưng hãy đọc tờ *La Dépêche Coloniale*, tờ báo giữ giải vô địch về chủ nghĩa bài An Nam:

"Toà án Pháp vừa tuyên án xong. Một nửa can phạm được tha bổng, còn một nửa được kết án nhẹ. Những người bị án là những nhà nho can tội làm thơ cảm hứng lăng nhăng để ca tụng ân huệ của tự do".

Các bạn thấy không, đối với người An Nam, ca tụng tự do là một tội nặng, chỉ vì thế thôi, người ta cũng phết cho họ 5 năm tù!

Tờ báo viết tiếp: "Chúng ta phải nhiệt liệt hoan nghênh bản phán quyết hết sức công bằng ấy của các quan toà và các vị bồi thẩm của chúng ta, v.v."

Và cũng lại tờ *La Dépêche Coloniale* ấy đã vui mừng ghi nhận bản phán quyết rất mực vô tư của toà án Pháp về vụ mưu loạn nổi tiếng ở Vĩnh Yên. Tờ báo ấy viết: "những người An Nam ở Pari, cũng như đồng bào của họ ở bên quê nhà xa xôi, đều tỏ lòng tin tưởng ở các quan toà của chúng ta và tuyên

1) Truyện ngụ ngôn của La Fontaine kể rằng: Có một con nhái thấy một con bò to hơn mình, liền cố phình bụng ra cho bằng con bò, cuối cùng vỡ bụng chết (B.T).

bố rằng toà án đã xử đúng, vụ án kết thúc như thế làm cho họ *hoàn toàn thoả mãn*”. Không đâu! Ông Puvuốcvin ạ, ông bịp đời vừa chứ!

*
* * *

Tờ *Le Journal France - Indochine* có đăng việc sau đây: Cách đây mấy hôm, hãng Xôvagiơ báo với Sở Mật thám là xưởng họ bị mất trộm một số sắt khá nhiều, độ một tấn. Nhận được đơn khiếu nại, Sở Mật thám lập tức mở cuộc điều tra để tìm cho ra bọn trộm và chúng tôi vui mừng được tin rằng một viên thanh tra mật thám người Âu cùng với mấy nhân viên người An Nam giúp sức đã tóm được bọn trộm và cả tên đồng loã của chúng nữa.

“Ông S..., quản lý hãng Xôvagiơ, cùng với những tên Trần Văn Lộc, thợ máy học việc và Trần Văn Xa đã bị bắt và đưa ra toà về tội ăn trộm và đồng loã...”.

Các bạn có để ý thấy bạn đồng nghiệp của chúng tôi hết sức tế nhị không nào? Khi nói về ông ăn trộm người Pháp, quản lý hãng Xôvagiơ, thì người ta không nói tên, mà thay vào bằng mấy dấu chấm. Chả là dù sao thì trước hết cũng phải bảo vệ uy tín của chủng tộc thượng đẳng. Nhưng khi nói đến bọn kẻ trộm thông thường người An Nam thì lại kê cả tên lẩn họ, và không gọi là ông mà gọi là những “tên”.

*
* * *

Ngày 10 tháng 10 năm 1922, Chính phủ vừa ra sắc lệnh quyết định một cuộc thuyền chuyển quan trọng trong ngạch quan toà thuộc địa. Trên danh sách, đáng chú ý có tên hai ông Luycaxơ và Oabrăng.

Cần nhắc lại sơ lược lai lịch của hai vị quan toà này.

Ông Luycaxơ lúc làm Phó Chưởng lý ở Tây Phi thuộc Pháp, đã từng dính dáng vào các vụ làm xôn xao dư luận xứ Tôgô. Trong một bản thông báo cho báo chí, ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa đã bắt buộc phải thừa nhận rằng, “cuộc điều tra cũng đã phát giác ra là sự tham gia của ông Luycaxơ vào các vụ phạm pháp có thể làm cho ông ta phải gánh phần TRÁCH NHIỆM NẶNG NÊ NHẤT”.

Chắc là để thưởng cho phần trách nhiệm nặng nề ấy mà ngày nay người ta cất nhắc ông lên chức Chánh án Toà thượng thẩm xứ Phi châu xích đạo thuộc Pháp.

Còn về Oabrăng thì câu chuyện của hắn đơn giản hơn và ít người biết đến. Năm 1920, một người Pháp tên là Đuyếchgri, nhân viên hãng buôn Pérítxác ở Cảngcảng (Ghinê), đi săn. Hắn bắn một con chim rơi xuống sông. Lúc ấy có một em bé người bản xứ đi ngang qua. Đuyếchgri tóm cổ em bé ném xuống sông, bắt phải tìm vớt con chim. Nước sâu, sóng lớn, lại không biết bơi, em chết đuối. Cha mẹ

em đi kiện. Đuyéchgrı được lệnh viên quan tư chỉ huy quận đòi đến, và nhận bồi thường cho gia đình đau xót kia một trăm phrăng.

Cha mẹ em bé không nhận cách dàn xếp bỉ ổi như vậy. Viên quan tư nổi giận, đứng về phía người đồng bào của ông, tức là tên sát nhân, doạ bỏ tù cha mẹ em bé nếu tiếp tục kháng cáo, rồi ông ta “xếp” vụ án lại.

Nhưng, một bức thư nặc danh đã phát giác việc này với ông Chưởng lý ở Đaca. Ông Chưởng lý liền phái ông Biện lý Oabrăng đi điều tra. Ông Oabrăng đến Căngcăng, ngủ lại nhà viên xếp ga, rồi ngày hôm sau đến nhà ông Cudanh đờ Lavalie là phó của viên quan tư quận, ở lại cả ngày. Rồi sáng hôm sau, chưa hề bắt tay vào công việc điều tra gì cả, ông đã lên đường trở về. Tuy thế, ông Oabrăng vẫn cứ kết luận rằng lá thư nặc danh kia là vu khống. Hội Liên hiệp thuộc địa đã báo vụ này với Hội Nhân quyền (ngày 22 tháng 12 năm 1921). Nhưng có lẽ Hội Nhân quyền cho sự việc không lấy gì làm giật gân lầm nên chẳng thèm quan tâm đến.

Từ khi đi chơi Căngcăng về, ông Oabrăng vẫn ngồi yên ở địa vị cũ để thỉnh thoảng nhận gà và những túi khoai tây do ông bạn Cudanh đờ Lavalie gửi đến biếu, và chờ được thăng quan. Các bạn thấy chưa, ông Oabrăng quả thật xứng đáng với... phần thưởng công minh mà chính phủ vừa tặng ông bằng cách bổ nhiệm làm Biện lý Đaca (?).

Nền văn minh thượng đẳng mà được giao phó vào tay những bọn Đáclơ, bọn Bôđoăng, bọn Oabrăng và bọn Luycacơ thì thật là tuyệt, và số phận dân bản xứ cũng tuyệt!

*

* * *

Toà tiểu hình vừa xử phạt Phécnăng Etxelanh và mụ goá Gierơ, mỗi người 13 tháng tù; Gióocgio Coócđiê 10 tháng, về tội tàng trũ, chuyên chở và bán một kilogram thuốc phiện.

Tốt lắm! Tính sơ qua cũng thấy một kilogram thuốc phiện đáng ba mươi sáu tháng tù!

Giá mà mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, như người ta thường nói, thì tuổi thọ của ông Xarô, Toàn quyền Đông Dương, phải dài ghê lấm mới đủ để cho ông ngồi hết hạn tù. Vì rằng *mỗi năm* ông sẽ bị phạt ít ra là *một triệu ba mươi lăm vạn* (1.350.000) tháng tù về tội *mỗi năm* bán cho người An Nam trên *mười lăm vạn* kilogram thuốc phiện.

*

* * *

Bất lực trong việc trừ khử ông Đề Thám trú danh, vì mọi ám mưu bắn giết ông, thủ tiêu ông bằng thuốc độc hoặc bằng mìn, đều thất bại, người ta bèn đào mả cha mẹ ông lên, đem hài cốt đổ xuống sông.

Sau những vụ biểu tình ở miền Nam Trung Kỳ, nhiều văn thân bị xử tử hoặc bị đầy biệt xứ. Trong số ấy có ông Tiến sĩ Trần Quý Cáp, một nhà nho thanh cao ai cũng kính phục. Ông bị bắt trong lúc đang giữ chức giáo thụ và chỉ hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau, là bị đem chém, không được xét hỏi gì cả. Chính phủ cũng không chịu giao trả thi hài ông cho gia đình ông.

Ở Hải Dương, một vụ nổi dậy chưa làm chết một ai, thế mà người ta đã làm rụng hết sáu mươi tư cái đầu, không cần xét xử gì cả.

Khi hành hình những người lính khố đỏ ở Hà Nội, Chính phủ đã cho áp giải cha, mẹ, vợ con họ đến pháp trường để bắt họ phải mục kích cảnh tàn sát long trọng những người thân yêu của mình. Để gây một ấn tượng khủng khiếp lâu dài, và để “dạy cho dân chúng một bài học”, người ta làm lại cái việc đã làm ở nước Anh hồi thế kỷ thứ XVIII, tức là xóc đầu lâu những người Giacobít¹⁾ bại trận lên mũi giáo đem bêu ở các đường phố khu Xiti và dọc theo cầu Luân Đôn. Hàng tuần lě, dọc các đường lớn ở Hà Nội, người ta nhìn thấy nhiều đầu lâu của những nạn nhân bị người Pháp hạ sát, đang cau mày, nhăn mặt trên những chiếc cọc tre.

Năm 1908, nhân dân miền Trung không chịu nổi sưu cao thuế nặng và bao nhiêu sự hà lạm áp bức, đã phải biểu tình. Các cuộc biểu tình ấy mặc dù diễn ra hết sức ôn hoà, nhưng đều bị đàn áp thẳng tay. Hàng trăm đầu rời, vô số người bị đi đày.

Người ta làm đủ mọi cách để vũ trang cho người An Nam chống lại đồng bào họ và gây nên những vụ phản bội.

Người ta tuyên bố các làng phải chịu trách nhiệm về những vụ hỗn loạn xảy ra trên địa phận mình. Làng nào cho một người yêu nước trú ngụ thì bị kết án. Để khai thác tin tức, người ta dùng một phương pháp đơn giản - bao giờ cũng vậy - là tra khảo lý hào, ai không nói thì bị xử tử tức khắc. Cứ như thế, TRONG VÒNG HAI TUẦN LỄ, MỘT VIÊN GIÁM BINH ĐÃ XỬ TỬ Bảy MUOI LĂM LÝ HÀO!

Không bao giờ người ta nghĩ đến chuyện phân biệt những người yêu nước đang chiến đấu tuyệt vọng với bọn côn đồ ở các thành thị.

Muốn dập tắt sự kháng cự, người ta không thấy có cách nào khác hơn là phó thác việc “bình định” cho lũ phản bội bán nước. Và người ta duy trì ở vùng đồng bằng Bắc Kỳ, ở Bình Thuận, ở Nghệ Tĩnh những đội quân càn quét hung hăn mà hình ảnh ghê tởm sẽ không bao giờ phai mờ trong trí nhớ.

1) Jacobite: Tên gọi những đồ đảng của Vua Anh Giácô II bị dòng Oranggiê đánh bại sau cuộc chiến tranh năm 1688 (B.T).

CHƯƠNG IX

CHÍNH SÁCH NGU DÂN

Để có thể đánh lừa dư luận bên Pháp và bóc lột dân bản xứ một cách êm thấm, bọn cá mập của nền văn minh không những đầu độc nhân dân An Nam bằng rượu và thuốc phiện, mà còn thi hành một chính sách ngu dân triệt để.

Cho nên, theo sắc lệnh năm 1898, báo chí bản xứ phải chịu kiểm duyệt trước khi in.

Sắc lệnh đó viết: “Việc lưu hành báo chí bất cứ bằng thứ tiếng gì, đều có thể bị cấm do nghị định của quan Toàn quyền”.

“Báo tiếng Việt không được xuất bản, nếu không được phép của quan Toàn quyền. Giấy phép chỉ cấp với điều kiện là các bài báo phải được quan Thống đốc duyệt trước. Giấy phép ấy có thể rút lúc nào cũng được”.

“Mọi cuộc trưng bày hoặc phổ biến những bài hát, biếm họa hoặc tranh ảnh làm thương tổn đến sự tôn kính đối với các nhà cầm quyền đều bị trừng trị”.

Đấy, bạn thấy bà kiểm duyệt ở thuộc địa cầm kéo khéo đến mức nào!

Với biện pháp đó, chính quyền Đông Dương có thể im được tất cả mọi vụ nhơ nhốp và tha hồ mà lạm quyền.

Trong một cuộc bầu cử Hội đồng thành phố Sài Gòn, viên Thống đốc cấm ba ông chủ nhiệm báo tiếng Việt không được đăng lên báo của họ bản sắc lệnh quy định thể lệ bầu cử Hội đồng thành phố ở Nam Kỳ. Họ là ứng cử viên, thế mà báo của họ bị cấm tuyệt không được đăng một cái gì dính dáng, dù xa hay gần, đến chương trình của họ! Vì người An Nam không có quyền hội họp quá số 20 người, nên ứng cử viên phải gấp 3.000 cử tri lần lượt từng người một. Cũng trong lúc ấy, ông Thống đốc còn thông tri cho các tờ báo tiếng Việt khác biết là sở kiểm duyệt sẽ thẳng tay cắt những bài báo, cột báo, đầu đề hoặc bất cứ một lời bóng gió nào nói đến các cuộc bầu cử thuộc địa hoặc thành phố. Một tờ báo tiếng Việt dịch đăng đạo luật nói về việc trừng trị những hành động hối lộ trong bầu cử, bài ấy đã bị cắt. Trong lúc đó thì quan Thống đốc tráng trọng cho đòi những người đứng đầu các tập đoàn cử tri đến văn phòng và truyền cho họ phải bỏ phiếu và cổ động bỏ phiếu cho danh sách được ngài có cảm tình nhất.

Bàn tay bỉ ổi của kiểm duyệt không dừng lại ở các xuất bản phẩm tiếng Việt mà còn rò mó cả vào thư từ riêng và các tờ báo tiếng Pháp không chịu ca tụng đức độ của các “Cụ lớn” thuộc địa: Sở Bưu điện và Sở Mật thám Nam Kỳ (giám đốc sở này là con rể ông Anbe Xarô) đã nhận được lệnh không để lọt - bất cứ với lý do gì - những thư từ, bài vở, v.v. gửi cho báo *Le Paria* xuất bản ở Pari hoặc của tờ báo ấy gửi về.

Một người Mangát nguyên là lính tình nguyện tham gia đại chiến trong quân đội Pháp và có vợ người Pháp, đã bị trực xuất khỏi tổ quốc anh, và bị kết án 5 năm đầy biệt xứ, chỉ vì đã viết bài cho báo *Le Paria* và vài tờ báo khác ở Pháp, để tố cáo những sự nhũng lạm của bọn quan cai trị Pháp ở xứ sở anh.

*

* * *

Nhân dân Đông Dương khẩn khoản đòi mở trường học vì trường học thiếu một cách nghiêm trọng. Mỗi năm, vào kỳ khai giảng, nhiều phụ huynh phải đi gõ cửa, chạy chọt mọi nơi thần thế, có khi chịu trả gấp đôi tiền nội trú, nhưng vẫn không tìm được chỗ cho con học. Và hàng ngàn trẻ em đành chịu ngu dốt vì nạn thiếu trường.

Tôi còn nhớ một người anh em họ tôi muốn được vào một trong những “thiên đường trường học” kia, đã phải chạy chọt đủ kiểu, gửi hết đơn này đến đơn khác cho quan Khâm sứ, cho quan Công sứ, cho quan đốc trường quốc học và quan đốc trường tiểu học. Tất nhiên, chẳng ai thèm trả lời anh. Một hôm, anh đánh bạo mang đơn đến xin quan đốc, một người Pháp, phụ trách cái trường mà tôi đã được đặc ân vào học trước đó ít lâu.

“Quan đốc” thấy anh cả gan như thế, nổi khùng quát tháo: “Ai cho phép mà đến đây?” rồi xé vụn lá đơn trước những cặp mắt ngơ ngác của cả lớp học.

Người ta bảo ngân sách không cho phép Chính phủ mở trường mới. Không hẳn thế đâu. Trong số 12 triệu đồng của ngân sách Nam Kỳ, thì 10 triệu đã tìm đường chui sâu vào túi các ngài viên chức rồi.

Ngoài ra, Chính phủ thuộc địa lại tìm đủ mọi cách để ngăn cản không cho thanh niên An Nam sang du học bên Pháp, vì sợ nhiễm phải chủ nghĩa cộng sản. Điều 500 (bis) trong nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 về học chính ở Đông Dương quy định:

“Người bản xứ nào, vô luận là dân thuộc địa Pháp hoặc dân do Pháp bảo hộ muốn sang chính quốc du học đều phải được quan Toàn quyền cho phép. Quan Toàn quyền sẽ quyết định, sau khi hỏi ý kiến quan Thủ hiến kỳ và quan Giám đốc Nha học chính”.

“Trước khi lên đường, người đó phải đến Nha học chính xin một quyền học bạ có dán ảnh và ghi rõ cẩn cước lý lịch của mình, địa chỉ cha mẹ, những trường đã học, những học bổng hoặc trợ cấp đã hưởng, những bằng cấp đã có, và địa chỉ của người bảo lãnh tại Pháp. Học bạ ấy phải được quan Toàn quyền chứng thực”.

“Hồ sơ của người bản xứ theo học bên Pháp phải lưu trữ tại nha học chính”.

“Làm cho dân ngu để dễ trị”, đó là chính sách mà các nhà cầm quyền ở các thuộc địa của chúng ta ưa dùng nhất.

*

* * *

Báo *L'Humanité* đã thuật lại việc kiểm duyệt thư tín vẫn còn tiến hành nghiêm ngặt như thế nào ở Mađagátxca khi cuộc chiến tranh vì công lý đã kết thúc bốn năm rồi.

Đông Dương cũng vậy, chẳng có gì đáng phân bì với Mađagátxca cả.

Chúng tôi đã nêu lên trường hợp tờ báo *Le Paria*.

Như là tình cờ xui nên, việc lạm quyền ấy xảy ra đúng lúc ông Thống đốc gian lận Bôđoanh đến Sài Gòn, cùng với người phụ tá xuất sắc của ông là con rể ông Anbe Xarô đồng thời là trùm mật thám.

Mặt khác, nhà cầm quyền vẫn tiếp tục chặn lại và lục soát thư tín của tư nhân.

Trong khi người ta tàn sát người bản xứ, cướp đoạt tài sản của họ một cách ngang nhiên, không hề bị trường trị, thì ngay đến cả cái quyền sơ đẳng là viết thư cho nhau họ cũng không được hưởng! Sự vi phạm quyền tự do cá nhân ấy lại ghi thêm một thành tích cho cái chế độ lạm quyền, cái chế độ mật thám bỉ ổi đương hoành hành ở các thuộc địa.

*

* * *

Chính phủ Đông Dương tổ chức phá hoại tờ báo *Le Paria*; Chính phủ Tây Phi thuộc Pháp cấm nhập các báo của người da đen châu Mỹ; Chính phủ Tuynidi trực xuất chủ nhiệm tờ *L'Avenir social*, ông Liôtây đuổi chủ nhiệm tờ *La Guêpe Marocaine* ra khỏi Marốc. (Người ta chỉ cho nhà báo một giờ để thu xếp hành lý).

*

* * *

Giữa lúc khai mạc hội chợ Hà Nội, và trong khi ông Bôđoanh, quyền Toàn quyền Đông Dương, đang đi thăm các gian hàng, thì bọn cảnh binh xông vào một gian nọ tịch thu các tập tranh biếm họa do báo *L'Argus Indochinois* trưng bày, vì tờ báo này có những lối phê bình và châm biếm không hợp khẩu vị của những nhà đương quyền.

Ông Clémangti, Chủ nhiệm tờ báo, đã bị bắt và tống giam.

CHƯƠNG X
CHỦ NGHĨA GIÁO HỘI

Trong thời kỳ bình định, các sứ giả của Chúa cũng hoạt động chẳng kém. Hết như bọn gian phi rình lúc mọi người đang hoảng hốt để nhảy vào hôi của sau khi nhà cháy, các nhà truyền giáo chúng ta cũng thừa lúc đất nước rối loạn sau cuộc xâm lăng để... phục vụ Chúa. Kẻ thì tiết lộ những bí mật mà con chiên đã nói ra khi xưng tội và nộp những người An Nam yêu nước cho bọn chiến thắng đem lên máy chém hay giá treo cổ. Kẻ thì toả đi khắp nơi để vơ vét những tín đồ bị bắt buộc phải theo đạo. Có linh mục nọ “chân đi đất, quần xắn đến mông, lưng thắt bao đạn, vai khoác súng dài, hông đeo súng ngắn, dẫn đầu một đoàn con chiên vác giáo mác và súng kíp; đó là lối vũ trang phát triển tín đồ của một linh mục với sự yểm hộ của quân đội chúng ta do ông ta hướng dẫn, xông vào các làng bên lương mà ông đã báo trước với các nhà cầm quyền là làng phản nghịch”.

Sau cuộc hành quân đánh chiếm Bắc Kinh, chỉ riêng một mình giám mục Phavie, sứ đồ của Giáo hoàng, ngũ hạng Bắc đầu bội tinh, đã bỏ túi 600.000 phrăng của ăn cướp được. Một người thấy tận mắt kể lại: “Dưới sự chỉ huy của giám mục Phavie, một đoàn dài xe bò và xe ngựa có 300 đến 400 giáo dân cùng lính bộ và lính thuỷ Pháp hộ tống đã kéo đến trước phủ đệ của Hoàng thân Lý. Họ đóng vai những kẻ dọn nhà vì lợi ích của Chúa!... Xong việc, lính tráng mỗi người nhận được một ngân phiếu 200 phrăng, do dòng tu thánh Vanhxăng đờ Pôn trả”. Trong một bản báo cáo chính thức, chúng tôi đọc thấy lời buộc tội đanh thép này: “Việc cướp bóc tập thể do giám mục Phavie điều khiển là gượng xấu làm cho kỷ luật ngấm ngầm bị đổ vỡ”.

Tất nhiên không phải chỉ có một mình giám mục Phavie truyền giáo theo lối ấy. Đức cha còn có nhiều đối thủ nữa. Người ta kể: “Khi lệnh giới nghiêm vừa bãi bỏ, thì các giáo sĩ liền dẫn lính xông vào nhà các chủ ngân hàng quen thuộc mà họ biết có cất giấu vàng thoi. Họ mang theo học sinh chủng viện hoặc những người Hoa mới theo đạo, để những người này làm việc thiện bằng cách giúp họ cướp giật đồng bào của mình và kiếm tiền cho các cha cố từ thiện làm công việc Chúa”.

Nếu kể hết ra đây tất cả những hành vi ác quỷ của bọn tông đồ xứng đáng của đạo từ thiện này thì sẽ quá dài. Nhân đây chỉ kể sơ một vài việc: Một cha xứ nọ đã nhốt một em bé bản xứ, đánh đập em, trói em vào cột; khi người chủ của em, một người Âu, đến xin em về, thì cha xô đẩy, đánh đấm, rút súng lục doạ bắn ông. Một cha xứ khác đã bán một em gái An Nam đi đạo cho một người Âu lấy 300 phrăng. Một cha khác đánh gần chết một học sinh chủng viện người bản xứ. Dân làng người bị nạn rất căm phẫn, trong khi chờ công lý của Chúa, đã làm đơn kiện tên súc sinh - xin lỗi, tôi muốn nói vị Cha đáng kính -, thì công lý thế tục đã doạ những người đi kiện ngây thơ ấy rằng: “Đè chừng! các con ạ! chớ có kiếm chuyện, nếu không thì...”. Đức cha M... chẳng đã tuyên bố rằng nền học vấn Pháp là nguy hiểm cho người An Nam đó sao? Còn Đức cha P... thì chả đã nói rằng Chúa cho cây mây mọc cạnh m... ông người An Nam là Chúa đã có dụng tâm sáng suốt đó sao.

Nếu thiên đường có thật, thì sẽ quá chật không đủ chỗ để chứa chấp tất cả bọn tông đồ thuộc địa can đảm đó. Và nếu Chúa bất hạnh đã chịu đóng đinh trên cây thánh giá trở về cõi thế này, thì chắc Ngài sẽ vô cùng ngao ngán khi thấy “các môn đồ trung thành” của mình thực hiện đức khổ hạnh như thế nào: giáo hội Xiêm chiếm đoạt một phần ba diện tích ruộng đất canh tác trong xứ; giáo hội Nam Kỳ chiếm một phần năm; giáo hội Bắc Kỳ, chỉ riêng ở Hà Nội đã chiếm một phần tư đất đai, cộng thêm một cái vốn bé xíu 10 triệu phrăng. Không cần nói cũng biết là phần rất lớn tài sản ấy, giáo hội giành được bằng những thủ đoạn mà họ không thể và cũng không bao giờ thú nhận.

Đại tá B... viết: “Điều mà người thực dân phải dựa vào Nhà nước để làm - thì người truyền giáo cứ làm, bất chấp Nhà nước. Bên cạnh lãnh thổ của người chủ đồn điền, mọc lên lãnh thổ của Nhà Chung. Chẳng bao lâu nữa, sẽ không còn rěo đất nào cho người An Nam có thể sinh cơ lập nghiệp nếu không cam chịu kiếp nông nô!”.

Amen! Lạy Chúa tôi.

*

* * *

Chúa đầy lòng nhân ái và toàn năng. Là đấng sáng thế tối cao, Người đã nặn ra một chủng tộc gọi là thượng đẳng để đặt lên lưng một chủng tộc gọi là hạ đẳng cũng do Người nặn ra. Bởi vậy, mọi đoàn đi khai hoang - dù đến Ăngtiô, Mađagátxca, Tahiti hay là Đông Dương - cũng đều có mốc theo một đoàn gọi là đoàn truyền giáo. Chẳng hạn, chúng ta biết rằng Chính phủ Pháp quyết định việc chinh phục Bắc Kỳ là do sự xúi giục của các ngài giáo phẩm thực dân được mụ vợ Napôlêông đê tam đỡ đầu. Và các vị đó đã làm những gì? Họ đã lợi dụng lòng hiếu khách của người An Nam để đánh cắp những bí mật quân sự, vẽ những bản đồ nộp cho quân đội viễn chinh. Chúng tôi không hiểu tiếng Latinh gọi cái công việc ấy là gì, chứ tiếng Pháp thông dụng thì gọi đó là làm gián điệp.

Bọn Gácniê, bọn Rivie và bè lũ không am hiểu địa phương và không biết tiếng bản xứ thì đã có bọn truyền giáo làm thông ngôn và chỉ điểm cho chúng. Trong vai trò này, các vị mang chức thánh không bở lỡ dịp nào để thực hiện đức nhân của đạo Chúa. Có linh mục đã bảo lính: “Đốt làng này đi, nó đã không nộp thuế cho chúng ta”, hay là: “Tha cho làng này, nó đã quy thuận chúng ta” (GI.B). Chúng ta đây tức là giáo hội.

Hàng giáo sĩ thuộc địa không những phải chịu trách nhiệm gây ra chiến tranh thuộc địa, mà còn là bọn kéo dài chiến tranh, bọn chủ trương đánh đến cùng, không chịu điều đình “non”. Đô đốc R. đờ Giornuiy trong một bản báo cáo với Bộ Hải quân đã viết rằng: “Tôi muốn tìm cách giao thiệp với nhà cầm quyền An Nam để ký kết một hoà ước, nhưng đã gặp những trở ngại rất lớn do các nhà truyền giáo gây ra... Một hoà ước với người An Nam, dù có lợi bao nhiêu, cũng chẳng thoả mãn được lòng ham muốn của các ông ấy. Họ muốn đánh chiếm hết cả nước và lật đổ triều đại đang trị vì. Giám mục Penloranh đã nhiều lần nói như thế và đó cũng là ý kiến của giám mục Lophevro”.

Phải chăng đó là vì yêu nước? Không, bởi vì ở đoạn sau của bản báo cáo, Đô đốc đã nói rõ rằng, “những giáo sĩ hoạt động ở Nam Kỳ hy sinh quyền lợi của nước Pháp cho những mục đích riêng tư”.

Mẫu chuyện sau đây chứng minh cho ý kiến đó:

Vua Hàm Nghi rời bỏ kinh thành của mình bị quân Pháp chiếm. Ông đem nghĩa quân vây một làng do người theo đạo chống giữ, trong đó có sáu nhà truyền giáo. Một tướng Pháp được tin báo, liền điều đình với một cố đạo cho mượn thuyền chở quân đi giải vây. Cố đạo khuất từ, bảo rằng thuyền đi đánh cá ngoài khơi hết, ba bốn ngày nữa mới về. Sau khi điều tra, viên tướng biết là tên cố đạo đã cố

ý phân tán thuyền bè để quân tiếp viện không thể đi được. Viên tướng bèn đòi cống đạo đến bảo: “Nếu không có thuyền cho tôi trong sáu giờ nữa thì tôi sẽ cho bắn ông”. Thuyền đến, viên tướng hỏi vị Cha đáng kính: “Tại sao lại nói dối?” - “Thưa tướng quân, nếu để các giáo sĩ bị chết rồi tướng quân mới đến, thì chúng tôi sẽ có thêm sáu người tử vì đạo để phong thánh”.

Đấy là những hành động phúc âm mà các “Cha nhà ta” nỗ lực làm hằng ngày và bao giờ cũng là nhân danh Chúa cả.

1
9
2
5

CHƯƠNG XI

NỖI KHỔ NHỤC CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ BẢN XỨ

Đọc những trang trên đây cũng đã thấy người phụ nữ An Nam được các nhà khai hoá của chúng ta “bảo hộ” như thế nào. Không một chỗ nào người phụ nữ thoát khỏi những hành động bạo ngược. Ngoài phố, trong nhà, giữa chợ hay ở thôn quê, đâu đâu họ cũng vấp phải những hành động tàn nhẫn của bọn quan cai trị, sĩ quan, cảnh binh, nhân viên nhà đoàn, nhà ga. Một người Âu mắng một phụ nữ An Nam là *con đĩ, con bú dù* là một việc thông thường. Ngay giữa chợ Bến Thành ở Sài Gòn - mà người ta bảo là một thành phố Pháp -, bọn gác chợ người Âu cũng không ngần ngại dùng roi gân bò, dùi cui đánh phụ nữ bản xứ để bắt họ tránh khỏi làm nghẽn lối!

Những chuyện đáng buồn như thế, có thể kể mãi không hết, song chúng tôi hy vọng rằng mấy việc kể trên cũng đủ làm cho chị em ở chính quốc biết rõ phụ nữ An Nam sống quằn quại trong cảnh lầm than và bị áp bức như thế nào. Nay giờ hãy xem người phụ nữ bản xứ ở các thuộc địa khác - cũng ở dưới sự bảo hộ của nước mẹ - có được tôn trọng hơn không.

Ở Phết Môđala (Angieri), một người bản xứ bị kết án một năm tù vì tội ăn trộm. Anh ta trốn khỏi nhà lao. Người ta phái một toán quân, do một quan hai chỉ huy, đến bao vây làng anh ta. Toán quân sục sạo rất kỹ nhưng không tìm thấy. Chúng bèn tập trung 35 phụ nữ họ hàng thân thuộc của anh ta lại. Trong số người này có những em gái 12 tuổi, những cụ bà 70 tuổi, những phụ nữ có thai, những bà mẹ đang cho con bú. Dưới con mắt bao dung của viên quan hai và của viên quan cai trị vừa đến,

mỗi tên lính vồ lấy một phụ nữ. Các hào mục, các người cầm đầu các tổ chức từ thiện trong làng cũng bắt buộc phải đứng xem cảnh ấy. Người ta bảo làm thế để cho họ sợ. Xong rồi, người ta phá nhà cửa, bắt súc vật, nhốt những người đàn bà đã bị hãm hiếp vào một căn nhà để cho chính bọn đao phủ kia canh gác và tiếp tục mọi hành động ô nhục như thế đến hơn một tháng.

Người ta thường nói: “Chế độ thực dân là ăn cướp”. Chúng tôi xin thêm: là hiếp dâm và giết người.

*
* * *

Dưới đây đề: “Bạn thực dân kẻ cướp”, Vícto Mérich đã kể lại một hành vi bạo ngược không thể tưởng tượng được của một viên quan cai trị thuộc địa nọ: hắn đổ nhựa cao su vào âm hộ của một phụ nữ da đen. Sau đó, hắn bắt chị ta đội một tảng đá to tướng đứng phơi nắng cho đến chết.

Tên viên chức dâm bạo ấy hiện đang tiếp tục lập công ở một địa phương khác.

Khốn thay, những hành vi bỉ ổi như thế lại không hiếm gì ở cái nơi mà làng báo bồi bút thường gọi là “nước Pháp hải ngoại”.

Tháng 3 năm 1922, một nhân viên nhà đoàn ở Bà Rịa (Nam Kỳ) đã đánh gần chết một phụ nữ An Nam làm phu đội muối, lấy cớ chị đã làm ồn ào dưới hiên nhà hắn làm hắn mất giấc ngủ trưa.

Tuyệt hơn nữa là người phụ nữ ấy còn bị đe doạ đuổi khỏi công trường muối nếu chị kêu kiện.

Tháng 4, một nhân viên nhà đoàn khác đến thay, cũng tỏ ra xứng đáng với tên trước bởi những hành vi tàn ác của hắn.

Một bà cụ An Nam, cũng là phu gánh muối, vì bị khấu lương nên cãi nhau với mụ cai. Mụ cai thua với viên đoàn. Viên này không cần xét hỏi gì cả, tát luôn bà cụ hai cái tát nện thân, và khi bà cụ cúi xuống nhặt nón, thì nhà khai hoá đó lại đá luôn một cái rất ác vào bụng dưới làm cho máu ộc ra lênh láng.

Bà cụ ngã xuống bất tỉnh. Đáng lẽ phải đỡ bà cụ dậy thì người cộng sự của ông Xarô lại đòi Lý trưởng sở tại đến và ra lệnh đem người bị thương đi. Lý trưởng từ chối không làm. Viên đoàn liền cho đòi chồng bà già đến - ông này mù - , ra lệnh đem vợ về.

Các bạn có muốn đánh cuộc rằng cũng như bạn đồng sự của họ là viên quan cai trị nọ ở châu Phi, hai viên chức nhà đoàn Nam Kỳ này đã được hoàn toàn vô sự không? Thậm chí có thể chúng đã được thăng thưởng nữa là khác!

*
* * *

Các em bé Angiê đói. Nhiều em mới lên sáu, lên bảy đã phải đi đánh giầy hay xách giỏ thuê ở chợ để kiếm ăn.

Chính phủ thuộc địa và khai hoá cho rằng các em cùng khổ kia kiếm được quá nhiều tiền nên bắt mỗi em phải có một sổ đăng ký và trả môn bài hằng tháng từ 1 phrăng rưỡi đến 2 phrăng.

Các bạn công nhân chính quốc! Các bạn đang phản đối món thuế vô lý đánh vào tiền lương, các bạn nghĩ thế nào về món thuế bỉ ổi đánh vào các em bé kia?

*

* * *

Trước chiến tranh, ở Mactinich, giá đường là 280 phrăng một tấn, rượu rom 35 phrăng một trăm lít.

Nay giá đường 3.000 phrăng, rượu rom 400 phrăng.

Như thế bọn chủ được lời 1.000%.

Trước chiến tranh, lương công nhân mỗi ngày 3 phrăng, nay từ 3 phrăng 75 đến 4 phrăng.

Như thế tiền lương công nhân tăng chưa đầy 30%.

Giá sinh hoạt thì lại tăng lên ít nhất 300%. Nếu cộng thêm sự giảm sút sức mua của đồng phrăng vào sự chênh lệch ghê gớm nói trên thì các bạn sẽ thấy đời sống của người công nhân bản xứ cung cực đến thế nào.

Tháng 2 năm 1923, vì chủ không chịu tăng lương, công nhân đã bãi công.

Cũng như bắt cứ ở đâu, mà ở thuộc địa lại còn hơn ở nơi khác, bọn chủ không bao giờ ngần ngại làm cho công nhân đổ máu. Cho nên trong cuộc bãi công ấy, hai công nhân trẻ người Mactinich, một anh 18, một anh 19 tuổi, đã bị giết một cách hèn nhát.

Bọn chủ hung ác không từ trẻ con, không từ phụ nữ. Tờ *Le Paria*, số ra tháng 5 năm 1923, đã đăng tin dưới đây:

“Nhà chức trách đối xử rất bất công với nhân dân lao động. Những người không nhận làm việc theo mức tiền công do bọn chủ ấn định đều bị tố giác, bị cảnh binh bắt giữ và khám xét. Ở đâu, bọn cảnh binh cũng tỏ ra đầy ác ý đối với dân nghèo khổ”.

“Chẳng hạn hôm kia, hai cảnh binh đã đến viện cứu tế Torinité bắt một phụ nữ tên là Luybanh, chị này hai đùi bị trúng nhiều vết đạn trong vụ nổ súng ở Rátxinhắc ngày 9 tháng 2.

Người ta đã bỏ tù chị, lấy cớ rằng “chị đã vi phạm quyền tự do lao động bằng bạo hành hoặc bằng lời đe dọa dãm”.

“Nhưng một điều chắc chắn là người phụ nữ đáng thương đó đi không được, thế mà bọn cảnh binh vẫn cứ muốn giải chị đi bộ 32 kilômét đến chỗ ông dự thảm”.

“Lúc chị bị bắt thì đã năm, sáu ngày chị không được thay thuốc ở mãi Pho đơ Phrăngxơ¹⁾, cách đấy 32 kilômét, đến khám”.

“Thế thì ai đã cấp giấy cho chị ra viện, khi mà người mẹ có ba con nhỏ và bị bắt giam kia vẫn bảo rằng mình chưa lành, mình còn thương tích và không đi lại được?”.

“Tôi nêu sự việc này trong số bao nhiêu sự việc đáng căm phẫn thường tái diễn hằn như ở khắp nơi trong thuộc địa”.

“Trong cuộc bãi công, ở một số doanh nghiệp, những người “được tuyển dụng” bị bắt buộc làm việc dưới sự giám sát của cảnh binh và lính thuỷ, y như dưới thời đại nô lệ”.

*

* * *

Chúng tôi đọc trong một tờ báo, thấy như sau:

“Ở Côngxtăngtin²⁾, từng đoàn phụ nữ lũ lượt kéo đi ăn xin. Một người trong đám người cùng khổ đó đã chết bên cầu En Căngtara, tay còn ẵm đứa con nhỏ”.

“Từ Bôgari đến Gienpha³⁾ vô số ông già, trẻ em và phụ nữ bế con bao vây đoàn xe lửa để xin bố thí”.

“Họ chỉ còn là những bộ xương, quần áo rơi tả. Người ta cấm họ lảng vảng đến các ga”.

*

* * *

Thật là một sự mỉa mai đau đớn khi thấy rằng nền văn minh - dưới nhiều hình thức khác nhau như tự do, công lý, v.v., được tượng trưng bằng hình ảnh dịu hiền của một người phụ nữ và được một

1) Fort de Franc: Thủ phủ Mác tinich (B.T).

2) Côngxtăngtin: tên một quận của Angiêri, đồng thời cũng là tên quận lỵ của quận ấy (B.T).

3) Boghari, Djelfa: tên những địa phương ở Angiêri (B.T).

hạng người tự cho là phong nhã ra sức điểm tô - lại đâm xử một cách hết sức bỉ ổi với người phụ nữ bằng xương, bằng thịt và xúc phạm tới phong hoá, trinh tiết và đời sống của họ một cách cực kỳ vô liêm sỉ.

Thói dâm bạo thực dân là hiện tượng phổ biến và tàn ác không thể tưởng tượng được. Ở đây, chúng tôi chỉ nêu ra một vài việc mà những nhân chứng không thiên vị đã trông thấy và kể lại, để các chị em phương Tây hiểu rõ giá trị của cái gọi là “sứ mạng khai hoá” và nỗi đau khổ của chị em mình ở thuộc địa.

Một người ở thuộc địa kể lại rằng: Khi bọn lính kéo đến, tất cả dân chúng đều chạy trốn, chỉ còn lại hai cụ già, một thiếu nữ, một thiếu phụ đang cho đứa con mới đẻ bú và tay dắt một em gái lên tám. Bọn lính đòi tiền, rượu và thuốc phiện. Vì không ai hiểu tiếng Pháp nên chúng nổi giận, lấy báng súng đánh chết một cụ già. Còn cụ già kia thì bị hai tên lính, khi đến đã say mèm, đem thiêu sống trong một đống lửa hàng mấy giờ liền để làm trò vui với nhau. Trong khi đó thì những tên khác thay phiên nhau hiếp cô thiếu nữ, người mẹ và đứa con gái nhỏ của bà. Xong, chúng vật ngửa cô thiếu nữ ra, trói lại, nhét giẻ vào miệng, rồi một tên cầm lưỡi lê đâm vào bụng cô, chặt ngón tay cô để lấy chiếc nhẫn và cắt đầu cô để lột cái vòng cổ.

Trên đám đất bằng phẳng trước kia là ruộng muối, ba cái xác chết nằm đó: một em bé bị lột trần truồng, một thiếu nữ ruột gan lòi ra, cánh tay trái cứng đờ gio nắm tay lên chĩa vào ông trời vô tình, một xác cụ già ghê rợn khủng khiếp, thân thể trần truồng, mặt mũi cháy không nhận ra được nữa, mỡ chảy lênh láng đã đông lại, da bụng phồng lên, láng xầy, vàng óng như da lợn quay.

Buổi tối hôm đánh chiếm Chợ Mới (Bắc Kỳ), một sĩ quan của tiểu đoàn châu Phi còn thấy một người tù khoẻ mạnh, không thương tích. Sáng hôm sau, viên sĩ quan ấy đã thấy anh ta bị thiêu chết, mỡ chảy nhầy nhụa, da bụng phồng lên và vàng ánh. Đó là vì một bọn lính đã suốt đêm thui con người tay không ấy, trong khi bọn khác hành hạ một phụ nữ.

Một tên lính buộc một người phụ nữ An Nam phải hiến thân cho con chó của hắn. Chị không chịu. Hắn liền đâm một nhát lưỡi lê vào bụng chị, chết tươi. Cũng vẫn người ấy kể lại: “Một ngày lê nọ, một tên lính trong cơn vui, tự nhiên vô cớ nhảy bổ vào một bà già người An Nam, lấy lưỡi lê đâm bà một nhát chết ngay.

Một tên lính làm vườn nhìn thấy một toán người, nam có, nữ có, đi vào vườn hắn lúc mười giờ sáng. Đó là những người trồng rau hiền lành, tò mò muốn xem vườn. Nhưng tên lính đã lấy súng săn bắn xả vào họ, làm chết hai thiếu nữ.

Một nhân viên nhà đoan đòi vào nhà một người bản xứ, chủ nhà không chịu, hắn bèn đốt nhà, và đánh gãy chân chị vợ chủ nhà giữa lúc chị này bị khói xông mờ mắt, dắt con chạy ra để khỏi chết cháy”.

Thói dâm bạo vô độ của bọn xâm lược thật không có giới hạn nào cả. Cái tinh vi của một nền văn minh khát máu cho phép chúng tưởng tượng được đến đâu thì chúng cứ thực hiện tính tàn ác lạnh lùng của chúng đến đó.

Thuế má nặng nề không phải chỉ đánh vào ruộng đất, vào súc vật và vào nam giới mà thôi, mà cái ơn mưa móc (!) ấy còn tưới rộng ra cho cả nữ giới nữa.

Nhiều phụ nữ bản xứ khổn khổ, phải mang nặng gông xiềng đi quét đường chỉ vì một tội là không nộp nổi thuế.

Trong tất cả những cố gắng của các nhà khai hoá nhằm làm cho nòi giống An Nam lành mạnh hơn và đưa họ lên con đường tiến bộ (?), phải kể đến việc *cưỡng bức mua rượu ty*. Không sao kể xiết tất cả sự nhũng lạm chung quanh việc bán rượu, một thứ thuốc độc dùng để pha chế thế nào cho người ta nuốt trôi được cái món “dân chủ”.

Trên kia chúng tôi đã nói rõ ràng, để nuôi béo bọn cá mập ở chính quốc, cái Chính phủ đầy tội ác ở Đông Dương đã cho phép bọn tôi tớ của nó bắt đàn bà, trẻ con không uống rượu cũng phải mua rượu. Muốn làm vừa ý bọn độc quyền, người ta đặt ra những luật lệ để阻止 trị việc nấu và buôn rượu lậu; người ta đặt lên đầu người dân bản xứ cả một lô đủ thứ hình phạt; người ta cấp vũ khí cho nhân viên nhà đoan. Bọn này có quyền xông xáo vào nhà cửa, ruộng vườn của tư nhân.

Chúng ta hơi lấy làm ngạc nhiên - mà kể cũng đáng ngạc nhiên thật - khi thấy cảnh binh giải về Hà Nội hay Hải Phòng từng đoàn ông già, phụ nữ có mang, trẻ con, cứ hai người trói chung một dây, để trả lời về tội vi phạm luật lệ thương chính.

“Nhưng thế cũng chưa thấm gì so với những việc xảy ra ở các tỉnh, nhất là ở Trung Kỳ; ở đấy, viên công sứ kết án và bỏ tù hàng loạt, già, trẻ, đàn ông, đàn bà”.

Tác giả đoạn văn trên tả đám thân quyến của họ ở cổng nhà lao như sau: “Ông già, đàn bà, trẻ con, tất cả đám người ấy đều bần thỉu, rách rưới, mặt mũi hốc hác, mắt đỏ ngầu lên vì sốt; trẻ con bị lôi theo vì ngấn chân bước không kịp. Tất cả cái đám người đã kiệt sức ấy mang theo đủ mọi thứ: nón, quần áo rách, cơm nắm, đủ thứ thức ăn, để lén trao cho người bị can là cha, là chồng, là trụ cột của gia đình, và hầu như luôn luôn là chủ gia đình”. Tất cả những điều mà người ta đã có thể nói ra

vẫn còn ở dưới mức sự thật. Chưa có bao giờ, ở một nước nào mà người ta lại vi phạm mọi quyền làm người một cách dã man, độc ác tráng lệ đến thế.

Không phải chỉ có những cuộc khám nhà hàng loạt, liên tục, mà còn có *những cuộc khám xét thân thể người bản xứ bất kể ở chỗ nào, bất kể là nam hay nữ*. Nhân viên nhà đan vào nhà người bản xứ, *bắt đàn bà, con gái cởi hết áo quần trước mặt chúng, và khi họ đã trần truồng như nhộng thì chúng giở trò dâm đãng kỳ quặc đến mức đem cả con dấu nhà đan đóng lên người họ*.

Ôi! Hỡi những người mẹ, những người vợ, những người phụ nữ Pháp, chị em nghĩ gì về tình trạng đó? Và các bạn, những người con, những người chồng, những anh em người Pháp nữa? Có phải đó là phép lịch sự của người Pháp đã bị “thực dân hóa” đi không nhỉ?

Nhiệt tình của người An Nam đối với nền giáo dục hiện đại làm cho Chính phủ bảo hộ lo sợ. Bởi thế, Chính phủ đóng cửa các trường làng, biến trường học thành chuồng ngựa cho các quan nhà binh, đuổi học trò và bỏ tù thầy giáo. Một cô giáo bản xứ đã bị bắt giải về tỉnh lỵ, cổ đeo gông, đầu phơi trần dưới ánh nắng như thiêu đốt.

Một viên chánh quản pháo binh, đã đốt nhà một phụ nữ An Nam, vì người ấy không chịu tiếp hắn vào lúc nửa đêm.

Một viên quan hai có nhiều vợ đã quật ngã một thiếu phụ An Nam và dùng gậy song đánh chị đến chết chỉ vì chị không chịu làm vợ lẽ hắn.

Một sĩ quan khác hiếp một em bé gái bằng những cách dâm bạo vô cùng ghê tởm. Bị truy tố trước toà đại hình, hắn được tráng án, chỉ vì nạn nhân là người An Nam.

Trong tất cả các bài diễn văn, tất cả các bản báo cáo ở khắp những nơi mà các nhà cầm quyền của chúng ta có dịp mở miệng, và có bọn ngốc ngòi nghe, họ luôn luôn khẳng định rằng, chỉ có nước Đức dã man mới là đế quốc, là quân phiệt, còn nước Pháp, cái nước Pháp yêu hoà bình, nhân đạo, cộng hoà và dân chủ, cái nước Pháp mà họ đại diện thì không phải là đế quốc, cũng không phải là quân phiệt. Ô! Hoàn toàn không phải! Nếu chính các nhà cầm quyền ấy đưa binh lính - là con em công nhân hay chính là công nhân - đi giết hại những công nhân ở các nước khác, thì đó chẳng qua là để dạy cho những người này biết sống cho tốt mà thôi!

CHƯƠNG XII
NÔ LỆ THỨC TỈNH

I- Ở ĐÔNG DƯƠNG

Tháng 11 năm 1922, 600 thợ nhuộm ở Chợ Lớn (Nam Kỳ) vì bị bớt lương nên đã quyết định bãi công.

Cuộc phản công của bọn chủ liền diễn ra ở khắp nơi, và khắp nơi giai cấp công nhân cũng bắt đầu giác ngộ về lực lượng và giá trị của mình.

Nếu những công nhân bản xứ khốn khổ kia, thường là rất ngoan ngoãn, dễ sai, dễ bảo, không được giáo dục và tổ chức, đã đi đến chỗ phải tập hợp nhau lại - do bản năng tự vệ, nếu có thể nói như thế - và đấu tranh chống những đòi hỏi tàn bạo của chủ, thì đó là vì tình cảnh của họ quá ư khốn khổ, khốn khổ đến mức mà ở châu Âu người ta không tưởng tượng được. Đây là lần đầu tiên, một phong trào như thế nhóm lên ở thuộc địa. Chúng ta hãy ghi lấy dấu hiệu đó của thời đại và chúng ta đừng quên rằng bốn phận của chúng ta - những người lao động ở chính quốc - không phải chỉ tò tò đoàn kết với những anh em cùng giai cấp ở đây bằng lời nói, mà còn phải giác ngộ họ, giáo dục họ về ý thức tổ chức và về phương pháp tổ chức.

II- Ở ĐAHOMÂY

Lo sợ về giai cấp công nhân ở chính quốc đã thức tỉnh, chủ nghĩa tư bản Pháp tìm cách di chuyển nền thống trị của nó qua các thuộc địa. Tại đó, nó vơ vét nguyên liệu cho các nhà máy và sử dụng những lực lượng phản động và lạc hậu¹⁾ để chống lại cách mạng. Báo chí tư sản ở Pari và các tỉnh thường xuyên dành hàng trang cho mục thuộc địa. Các tướng tá và nghị sĩ tổ chức những cuộc diễn thuyết về thuộc địa. Những cây bút quan liêu và những người nói khoác ấy không tìm đâu ra đủ lời lẽ để ca ngợi công ơn khai hóa “của họ” và lòng trung thành của người bản xứ.

1) Nguyên bản tiếng Pháp là “... et du matériel humain pour sa contre révolution” (sử dụng nhân lực để chống lại cách mạng) (B.T).

Đôi khi các ngài ấy trơ tráo đến mức đem lòng... nhân từ của họ đối lập với sự cướp bóc của thực dân Anh; họ cho chính sách của người Anh là “phương pháp tàn nhẫn” hoặc “thái độ thô bạo” và quả quyết rằng cách làm của người Pháp là đầy công bằng và từ thiện!

Chỉ cần nhìn qua các thuộc địa Pháp một chút cũng đủ thấy công cuộc khai hoang đó là “đẹp đẽ và nhân từ” biết chừng nào!

Ở Dahomay, người ta tăng thêm thuế vốn đã quá nặng đói với người bản xứ. Người ta bắt thanh niên phải bỏ nhà cửa, ruộng nương để đi làm “những người bảo vệ văn minh”. Người ta cấm người bản xứ mua sắm và sử dụng vũ khí để chống thú dữ thường phá hoại sạch sẽ hàng loạt làng xóm. Giáo dục, vệ sinh đều thiếu. Trái lại, người ta không từ một thủ đoạn nào để bắt người Dahomay “được bảo hộ” phải chịu cái chế độ “dân bản xứ” đáng phỉ nhổ, một chế độ đã hạ con người xuống hàng con vật và làm ô nhục cho cái thế giới gọi là văn minh. Dân bản xứ không cam chịu nhục được mãi, phải vùng lên. Thế là đàn áp đẫm máu. Người ta dùng những biện pháp cứng rắn. Người ta điều quân đội, súng liên thanh, súng cối và tàu chiến đến, người ta ra lệnh giới nghiêm. Người ta bắt bớ và bỏ tù hàng loạt. Đấy! Công cuộc khai hoang nhân từ là như thế đấy!

III- Ở XYRI

Dân Xyri lấy làm hài lòng, rất hài lòng về chính sách cai trị của tướng Gurô, các nhà đương cục đều nói như thế. Nhưng các sự việc sau đây đã chứng minh trái ngược lại:

Tháng 3 năm 1922, ông Muyxtapha Kêman đến Métxin. Để đón tiếp ông, người Hồi giáo Xyri dựng một khải hoàn môn có cẩm cờ đen mang các khẩu hiệu: “Thổ và Arập là anh em!”, “Xin chớ quên những người anh em Xyri”, “Hãy giải phóng cho chúng tôi”, v.v..

Việc ông Muyxtapha Kêman đến thăm Ađana đã gây nên những cuộc biểu tình sôi nổi. Trong hai ngày liền, những người trong phong trào phục quốc ở Ăngchiôsơ và Aléchxăngđrét đã giương cờ đen kéo qua các phố và hô lớn những khẩu hiệu chống chế độ ủy trị Pháp.

Đáp lời kêu gọi của phái đoàn phục quốc Xyri, nghe đâu ông Muyxtapha Kêman đã nói: “Một trung tâm văn minh đã tồn tại¹⁾ từ bao thế kỷ như Xyri không thể nằm trong tay người ngoại quốc được”.

1) Nguyên bản tiếng Pháp là “Un foyer qui date...” (một trung tâm đã tồn tại) (B.T).

Chủ nghĩa thực dân Pháp không hề thay đổi cái châm ngôn “chia để trị” của nó. Chính vì thế mà nước An Nam, một nước có chung một dân tộc, chung một dòng máu, chung một phong tục, chung một lịch sử, chung một truyền thống, chung một tiếng nói, đã bị chia năm sẻ bảy. Lợi dụng một cách xảo trá sự chia cắt ấy, người ta hy vọng làm nguội được tình đoàn kết, nghĩa đồng bào trong lòng người An Nam và tạo ra những mối xung khắc giữa anh em ruột thịt với nhau. Sau khi đẩy họ chống lại nhau, người ta lại ghép một cách giả tạo các thành phần ấy lại, lập nên một “Liên bang” gọi là Liên bang Đông Dương.

Trong các thuộc địa mới, người ta cũng lại thấy cái sách lược ấy. Sau khi chia cắt đất nước Xyri thành “một số quốc gia”, Cao uỷ Pháp ở Bâyrút lại lập một “Liên bang Xyri”, gồm các “nước” Alép, Đamát, và Alauit¹⁾. Một lá quốc kỳ đã được bày đặt ra nhằm mục đích đó. Cũng như đối với lá cờ An Nam, người ta không quên vá vào lá cờ liên bang đó một miếng “cờ bảo hộ”, ở góc trên gần cán. Ngày 11 tháng 12 năm 1922 là ngày lễ “long trọng”, lần đầu tiên lá cờ ấy được kéo lên nóc phủ liên bang ở Alép.

Trong dịp ấy, nhiều nhà cầm quyền đã đọc diễn từ. Ông Xubi Baraca Bây, Chủ tịch Liên bang, đã nói nàò là “nước bảo hộ rộng lượng”, nàò là “người hướng đạo chân thành”, nàò là “những vị tướng lính chiến thắng”, và hàng tràng những điều khác nữa. Ông Rôbe đơ Ke, quyền Cao uỷ, cũng đọc đítcua rất dài. Ngoài những điều khác ra, vị quan cao cấp ấy đã nhắc lại rằng, “nước Xyri độc lập không phải là dân tộc đầu tiên được nước Pháp săn sóc từ trong nôi”, v.v.. Nhưng, tất cả những lời lẽ huênh hoang rỗng tuếch ấy chẳng đánh lừa được ai. Phái đoàn Xyri - Palestin lãnh nhiệm vụ đấu tranh cho độc lập và thống nhất - chân chính - của nước Xyri ở Hội nghị Lôdannø đã gửi một bức thư phản kháng. Bức thư này đã được đăng trên tờ La Tribune d’Orient, và chúng tôi rất sung sướng được sao lại dưới đây:

“Thưa ngài,

Giữa lúc người ta đương cố hàn gắn những lỗ hổng mà Hiệp ước Xevorø đã khoét ra trong vấn đề Cận Đông và giữa lúc dân tộc Arập đang phải chịu đựng, so với mức hy sinh tự nguyện của mình, những điều tai hại trực tiếp nhất do hiệp ước đó gây ra, thì ở hội nghị của các ngài, hội nghị tổ chức ra với mục đích thiết lập một nền hòa bình vững chắc và lâu dài, tiếng nói của các đại biểu dân tộc Arập ở các khu vực khác nhau vẫn chưa được lắng nghe”.

“Thế mà chính lúc này lại là lúc các nhà cầm quyền Pháp chọn để khánh thành một cách long trọng công cuộc thực dân hoá mà họ đã tiến hành từ bốn năm nay bằng cách gắn cái tượng trưng cho

1) Alep, Damas, Alaouites: Alep là một thành phố của Xyri; Damas là Thủ đô của Xyri; Alaouites là lãnh thổ của Xyri bị thực dân Pháp cắt ra thành một khu vực tự trị từ năm 1924 đến năm 1930 (B.T).

chế độ nô lệ vĩnh viễn là những miếng cờ tam tài lén lá cờ mà người ta vừa mới gán cho cái gọi là “Liên bang Xyri”. Thế là một lần nữa, người ta lại phủ nhận những lời tuyên bố của Đồng minh, những điều mà nước Anh đã nhân danh Đồng minh cam kết với các dân tộc Arập, và ngay cả những lời của các chính khách Pháp hứa bảo đảm nền độc lập cho xứ Xyri bất hạnh. Nước Xyri hiển nhiên có đủ tư cách để được độc lập nhanh chóng, hoàn toàn, và xứng đáng với nền độc lập ấy không kém bất cứ một nước nào khác ở phương Đông hay ở phương Tây. Thế mà Xyri lại không được phép có một quốc kỳ riêng của mình. Người ta đã buộc Xyri phải đính vào quốc kỳ của mình cái mảnh tam tài làm dấu hiệu cho chế độ ủy trị, là một sự thôn tính trá hình.

“Thưa ông Chủ tịch, từ trước tới nay chúng tôi luôn luôn phản đối chế độ ủy trị, không bao giờ chúng tôi công nhận chế độ ấy cả, ngày nay chúng tôi lại cực lực phản đối việc gắn cái dấu hiệu tượng trưng của chế độ ấy vào lá cờ của chúng tôi”.

“Hầu hết các cường quốc, kể cả những nước lớn mạnh không kém gì nước Pháp, đều không bao giờ dùng phương pháp làm nhục ấy đối với những thuộc địa lạc hậu nhất của họ”.

“Hiến chương Hội Quốc liên quy định rõ tính chất tạm thời của chế độ ủy trị (điều 22, đoạn 4). Vậy thì nhà chức trách Pháp dựa trên cơ sở nào để gán ghép màu cờ của họ cho một nước mà họ đòi dùi dắt đến độc lập, một nền độc lập đã được Hiến chương Hội quốc liên công nhận?”.

“Thưa ngài, chúng tôi trân trọng yêu cầu ngài xét lời phản kháng của chúng tôi về vấn đề ấy, và một lần nữa, chúng tôi nhắc lại nguyện vọng tha thiết nhất của chúng tôi là những yêu sách chính đáng của chúng tôi sẽ được bênh vực tại hội nghị.

Kính mong, v.v..”.

“Thay mặt trưởng đoàn đại biểu
Xyri - Palestin
Tổng thư ký
EMIA SEKIP ACXLAN”

Ngoài ra, những người ở Hama, phần nhiều là công chức, luật sư, giáo sư, nhà báo, nhà buôn, đã gửi cho Thủ tướng Pháp một bức thư mà sau đây là những đoạn chính:

“Thưa ngài Thủ tướng, chúng tôi được hân hạnh trình bày với ngài các yêu sách của chúng tôi, đồng thời chúng tôi phản đối sự phản ứng của cái hội đồng đó, sự phản ứng mà chúng tôi cho là đã đi ngược lại lợi ích của chúng tôi và lợi ích của cả nước Xyri nói chung.

1. Cái Hội đồng Liên bang ấy không phải là do quốc dân bầu ra. Vì thế, các ủy viên của Hội đồng đó hoàn toàn không có tư cách là đại biểu của quốc dân, cũng không thể phản ánh ý chí của quốc dân.

2. Hội đồng ấy không có quyền hành gì cả; nó bị bắt buộc chỉ được thảo luận những vấn đề nào mà người ta muốn đưa ra trước nó, nên ngay cả những vấn đề sống còn của đất nước, nó cũng không thể đề cập đến được. Sau hết, các nghị quyết của Hội đồng lại hoàn toàn phụ thuộc vào quyền hành của Cao ủy, Cao ủy có thể tùy tiện thi hành hay bác bỏ.

3. Chính ngay cơ sở của Hội đồng ấy cũng không vững, bởi vì mỗi bang chỉ có một đại biểu, mặc dầu dân số các bang không bằng nhau. Lại còn điều kỳ quặc phi lý nữa là Hội đồng không theo nguyên tắc đa số, có một ý kiến bất đồng là cuộc biểu quyết coi như không có giá trị và vấn đề phải đưa lên Cao ủy quyết định.

4. Người ta giới thiệu Hội đồng này như là một bước tiến trên con đường đi đến thống nhất, thật ra nó là sự phủ nhận thống nhất, phủ nhận ngay đến cả tư cách của đất nước nữa, vì đã là một Hội đồng chỉ định ra thì nó hoàn toàn không phản ánh được ý chí của quốc dân; thậm chí nó còn có thể đi ngược lại ý chí đó, trong khi trước con mắt của toàn thế giới, nó lại có thể được coi như là cơ quan để đạt nguyện vọng của nhân dân Xyri, và do đó sẽ cung cấp cho người ta những lý do để khước từ những yêu sách chính đáng của quốc dân chúng tôi”.

.....

“Còn về nguyện vọng của chúng tôi, thì có thể nêu lên như sau:

a) Công nhận nền độc lập thật sự và sự thống nhất của Xyri.
b) Sau khi làm xong cuộc điều tra dân số đang tiến hành thì sẽ tổ chức phổ thông đầu phiếu để bầu ra Quốc hội. Quốc hội sẽ ban hành hiến pháp và quyết định chính thể. Quốc hội có thể được triệu tập vào cuối năm 1922, tức là lúc Hội đồng Liên bang sẽ được triệu tập.

c) Thành lập một Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội, và Quốc hội, trong những quyền hạn của nó, phải có toàn quyền lập pháp”.

“Đó mới là những nguyện vọng thật sự của nhân dân Hama, mà cũng là nguyện vọng của tuyệt đại đa số nhân dân Xyri”.

*

* * *

Từ khi tập sách nhỏ này viết xong, thì nhiều biến cố nghiêm trọng đã xảy ra ở nhiều thuộc địa. Đó là quả bom ở Quảng Châu do một người An Nam ném, là những quả bom ở Ăngtiơ, những vụ bã

công đẫm máu ở Guyadelup, những cuộc biểu tình không kém đẫm máu ở Đamát, những vụ bắn công ở Bidécto¹⁾, ở Hammänglip²⁾ và tình hình sôi sục ở Tuynidi.

IV- CÁCH MẠNG NGA VỚI CÁC DÂN TỘC THUỘC ĐỊA

1
9
2
5

Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra.

Cách mạng Nga hiểu rất rõ điều đó. Cho nên nó không dừng lại ở việc đọc những bài diễn văn lý tưởng đẹp đẽ và thông qua những kiến nghị nhân đạo để ủng hộ các dân tộc bị áp bức, mà cách mạng Nga dạy cho họ đấu tranh. Cách mạng Nga giúp đỡ họ về tinh thần và vật chất như Lenin đã viết trong luận cương của Người về vấn đề thuộc địa. Cách mạng Nga đã triệu tập họ đến Đại hội Bacu: hai mươi mốt dân tộc phương Đông đã phái đại biểu tới dự. Những đại biểu của các đảng công nhân phương Tây cũng tham gia Đại hội. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử, giai cấp vô sản ở các nước xâm lược và giai cấp vô sản ở các nước bị xâm lược đã nắm tay nhau trong tình anh em và cùng nhau tìm cách đấu tranh cho có hiệu quả chống chủ nghĩa tư bản là kẻ thù chung của họ.

Sau cuộc Đại hội lịch sử ấy, mặc dù đang phải đương đầu với những khó khăn dồn dập trong nước và ngoài nước, nước Nga cách mạng vẫn không hề một phút do dự trong việc giúp đỡ các dân tộc ấy, những dân tộc mà nó đã thức tỉnh bằng tấm gương cách mạng anh dũng và thắng lợi của nó. Việc làm đầu tiên của nó là thành lập Trường đại học Phương Đông.

Hiện nay, Trường đại học Phương Đông có 1.025 sinh viên mà 151 là nữ sinh. Trong số sinh viên đó, có 895 người là đảng viên cộng sản. Thành phần xã hội của sinh viên như sau: 547 nông dân, 265 công nhân, 210 trí thức. Ngoài ra còn có 75 học sinh thiếu niên từ 10 đến 16 tuổi.

Có 150 giáo sư phụ trách giảng dạy về khoa học xã hội, về toán học, về chủ nghĩa duy vật lịch sử, về lịch sử phong trào công nhân, về khoa học tự nhiên, về lịch sử các cuộc cách mạng, về khoa

1) Bizert: Quân cảng của nước Tuynidi (B.T).

2) Hammanlif: Một thành phố của nước Angieri (B.T).

kinh tế - chính trị, v.v., v.v.. Trong lớp học, thanh niên của sáu mươi hai dân tộc sát cánh nhau như anh em ruột thịt.

Trường có 10 ngôi nhà lớn dành cho sinh viên. Lại có một rạp chiếu bóng, thư viện và chủ nhật chiếu cho sinh viên xem không lấy tiền, các ngày khác thì cho một người thuê. Có hai thư viện với 47.000 quyển sách giúp cho các nhà cách mạng trẻ tuổi bồi dưỡng tư tưởng và đi sâu vào việc nghiên cứu. Mỗi dân tộc hoặc “nhóm” lại có một tủ sách riêng gồm sách báo bằng tiếng mẹ đẻ của mình. Phòng đọc sách được sinh viên trang trí rất có mỹ thuật, và có đầy đủ các báo hằng ngày và tạp chí.

Sinh viên tự mình cũng ra một tờ báo có “một bản duy nhất” dán vào một cái bảng to đặt trước cửa phòng đọc sách. Những người đau ốm được điều trị trong bệnh viện của nhà trường. Một trại điều dưỡng ở Crimê được dành riêng cho những sinh viên mới ốm dậy. Chính phủ Xô viết tặng nhà trường hai trại nghỉ gồm có chín ngôi nhà. Mỗi trại có một nhà chăn nuôi để nghiên cứu việc chăn nuôi. Đồng chí Bí thư nông nghiệp của trường không giấu nổi niềm tự hào khi nói với tôi: “Chúng tôi đã có 30 con bò cái và 50 con lợn”. Trại còn có 100 hécta đất để cho sinh viên trồng trọt. Trong các kỳ nghỉ, sau giờ làm việc và tập luyện, sinh viên đi giúp đỡ nông dân.

Nhân đây cũng nói thêm rằng, một trong hai trại nghỉ ấy trước kia là tài sản của một đại công tước Nga¹⁾. Thật là ngộ nghĩnh khi trông thấy lá cờ đỏ kiêu hãnh phất trên đỉnh ngọn tháp được trang điểm bằng chiếc mũ miện đại công tước và thấy những người nông dân trẻ tuổi Triều Tiên hay Ácmêni chuyện trò và vui đùa không chút kiêng nể trong phòng lễ của “hoàng tử điện hạ”.

Sinh viên ăn, mặc, ở đều không mất tiền. Mỗi tháng, mỗi người còn được lĩnh năm rúp vàng để tiêu vặt.

Để sinh viên có những kiến thức cơ bản về khoa nuôi trẻ, nhà trường nhận đỡ đầu một nhà nuôi trẻ và một nhà gửi trẻ kiểu mẫu gồm 60 em nhỏ xinh xắn.

Mỗi năm Trường đại học Phương Đông chi tiêu đến 516.000 rúp vàng.

Các đại biểu của 62 dân tộc trong Trường đại học lập thành một “công xã”. Chủ tịch và các cán sự của công xã đều do đầu phiếu phổ thông bầu ra, ba tháng một lần. Một đại biểu sinh viên tham gia việc quản lý kinh tế và hành chính. Tất cả các sinh viên đều lần lượt thay phiên nhau làm bếp, làm công tác thư viện, câu lạc bộ, v.v.. Tất cả những vụ tranh chấp và “phạm pháp” đều do một tòa án được bầu ra xét xử trước mặt toàn thể các đồng chí. Mỗi tuần, công xã họp một lần để thảo luận tình hình

1) Tước của Thái tử thời Nga hoàng (B.T).

chính trị và kinh tế thế giới. Thỉnh thoảng lại tổ chức những cuộc mít tinh và những buổi tối giải trí, trong đó có những nghệ sĩ tài tử đột xuất làm cho anh em được thưởng thức nghệ thuật và văn học muôn màu muôn vẻ của những đất nước xa xôi.

Một điểm đặc biệt làm nổi bật sự “dã man” của những người bônsêvích là không những họ coi những người dân thuộc địa “thấp kém” ấy như anh em, mà còn mời họ tham gia đời sống chính trị của nước Nga nữa. Những sinh viên khi ở quê hương mình chỉ là những “dân thuộc địa”, “dân bị bảo hộ”, nghĩa là những người không có quyền gì khác ngoài quyền nộp thuế, những người không được góp ý kiến vào công việc của nước mình, không được phép bàn bạc chính trị, thì nay được tham gia tổng tuyển cử của nhân dân để bầu những đại biểu của mình vào các Xôviết. Mong rằng những anh em của tôi ở các thuộc địa đang hoài công tốn của cầu cạnh xin xỏ thay đổi quốc tịch mãi mà không được, hãy thử so sánh nền dân chủ tư sản với nền dân chủ vô sản xem!¹⁾.

Tất cả những sinh viên ấy đều đã từng chịu đau khổ và trông thấy cảnh đau khổ. Tất cả đều đã sống dưới “nền văn minh cao đẳng” và dưới sự áp bức bóc lột của chủ nghĩa tư bản nước ngoài. Cho nên, tất cả đều phẫn khởi và thiết tha học hỏi. Họ rất hăng hái và nghiêm túc. Họ hoàn toàn không có vẻ công tử ăn chơi nhàn nhã²⁾ như những thanh niên phương Đông du học ở Pari, Ôxpho, hoặc Béclin. Người ta có thể nói không ngoa rằng Trường đại học Phương Đông ấp ú dưới mái của mình tương lai của các dân tộc thuộc địa.

Miền Cận Đông và Viễn Đông, kể từ Xyri đến Triều Tiên - chỉ tính những nước thuộc địa và nửa thuộc địa thôi - có một diện tích rộng hơn 15 triệu kilômét vuông, với số dân hơn 1.200 triệu người. Tất cả những nước rộng lớn ấy hiện đang ở dưới ách của chủ nghĩa đế quốc tư bản. Và mặc dầu dân số của họ đáng lẽ phải làm cho họ có sức mạnh, các dân tộc bị áp bức đó vẫn chưa bao giờ ra sức tìm tới thật đến nơi đến chốn con đường tự giải phóng, cho nên họ chưa hiểu được giá trị của sự đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Họ chưa có những mối liên hệ giữa các lục địa như các dân tộc châu Âu và châu Mỹ. Họ có sẵn trong bản thân một sức mạnh vô cùng to lớn mà họ chưa biết! Việc thành lập Trường đại học Phương Đông đánh dấu một kỷ nguyên mới; trong khi tập hợp những người trẻ trung, hoạt bát, thông minh của các nước thuộc địa lại, nhà trường đang tiến hành một sự nghiệp vĩ đại là:

1) Nguyên bản tiếng Pháp là “... la démocratie bourgeoise et la démocratie ouvrière!” (nền dân chủ tư sản và nền dân chủ của công nhân) (B.T).

2) Nguyên bản tiếng Pháp: “Ils n'ont pas du tout l'air boulevardier et quartier latiniste”. Có nghĩa là: họ không có vẻ hạng người rong chơi trên các đại lộ hoặc khu phố Latinh (B.T).

a) Giáo dục cho các chiến sĩ tương lai ấy nấm được nguyên lý đấu tranh giai cấp là nguyên lý mà một mặt, những cuộc đấu tranh chủng tộc, mặt khác, những tập tục gia trưởng đã làm cho mơ hồ, lẩn lộn trong đầu óc họ.

b) Làm cho đội tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này; chỉ có sự hợp tác này mới bảo đảm cho giai cấp công nhân quốc tế giành được thắng lợi cuối cùng.

c) Làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một Liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản.

d) Nêu lên cho giai cấp vô sản ở những nước mà giai cấp tư sản có thuộc địa, một tấm gương về những điều họ có thể làm và phải làm cho những người anh em của họ đang bị nô dịch.

V- HỒI ANH EM VÔ SẢN VÀ NÔNG DÂN CÁC THUỘC ĐỊA!

Cuộc chém giết đẫm máu thế giới đã mở mắt cho hàng triệu vô sản và nông dân các thuộc địa thấy rõ hoàn cảnh sinh sống không sao chịu nổi của mình. Một loạt những cuộc bùng nổ cách mạng mãnh liệt, nhưng chưa được tổ chức, đã đánh dấu sự kết thúc của cuộc chiến tranh thế giới. Lực lượng tự phát không gì ngăn nổi và khát khao chiến đấu cho một tương lai tốt đẹp hơn ấy, là do giai cấp tư sản dân tộc bản xứ tổ chức và lãnh đạo. Lớn mạnh lên trong thời kỳ chiến tranh, giai cấp tư sản dân tộc đó không muốn nằm mãi trong nanh vuốt của chủ nghĩa đế quốc và để cho chúng nấm phân to lớn nhất trong việc bóc lột “công nhân và nông dân của mình” nữa. Khẩu hiệu đấu tranh giải phóng dân tộc của giai cấp tư sản trẻ tuổi ở thuộc địa đề ra, được quần chúng lao động ở Ấn Độ, Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ, v.v. hoan nghênh nhiệt liệt và ủng hộ mạnh mẽ.

Quốc tế Cộng sản đấu tranh không ngừng chống bọn cá mập tư sản ở tất cả các nước trên thế giới. Có thể nào nó lại giả vờ quay lưng lại với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa được không?

Không! Quốc tế Cộng sản đã công khai tuyên bố ủng hộ và giúp đỡ cuộc đấu tranh ấy, và trung thành với mục tiêu của mình, Quốc tế Cộng sản vẫn tiếp tục ủng hộ cuộc đấu tranh ấy.

(Trích Tuyên ngôn của
Ban Chấp hành Quốc tế thứ ba)

VI- MỘT BẢN HIỆU TRIỆU CỦA QUỐC TẾ NÔNG DÂN GỬI NÔNG DÂN LAO ĐỘNG CÁC THUỘC ĐỊA

Quốc tế Nông dân mới đây họp Đại hội lần đầu tiên ở Mátxcơva đã ra lời kêu gọi dưới đây để tỏ rõ sự quan tâm của mình đối với nông dân lao động các thuộc địa:

Hỡi anh chị em nông dân lao động các thuộc địa!

Hỡi anh chị em nông dân thuộc địa, anh chị em là những người nô lệ hiện đại: hàng triệu anh chị em ở ngoài đồng ruộng, trên thảo nguyên và trong núi rừng của hai lục địa, đang rên xiết dưới hai tầng áp bức của chủ nghĩa tư bản nước ngoài và bọn chủ bản xứ.

Họp lần đầu tiên ở Mátxcơva để thành lập một tổ chức đấu tranh mà cho đến nay nông dân chưa có, Đại hội Quốc tế Nông dân kêu gọi ý thức giai cấp của anh chị em và yêu cầu anh chị em hãy gia nhập hàng ngũ tổ chức đó.

Anh chị em còn khốn khổ hơn các bạn nông dân ở chính quốc, vì ngày công quá dài, vì đói khổ, vì ngày mai bấp bênh.

Anh chị em thường bị cưỡng bách lao động như khổ sai, bị bắt đi khuân vác đến chết người và đi lao dịch không thời hạn.

Anh chị em bị đè bẹp dưới thuế khoá.

Chủ nghĩa tư bản bóc lột dìm anh chị em trong cảnh tối tăm ngu dốt, áp bức anh chị em về mặt tư tưởng và tiêu diệt nòi giống của anh chị em bằng rượu và thuốc phiện.

Chế độ bản xứ bỉ ổi do bọn đế quốc tư bản đặt ra, tước mất của anh chị em mọi quyền tự do cá nhân, mọi quyền lợi chính trị và xã hội, do đó, đã hạ anh chị em xuống thân phận trâu ngựa.

Đẩy anh chị em vào cảnh cùng khổ và phá sản như vậy chưa đủ, chủ nghĩa tư bản còn bắt anh chị em lìa bỏ gia đình, đồng ruộng, đưa anh chị em ra làm bia đỡ đạn, ném anh chị em vào những cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn đánh lại nhân dân bản xứ khác hoặc chống lại nông dân, công nhân ở chính quốc.

Hỡi anh chị em cùng khổ ở các thuộc địa!

Hãy đoàn kết lại!

Hãy tổ chức lại!

Hãy phối hợp hành động của anh chị em với hành động của chúng tôi, chúng ta cùng nhau đấu tranh cho công cuộc giải phóng chung!

Công cuộc giải phóng nhân dân thuộc địa thành công muôn năm!

Quốc tế lao động muôn năm!

Quốc tế Nông dân muôn năm!

VII- TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN Ở THUỘC ĐỊA

Trích biên bản phiên họp ngày 27 tháng 6 năm 1923, kỳ họp thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Quốc tế Công hội đỏ.

Đấu tranh công đoàn ở thuộc địa

Chủ nghĩa đế quốc hiện đại đặt nền móng trên sự bóc lột hàng triệu người lao động ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Bởi thế, nó chỉ tan rã hoàn toàn và vĩnh viễn khi nào chúng ta phá bỏ được nền móng đó của lâu dài đế quốc chủ nghĩa. Theo quan điểm đó, việc tổ chức công đoàn ở các nước thuộc địa có một tầm quan trọng đặc biệt. Thế mà đoàn viên của Quốc tế Công hội đỏ hầu như chưa hề làm được gì ở Ai Cập, ở Tuynidi và ở tất cả các nước đương nằm dưới gót sắt của chủ nghĩa đế quốc Pháp. Mỗi liên hệ hiện có giữa các nhóm công nhân ở các thuộc địa Pháp và các công đoàn Pháp chỉ là do ngẫu nhiên. Không có một hoạt động có hệ thống nào cả, mà rõ ràng là nếu chưa tranh thủ được quần chúng ở thuộc địa thì chúng ta không đủ sức phá hủy bộ máy đế quốc chủ nghĩa. Việc cần thiết hiện nay là phải phát động một cuộc tuyên truyền rộng lớn để thành lập các tổ chức công đoàn ở các nước thuộc địa và phát triển các công đoàn hiện có dưới hình thức phôi thai. Ngoài ra, chúng ta cần phải tỏ rõ tình hữu ái giai cấp thực sự giữa những người lao động thuộc mọi dân tộc, mọi chủng tộc để khắc phục sự nghi kỵ của những người lao động thuộc địa đối với những đại diện của những chủng tộc thống trị. Mỗi liên hệ hữu cơ giữa công đoàn thuộc địa và công đoàn chính quốc chỉ có thể là kết quả của một quá trình công tác rất lâu dài trong các thuộc địa.

Không được quên những người lao động thuộc địa, phải giúp đỡ các tổ chức của họ, đấu tranh bền bỉ chống những chính phủ của chính quốc đang áp bức các thuộc địa, đó là một trong những nhiệm vụ cấp thiết nhất của tất cả các công đoàn cách mạng, nhất là ở các nước có giai cấp tư sản đi nô dịch và bóc lột các nước thuộc địa và nửa thuộc địa.

*

* * *

TUYÊN NGÔN CỦA “HỘI LIÊN HIỆP THUỘC ĐỊA”,
TỔ CHỨC CỦA NHỮNG NGƯỜI DÂN BẢN XỨ
Ở TẤT CẢ CÁC THUỘC ĐỊA

“Hỡi anh em ở các thuộc địa! Năm 1914, vì phải đương đầu với một tai họa ghê gớm, những người cầm quyền nhà nước đã quay về phía anh em và yêu cầu anh em đồng tình góp phần hy sinh của mình để cứu vãn một tổ quốc mà người ta nói là của anh em, nhưng thật ra cho đến khi đó, anh em chỉ biết có cái đầu óc thống trị của nó mà thôi”.

“Để làm cho anh em không ngần ngại, họ không quên làm loé lên trước mắt anh em những quyền lợi mà sự hợp tác với họ sẽ đưa lại cho anh em. Nhưng qua cơn bão táp rồi, thì đâu lại hoàn đó, anh em vẫn phải sống trong chế độ bản xứ, với những toà án đặc biệt, thiếu hẳn các quyền lợi gắn liền với phẩm giá con người như quyền tự do lập hội, tự do hội họp, tự do báo chí, tự do đi lại ngay cả trên đất nước của anh em. Đó là về mặt chính trị”.

“Về mặt kinh tế, anh em vẫn phải chịu nạn sưu dịch nặng nề mà nhân dân oán ghét, vẫn phải đóng thuế muối, vẫn bị đầu độc và cưỡng bách tiêu thụ rượu và thuốc phiện như ở Đông Dương, vẫn bị đi gác đêm để canh giữ tài sản cho bọn cá mập thực dân, như ở Angieri”.

“Lao động như nhau, nhưng công sức của anh em lại bị trả tiền ít hơn các bạn người Âu của anh em”.

“Cuối cùng, người ta hứa hẹn với anh em đủ mọi thứ trên trời dưới biển, nhưng giờ đây anh em thấy toàn là những lời lừa dối cả”.

“Anh em phải làm thế nào để được giải phóng?”.

“Vận dụng công thức của Các Mác¹⁾, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”.

“Hội Liên hiệp thuộc địa thành lập chính là để giúp đỡ anh em trong công cuộc ấy”.

“Với sự giúp đỡ của các đồng chí ở chính quốc đồng tình với sự nghiệp của chúng ta, Hội tập hợp tất cả những người quê ở thuộc địa hiện sống trên đất Pháp”.

1) Nguyên bản tiếng Pháp: “Formule de Karl Marx”. Công thức này Mác nêu trong Điều lệ của Hội Liên hiệp lao động quốc tế: “Sự giải phóng của giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân” (B.T).

“Biện pháp hoạt động: Để thực hiện sự nghiệp chính nghĩa ấy, Hội quyết định đưa vấn đề ra trước dư luận bằng báo chí và ngôn luận (tổ chức nói chuyện, mít tinh, thông qua các bạn dân biểu mà đặt vấn đề ra trên diễn đàn các nghị viện) và bằng tất cả mọi biện pháp mà chúng ta có thể làm”.

“Hỡi các bạn bị áp bức ở chính quốc! Giai cấp tư sản trong nước các bạn đã lừa dối các bạn, dùng các bạn làm công cụ đi xâm lược đất nước chúng tôi. Ngày nay, vẫn dùng cái chính sách quỷ quyết ấy giai cấp tư sản nước các bạn lại định dùng chúng tôi để đàn áp mọi cố gắng tự giải phóng của các bạn”.

“Đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta là thống nhất, các bạn hãy nhớ lời kêu gọi của Các Mác:

“Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!””.

“*Hội Liên hiệp thuộc địa*”

1
9
2
5

PHỤ LỤC
GỬI THANH NIÊN AN NAM

Ông Đume, nguyên Toàn quyền Đông Dương đã viết: “Khi nước Pháp đến Đông Dương, thì dân tộc An Nam đã chín muồi để làm nô lệ”. Từ đó đến nay hơn một nửa thế kỷ đã trôi qua. Nhiều biến cố phi thường đã làm đảo lộn thế giới. Nhật Bản đã đứng vào hàng đầu các cường quốc trên thế giới. Trung Hoa đã làm cách mạng. Nga đã tổng cổ lũ bạo chúa đi để trở thành một nước cộng hoà vô sản. Một luồng gió giải phóng mạnh mẽ đã làm cho các dân tộc bị áp bức vùng lên. Người Aixolen, Ai Cập, Triều Tiên, Ấn Độ, tất cả những người chiến bại hôm qua và nô lệ hôm nay đó, đương đấu tranh dũng cảm cho nền độc lập ngày mai của họ. Riêng người An Nam, thì vẫn cứ thế: săn sàng làm nô lệ.

Hãy nghe đoạn văn khốn nạn này của một tên khách An Nam trong một bữa tiệc hai trăm người ăn, tổ chức ra để chiêu đãi bọn Utorây, Valuyđơ và bè lũ và để được ngửi mùi bít tất thối của bọn “liên minh dân tộc” này. Anh chàng An Nam ấy đã không ngại bỏ ra 85 quan cho một bữa chè chén. Hắn đọc diễn văn tại bữa tiệc:

“Tôi lấy làm tự hào được thay mặt cho toàn thể cử tọa nói lên tấm lòng kính sâu sắc, niềm vui mừng và lòng biết ơn của chúng tôi đối với các vị. Đối với con mắt khâm phục của chúng tôi, các vị thật là những người tiêu biểu cho Chính phủ của dân tộc Pháp vinh quang”.

1
9
2
5

“Tôi không tìm ra được danh từ nào đủ đẹp để nói lên cho thật đúng ý nghĩa của tư tưởng sâu kín trong chúng tôi, nhưng thưa các vị, các vị hãy tin ở tình gắn bó thủy chung, ở lòng trung thành, ở sự sùng bái của chúng tôi đối với nước Đại Pháp, là người đỡ đầu và bảo hộ, đã coi chúng tôi như con, không phân biệt màu da và chủng tộc”.

“Mỗi người chúng tôi đều đã tự mình nhận thấy tất cả những ân huệ mà Nhà nước chí tôn và những vị đại diện cho nước Đại Pháp đã ban cho chúng tôi bằng cách áp dụng đúng đắn và sáng suốt những luật pháp rộng rãi và khoan hồng”.

Trong đám tang viên Toàn quyền Lông, ông N.K.V, tiến sĩ luật, tiến sĩ khoa chính trị và kinh tế, làm việc tại toà biện lý Sài Gòn, đã quả quyết rằng, nếu có thể phát biểu thay toàn thể nhân dân Đông Dương, thì ông sẽ đau đớn nói lên lời cảm tạ thiết tha đối với quan Toàn quyền về tất cả những gì mà Ngài đã làm cho dân tộc An Nam. Rồi ông V. kêu to lên rằng:

“Những người mà nhờ những biện pháp bao dung của Ngài, ngày nay đang được cùng các vị đại diện của Nhà nước bảo hộ góp phần vào sự phồn vinh không ngừng tăng lên của xứ Đông Dương, những người ấy cảm tạ Ngài tự đáy lòng và sùng bái hình ảnh của Ngài. Kinh tế là vấn đề mà Ngài lo nghĩ đến nhiều nhất. Ngài đã muốn cho Đông Dương có đủ trang bị kinh tế để trở thành một nước Pháp thứ hai, một nước Pháp hùng cường ở Viễn Đông, một chi nhánh của nước Pháp Cộng hoà!”.

“Ngài đã đem hết tâm hồn, trí não vào sứ mệnh của Ngài là khai hoá cho một dân tộc bị ngăn cản trên con đường tiến bộ vì nhiều điều kiện lịch sử và khí hậu. Ngài là người chiến sĩ vô song của tiến bộ và là sứ giả của văn minh...”.

Còn ông Cao Văn Sen, kỹ sư, Hội trưởng Hội những người Đông Dương tại Pháp, thì nói rằng việc ông Lông chết quá sớm là một cái tang cho Đông Dương. Rồi ông kết thúc bài điếu văn bằng những lời sau đây:

“Thưa quan Toàn quyền, chúng tôi chân thành thương tiếc Ngài vì đối với tất cả chúng tôi, Ngài là một ông chủ bao dung, khoan thứ như một người cha”.

Từ những việc trên, tôi xin kết luận rằng, nếu quả thật tất cả mọi người An Nam đều rập mìn sát đất như bè lũ tay sai ấy của chính quyền thì người An Nam có phải chịu số kiếp nô lệ cũng là đáng đời.

*

* * *

Thanh niên ta cũng cần biết là hiện nay có hơn hai nghìn thanh niên Trung Quốc trên đất Pháp và độ năm vạn ở châu Âu và châu Mỹ. Hầu hết những thanh niên ấy đều đã tốt nghiệp Hán văn và tất cả đang là sinh viên - công nhân. Còn chúng ta, thì chúng ta có những sinh viên được học bổng và những sinh viên thường, nhờ ơn Nhà nước hay tiền của cha mẹ (hại thay, hai cái nguồn ấy lại không bao giờ cạn cả), mà đang dành một nửa thì giờ vào các việc... chơi bi a, một nửa của nửa thì giờ còn lại để đến các chốn ăn chơi; số thì giờ còn lại, mà ít khi còn lăm, thì để vào trường đại học hoặc trường trung học. Nhưng sinh viên - công nhân Trung Quốc thì lại không có mục đích nào khác hơn là nhằm *thực sự* chấn hưng nền kinh tế nước nhà và họ theo châm ngôn: “Sinh sống bằng lao động của bản thân và vừa học hỏi vừa lao động”.

Họ đã làm như thế này: vừa đặt chân lên đất nước người là tất cả những người có năng khiếu giống nhau và cùng muốn học một nghề thì tập hợp lại thành nhóm để vận động xin việc với bọn chủ. Khi được nhận vào xưởng thợ hay nhà máy, thì cố nhiên là họ bắt đầu bằng cách học việc, rồi sau trở thành thợ. Đối với nhiều người đã được nuôi dưỡng trong cảnh giàu sang và được gia đình chiều chuộng, thì làm những việc nặng nhọc là một điều gian khổ. Nếu họ không có một quyết tâm vững chắc, không được một sức mạnh tinh thần phi thường thúc đẩy thì phần lớn đã phải chùn bước. Nhưng cho tới nay, tất cả vẫn tiếp tục làm việc. Một trở lực thứ hai là ngôn ngữ bất đồng, họ đã khắc phục được trở lực ấy nhờ biết lợi dụng khiếu quan sát, cái khiếu gần như là một bản năng đặc biệt của những người Viễn Đông chúng ta. Nếu họ không hiểu được hay hiểu một cách khó khăn những lời chủ họ nói, thì họ chăm chú quan sát những cái mà chủ chỉ cho họ.

Họ kiếm không được bao nhiêu tiền. Với số tiền công ít ỏi, trước hết họ phải tính sao cho đủ sống. Và, họ coi việc không xin tiền Chính phủ, không xin tiền gia đình là một vấn đề danh dự. Sau nữa, tùy theo số tiền kiếm được họ trích một phần để đóng vào quỹ tương tế do họ lập ra. Quỹ này nhằm hai mục đích: 1) giúp đỡ những sinh viên đau ốm có giấy chứng nhận của thầy thuốc, và những sinh viên thất nghiệp có giấy chứng nhận của chủ; 2) trợ cấp một số tiền trong một năm cho tất cả những người mới học nghề xong để giúp họ bồi túc nghiệp vụ.

Lao động ở nước nào, họ cũng xuất bản ở đấy một tờ tạp chí (luôn luôn là do sinh viên - công nhân đóng góp). Tạp chí ấy viết bằng chữ Hán, cung cấp tin tức của Tổ quốc và đăng những vấn đề thời sự

lớn trên thế giới, v.v.. Tạp chí dành một mục cho độc giả trao đổi những điều bổ ích cho việc học nghề của họ, báo cho nhau biết sự tiến bộ của từng người, khuyên nhủ và động viên nhau. Ban ngày, họ làm việc; ban đêm, họ học tập.

Kiên trì, quyết tâm và đoàn kết như thế, các “ông chú trẻ tuổi”¹⁾ của chúng ta chắc chắn sẽ đạt mục đích. Với một đạo quân 50.000 công nhân dũng cảm đáng khâm phục, lại được đào tạo trong kỹ luật và kỹ thuật hiện đại, thì không bao lâu nữa, Trung Quốc sẽ có một địa vị trong hàng các cường quốc công nghiệp và thương nghiệp thế giới.

Ở Đông Dương, chúng ta có đủ tất cả những cái mà một dân tộc có thể mong muốn như: hải cảng, hầm mỏ, đồng ruộng mênh mông, rừng rú bao la; chúng ta có những người lao động khéo léo và cần cù.

Nhưng chúng ta thiếu tổ chức và thiếu người tổ chức! Bởi thế công nghiệp và thương nghiệp của chúng ta là một con số không. Thế thì thanh niên của ta đang làm gì? Nói ra thì buồn, buồn lắm: họ không làm gì cả. Những thanh niên không có phương tiện thì không dám rời quê nhà; những người có phương tiện thì lại chìm ngập trong sự biếng nhác; còn những kẻ đã xuất dương thì chỉ nghĩ đến việc thoả mãn tính tò mò của tuổi trẻ mà thôi!

Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đâm thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.23-144.

1) Từ “chú” thường dùng để chỉ Hoa kiều ở Việt Nam (“chú khách” hay “khách trú”) (B.T).

THƯ GỬI CHO MỘT ĐỒNG CHÍ ĐẢNG VIÊN ĐẢNG CỘNG SẢN PHÁP

Quảng Châu, ngày 19/2/1925

Đồng chí thân mến,

Tôi không biết đồng chí là ai, nhưng tôi đoán rằng đồng chí phải là Maran. Có đúng vậy không? Trước khi đi, tôi đã yêu cầu Đảng gửi đến tôi báo chí và các tài liệu khác cho công tác tuyên truyền. Tôi ở Trung Quốc đã 5 tháng nay, và tôi chưa nhận được gì cả. Tôi hoàn toàn không biết những gì đã xảy ra trong Đảng và ở châu Âu.

Ở đây, có nhiều công tác phải làm, mà công tác thì rất thú vị, ở trong Đảng Trung Quốc cũng như ở trong Đảng mới của An Nam mà chúng tôi đang xây dựng.

Tôi gửi đến đồng chí bản sao bức thư của tôi gửi Đoàn Chủ tịch. Trong thư có 3 nội dung:

1) Yêu cầu kinh phí - Vì tôi không thể xin ở Đảng khi mà Đảng không có đồng nào, đồng chí hãy cố gắng để Đoàn Chủ tịch đáp ứng yêu cầu của tôi. Không được như vậy sẽ không có tiền để làm việc có kết quả.

2) Đề nghị gửi sinh viên - Đối với một thuộc địa như Đông Dương, chúng tôi phải có ít nhất 10 sinh viên - tuyên truyền viên. Nhưng chúng tôi có thể gửi 5 hay 7 người. Điều chủ yếu là cho tôi biết càng sớm càng tốt con số được chấp nhận để tôi có thể chọn trong số những người đang ở Trung Quốc hay phải đi tìm người ở trong nước. Với cả hai đề nghị này, tôi chắc rằng đồng chí sẽ phải đấu tranh vất vả; vì đồng chí Tô ranh đã đấu tranh vất vả cho việc đi của tôi.

3) Về tài liệu tuyên truyền - Tôi chẳng có gì cả trừ phi đồng chí viết một bức thư thúc giục rất khẩn cấp cho Ban Bí thư hay cho Bộ Chính trị của Đảng. Địa chỉ của tôi là: Lý Hằng thông tấn Rôxta - Quảng Châu - Trung Quốc.

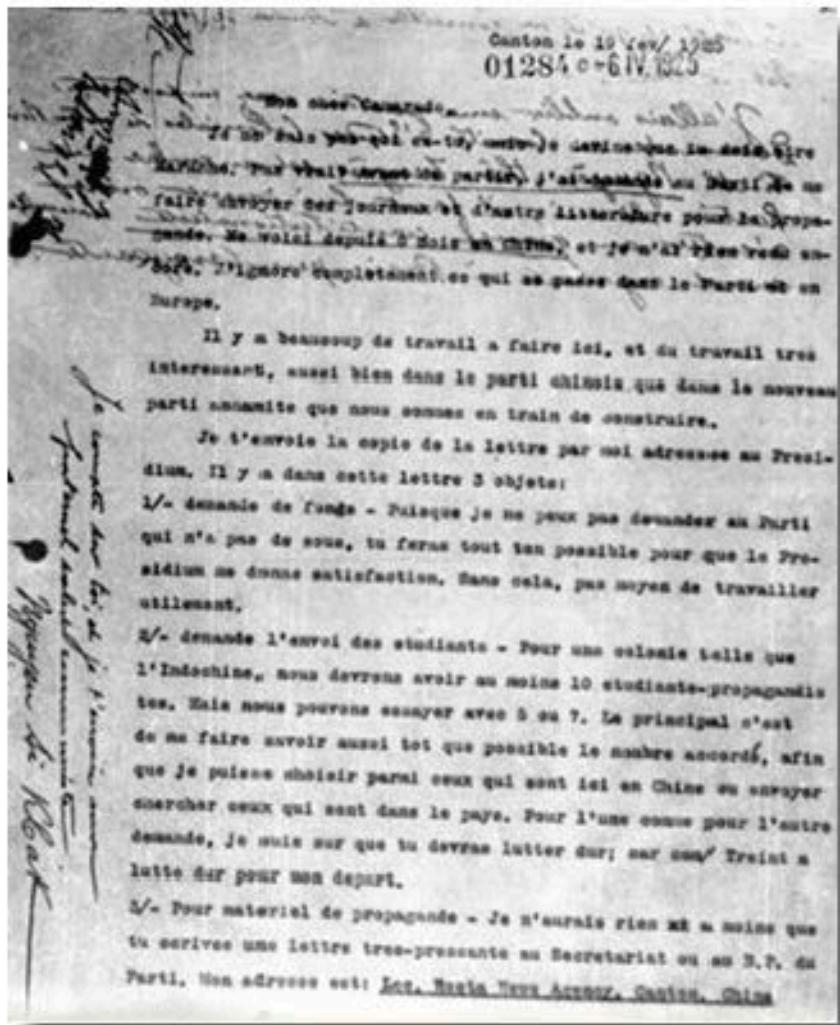
Báo chí nói rằng Miseu Macty đã ra khỏi Đảng và cũng khuyên André làm mạnh hơn nữa. Có đúng không?

Tôi quên một việc khá quan trọng. Đồng chí hỏi Ban Nghiên cứu thuộc địa của Đảng chúng ta: Nguyễn Thế Truyền có phải là đảng viên hay không? Nếu đúng là đảng viên, phải chì thị cho Truyền gia nhập Nhóm Lập biến, vừa được tổ chức ở Paris để làm hạt nhân.

Tôi tin tưởng ở đồng chí và gửi tôi đồng chí lời chào cộng sản anh em.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.2, tr.149-150.



Thư của Nguyễn Ái Quốc gửi một đồng chí đảng viên
Đảng Cộng sản Pháp, ngày 19/2/1925

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

GỬI ĐOÀN CHỦ TỊCH QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Văn đề Đông Dương

Quảng Châu, ngày 19/2/1925

Kính gửi Đoàn Chủ tịch Quốc tế Cộng sản

Các đồng chí thân mến,

Tình hình Đông Dương hiện nay vẫn giống như tôi đã mô tả trong bản báo cáo đầu tiên của tôi. Tôi chỉ xin trình bày với các đồng chí 3 việc sau đây:

1. Đảng Lập hiến mà tôi đã nói đến trong bản báo cáo gần đây nhất với các đồng chí vừa mới được tăng cường do sự gia nhập của một nhà cách mạng An Nam lão thành, một nhà nho, bị kết án tử hình, được ân xá, bị trục xuất sang Pháp, và cuối cùng được chính phủ Eriô cho nhập quốc tịch Pháp. Chương trình được công bố của Đảng ấy là: Pháp - An Nam hợp tác và việc tầng lớp thương lưu của người An Nam được nhập quốc tịch Pháp.

2. Những người bảo thủ và những người dân chủ người Pháp đang đấu tranh với nhau ở Đông Dương như những ông chủ của họ đang đấu tranh với nhau ở Pháp. Mới đây, nhiều truyền đơn chống đế quốc đã được rải ở Nam Kỳ (căn cứ vào những đoạn trích, tôi cho rằng, những truyền đơn ấy là của Ban Thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp). Những người bảo thủ kêu lên: Hãy coi chừng chủ nghĩa bônsêvích! Còn những người dân chủ lại trả lời họ rằng: Chính các anh đã bày ra những trò ấy để dọa chúng tôi!

3. Chính phủ Xiêm mới trao cho Chính phủ Pháp một nhà cách mạng An Nam lão thành từ Trung Quốc đến. Chính phủ Pháp thường quen yêu cầu trực xuất các nhà cách mạng An Nam lưu vong ở Xiêm; người vừa mới bị trục xuất đã bị chặt đầu không xét xử sau khi đến Sài Gòn được 24 tiếng đồng hồ.

Công tác đã làm được:

Chúng tôi đã lập một nhóm bí mật gồm 9 hội viên, trong đó có:

2 người đã được phái về nước.

3 người ở tiền tuyến (trong quân đội của Tôn Dật Tiên).

1 người đang đi công cán quân sự (cho Quốc dân Đảng).

Trong số hội viên đó, có 5 người đã là đảng viên dự bị của Đảng Cộng sản.

Chúng tôi còn có 2 đoàn viên dự bị của Đoàn Thanh niên Cộng sản Lenin.

Chúng tôi có tại Xiêm một trạm - cơ sở (để đưa đón người ra vào) khá vững. Ở đó có chừng 50 người làm ruộng đoàn kết chặt chẽ và trước đây đã giúp được rất nhiều việc. Giờ đây, chúng tôi phải tổ chức họ lại về mặt chính trị và củng cố cơ sở đó về mặt kinh tế, bằng cách mở rộng nó.

Những việc chúng tôi phải làm trong năm nay:

a) Thiết lập một cơ sở hoạt động tại Quảng Châu.

b) Thiết lập những cơ sở giao thông:

1. Ở Quảng Tây.

2. Ở phía cực Nam Quảng Đông.

3. Ở Băng Cốc.

4. Ở Tích Kho (điểm kết thúc của đường xe lửa Băng Cốc và cách Lạc Phách 20 ngày đường).

5. Ở Lạc Phách, trên tả ngạn sông Mê Kong và cách Trung Kỳ 15 ngày đường.

c) Phái một đồng chí về trong nước để thu thập và chuyển tin tức.

d) Phái một hoặc nhiều đồng chí làm việc trên các tàu thuỷ đi lại giữa Trung Quốc và Đông Dương.

Tất cả những công việc cần thiết ấy sẽ tốn chừng 5.000 đôla.

e) Gửi sinh viên An Nam sang học Trường đại học cộng sản ở Mátxcơva.

Những điều tôi yêu cầu các đồng chí:

Một đồng chí khác và tôi, chúng tôi chỉ có thể để dành dum - đến mức cao nhất - từ 100 đến 150 đôla mỗi tháng, số tiền này hoàn toàn không đủ cho công tác khẩn cấp của chúng tôi. Vậy tôi yêu cầu các đồng chí:

1. Vui lòng cấp cho tôi một số tiền.
2. Cho tôi biết là có thể gửi bao nhiêu sinh viên An Nam sang Mátxcơva.
3. Tôi sẽ cảm ơn các đồng chí rất nhiều nếu các đồng chí trả lời những yêu cầu của tôi bằng điện báo.
4. Gửi cho tôi tài liệu tuyên truyền bằng tiếng Pháp (để cho sinh viên An Nam và binh lính Pháp).

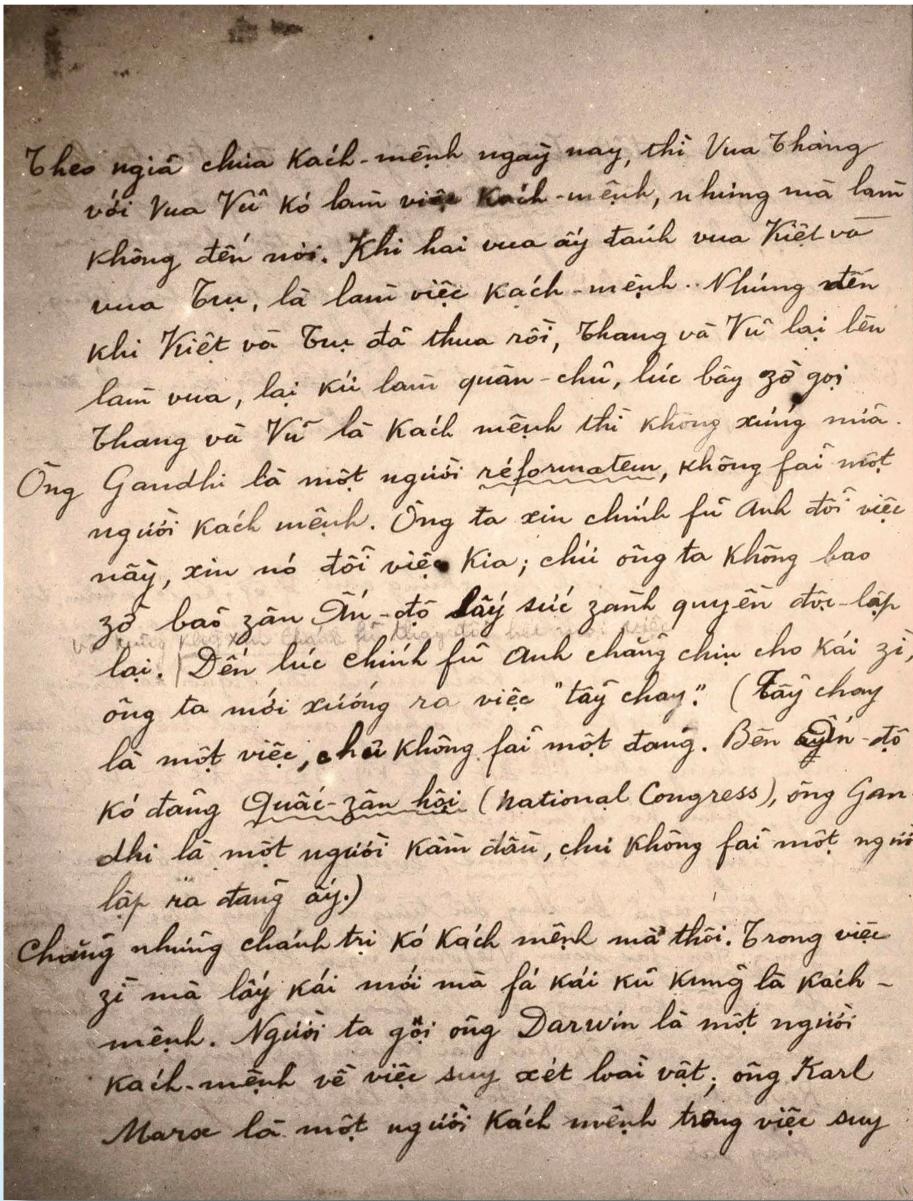
Xin gửi lời chào cộng sản.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.151-153.

1
9
2
5

1
9
2
5



Thư tay của Lý Thụy (Nguyễn Ái Quốc) gửi ông Nguyễn Thượng Huyền bàn luận về vấn đề làm cách mệnh, ngày 9/4/1925

đại kinh tế. Vẫn vẫn.

2° Trong bài đoạn anh chỉ những bài đều tội ác của chính phủ thuộc địa, việc gác học, việc viết sai và làm nhát tính, v.v., anh nói đi nói lại 2 lần, một lần trong tờ thứ 12 và một lần nữa trong tờ thứ 16. Nhưng những việc xấu陋不堪, riết và a-féen, bắt fu, Kain muối, chờ người đi làm nô lệ bên Taiti, thì anh không hề nhắc tên. Nhưng sự nô Kain không cho lập hội, hay là không cho học, thì quân hè thiết; nhưng mà sau scot ngay bây giờ, và mươi mấy triệu đồng bao chi phí rót, thì tôi tưởng may mắn việc tôi vừa kể ra đây đơn xót hơn. Chắc và xem thi Ká 20 triệu gần fai gánh, chui sáu và nhát trình trước máy kẽm biết làm?

Anh nói rằng: "một vài Ká Kong ngô nhô nhát, sa với ngay qua thi Kó fanh hòn thục." Không ngô gì so với ngay. Tia hòn? Nhìn bay nỗi hòn, hay là từ người mình làm ra hòn? Dù hòn ấy để lời cho bay, hay là lời cho đám ta? Dẹm Ká ngô ấy sa với Kák nước Không bị bay lấy, ngô Káa người nước Nam hòn, hay là Káa Kák nước Kia hòn? Đường lối mình Ké tèi bay, Kó Kán ay hòn, hay là Không Kó Kán ay hòn?

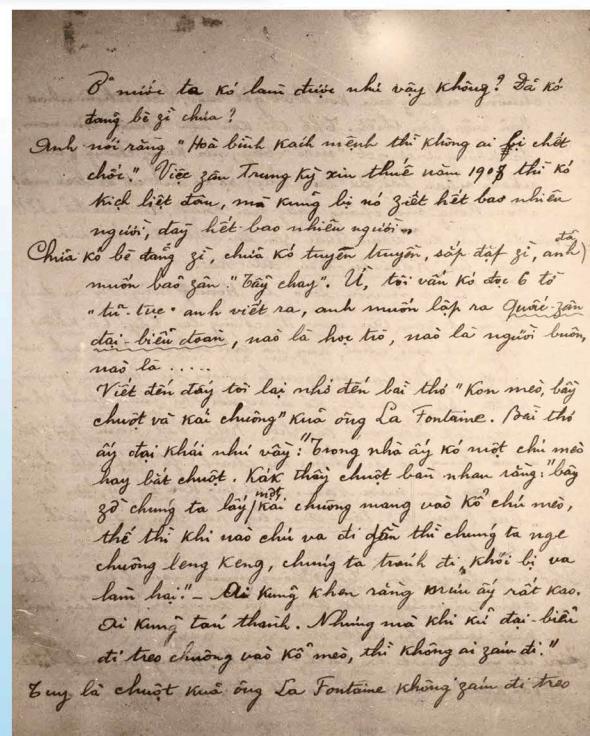
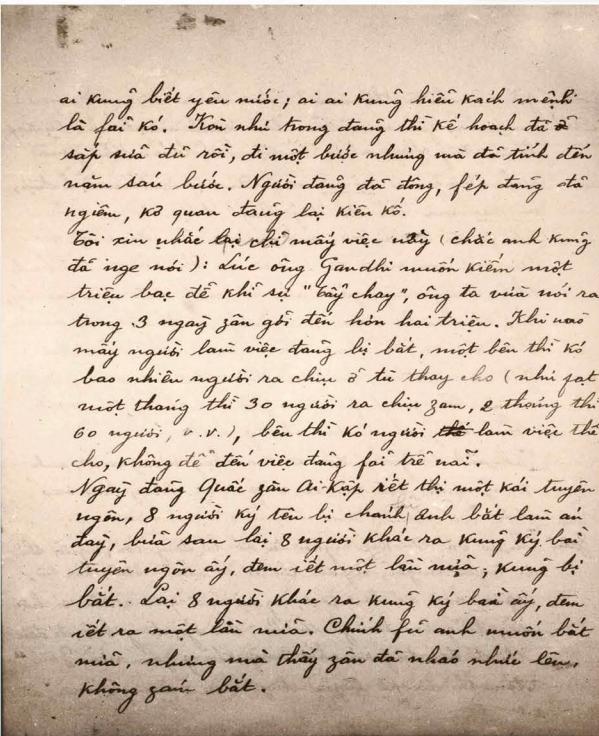
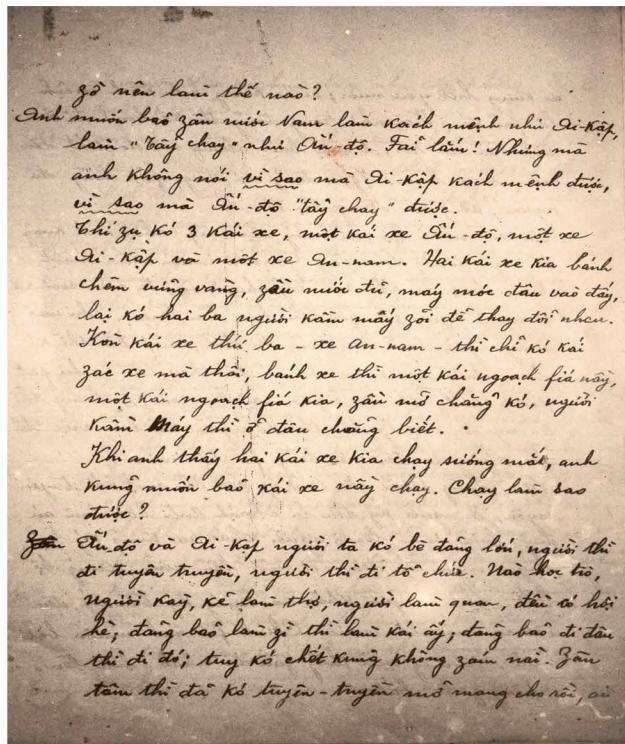
Trong trang thứ 13 Kó Kán: "nhân dân đều một niềm tin pure họ thực, kẽm đều những người trước kia vẫn thường hucle hache muốn Kach mèuk, gò Kung thiêng yên. Thế nì là đám minh zai, người minh rõ chí, Ké buô Không biết đường, Ké sau Không biết ngi. Mình làm minh chien, chui trách người ta, sao được! Chung nò là một lú di ản hiếp, nên nò không biết ản hiếp, thì chung nò zai. Mình là một nước bị ản hiếp, mình Không biết chồng loi là tại minh khò. Mình zai mà lại trách nò khòn, đã nốt Kung, lại nò ill.

Anh nói rằng người minh Kach mèuk Không thành Kung, Kung vù bay tộc bac.

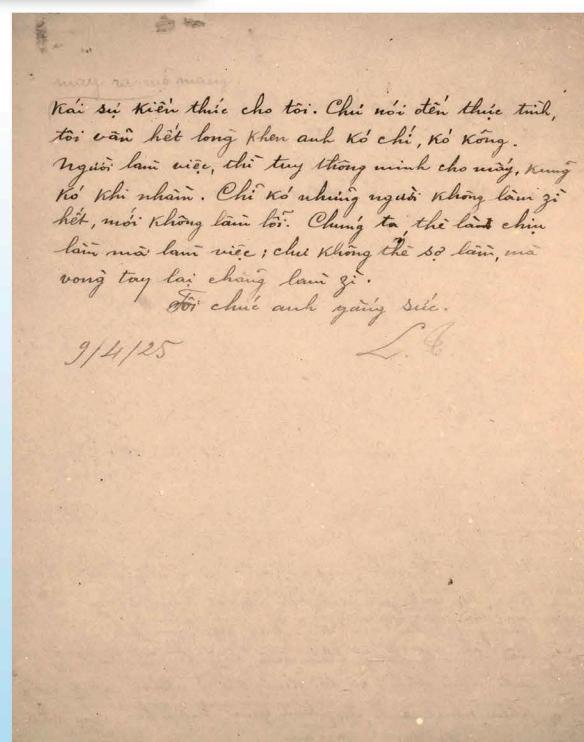
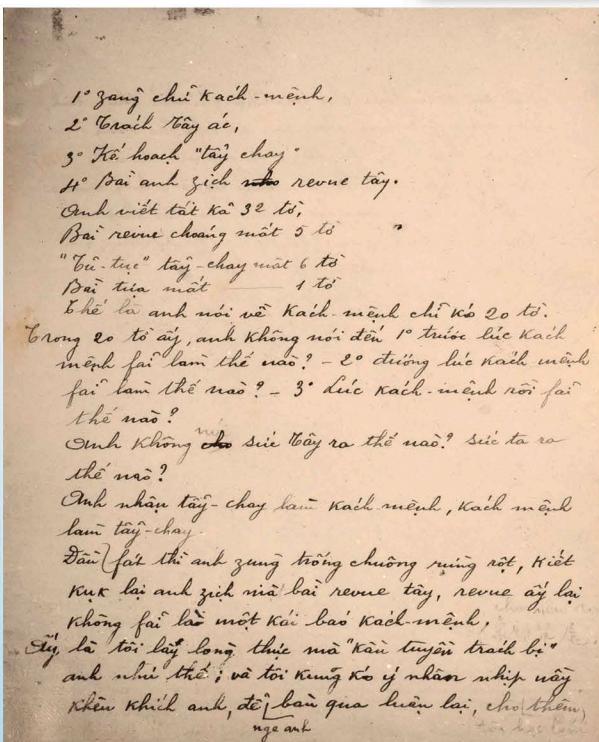
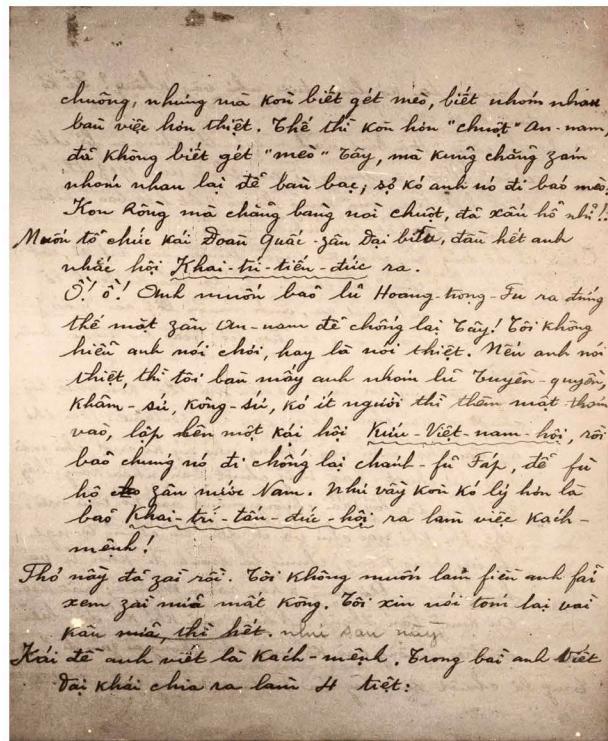
Thế thì anh muốn thế nào? Anh muốn cho nò tè mìnch muôn làm zì thi làm, muôn kiêm Kach zì không loi nò thi kiêm. Anh muốn rằng nò Kí vong tay dung nhím chung minh fa hoai loi: quyen kia chung nò, dung làm zì hết, hay sao?

Coi tiêng minh dung trách nò, mà trách minh thi Kó sêh hòn. Mình nên tí hoả nòng; Vì sao mà nò tè de reu diều minh? Vì sao mà đám minh ngu? vì sao mà người minh Kach nivanh tên bay gò Không thành Kung? Bây

1
9
2
5



1925



(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

1925, au moins, et il a cherché à entrer en relations avec ses compatriotes vers le 8 du même mois, date à laquelle il est allé à la Hong Que Tan Cai où il a demandé à voir LAM DUO THU (1).

Ce que l'on sait des agissements de NGUYEN AI QUOC à Canton a été mentionné dans les communications qui ont été faites à la Direction sur LY THUY depuis le 16 Février (2).

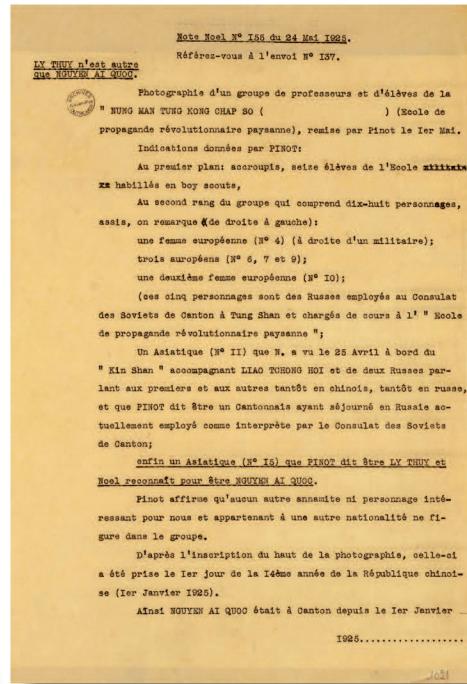
Il était naturel que NGUYEN AI QUOC cherchât à se rapprocher de l'Indochine après avoir séjourné en Russie et qu'il se fixât à Canton dans le centre de propagande bolchevique russe le plus rapproché de son champ d'action.

La présence de NGUYEN AI QUOC ne modifiera pas, semble-t-il, la manière d'agir à notre égard des autres révolutionnaires annamites. Ceux-ci formés au combat par les militaires chinois, plus ou moins aguerris par les campagnes auxquelles ils viennent de prendre part et enhardis par l'impunité dont les auteurs de l'attentat du 19 Juin ont joué jusqu'ici ne renonceront pas aux procédures d'action directe. NGUYEN AI QUOC restera en relations avec eux, même qu'à Paris améliorée par l'expérience et la préparation soviétique; il travaillera contre nous avec la foi qui l'anime, l'ardeur de son tempérament, la ténacité de son caractère et la méthode apprise à Moscou, et il aura pour le soutenir, quand besoin sera, l'appui des officiels russes du Consulat de Canton.

Sous la direction des agents des Soviets, NGUYEN AI QUOC essaiera de "travailler" les écoles, les centres industriels, les populations agricoles et les formations militaires. Il utilisera peut-être les services de certains Français qui résident en Indochine pour faire entrer dans ce pays des écrits de propagande communiste. Il s'occupera dès maintenant de former à sa façon quelques jeunes Annamites parmi ceux qui viennent d'émigrer, dans le but certainement.....

Ghi chép số 155 ngày 24/5/1925 của Noel (mật thám Pháp), trong đó khẳng định Lý Thụy chính là Nguyễn Ái Quốc và cho biết mục đích, nhiệm vụ của Nguyễn Ái Quốc tại Quảng Châu

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)



certainement d'en faire des agents chargés de visiter les cellules dont il a projeté la création.
 On sait que NGUYEN AI QUOC est allé une fois à Shanghai depuis son arrivée en Chine. Il est possible qu'il s'absente à nouveau de Canton pour visiter d'autres centres. Noel demande des instructions en ce qui concerne ce personnage. Doit-il chercher à faire arrêter ?
 Noel transmet la photographie ci-jointe sans avoir pu la faire reproduire. Il demande à la Direction de lui envoyer des extraits agrandis de la photographie de NGUYEN AI QUOC et quelques reproductions du groupe dont il essaiera d'identifier les autres personnes intéressantes. Il désire aussi avoir une traduction des inscriptions en caractères chinois qui figurent sur le document. /.

(1) Voir annexe N° 9 à la Note 121.
 (2) Voir notes 121, 137 et annexes, voir aussi notes N° 145 annexes N° 2; N° 146 et annexes 1, pages 1, 2, 3, 4, annexes 1 bis, annexe 7; N° 153 et annexes 1, pages 1 & 2; N° 154 et annexes 1 bis.



Nguyễn Ái Quốc chụp ảnh cùng giáo viên và học sinh của Trường Vận động nông dân tại Quảng Châu (Trung Quốc), ngày 1/7/1925

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

1
9
2
5

Annexe à envoi Noël N° 173 du 14 Juillet 1925.

CUISSEZ CETTE FABLE !

Vous tous, taisez-vous et écoutez
les animaux se disputant la palme du mérite.
Prenant le premier la parole

LE DRAGON,

la barbe et les sourcils brillants, la crête et les écailles
resplendissantes,
dit: " Je suis l'ancêtre primordial de cette race annamite
qui a vu éclore tant d'illustres héros ! "

LA GREVETTE

" Vous êtes plaisant, mon ami.
Mon sort est préférable à celui des Annamites.
Voyez mon corps, il est courbé de par la volonté du Ciel,
tandis que vos descendants plient l'échine sous le poids des
impôts et des corvées ".

LA BREBIS.

" Vos propos m'attristent.
En vérité, les Annamites sont apparentés aux lièvres et aux
lapins.
Je suis tondue, vous le savez, une seule fois par an,
alors que ces pauvres bougres sont écorchés à chaque saison
par les français ".

LE BOEUF

" Et ce n'est pas tout.
Les Annamites, j'ose l'affirmer, sont plus misérables que les
bovidés.
Nous avons, il est vrai, la panse pleine d'herbe et les côtes
en forme de spathe d'aréquier,
mais nous pouvons nous enorgueillir de jouir d'une liberté
plus grande que la leur ".

LE CRABE.

" Tout en souriant narquoisement, le crabe dit:
Nous sommes franchement supérieurs à ces annamites,
qui se plient à tous les caprices des français
et se résignent, pauvres esclaves, à les servir sans murmurer."

LE.....

1045

Phụ lục bản gửi số 173 ngày 14/7/1925 của Noel
(mật thám Pháp) về truyện ngụ ngôn *Động vật học*
của Nguyễn Ái Quốc (Truyện đã được đăng trên
báo Le Paria, số 2, ngày 1/5/1922)

1
9
2
5

LE SERPENT

" Vous ironisez, mes soeurs,
" Voyons, qui l'emporte par la noblesse des sentiments,
" est-ce moi où ces français à la bouche de Buddha et au cœur
de reptile
" que les annamites ont accueillis dans leur pays ? "

L'ÉLÉPHANT

" Les Annamites expieront éternellement
" les erreurs et les fautes qu'ils ont innocemment commises.
" Ils ont conduit chez eux l'éléphant pour lui faire piétiner
les tombeaux de leurs ancêtres,
" et ils ont abandonné aux français la pouvoir de diriger leur patrie.

L'ANGUILLE.

" Je suis triste en pendant aux Annamites.
" Ils se laissent séduire par l'argent, comme les mouches par
le miel.
" Peu leur importe, à ces esclaves, de s'humilier
" et de se déshonorer pour obtenir de vains titres nobiliaires!"

LE RAT

" Voyez les miens, ils ont chacun une peau (1);
" et les annamites ne pensent plus à leur pays!
" Fascinés par les biens et les richesses,
" ils assistent indifférents à l'extinction de leur race et à
la perte de leur patrie".

LE COQ

" Je suis le prince de la basse cour.
" Je vis en bonne harmonie avec mes sujettes,
" et jamais nous ne nous disputons la douce et savoureuse pâture,
" comme les annamites se trahissent pour de l'argent".

LE POISSON.

" L'eau et moi sommes heureux ensemble (2)
" et un jour viendra où, métamorphosé en dragon, je m'éleverai
jusqu'au palais des fées.
" Quant aux Annamites, ils passent, agenouillés, et les mains
jointes,
" leur vie entière dans l'esclavage, sans oser se révolter.

La grenouille.....

1016

LA GRENOUILLE.

" Tout bien pesé, mes amis,
" Si vraiment nous avons pitié des annamites, volons à leur secours.
" Nous, humbles grenouilles, réussissons, par nos plaintes, à
évoquer le Ciel,
" et le Ciel, sans motif, resterait sourd à leurs prières et laisserait leur race s'éteindre à jamais !
" S'ils unissent leurs coeurs et leurs forces,
" s'ils se coalisent à l'intérieur et à l'extérieur,
" les français seront démoralisés, apeurés,
" et leur rendront leurs droits et leur liberté.
" O annamites! souvenez-vous toujours que
" L'UNION FAIT LA FORCE".

Notes

1°.- Allusion à un chant du Cheu-King intitulé Siang Chou: " L'
urbanité est l'ornement et le complément de la personne; elle
maintient l'ordre dans la conduite. Un homme qui n'observe pas
les convenances, se met au-dessous des plus vils animaux, qui
ont une peau pour couvrir leur corps, des dents rangées en ordre
et quatre membres intacts. Il n'est pas vraiment homme, et
ne devrait pas vivre."

2°.- Allusion à un passage du Siao Wen de Koen Tsei: " Le poisson
et l'eau sont heureux ensemble: l'homme et la femme sont faits
l'un pour l'autre; allusion au mariage. Koen Kong envoya Koen
Tchong chercher Ning Tsi. Celui-ci se contenta de répondre:
" Comme elle s'étend! Ne comprenant rien à cette exclamation,
Koen Tchong y réfléchissait jusque pendant le repas, quand une
esclave s'écria, mais une ode dit: Comme l'eau s'étend! Comme
les poissons nagent contents en compagnie! Je ne suis pas encore
réunié, pourquoi donc m'appeler à prendre une résidence fixe?

1017

1925

Il convient de faire une partie de la partie de l'ordre du jour qui concerne les débats sur le budget et sur la situation financière de la République. Il convient de faire une partie de la partie de l'ordre du jour qui concerne les débats sur le budget et sur la situation financière de la République.

Editor : M. Gaurav Dhadke

L'Union Internationale a tel le Partie 1
tout les documents sous, du 12 Juillet
à 1918, au siège, à l'ordre du Secrétaire du P.
Internationale.

Die oben genannten Voraussetzungen sind nicht gegeben. Es ist also kein Grund, die Werte der α -Gruppe zu unterschätzen.

Les supports sont utilisés par les établissements de la performance à Paris.

Il existe une autre manière de faire évoluer les institutions des systèmes d'exploitation pour améliorer la performance globale. L'approche Ecosysteme, présentée ci-dessous,

“*Leviathan*” is about 400 miles west of where you live.

Monetary devaluation under fixed exchange rate regimes

El sistema de administración financa
admite para cada ejercicio presupuestario
varias etapas de ejecución, que se
señalan en la presentación.

TURLUPINADES OU VARENNE ET PHAN-BOI-CHAU

Entre le printemps de l'Académie et l'automne de 1926, il effectue un voyage de deux mois à l'ouest des Etats-Unis d'Amérique. C'est cette première partie de l'automne qu'il passe dans l'Ouest Américain, dans les montagnes Rocheuses et dans le Grand Canyon. Il passe l'hiver à New York.

Il s'agit d'un cas unique, mais assez courant dans les études de l'écologie des plantes rares.

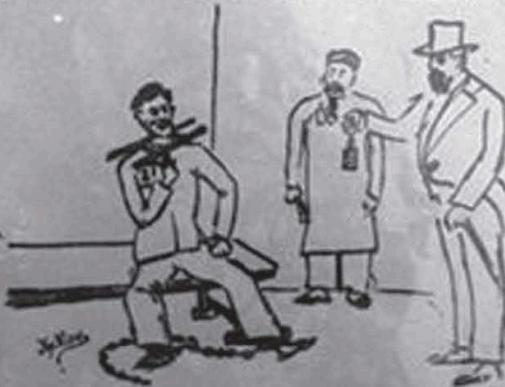
de Madrid a Roma, y Madrid a Valencia.
En el año de 1900, presidente del Imperio
de los Estados Unidos, se participó en la inauguración
de la Exposición Universal de Madrid, que
se realizó en el año de 1900. M. Francisco
de Paula, ministro de Hacienda, y su
M. Francisco de Paula, ministro de Hacienda,
asistieron a la inauguración. Así pasaron, M.
Francisco de Paula, ministro de Hacienda,
y su M. Francisco de Paula, ministro de Hacienda,
algunos días en Madrid, y se quedaron
en la Exposición Universal de Madrid, que
se realizó en el año de 1900. M. Francisco
de Paula, ministro de Hacienda, y su M. Francisco
de Paula, ministro de Hacienda, se quedaron
en Madrid, y se quedaron en Madrid, que
se realizó en el año de 1900. M. Francisco
de Paula, ministro de Hacienda, y su M. Francisco

Most Americans, according to the study, do not know their neighbors well enough to consider themselves part of a community. In fact, only one in five people consider it important to have neighbors who are congenial.

adesso scorsa, quando già non era

de visita como representante de Gómez. Algunos
se inclinaron por la "Plataforma" para que el
alcalde no tuviera que asumir tanto de suerte personal.
Pero el alcalde, que era de izquierdas, no se impuso
y, en cambio, se inclinó por la "Plataforma" porque
el presidente de la República, don Alfonso López
Pompa, que venía de ser presidente de Colombia,
se había presentado a votar, pese a que no era
de su partido, y el alcalde, que era de izquierdas,
no quería que el presidente de Colombia, que
era de derechas, se presentara a votar.

7. Nous pouvons appeler cette théorie la théorie des groupes de réseaux fondamentaux. En effet, si nous prenons un groupe fondamental Γ , et si nous choisissons un élément γ dans Γ , alors l'ensemble des éléments $\gamma \cdot \Gamma \cdot \gamma^{-1}$ est le groupe fondamental d'un sous-variété de M . Si nous choisissons plusieurs éléments $\gamma_1, \gamma_2, \dots, \gamma_n$ dans Γ , alors l'ensemble des éléments $\gamma_1 \cdot \Gamma \cdot \gamma_1^{-1}, \gamma_2 \cdot \Gamma \cdot \gamma_2^{-1}, \dots, \gamma_n \cdot \Gamma \cdot \gamma_n^{-1}$ est le groupe fondamental d'un sous-variété de M .



Il est difficile d'assurer l'efficacité de la vaccination contre la variole dans les pays où l'épidémie n'a pas été éradiquée. C'est pourquoi il faut faire attention à ce que l'on fait pour empêcher la propagation de la maladie.

Il est donc à l'heure actuelle impossible de déterminer avec certitude si la plupart des personnes qui ont été victimes d'agressions sexuelles dans leur enfance sont ou non victimes d'agressions sexuelles dans leur vie d'adulte, alors qu'elles sont enceintes.

Le 1er octobre 1945, lorsque le Professeur Georges Bataille, directeur de l'Institut de psychiatrie de l'Université de Paris, a prononcé devant moi à l'Assemblée des Nations unies son discours présumé,

Bài Trò lố hay Varen và Phan Bội Châu của Nguyễn Ái Quốc, đăng trên báo *Le Paria*, số 36 - 37, tháng 9 và 10/1925

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
2
5

БИБЛИОТЕКА РАБОЧЕ-КРЕСТЬЯНСКОЙ МОЛОДЕЖИ
ПОД ОБЩЕЙ РЕДАКЦИЕЙ МК РЛКСМ

ВПН7
К 486

К И Т А Й
— и —
КИТАЙСКАЯ МОЛОДЕЖЬ

составлено группой студентов китай-
цев коммунистического университета
трудящихся Востока под редакцией
Нгуен-Ай-Квак

ПЕРЕВОД С ФРАНЦУЗСКОГО Петровой-Шур

Под редакцией т. ПАСКАЛЯ

Bìa sách *Trung Quốc và thanh niên Trung Quốc*
do Nguyễn Ái Quốc làm Chủ biên, Nhà xuất
bản Mátxcova xuất bản lần đầu năm 1925

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

„НОВАЯ МОСКВА“

1925

1
9
2
5

Nguyễn Ái Quốc giảng bài tại lớp huấn luyện cán bộ cách mạng Việt Nam
tại Quảng Châu, Trung Quốc (ảnh chụp tranh)

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
2
5



Một số đồng chí đã dự lớp huấn luyện của Nguyễn Ái Quốc tại
Quảng Châu (Trung Quốc)

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1925

Báo Thanh niên - Cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam
Cách mạng Thanh niên, tờ báo do Nguyễn Ái Quốc
sáng lập trong những năm 1925 - 1927.

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)



Trụ sở Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (ngôi nhà số 13A, đường Văn Minh, Quảng Châu, Trung Quốc)

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

NĂM 1926

1
9
2
6

LÊNIN VÀ PHƯƠNG ĐÔNG

Quốc tế thứ nhất đã đặt cơ sở cho học thuyết cộng sản, nhưng vì tồn tại trong một thời gian ngắn nên chỉ kịp đề ra những đường lối cơ bản của học thuyết đó mà thôi. Vấn đề các nước thuộc địa chưa được Quốc tế thứ nhất nghiên cứu đầy đủ.

Còn Quốc tế thứ hai với những đại biểu của nó như Mácđônan, Vǎngđécvendő, Hendécxôn, Blum và nhiều người khác thì lại quá chú ý đến vấn đề này. Trong bất cứ trường hợp thuận lợi nào, những người này cũng nhấn mạnh sự nhất trí của họ với chính sách để quốc chủ nghĩa mà bọn tư bản thực hiện ở các nước ấy. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa cho sự nghiệp giải phóng của mình, không những không được sự đồng tình của họ mà còn ngược lại. Ví dụ, sau khi lên nắm chính quyền, Mácđônan chẳng kém gì Bônduin và Sãmbéclanh đã đàn áp nhân dân Ấn Độ, Xuđăng và các dân tộc khác đã can đảm đấu tranh chống lại bọn người nước ngoài ức hiếp họ.

Với sự tán thành của các ngài đó, người ta đã dội bom xuống các làng mạc bản xứ, và đã đàn áp nhân dân các nước thuộc địa dã man, tàn bạo không sao tả xiết. Mọi người đều biết về chính sách phân biệt công nhân da trắng với công nhân da màu mà bọn thỏa hiệp luôn thi hành, về việc các công đoàn chịu ảnh hưởng của bọn xã hội giả hiệu đó không muốn kết nạp các công nhân da màu vào hàng ngũ của mình. Trong chính sách thuộc địa của Quốc tế thứ hai, bất cứ ở đâu cũng lộ rõ bộ mặt thật của tổ chức tiểu tư sản này. Bởi vậy, cho tới tận Cách mạng Tháng Mười, ở các nước thuộc địa, học thuyết xã hội chủ nghĩa đã bị coi là một thứ học thuyết chỉ dành riêng cho những người da trắng, một thứ thủ đoạn mới để lừa dối và bóc lột người bản xứ.

Lênin là người đầu tiên đã đặt cơ sở cho một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa.

Lênin là người đầu tiên đã kiên quyết lên án mọi thành kiến đối với nhân dân các nước thuộc địa đã ăn sâu vào tận xương tủy của nhiều công nhân châu Âu và châu Mỹ. Những luận cương của Lênin về vấn đề thuộc địa được Quốc tế Cộng sản tán thành đã gây ra một cuộc cách mạng hoàn chỉnh trong tất cả các nước bị áp bức trên thế giới.

Ленин и Восток

Первый Петербургский комитет начало покидающее ему учреждение, бессарабская кратковременность своего существования настала только осенью 1922 года этого участия. Вопрос о колонизации странах был слабо разработан первым Петербургским.

Зато второй Петербургский в лице своих представителей типа Максимова, Бандуровского, Генкетера, Балашова и других членов этому вопросу уже слашком много внимания. Они при всем уважении к научной школе социалистической политики, проработавшей капитализм в этих странах, боялись колониальных настроев за свою отечественную нацию и открытия с их стороны сочувствия, то, наблюдают. Так, опутываясь у власти, Ильинская ее уже будущую в Чехии расправы над польскими, гуляками в Греции, восхищаясь штурмом против иностранных захватчиков.

С базисом из этих господ из тяжелого времени - боязни быть и становиться иностранными рабами - пасмом или танцующими жалостливыми залютами охватывает все время проходит, о всевозможных профессиях, находящихся под влиянием этих докторов, практикуя в свою очередь рабов. В коммунистической практике II Интернационала большинство бы то ли было проявлено интереса физиологии этой международной организации. Вследствие этого социалистическое учение распространяется в колониальных странах не только до Октябрьской революции, как учения, организационные и идеологические для белых, как зоны симбиотического обмена в международном труде.

Несмотря на первый поклон к основаниям нашей национальной революционной эпохи в колониальных странах.

Всем первым решительно отказалось предполагать по отношению к колониальным народам, в вопросе о земле земельных вопросах и империалистических побоях. Даже такое учение Конькевича не выразило из вопросу борьбы за землю, разде-

лению до всех угнетенных странах мира.

Так, Ленин первый опроверг, первый сказал все колониальные народы право на национального народа для народа революции. Из всех документов Конькевича, Профбюро, КИМ вопрос о колониях всегда стоял в стоял на首位 из первых мест.

Лишив второй почвы и опоры свою вторую способность колониальных народов о революционное движение. Такая первая земля, что она из участия коммунистов создавала революции.

Давно со следами эту преступную проработанностью сказали, что для успешной работы в колониальных странах надо не только использовать такую же колониальную - особо национального движения, это подтверждено этим движением, которое прославляет прообразное собою землю, сокращающую в своем борьбе за определенную революцию.

Все представители колоний, побывавшие на конгрессах Коминтерна, никогда не забудут, сколько земли они учили Ленина - письма, Ленин - говорил, как умел он никого в состоянии, часто несущие уговоры рабочему. С тех пор каждый из нас ждет достаточно времени, чтобы землю для земельных, как он был право в своем выражении и до того времени было его указание.

Также близкиму учению подходит мнение о колониальном вопросе, который удачно обоснованную самим Конькевичем и его землемерами, землемерами. Даже сама тактика со временем, практика земельных политических партий этого мира, подтверждает и подтверждает в коммунистическом движении все, что есть здесь и активично в колониях. Земельное разрешение земельного вопроса в Советской России, это однозначное осуществление коммунистической партии, служит главным началом будущего прогресса в колониальных странах.

Ленин в глазах всех угнетенных и подавленных народов - поверенный пункт в научительной истории их бесправного существования, символ нового, светлого будущего.

Юрий А. Ким.

Bài *Lênin và phương Đông* của Nguyễn Ái Quốc đăng trên báo *Tiếng còi* (Liên Xô), ngày 21/1/1926

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

Đồng chí Lenin là người đầu tiên đã nhấn mạnh và nhận thức hết tầm quan trọng to lớn của việc giải quyết một cách đúng đắn vấn đề thuộc địa đối với cách mạng thế giới. Trong tất cả các Đại hội của Quốc tế Cộng sản, của Quốc tế Công đoàn, và của Quốc tế Thanh niên cộng sản, vấn đề thuộc địa luôn luôn được đặt lên hàng đầu.

Lenin là người đầu tiên đã nhận thức và đánh giá hết tầm quan trọng lớn lao của việc lôi cuốn nhân dân các nước thuộc địa vào phong trào cách mạng. Lenin là người đầu tiên đã nhận thức rằng nếu không có sự tham gia của họ thì không thể có cách mạng xã hội.

Với tất cả sự sáng suốt vốn có của mình, Lenin đã nhận thấy rằng muôn cho công tác trong các nước thuộc địa được thành công tốt đẹp thì cần phải lợi dụng triệt để phong trào giải phóng dân tộc trong các nước đó, rằng giai cấp vô sản trên thế giới, bằng việc ủng hộ phong trào ấy thì sẽ có nhiều bạn đồng minh mới hùng mạnh trong cuộc đấu tranh của mình cho cách mạng xã hội.

Tất cả các đại biểu các nước thuộc địa đã tham dự các Đại hội của Quốc tế Cộng sản sẽ không bao giờ quên được rằng lãnh tụ Lenin, đồng chí Lenin đã quan tâm đến họ như nào, rằng Người đã biết đi sâu tìm hiểu như thế nào những điều kiện công tác phức tạp và thuần túy có tính chất địa phương. Từ đó đến nay, mỗi người trong chúng ta đã có đủ thời gian để thấy rõ hàng chục lần rằng những nhận xét của Lenin đúng biết chừng nào, và những lời giáo huấn của Người thật quý giá biết bao.

Chỉ nhờ có thái độ khôn khéo của Lenin đối với vấn đề thuộc địa, mới có thể lay động quần chúng chưa được giác ngộ, và lạc hậu nhất trong các nước thuộc địa. Sách lược của Lenin về vấn đề này được các đảng cộng sản trên toàn thế giới áp dụng đã ngày càng lôi cuốn được những phần tử ưu tú và tích cực ở các nước thuộc địa vào phong trào cộng sản. Việc Lenin giải quyết vấn đề dân tộc phức tạp ở nước Nga Xôviết, việc đảng cộng sản thực hiện trong thực tiễn vấn đề này là một vũ khí tuyên truyền mạnh mẽ nhất trong các nước thuộc địa.

Đối với tất cả các dân tộc bị áp bức và bị nô dịch, Lenin đã thể hiện một bước ngoặt trong lịch sử cuộc đời đau khổ và bị mất quyền của họ, là tượng trưng cho một tương lai mới, xán lạn.

NGUYỄN ÁI QUỐC

BÀI PHÁT BIỂU TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ II QUỐC DÂN ĐẢNG TRUNG QUỐC¹⁾

Thưa các đồng chí, thưa các anh em,

Chúng tôi vui mừng được gặp mặt và nói chuyện với các vị, đồng thời cũng rất cảm tạ chư vị đã chân thành hoan nghênh. Qua đó, chúng tôi hiểu rằng tư tưởng cách mạng đã thâm nhập vào toàn thể dân chúng, và đặc biệt là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II này càng phát huy chủ nghĩa vĩ đại, chính sách vĩ đại của Tôn Tống lý, để cùng với các dân tộc bị áp bức phấn đấu. (Vỗ tay).

Các đồng chí, chúng tôi muốn nói rằng, cách mạng cũng giống như khám bệnh vậy, trước hết phải biết căn nguyên của bệnh. Tất cả các dân tộc bị áp bức làm cách mạng là do mong muốn thoát khỏi nỗi thống khổ của dân tộc bị áp bức, cho nên tôi muốn trình bày về những nỗi thống khổ mà dân tộc An Nam đã phải chịu đựng.

Thưa các đồng chí,

Dân tộc An Nam chịu đau khổ đã sáu mươi năm, dân tộc An Nam bị xâm lược và áp bức đã sáu mươi năm. Chúng nó thường rêu rao rằng người Pháp chúng tôi đem văn hóa phương Tây đến, chúng tôi đổi xử hòa bình với người An Nam các anh là vì chúng tôi muốn làm cho các anh được sung sướng. Nhưng sự thật là sáu mươi năm nay, chúng nó chỉ càng ngày càng áp bức thậm tệ nhân dân An Nam. Bây giờ xin nói qua một chút nhân dân An Nam đã cực khổ như thế nào trong sáu mươi năm qua để các đồng chí cách mạng ta được rõ.

Nỗi thống khổ thứ nhất mà người Pháp mang đến cho nhân dân An Nam chính là thuế thân. Bất cứ ai, từ mười tám tuổi trở lên, đều phải đóng thuế này. Sau khi đóng thuế, Chính phủ phát

1) Nguyễn Ái Quốc với bí danh Vương Đạt Nhân tham dự Đại hội và phát biểu tại phiên họp thứ 9, ngày 14/1/1926 (B.T).

cho một tấm thẻ để làm bằng chứng, không được để mất; nếu mất thì bị chúng bắt, đến khi nào nộp tiền lần thứ hai mới được tha. Chúng cho cảnh binh đi khám thẻ khắp mọi nơi mọi lúc, hầu như cứ một giờ khám xét một lần, vì thế dân chúng khổ không kể xiết. Đó là một kiểu người Pháp áp bức dân An Nam. Ngoài thuế thân ra, còn thuế nhà, thuế hàng hoá, v.v.. Không những nguồn lực kinh tế của người An Nam hoàn toàn bị người Pháp nắm giữ là chuyện đương nhiên, mà còn làm tăng thêm gánh nặng cho người An Nam, khiến nhân dân An Nam không còn khả năng sinh tồn về kinh tế nữa. Tất cả đất đai của An Nam, đại bộ phận cũng bị người Pháp chiếm làm tài sản, người An Nam không được quyền lập nghiệp. Đại thể, một bộ phận là sở hữu Chính phủ, một bộ phận là đất đồn binh của người Pháp, một bộ phận là đất các giáo sĩ chiếm cứ. Chỉ có một phần rất nhỏ là đất thổ cư của người An Nam thì lại phải đóng thuế nhà.

Tôi có thể nêu một ví dụ để chứng minh sự tàn ác của ách áp bức của người Pháp. Như thuế thân, năm 1914, mỗi tháng tôi đóng mười phrăng, nhưng đến năm 1924, đã tăng lên đến một trăm phrăng. Đầu thấy sự tàn ác của bọn xâm lược Pháp là thế nào. Ấy là chưa kể ngoài công trái như ở nước Pháp, chúng còn bắt nhân dân An Nam phải mua hàng của Pháp như một thứ thuế hàng hoá. Hàng hoá đó là gì? Nhiều nhất là rượu do Pháp sản xuất. Chúng làm ra thứ rượu tồi tệ nhất rồi bắt dân An Nam mua. Dù anh là chính khách, nhà buôn, thợ thuyền hay dân cày gì gì, ít nhất mỗi người một chai. Không thể không mua. Ngoài rượu ra, còn một thứ tệ hại hơn, độc hơn, đó là phải mua thuốc phiện. Thuốc phiện có lẽ là một khoản lớn trong dự toán thu nhập của nước Pháp, chiếm đến một phần tư dự toán. Tính thành con số, mỗi năm là bốn trăm triệu phrăng, đủ thấy nỗi khổ của người An Nam. Nhưng sự xâm lược của đế quốc Pháp không chỉ có thế. Chiến tranh lại là một chuyện lớn nữa. Hồi chiến tranh Âu châu, người Pháp bắt dân An Nam đi lính, tổng số trên mười vạn. Họ phải bỏ xác ngoài mặt trận chẳng được nhìn thấy quê hương. Cho nên, quả thật là nhân dân An Nam chẳng những phải nộp tiền mà còn phải nộp mạng cho chúng.

Còn một điểm nữa. Đế quốc Pháp một mặt áp bức dân tộc An Nam, mặt khác lại cấm những người anh em chống áp bức. Bởi vì chúng còn sang Trung Quốc dùng súng gươm giết những người anh em Trung Quốc của chúng tôi. Quả thật, đế quốc Pháp chưa bao giờ vừa lòng với sự áp bức của chúng, đã phải nộp thuế thân, còn bắt đóng thuế hàng hoá, đã mua rượu, còn bắt mua thuốc phiện, đã hy sinh tính mạng cho chúng mà chúng chẳng hề mấy may thương xót. Vậy mà người Pháp lại còn có một cách nữa làm khổ nhân dân An Nam, đó là làm thuê. Mỗi năm chúng bắt hàng mấy chục vạn người An Nam vào làm thuê trong các xưởng máy của Pháp. Hoàn toàn là làm trâu ngựa nô lệ cho chúng, không được một chút lợi lộc gì.

Thứ hai, người An Nam ở trên đất nước mình mà tuyệt đối không có quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, ngay cả đi lại cũng chẳng được tự do, trong nước mình mà mình cũng không được tùy ý đi lại. Thí dụ, từ tỉnh này sang tỉnh khác phải có giấy thông hành mới được. Đi ra nước ngoài tất nhiên càng khỏi phải nói. Nếu làm trái thì phải xử tội rất nặng. Theo báo cáo của Chính phủ Pháp, mỗi xã hâu như tháng nào cũng có mấy trăm người bị xử tội như vậy.

Về giáo dục, trước kia người An Nam học sách Trung Quốc, chịu ảnh hưởng văn hoá Trung Quốc. Từ ngày người Pháp chiếm An Nam, thấy người An Nam cũng giống người Trung Quốc, cho nên cũng ra lệnh học sách Trung Quốc. Không ngờ từ sau Cách mạng Tân Hợi của Trung Quốc, thấy rằng cho tiếp tục học sách Trung Quốc thì không ổn, cho nên chúng đã không cho phép người An Nam đọc sách Trung Quốc và học chữ Trung Quốc nữa. Chẳng những thế, chúng càng không muốn để cho người An Nam biết tình hình gần đây của Trung Quốc, bởi vì điều khiến bọn đế quốc không vui hơn cả là ý thức dân tộc của nhân dân bị áp bức.

Các đồng chí! Cách xâm lược của bọn đế quốc chúng nó, về vật chất là dùng đủ loại thuế má và các chất độc như thuốc phiện, về tinh thần là chính sách ngu dân; đó là những âm mưu thâm độc của chúng để xâm lược An Nam.

Thưa các đồng chí,

Bọn đế quốc cố nhiên là áp bức người An Nam, nhưng đồng thời chúng cũng áp bức cả người Trung Quốc. Điều đó, các đồng chí có mặt trong Đại hội đại biểu lần thứ II này chắc chắn đều biết. Vì người Trung Quốc cũng bị đồi xử như vậy. Họ cũng phải đóng thuế thân. Và tất nhiên, dù là gái trai già trẻ, họ cũng không được tự do đi lại, muốn đi lại cũng phải có thẻ thông hành. Đồng thời, chúng còn cấm cả tổ chức hội họp, trực xuất các đồng chí Quốc dân Đảng. Vì chúng cho rằng, phàm là người của đảng cách mạng thì đều nguy hiểm, cho nên không đuổi không được. Có điều, cách chúng làm thật là hiểm độc, bởi vì chúng đã lợi dụng những phần tử xấu trong người Trung Quốc để chống lại các đồng chí cách mạng, chống lại Chính phủ cách mạng Quảng Châu. Tôi có thể nêu một ví dụ, như lúc Tôn Trung Sơn tiên sinh tạ thế, toàn Trung Quốc cố nhiên đều truy điệu, mà các nước trên thế giới cũng rầm rộ truy điệu. Nhân dân An Nam chúng tôi đương nhiên cũng muốn làm lễ truy điệu như người Trung Quốc, nhưng bọn Pháp cấm không cho phép làm. Tôi có thể nói rằng, ở An Nam bọn đế quốc chẳng những dùng mọi cách để chống lại cách mạng, mà đồng thời còn tìm mọi cách công kích Quốc dân Đảng, công kích Chính phủ Quảng Châu.

1
9
2
6

Chúng ta biết rằng, các dân tộc bị áp bức trên thế giới hiện nay có Ai Cập, Marốc, Xyri, An Nam, Trung Quốc và rất nhiều nước khác. Cho nên, chúng ta cần phải liên hiệp lại, cùng nhau chống chủ nghĩa đế quốc. (Võ tay).

Đế quốc Pháp chẳng những thấy cách mạng thì sợ, mà đặc biệt thấy cách mạng Trung Quốc lại càng sợ. Cho nên, chúng không ngần ngại dốc toàn lực ra để giúp bọn phản cách mạng, giúp vũ khí cho bọn Trương Tác Lâm, hòng can thiệp vào phong trào cách mạng quốc dân của chúng ta.

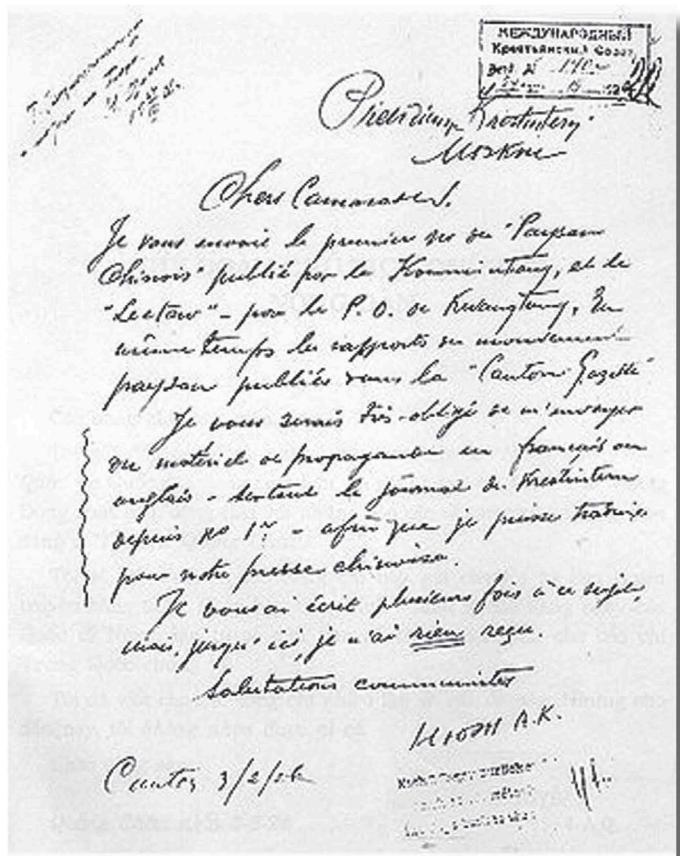
Thưa các đồng chí, như đồng chí Uông Tinh Vệ nói, cách mạng không có biên giới quốc gia. Dù là Ai Cập, Marốc hay tất cả các dân tộc bị áp bức nào, họ cũng bị chủ nghĩa đế quốc áp bức, thì phải cùng nhau liên hiệp lại. Đả đảo đế quốc Pháp! Đả đảo chủ nghĩa đế quốc trên thế giới! Quốc dân Đảng nhất định giúp chúng tôi giải phóng, giúp tất cả các dân tộc bị áp bức giải phóng. Không phân biệt nước nào, dân tộc nào, tất cả hãy đứng lên chống kẻ thù chung của chúng ta. (Võ tay).

Hôm nay tôi rất vui mừng, bởi vì Quốc dân Đảng có được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II này, sắp tới nhất định sẽ giúp nhiều cho người cách mạng. Vì thế tôi xin chúc: Quốc dân Đảng Trung Quốc muôn năm! Cách mạng Trung Quốc thành công muôn năm! Cách mạng An Nam thành công muôn năm! Cách mạng thế giới thành công muôn năm!

(Chủ tịch: Đề nghị mọi người cùng hô to: Cách mạng An Nam thành công muôn năm!).

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.2, tr.228-232.*

GỬI ĐOÀN CHỦ TỊCH QUỐC TẾ NÔNG DÂN



Thư Nguyễn Ái Quốc gửi Đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân,
ngày 3/2/1926

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

Mátxcova

Các đồng chí thân mến,

Tôi gửi đến các đồng chí số đầu tiên của tờ *Nông dân Trung Quốc* do Quốc dân Đảng xuất bản, và tờ *Li-tao* do P.O.¹⁾ của Quảng Đông xuất bản, đồng thời với những báo cáo về phong trào nông dân đăng ở tạp chí *Quảng Châu*.

Tôi sẽ rất cảm ơn các đồng chí nếu gửi cho tôi tư liệu tuyên truyền bằng tiếng Pháp hay tiếng Anh - nhất là báo hằng ngày của Quốc tế Nông dân từ số đầu tiên để tôi có thể dịch cho báo chí Trung Quốc chúng tôi.

Tôi đã viết cho các đồng chí nhiều lần về vấn đề này. Nhưng cho đến nay, tôi không nhận được gì cả.

Chào cộng sản.

Quảng Châu, ngày 3/2/1926

NGUYỄN A.Q²⁾.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.236.

1) P.O: Peasant Organisation (Tổ chức nông dân) (B.T).

2) Trong nguyên bản tiếng Pháp, tác giả ký tên bằng tiếng Nga (B.T).

1
9
2
6

GỬI ỦY BAN TRUNG ƯƠNG THIẾU NHI¹⁾

Các đồng chí thân mến,

Chúng tôi có tại đây (Quảng Châu, Trung Quốc) một nhóm thiếu nhi An Nam. Các em đều từ 12 đến 15 tuổi. Đó là những thiếu nhi cộng sản đầu tiên của nước An Nam, bị chủ nghĩa đế quốc Pháp áp bức, và ở đó mọi việc giáo dục đều bị cấm. Các em còn nhỏ nhưng các em đã đau khổ nhiều. Các em đã để cha mẹ ở nhà cách hàng nghìn kilômét để bí mật đến Trung Quốc. Nhiều em có cha mẹ bị người Pháp bắt giam vì các em đã bỏ gia đình đi ra nước ngoài, như những người cách mạng!

Khi chúng tôi nói với các em về cách mạng Nga, về Lenin và về các bạn, - những chiến sĩ leninist Nga nhỏ tuổi - thì các em rất sung sướng và đòi sang với các bạn, để thăm các bạn, ở với các bạn, học tập với các bạn, và để trở thành như các bạn - những chiến sĩ leninist chân chính nhỏ tuổi.

Chúng tôi đã hứa với các em là sẽ viết thư cho các bạn về vấn đề đó. Và giờ đây tôi đã làm việc ấy. Chúng tôi hy vọng rằng các bạn sẽ không từ chối tiếp nhận 3 hay 4 bạn nhỏ An Nam của các bạn, có phải không? Nếu các bạn đồng ý cho các em đến thì các bạn sẽ làm những việc sau đây:

1. Ủy nhiệm cho đồng chí Bôrôđin, đại diện của Liên Xô tại Quảng Châu, làm mọi điều cần thiết cho hành trình của các em (gửi thư của các bạn cho Quốc tế Cộng sản hay cho Bộ Dân ủy ngoại giao)²⁾.

2. Nói rõ các bạn có thể tiếp nhận bao nhiêu thiếu nhi An Nam.

3. Đến tháng nào thì ở Mátxcơva bắt đầu rét? (Vì các em thiếu nhi đó đến từ một nước rất nóng, phải chọn thời gian cho các em đi).

4. Tới Mátxcơva thì các em sẽ đến địa chỉ nào?

Tôi đợi các bạn trả lời và gửi đến các bạn lời chào cộng sản.

Ngày 22 tháng 7 năm 1926

NGUYỄN ÁI QUỐC

Địa chỉ của tôi: Nilópxki, Hành thông tấn Rôxta, Quảng Châu, Trung Quốc.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.240-241.

1) Ủy ban Trung ương Đội Thiếu niên tiền phong trực thuộc Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Lênin (B.T).

2) Nguyên bản tiếng Pháp tác giả viết “Narkomindel” (B.T).

1
9
2
6

S630

mes amis ici (Canton, China) un group de pionniers Annamites. Ils sont tous de 12 à 13 ans. Ce sont les premiers enfants communistes de ce village d'Annas, appris par l'imperialisme français, et en toute éducation est interdite. Ils sont petits, mais ils ont déjà beaucoup souffert. Ils ont passé leurs parents/des milliers de kilomètres pour venir échappant en Chine. Beaucoup ont leurs parents emprisonné par les français parce qu'ils ont quitté leur famille pour aller à l'étranger, comme des révolutionnaires?

Ils que nous leur parlons de la Révolution russe, de Lénine et de vous - petits bolcheviques russes, ils sont très heureux et demandent d'aller chez vous, pour vous voir, pour être à ce vous, pour étudier avec vous, et pour devenir comme vous - des vrais petits bolcheviques.

Nous leur avons permis de vous écrire à ce sujet. Voici ce qu'il est fait, nous espérons que vous ne refuserez pas d'accepter 3 ou 4 de ces petits communistes annamites, n'est-ce pas? Si vous préférez qu'ils viennent, voici ce que vous ferez:

1/- Chargez le camarade Borodin, représentant du RCP à Canton, de faire le nécessaire pour leur voyage (donnez votre/au ambassadeur ou l'ambassadeur)

2/- Dites également de pionniers annamites vous pourrez recevoir.

3/- A quel mois il commence à faire froid à Hanoï (parce que nos pionniers sont venus d'un pays trop chaud, il faut choisir le temps pour les faire voyager)

4/- A Hanoï, à quelle adresse ils doivent aller?

Attendez votre réponse, et je vous envoie mon salut communiste.

22/7/26

Mr. Roosa New Agency, Canton
1926
12/7/26



Thư Nguyễn Ái Quốc gửi Ủy ban Trung ương Thiếu nhi Liên Xô, ngày 22/7/1926
(trang 2)

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
2
6

GỬI ĐẠI DIỆN ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN PHÁP TẠI QUỐC TẾ THANH NIÊN CỘNG SẢN

Đồng chí thân mến,

Chúng tôi đã đưa đến Quảng Châu một số trẻ em An Nam. Chúng tôi đã lập một nhóm thiếu nhi. Chúng tôi muốn gửi 3 hay 4 em qua Nga để các em được tiếp thu một nền giáo dục cộng sản chủ nghĩa tốt đẹp. Tôi đã viết thư cho Ủy ban Trung ương thiếu nhi Mátxcơva. Tôi đề nghị đồng chí ủng hộ yêu cầu của tôi và tiến hành mọi hoạt động cần thiết để người ta trả lời tôi được mau chóng và thuận lợi hơn.

Tôi chờ thư trả lời của đồng chí và gửi đến đồng chí lời chào cộng sản anh em.

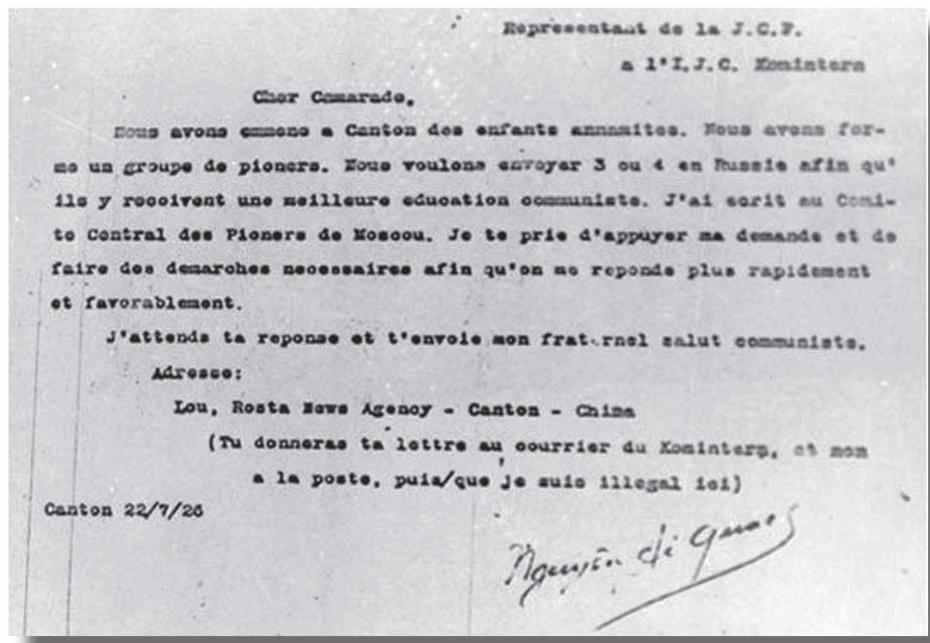
Địa chỉ:

Ô. Lu, Thông tấn xã Rôxta, Quảng Châu, Trung Quốc.

(Đồng chí hãy đưa thư của đồng chí cho người liên lạc của Quốc tế Cộng sản và đừng gửi qua bưu điện, vì ở đây tôi hoạt động bất hợp pháp).

Quảng Châu, ngày 22 tháng 7 năm 1926

NGUYỄN ÁI QUỐC



Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.242.

Thư Nguyễn Ái Quốc gửi đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Pháp tại Quốc tế Thanh niên Cộng sản, ngày 22/7/1926

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

BÁO CÁO GỬI QUỐC TẾ CỘNG SẢN

(Báo cáo của Đông Dương)

Đồng chí thân mến,

A. Sau đây là những việc tôi đã làm cho Đông Dương từ khi đến đây:

1. Tổ chức một tổ bí mật.
2. Tổ chức một Hội Liên hiệp nông dân (những người An Nam sống ở Xiêm).
3. Tổ chức một tổ thiếu nhi (7) lựa chọn trong con em nông dân và công nhân. Các em đang ở Quảng Châu và được nuôi dạy bằng tiền của chúng tôi.
4. Tổ chức một tổ phụ nữ cách mạng (bắt đầu từ tháng 4 gồm khoảng 12 hội viên).
5. Tổ chức một trường tuyên truyền. Các học viên được bí mật đưa đến Quảng Châu. Sau một tháng rưỡi học tập họ trở về nước. Khoá thứ nhất được 10 học viên. Khoá thứ hai sẽ mở vào tháng 7 tới, sẽ có khoảng 30 người.

Vì đi đường thì lâu ngày (khoảng 2 tuần lễ), nguy hiểm và tốn kém nhiều và khả năng tài chính của chúng tôi thì eo hẹp (với tiền lương của tôi, tiền lương của một trong số các đồng chí của tôi và một ít trợ cấp của các đồng chí Nga), nên công việc không được nhanh chóng như chúng tôi mong muốn.

B. Về tình hình chính trị Đông Dương thì đồng chí hãy đọc bài của tôi gửi cho *Inprekorr*¹⁾ kèm theo đây.

C. Ở Pari có một tổ chức của thuộc địa - Hội liên hiệp các thuộc địa - trong đó có nhiều người An Nam. Những người An Nam này có 2 tờ báo: tờ *Le Paria* bằng tiếng Pháp và tờ *L'Ame Annamite*²⁾ bằng tiếng quốc ngữ. Trong số người An Nam đó có một người, Nguyễn Thế Truyền, mà các đồng chí chúng ta ở Ban Nghiên cứu thuộc địa biết rõ. Tôi nhờ đồng chí *giúp tôi liên lạc với Nguyễn Thế Truyền* do

1) Tên viết tắt của tạp san Thư tín quốc tế (Correspondance internationale), cơ quan nghiên cứu lý luận của Quốc tế Cộng sản (B.T).

2) *An Nam hồn* (B.T).

Ban Nghiên cứu thuộc địa làm trung gian và nói với Nguyễn Thế Truyền gửi các tờ báo đó cho tôi. Tất cả thư từ gửi cho tôi phải qua Mátxcơva, vì không thể liên lạc trực tiếp được.

D. Ở đây, chúng tôi đã xuất bản tờ báo hằng tuần *Thanh niên*.

Từ 20 tháng 4, tôi có gửi cho hiệu sách của Đảng 550 phräng và nhờ gửi cho tôi báo *L'Humanité*, báo *La Vie Ouvrière* và tạp chí *Inprekorr* bằng tiếng Anh và tiếng Pháp, mà các đồng chí Trung Quốc đã yêu cầu tôi cung cấp. Hôm nay là ngày 3 tháng 6 mà tôi vẫn chưa nhận được gì cả. Nhờ đồng chí hỏi giùm hiệu sách vì sao?

Cảm ơn và gửi đồng chí lời chào cộng sản thân thiết.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Địa chỉ: Nilópxki

Nhờ ông lãnh sự Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xôviết tại Quảng Châu chuyển.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.238-239.

NĂM 1927

BÁO CÁO GỬI BAN PHƯƠNG ĐÔNG QUỐC TẾ CỘNG SẢN

1) Từ tháng 11/1924, tôi được Ban Phương Đông và Đảng Cộng sản Pháp phái đến Quảng Châu để làm việc cho Đông Dương.

Vì trong suốt thời gian ấy (1924 - 1927), tôi không nhận được quỹ, cũng không được lương của Quốc tế Cộng sản, tôi phải làm việc dịch thuật để kiếm sống và để phụ thêm cho công tác mà nó ngốn từ 75 đến 80% tiền lương của tôi, cộng với tiền đóng góp của các đồng chí.

Mặc dù thiếu thời gian và tiền, nhờ sự giúp đỡ của các đồng chí người Nga và An Nam, chúng tôi đã có thể: 1) Đưa 75 thanh niên An Nam đến học ở Trường Tuyên truyền do chúng tôi tổ chức ở Quảng Châu, 2) Xuất bản 3 tờ tuần báo nhỏ, 3) Phái những người tuyên truyền vừa mới được đào tạo về Xiêm, Trung Kỳ, Bắc Kỳ và Nam Kỳ, 4) Thành lập một liên đoàn cách mạng do một ủy ban gồm 5 ủy viên ở Quảng Châu lãnh đạo, liên đoàn đã bắc rẽ khắp nơi trong tất cả các xứ Đông Dương đó.

Tuy nhiên việc đi lại của các sinh viên và tuyên truyền viên, việc tổ chức các lớp học, v.v. tốn kém nhiều tiền (cho mỗi sinh viên từ Đông Dương đến Quảng Châu và trở về, chúng tôi chi hết 200 đôla). Vả lại sự giúp đỡ tài chính của các đồng chí không đều đặn và khó nhận nên tôi không thể tiếp tục làm như vậy được. Vì thế những đồng chí người Nga ở Quảng Châu đã tán thành dự kiến đi Mátxcơva để xin tiền của tôi.

Khi đoàn Đại biểu Quốc tế Cộng nhân đến Quảng Châu, đồng chí Đôriô (đại diện Đảng Cộng sản Pháp), đồng chí Vôlin (đại diện những đồng chí người Nga ở Quảng Châu) và tôi, chúng tôi đã chuẩn bị và gửi Ban Phương Đông một kế hoạch công tác và một dự án tài chính. Cho đến ngày 5 tháng 5, tôi không nhận được câu trả lời về vấn đề đó, cũng không nhận được chỉ thị nào khác.

2) Khi cuộc đảo chính nổ ra¹⁾, 3 trong 5 ủy viên của Ủy ban Đông Dương chúng tôi bị bắt giữ, tôi suýt bị bắt, tướng Lý Tế Thâm có quan hệ mật thiết với bọn đế quốc Pháp ở Đông Dương và ở Hạ Môn, một đồng chí người Nga duy nhất có trách nhiệm lúc đó đang ở Quảng Châu cũng không thể giúp đỡ được

1
9
2
7

1) Cuộc chính biến phản cách mạng tháng 4/1927 của Tưởng Giới Thạch (B.T).

chúng tôi, hoặc cho một lời khuyên nào, thậm chí ngừng trả tiền cho tôi với tư cách là người phiên dịch. Không thể làm gì được, trụ sở của chúng tôi bị cảnh sát đến khám xét và giám sát. Khi đó, tôi chỉ còn cách là phải chọn gấp giữa hai con đường hoặc là để bị bắt hay tiếp tục qua Mátxcơva về công tác ở Xiêm.

3) Chính trên tàu từ Thượng Hải đến Vladivostock, đồng chí Đôriô đã gặp tôi và đề nghị trước khi đi Xiêm, hãy đến Pari đã. Đồng chí nói để đồng chí sẽ hỏi Ban Chấp hành.

Ở Vladivostock, đồng chí Võitinxki từ Trung Quốc đến sau tôi vài ngày, đã đề nghị tôi quay trở lại Thượng Hải.

Như vậy, vấn đề đặt ra với tôi là: tôi phải theo đề nghị nào chứ không thể nhận cả hai đề nghị cùng một lúc. Tôi phải đi đâu, Xiêm hay Thượng Hải? Công tác của tôi ở nước nào cần hơn cả? Phải chăng chúng tôi sẽ thử tổ chức một số lính An Nam ở Thượng Hải (và lại theo họ nói với tôi thì họ đã sẵn sàng trở về nước) và bỏ lại tất cả công việc đã được bắt đầu ở Đông Dương?

Vấn đề đó do các đồng chí quyết định. Tôi chỉ được phép nói quan điểm của tôi như sau:

Dù rằng về bản thân và về mặt vật chất thì đối với tôi, tôi ở Thượng Hải sẽ tốt hơn nhiều, nhưng tôi muốn đi Xiêm hơn. a) Vì công tác trong binh lính An Nam ở Thượng Hải chắc chắn là rất hay, song công việc hoặc nói cho đúng hơn là sự tiếp tục công việc ở Đông Dương - dù kết quả còn xa xôi và ít nhưng lại quan trọng hơn. b) Vì ở Thượng Hải chứ không phải ở Xiêm, nhiều đồng chí khác có thể thay tôi. c) Vì những tin tức về cuộc phản biến Trung Quốc do đế quốc Pháp truyền lan đang gieo rắc sự nhụt chí trong người An Nam và trong lúc này, nếu chúng ta để công tác không liên tục thì tất cả những gì chúng ta đã làm trong 3 năm qua sẽ mất hết và chúng ta sẽ rất khó làm lại từ đầu vì tâm trạng những người An Nam đã nhiều lần thất vọng.

Vì thế, tôi tiếp tục đi Mátxcơva để trình bày yêu cầu của tôi.

4) *Yêu cầu của tôi:* Ngay bây giờ tôi không thể lập một dự trù ngân sách chi tiết cho công tác của tôi ở Đông Dương (đi qua Xiêm). Vì vậy, tôi chỉ có thể lập dự trù theo cách áng chừng với những con số phù hợp với hoàn cảnh. Biết sự khó khăn về liên lạc từ Đông Dương đi Mátxcơva, và định thời gian cư trú ở thuộc địa này khoảng chừng 2 năm, tôi trình bày với các đồng chí một yêu cầu về ngân sách tính theo Mỹ kim như sau:

Lương tháng 150 đôla trong 2 năm

(cho tôi và những người giúp việc) 3.600 \$

Quỹ để công tác trong 2 năm

(mỗi tháng 200 đôla)	4.800 \$
----------------------	----------

Tiền chi bất thường	1.100 \$
---------------------	----------

Tổng cộng	9.500 \$
-----------	----------

Tất nhiên, ở đây *tiền lương* chỉ là tượng trưng vì ngoài phần chi tiêu tối cần thiết cho chúng tôi, phần còn lại sẽ chuyển sang quỹ công tác. Và nếu các đồng chí vui lòng chấp thuận thì ngân sách này chỉ được thực hiện từ ngày tôi đến Băng Cốc.

Trong khi chờ đợi quyết định của các đồng chí, xin các đồng chí vui lòng: 1) đưa tôi vào bệnh viện, 2) khi tôi ra bệnh viện cho phép tôi được học vài kinh nghiệm cần thiết cho công tác của tôi, 3) và cho tôi lên đường càng sớm càng tốt.

Gửi các đồng chí lời chào cộng sản.

Mátxcơva tháng 6/1927

- 1) Cấu tạo của một phân ban
- 2) Việc gửi các sinh viên
- 3) Chương trình nghiên cứu và tư liệu¹⁾.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.261-264.

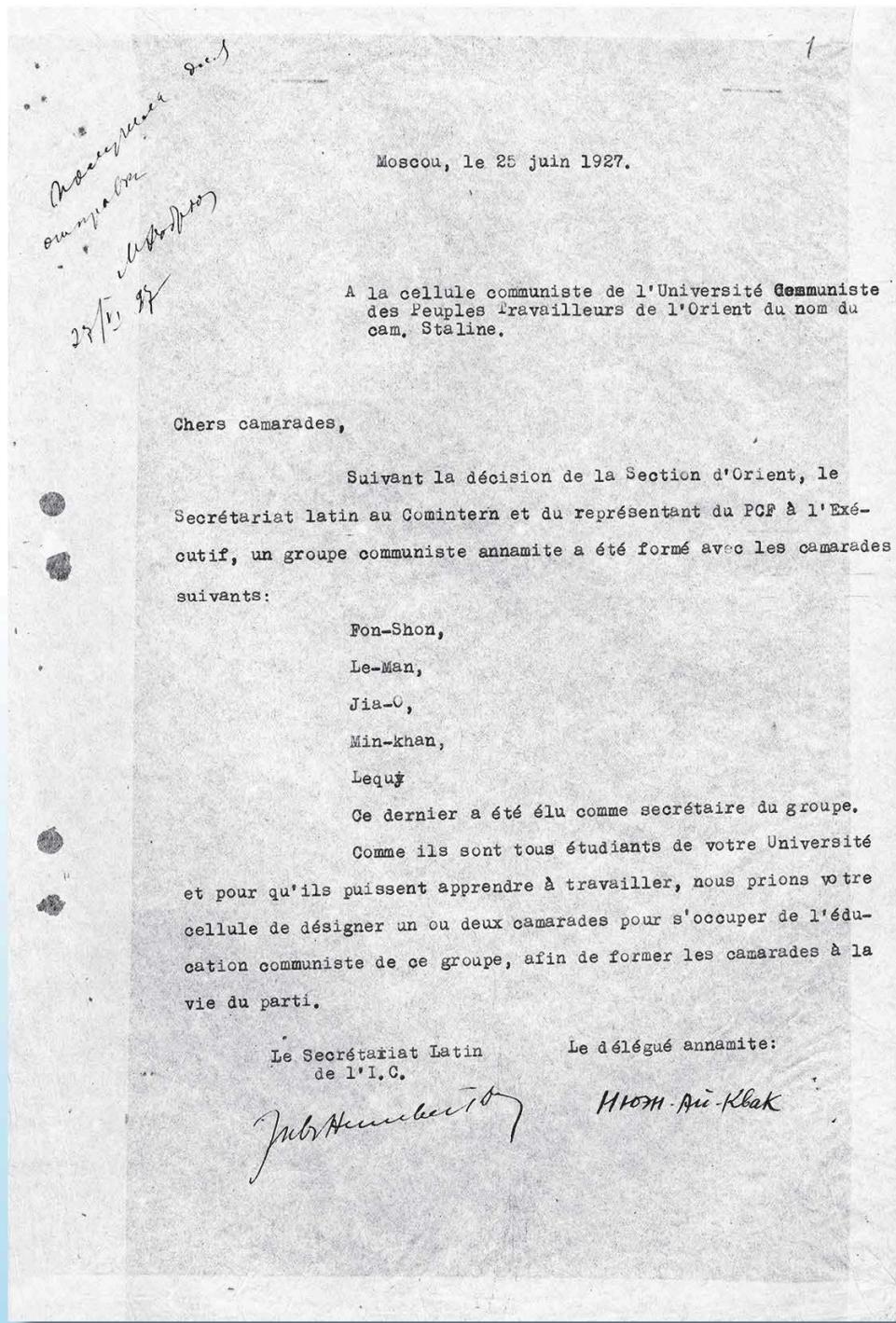
1
9
2
7

1) Ba dòng thêm này viết tay (B.T).

1
9
2
7

Thư của Bí thư Ban Latinh - Quốc tế Cộng sản và
Nguyễn Ái Quốc - đại biểu An Nam gửi Chi bộ Đảng
Trường Đại học Phương Đông để nghị về thành
phân nhóm Cộng sản An Nam theo học tại Trường,
ngày 25/6/1927

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)



THƯ GỬI CHI BỘ ĐẢNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

Mátxcova, ngày 25 tháng 6 năm 1927

Gửi Chi bộ cộng sản Trường đại học cộng sản của nhân dân lao động Phương Đông mang tên đồng chí Xtalin,

Các đồng chí thân mến,

Theo quyết định của Ban Phương Đông, Ban bí thư latin của Quốc tế Cộng sản và đại diện Đảng Cộng sản Pháp ở Ban Chấp hành, một nhóm cộng sản An Nam đã được thành lập với các đồng chí sau đây:

- Phon Shon,
- Le Man,
- Jiao,
- Min Khan,
- Lequy¹⁾.

Đồng chí cuối cùng được cử làm bí thư nhóm.

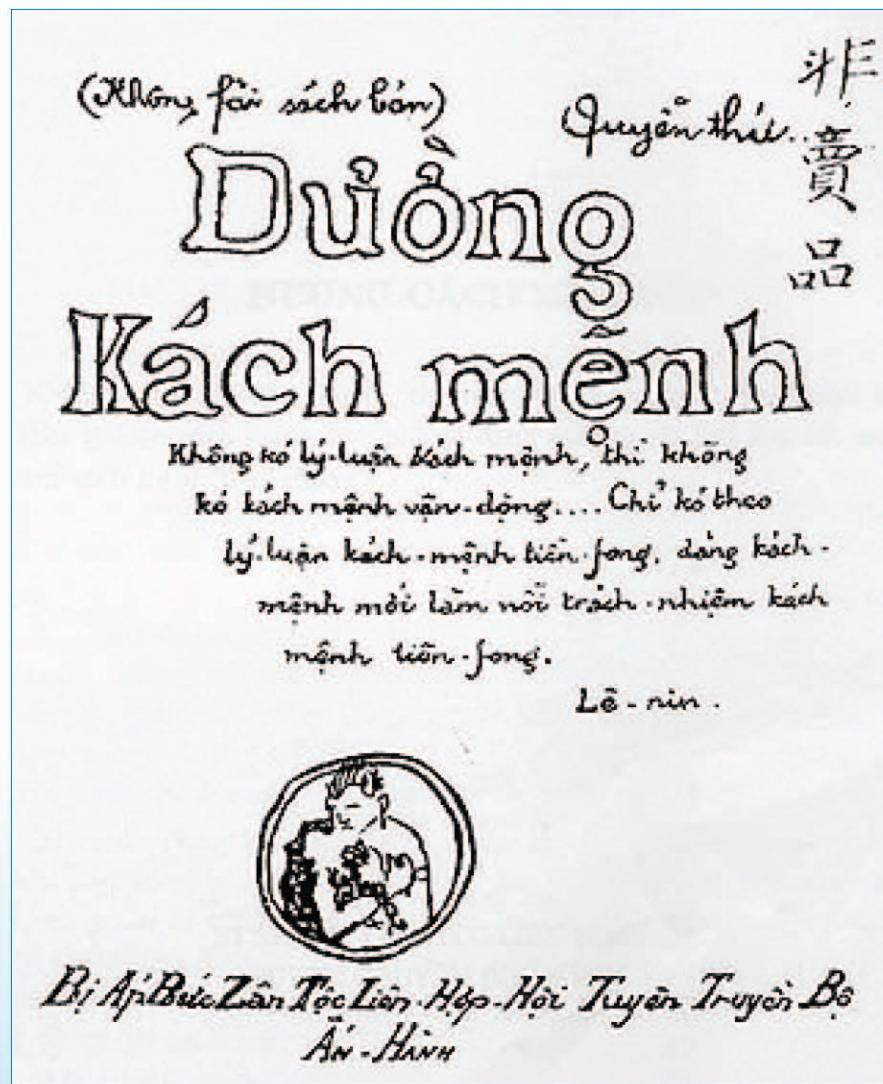
Vì các đồng chí đó đều là sinh viên trường các đồng chí và để cho họ có thể học cách làm việc, chúng tôi yêu cầu chi bộ đồng chí chỉ định một hay hai đồng chí chăm lo việc giáo dục cộng sản cho nhóm đó, để đào tạo các đồng chí đó theo sinh hoạt của Đảng.

Ban Bí thư Latinh của Quốc tế Cộng sản
G. HUMBE

Đại biểu An Nam
NGUYỄN ÁI QUỐC

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.259-260.

1) Bí danh của Nguyễn Thế Rục, Ngô Đức Trì, Bùi Công Trừng, Bùi Lâm và Trần Phú - những sinh viên Việt Nam đang học tại Trường đại học Phương Đông (B.T).



Bìa sách *Đường Cách mệnh*, gồm những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại lớp huấn luyện cán bộ cách mạng ở Quảng Châu, Trung Quốc, xuất bản năm 1927

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

ĐƯỜNG CÁCH MỆNH

Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiên phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong¹⁾.

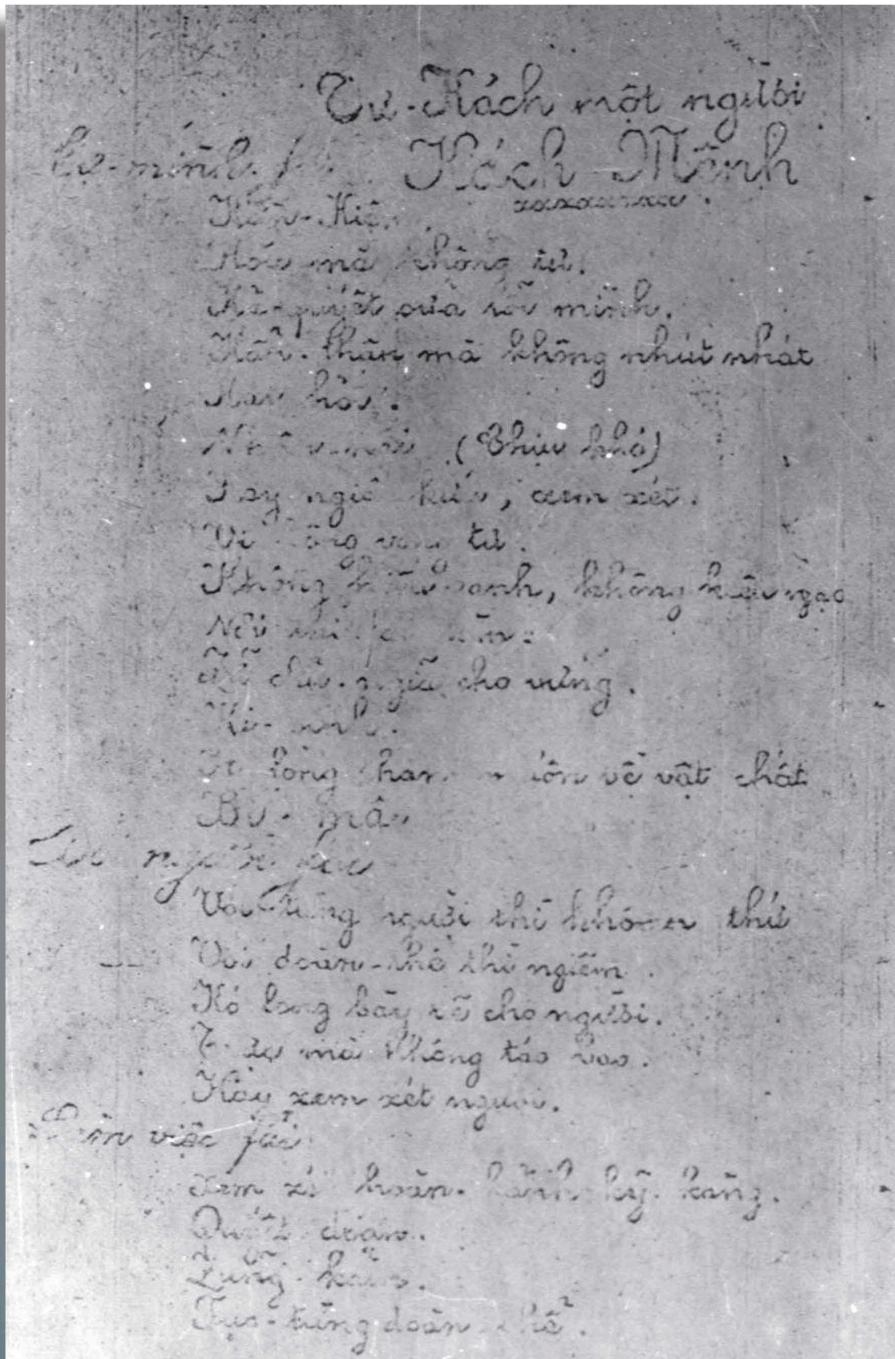
LÊNIN

1
9
2
7

BỊ ÁP BỨC DÂN TỘC LIÊN HỢP HỘI TUYÊN TRUYỀN BỘ ĂN HÀNH

1) Trích trong cuốn *Làm gì?* của V.I. Lênin (B.T).

1
9
2
7



Bài "Tư cách một người cách mạng" trong tác phẩm *Đường cách mạng* của Nguyễn Ái Quốc, năm 1927

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

TƯ CÁCH MỘT NGƯỜI CÁCH MỆNH

Tự mình phải:

- Cần kiệm.
- Hoà mà không tư.
- Cả quyết sửa lỗi mình.
- Cần thận mà không nhút nhát.
- Hay hỏi.
- Nhẫn nại (chịu khó).
- Hay nghiên cứu, xem xét.
- Vị công vong tư.
- Không hiếu danh, không kiêu ngạo.
- Nói thì phải làm.
- Giữ chủ nghĩa cho vững.
- Hy sinh.
- Ít lòng tham muốn về vật chất.
- Bí mật.

Đối người phải:

- Với từng người thì khoan thứ.
- Với đoàn thể thì nghiêm.
- Có lòng bày vẽ cho người.
- Trực mà không táo bạo.
- Hay xem xét người.

Làm việc phải:

Xem xét hoàn cảnh kỹ càng.

Quyết đoán.

Dũng cảm.

Phục tùng đoàn thể.

1
9
2
7

VÌ SAO PHẢI VIẾT SÁCH NÀY?

1. Phàm làm việc gì cũng vậy, bất kỳ lớn bé, bất kỳ khó dễ, nếu không ra sức thì chắc không thành công. Tục ngữ Tàu có câu: “Sư tử bắt thỏ tất dùng hết sức”. Sư tử mạnh biết chừng nào, nếu bắt thỏ thì có khó gì, thế mà còn phải dùng hết sức, huống gì làm việc to tát như việc giải phóng gông cùm nô lệ cho đồng bào, cho nhân loại, nếu không hết sức thì làm sao được.

2. Lại nhiều người thấy khó thì ngã lòng, không hiểu rằng “nước chảy đá mòn” và “có công mài sắt, có ngày nên kim”. Việc gì khó cho mấy, quyết tâm làm thì làm chắc được, ít người làm không nổi, nhiều người đồng tâm hiệp lực mà làm thì phải nổi. Đời này làm chưa xong thì đời sau nối theo làm thì phải xong.

3. Muốn đồng tâm hiệp lực, muốn bền gan thì trước ai ai cũng phải hiểu rõ vì sao mà phải làm, vì sao mà không làm không được, vì sao mà ai ai cũng phải gánh một vai, vì sao phải làm ngay không nên người này ngồi chờ người khác. Có như thế mục đích mới đồng; mục đích có đồng, chí mới đồng; chí có đồng, tâm mới đồng; tâm đã đồng, lại phải biết cách làm thì làm mới chóng.

4. Lý luận và lịch sử cách mệnh có nhiều sách lăm. Pháp nó sợ, nên cấm chúng ta học, cấm chúng ta xem, cho nên đồng bào ta đối với hai chữ cách mệnh còn lờ mờ lăm. Có người biên chép đề xướng ra một chút lại làm một cách rất hổ đồ; hoặc xúi dân bạo động mà không bày cách tổ chức; hoặc làm cho dân quen tính ỷ lại, mà quên tính tự cường.

5. Mục đích sách này là để nói cho đồng bào ta biết rõ: (1) Vì sao chúng ta muốn sống thì phải cách mệnh. (2) Vì sao cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người. (3) Đem lịch sử cách mệnh các nước làm gương cho chúng ta soi. (4) Đem phong trào thế giới nói cho đồng bào ta rõ. (5) Ai là bạn ta? Ai là thù ta? (6) Cách mệnh thì phải làm thế nào?

6. Sách này muốn nói cho vắn tắt, dễ hiểu, dễ nhớ. Chắc có người sẽ chê rằng văn chương cùt quằn. Vâng! Đây nói việc gì thì nói rất giản tiện, mau mắn, chắc chắn như 2 lần 2 là 4, không tô vẽ trang hoàng gì cả.

Hơn sáu mươi năm nay, đế quốc chủ nghĩa Pháp đập trên đầu; hơn hai mươi triệu đồng bào hấp hối trong vòng tử địa. Phải kêu to, làm chóng để cứu lấy giống nòi, thì giờ đâu rảnh mà vẽ vời trau chuốt!

Sách này chỉ ước ao sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh.

Văn chương và hy vọng sách này chỉ ở trong hai chữ: Cách mệnh! Cách mệnh!! Cách mệnh!!!

CÁCH MỆNH

1. Cách mệnh là gì?

Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt. Thí dụ: ông Galilê (1633) là khoa học cách mệnh. Ngày xưa ai cũng tưởng rằng giới tròn đất vuông, nhân kinh nghiệm và trắc đạc¹⁾, ông ấy mới quyết rằng trái đất tròn và chạy chung quanh mặt trời.

Ông Stêphenxông (1800) là cơ khí cách mệnh. Ngày xưa chỉ đi bộ và đi xe ngựa kéo; ông ấy mới làm ra xe lửa.

Ông Đácuyn (1859) là cách vật cách mệnh²⁾. Ngày xưa không ai hiểu rõ sự sinh hoá³⁾ của vạn vật, ông ấy mới nghiên cứu ra vì sao mà có sự sinh hoá ấy.

Ông Các Mác là kinh tế học cách mệnh. Ông ấy nghiên cứu rõ ràng tư bản chủ nghĩa, đế quốc chủ nghĩa, giai cấp tranh đấu, vân vân ở đâu mà sinh ra; lịch sử nó thế nào, hiện tượng nó thế nào, và kết quả nó sẽ ra thế nào.

2. Cách mệnh có mấy thứ?

Ấy là tư tưởng cách mệnh, dân chúng cách mệnh thì có 3 thứ:

- A- Tư bản cách mệnh.
- B- Dân tộc cách mệnh.
- C- Giai cấp cách mệnh.

Tư bản cách mệnh như Pháp cách mệnh năm 1789. Mỹ cách mệnh độc lập năm 1776 (đuổi Anh), Nhật cách mệnh năm 1864⁴⁾.

1) Trắc đạc: đo đạc (B.T).

2) Cách vật cách mệnh: sinh vật cách mệnh (B.T).

3) Sinh hoá: nảy nở và biến đổi (B.T).

4) Cuộc Minh Trị duy tân từ năm 1868 (B.T).

1
9
2
7

Dân tộc cách mệnh như Ytali đuổi cường quyền Áo năm 1859. Tàu đuổi Mãn Thanh năm 1911. Giai cấp cách mệnh như công nông Nga đuổi tư bản và giành lấy quyền¹⁾ năm 1917.

3. Vì sao mà sinh ra tư bản cách mệnh?

A. Tư bản ở thành phố là tư bản mới, nó có lò máy và làm ra hàng hoá. Có lò máy thì muốn có nhiều thợ làm công cho nó. Làm ra hàng hoá thì muốn nhiều người mua của nó. Muốn nhiều người mua bán thì muốn giao thông tiện lợi.

B. Tư bản ở hương thôn là địa chủ, nó muốn giữ những chế độ phong kiến, thổ địa nhân dân; ở chỗ nào chủ quyền đều là về tay bọn quyền quý ở đấy cả; nó đối với nhân dân, nó coi như trâu, như lợn, nó bắt ở yên một chỗ để cày ruộng cho nó, nó đối với người đi buôn, thì hàng hoá nó muốn lấy thuế bao nhiêu thì lấy, không có chừng độ, tiền bạc mỗi xứ một thứ, đi lại phải xin chúng nó cho phép, nó làm nhiều cách trở ngại cho việc buôn bán mới.

Địa chủ hết sức ngăn trở tư bản mới, tư bản mới hết sức phá địa chủ, hai bên xung đột nhau làm thành ra tư bản cách mệnh.

Không bao giờ hai tụy này chống nhau kịch liệt và rõ ràng, dễ thấy bằng bên Mỹ. Năm 1861 đến 1865, mấy tỉnh phía Bắc (tư bản mới) cử binh đánh lại mấy tỉnh phía Nam (điền chủ) như 2 nước thù địch vậy²⁾.

4. Vì sao mà sinh ra dân tộc cách mệnh?

Một nước cậy có sức mạnh đến cướp một nước yếu, lấy võ lực cai trị dân nước ấy, và giành hết cả quyền kinh tế và chính trị. Dân nước ấy đã mất cả tự do độc lập, lại làm ra được bao nhiêu thì bị cường quyền vơ vét bấy nhiêu.

Nó đã cướp hết sản vật, quyền lợi của dân rồi, khi có giặc giã, nó lại bắt dân đi lính chết thay cho nó. Như trong trận Âu chiến 1914 - 1918, Tây bắt ta đi lính, sau lại gia thuế gia sưu. Đánh được thì nó hưởng lợi quyền, thua thì mình đã chết người lại hại của.

Nói tóm lại là bọn cường quyền này bắt dân tộc kia làm nô lệ, như Pháp với An Nam. Đến khi dân nô lệ ấy chịu không nổi nữa, tinh thần ngột lên, đoàn kết lại, biết rằng thà chết được tự do hơn sống làm nô lệ, đồng tâm hiệp lực đánh đuổi tụi áp bức mình đi; ấy là dân tộc cách mệnh.

1) Giành lấy chính quyền (B.T).

2) Cuộc nội chiến ở Mỹ kéo dài từ năm 1861 đến năm 1865 giữa các tập đoàn tư sản công nghiệp miền Bắc và các tập đoàn chủ nô miền Nam (B.T).

5. Vì sao mà sinh ra giai cấp cách mệnh?

Trong thế giới có 2 giai cấp:

- A. Tư bản (không làm công mà hưởng lợi).
- B. Công và nông (làm khổ nhọc mà chẳng được hưởng).

Như người thợ An Nam, làm ở mỏ than Hòn Gay, một ngày làm 11 giờ, đầu năm làm đến cuối, một ngày chỉ được 3 hào, ăn chẳng đủ ăn, mặc không có mặc, đau không có thuốc, chết không có hòm.

Còn anh chủ mỏ ấy không bao giờ nhúng tay đến việc gì, mà nó ăn sung mặc sướng, lên ngựa xuống xe, mỗi năm lại được mấy mươi triệu đồng lời (năm 1925 nó được 17.000.000 đồng). Thủ hỏi 17 triệu ấy thằng chủ Tây làm ra hay là công nhân An Nam làm ra? Dân cày ta ruộng không có mà cày, mà tựi đòn điền Tây nó chiếm hết 122.000 mẫu ruộng tốt ở Trung Kỳ, 150.000 mẫu ở Nam Kỳ.

Dân ta nơi thì không đủ ăn, nơi thì chết đói, mà điền chủ mỗi năm nó bán gạo gần 1.000 triệu quan tiền Tây¹⁾ (năm 1925 nó bán 911.477.000 quan).

Nước ta như vậy, các nước cũng như vậy. Công nông không chịu nổi, đoàn kết nhau đánh đuổi tư bản đi, như bên Nga, ấy là giai cấp cách mệnh; nói tóm lại là giai cấp bị áp bức cách mệnh²⁾ để đập đổ giai cấp áp bức mình.

6. Cách mệnh chia làm mấy thứ?

Cách mệnh chia ra hai thứ:

A. Như An Nam đuổi Pháp, Ấn Độ đuổi Anh, Cao Ly³⁾ đuổi Nhật, Philíppin đuổi Mỹ, Tàu đuổi các đế quốc chủ nghĩa để giành lấy quyền tự do bình đẳng của dân nước mình, ấy là dân tộc cách mệnh.

B. Tất cả dân cày, người thợ trong thế giới bất kỳ nước nào, nòi nào đều liên hợp nhau lại như anh em một nhà, để đập đổ tất cả tư bản trong thế giới, làm cho nước nào, dân nào cũng được hạnh phúc, làm cho thiên hạ đại đồng - ấy là thế giới cách mệnh.

Hai thứ cách mệnh đó tuy có khác nhau, vì dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền. Còn thế giới cách mệnh thì vô sản giai cấp đứng đầu đi trước. Nhưng 2 cách mệnh ấy vẫn có quan hệ với nhau. Thí dụ: An Nam dân tộc cách mệnh

1) Đồng phrăng Pháp (B.T).

2) Giai cấp bị áp bức cách mệnh, tức là giai cấp bị áp bức làm cách mạng (B.T).

3) Nay là nước Triều Tiên (B.T).

thành công thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ. Và nếu công nông Pháp cách mệnh thành công, thì dân tộc An Nam sẽ được tự do.

Vậy nên cách mệnh An Nam với cách mệnh Pháp phải liên lạc với nhau.

7. Ai là những người cách mệnh?

Vì bị áp bức mà sinh ra cách mệnh, cho nên ai mà bị áp bức càng nặng thì lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết. Khi trước tư bản bị phong kiến áp bức cho nên nó cách mệnh. Nay giờ tư bản lại đi áp bức công nông, cho nên công nông là người chủ cách mệnh¹⁾.

1. Là vì công nông bị áp bức nặng hơn,
2. Là vì công nông là đông nhất cho nên sức mạnh hơn hết,
3. Là vì công nông là tay không chân rồi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc. Vì những cớ ấy, nên công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công nông; 3 hạng ấy chỉ là bassel bạn cách mệnh của công nông thôi.

8. Cách mệnh khó hay là dễ?

Sửa cái xã hội cũ đã mấy ngàn năm làm xã hội mới, ấy là rất khó. Nhưng biết cách làm, biết đồng tâm hiệp lực mà làm thì chắc làm được, thế thì không khó. Khó dễ cũng tại mình, mình quyết chí làm thì làm được. Nhưng muốn làm cách mệnh thì phải biết:

A- Tụi tư bản và đế quốc chủ nghĩa nó lấy tôn giáo và văn hóa làm cho dân ngu, lấy phép luật buộc dân lại, lấy sức mạnh làm cho dân sợ, lấy phú quý làm cho dân tham. Nó làm cho dân nghe đến 2 chữ cách mệnh thì sợ rùng mình.

Vậy cách mệnh trước phải làm cho dân giác ngộ.

B- Dân khổ quá hay làm bạo động, như dân An Nam ở Trung Kỳ kháng thuế, Hà Thành đầu độc, Nam Kỳ phá khám; không có chủ nghĩa, không có kế hoạch, đến nỗi thất bại mãi.

Vậy cách mệnh phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa²⁾ cho dân hiểu.

1) Công nông là người chủ cách mệnh, tức là công nhân và nông dân là lực lượng nòng cốt, là đội quân chủ lực của cách mạng (B.T).

2) Giảng giải lý luận và chủ nghĩa, tức là giảng giải lý luận cách mạng và chủ nghĩa Mác - Lênin (B.T).

C- Dân vì không hiểu tình thế trong thế giới, không biết so sánh, không có mưu chước, chưa nên làm đã làm, khi nên làm lại không làm¹⁾.

Cách mệnh phải hiểu phong triều thế giới, phải bày sách lược cho dân.

D- Dân thường chia rẽ²⁾ phái này bọn kia, như dân ta người Nam thì nghi người Trung, người Trung thì khinh người Bắc, nên nỗi yếu sức đi, như đưa mỗi chiếc mỗi nơi.

Vậy nên sức cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh.

9. Cách mệnh trước hết phải có cái gì?

Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thi vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thi liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam.

Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin.

1
9
2
7

1) Tức là không biết nắm thời cơ cách mạng (B.T).

2) Dân thường bị chia rẽ (do âm mưu của bọn thực dân là chia rẽ để dễ cai trị) (B.T).

LỊCH SỬ CÁCH MỆNH MỸ

1. Lịch sử Mỹ thế nào?

Thế kỷ thứ 14 về trước, chưa ai biết Mỹ ở đâu. Đến năm 1492, người buôn tên là Christophe Colomb đi tàu buôn muốn qua Ấn Độ, nhưng đi lạc đường, may lại gặp châu Mỹ. Dân xứ ấy là loài da đỏ, chỉ đi săn bắn không biết buôn bán và làm nghề.

Từ lúc Colomb tìm ra châu Mỹ, thì người các nước bên Âu tràn qua đấy làm ăn. Người da trắng muốn bắt người da đỏ làm nô lệ, nhưng nó không chịu làm, thì chúng giết mòn giết mỏi người da đỏ đi, rồi bắt người da đen bên Phi qua làm cho chúng nó.

Người Âu qua Mỹ thì nước nào cũng có, nhưng đông nhất là người Anh (3.000.000 người). Vì vậy, Anh giành Mỹ làm thuộc địa.

2. Vì sao mà Mỹ làm cách mệnh?

Thổ sản Mỹ rất giàu, đồng, sắt, than, bông, lúa, trâu bò, vân vân, vật gì cũng nhiều. Anh thì tham, muốn hốt về cho mình cả, cho nên đặt ra 3 phép như sau này:

1. Có bao nhiêu thổ sản, Mỹ phải cung cấp cho Anh hết, không được bán cho các nước khác.
2. Dân Mỹ không được lập ra lò máy và hội buôn bán.
3. Các nước không được vào buôn bán với Mỹ, chỉ Anh được buôn bán mà thôi.

Vì 3 điều ấy, lại thêm thuế nặng nề, làm cho kinh tế Mỹ rất khốn đốn, nên từ năm 1770, dân Mỹ tức mình “tẩy chay” Anh.

3. Phong triều áy kết quả ra thế nào?

Phong triều “tẩy chay” giắc dai đến 5 năm. Anh đem lính qua dẹp, và bắt những người cầm đầu làm tội. Mỗi lần bắt một người cầm đầu, thì dân càng tức giận thêm. Đến năm 1775, khi lính Anh bắt mấy người cầm đầu nữa, dân kéo nhau ra cứu, lại bị lính Anh giết chết 9 người. Việc này như lửa rơi vào thuốc súng, dân tức quá thì nổ, sống chết cũng quyết đuối được Chính phủ Anh mới thôi.

Cách một năm sau, đến ngày 4 tháng 7 năm 1776 thì cách mệnh được và Mỹ tuyên bố độc lập, và nước Mỹ thành ra nước cộng hoà.

Bây giờ Mỹ có 48 tỉnh¹⁾ và 110.000.000 dân.

4. Ý nghĩa cách mệnh Mỹ với cách mệnh An Nam thế nào?

1. Chính sách Pháp đối với An Nam bây giờ xấu hơn Anh đối với Mỹ trước, vì Pháp đã vơ vét hết của cải dân ta, đã ngăn cấm dân ta làm việc này việc khác; nó lại bắt dân ta hút thuốc phiện và uống rượu. Anh chỉ ham tiền Mỹ, Pháp đã ham tiền lại muốn làm mất nòi, mất giống An Nam đi. Thế mà dân An Nam còn chưa học Mỹ mà làm cách mệnh!

2. Trong lời tuyên ngôn của Mỹ có câu rằng: “Giới sinh ra ai cũng có quyền tự do, quyền giữ tính mệnh của mình, quyền làm ăn cho sung sướng... Hễ Chính phủ nào mà có hại cho dân chúng, thì dân chúng phải đập đổ Chính phủ ấy đi, và gây lên Chính phủ khác...”.

Nhưng bây giờ Chính phủ Mỹ lại không muốn cho ai nói đến cách mệnh, ai đụng đến Chính phủ!

3. Mỹ tuy rằng cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai.

Ấy là vì cách mệnh Mỹ là cách mệnh tư bản, mà cách mệnh tư bản là chưa phải cách mệnh đến nơi²⁾.

Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc.

1
9
2
7

1) 48 tỉnh: 48 bang. Khi cách mạng tư sản Mỹ bùng nổ (1776), ở Mỹ có khoảng 3 triệu dân với 13 bang (B.T).

2) Cách mạng tư sản là cuộc cách mạng không triệt để (B.T).

CÁCH MỆNH PHÁP

1. Vì sao Pháp có phong triều cách mệnh?

Hồi thế kỷ thứ 18, vua thì kiêu xa dâm dật, quý tộc và bọn cố đạo thì hoành hành; thuế nặng dịch phiền, dân tình khốn khổ.

Phần thì Canada và Ấn Độ, nguyên là thuộc địa Pháp, nay bị Anh vơ mất.

Phần thì những người học thức như ông Môngtexkiø (1755), Vônte và Rútô (1778) tuyên truyền chủ nghĩa tự do bình đẳng.

Phần thì phong triều cách mệnh Anh (ông Krômven chém vua Anh và lập Cộng hoà Chính phủ năm 1653) còn mới, và phong triều dân chủ Mỹ (1776) vừa qua.

Nhất là vì tư bản mới bị tụi phong kiến ngăn trở, dân thì bị vua, quý tộc và cố đạo áp bức. Vậy nên tư bản mới liên hiệp với học trò, dân cày và người thợ để phá phong kiến.

2. Cách mệnh Pháp khởi từ bao giờ?

Vua thấy dân chộn rộn, thì bắt bớ những người tuyên truyền và tổ chức. Dân thấy vậy thì tức quá, đến ngày 14 tháng 7 năm 1789 kéo nhau đến phá khám lớn (Baxti). Vua đem lính về giữ kinh đô; dân lại tổ chức cách mệnh đội để phòng chống lại. Vua lui ra ở tại tỉnh Vécxây.

Ngày 5 tháng 10 năm ấy, thợ thuyền đàn bà con gái Pari kéo nhau đến Vécxây bắt vua về khai hội, và ký tờ tuyên ngôn:

1. Là bỏ chế độ phong kiến, giải phóng nông nô.
2. Là đem của các nhà thờ đạo làm của Nhà nước.
3. Là cho dân tự do làm báo, tổ chức, vân vân.
4. Là lập hiến pháp, nghĩa là vua không được chuyên quyền.

1792, vì vua cầu cứu với ngoại quốc và thông với bọn phản cách mệnh, dân mới bỏ vua mà lập ra cộng hoà.

1793, ngày 21 tháng 1 làm án vua và vợ con vua là phản quốc tặc¹⁾, rồi đem ra chém.

3. Các nước Âu châu đối với cách mệnh Pháp thế nào?

Dân các nước thì đều mừng thầm và tán thành. Nhưng vua và quý tộc các nước thì sợ dân mìn bắt chước dân Pháp, cho nên bên ngoài chúng nó liên binh đánh cách mệnh mà bên trong thì giúp cho tựi phản cách mệnh.

Dân Pháp tuy lương thực ít, súng ống thiếu, nhưng chỉ nhờ gan cách mệnh mà trong dẹp nội loạn, ngoài phá cường quyền. Hồi ấy lính cách mệnh gọi là “lính không quần”²⁾, người không có nón, kẻ không có giày, áo rách quần tua, mặt gầy bụng đói. Thế mà lính ấy đến đâu, thì lính ngoại quốc thua đáy, vì họ gan liều hy sinh quá, không ai chống nổi.

Thế thì biết: một người cách mệnh có gan, hơn một ngàn người vô chí.

4. Pháp cách mệnh đến mấy lần?

Năm 1792 đến 1804 Cộng hoà lần thứ 1. Năm 1804 Napôlêông phản cách mệnh lên làm hoàng đế.

Năm 1814 các nước đánh Napôlêông thua rồi đem dòng vua cũ lên ngôi đến 1848.

Năm 1848 lại cách mệnh lần thứ 2³⁾.

Năm 1852 cháu Napôlêông lại phản cách mệnh lên làm vua.

Năm 1870 nhân thua Đức, Napôlêông thứ 3 bỏ chạy, Pháp lại lập lên Cộng hoà lần thứ 3.

5. Pari Công xã (Commune de Paris) là gì?

Năm 1871 vua Pháp thua chạy rồi, lính Đức tới vây kinh đô Pháp là Pari. Tư bản Pháp cắt 2 tỉnh cung cho Đức để cầu hoà. Vì giặc giã mà chết nhiều người, hại nhiều của. Dân không bánh ăn, thợ không công làm. Ngày 18 tháng 3, thợ thuyền Pari nổi lên làm cách mệnh cộng sản (Công xã).

Vì thợ thuyền còn non nớt, tổ chức không khéo, và lại Đức giúp cho tư bản Pháp đánh lại thợ thuyền, nên cuối tháng 5 thì cách mệnh thất bại.

1) Kẻ phản bội Tổ quốc (B.T).

2) Quân đội cách mạng Pháp thành lập năm 1793, gồm phần lớn là nông dân và thợ thủ công nghèo. Họ không được trang bị quần ngần như quân đội của bọn quý tộc (B.T).

3) Chỉ cuộc cách mạng tư sản Pháp lần thứ hai, nổ ra tháng 2-1848 (B.T).

6. Mục đích Công xã ấy thế nào?

Khi vừa lấy được Pari rồi, thì Công xã lập lên Chính phủ dân¹⁾ và tuyên bố rằng Công xã sẽ thực hành những việc này:

1. Bao nhiêu cơ quan sinh sản²⁾ riêng đều đem làm của công.
2. Tất cả trẻ con trong nước, bất kỳ con trai con gái, đều phải đi học. Học phí Nhà nước phải cho.
3. Dân có quyền tự do tổ chức, làm báo, khai hội, xuất dương, v.v..
4. Bất kỳ đàn ông đàn bà, ai cũng được quyền chính trị, tuyển cử và ứng cử.
5. Chính phủ tự dân cử lên, và dân có quyền thay đổi Chính phủ.

7. Kết quả Công xã ra thế nào?

Tư bản Pháp khi ấy như nhà cháy 2 bên, bên thì Đức bắt chịu đầu, bên thì cách mệnh nổi trước mắt. Tư bản Pháp thể chịu nhục với Đức, chứ không chịu hoà với cách mệnh. Đức thấy cách mệnh cũng sợ, cho nên hết lòng giúp tư bản Pháp đánh lại cách mệnh. Lúc Pháp vừa hàng, thì Đức bắt bỏ hết lính, chỉ cho 40.000 culit³⁾ mà thôi. Khi cách mệnh nổi lên, Đức lại cho phép tư bản Pháp thêm lên 100.000 lính để dẹp cách mệnh.

Xem vậy thì hiểu rằng: “Tư bản không có Tổ quốc”.

Dẹp được cách mệnh rồi thì tư bản ra sức báo thù. Nó giết hết 30.000 người cả đàn ông, đàn bà, người già, trẻ con. Nó đày 28.000 người. Nó bắt giam 650 đứa trẻ con, 850 người đàn bà, 37.000 người đàn ông.

8. Cách mệnh Pháp đối với cách mệnh An Nam thế nào?

- a) Trong 3 lần cách mệnh, 1789, 1848, 1870, đều vì dân can đảm nhiều, nhưng trí thức ít, cho nên để tư bản nó lợi dụng.
- b) Pari Công xã vì tổ chức không khéo và vì không liên lạc với dân cày, đến nỗi thất bại.
- c) Tư bản nó dùng chữ Tự do, Bình đẳng, Đồng bào để lừa dân, xúi dân đánh đổ phong kiến. Khi dân đánh đổ phong kiến rồi, thì nó lại thay phong kiến mà áp bức dân.

1) Tức là Chính phủ của nhân dân (B.T).

2) Cơ sở sản xuất (B.T).

3) Culit: Cảnh sát (B.T).

d) Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục¹⁾ công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hẵng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức. Cách mệnh An Nam nên nhớ những điều ấy.

9. Cách mệnh Pháp làm gương cho chúng ta về những việc gì?

Cách mệnh Pháp dạy cho chúng ta:

1. Dân chúng công nông là gốc cách mệnh, tư bản là hoạt đầu²⁾, khi nó không lợi dụng được dân chúng nữa, thì nó phản cách mệnh.
2. Cách mệnh thì phải có tổ chức rất vững bền mới thành công.
3. Đàn bà trẻ con cũng giúp làm việc cách mệnh được nhiều.
4. Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại.
5. Cách mệnh Pháp hy sinh rất nhiều người mà không sợ; ta muốn làm cách mệnh thì cũng không nên sợ phải hy sinh.

1
9
2
7

1) Tước đoạt (B.T).

2) Kẻ theo chủ nghĩa cơ hội (B.T).

LỊCH SỬ CÁCH MỆNH NGA

1. Nguyên do cách mệnh Nga từ đâu ra?

Nga là một nước rất rộng, nửa nằm về châu Á, nửa nằm về châu Âu. Dân Nga hơn 90 phần là dân cày, không đầy 10 phần là thợ thuyền. Khi trước theo chế độ nông nô, nghĩa là bao nhiêu đất ruộng và dân cày đều ở dưới quyền địa chủ. Địa chủ xem nông nô như súc vật, nó cho sống được sống, nó bắt chết phải chết, khi nó cần tiền, thì nó đem nông nô đi bán như bán trâu bán bò. Nông dân không được bỏ xứ này qua xứ khác.

Chừng nửa thế kỷ thứ 19, tư bản mới hời phát đạt, nó vừa mở lò máy, nó cần người làm công, nó mới vận động bỏ chế độ nông nô để cho dân cày tới làm với nó, đến năm 1861, chế độ nông nô mới bỏ.

Tư bản mới và địa chủ từ đấy mới sinh hiềm khích to, mà phong triều cách mệnh công nông cũng từ đấy mọc ra.

2. Nông nô được giải phóng rồi thì làm gì?

Được giải phóng rồi, người thì ra thành phố làm công, người thì ở lại làm ruộng.

Đi làm công thì tiền công ít, giờ làm nhiều, phải làm nô lệ cho tư bản, ở lại cày thì đất ruộng ít, trâu bò thiếu, phải chịu lòn tun phú gia¹⁾. Dân tiếng tự do tuy được, kỳ thực cứ kiếp nô lệ: người thợ thì cực khổ, dân cày cũng chẳng sướng hơn.

Những người có lòng cách mệnh thì lập ra đảng để liên hiệp dân cày lại, nhưng mà không chú ý đến thợ thuyền.

Năm 1875 mới có đảng cách mệnh gọi là “Công nhân giải phóng”. Năm 1878 lại có một đảng mới gọi là “Công đảng”.

Nhưng hai đảng ấy người ít sức hèn, lại bị Chính phủ bắt bớ nhiều, sau hoá ra đảng kịch liệt, chỉ lo đi ám sát vua và các quan.

1) Tức là phải chịu luôn cúi bọn nhà giàu (B.T).

3. Kết quả hai đảng ấy ra thế nào?

Ám sát là làm liều, và kết quả ít, vì giết thằng này còn thằng khác, giết sao cho hết? Cách mệnh thì phải đoàn kết dân chúng bị áp bức để đánh đổ cả cái giai cấp áp bức mình, chứ không phải chỉ nhờ 5, 7 người giết 2, 3 anh vua, 9, 10 anh quan mà được. Hai đảng ấy tuy hy sinh hết nhiều người, làm được nhiều sự ám sát oanh liệt, nhưng vì đi sai đường cách mệnh, không có sức dân chúng làm nền, cho nên bị Chính phủ triệt thoái đến nỗi tan.

Năm 1883, ông Plêkhanôp lập nên đảng “Lao động tự do”. Đảng này tổ chức theo cách ông Mã Khắc Tư¹⁾ dạy, nghĩa là liên hiệp cả dân cày và thợ thuyền làm cả kinh tế và chính trị cách mệnh.

4. Đảng này làm việc cách mệnh thế nào?

Đảng này lấy thợ thuyền làm cốt cách mệnh, và dân cày phụ vào.

Làm việc rất bí mật.

Ở Nga, ma tà, mật thám nhiều quá, nên cơ quan Đảng phải lập ở ngoại quốc (Luân Đôn).

Năm 1894, ông Lênin vào Đảng²⁾.

Năm 1898, Đảng khai hội một lần trong nước, chẳng may Chính phủ dò ra, bắt hết nhiều đảng viên. Tuy đảng viên bị bắt, nhưng lời tuyên ngôn của Đảng đã truyền khắp cả nước, cho nên phong trào cách mệnh càng ngày càng cao. Những người chưa bị bắt thì hết sức bí mật tuyên truyền và tổ chức.

Ít lâu đổi tên là “Xã hội dân chủ Đảng”, sau lại đổi tên ra “Cộng sản Đảng”.

Năm 1904 - 1905, Nga với Nhật đánh nhau, nhân lúc dân tình xục rục, Đảng ra sức vận động cách mệnh.

5. Sao mà biết dân tình xục rục mà vận động?

a) Trước khi đánh Nhật, vua phỉnh tư bản xuất tiền, lừa họ rằng đánh được thì kinh tế sẽ phát đạt, và tư bản sẽ được lợi to. Sau đánh thua thì tư bản mất tiền nhiều mà chẳng được gì, cho nên oán vua.

b) Thợ thuyền ghét vua đã sẵn nay vì đánh thua lại bị áp bức thêm, lại thêm ghét vua.

c) Dân cày ghét vua xưa nay, bây giờ đi lính chết chóc nhiều, và lại thuế má nặng thêm, lòng ghét vua cũng càng ngày càng to.

1) Các Mác (B.T).

2) Năm 1894, VI. Lênin tham gia vào các nhóm mácxit Nga ở Pêtécbua. Năm 1895, Người hợp nhất các nhóm mácxit đó lại thành Liên minh chiến đấu giải phóng giai cấp công nhân. Đó là bước chuẩn bị cho việc thành lập chính đảng của giai cấp công nhân Nga (B.T).

Ba hạng ấy mục đích tuy khác nhau, nhưng lòng ghét vua thì như nhau. Đảng biết vậy thì vận động cách mệnh đuổi vua.

6. Lúc bấy giờ vua xử trí thế nào?

Vua biết thợ thuyền là hăng hái cách mệnh nhất, thì đặt cách làm cho tư bản, dân cày và thợ thuyền rời nhau. Nó xúi một người cố đạo ra tổ chức công hội, một là để lung lạc thợ thuyền, hai là để dò ai hăng hái thì bắt.

Ngày 9 tháng 1 năm 1905, anh cố đạo ấy (tên là Gapông) đem thợ thuyền đến chở vua ở thỉnh nguyện. Vì anh ta quên báo trước, và vì vua thấy đông người thì sợ bạo động, nên sai lính ra dẹp, bắn chết mất nhiều người. Gapông bỏ chạy ra ngoại quốc. Thợ thuyền các tỉnh nghe tin ấy thì bãi công và bạo động, lập ra công nhân hội nghị.

Cách mệnh chống nhau với vua và Chính phủ từ tháng 1 đến tháng 10. Vua một đường thì dùng lính dẹp cách mệnh, một đường thì giả tuyên bố lập ra nghị viện cho đại biểu dân bàn việc nước.

7. Vì sao cách mệnh 1905 thua?

1. Vì khi đầu tư bản muốn lợi dụng thợ thuyền đập đổ vua; sau nó thấy thợ thuyền hăng hái quá, nó sợ đập vua rồi lại đập cả nó, cho nên nó phản thợ thuyền mà giúp cho vua.
2. Vì thợ thuyền với dân cày không nhất trí. Khi thợ thuyền nổi lên thì dân cày không theo ngay. Thợ thuyền thua rồi, dân cày mới nổi lên, để cho vua nó trị thợ thuyền rồi nó trở qua trị dân cày.
3. Thợ thuyền chưa có kinh nghiệm nhiều, và tổ chức chưa hoàn toàn.
4. Chưa vận động lính và súng ống khí giới của dân ít quá.

8. Cách mệnh 1905 thất bại, thợ thuyền và Đảng có ngã lòng không?

Không. Trải qua lần thất bại ấy, Đảng nghiên cứu lại, phê bình lại, sai lầm ở đâu, vì sao mà thất bại? Biết rõ ràng những chỗ khuyết điểm mà sửa sang lại. Cũng như rèn một con dao, thử cắt mới biết chỗ nào sắc, chỗ nào cùn; sau cứ theo chỗ cùn mà mài, con dao mới tốt.

Nhờ chuyến thất bại 1905, thợ thuyền mới hiểu rằng: một là phải tổ chức vững vàng, hai là phải liên lạc với dân cày, ba là phải vận động lính, bốn là không tin được tụi đê huề¹⁾, năm là biết tư bản và vua cùng là một tụi, muốn đuổi vua thì phải đuổi cả tư bản.

Cách mệnh 1905 thất bại làm gương cho cách mệnh 1917 thành công.

1) Bọn cải lương, thỏa hiệp (B.T).

9. Lịch sử cách mệnh 1917 thế nào?

Cách mệnh 1917 có mấy cớ sau này:

1. Khi Âu chiến¹⁾, đế quốc chủ nghĩa Anh và Pháp lợi dụng vua Nga đánh lại Đức. Nhưng vua Nga lôi thôi, tiêu hết nhiều tiền, chết hết nhiều lính, tất bị Đức đánh thua mãi. Các đế quốc chủ nghĩa ấy giận và giúp cho tư bản đẩy vua đi.

2. Tư bản giận vua chỉ tín dụng²⁾ bọn quý tộc cầm binh quyền, bọn quý tộc lại vô tài, đánh đâu thua đó. Vả tư bản bên Nga phần nhiều là chung với tư bản Anh và Pháp; nếu Nga thua Đức, thì chẳng những tư bản Nga, mà tư bản Anh và Pháp cũng nguy; và nếu cứ để vua thì chắc thua. Vậy nên tư bản cũng muốn đẩy vua.

3. Thợ thuyền và dân cày đối với vua như đối với thù địch đã đành.

4. Bọn hoạt đầu nhân cơ hội ấy, thì lợi dụng 2 bọn này đuổi vua cho tư bản Nga và đế quốc chủ nghĩa Anh và Pháp. Tư bản và đế quốc chủ nghĩa lại lợi dụng bọn hoạt đầu.

10. Bọn hoạt đầu làm thế nào?

Nhân dịp lính chết nhiều, dân gian đói khổ, thợ thuyền thất nghiệp, Chính phủ lôi thôi; bọn hoạt đầu xúi dân rằng bây giờ cách mệnh đuổi vua đi, thì ruộng đất sẽ về dân cày, công xưởng sẽ về người thợ, nhân dân sẽ được quyền Chính phủ, chiến tranh sẽ hoá ra hoà bình.

Chẳng ngờ lúc tháng 2 đuổi vua rồi, tụi hoạt đầu và tụi tư bản lên cầm chính quyền, bao nhiêu lời nguyện ước chúng nó quên hết. Chúng nó cứ bắt lính đi đánh; ruộng đất cứ ở tay địa chủ, lò máy cứ ở tay nhà giàu; công nông cũng không được dự vào Chính phủ.

11. Sao Đảng Cộng sản không ra tay làm?

Khi cách mệnh đuổi vua, Đảng Cộng sản vẫn đứng đầu dân chúng. Nhưng lúc ấy đảng viên hăng còn ít, và hoàn cảnh chưa đến, nên chưa giụt lấy chính quyền.

Cách mệnh xong lúc tháng 2. Từ tháng 2 đến tháng 4, dân nhiều người còn tưởng rằng Chính phủ mới chưa kịp thi hành những việc lợi dân, vì chưa có thời giờ.

Đến tháng 4 thì ông Lenin và nhiều đồng chí ở ngoại quốc về. Từ tháng 4 đến tháng 11, Chính phủ mới thì mỗi ngày mỗi lộ mặt phản cách mệnh ra. Còn đảng viên cộng sản phần thì đi tuyên

1) Khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) nổ ra (B.T).

2) Tín dụng (B.T).

truyền cho dân rằng: “Đấy, các anh xem đấy, tụi họat đầu là thầy tớ của tư bản và đế quốc chủ nghĩa, chúng nó chẳng hơn gì vua...”, làm cho ai cũng oán Chính phủ mới, phần thì lòn vào nông, công, binh, tổ chức bí mật để thực hành cộng sản cách mệnh.

12. Cộng sản cách mệnh thành công bao giờ?

Cuối tháng 10, đâu cũng có tổ chức cả rồi, ai cũng muốn cử sự. Nhưng ông Lênin bảo: “Khoan đã! Chờ ít bữa nữa cho ai ai cũng phản đối Chính phủ, lúc ấy sẽ cử sự”. Đến ngày 5 tháng 11, Chính phủ khai hội để ban bố phép luật mới, mà phép luật ấy thì lợi cho tư bản mà hại cho công, nông. Ông Lênin nói với đảng viên rằng: Mồng 6 cử sự thì sớm quá, vì dân chưa biết hết luật lệ xấu ấy, mà chưa biết luật lệ ấy thì chưa ghét Chính phủ lắm. Mồng 8 cử sự thì muộn quá vì khi ấy thì Chính phủ đã biết rằng dân oán và đã phòng bị nghiêm ngặt rồi.

Quả nhiên ngày mồng 7 Đảng Cộng sản hạ lệnh cách mệnh, thì thợ thuyền ào đến vây Chính phủ, dân cày ào đến đuổi địa chủ. Chính phủ phái lính ra dẹp, thì lính ùa theo thợ thuyền mà trở lại đánh Chính phủ.

Từ bữa ấy, Chính phủ hoat đầu bỏ chạy, Đảng Cộng sản cầm quyền, tổ chức ra Chính phủ công, nông, binh, phát đất ruộng cho dân cày, giao công xưởng cho thợ thuyền, không bắt dân đi chết cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa nữa, ra sức tổ chức kinh tế mới, để thực hành chủ nghĩa thế giới đại đồng¹⁾.

13. Cách mệnh Nga đối với cách mệnh An Nam thế nào?

Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nỗi²⁾, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam. Cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công, nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa³⁾ làm cách mệnh để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới.

Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng⁴⁾ (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin.

1) Thực hiện chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới (B.T).

2) Thành công triệt để (B.T).

3) Lại ra sức giúp đỡ công nông các nước và nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa (B.T).

4) Thì phải lấy dân chúng (B.T).

QUỐC TẾ

1. Quốc tế là gì?

Quốc tế nghĩa là người trong thế giới, bất kỳ nước nào, dân tộc nào, có một mục đích như nhau, hợp sức nhau để làm cho đến mục đích ấy. Như các đế quốc chủ nghĩa liên lạc nhau, để đè nén các dân hèn yếu (Pháp liên lạc Tây Ban Nha để đánh lấy An Nam, liên lạc Nhật để giữ An Nam, v.v.), các tư bản liên lạc nhau để tước bóc¹⁾ thợ thuyền (tư bản Anh, Mỹ, Pháp liên lạc tư bản Đức để tước lục thợ thuyền Đức). Thợ thuyền các nước liên lạc nhau để chống lại tư bản (như Hội Công nhân Quốc tế). Chúng ta cách mệnh thì cũng phải liên lạc tất cả những đảng cách mệnh trong thế giới để chống lại tư bản và đế quốc chủ nghĩa (như Đệ tam quốc tế).

2. Đệ tam quốc tế là gì?

Muốn biết Đệ tam²⁾ quốc tế là gì thì trước phải biết Đệ nhất³⁾ và Đệ nhị⁴⁾ quốc tế đã.

Từ thế kỷ thứ 18 trở xuống, tư bản phát đạt rất thịnh, áp bức thợ thuyền rất nghiệt. Thợ thuyền bị áp bức thì tính cách phản đối, như tổ chức công hội, bãi công bạo động. Nhưng hầu hết tỉnh nào biết tỉnh này, nước nào biết nước này mà thôi, cho nên sức không mạnh lắm.

Năm 1840, thợ thuyền Đức lập ra một hội tên là *Nhân quyền hội*. Khẩu hiệu hội ấy là “Trong thế giới ai cũng là anh em”. Khẩu hiệu ấy tuy rất hay, nhưng không đúng; vì bọn tư bản đế quốc chủ nghĩa và phản cách mệnh là thù địch dân, gọi chúng là anh em sao được?

Năm 1847, hội ấy sửa lại gọi là: “*Toàn thế giới vô sản giai cấp liên hợp hội*” - ông Mã Khắc Tư và Ăngghen vào hội ấy. Nhờ hai ông ấy sửa chương trình lại, và khẩu hiệu hội là: Đập đổ tư bản chủ nghĩa - thợ thuyền giành lấy chính quyền - làm cho thế giới đại đồng.

1) Bóc lột (B.T).

2), 3), 4) Trong nguyên bản thường viết là Đệ 3, Đệ 1, Đệ 2 (B.T).

3. Hai hội ấy có phải Đệ nhất và Đệ nhị quốc tế không?

Không phải. Trong hai hội tuy là có thợ thuyền Đức và Pháp vào, nhưng hội viên có ít, sức lực còn yếu chưa làm được gì. Chẳng qua là biểu hiện rằng thợ thuyền các nước phải giúp đỡ lẫn nhau và bắc cầu cho Đệ nhất quốc tế đi.

Năm 1862 ở Kinh đô Anh (Luân Đôn) mở hội đấu xảo; tư bản các nước phái công nhân qua xem xét các máy móc. Công nhân lại gặp những người cách mệnh Nga, Đức, Pháp và các nước khác trốn ở đấy. Hai bên bàn bạc lập một hội cách mệnh thế giới.

Năm 1864, (ngày 28 tháng 2) mới lập thành Đệ nhất quốc tế.

4. Đệ nhất quốc tế làm được những việc gì?

Hội ấy tuy có nhiều người cầm đầu thợ thuyền các nước vào, nhưng vì:

1. Người còn ít,
 2. Các công hội trong các nước còn yếu,
 3. Không thống nhất cho nên chỉ tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản mà chưa làm được việc gì lớn.
- Không thống nhất là vì ba chủ nghĩa chống nhau:
1. Chủ nghĩa Prud'Homme (Pháp);
 2. Chủ nghĩa Bacunin (Nga);
 3. Chủ nghĩa Mã Khắc Tư (Đức) (xem đoạn chủ nghĩa cách mệnh thì biết).

Sau lúc Pari Công xã thất bại, nhiều hội viên bị chết, bị bắt, nên hội tiêu điều dần, đến 1874 thì giải tán.

Đệ nhất quốc tế tuy chỉ đứng được 10 năm, nhưng khẩu hiệu “*Toàn thế giới vô sản giai cấp liên hợp lại!*” và tinh thần cách mệnh vẫn truyền đến bây giờ. Tuy không làm được nhiều việc, nhưng cái công dạy cho thợ thuyền trong thế giới cách mệnh thì rất to.

5. Đệ nhị quốc tế lập ra bao giờ?

Đệ nhất quốc tế tan rồi, vừa lúc tư bản phát đạt lắm, công nhân vận động cũng phát đạt. Trong khoảng 15 năm ấy (từ 1874 đến 1889) trong các nước nhiều công đảng mới lập lên, và đảng nào cũng hiểu rằng thợ thuyền các nước không giúp lẫn nhau không được.

Năm 1889, đại biểu các công đảng hội nhau tại Pari, lập nên Đệ nhị quốc tế.

Từ khi lập ra, đến ngày Âu chiến, khai hội chín lần bàn bạc và nghị định:

1. Nước nào cũng phải lập ra công đảng;
2. Mỗi năm đến ngày 1 tháng 5 thợ thuyền cả thế giới đều bãi công và thỉnh nguyện;

3. Tất cả công nhân trong thế giới ra sức đòi chỉ làm công mỗi ngày 8 giờ mà thôi;
4. Phản đối đế quốc chủ nghĩa;
5. Các công đảng không được đề huề với tư bản;
6. Đảng viên không được ra làm quan với tư bản;
7. Nếu các đế quốc chủ nghĩa có sự chiến tranh, thì thợ thuyền các nước đều bãi công và kiểm phương thế cách mệnh để giành lấy chính quyền. Vấn đề thứ 7, thì trong 9 lần đại hội đều có bàn đến cả.

6. Vì sao Đệ nhị quốc tế lại hay bàn đến việc chiến tranh?

Vì đương lúc ấy, tư bản đã hóa ra đế quốc chủ nghĩa, và đế quốc chủ nghĩa, hoặc thường đánh nhau để giành thuộc địa, hoặc đi cướp nước hèn yếu làm thuộc địa. Như:

- Năm 1894, Nhật đánh với Tàu;
- 1895, Anh đánh với Êgypto¹⁾;
- 1896, Pháp đánh với Mađagátxca;
- 1898, Mỹ đánh với Tây Ban Nha để giành Philíppin;
- 1900, Anh đánh với Nam Phi châu;
- 1904, Nga đánh với Nhật;
- 1912, các nước Bancăng²⁾ đánh nhau, vân vân.

Thợ thuyền thấy vậy, thì biết rằng các đế quốc chủ nghĩa sẽ có trận đánh nhau lớn. Vậy nên kiểm cách dè trước đi. Ngờ đâu đến 1914 các nước đánh nhau, thì phần nhiều hội viên Đệ nhị quốc tế đều giúp cho đế quốc chủ nghĩa, công đảng nước nào cũng khuyên dân đi đánh.

7. Đệ tam quốc tế lập ra từ bao giờ?

Vì bọn hoạt đầu trong Đệ nhị quốc tế đã phản mục đích hội mà hóa ra chó săn cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa, hóa ra phản cách mệnh; những người chân chính cách mệnh như ông Lênin, ông Các Lípnéch, Rôda Luyxambua, vân v., cho Quốc tế ấy như chết rồi, phải lập ra Quốc tế khác. Năm 1915 và 1916, những người cách mệnh hội nhau tại nước Suít (Thụy Sĩ) sắp sửa lập Đệ tam quốc tế, để nôî theo chủ nghĩa Đệ nhất quốc tế³⁾ mà làm cộng sản cách mệnh.

1) Nước Ai Cập (B.T).

2) Các nước nằm trên bán đảo Bancăng, gồm: Xlôvenia, Crôatia, Bôxnia và Hécdegôvina, Xécbia, Môntênhêgrô, Kôxôvô, Maxêđônia, Anbani, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ, Bungari, Rumani, Môndôva (B.T).

3) Chủ nghĩa Mác mà Quốc tế thứ nhất đi theo (B.T).

1
9
2
7

Năm 1917, Nga cách mệnh cộng sản thành công.

Năm 1919, Đệ tam quốc tế thành lập tại Kinh đô Nga là Mosku (ngày 6 tháng 3). Khi khai hội lần đầu, có đại biểu đảng cộng sản trong 24 nước dự hội.

Trong lời tuyên ngôn Đệ tam quốc tế xướng rõ ràng rằng:

1. Thế nào cũng đập đổ tư bản chủ nghĩa nhất thiết không để huề như Đệ nhị quốc tế;
2. Thế nào cũng quyết làm cho chính quyền về tay công nông.

8. Từ khi lập ra đến giờ (đầu năm 1927) Đệ tam quốc tế khai hội mấy lần?

Năm 1920 khai Đại hội lần thứ II, có 31 nước dự hội. Tụi hoạt động Đệ nhị quốc tế thấy hội này mạnh, muốn xen vào để “theo đám ăn tàn”, cho nên Đại hội đặt ra cách tổ chức rất nghiêm; ai thừa nhận theo 21 điều quy tắc mới được vào. (Xem sau cùng đoạn này).

Năm 1921, Đại hội lần thứ III. Từ lúc có Đệ tam quốc tế, thợ thuyền các nước chia ra hai phái, phái theo cộng sản (Đệ tam quốc tế), phái theo đề huề (Đệ nhị quốc tế). Vì vậy mà sức kém đi; cho nên Đại hội định rằng khi phấn đấu với tư bản thì hai phái phải hợp sức nhau lại không được chia hai. Năm 1922, Đại hội lần thứ IV. Nhân cách mệnh phong triều trong các nước rầm rộ, tư bản chủ nghĩa toan cùng đường, chúng nó lập ra đảng fasity¹⁾ phản đối cách mệnh tự lâm. Đại hội định cách đối đãi đảng ấy.

Năm 1924, Đại hội lần thứ V, có đến 61 nước dự hội. Vì nhiều người lầm tưởng rằng tư bản lại tới hồi thịnh vượng như trước khi Âu chiến. Đại hội đem chứng rõ ràng rằng thịnh vượng ấy là thịnh vượng giả; kỳ thực tư bản trong thế giới gần đến mạt lộ²⁾, và công nông cách mệnh phải sắn sửa ra tay.

9. Đệ tam quốc tế tổ chức thế nào?

a) Mỗi năm hay cách vài năm, đại hội một lần. Đại hội có quyền đoán định tất cả các việc các đảng trong các nước.

b) Đại hội cử một Hội Trung ương 24 người. Hội này thay mặt đại hội. Các đảng trong các nước đều phải theo mệnh lệnh Trung ương.

c) Có Thanh niên bộ, để xem về việc vận động thanh niên; Phụ nữ bộ, xem việc vận động phụ nữ; Á - Đông bộ xem về việc cách mệnh các thuộc địa bên Á - Đông. Tuyên truyền, tổ chức, cứu tế, v.v., đều có một bộ riêng.

1) Trong điều kiện tổng khổng hoảng của chủ nghĩa tư bản, giai cấp tư sản không đủ sức duy trì sự thống trị của chúng bằng phương pháp nghị trường được nữa, mà phải dùng đến những chính sách phát xít: độc tài, khủng bố cùng với chính sách mị dân. Để thực hiện các chính sách đó, giai cấp tư sản ở một số nước đã lập ra những đảng phát xít (B.T).

2) Đến lúc cùng đường (B.T).

d) Đệ tam quốc tế là một Đảng Cộng sản thế giới. Các đảng các nước là như chi bộ, đều phải nghe theo kế hoạch và quy tắc chung. Việc gì chưa có mệnh lệnh và kế hoạch Đệ tam quốc tế thì các đảng không được làm.

10. Đệ nhất quốc tế và Đệ tam quốc tế giống nhau cái gì? khác nhau cái gì?

Đệ nhất quốc tế với Đệ tam quốc tế khác nhau.

- a) Đệ nhất quốc tế nhỏ, Đệ tam quốc tế to;
- b) Đệ nhất quốc tế chỉ lý luận, Đệ tam quốc tế đã thực hành;
- c) Đệ nhất quốc tế không thống nhất, Đệ tam quốc tế chỉ huy tất cả các đảng cộng sản trong các nước phải theo;
- d) Đệ nhất quốc tế chỉ nói: “Thế giới vô sản giai cấp liên hợp”; Đệ tam quốc tế nói thêm “Vô sản giai cấp và dân tộc bị áp bức trong thế giới liên hợp lại”. Đệ nhất quốc tế không bắt hội viên giúp dân thuộc địa chống lại đế quốc chủ nghĩa như Đệ tam quốc tế.

Áy là vì hoàn cảnh hai Quốc tế ấy khác nhau. Như việc dân tộc bị áp bức, Đệ nhất quốc tế nói đến ít, vì lúc ấy đế quốc chủ nghĩa chưa phát đạt mấy. Vả lại, Đệ tam quốc tế sinh ra sau thì có nhiều kinh nghiệm hơn Đệ nhất quốc tế.

Đến như chủ nghĩa làm cách mạng cho đến nơi, làm cho thế giới đại đồng, thì hai Quốc tế vẫn như nhau; chẳng qua Đệ nhất quốc tế làm không đến nơi, mà Đệ tam quốc tế chắc là làm được, nhờ nay Nga cách mạng đã thành công để làm nền cho cách mạng thế giới.

11. Đệ nhị quốc tế và Đệ tam quốc tế khác nhau cái gì?

Đệ nhị quốc tế trước vẫn là cách mạng, nhưng vì kỷ luật không nghiêm, tổ chức không khéo, để tự hoạt động xen vào nhiều quá; sau hóa ra phản cách mạng. Hai Quốc tế ấy khác nhau những điều sau này:

Đệ tam quốc tế chủ trương đập đổ tư bản làm thế giới cách mạng.

Đệ nhị quốc tế chủ trương đề huề với tư bản.

Đệ tam quốc tế giúp dân thuộc địa chống lại đế quốc chủ nghĩa.

Đệ nhị quốc tế giúp đế quốc chủ nghĩa đè nén dân thuộc địa (Toàn quyền Varen là hội viên Đệ nhị quốc tế).

Đệ tam quốc tế dạy cho vô sản giai cấp trong thế giới - bất kỳ nơi giống nào, nghề nghiệp gì, tôn giáo gì - hợp sức làm cách mạng.

Đệ nhị quốc tế xui dân nước này chống dân nước kia, nghề nghiệp này chống nghề nghiệp khác.

1
9
2
7

12. Đệ tam quốc tế đối với cách mệnh An Nam thế nào?

Xem trong cách tổ chức Đệ tam quốc tế, có đặt ra một bộ riêng, chuyên nghiên cứu và giúp đỡ cho cách mệnh bên Á - Đông.

Xem khẩu hiệu Đệ tam quốc tế, chẳng những rằng “vô sản giai cấp” mà lại thêm câu “... và dân tộc bị áp bức trong thế giới liên hợp lại”.

Xem quy tắc Đệ tam quốc tế trong 21 điều, điều thứ 8 nói rằng: “Các đảng cộng sản, nhất là Đảng Cộng sản Pháp... phải hết sức giúp dân thuộc địa làm cách mệnh”.

Xem đương lúc Pháp đánh Marốc và Xyri, vì giúp hai nước ấy mà Đảng Cộng sản Pháp hy sinh mấy mươi đảng viên bị bắt, bị tù, Đảng bị phạt hơn 100 vạn đồng bạc.

Xem cách mệnh Nga giúp cho cách mệnh Tàu, Thổ Nhĩ Kỳ, Pécsia¹⁾, Mông Cổ.

Lại xem kế hoạch về vấn đề thuộc địa là tự tay ông Lênin làm ra.

Xem những việc ấy thì đủ biết rằng An Nam muốn cách mệnh thành công, thì tất phải nhờ Đệ tam quốc tế.

1) Nay là nước Iran (B.T).

PHỤ NỮ QUỐC TẾ

1. Vì sao lập ra Phụ nữ Quốc tế?

Ông Các Mác nói rằng: “Ai đã biết lịch sử thì biết rằng muốn sửa sang xã hội mà không có phụ nữ giúp vào, thì chắc không làm nổi. Xem tư tưởng và việc làm của đàn bà con gái, thì biết xã hội tần bộ ra thế nào?”.

Ông Lenin nói: “Đảng cách mệnh phải làm sao dạy cho đàn bà nấu ăn cũng biết làm việc nước, như thế cách mệnh mới gọi là thành công”.

Những lời ấy không phải câu nói lông bông. Xem trong lịch sử cách mệnh chẳng có lần nào là không có đàn bà con gái tham gia. Cách mệnh Pháp có những người như cô học trò Sáclốt Coocđây rút dao đâm chết người Tể tướng hung bạo, như bà Luy Misen ra giúp tổ chức Pari Công xã. Khi Nga cách mệnh, đàn bà ra tình nguyện đi lính; sau tính lại lính cách mệnh đàn bà chết hết 1.854 người. Nay cách mệnh Nga thành công mau như thế, đứng vững như thế, cũng vì đàn bà con gái hết sức giúp vào. Vậy nên muốn thế giới cách mệnh thành công, thì phải vận động đàn bà con gái công nông các nước.

Vì vậy Đệ tam quốc tế tổ chức Phụ nữ Quốc tế.

2. Lịch sử Phụ nữ Quốc tế thế nào?

Năm 1910, bà Clara Détkin (cộng sản Đức) đề nghị trong Đại hội Đệ nhị quốc tế rằng: Mỗi năm đến ngày 8 tháng 3 thì làm một ngày phụ nữ vận động gọi là “Ngày đàn bà con gái”. Sau ngày ấy đổi ra một tuần. Khẩu hiệu tuần ấy là: “Đòi quyền tuyển cử cho nữ giới”.

Năm 1917, ngày 23 tháng 2, đàn bà ở Kinh đô Nga nổi lên “đòi bánh cho con” và đòi “giả chồng chúng tôi lại cho chúng tôi” (vì chồng phải đi đánh). Sự bạo động này làm ngòi cho cách mệnh Nga.

Mồng 8 tháng 3 năm 1920, Đệ tam quốc tế phái bà Détkin tổ chức Phụ nữ Quốc tế. Khẩu hiệu là: “Đàn bà con gái công nông phải liên hợp với Đệ tam quốc tế, để làm thế giới cách mệnh”.

Năm 1923, nữ giới Nga ăn mừng “ngày 8 tháng 3” thì mở 66 nhà nuôi trẻ con, 36 ấu trĩ viên, 18 nhà nuôi đồng tử, 22 nhà thương và nhà nghỉ, 15 nhà nuôi đàn bà sinh cũ, 15 nhà ăn chung

cho 10.000 người; 27 nhà hiệp tác xã dùng đến 1.300 người đàn bà làm công, 11 cái công viên có nhà nghỉ cho những người có bệnh.

3. Cách tổ chức của Phụ nữ Quốc tế ra thế nào?

Quy tắc và chương trình thì đại khái cũng như Đệ tam quốc tế. Nhưng bên này thì chỉ chuyên trách về mặt tuyên truyền, tổ chức và huấn luyện đàn bà con gái, và giúp về đường giáo dục trẻ con công nông.

Mỗi đảng cộng sản phải có một bộ phụ nữ, trực tiếp thuộc về Phụ nữ Quốc tế. Nhưng đảng viên đàn bà trong các đảng phải theo mệnh lệnh Quốc tế, khi phái để làm việc gì dẫu khó nhọc, nguy hiểm mấy cũng phải làm. Thí dụ: Đảng viên A không phải là làm thợ, nhưng khi Quốc tế bảo phải xin vào làm việc trong lò máy nào để vận động phụ nữ trong ấy, thì tất phải bỏ nghề cũ mà vào làm trong lò máy.

Nói tóm lại là quy tắc rất nghiêm, hành động rất thống nhất, và việc làm cũng rất khó. Vì phần nhiều đàn bà con gái còn có tư tưởng thủ cựu. Tuy vậy, ai cũng hết lòng, cho nên tiến bộ mau. Nhờ Phụ nữ Quốc tế mà các đảng cộng sản mới lập ra như đảng ở Java¹⁾, đảng viên đàn bà mỗi ngày một thêm nhiều.

An Nam cách mệnh cũng phải có nữ giới tham gia mới thành công, mà nữ giới An Nam muốn cách mệnh thì phải theo Phụ nữ Quốc tế chỉ bảo.

1) Nay là nước Indônêxia (B.T).

CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

1. Lịch sử Công nhân Quốc tế thế nào?

Trước phải biết qua lịch sử công nhân vận động, sau sẽ nói đến lịch sử công nhân.

Lịch sử công nhân vận động chia làm 3 thời kỳ: a) trước Âu chiến, b) đương lúc Âu chiến, c) khi Âu chiến rồi.

a) *Trước khi Âu chiến*: Bên Âu và Mỹ có chừng 16 triệu thợ thuyền có tổ chức và có một hội gọi là “Vạn quốc công hội”. Nhưng 16 triệu người ấy không vào “Vạn quốc công hội” cả. Những đoàn thể vào lại chia ra nhiều phái biệt:

1. *Công đoàn chủ nghĩa* Anh và Mỹ chỉ lo sao thợ thuyền sinh hoạt khá, mà không nói đến đánh đổ tư bản.

2. *Vô chính phủ công đoàn* các nước Latinh¹⁾, thì không muốn lập chính đảng.

3. *Cải lương chủ nghĩa* thì chủ trương công hội nên giúp chính đảng, nhưng không nên hợp với chính đảng²⁾.

4. *Trung lập chủ nghĩa* chủ trương rằng công nhân không phải là nền cách mệnh.

5. *Cộng sản chủ nghĩa*, chủ trương đập đổ tư bản, công nhân là nền cách mệnh, phải có chính đảng để dắt công hội làm cách mệnh.

Vì mục đích và chủ nghĩa lộn xộn không thống nhất như thế, cho nên hội không có lực lượng.

b) *Khi Âu chiến*: Hội này đi theo Đệ nhị quốc tế, nghĩa là công hội nước nào giúp tư bản nước ấy.

Vả lại, tiếng là Vạn quốc nhưng chỉ có thợ thuyền Âu và Mỹ, còn thợ thuyền Á, Phi, Úc thì không vào.

c) *Sau khi Âu chiến*: Phần thi thợ thuyền cực khổ, phần thi phong triều cách mệnh Nga, công hội càng ngày càng to. Như:

1) Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha - những nước nói tiếng Latinh (T.G).

2) Chủ nghĩa cải lương chủ trương công hội nên giúp đỡ chính đảng nhưng không chịu sự lãnh đạo của chính đảng (B.T).

1
9
2
7

	Năm 1913	Năm 1919
Anh chỉ có	4.000.000 người	8.000.000 người
Pháp chỉ có	1.000.000 người	2.500.000 người
Tất cả các nước:	15.000.000 người	50.000.000 người
Công hội bên Á - Đông cùng rầm rầm rột rột lập lên (Tàu, Nhật, Ấn Độ, Java, Philíppin, v.v.).		

2. Phong triều ấy kết quả ra thế nào?

Tư bản các nước thấy thợ thuyền thịnh thì sợ, và kiếm cách làm cho êm dịu xuống. Năm 1919 có khai đại hội bên kinh đô Mỹ, để giải quyết việc thợ thuyền trong thế giới. Trong hội ấy có đại biểu các Chính phủ, các tư bản, và các công hội các nước. Nhưng nó chỉ cho bọn Đệ nhị quốc tế đại biểu cho thợ thuyền. Nước nào công nhân thịnh đã đòi được 8 giờ (như Anh, Pháp), thì đại biểu Chính phủ nước ấy yêu cầu các nước kia cũng phải dùng 8 giờ làm lệ chung (vì sợ tư bản nước kia được lợi hơn tư bản nước nó).

Sau tư bản lập ra hội Vạn quốc, lại lập thêm một bộ công nhân, có 12 đại biểu cho các Chính phủ, 6 đại biểu cho tư bản, và 6 đại biểu cho thợ thuyền. Nó lại dắt mấy anh công tặc¹⁾ làm đại biểu thợ thuyền!

3. Tư bản làm như vậy, thợ thuyền các nước có làm gì không?

Thợ thuyền có 31 quốc tế.

29 quốc tế nghề nghiệp, nghĩa là nghề nghiệp nào có riêng quốc tế nghề nghiệp ấy; 1 quốc tế gọi là Quốc tế Amxtécđam hay là Quốc tế “vàng” và 1 Quốc tế đỏ.

Quốc tế nghề nghiệp có đã lâu, ước chừng 20.000.000 hội viên. Trong 29 quốc tế ấy, nghề sắt to hơn hết (3.000.000 người); hai là nghề than (2.500.000 người); ba là thợ làm nhà máy (2.300.000 người), v.v..

Lúc Âu chiến, các quốc tế ấy cũng tan, Âu chiến rồi lập lại, nhưng vì bọn hoạt đầu cầm quyền, nên công việc không ra gì. Như năm 1921, 1.000.000 người đào than Anh bãi công, vì người đào than Mỹ, Đức và các nước không giúp mà thua. Qua năm 1922, 500.000 thợ đào than Mỹ bãi công, cũng vì không ai giúp mà thất bại. Nói tóm lại là các quốc tế ấy có danh mà không thực.

4. Sao gọi là Quốc tế Amxtécđam hay “vàng”?

Vì Quốc tế ấy lập ra tại Amxtécđam (kinh đô Holăng²⁾). Trong tiếng mới, phản cách mệnh gọi là sắc vàng; cách mệnh gọi là sắc đỏ.

1) Những công nhân bị bọn tư sản mua chuộc (B.T).

2) Nước Hà Lan (B.T).

Năm 1919, các công hội theo Vạn quốc công hội hội nhau tại Amxtécđam lập nên quốc tế này. Khi đầu rất to, nhưng sau nhiều công hội bỏ vào Quốc tế “đỏ”, nay chỉ còn lại công hội 23 nước, tất cả 14.400.000 người.

Quốc tế này theo bọn hoạt đầu Đệ nhị quốc tế đề huề với tư bản, và làm nhiều việc phản cách mệnh như:

1. Tân thành điều ước Vécxây của đế quốc chủ nghĩa bắt Đức đền 400.000.000 đồng.
2. Đức không gánh nổi, Mỹ lại đặt ra kế hoạch (gọi là kế hoạch Đạo Uy Tư)¹⁾ bắt Đức đền 132.000.000.000 đồng. Kế hoạch ấy làm cho công nông Đức hóa ra nô lệ. Thế mà Quốc tế Amxtécđam cũng tán thành.
3. Không cho công hội Nga vào.
4. Phản đối cộng sản rất kịch liệt, mà đối đãi fasity rất hòa bình.

5. Sao gọi là Công nhân Quốc tế đỏ?

Quốc tế vàng đã đề huề với tư bản, những thợ thuyền thiệt cách mệnh kiểm cách lập ra quốc tế khác.

Năm 1920, tháng 7, chỉ có mấy người công nhân Anh, Ý, Pháp, Tây Ban Nha và Nga lập ra một cơ quan tuyên truyền. Năm 1921, đã có nhiều công hội bỏ bên kia theo bên này. Ngày mồng 3 tháng 7 năm ấy, Công nhân Quốc tế đỏ lập thành.

Quốc tế đỏ theo về Đệ tam quốc tế, quyết làm giai cấp cách mệnh.

Nay đã có công hội 47 nước, 11.750.000 người vào.

Tháng 5 năm 1925 bên Á - Đông có những hội này vào:

Tàu:	450.000 người;
Java:	35.000 người;
Nhật:	32.000 người;
Cao Ly:	5.000 người;
Mông Cổ:	5.000 người;
Thổ Nhĩ Kỳ:	20.000 người;
An Nam:	000.

6. Quốc tế này đối với cách mệnh An Nam ra thế nào?

Xem trong Quốc tế vàng không có công hội Á - Đông nào, Quốc tế đỏ thì có 8 hội thuộc địa vào.

1) Kế hoạch Đạoxơ (B.T).

CỘNG SẢN THANH NIÊN QUỐC TẾ

1. Cộng sản Thanh niên Quốc tế là gì?

Trước kia các đảng xã hội có xã hội thanh niên. Các đảng ấy hợp lại thành Đệ nhị quốc tế. Các thanh niên ấy cũng tổ chức xã hội thanh niên quốc tế. Khi Âu chiến, phần nhiều Đệ nhị quốc tế đề huề với tư bản, phần nhiều thanh niên cũng bắt chước đề huề.

Những người thanh niên cách mệnh bỏ hội ấy cũng như ông Lenin và những người chân chính cách mệnh bỏ Đệ nhị quốc tế ra.

Đến tháng 11 năm 1919, thanh niên cách mệnh 14 nước bên Âu hội nhau tại kinh đô Đức (Béclin) lập ra Thanh niên Cộng sản Quốc tế.

Năm 1921 đã có thanh niên 43 nước theo vào.

Năm 1922 có 60 nước, 760.000 người.

Năm 1924 có hơn 1.000.000 (thanh niên Nga chưa tính).

2. Cách tổ chức ra thế nào?

Đại khái cũng theo cách tổ chức Đệ tam quốc tế. Thanh niên các nước khai đại hội, cử ra một Hội ủy viên; Hội ủy viên có quyền chỉ huy, và thanh niên các nước nhất thiết phải theo kế hoạch và mệnh lệnh Hội ấy.

Uớc chừng 16 đến 20 tuổi thì được vào Hội. Trước lúc Hội cho vào thì phải thử, công nông binh thì 6 tháng, học trò thì một năm, làm việc được mới cho vào.

Mục đích Cộng sản Thanh niên Quốc tế là:

- Thế giới cách mệnh;
- Bồi dưỡng nhân tài để đem vào đảng cộng sản;
- Chuyên môn về việc kinh tế và chính trị, có quan hệ cho bọn thanh niên;
- Tuyên truyền tổ chức và huấn luyện bọn thợ thuyền, dân cày, học trò và lính thanh niên;
- Phản đối mê tín và khuyên dân chúng học hành.

3. Cách họ làm việc thế nào?

Nơi thì công khai, như ở Nga, nơi thì nửa công khai, nửa bí mật, như ở các nước Âu và Mỹ. Nơi thì bí mật như ở Cao Ly, Java, v.v..

Tuyên truyền và tổ chức thì theo hoàn cảnh. Phái người lén vào ở lính, hoặc làm thợ, hoặc đi cày, hoặc đi học để tuyên truyền và kiểm đồng chí. Khi kiểm được một ít đồng chí rồi, thì lập ra tiểu tổ chức. Hoặc lập ra hội học, hội đá bóng, hội chơi để lựa đồng chí và tuyên truyền.

Nói tóm lại là họ làm hết cách để xen vào trong dân chúng.

4. Cộng sản Thanh niên đối với đảng cộng sản thế nào?

Hai đoàn thể ấy đối với nhau theo cách dân chủ, nghĩa là khi đảng có việc gì thì có đại biểu thanh niên dự hội. Khi thanh niên có việc gì, thì đảng có đại biểu dự hội. Đường chính trị, thì thanh niên theo đảng chỉ huy, nhưng việc làm thì thanh niên độc lập. Nếu đảng và thanh niên có việc gì không đồng ý, thì có hai Quốc tế xử phân.

Thanh niên Cộng sản làm việc rất nỗ lực, rất hy sinh.

Trong năm 1921, Thanh niên Đức chỉ có 27.000 người và Mỹ chỉ có 4 chi bộ. Năm 1922 Đức đã có đến 70.000 người và Mỹ có đến 150 chi bộ.

Hồi lính Pháp đóng bên Đức, vì việc tuyên truyền, phản đối đế quốc chủ nghĩa trong quân đội, mà 120 thanh niên Pháp bị tù. Hồi Pháp đánh Marốc, cũng vì việc ấy mà hơn 3.000 thanh niên Pháp bị bắt.

Việc bãi khóa ở Tàu, vận động ở Cao Ly, bãi công ở Anh, v.v., Cộng sản Thanh niên đều đứng đầu đi trước.

Ngày nay nước nào cũng có thanh niên cộng sản.

Chỉ An Nam là chưa¹⁾.

1) Lúc đó ở Việt Nam chưa thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản (B.T).

QUỐC TẾ GIÚP ĐỠ

1. Quốc tế giúp đỡ là gì?

Năm 1921, nước Nga bị đại hạn mất mùa, dân chết đói nhiều. Đế quốc chủ nghĩa lợi dụng cơ hội ấy, bên thì muốn xui dân Nga nổi loạn, bên thì muốn kéo binh vào phá cách mệnh Nga. Phần thi đem các tàu bè vây biển Nga, không cho các tàu bè đi lại chở đồ ăn bán cho dân Nga.

Những người có lòng tốt như ông Nanxǎn (người khoa học rất có danh tiếng nước Noócve¹⁾, ông ấy đi tàu bay qua Bắc cực), và các công hội đều có tổ chức hội cứu tế đi quyên tiền, đồ ăn, và áo quần gửi cho dân Nga. Nhưng vì tổ chức tản mát cho nên sức lực yếu.

Đệ tam quốc tế và Công nhân Quốc tế đỏ (mỗi tổ chức) xướng lên lập một hội Quốc tế giúp đỡ, để tập trung tất cả các hội cứu tế lại. Đệ nhị quốc tế và Công nhân Quốc tế vàng không chịu vào, lập riêng ra một hội cứu tế riêng.

Tuy vậy, Quốc tế giúp đỡ cũng lập thành. Từ cuối năm 1921, đến năm 1922, Quốc tế này quyên được hơn 5.000.000 đồng bạc, và 40.000.000 kilô đồ ăn cho dân Nga.

2. Khi Nga khôi đói rồi, quốc tế này làm việc gì?

Nga khôi đói rồi, Quốc tế này vẫn tiếp tục làm việc mãi. Bất kỳ xứ nào có tai nạn gì, Quốc tế này đều ra sức giúp. Như năm 1923 Ailan (Ireland) mất mùa, mấy vạn dân cơm không có ăn, áo không có mặc, nhờ Quốc tế qua giúp mà khỏi chết đói. Năm 1924, thuyền Đức bãй công hơn 60 vạn người, Quốc tế lập ra nhà ăn không mất tiền, mỗi ngày hơn 25.000 người thuyền tới ăn. Lại lập ra nhà thương để nuôi những người bãй công đau ốm; lập ra nhà nuôi trẻ con của thuyền, lập ra đội lữ hành đem trẻ con Đức qua gửi cho công hội các nước nuôi dạy. Lúc bãй công gần rồi mới đem về²⁾.

1) Na Uy (B.T).

2) Lúc bãй công gần thăng lợi rồi mới đem về (B.T).

Năm Nhật Bản có động đất, Tàu mắc lụt, Quốc tế này cũng chở đồ ăn, đồ mặc và đồ làm nhà qua giúp.

Nói tóm lại là ở đâu mắc nạn lớn, là Quốc tế này đều giúp cả.

3. Quốc tế giúp đỡ lấy tiền đâu?

Quốc tế này không phải là một hội *làm phúc phát chấn* và *bố thí* như các hội của tư bản lập ra. Mục đích Quốc tế này là “thợ thuyền và dân cày trong thế giới là anh em, khi anh em xứ này rủi ro, thì anh em xứ khác phải giúp đỡ”, vậy nên, khi có việc thì hội viên ra sức quyên, khi vô sự thì phải góp hội phí. Hội phí tùy theo hạng người như thợ thuyền làm ra đồng tiền dễ, thì đóng nhiều hơn, dân cày ít tiền thì đóng ít. Nhưng ai cũng phải đóng.

Vì Quốc tế có chi bộ khắp cả 5 châu, và hội viên rất đông, nhất là ở Nga, cho nên chỉ hội phí góp lại cũng đã khá nhiều.

Quốc tế lại đem tiền ấy làm ra hoa lợi, như mở sở cày, làm hát bóng, mở nhà buôn, sở đánh cá, v.v.. Phần nhiều những công cuộc này đều là ở Nga. Chỉ một chỗ đánh cá ở Atrakan mỗi năm đánh được 4-5 triệu kilô cá.

Tiền bán ra đều để dành để giúp đỡ cho thế giới cả.

4. Quốc tế này đối với cách mệnh có ích gì?

Như nước An Nam gặp lúc vỡ đê vừa rồi, hay những khi đại hạn và lụt. Nếu Quốc tế biết, chắc có giúp đỡ. Song:

1. Là vì dân ta chưa ai biết đến mà kêu van;
2. Là Pháp sợ Quốc tế làm cho dân ta biết cách thân ái và liên hợp của vô sản giai cấp trong thế giới;
3. Nó sợ tuyên truyền cách mệnh cho nên nó hết sức giấu dân ta không cho biết rằng trong thế giới có một hội như thế và ngăn trở Quốc tế ấy lọt vào đến An Nam.

Cái gì Pháp ghét, tất là có ích cho An Nam.

Còn như việc cách mệnh, Quốc tế này cũng giúp được nhiều. Xem như khi dân Nga đói, nhờ Quốc tế này mà không đến nỗi oán Chính phủ cách mệnh. Thợ thuyền Nhật nhờ Quốc tế này mà khôi phục được công hội lại mau. Thợ thuyền Đức nhờ Quốc tế này mà cứ việc phấn đấu, vân v., thì biết rằng Quốc tế này sẽ có ích cho cách mệnh An Nam nhiều.

QUỐC TẾ CỨU TẾ ĐỎ

1. Quốc tế cứu tế đỏ là gì?

Quốc tế giúp đỡ thì cứu tế cho dân bị tai nạn, và cũng cứu tế cho những người chính trị phạm nǔa. Quốc tế cứu tế đỏ thì chuyên môn giúp đỡ cho chính trị phạm mà thôi.

Bây giờ là hồi tranh đấu; vô sản thì tranh đấu với tư bản, dân bị áp bức thì tranh đấu với đế quốc chủ nghĩa. Tư bản và đế quốc chủ nghĩa về một phe, vô sản và dân bị áp bức về một phe. Hai phe ấy cũng như hai quân đội đánh nhau. Quân đội cách mệnh thì theo cờ Đệ tam quốc tế. Quân phản cách mệnh thì theo cờ bọn nhà giàu. Đánh nhau thì chắc có người phải bắt¹⁾, người bị thương, người bị chết. Quốc tế cứu tế đỏ là như cái nhà thương để săn sóc cho những người bị thương, giúp cho những người bị bắt, trông nom cho cha già mẹ yếu, vợ dại con thơ của những người đã tử trận cho cách mệnh.

2. Quốc tế cứu tế đỏ lập ra bao giờ?

Năm 1923, Đệ tam quốc tế khai đại hội, có hội “bị đày chung thân” và hội “những người cộng sản già” đề nghị, và Đệ tam quốc tế tán thành lập ra Quốc tế cứu tế đỏ. Trước hết lập ra Tổng bộ tại Nga. Bây giờ nước nào cũng có Chi bộ. (Chỉ có An Nam chưa).

Nga bây giờ có 50.000 phân bộ và 9 triệu hội viên. Tất cả công nhân và nhiều dân cày vào hội ấy, hoặc vào từng người, hoặc cả đoàn thể. Tất cả các người cộng sản và cộng sản thanh niên đều phải vào hội ấy.

Khi mới lập ra, ba tháng đầu đã quyên được 300.000 đồng. Bốn tháng sau thì quyên được 4.000.000 đồng. Ở tỉnh Quảng Đông, Tàu mới lập Chi bộ được 6 tháng mà đã được 250.000 hội viên.

Xem thế thì biết Quốc tế ấy phát triển rất chóng.

3. Quốc tế giúp cách thế nào?

Khi những người cách mệnh hoặc bị đuổi, hoặc bị bắt, hoặc bị tù, hoặc bị chết, thì Quốc tế giúp đỡ:

1) Bị bắt (B.T).

1. Chính trị;
2. Kinh tế;
3. Vật chất;
4. Tinh thần.

a) *Giúp chính trị*: Như có người bị bắt, bị giam, thì Quốc tế súc¹⁾ cho các Chi bộ khai hội và tuần hành thị uy. Như vừa rồi có hai người cách mệnh Ý bị bắt tại Mỹ, toan phải án chết, Quốc tế súc chẳng những là thợ thuyền Mỹ làm như thế, mà lại nước nào, xứ nào có lĩnh sự²⁾ Mỹ thì thợ thuyền đều khai hội tuần hành và tuyên ngôn rằng: Nếu Chính phủ giết hai người ấy, thì thợ thuyền Mỹ bãi công, và thợ thuyền thế giới sẽ tẩy chay Mỹ. Mỹ thấy vậy thì không dám làm tội hai người ấy.

b) *Giúp kinh tế*: Hễ bị giam thì thường ăn uống cực khổ, còn vợ con cha mẹ ở nhà thì không ai nuôi. Quốc tế gửi tiền cho để mua đồ ăn trong nhà giam và giúp cho người nhà ít nhiều để khỏi phải đói rách. Như vậy thì những người bị giam cầm đã khỏi cực khổ quá, mà lại vui lòng. Hoặc Quốc tế xuất tiền thuê thầy kiện để chống án cho. Hoặc gửi áo quần sách vở cho.

c) *Giúp tinh thần*: Hoặc phái người hoặc gửi thơ đến thăm.

1. Người ở giam biết rằng mình tuy hy sinh cho quần chúng mà quần chúng không quên mình, thế thì trong lúc bị giam đã không buồn sau được khỏi³⁾ lại càng hết sức.

2. Là người ta biết rằng mình tuy phải giam một nơi, nhưng công việc cách mệnh vẫn cứ phát triển, vẫn có người làm thế cho mình.

4. Cách mệnh An Nam nên theo Quốc tế này không?

Nên lấm. Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả. Đã là đồng chí, thì sung sướng cực khổ phải có nhau. Huống gì, dân An Nam là đương lúc tranh đấu với đế quốc chủ nghĩa Pháp, chắc là về sau sẽ có nhiều người cách mệnh phải hy sinh, phải khốn khổ, phải cần anh em trong thế giới giúp giùm.

1) Chỉ thị (B.T).

2) Lĩnh sự quán (B.T).

3) Nên hiểu là được trả tự do (B.T).

CÁCH TỔ CHỨC CÔNG HỘI

1. Tổ chức công hội làm gì?

Tổ chức công hội trước là để cho công nhân đi lại với nhau cho có cảm tình; hai là để nghiên cứu với nhau; ba là để sửa sang cách sinh hoạt của công nhân cho khác hơn bây giờ; bốn là để giữ gìn lợi quyền cho công nhân; năm là để giúp cho quốc dân, giúp cho thế giới.

Đi lại không phải là bữa này người A có giỗ chạp thì người B tới ăn; mai người B có cúng quẩy lại mời người C tới uống rượu. Nhưng đi lại để bày vẽ cho nhau điều khôn lẽ phải, để giao hoán trí thức cho nhau.

Nghiên cứu chẳng những là giở sách vở, giở báo ra giảng; nhưng phải bàn bạc cách phấn đấu với tư bản và đế quốc chủ nghĩa¹⁾.

Sửa sang cách sinh hoạt như lập hiệp tác xã, mở hội học, hội chơi cho công nhân, v.v..

Giữ gìn lợi quyền là khi hội đã có thế lực rồi, thì đòi thêm tiền công, bớt giờ làm, v.v..

Giúp cho quốc dân và thế giới là đem lực lượng thợ thuyền cách mệnh làm cho ai cũng được bình đẳng tự do như thợ thuyền Nga đã làm từ năm 1917.

2. Cách tổ chức công hội thế nào?

Tổ chức có hai cách, cách nghề nghiệp và cách sản nghiệp.

Nghề nghiệp là ai làm nghề gì thì vào hội nghề ấy. Như thợ may vào hội may, thợ rèn vào hội rèn.

Sản nghiệp là bất kỳ nghề gì, hễ làm một chỗ thì vào một hội. Như việc xe lửa, người đốt than, người sơn xe, người phát vé, người coi đường, người cầm máy; tất cả nhập vào một công hội xe lửa.

Tổ chức theo cách sản nghiệp thì mạnh hơn, vì thống nhất hơn. Thí dụ khi xe lửa muốn bãi công, nếu hội là sản nghiệp thì hội viên đều phải bãi công hết, thì tư bản sợ hơn. Nếu hội là nghề nghiệp,

1) Câu này hiểu như sau: Nghiên cứu chẳng những là giở sách vở, giở báo ra giảng, mà còn phải bàn bạc cách đấu tranh với bọn tư bản và đế quốc chủ nghĩa (B.T).

thì có khi người đốt lửa bāi công mà người cầm máy không, hoặc người phát vé bāi công mà người làm ga không, thế thì sức bāi công yếu đi.

3. Một người công nhân có thể vào hai hội không?

Không. Nếu hội ấy là nghề nghiệp, thì chỉ những người đồng nghề nghiệp được vào; ai đã vào hội sản nghiệp rồi thì không được vào hội nghề nghiệp nữa. Thí dụ: xe lửa đã tổ chức theo sản nghiệp, mấy người thợ việc¹⁾ đã vào hội ấy rồi. Trong xứ ấy lại có một hội thợ mộc khác, những người thợ mộc trong hội xe lửa²⁾ không được vào.

Trong một nghề hoặc một sản nghiệp cũng không được lập hai hội.

Nhưng mà một công hội có phép vào hai tổng công hội. Thí dụ: Hội xe lửa Hà Nội đã vào Tổng công hội xe lửa An Nam lại vào tổng công hội ta nào³⁾.

Nói tóm lại là đoàn thể thì có phép vào nhiều tổng công hội mà từng người thì chỉ được vào một hội mà thôi. Nếu giới hạn này không nghiêm thì sau hay bối rối.

4. Công hội với chính đảng khác nhau thế nào?

Công hội chú trọng mặt kinh tế hơn. Đảng chú trọng mặt chính trị hơn. Ai là thợ thuyền thì được vào hội, dù tin Phật, tin đạo, tin cộng sản, tin vô chính phủ, tin gì cũng mặc, miễn là theo đúng quy tắc hội là được.

Đảng thì bất kỳ người ấy làm nghề gì, thợ thuyền hay là dân cày, học sinh hay là người buôn, miễn là người ấy tin theo chủ nghĩa đảng, phục tùng phép luật đảng⁴⁾ thì được vào.

Ai vào cả đảng và hội, chính trị thì theo đảng chỉ huy, mà kinh tế thì theo công hội chỉ huy. Đảng viên ai cũng phải vào hội để mà tuyên truyền chủ nghĩa của đảng. Nhưng không phải hội viên nào cũng vào được đảng.

5. Cái gì là hệ thống của công hội?

Hệ thống là cách tổ chức ngang hay là dọc.

Ngang là như trong một tỉnh có hội thợ rèn, hội thợ may, hội thợ mộc, hội thợ nề, vân vân, tất cả các hội tổ chức thành tỉnh tổng công hội; hội nào cũng bình đẳng, bằng ngang nhau.

1) Công nhân các nghề trong ngành xe lửa (B.T).

2) Công hội xe lửa (B.T).

3) Câu này hiểu là: Hội xe lửa Hà Nội đã vào Tổng công hội xe lửa Việt Nam, còn có thể vào một tổng công hội khác (B.T).

4) Điều lệ Đảng (B.T).

Dọc là như mỗi huyện có một hội thợ may, 4, 5 hội huyện tổ chức một hội thợ may tuyển tinh, tất cả hội thợ may trong mấy tỉnh tổ chức một hội thợ may cả nước. Ấy là dọc, nghĩa là từ dưới lên trên.

Đã ngang lại dọc, thế thì theo mệnh lệnh tổng công hội ngang hay là tổng công hội dọc? Nếu quan hệ về sản nghiệp thì theo mệnh lệnh dọc. Nếu quan hệ về địa phương thì theo mệnh lệnh ngang.

6. Muốn hội vững bền thì phải tránh những việc gì?

Đã vào công hội thì:

1. Nên bỏ giới hạn xứ sở, nghĩa là chớ phân biệt người này là Trung Kỳ, người kia là Nam Kỳ, người nọ là Bắc Kỳ. Và cũng không nên chia ra người An Nam, người Tàu hay là người nước nào. Đã một nghề, một hội tức là anh em cả, phải xem nhau như người một nhà.
2. Đàn ông, đàn bà đều phải bình đẳng.
3. Chớ có bỉ thủ¹⁾ mình khéo hơn, lương cao hơn, mà khinh người vụng và ăn tiền ít.
4. Chớ cậy mình là nhiều tuổi mà muốn làm đàn anh.
5. Chớ cho bọn tư bản vào hội.

7. Phải tổ chức thế nào cho kiên cố?

Công hội là cơ quan của công nhân để chống lại tư bản và để quốc chủ nghĩa, cho nên tổ chức phải nghiêm nhặt, chỉ huy phải mau mắn, làm việc phải kín đáo. Muốn được như thế thì phải tổ chức như quân đội.

Quân lính thì có đội ngũ.

Thợ thuyền phải có tiểu tổ, chi bộ.

Thí dụ: Trong tỉnh có 5 nhà máy dệt vải, mỗi nhà máy phải có một chi bộ. Trong mỗi chi bộ lại chia làm mấy tiểu tổ; mỗi chi bộ phải cử 3 hoặc 5 người làm ủy viên; (phần nhiều nên cử những người làm trong lò đã lâu, thuộc tình hình nhiều) mỗi tiểu tổ phải cử tổ trưởng. Mỗi tiểu tổ không được quá 10 người.

Tiểu tổ theo mệnh lệnh chi bộ, chi bộ theo tỉnh hội, tỉnh hội theo quốc hội²⁾. Có thứ tự như thế thì trong hội có mấy mươi vạn người chỉ huy cũng dễ, và hành động cũng nhất trí.

1) So sánh, so kè (B.T).

2) Công hội toàn quốc (B.T).

8. Tiểu tổ làm những việc gì?

Cây có nhiều rễ mới vũng, hội có nhiều tiểu tổ mới bền. Tiểu tổ phải:

1. Huấn luyện và phê bình anh em;
2. Thi hành những việc hội đã định;
3. Bàn bạc việc hội;
4. Điều tra tình hình trong lò máy;
5. Đề nghị những việc hội nên làm;
6. Thu hội phí;
7. Báo cáo những việc làm cho chi bộ, để chi bộ báo cáo cho tỉnh bộ, v.v..

Chi bộ nhiều người khó khai hội, khó xem xét. Tiểu tổ ít người, làm gần nhau, quen biết nhau, cho nên xem xét, huấn luyện, làm việc và khai hội dễ bí mật hơn và mau mắn hơn. Tiểu tổ là có ích như thế. Vả lại, nếu Chính phủ cấm công hội, mà tiểu tổ khéo tổ chức, thì công hội cứ tiến bộ, cứ làm việc được. Vậy cho nên người ta gọi tiểu tổ là gốc của hội.

9. Thứ tự trong công hội thế nào?

Tiểu tổ lên chi bộ.

Nếu trong tỉnh nhiều lò máy, 4, 5 chi bộ tổ chức một bộ ủy viên (4, 5 lò ấy mỗi lò cử 1 hoặc 2 người).

Bộ ủy viên lên tỉnh hội.

Tỉnh hội lên quốc hội.

Ấy là thứ tự tổ chức. Còn quyền bính thì về dự hội, nghĩa là tất cả hội viên khai hội bàn định. Nếu hội viên nhiều quá, khai hội không tiện thì định mấy người cử một đại biểu dự hội, ấy là đại biểu đại hội. Đại hội nghị định việc gì, thì chấp hành ủy viên hội phải thi hành. Khi hội tan thì quyền về chấp hành ủy viên hội.

Đại biểu đại hội trong tỉnh một tháng khai hội một lần. Đại biểu đại hội trong nước, một năm một lần.

Đại biểu nên cử công nhân làm, không nên cử những người có chức vụ¹⁾ trong hội. Khi khai hội, đại biểu phải báo cáo tình trạng và ý kiến của công nhân (không phải ý kiến riêng mình), đề nghị và bàn bạc các việc. Khai hội rồi, phải về báo cáo việc hội cho công nhân.

1) Chức vụ: Người có chức vụ. Ở đây nên hiểu là không cử người có chức vụ trong bộ máy chính quyền thực dân, phong kiến (B.T).

10. Có việc gì thì giải quyết thế nào?

Từ tiểu tổ đến đại hội đều theo cách dân chủ tập trung. Nghĩa là có việc gì thì ai cũng được bàn, cũng phải bàn. Khi bàn rồi thì bỏ thăm, ý kiến nào nhiều người theo hơn thì được. Ấy là dân chủ. Đã bỏ thăm rồi, thì giao cho hội ủy viên làm, khi ấy thì tất cả hội viên phải theo mệnh lệnh hội ấy. Ấy là tập trung. Ai không nghe lời thì ủy viên hội có quyền phạt.

Gặp việc bất thường không kịp khai hội, thì ủy viên có quyền xử trí, sau báo cáo cho hội.

Gặp việc bất thường lầm, thì hội ủy viên cứ phép giao quyền cho một người, người này có quyền độc đoán, việc rồi¹⁾ báo cáo với hội.

11. Sao hội viên phải nộp hội phí?

Có hội thì có phí tổn, như thuê nhà, bút mực, vân vân, ấy là thường phí, hội viên phải gánh. Lại có bất thường phí, như để dành phòng lúc bão công hoặc giúp những hội khác bão công, hoặc giúp đỡ những người trong hội mất việc làm, hoặc làm các việc công ích, vân vân. Nếu hội không tiền thì làm không được. Cho nên hội viên phải “góp gió làm bão”.

Khi hội có tiền thừa thãi, thì nên làm những việc này:

1. Lập trường học cho công nhân;
2. Lập trường cho con cháu công nhân;
3. Lập nơi xem sách báo;
4. Lập nhà thương cho công nhân;
5. Lập nhà ngủ, nhà tắm, nhà hát;
6. Mở hiệp tác xã;

7. Tổ chức công binh²⁾, đồng tử quân³⁾, vân vân. Phải xem hoàn cảnh mà làm, chớ cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa chú ý. Hội tiêu tiền phải rất phân minh, cho hội viên đều biết. Hội phí không nên thu nặng quá; phải theo sức hội viên.

12. Cách tổ chức bí mật thế nào?

Khi hội được công khai, các tiểu tổ cũng phải giữ bí mật. Khi không được công khai, thì phải mượn tiếng hợp tác xã, trường học, hoặc câu lạc bộ (nhà xéc) vân vân, che mắt người ta. Ở Tàu, ở Nhật nhiều

1) Xong việc rồi (B.T).

2) Ở đây có thể là đội tự vệ (B.T).

3) Một tổ chức của thiếu niên, nhi đồng (sau này Đảng ta đã thành lập tổ chức này vào những năm 1930 - 1931) (B.T).

nơi thợ thuyền lập nhà bán nước, ngoài thì bán bánh bán nước, trong thì làm việc hội. Thợ thuyền vào uống nước ăn bánh, và bàn việc; cho nên ma tà mật thám không làm gì được. Có nơi lại giả hội cúng tế hoặc hội chơi, vân vân để che cho công hội.

Lại khi mới gây dựng ra hoặc ở nơi thợ thuyền ít, phải tùy cơ ứng biến, không nhất định cứ theo cách thường.

Đại khái cách tổ chức công hội phải thống nhất, bí mật, nghiêm nhặt, thì hội mới vững vàng.

TỔ CHỨC DÂN CÀY

1. Vì sao phải tổ chức dân cày?

Nước ta kinh tế chưa phát đạt, trong 100 người thì đến 90 người là dân cày. Mà dân cày ta rất là cực khổ, nghề không có mà làm, đất không đủ mà cày, đến nỗi cơm không đủ ăn, áo không có mặc.

Xem như Trung Kỳ, tất cả chừng 5.730.000 người dân mà chỉ có chừng 148.015 mẫu ruộng.

Trước năm 1926, Tây đồn điền đã chiếm mất 62.000 mẫu. Từ năm 1926, 175 tháng Tây đồn điền lại chiếm hết:

1.982 mẫu ở Thanh Hóa,

35.426 mẫu ở Nghệ An,

17.076 mẫu ở Nha Trang,

13.474 mẫu ở Phan Thiết,

92.000 mẫu ở Kon Tum,

67.000 mẫu ở Đồng Nai.

Như thế thì dân ta còn ruộng đâu nữa mà cày!

2. Tây đồn điền choán ruộng cách thế nào?

Chúng nó dùng nhiều cách. Như tháng 6 năm 1922¹⁾, 20 tháng Tây rủ nhau xin Chính phủ Tây mỗi tháng 3.000²⁾ mẫu trong lục tỉnh. Xin được rồi nhóm cả lại thành ra 60.000 mẫu, 19 tháng bán lại cho 1 tháng.

Tháng 8 năm 1926, nhà ngân hàng Đông - Pháp xin 30.000 mẫu, trong đám đất ấy đã có 6 làng An Nam ở. Khi nhà ngân hàng xin được rồi thì nó đuổi dân ta đi.

Nam Kỳ bị Tây đồn điền chiếm mất 150.000 mẫu ruộng tốt.

1), 2) Số này trong nguyên bản bị mờ (B.T).

1
9
2
7

Phần thì Tây đồn điền cướp, phần thì các nhà thờ đạo chiếm. Các cố đạo chờ năm nào mất mùa, đem tiền cho dân cày vay. Chúng nó bắt dân đem văn khế ruộng cầm cho nó và ăn lời thiệt nặng. Vì lời nặng quá, đến mùa sau trả không nổi, thì các cố xiết ruộng¹⁾ ấy đem làm ruộng nhà thờ.

3. Chính phủ Pháp dài²⁾ dân cày An Nam thế nào?

Tư bản Tây và nhà thờ đạo đã choán gần hết đất ruộng, còn giữ được miếng nào thì Chính phủ lại đánh thuế thiệt nặng, mỗi năm mỗi tăng. Như mỗi mẫu ruộng tốt mỗi năm tất cả hoa lợi được chừng 25 đồng, Tây nó đã lấy mất 2 đồng 5 hào thuế, nghĩa là 10 phần nó lấy mất một.

Nếu tính tiền thuê trâu bò, mua phân tro, mướn làm, tiền ăn uống, thì mỗi mẫu mỗi năm đã hết chừng 30 đồng. Nghĩa là dân cày đã lỗ mất 5 đồng, mà Chính phủ lại còn kẹp³⁾ lấy cho được 2 đồng rưỡi.

Chẳng thế mà thôi. Dân ta cày ra lúa mà không được ăn. Đến mùa thuế thì bán đổ bán tháo để nộp thuế. Tây nó biết vậy thì nó mua rẻ để nó chở đi bán các xứ, mỗi năm nó chở hết 150 vạn tấn. Nó chở đi chừng nào, thì gạo kém chừng ấy, thì dân ta chết đói nhiều chừng ấy.

4. Böyle giờ nên làm thế nào?

Sự cực khổ dân cày An Nam là:

1. Ruộng bị Tây choán hết, không đủ mà cày.
2. Gạo bị nó chở hết, không đủ mà ăn.
3. Làm nhiều, được ít, thuế nặng.
4. Lại thêm nước lụt, đại hạn, vỡ đê, mất mùa.
5. Đến nỗi chết đói, hoặc bán vợ đợt con, hoặc đem thân làm nô lệ như những người nó chở đi Tân thế giới.
6. Nào là chính trị áp bức (thử hỏi dân cày ta có quyền chính trị gì?), văn hóa áp bức (dân cày ta được mấy người biết chữ, trong làng được mấy trường học?).

Nếu dân cày An Nam muốn thoát khỏi vòng cay đắng ấy, thì phải tổ chức nhau để kiểm đường giải phóng.

1) Một hình thức tước đoạt ruộng đất để trừ vào tiền cho vay (B.T).

2) Đài: đối xử với (B.T).

3) Bắt ép, bắt chết (B.T).

5. Cách tổ chức dân cày thế nào?

Cách tổ chức đại khái như sau:

1. Bất kỳ đàn ông đàn bà, từ những người tiểu điền chủ cho đến những dân cày thuê cày rẽ, từ 18 tuổi trở lên thì được vào. (Những người đại địa chủ, mập thám, cố đạo, say mê rượu chè, cờ bạc và a phiến¹⁾ thì chớ cho vào hội).
2. Ai vào phải tình nguyện giữ quy tắc hội, và phải có hội viên cũ giới thiệu.
3. Làng nào đã có 3 người tình nguyện vào hội thì tổ chức được một hội làng, 3 làng có hội thì tổ chức hội tổng, 3 tổng có hội thì tổ chức hội huyện, 3 huyện có hội thì tổ chức hội tỉnh, 3 tỉnh có hội thì tổ chức hội nước.
4. Còn cách khai hội, tổ chức các bộ làm việc, tuyển cử, đề nghị, giải quyết, báo cáo thì cũng như công hội.

6. Hội dân cày nên đặt tiểu tổ hay không?

Dân cày trong làng không xúm xít đông đúc như thợ thuyền trong lò máy, cho nên hội dân cày làng thế cho tiểu tổ; người ủy viên thế cho tổ trưởng cũng được.

Ủy viên bên thì chỉ huy cho hội viên làm việc, bên thì thi hành mệnh lệnh từ thượng cấp truyền đến, bên thì báo cáo việc đại hội với hội viên, bên thì báo cáo công việc hội viên với đại hội.

Các hội viên thì phải:

1. Kiểm hội viên mới;
2. Điều tra cách ăn làm và các việc trong làng;
3. Đề xướng làm các hợp tác xã;
4. Hết sức mở mang giáo dục, như lập trường, tổ chức nhà xem sách, vân vân;
5. Khuyên anh em dân cày cấm rượu, a phiến, đánh bạc;
6. Đặt hội cứu tế, vân vân.

Nói tóm lại là kiểm làm những việc có ích cho dân cày, có lợi cho nòi giống.

7. Nếu không có tiểu tổ sao giữ được bí mật?

Ấy là nói về lúc bình thường, có lẽ công khai được. Nếu lúc phải giữ bí mật, thì:

1. Phải dùng cách tiểu tổ;

1) Thuốc phiện (B.T).

1
9
2
7

2. Chợ gọi là hội dân cày, nhưng gọi là phường lợp nhà, phường đánh cá, phường chung lúa, vân vân để mà che mắt thiên hạ. Vả trong làng xã An Nam hiện bấy giờ cũng có nhiều phường hội như thế, muốn tổ chức dân cày thì nên theo hoàn cảnh mà lợi dụng những phường ấy. Cốt làm sao cho người ngoài đừng chú ý là tốt.

Khi hội đã vững, hội viên đã đông, lại nên đặt các bộ chuyên môn¹⁾ như:

Bộ tập thể thao;

Bộ cải lương nghề cày cấy²⁾;

Bộ người cày thuê (đi cày thuê gặt mướn cho người ta, mình không có đất ruộng trâu bò gì cả);

Bộ người cày rẽ;

Bộ thủ công nghiệp (thợ thuyền trong làng tuy không cày ruộng, hoặc nửa cày nửa thợ, cũng phải cho vào hội dân cày);

Bộ thanh niên, bộ phụ nữ, bộ giáo dục, vân vân.

8. Có nông hội rồi đã khỏi những sự cực khổ nói trên chưa?

Sự tự do, bình đẳng phải cách mệnh mà lấy lại, hội nông là một cái nền cách mệnh của dân ta. Nếu thợ thuyền và dân cày trước tổ chức kiên cố, sau đồng tâm hiệp lực mà cách mệnh thì sẽ khỏi những sự cực khổ ấy. Dẫu chưa cách mệnh được ngay, có tổ chức tất là có ích lợi. Như mỗi năm Tây nó bắt dân ta hút 150 vạn kilô a phiến, nó lấy 1.500 vạn đồng lời. Nó bắt ta mua 173.000.000 lít rượu, nó lấy 1.000 triệu phrăng lời. Nó vừa lấy lời vừa làm cho ta mất nòi mất giống. Nếu dân cày tổ chức mà khuyên nhau đừng uống rượu, đừng hút a phiến, thì đã cứu được nòi giống khỏi mòn mỏi, mỗi năm lại khỏi đem 1.000.000.000 phrăng và 15.000.000 đồng bạc cúng cho Tây. Tây nó áp bức ta vì ta không thương yêu nhau, vì ta ngu dốt. Có hội hè rồi trước là có tình thân ái, sau thì khuyên nhau học hành. Chúng ta đã biết “cách mệnh” tinh thần, “cách mệnh” kinh tế, thì “cách mệnh” chính trị cũng không xa.

1) Các ban chuyên môn (B.T).

2) Ban cải tiến nghề cày cấy (B.T).

HỢP TÁC XÃ

1. Lịch sử

Hợp tác xã đầu tiên¹⁾ sinh ra ở Anh. Năm 1761, mấy người thợ dệt vải rủ nhau lập ra một cái hội “làm vải cho tốt và bán giá trung bình trong làng xóm”.

Năm 1777, một hội khác lập ra. Sau còn nhiều hội lập ra nữa, nhưng chẳng được lâu.

Năm 1864, một hội mới lại lập ra được 999 đồng vốn. Đến năm 1923, thì hội này có 5.673.245 đồng vốn và tiền buôn bán đi lại được 47.777.000 đồng, 14 chiếc tàu, và 5.000 mẫu vườn chè (trà), 6 người đại biểu làm Hạ nghị viện, 4.580.623 người hội viên.

Hợp tác xã bây giờ bên Nga lớn nhất, thứ hai đến Anh (tiêu phí hợp tác²⁾), thứ ba Pháp (sinh sản hợp tác³⁾), thứ tư Đan Mạch⁴⁾ (nông dân hợp tác), thứ năm Đức (ngân hàng hợp tác⁵⁾).

Ở Nhật có một hội khi mới lập chỉ có 1.840 đồng vốn cách 8 năm đã có 370.000 đồng.

2. Mục đích

Tuy cách làm thì có khác nhau ít nhiều, nhưng mục đích thì nước nào cũng như nhau. Mục đích ấy thì trong lời tuyên ngôn của hợp tác xã Anh đã nói: “Cốt làm cho những người vô sản giai cấp hóa ra anh em. Anh em thì làm giùm nhau, nhờ lấn nhau. Bỏ hết thói tranh cạnh. Làm sao cho ai trồng cây thì được ăn trái, ai muốn ăn trái thì giùm vào trồng cây”.

Hồi bấy giờ tư bản và đế quốc chủ nghĩa bá tước⁶⁾ dân chẳng sót cách gì, chúng nó lấy tiền dân trả lại áp bức dân, chúng nó đã rắn sành ra mồ, lại còn “lấy gậy thầy đánh lưng thầy” cho nên hợp tác xã trước là có ích lợi cho dân, sau là bột súc bóp nặn của tụi tư bản và đế quốc chủ nghĩa.

1) Đầu tiên (B.T).

2) Hợp tác xã tiêu thụ (B.T).

3) Hợp tác xã sản xuất (B.T).

4) Nước Đan Mạch (B.T).

5) Hợp tác xã vay mượn hay còn gọi là hợp tác xã tín dụng (B.T).

6) Bóc lột (B.T).

3. Lý luận

Tục ngữ An Nam có những câu: “Nhóm lại thành giàu, chia nhau thành khố” và “Một cây làm chabilidad nón, nhiều cây nhóm lại thành hòn núi cao”. Lý luận hợp tác xã đều ở trong những điều ấy.

Nếu chúng ta đứng riêng ra, thì sức nhỏ, mà làm không nên việc. Thí dụ mỗi người mang một cái cột, một tấm tranh ở riêng mỗi người một nơi, thì lều chẳng ra lều, nhà chẳng ra nhà.

Nhóm những cột ấy, tranh ấy, sức ấy, làm ra một cái nhà rộng rãi bề thế rồi anh em ở chung với nhau. Ấy là hợp tác.

Lại thí dụ 10 người muốn ăn cơm, mỗi người riêng một nồi, nấu riêng một bếp, nấu rồi ăn riêng; ăn rồi ai nấy dọn dẹp riêng của người nấy, thế thì mất biết bao nhiêu cùi, nước, công phu và thì giờ.

Hợp tác xã là “góp gạo thổi cơm chung” cho khỏi hao của, tốn công, lại có nhiều phần vui vẻ.

4. Một cách hợp tác xã

Hợp tác xã có 4 cách:

1. Hợp tác xã tiền bạc¹⁾;
2. Hợp tác xã mua;
3. Hợp tác xã bán;
4. Hợp tác xã sinh sản.

Trước khi nói rõ những hợp tác ấy là thế nào, chúng ta phải biết rằng:

a) Hợp tác xã khác hội buôn, vì hội buôn lợi riêng, hợp tác xã lợi chung.
 b) Hợp tác xã tuy là để giúp đỡ nhau, nhưng không giống các hội từ thiện. Vì các hội ấy có *tiêu đi* mà không *làm ra*, và giúp đỡ bất kỳ ai nhưng có ý bối thí, hợp tác xã có tiêu đi, có làm ra, chỉ giúp cho người trong hội, nhưng giúp một cách bình đẳng, một cách “cách mệnh” ai cũng giúp mà ai cũng bị giúp²⁾.

5. Hợp tác xã tiền bạc

Hay là ngân hàng của dân; dân cày và thợ thuyền chung vốn lập ra:

1. Hội viên thiếu vốn làm ăn (vay về tiêu xài thì không cho) thì đến vay được lời nhẹ;
2. Hội viên có dư dật ít nhiều, thì đem đến gửi, được sinh lợi.

Dân nghèo, người có mà góp thì ít, người muốn vay thì nhiều, vậy thì thế nào lập được ngân hàng?

Muốn lập được phải có ba điều:

1) Hợp tác xã vay mượn hay hợp tác xã tín dụng (B.T).

2) Nên hiểu là ai cũng được giúp đỡ khi khó khăn và có trách nhiệm giúp đỡ người khác (B.T).

a) Tiền vốn - Nếu 1 người bỏ vào một đồng, 1.000 người đã được 1.000 đồng. Có 1.000 vốn, lưu thông khéo thì cũng bằng 10.000 đồng.

b) Lưu thông - Nếu mỗi người giữ lấy một đồng, thì 1.000 đồng ấy cũng tiêu mất. Nếu góp lại, tháng đầu cho A vay 100 hẹn 6 tháng trả; tháng 2 cho B vay 100 vân vân, chuyển đi mãi, lưu thông mãi, cả lời đến vốn, mỗi tháng mỗi nhiều, và giúp được hội viên cũng mỗi ngày một nhiều thêm.

c) Tín dụng - Làm có bê thế cho người ta tín dụng¹⁾, thì giao dịch dễ. Vậy thì vốn tuy ít mà dùng được nhiều.

6. Hợp tác xã mua

Nhà nào cũng không làm đủ đồ dùng được, chắc phải đi mua. Mua nhiều (mua sỉ)²⁾ thì chắc rẻ hơn mà đồ tốt hơn. Mua lẻ thì đắt mà đồ thì xấu. Nhưng thợ thuyền và dân cày lấy tiền đâu mà mua sỉ? Mua được, một nhà dùng cũng không hết. Cho nên phải chịu thua thiệt mãi.

Nếu nhiều nhà góp lại, mua sỉ về chia nhau, thì đã được rẻ, đồ lại tốt lại khỏi mất thì giờ.

Thí dụ: Mỗi thùng (dầu lửa giá 3 đồng, được 50 lít. Nhà buôn mua về kiểm cách pha phết thành ra 53 lít. Dân mỗi nhà phải có một người xách chai đi chợ mua mỗi lít phải trả một hào, dầu đã xấu, thắp lại mau hết. Tính lại nhà buôn lời:

1 cái thùng	0đ20
23 lít dầu	<u>2đ30</u>

Cộng cả 2đ50

53 nhà dân lỗ: 2đ50 và 53 giờ đồng hồ.

Nếu 53 nhà ấy góp nhau phái một người đi mua một thùng, thì đã khỏi mất 2đ50, lại lời được 53 giờ. Đem 53 giờ ấy làm việc khác, lại càng lời nữa.

7. Hợp tác xã bán

Mua càng nhiều càng rẻ, bán càng nhiều càng đắt. Mua càng ít càng đắt, bán càng ít càng rẻ. Ai cũng biết như vậy. Nhưng dân nghèo có đồ đâu mà bán nhiều. Vả lại khi đã đem rổ khoai thúng lúa đi

1) Tín dụng là công việc của ngân hàng về cho vay và nhận tiền gửi. Đoạn nói về tín dụng ở đây hiểu là: Cần phải làm cho có bê thế để người ta tin tưởng khi gửi tiền và vay tiền (B.T).

2) Tác giả dùng từ này theo nghĩa từ địa phương mua buôn hay mua nhiều (B.T).

chợ, thì đất rẻ cũng muốn bán cho xong, không lẽ mang đi mang về mãi. Phần thì sợ mất công, phần thì sợ mất thuế, phần thì sợ hao mòn. Nhà buôn biết vậy, lại càng bắt bí trả rẻ.

Lại thí dụ: 53 nhà có 53 thúng lúa, cho 53 người đem đi bán, phải nộp 53 lần thuế; đong đi đong lại đồ tháo mất 53 năm, nhà buôn bắt bí trả rẻ mất 53 xu (mỗi thúng một xu). Giời nắng, 53 người phải uống 53 xu nước, vân v.. Tính lại, thua thiệt biết chừng nào.

Nếu 53 nhà ấy có hợp tác xã bán, thì lời biết bao nhiêu!

8. Hợp tác xã sinh sản

Hợp tác này là để giúp nhau làm ăn. Thí dụ: Dân cày mỗi nhà có một con bò, phải có một thằng bé chăn, phải có một cái ràn¹⁾, lôi thôi biết chừng nào? Lại như những nhà không có, mùa cày phải thuê trâu. Mỗi nhà phải tự sắm lấy cày, bừa, cuốc, liềm, vân v., khi cày mệt, cuốc cùn chưa có tiền mua thì phải ngồi chịu. Nếu chung nhau mua trâu, mua đồ cày, ai dùng đến thì phải nộp ít nhiều, như thế há chẳng hơn sao?

Lại như trồng ra bông; nhưng không có bàn đánh bông, không có đồ kéo sợi, phải đem bông bán rẻ. Nếu góp nhau làm hợp tác xã, mua đủ đồ mà làm, thì công ít mà lợi nhiều.

Nói tóm lại là hợp tác xã rất có lợi cho nên dân các nước làm nhiều lắm. Thủ xem các hàng buôn sở dĩ mà giàu có, chẳng qua nó bớt ngược bớt xuôi của dân. Hợp tác xã là để cho khỏi bị hàng buôn ăn bớt.

9. Nhà buôn lấy lời

Nhà buôn kiếm được lời là vì người làm ra đồ và người dùng đồ, người mua và người bán cách xa nhau, phải nhờ nhà buôn đứng giữa, nó đã ăn lời khi mua, lại ăn lời khi bán. Thí dụ: Ngoài Bắc là xứ trồng chè, trong Nam là hay uống chè. Nhưng dân Bắc không đem vào Nam bán, dân Nam không ra tới Bắc mua.

Mấy nhà có chè đem bán cho A, hàng chè trong tổng; A đem bán lại cho B, buôn chè trong phủ, ăn lời một lần. B lại đem bán cho phố C ở tỉnh, ăn lời 2 lần. C bán cho công ty Đ Hà Nội, ăn lời 3 lần. Công ty Đ bán cho công ty E Sài Gòn, ăn lời 4 lần. Công ty E lại bán cho nhà buôn F các tỉnh, ăn lời 5 lần. Nhà buôn F bán sỉ cho phố G các phủ, ăn lời 6 lần. G bán lẻ cho H, ăn lời 7 lần. H bán lẻ cho người uống, ăn lời 8 lần.

1) Cái chuồng (B.T).

Thế là người làm ra chè thua thiệt, người uống chè cũng thua thiệt. Nếu có hợp tác xã thì tránh khỏi những điều ấy.

10. Cách tổ chức

Không phải làng nào cũng phải lập mỗi làng mỗi hợp tác xã. Cũng không phải mỗi làng phải lập cả mấy hợp tác xã. Cũng không phải có hợp tác xã này thì không lập được hợp tác xã kia. Chẳng qua theo hoàn cảnh nơi nào lập được hợp tác xã nào, và có khi hai hợp tác xã - mua và bán - lập chung cũng được.

Nếu nhiều nơi đã lập thành hợp tác như nhau, thì các hợp tác xã ấy nên liên lạc với nhau, thế lực càng mạnh hơn. Hoặc khi hai hợp tác xã tính chất khác nhau, thì cũng nên liên kết, như một hợp tác xã mua và một hợp tác xã bán.

Hợp tác xã chỉ có hội viên mới được hưởng lợi, chỉ có hội viên mới có quyền, nhưng những việc kỹ thuật như tính toán, xem hàng hóa, cầm máy, v.v., thì có phép mướn người ngoài.

Đã vào hội thì bất kỳ góp nhiều góp ít, vào trước vào sau, ai cũng bình đẳng như nhau.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.277-347.

1
9
2
7

NĂM 1928

1
9
2
8

Tin tình báo của Pinot (mật thám Pháp) gửi Laurent về báo *Thanh niên*, báo *Công nông*, báo *Lính cách mệnh* - những tờ báo mà Nguyễn Ái Quốc đã từng gửi đăng nhiều bài viết (nhiệm vụ Laurent, ngày 7, 8, 9/5/1928)

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

MISSION LAURENT
7,8 et 9 mai 1928
RENSEIGNEMENTS fournis à Laurent par l'agent PINOT
au sujet des journaux "THÀNH NIÊN" "BAO CÔNG NÔNG"
et "LĨNH CÁCH MỆNH"



NGUYỄN ÁI QUỐC écrivait beaucoup autrefois dans ces
journaux .

Désormais c'est HÔ TÙNG MÂU, un Tonkinois nommé BANG
TONG, bachelier titre français, 25 ans, émigré en 1926
avec PHONG qui vient de reparaitre à Canton, et un Tonkinois
nommé NHẬT, environ 24 ans, émigré en juillet 1927, ancien
rédacteur au "Thientic Nghiep" qui rédigent le "THÀNH NIÊN",
le "CÔNG NÔNG" et le "LĨNH CÁCH MỆNH" ./.

ĐÔNG DƯƠNG KHỔ NHỤC

“Ở Đông Dương giết người là việc xảy ra hằng ngày”, một diễn giả đã tố cáo như vậy ở Đại hội Liên đoàn chống áp bức thuộc địa và chống chủ nghĩa đế quốc họp ở Brúcxen. Câu nói đơn giản nhưng bao hàm cả sự thật hiển nhiên, đau xót của dân tộc đang bị đày đoạ này, mà đế quốc Pháp đang ra sức bưng bí những tiếng kêu gào của họ. Thực thế, ở đây, trong cái “pháo đài của nước Pháp ở Thái Bình Dương” ấy, người ta được mục kích hằng ngày những hành vi bạo ngược, giết người ăn cướp ghê tởm nhất. Dĩ nhiên là những tội ác của bọn thực dân tàn bạo ấy được chính quyền bao che. Từ người đại diện tối cao của nhà nước chính quốc đến những tên thực dân bình thường, ai nấy cũng tự ý và đua nhau giết hại, bóc lột đến tận xương tủy dân tộc đã bị chinh phục này. Chính Toàn quyền Varen, một đảng viên Xã hội, đã cướp không hàng chục nghìn hécta đất của nông dân đem cho bạn nó; chính viên đội Duyruyt đã bắt phạm nhân tự đào lấp mồ, đánh chết họ như đánh chó rồi đem chôn cất những người đang còn sống; một tên cai mỏ than ở Bắc Kỳ đã làm chết một anh thợ bằng cách đánh anh gãy hai chiếc xương sườn vì anh đã dám coi thường nó. Đối với những tên sát nhân ấy, tòa án đã cho đứa thứ nhất vô tội, kết án đứa thứ hai hai tháng tù treo. Thật đúng là một thứ công lý chính tông! Đông nhiên cướp của giết người đối với bọn thực dân cá mập là những điều hợp pháp! Chúng ta không có đủ thì giờ kể hết tội ác của bọn côn đồ ấy. Chúng ta chỉ cần nói rằng đế quốc Pháp với quân lính của chúng đã coi tính mạng người Đông Dương như cỏ rác, muốn thì chúng tước đoạt của cải, thích thì chúng bắn giết. Nhưng áp bức càng đè nặng lên vai dân chúng bao nhiêu thì dân chúng chống lại càng nhiều bấy nhiêu. Trong những năm gần đây, dân bản xứ bị bóc lột ngày một thêm tệ nên họ đã chống chủ nghĩa đế quốc quyết liệt. Những mưu toan mới đây nhằm trưng thu đất đai của nông dân nghèo đã gặp một sự phản ứng đích đáng biểu hiện trong các cuộc nổi dậy và đổ máu. Công việc nặng nhọc không lúc nào được nghỉ ngơi của những phu đồn điền cao su - ở mỗi đồn điền này hằng tháng trung bình có 62 người chết - đời sống khổ sở, đói rét đã dẫn họ đến bạo động, kết quả là một số người cầm đầu bị tử hình. Điều này chứng tỏ rằng bấy giờ căm hờn đã sôi sục trong lòng những người nô lệ và từ đây chủ nghĩa đế quốc Pháp không còn có thể bóc lột dân chúng Đông Dương mà không gặp những cuộc đấu tranh một sống

một chết. Vì vậy Chính phủ thuộc địa quay lại đàn áp tàn nhẫn những người bất mãn chống lại chính sách cai trị của nó, những người đấu tranh để giành lại tự do và quyền sống. Chính phủ ấy còn đàn áp một cách chưa từng thấy đối với những người cách mạng và tình nghi cách mạng. Chúng xử rất nhiều án tù tội hàng chục năm. Ông Phan Văn Trường, một nhà báo An Nam, đã bị hai năm tù vì ông đã có tội đăng lại một bài của báo *L'Humanité* bàn về sự “Đoàn kết huynh đệ với cách mạng Trung Quốc”.

Sách báo viết về vấn đề độc lập dân tộc đều bị cấm ngặt không được lưu hành; còn tác giả và quản lý thì bị kết án nặng. Vì vậy nên hai anh em ông Vương Gia Bật và Vương Gia Ngãi ở Trung Kỳ đã bị kết án một người ba năm tù, một người hai năm, chỉ vì có tội là bày vào tủ hàng sách của các ông quyền *Tiểu sử Tưởng Giới Thạch*¹⁾. Một học sinh 17 tuổi bị giam cho đến tuổi thành niên vì đã làm bài thơ *Chiêu hồn nước*²⁾.

Những vụ khám xét nhà cửa thì không kể xiết được. Chẳng có gì trong nhà, người ta cũng có thể bị bắt vì đã bị tình nghi. Học sinh Hà Tĩnh đã bị bắt như vậy. Chúng bắt các anh đó, tổng giam hai tháng rồi thả ra, chẳng cần thủ tục gì. Không những Chính phủ thuộc địa trấn áp những người mong muốn tự do, độc lập mà còn xúc phạm đến cả phong tục tập quán của dân bản xứ nữa. Thờ phụng những người đã quá cố, một việc rất thiêng liêng và thiết tha của người An Nam, cũng bị cấm đoán. Mới đây trong cuộc đưa đám một nhà cách mạng cũ³⁾, cảnh sát đã đánh đập dân chúng đến viếng mồ, làm một phụ nữ bị thương nặng, và bắt 12 người đưa ra tòa, chúng kết án người một năm, kẻ 6 tháng hay 3 tháng tù. Ở Sài Gòn, sáu người bị kết án mỗi người sáu tháng tù vì đã có tên trong danh sách ban tổ chức tang lễ.

Những sự việc trên đây được nhật ra một cách tình cờ trong lịch sử chế độ thực dân, một lịch sử đầy rẫy chém giết, cướp bóc, đã mô tả khá rõ đời sống khổ cực của dân tộc Đông Dương bị xâm lăng. Bị khuất phục bằng vũ lực, bắt buộc phải chịu đựng bao nhiêu điều nhục nhã, bị áp bức, bóc lột, dân Đông Dương không thể chịu ngồi yên mà không phá gông xiềng của chủ nghĩa đế quốc Pháp. Bọn chúng biết lắm, nên chúng tìm cách giấu giếm tội ác của chúng, bưng bít những tiếng thét căm hờn của người bản xứ và che đậy những cuộc khởi nghĩa bùng nổ không ngớt. Bọn chúng muốn cô lập xóm Đông Dương với nước ngoài để áp bức, bóc lột và cướp của được nhiều hơn. Chúng làm không được.

1) Quyển tiểu sử này viết khi Tưởng Giới Thạch còn ở trong quân đội cách mạng do Tôn Trung Sơn lãnh đạo (B.T).

2) Tác giả bài thơ *Chiêu hồn nước* là Phạm Tất Đắc (1909 - 1935), viết năm 1927 (B.T).

3) Đám tang của Lương Văn Can (B.T).

Ngày nay bức màn bưng bít đã bị xé toang, tội ác của chúng đã phơi bày trước giai cấp vô sản thế giới, đặc biệt là trước thợ thuyền Pháp. Hồi những ai đang đấu tranh ở khắp nơi, hồi các bạn Nga đã tự giải phóng mình khỏi tay bọn cường quyền, chúng tôi kêu gọi:

“Những người bạn bất hạnh của các bạn hiện đang giãy giụa ở Đông Dương. Họ đang trải qua những giờ phút khó khăn để tự giải phóng. Đế quốc Pháp đang giết hại họ, đang tước đoạt của cải họ. Mong các bạn nghĩ tới họ; tiếng thét căm thù của họ phải được hòa lẫn với tiếng thét của các bạn để chặn bàn tay giết người của bọn đế quốc Pháp ăn cướp. Mong rằng sự quan tâm của các bạn đối với phong trào đấu tranh sẽ cổ vũ họ trong tương lai lật đổ được bọn đế quốc áp bức bóc lột”.

NGUYỄN

Năm 1928.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.395-398.

1
9
2
8

CHỦ NGHĨA TỰ BẢN ĐẾ QUỐC PHÁP Ở ĐÔNG DƯƠNG¹⁾

TÌNH HÌNH KINH TẾ

Đông Dương rộng 710.000 kilômét vuông và có dân số là 20.000.000 người, trong đó có trên 26.000 người Âu, không kể những binh lính Pháp.

Những thành phố lớn là:

Sài Gòn, thủ đô ²⁾ của Nam Kỳ	108.000	dân
Chợ Lớn, thành phố ở sát Sài Gòn	203.000	-
Huế, thủ đô ³⁾ của Trung Kỳ	60.500	-
Hà Nội, thủ đô ⁴⁾ của Bắc Kỳ	74.500	-
Hải Phòng, hải cảng của Bắc Kỳ	74.500	-
Phnômpênh, thủ đô của Cao Miên	79.000	-
Viêngchăn, thủ đô của Lào	68.000	-

Những hải cảng là: Sài Gòn, cách biển 81 kilômét, với một lượng vận chuyển hàng năm là 3.600.000 tấn; Hải Phòng (Bắc Kỳ), cách biển 28 kilômét, với một lượng vận chuyển hàng năm là 1.200.000 tấn; Quy Nhơn và Tuaran⁵⁾ (Trung Kỳ) với một lượng vận chuyển là 500.000 và 100.000 tấn.

Đông Dương có khoảng 2.200 kilômét đường sắt, trong đó 860 kilômét thuộc con đường Vân Nam - Bắc Kỳ. Có tất cả 150 đầu tàu, 400 toa hành khách và 1.650 toa chở hàng hoá.

Doanh số thương nghiệp của năm 1925 là: 4.236.685.000 phrăng

trong đó, nhập khẩu chiếm	1.780.501.000	-
và xuất khẩu chiếm	2.456.184.000	-

như vậy là trội hơn năm 1924 một tỉ và trội hơn năm 1923 hai tỉ.

1) Tài liệu này do cơ quan lưu trữ Đảng Cộng sản Liên Xô gửi Đảng ta, trên tài liệu có ghi: Bài của Nguyễn Ái Quốc gửi cho tạp chí *Thư tín quốc tế*, ngày 2/10/1928 (B.T).

2), 3), 4) Dưới thời thuộc Pháp, Việt Nam bị chia làm ba xứ, mỗi xứ lấy một thành phố lớn làm thủ phủ (B.T).

5) Tourrane: Đà Nẵng (B.T).

SỰ TÍCH LUÝ TU BẢN

Tư bản của tất cả những doanh nghiệp Pháp đều tăng lên rất nhanh. Chúng ta hãy nêu lên, chẳng hạn:

Tư bản của công ty vôi đã tăng từ 600.000 lên đến 3.000.000 phrăng.

- của công ty nông công nghiệp Cam Tiêm từ 14 lên đến 30 triệu.
- của công ty trồng chè và cà phê ở Kon Tum từ 5 lên đến 15 triệu.
- của hãng vận tải liên hiệp từ 100 lên đến 300 triệu.
- của công ty xuất vốn cho cao su từ 100 lên đến 200 triệu.
- của công ty thương nghiệp, nông nghiệp và tài chính Đông Dương, từ 1 lên đến 10 triệu.
- của công ty xi măng Đông Dương, từ 8 lên đến 12 triệu.

Tư bản của công ty thăm dò và khai thác hầm mỏ ở Đông Dương đã tăng từ 12,5 lên đến 20 triệu.

Tư bản của Ngân hàng Đông Dương, một ngân hàng chi phối hầu như tuyệt đối nền thương nghiệp và công nghiệp ở Đông Dương, đã tăng một cách liên tục. Được thành lập năm 1875 với số tư bản là 8 triệu phrăng, đến năm:

1888, số tư bản đó đã lên tới 12.000.000
1900, 24.000.000
1916, 36.000.000
1910, 48.000.000
1920, 72.000.000

LỢI NHUẬN

Những hãng buôn ở thuộc địa đã giành được những lợi nhuận đôi khi vượt cả những tư bản ứng trước. Chẳng hạn năm 1924, Ngân hàng Đông Dương, với số tư bản là 72 triệu mà đã thu được một món lợi nhuận là 77.845.083 phrăng. Sau đây là tiến độ đi lên của lợi nhuận của các công ty:

Công ty xuất vốn cho cao su:

1918	3.378.486	phrăng
1920	4.950.014	-
1923.....	12.668.043	-
1925	32.573.850	-

Công ty đường sắt Vân Nam:

1917	1.121.000	phrăng
1919	1.543.000	-
1921	2.637.000	-
1923	3.275.000	-
1925	6.440.000	-

Công ty than đá Bắc Kỳ:

1912	1.926.000	phrăng
1914	3.302.000	-
1918	5.257.000	-
1920	17.601.000	-
1922	23.840.000	-
1923	35.037.000	-

Công ty lâm nghiệp và diêm Đông Dương:

1918	570.000	phrăng
1920	1.327.000	-
1922	1.733.000	-
1924	2.300.000	-
1925	3.414.000	-

CÔNG NGHIỆP HÓA THUỘC ĐỊA

Báo Thời đại ngày 19/3/1927, người phát ngôn của chủ nghĩa tư bản Pháp, đã có lý khi nhận xét rằng: “Sự thật là ở nước ta, những tư bản, đã từ lâu vẫn tỏ ra e ngại đối với những doanh nghiệp khai thác lãnh thổ hải ngoại của chúng ta thì bây giờ lại săn sàng hướng về những doanh nghiệp ấy, nhất là ở Đông Dương”. Thật vậy, kể từ khi cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa 1914 - 1918 chấm dứt, vô số những hàng hoặc công ty xuất vốn thương nghiệp và nông nghiệp đã mọc lên ở Đông Dương. Dưới đây, chúng tôi chỉ liệt kê những công ty có số tư bản trên một triệu phrăng:

Công ty Pháp ở Á châu, thành lập năm 1922, tư bản là 1.000.000

Công ty Optorg ... 1919 ... 20.000.000

Hàng anh em Đơnít ở Đông Dương ... 1922 ... 2.500.000

Hàng Duymarét ở Đông Dương	... 1922 ...	4.000.000
Hàng Poăngxa và Vâyrê	... 1921 ...	12.000.000
Tổng công ty các cửa hàng tổng hợp	... 1921 ...	12.000.000
Công ty Pháp - An Nam về sợi và xuất khẩu	... 1920 ...	4.000.000
Công ty Mácxây ở hải ngoại	... 1919 ...	1.500.000
Hàng vận chuyển Viễn Đông	... 1917 ...	20.000.000
Tổng công ty lụa Pháp ở Đông Dương	... 1921 ...	7.000.000
Công ty hầm mỏ và luyện kim Đông Dương	... 1919 ...	16.000.000
Công ty điện lực Đông Dương	... 1921 ...	15.000.000
Công ty luyện kim, nhà máy cơ khí và xưởng đóng tàu Đông Dương	... 1919 ...	3.000.000
Công ty nhựa cây và sơn "JB"	... 1921 ...	1.000.000
Công ty công trình lớn Viễn Đông	... 1922 ...	25.000.000
Nhà máy xay xát Viễn Đông	... 1922 ...	25.000.000
Công ty vô danh xà lan và tàu kéo Đông Dương	... 1921 ...	4.000.000
Công ty vô danh bất động sản anh em Đơnít	... 1922 ...	15.000.000
Công ty Antraxit Bắc Kỳ	... 1920 ...	5.000.000
Công ty kinh doanh Á châu	... 1921 ...	1.000.000
Công ty thăm dò và xuất khẩu khoáng sản	... 1920 ...	7.500.000
Công ty Pháp làm đồ thủy tinh Đông Dương	... 1923 ...	10.000.000
Công ty máy làm lạnh ở Viễn Đông	... 1920 ...	10.000.000
Công ty sơn Đông Dương	... 1919 ...	1.075.000
Công ty mỏ Bàuman	... 1924 ...	1.100.000
Công ty mỏ vàng Bắc Kỳ	... 1924 ...	8.000.000
Công ty đồ thủy tinh Viễn Đông	... 1923 ...	5.000.000
Xanhđica nghiên cứu đường sắt	... 1921 ...	2.000.000
Công ty thuộc địa sản xuất thức ăn dinh dưỡng	... 1921 ...	2.500.000

1
9
2
8

CHIẾM ĐOẠT RUỘNG ĐẤT

Tư bản Pháp không chỉ hướng vào công nghiệp và thương nghiệp Đông Dương, mà còn thành lập những công ty lớn mạnh để khai thác đất đai:

Công ty Cao Miên, thành lập năm 1922 với số tư bản là	5.000.000 phrăng	
Công ty ruộng đất thuộc địa ... 1923 ...	2.500.000	-
Công ty đồn điền đất đỏ ... 1923 ...	36.000.000	-
Công ty thương nghiệp và		
công nghiệp Pháp - An Nam ... 1922 ...	1.000.000	-
Công ty nghiên cứu trồng bông		
ở Đông Dương ... 1923 ...	1.000.000	-
Công ty Hớn Quản ... 1919 ...	3.000.000	-
Công ty công nghiệp và		
lâm nghiệp Đông Dương ... 1923 ...	1.000.000	-
Công ty chè Đông Dương ... 1924 ...	10.000.000	-
Công ty đường và chưng lọc		
Đông Dương ... 1923 ...	10.000.000	-

Chính vì vậy mà ở Nam Kỳ, 250.000 hécta đã bị những chủ đồn điền Pháp chiếm đoạt và 600.000 hécta sắp bị chiếm đoạt.

Hàng vận tải đường sông ở Nam Kỳ mua đất với giá 2,1 phrăng một mét vuông và đem bán lại với giá 1.440 phrăng một mét vuông.

Ở Bắc Kỳ, trên 112.000 hécta đất ruộng và 63.500 hécta đất có quặng đều nằm trong tay 150 chủ đồn điền và 34 chủ mỏ, đây là chưa kể những đất tô nhượng chưa được khai khẩn.

Ở Trung Kỳ, cho đến năm 1925, chỉ có 62.000 hécta nằm trong tay người Pháp. Chỉ riêng năm 1926, đã có trên 300.000 hécta bị 180 người Pháp chiếm đoạt.

Ở Cao Miên, có tất cả 523.000 hécta đất trống trọt, nhưng khoảng 1/3 số đó nằm trong tay những tên thực dân hay trong tay giáo hội Giatô.

Ở Lào, những người Pháp đã thiết lập chế độ “Khu dự trữ” - một chế độ mà những người Mỹ đã dùng đối với dân da đỏ và những người Nhật đã dùng với dân Đài Loan - nhằm mục đích chiếm đoạt của người bản xứ 200.000 ha đất đỏ.

SỰ ĐỘC QUYỀN

Chủ nghĩa tư bản thực dân có xu hướng tiến tới sự độc quyền. Tất cả những xí nghiệp đông đảo đó ở Đông Dương đều phụ thuộc vào một vài công ty có thế lực. Chẳng hạn, chúng ta thấy công ty rượu của Pháp ở Đông Dương tham gia vào các xí nghiệp sau:

Ngân hàng tín dụng ruộng đất Đông Dương

Nhà máy thủy tinh Viễn Đông

Công ty than và mỏ kim khí Đông Dương

Vận chuyển đường sông

Công ty nông công nghiệp Cam Tiêm

Công ty thức ăn đậm

Công ty than đá Bắc Kỳ.

Công ty thương nghiệp, nông nghiệp và tài chính Đông Dương, công ty “SICAF” như người ta thường gọi, lãnh đạo những công ty sau đây:

Công ty chè (Kon Tum)

Công ty bông (Sài Gòn)

Công ty nông nghiệp (Kon Tum)

Công ty chè An Nam

Công ty thương nghiệp Pháp - An Nam

Công ty công nghiệp và lâm nghiệp Biên Hòa

Công ty nông công nghiệp Bến Củi

Tổng công ty tơ lụa Pháp và Đông Dương

Công ty cà phê Đông Dương

Công ty nông nghiệp Sông Ruy.

Công ty tài chính Pháp và thuộc địa kiểm soát:

Ngân hàng tín dụng ruộng đất Đông Dương

Công ty cao su Đông Dương

Công ty cây nhiệt đới Đông Dương

Công ty bông Sài Gòn

Công ty máy xúc và công trình công cộng

Nhà máy thủy tinh Viễn Đông

1
9
2
8

1
9
2
8

Công ty xà lan và tàu kéo
Đồn điền cao su Bình Lộc
Nhà máy đường và rượu Đông Dương
Nhà máy nước và điện Đông Dương
Tân công ty phốt phát Bắc Kỳ
Những mỏ vàng Đắc Lắc
Những nhà máy giấy Đông Dương
Nhà máy in Viễn Đông
Những nhà máy lụa Đà Lạt
Hàng S.F.F.C. có những chi nhánh đến tận các thuộc địa ở châu Phi.

ĐẦU SỞ TÀI CHÍNH

Những công ty chỉ đạo, đến lượt chúng lại nằm dưới sự kiểm soát của Ngân hàng Đông Dương; mà ngân hàng này lại nằm trong tay một nhóm nhỏ những nhà tài chính độc quyền. Trong hội đồng quản trị của ngân hàng đó, chúng ta thấy có những tên sau đây:

Đờ Môngplanê, Chủ tịch Tổng công ty tín dụng công nghiệp và thương nghiệp.
Bêtônnôt, Chủ tịch Ngân hàng tín dụng Liông.
Boayê, Chủ tịch Chi điểm quốc gia chiết khấu Pari.
Rôxtan, Phó chủ tịch Chi điểm quốc gia chiết khấu Pari.
Đơnít, Chủ tịch Công ty anh em Đơnít.
G. Picôt, Phó chủ tịch Tổng công ty tín dụng công thương nghiệp.
Xtécnơ, quản trị Ngân hàng Pari và Hà Lan.
Đờ Tôragômanh, quản trị Ngân hàng tín dụng ruộng đất Pháp.
Và anh em Hônbéc nổi tiếng, có tên trong tất cả những xí nghiệp khai thác ở Đông Dương.

TƯ BẢN NƯỚC NGOÀI Ở ĐÔNG DƯƠNG

Chúng tôi không có những thống kê chính xác về tư bản nước ngoài đầu tư ở Đông Dương. Nhưng một vài số liệu dưới đây cũng đủ chứng tỏ sự tiến triển của tư bản nước ngoài:

Nhật xuất khẩu sang Đông Dương:

2.455.231 yên trong năm 1923
4.214.889 1924
6.382.512 1925

và nhập từ Đông Dương:

15.329.699 yên trong năm 1923
25.077.436 1924
62.272.000 1925

Năm 1924, 101 tàu Anh cập cảng Sài Gòn với 341.364 tấn hàng hóa (gần bằng nửa tổng số trọng tải hàng hóa Pháp lúc đó là 724.874 tấn), và 179 tàu Anh đã rời cảng Sài Gòn với 335.203 tấn hàng hóa. Cũng trong năm đó, 242 tàu của nước Anh đã cập cảng Hải Phòng và rời cảng đó với 285.441 tấn hàng hóa.

Năm 1926, những quan hệ thương mại của Anh với Đông Dương về mặt xuất khẩu là 323.667 xtéclinh, về mặt nhập khẩu là 328.824 xtéclinh.

Năm 1925, Mỹ bán cho Đông Dương 1.125.047 đồng hàng hóa và mua của Đông Dương 28.568 đồng nguyên liệu.

Xuất khẩu và nhập khẩu của Mỹ với Đông Dương trong năm 1926 được đánh giá là 1.434.049 đồng cho xuất khẩu và 211.877 đồng cho nhập khẩu.

ĐỐI KHÁNG THỰC DÂN Ở ĐÔNG DƯƠNG

Nước Nhật đã nhiều lần gửi những “Phái đoàn tuyên truyền”, “Phái đoàn nghiên cứu” hoặc “Phái đoàn thương mại” đi khắp Đông Dương. Mặc dù người Pháp thực tình không ưa những ông khách đáng nghi ngờ đó nhưng họ vẫn buộc lòng phải tỏ ra niềm nở, phải tiếp đón những phái đoàn ấy một cách long trọng và đưa họ đi tham quan khắp nơi. Những cuộc du hành ấy của những đại biểu Nhật làm cho chủ nghĩa đế quốc Pháp không yên tâm không những về phương diện kinh tế mà cả về phương diện chính trị. Vì mỗi khi có một cuộc thăm viếng như vậy thì người An Nam hình như đột nhiên bừng tỉnh nhớ đến tình cảnh bị áp bức của mình, tình cảnh bị áp bức của “những người anh em họ của mình tại đế quốc mặt trời mọc”, và cũng nhớ đến khẩu hiệu “Châu Á của người châu Á”.

Người Nhật Bản đòi một biểu thuế quan được ưu đãi. Người Pháp không muốn cho người Nhật được hưởng như vậy, nhưng cũng không dám công khai từ chối.

Những cuộc thương lượng đang diễn ra giữa Chính phủ Nhật và Chính phủ Pháp về việc Nhật yêu cầu được tô nhượng những mỏ sắt ở Cao Miên.

Để chứng minh rằng mình chú ý nhiều đến Đông Dương, Chính phủ Nhật vừa mới đổi lãnh sự quán Hải Phòng của mình thành Tổng lãnh sự quán Bắc Kỳ. Ngược lại nước Pháp lại không cho phép Trung Quốc có quyền gửi những lãnh sự sang Đông Dương để bảo vệ quyền lợi của nửa triệu người Trung Quốc sinh sống ở đó.

Năm vừa qua, ông M. Uynxton, Thư ký ngân khố Oasinhton, đã đưa ra ý kiến rằng, vì nước Pháp không thể trả được nợ của mình mà nước Mỹ lại cần nhiều cao su, và Đông Dương thì lại có nhiều đất trồng cao su, cho nên thật rất tốt cho tất cả mọi người nếu người Pháp tôt nhượng cho nước Mỹ - thay cho việc trả nợ - *một vài triệu hécta đất đẻ (tháng 8 năm 1926)*.

Ông Uynxton đã được nhiều nghị sĩ của Thượng nghị viện và Hạ nghị viện Pháp tán thành. Một vài tờ báo Pháp cũng ủng hộ ý kiến của ông ta.

Với sự ủng hộ của chủ nghĩa đế quốc Anh, nước Xiêm cũng đưa ra những yêu sách với người Pháp ở Đông Dương. Chẳng hạn, ngày 31/7/1926, nước Pháp phải ký những hiệp nghị thừa nhận nước Xiêm có một chế độ quan thuế và thuế khóa độc lập, thừa nhận những quyền tự do rộng rãi cho những công dân Xiêm ở Đông Dương.

SỰ BÓC LỘT NGƯỜI AN NAM

Nếu người Pháp thấy lợi nhuận và tư bản của họ tăng lên nhanh chóng, thì người An Nam cũng thấy sự nghèo khổ và những đám phụ minh phải chịu cũng tăng lên nhanh chóng.

Tổng ngân sách toàn Đông Dương do những người bản xứ đóng góp đã tăng lên như sau:

1913	57.370.000	đồng
1915	62.230.000	-
1917	63.860.000	-
1920	70.170.000	-
1921	84.760.000	-
1922	87.120.000	-
1923	88.120.000	-
1924	89.830.000	-

Hơn nữa, người An Nam còn phải đóng góp đầy đủ cho những ngân quỹ địa phương nữa: 17.800.000 đồng cho ngân quỹ Nam Kỳ, 18.200.000 đồng cho ngân quỹ Bắc Kỳ, v.v.. Ngoài ra họ còn phải đóng góp cho những khoản chi tiêu của các cơ quan thuộc địa ở chính quốc. Năm 1927, những số tiền đóng góp ấy là:

Chi tiêu quân sự...	130.000.000 đồng
Hàng không quân sự...	700.000 -
Trường học thuộc địa...	225.000 -
Cơ quan kinh tế...	880.000 -
Viện nghiên cứu thuộc địa...	302.000 -
Cơ quan thanh tra thuộc địa...	240.000 -
Hội đồng tối cao của các thuộc địa	20.000 -

Ngoài những khoản thuế khóa và đạm phụ ấy, người bản xứ còn buộc phải mua quốc trái, buộc phải quyên góp để khôi phục đồng phrasing, để giúp đỡ những miền bị tàn phá, v.v..

Khi đã thấy rõ diện tích bao la của phần ruộng đất bị chế độ thực dân chiếm đoạt và tiến độ đi lên của thuế má, thì thật là thừa nếu nói thêm rằng nông dân An Nam đang ở trong những điều kiện cùng khổ không thể tưởng tượng được.

Từ năm 1914 đến 1924, giá sinh hoạt tăng thêm 47%, nhưng tiền lương của công nhân hầu như vẫn đứng nguyên tại chỗ.

Công ty than đá Bắc Kỳ chiếm 21.900 hécta đất mỏ và sử dụng 16.500 công nhân bản xứ. Với tư bản 16 triệu phrasing, năm 1925 công ty đó đã kiếm được 35 triệu phrasing tiền lời, trong khi đó, người thợ mỏ mỗi ngày chỉ lĩnh được 25 xu, tức là mỗi tấn được lĩnh 2,27 phrasing. (Đàn bà được lĩnh 20 xu, trẻ em được lĩnh từ 10 đến 15 xu).

Công nhân làm trong các nhà máy bông vải sợi ở Bắc Kỳ làm suốt ngày từ 6 giờ sáng đến 9 giờ tối được lĩnh 15 xu.

Công nhân nông nghiệp trong các đồn điền cao su Bà Rịa cứ mỗi hố được lĩnh 6 xu. Do công việc khó khăn và khí hậu oi bức, mỗi ngày một công nhân chỉ đào được 2 hố là nhiều, thành thủ tiền công của họ được khoảng 12 xu.

Mỗi công nhân cạo mủ cao su làm trong công ty nông nghiệp Xuygiana phải phụ trách 9 hécta, nghĩa là từ 900 đến 1.500 cây cao su mới được lĩnh số tiền công nhật từ 15 đến 20 xu.

Một sắc lệnh ra ngày 11/11/1918 quy định rằng lao động của trẻ em không được vượt quá 10 giờ một ngày.

Về mặt thương nghiệp, với doanh số hằng năm là 5 tỷ, Đông Dương có 50 nghìn tiểu thương người An Nam (22 nghìn người ở Nam Kỳ), thương nghiệp lớn và trung bình nằm trong tay những người nước ngoài.

VÔ SẢN HÓA NGƯỜI BẢN XỨ

1
9
2
8

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản thực dân ở Đông Dương đã tạo ra ở xứ đó hai giai cấp vô sản, giai cấp vô sản công nghiệp và giai cấp vô sản nông nghiệp.

Đa số công nhân công nghiệp làm trong các hầm mỏ và vận tải. Ở Bắc Kỳ có khoảng 30 nghìn thợ mỏ chia ra như sau:

- 15.500 trong những hầm mỏ ở Hòn Gai
- 2.500 trong những hầm mỏ ở Bắc Cạn
- 1.500 trong những hầm mỏ ở Đông Triều
- 1.200 trong những mỏ than ở Bắc Kỳ
- 1.200 trong vùng đất sở hữu Kế Bào
- 1.200 trong những hầm mỏ ở Tràng Đà (tỉnh Tuyên Quang)
- 900 làm thuê cho Công ty hầm mỏ Bắc Kỳ
- 900 trong những hầm mỏ ở Hà Nam và Hoà Bình
- 900 trong những mỏ thiếc ở Cao Bằng.

Ngành đường sắt có khoảng 11.500 công nhân, trong đó có 3.750 công nhân làm trên con đường Bắc Kỳ - Vân Nam (2.600 người An Nam và 1.150 người Trung Quốc).

Trong 65 nhà máy xay xát gạo lớn nhỏ ở Nam Kỳ có khoảng 7.000 công nhân, chưa kể một số lớn nhân công phụ làm công nhật (những người đánh xe, chở thuyền, v.v.).

Sau đó là:

- 2.000 công nhân trong những nhà máy dệt Nam Định
- 1.000 -- trong những xưởng sửa chữa tàu thủy ở Hải Phòng
- 800 -- trong Xưởng tàu Sài Gòn
- 800 -- trong Hàng rượu Phôngten
- 600 -- trong Nhà máy cơ khí Hải Phòng
- 600 -- trong Nhà máy in Viễn Đông
- 650 -- trong Nhà máy gạch ngói Đông Dương.

Những nhà máy, công xưởng sử dụng 400 công nhân thì rất nhiều, đó là: Nhà máy xi măng Poóclan, Xí nghiệp Ácđen, nhà máy điện, những xưởng máy của công ty chuyên chở và dắt hàng, v.v..

Một trong những đồn điền cao su lớn ở Nam Kỳ sử dụng trên 3.600 công nhân nông nghiệp, một đồn điền khác sử dụng 3.300 công nhân, v.v..

Ở Bắc Kỳ, tuy rằng những đồn điền đều hép hơn, nhưng số những công ty hoặc công ty nông nghiệp Pháp sử dụng trên 100 công nhân thì có rất nhiều. Thường tất cả những thành viên trong 1 gia đình đều làm cho cùng 1 đồn điền, lúc đó người ta coi gia đình là một đơn vị tức là “gia đình tá điền”. Những gia đình đó gồm từ 2 đến 10 người. Trong số những doanh nghiệp nông nghiệp chúng tôi xin nêu:

Đồn điền Vielê	300 gia đình
Công ty thuốc lá Đông Dương	200 gia đình và 400 công nhân
Bonnopho	200 gia đình
Guyôm	200 -
Huytlê	140 -
Râynôn	130 -
Kêple	100 - và 100 công nhân
Bécđê	100 -
Cácđê	110 -
Công ty nông lâm Yên Mỹ	600 công nhân
Cliét, Mahê và công ty	500 -
Bôren	150 -
Bà góá Halaba	150 -
Lôgiơn	150 -
Lêvi	100 -
v.v..	

1
9
2
8

LAO ĐỘNG KHỔ SAI ĐỐI VỚI NGƯỜI BẢN XÚ

Trước khi người Pháp đến Đông Dương thì lao động khổ sai dưới hình thức lao dịch đã tồn tại. Nhưng chúng tôi đặt vấn đề lao động cưỡng bức dưới một hình thức khác hơn và hiện đại hơn.

Mặc dù Đông Dương có một dân số lớn, nhưng chủ nghĩa tư bản thuộc địa vẫn đang đứng trước tình hình khó khăn khó tìm được đủ nhân công. Vấn đề là như sau:

Nông dân Cao Miên và Lào phản ứng mạnh mẽ chống lại công việc nặng nhọc mà chủ đồn điền Pháp muốn cưỡng bức họ tiến hành.

Nam Kỳ với đất đai khá màu mỡ và dân số thừa thớt không cung cấp được nhân công rẻ tiền.

Thế là chỉ còn người An Nam ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ bị sự cùng khổ đẩy đến chỗ phải lao động trong những điều kiện nặng nề, và họ là đạo quân hậu bị cho thị trường lao động.

Nhưng hiện nay số cầu về nhân công lại lớn hơn số cung về nhân công:

1. Chủ nghĩa quân phiệt Pháp cần có những người bản xứ cho những trại lính của nó.
2. Những đồn điền Pháp ở châu Úc cần có những nô lệ cho đồn điền của chúng.
3. Những chủ đồn điền Pháp ở Nam Kỳ, Cao Miên, Trung Kỳ, Lào và Bắc Kỳ, tất cả bọn họ đều cần có nhân công giá rẻ.
4. Những hầm mỏ, nhà máy, xưởng thợ của Pháp cần có một dự trữ dồi dào về nhân lực cho những xí nghiệp của họ.
5. Chính phủ thuộc địa cần có những người đàn ông đi làm tạp dịch.

Công việc đê điều ở Bắc Kỳ cần 60.000 người. 35.000 người sẽ là cần thiết cho những đồn điền ở Nam Kỳ và 15.000 người cho những đồn điền ở Cao Miên (không kể những người đã có công ăn việc làm), 10.000 người cho những đồn điền ở châu Úc, v.v.. Nếu kể thêm những yêu cầu về mặt quân sự và công nghiệp thì cần đến khoảng 200.000 người có sẵn để thuê mướn. Vì sao khó mà tìm ra 200.000 người trong một đất nước có một dân số là 12 triệu người (Trung Kỳ và Bắc Kỳ).

Trước hết cần phải có những người vạm vỡ, trong khi đó đa số người An Nam lại ốm yếu do sự cùng khổ về sinh lý (mỗi năm có 2 triệu trong số 5 triệu người An Nam ở Trung Kỳ bị đau mắt). Sau nữa là vì sợ bị ngược đãi, người An Nam chỉ vào làm trong những xí nghiệp Pháp khi họ bị thúc ép bởi sự cùng khổ đến cực độ.

Chính vì vậy mà người Pháp thường nói đến chuyện “thiếu nhân công” và họ nghĩ đến việc đưa ra những “thông báo về nhân công”, nghĩa là việc tuyển mộ cưỡng bức hoặc “chế độ tình nguyện” cưỡng bức được thi hành trong cuộc chiến tranh 1914 - 1918, nhằm mộ lấy 10.000 người An Nam gửi ra mặt trận ở Pháp và ở Salônich¹.

1) Căn cứ của quân Đồng minh chống Đức trong Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) ở Hy Lạp (B.T).

SƠ HÃI CÁCH MẠNG

Mặc dù có hoạt động bê ngoài về kinh tế, và mặc dù làm ra vẻ an tâm, những tên đế quốc Pháp ở Đông Dương luôn luôn bị ám ảnh bởi ý nghĩ về một cuộc cách mạng sắp tới. Việc đã tạo ra một giai cấp vô sản và dạy cho người An Nam biết sử dụng súng ống là một bằng chứng tỏ chủ nghĩa đế quốc tự mình đào hố để chôn mình.

Hiện nay chỉ một mảnh truyền đơn do một học sinh nhỏ phân phát cũng đủ để làm cho toàn bộ Chính phủ thuộc địa phải đề phòng, và cái bóng của một phong trào nhân dân cũng đủ để làm cho những phiếu cổ phần thuộc địa bị sụt giá trên thị trường tài chính.

Cái mà bọn đế quốc thường sợ hãi đó là sự tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản.

Nói chuyện ở Côngxtăngtin, ngày 22/4/1927, ông Xarô nguyên là Toàn quyền Đông Dương, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa và Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã nói: "... Và chủ nghĩa cộng sản Pháp, theo lệnh của nước ngoài đều nhằm vào tất cả những điểm liên kết đời sống dân tộc của chúng ta để tuân tự làm hư hỏng tất cả những bánh xe trong bộ máy, hủy hoại những cơ quan, phá vỡ những tổ chức, phá hoại những cơ chế hoạt động của chúng ta, đặc biệt là trong những năm gần đây nó ra công tìm cách bẻ gãy những chìa khóa quan trọng của sự nghiệp thực dân vĩ đại của chúng ta. Chính phủ không thể dung túng những kích động cách mạng, nội chiến, sự sụp đổ của quốc gia. Chính phủ đã từng trị nó, và sẽ còn từng trị nữa...".

Khi nhận chức Toàn quyền, Varen - đảng viên Đảng Xã hội - tuyên bố rằng nhiệm vụ đầu tiên của mình là dùng mọi biện pháp để ngăn cản sự thâm nhập của công cuộc tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản vào Đông Dương.

Tuy được bảo vệ bằng một đội quân 25.000 người (con số chính thức là 21.614 người), một hạm đội 27 tàu chiến (con số chính thức là hai pháo hạm, 4 ngư lôi hạm, 21 tàu có vũ trang), chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Đông Dương luôn luôn lo sợ cho số mệnh của mình. Năm 1928, khoản chi phí quân sự của ngân sách Bộ Thuộc địa ngốn mất 393 triệu phrăng, như thế là nhiều hơn năm 1927 đến 81 triệu phrăng.

Đến tháng 6, người ta gửi sang Đông Dương ông Mannocanh, nguyên là Cảnh sát trưởng quận Xen và là viên chức đặc biệt của Tổng nha cảnh sát, để lãnh đạo cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cộng sản ở Đông Dương, theo lời của bản thông cáo chính thức.

Khi trở về Pháp, ông Toàn quyền Varen đã có những cuộc hội đàm đặc biệt với các ông bộ trưởng Bộ Hải quân và Bộ Chiến tranh về vấn đề tăng cường bảo vệ Đông Dương.

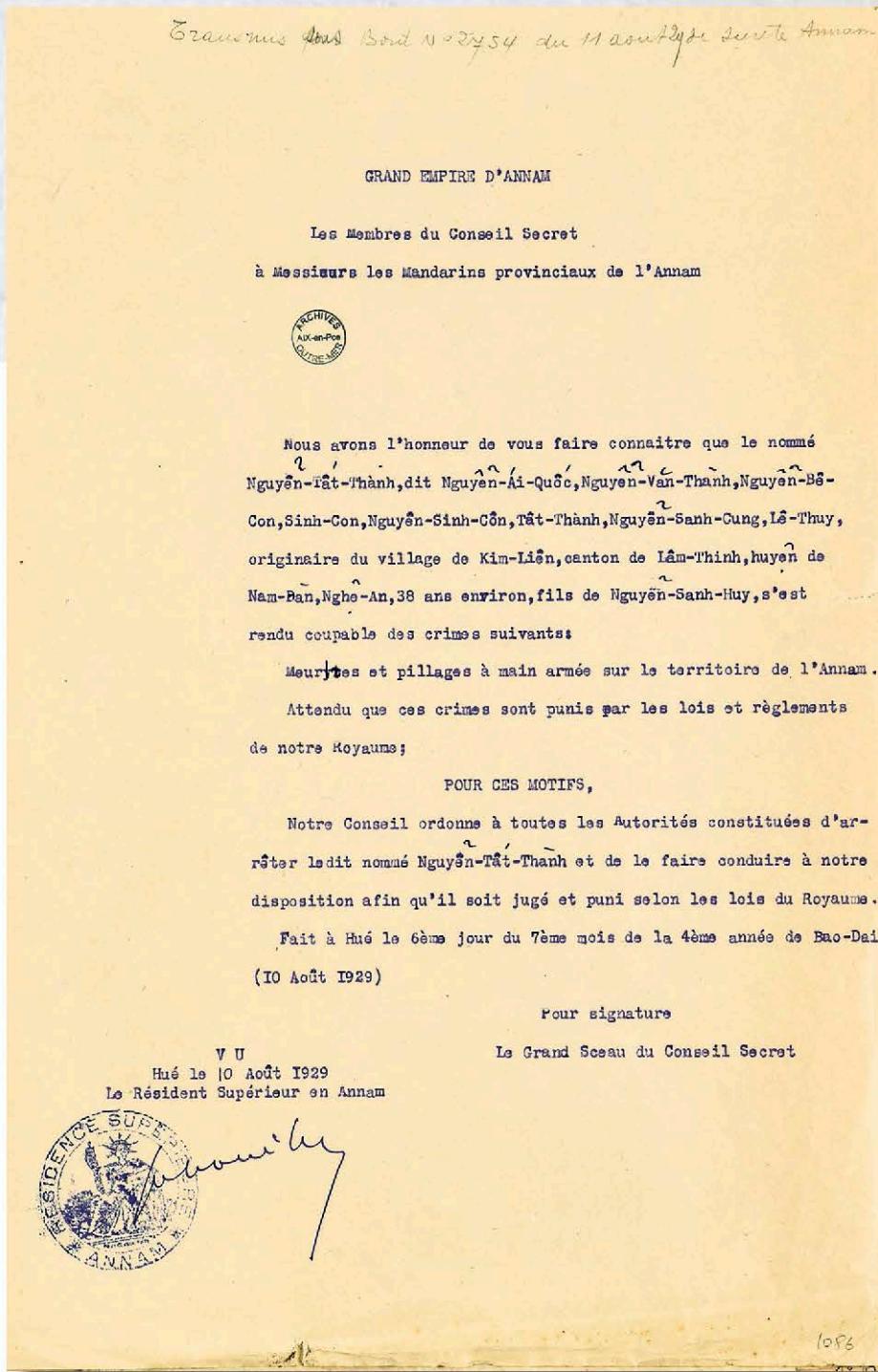
Tháng 7 năm 1927, tướng Clôđen, ủy viên Hội đồng Chiến tranh tối cao sang Bắc Kỳ để nghiên cứu tại chỗ những biện pháp quân sự cần được tiến hành.

Người ta vừa thành lập ở Đông Dương 2 đại đội lính pháo thủ, 4 tiểu đoàn lính sơn cước, một cụm pháo binh gồm 3 khẩu đội, một phi đội và những phân đội xe tăng, những phân đội súng máy khác.

Luôn luôn nói đến chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa đế quốc đã tuyên truyền cho chủ nghĩa cộng sản, mặc dù nó không muốn và không biết như vậy.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.377-394.

NĂM 1929



1
9
2
9

Văn bản của Cơ quan an ninh An Nam gửi quan lại các tỉnh của An Nam yêu cầu bắt giữ Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc), ngày 10/8/1929

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

NĂM 1930

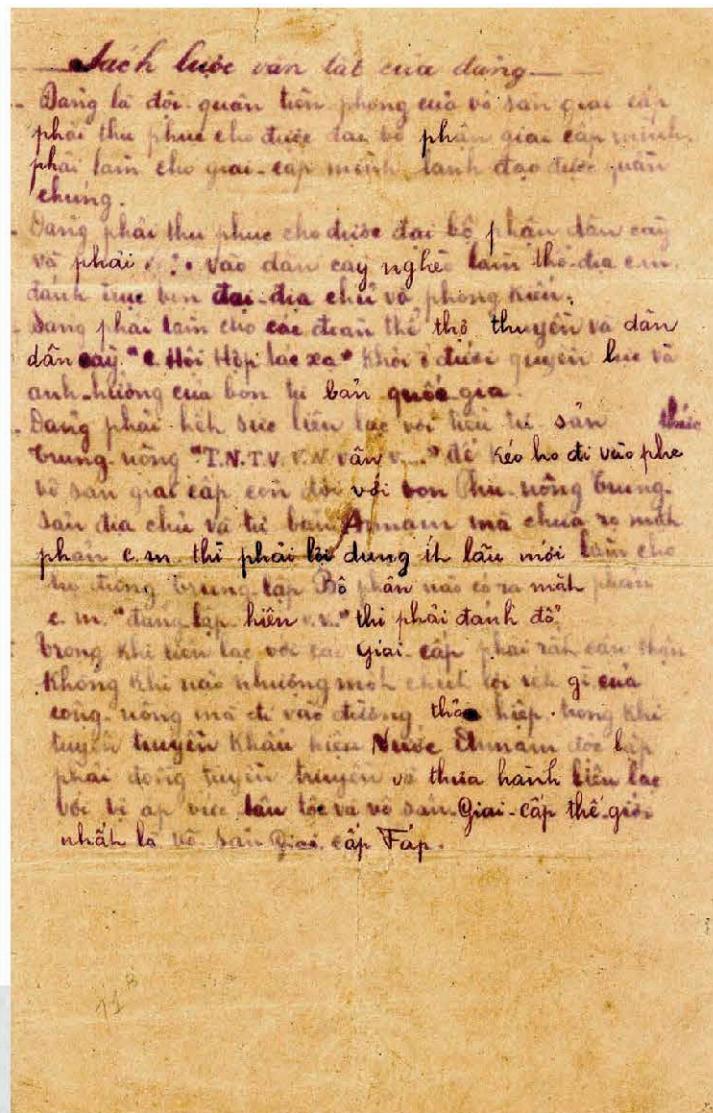
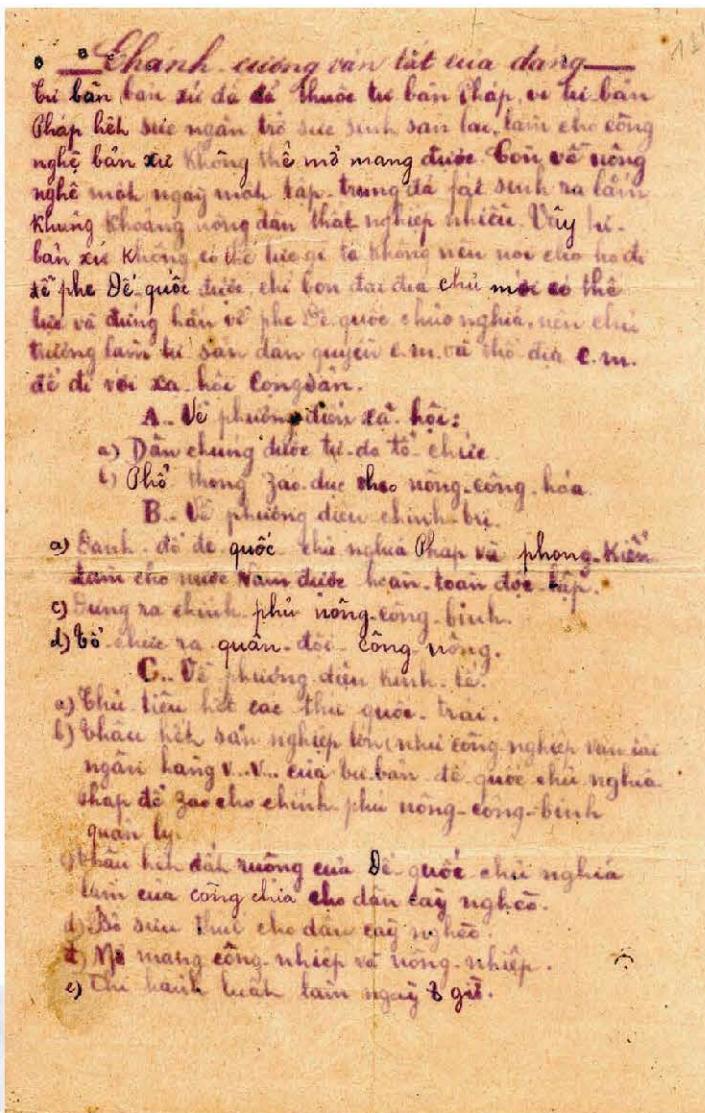
1
9
3
0



Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 do Nguyễn Ái Quốc chủ trì (ảnh chụp tranh)

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

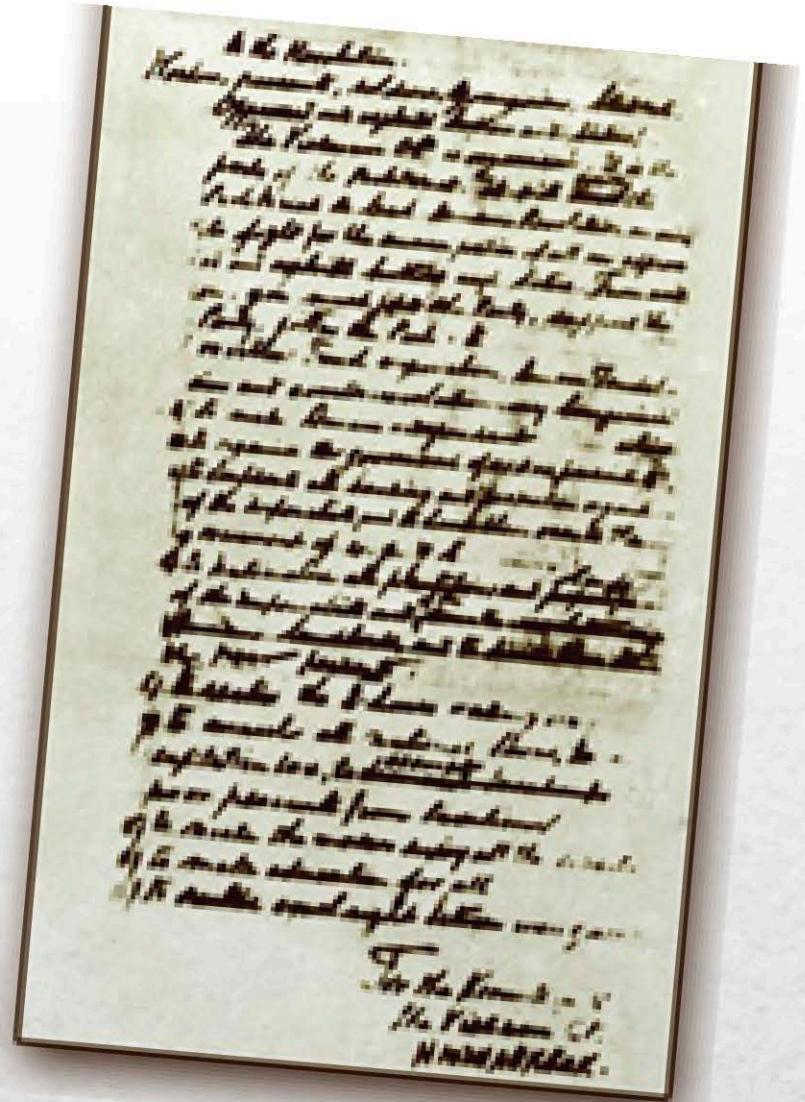
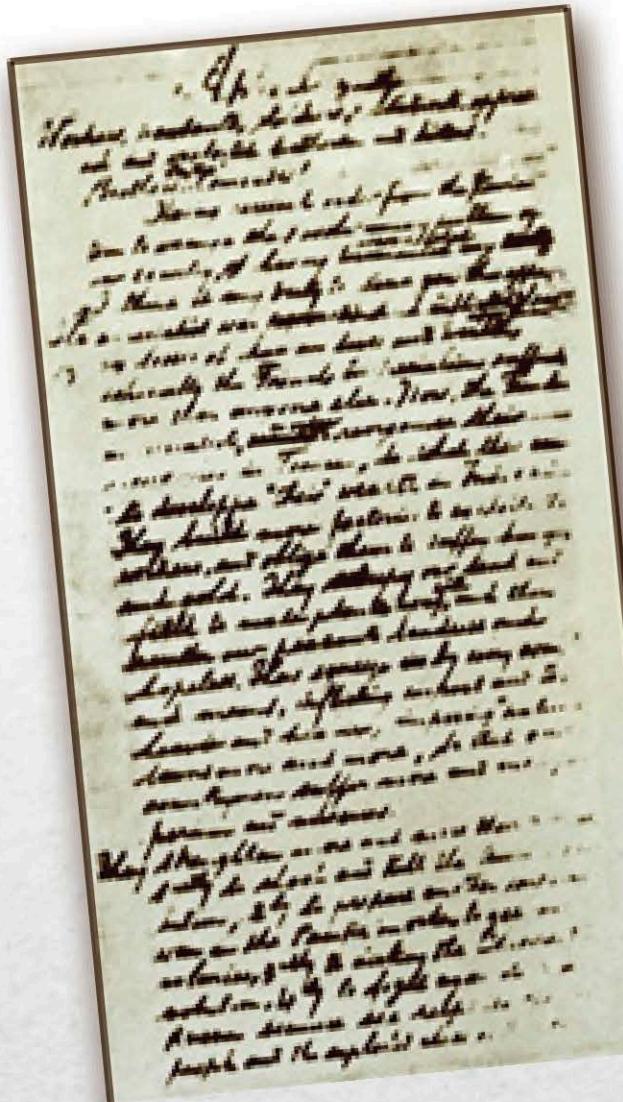
1
9
3
0



Chánh cương văn tắt của Đảng, Sách lược văn tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo năm 1930

(Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, Việt Nam)

1
9
3
0



Báo cáo của Nguyễn Ái Quốc gửi Quốc tế Cộng sản, ngày 18/2/1930 (Bản bút tích tiếng Anh)

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

- 1) to realize the 8-hours working day
- 2) to annul all national taxes, ~~to annul~~
capitation tax, to ~~exempt~~ ~~annul~~ ~~to annul~~
poor peasants from taxation
- 3) to make the masses enjoy all the liberties
- 4) to make education for all
- 5) to realize equal right between men & women

For the Komintern of
the Vietnam CP
Hồ Chí Minh

P.S. Dear Comrade. I wish to see you as soon as possible.
1° Because this report was written already
2 days, and not yet received. There is too much
delay 3° We can receive all these questions within
some hours, and I have spent already 8 days
3° I am obliged to wait, doing nothing, while work
is waiting for me, elsewhere.

HCK

1
9
3
0

BÁO CÁO GỬI QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Ngày 18/2/1930

A. 1) Nhận được chỉ thị của Quốc tế Cộng sản về công tác ở Đông Dương, tôi từ giã nước Đức vào tháng 6 và đến Xiêm vào tháng 7/1928. Tôi đã làm việc với một số người An Nam di cư ở đấy tới tháng 11/1929.

2) Những điều kiện ở Xiêm (đúng hơn là cả ở Lào).

a) Dân cư rất phân tán, hầu hết theo đạo Phật, một số ít theo đạo Thiên chúa.

b) Chừng 10 hay 15 nghìn người An Nam di cư ở Xiêm và ở Lào. Hơn một nửa trong số họ đã nhiều thế hệ theo đạo Thiên chúa.

c) Kinh tế - không có công nghiệp, nông nghiệp tự nhiên và lạc hậu, điều đó dẫn đến chỗ đồng ruộng bỏ hoang; người ta có thể sử dụng bao nhiêu đất tùy ý, không hạn chế, không đánh thuế. Thương nghiệp ở trong tay người Trung Quốc.

d) Thiên nhiên - nửa năm nóng, nửa năm lạnh, và ở mùa này, tất cả mọi thứ giao thông liên lạc đều không thực hiện được.

B. Công tác của tôi ở Lào.

1) Do những điều kiện của người An Nam (nông dân tự do, thợ thủ công, tiểu thương), họ chỉ có thể được tổ chức vào “Hội Ái hữu” với tư tưởng yêu nước và chống đế quốc. Trước đây, họ có hơn 1.000 người. Nhưng hiện nay ít hơn vì những người An Nam theo đạo Thiên chúa bị các giám mục người Pháp đe dọa rút phép công nhận họ đã rút ra khỏi Hội Ái hữu.

2) Ba trường học đã được tổ chức. Một trường khác sắp được tổ chức nhưng phải hoãn lại, vì:

a) Địa điểm gần người Pháp.

b) Tỉnh trưởng người Xiêm theo đạo Thiên chúa.

c) Có một nhà thờ do người Pháp làm cố đạo, dĩ nhiên là ông ta chống lại chúng tôi.

3) Một tờ báo, tờ “Thân ái” sắp được xuất bản.

C. Đi về An Nam.

Đã hai lần tôi cố gắng về An Nam, nhưng phải quay trở lại. Bọn mật thám và cảnh sát ở biên giới quá cẩn mật, đặc biệt là từ khi xảy ra vụ An Nam “Quốc dân Đảng”.

D. Tới Trung Quốc.

Tôi đã cố gắng đi lần thứ ba khi một đồng chí từ Hồng Công tới Xiêm và tin cho tôi biết tình hình Hội An Nam Thanh niên Cách mạng¹⁾ bị tan rã; những người cộng sản chia thành nhiều phái, v.v..

Lập tức tôi đi Trung Quốc, tới đó vào ngày 23/12. Sau đó, tôi triệu tập các đại biểu của 2 nhóm (Đông Dương và An Nam). Chúng tôi họp vào ngày mồng 6/1.

Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, tôi nói cho họ biết những sai lầm và họ phải làm gì. Họ đồng ý thống nhất vào một đảng.

Chúng tôi cùng nhau xác định cương lĩnh và chiến lược theo đường lối của Quốc tế Cộng sản.

Các đại biểu phải tổ chức một Trung ương lâm thời gồm 7 ủy viên chính thức và 7 ủy viên dự khuyết. Các đại biểu trở về An Nam ngày 8/2.

E. Công tác của Trung ương mới.

1) Ngoài công tác hàng ngày, họ phải tổ chức ngay:

- a) Đoàn Thanh niên cộng sản.
- b) Hội Tương tế.
- c) Hội Phản đế.

Họ cũng phải làm những việc tốt nhất của họ để mở rộng ảnh hưởng của Xôviết Quảng Tây.

2) Để tạo cho quần chúng chúng cách mạng, đặc biệt là giai cấp cần lao, biết rằng họ được Quốc tế Cộng sản dùi dắt và giai cấp công nhân thế giới ủng hộ, rằng họ phải bảo vệ Liên Xô và cách mạng Trung Quốc, rằng họ phải đấu tranh chống việc chuẩn bị chiến tranh thế giới mới - tôi đã viết *Lời kêu gọi* để phân phát khi Trung ương được tổ chức xong (khoảng ngày 20/3).

F. Những lực lượng của chúng tôi.

Có năm tổ chức chính trị ở Đông Dương:

1) Nguyên bản tiếng Anh là: *The Annam Young Revolutionary Association (B.T).*

1
9
3
0

- a) Đảng Lập hiến được lập nên bởi một số tư sản An Nam - ở Nam Kỳ - hợp tác với đế quốc.
- b) Đảng Tân Việt được lập nên bởi tầng lớp trí thức đã một thời có ảnh hưởng nhưng bắt đầu suy yếu từ khi có khủng bố trống.
- c) An Nam Quốc dân Đảng cũng được tổ chức bởi trí thức và giai cấp tiểu tư sản. Từ khi bị khủng bố trống, lực lượng chủ yếu của họ bị tiêu diệt và số còn lại thì phân hóa thành nhiều phe phái: cánh tả thì quan hệ chặt chẽ với chúng tôi, cánh hữu thì đang trở thành như những người manh động.
- d) Hội An Nam Thanh niên Cách mạng do chúng tôi tổ chức từ năm 1925. Có thể nói rằng, nó là quả trứng, mà từ đó, nở ra con chim non cộng sản (Đảng Cộng sản). Con chim ra đời, cái vỏ bị phá hủy gần hết do chính sách sai lầm của những người cộng sản. Phần còn lại của nó chịu ảnh hưởng và chịu sự lãnh đạo của chúng tôi trong công tác vận động quần chúng. Từ nay, với chính sách đúng và với sự thống nhất, chúng tôi có thể chắc rằng Đảng Cộng sản sẽ tiến bộ nhanh chóng.
- e) Mặc dù non trẻ và nhỏ bé, Đảng Cộng sản được tổ chức tốt nhất và hoạt động mạnh nhất trong tất cả các lực lượng. Chúng tôi có:

Xiêm: 40 đảng viên chính thức và dự bị.

Bắc Kỳ: 204 "

Nam Kỳ: 51 "

Trung Quốc và nơi khác: 15.

(Trung Kỳ thì ghép vào Bắc Kỳ và Nam Kỳ).

Các tổ chức quần chúng:

Bắc Kỳ: 2.747 hội viên

Nam Kỳ: 327 "

Xiêm: 500 "

Hồng Công: 14 "

Thượng Hải: "

Nên nhớ rằng, từ khi Hội An Nam Thanh niên Cách mạng tan rã, hai nhóm cộng sản sử dụng nhiều - nếu không nói là tất cả - nghị lực và thời gian trong cuộc đấu tranh nội bộ và bè phái.

g) Tình hình kinh tế và chính trị nói chung sẽ được báo cáo sau vì lúc này không có tài liệu.

G. Phong trào đình công.

Tên địa phương	Tháng	Nghề nghiệp
Hà Nội	6/1929	Công nhân cơ khí
Sài Gòn	6	"
Đà Nẵng	6	"
Hải Phòng	6	Công nhân thủy tinh
Nam Định	6	Công nhân điện
Hải Phòng	7	Công nhân dệt lụa
Rạch Giá	8	Công nhân kéo xe
Thủ Dầu Một	8	Công nhân đồn điền
Sài Gòn	9	Công nhân khách sạn
Chợ Lớn	9	Công nhân nhà in Trung Quốc
Bắc Ninh	9	Công nhân làm gạch
Hải Phòng	9	Công nhân hăng dầu lửa
Cần Thơ	9	Công nhân kéo xe
Bến Tre	9	"
Mai Mot	9	Phu đồn điền
Trà Vinh	10	"
Rạch Giá	10	"
Kiến An	11	Công nhân kéo xe
Châu Đốc	11	"
Nam Định	12	Công nhân xây dựng
Hải Phòng	12	Công nhân xi măng

1
9
3
0

(Bản thống kê này không đầy đủ, mà chỉ là điều tôi biết vào thời gian hiện giờ).

H. Khủng bố trấn.

Bị bắt giữ, kết án từ 2 năm đến 20 năm, lưu đày, tống giam vào nhà ngục:

407 đàn ông

14 con gái và đàn bà

Bị kết án chung thân: 7

Xử tử theo luật hình: 4 (tôi là một trong số họ)

Chết trong tù: 3

Bị bắn chết: 1

I. Những kiến nghị

1) *Xingapo.* Đảng bộ Xingapo đã viết thư cho chúng tôi nói rằng Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ ở dưới sự chỉ dẫn của Xingapo. Nhưng xét về hoàn cảnh địa lý (Nga - Trung Quốc - An Nam) cũng như hoàn cảnh chính trị (Đảng mạnh hơn, công nghiệp phát triển ở Bắc Kỳ hơn ở Nam Kỳ), tôi kiến nghị rằng Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ được sự chỉ dẫn từ Thượng Hải qua Hồng Công.

Tuy nhiên Đảng Cộng sản Việt Nam phải quan hệ thật chặt chẽ với Xingapo. Vì lẽ đó, tôi đề nghị Đảng Cộng sản Trung Quốc gửi một bức thư giới thiệu để chúng tôi có thể phái một đồng chí An Nam làm việc với Xingapo.

2) *Xiêm.* Tôi yêu cầu Đảng Cộng sản Trung Quốc gửi một bức thư khác và địa chỉ của đồng chí lãnh đạo nào đó (Trung Quốc) tại Xiêm để các đồng chí An Nam ở nước này có thể làm việc với các đồng chí Trung Quốc.

3) *Sài Gòn.* Trong chừng mực tôi biết thì có khoảng 200 đồng chí Trung Quốc ở đó. Nhưng họ hoạt động rất ít vì họ không có người lãnh đạo có năng lực.

Tôi đề nghị Đảng Cộng sản Trung Quốc:

a) Phái một số đồng chí lãnh đạo đến đó.

b) Các đảng bộ Trung Quốc và An Nam ở đó, mỗi đảng sẽ có 1 đại biểu hoặc nhiều hơn để thành lập một văn phòng. Văn phòng này phải:

(1) Phối hợp công tác của họ với nhau nhằm giải quyết quyền lợi của cả người Trung Quốc và An Nam.

(2) Làm tốt nhất việc xếp đặt các đồng chí Trung Quốc hay An Nam làm công dưới tàu thủy đi Xingapo, Sài Gòn, Hải Phòng, Hồng Công, Thượng Hải để giải quyết tốt hơn giao thông liên lạc của chúng ta.

(3) Bất cứ khi nào một đồng chí Trung Quốc bị cảnh sát làm khó khăn¹⁾, các đồng chí An Nam phải bảo vệ họ, và “ngược lại”.

4) *Bắc Kỳ.* Có một số lớn công nhân Trung Quốc ở Bắc Kỳ, đặc biệt là ở Hải Phòng và Hà Nội. Hơn nữa, hai thành phố này và các vùng miền ngược là đường duy nhất dễ dàng cho sự thông thương với Quảng Tây và Vân Nam, tôi kiến nghị Đảng Cộng sản Trung Quốc phái một số đồng chí có khả năng đến công tác ở những thành phố đó.

5) *Vân Nam.* Có chừng 2.000 người Trung Quốc và nhiều hơn một chút là công nhân An Nam ở ngành đường sắt Vân Nam. Tôi nghe nói có các đồng chí Trung Quốc ở đó.

1) Nguyên văn tiếng Anh là: *Whenever a Chinese comrade is “out” by Police (B.T).*

Tôi hỏi địa chỉ của vài người trong số các đồng chí đó để chúng tôi có thể phái một số đồng chí An Nam đến phối hợp với họ.

6) *Quảng Tây*. Bắc Ninh, Cao Bằng, Lạng Sơn và những tỉnh khác của An Nam ở vùng đó rất quan trọng về chiến lược đối với Quảng Tây. Trước đây, chúng tôi đã có năm đồng chí làm việc ở đó. Mới đây tất cả họ đều đã bị bắt. Tôi kiến nghị phái những người khác đến. Nhưng *chúng tôi phải bàn xem* thực hiện việc đó như thế nào.

7) *Hồng Công*. Sự hiểu biết về lý luận và chính trị của các đồng chí An Nam rất thấp, việc học tập và đọc sách báo ở thuộc địa gần như không có được. Thượng Hải thì quá xa. Do đó, tôi đề nghị tổ chức một lớp học ở Hồng Công. Chúng tôi *phải thảo luận xem nên tổ chức lớp học đó* thế nào.

8) *Thượng Hải*. Có binh lính An Nam ở đây. Chúng tôi phải bàn xem nên làm việc với họ như thế nào.

K. Những vấn đề như phái những đồng chí An Nam đến học ở trường đại học, vấn đề kinh tế, cương vị công tác của tôi, v.v.. Tôi nghĩ là tôi sẽ nói với các đồng chí khi chúng ta gặp nhau thì tốt hơn.

Một lần nữa tôi đề nghị gặp các đồng chí, càng sớm càng tốt, vì các đồng chí của tôi có thể cần tôi ở Hồng Công đúng vào lúc này.

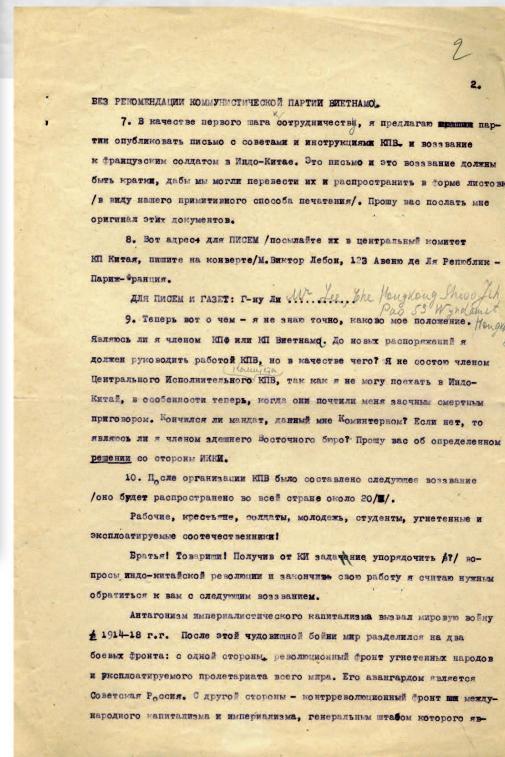
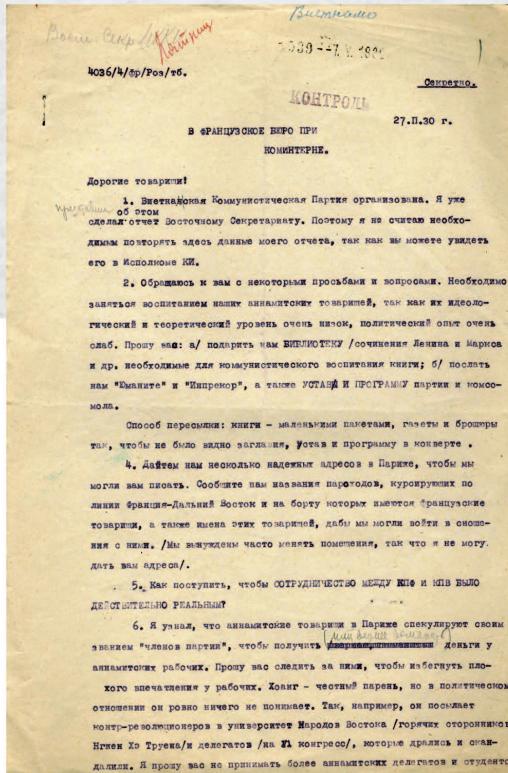
L. Tôi rời Hồng Công vào ngày 13-2. Cho tới khi đó tôi không nhận được tin tức gì từ Pháp và hai đồng chí An Nam. Tôi *rất lo lắng* về họ.

Lời kêu gọi

Tái bút: Đồng chí thân mến, tôi mong được gặp đồng chí càng sớm càng tốt. 1- Vì báo cáo này viết đã được hai ngày mà vẫn chưa đến tay đồng chí. Như vậy quá chậm trễ. 2- Chúng ta có thể giải quyết tất cả những vấn đề này trong vòng vài giờ nhưng tôi đã mất tám ngày rồi. 3- Tôi buộc lòng phải đợi, không biết làm gì cả, trong khi đó công việc khác đang chờ tôi.

N.A.Q.

1
9
3
0



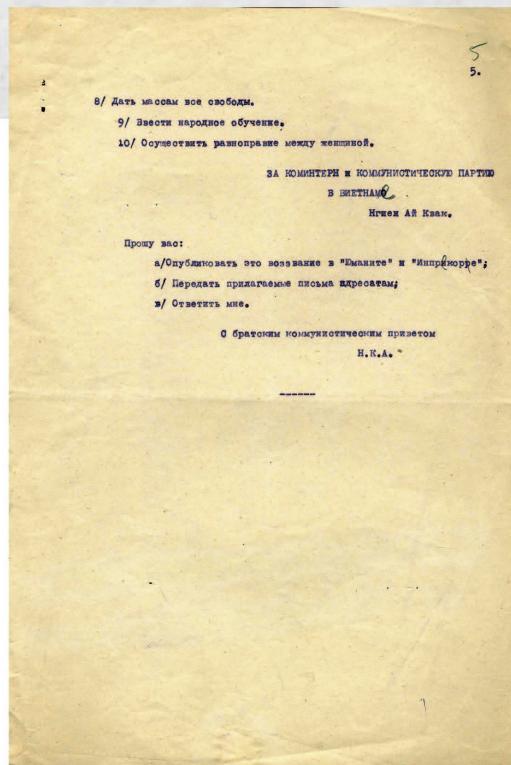
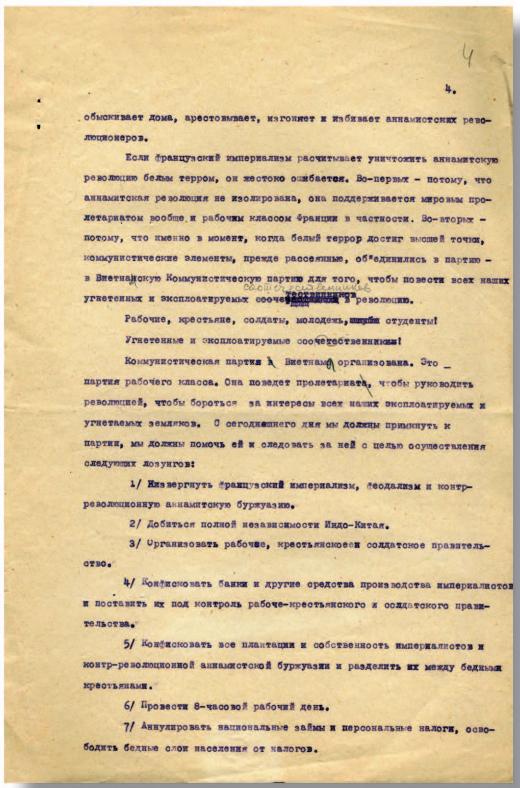
После великой бойни народы потеряли бесчисленное множество богатств
и человеческих жизней, французский империализм пострадал более других.
Вот почему, он не может остановить империализм во Франции, французский им-
периализм делает все, чтобы усилить свой империализм в Индо-Китае. Он
организует новые фабрики, чтобы эксплуатировать рабочих, зверя их в
капиту и головы. Он разводит пытаков, сеет в земли крестьяне и обрывает
их на страдание и бедствия. Он увеличивает налоги, и без того невыносимые
он называет национальные займы. Одним словом, он обрывает наши
братьев на горе и разорение.

Затем, он увеличивает свои военные силы - и для
того, чтобы убить андамитскую революцию, и чтобы подготовить
новую империалистическую войну, такую-то кровавую войну с целью захватить по-
больше колоний; и третьих, чтобы подавить индийскую революцию; и четвертых - чтобы
позвести войну против Советской России, так как она
помогает организовать революции угнетенным народам и эксплуатируемому
пролетариату. Вторая империалистическая война готова вспыхнуть;
хотя она вспыхнула, французский империализм немедленно повернет нас
на еще более ужасную бойню. Если мы позволим ему подготовить эту им-
периалистическую войну, бороться с китайской революцией и становить
Советскую Россию, если мы позволим ему уничтожить андамитскую рево-
люцию, то это разумно только тому, что мы дадим ему возможность захватить
все андамитскую рабу и закончить ее в Тихом океане.

Однако, превышение угнетения и эксплуатации французского импе-
риализма пробудило наши соотечественников. Но они понимают, что с
революцией они будут жить, а без нее они умрут. Вот почему революционное
движение растет с каждым днем: рабочие андамитской бастуют, кре-
стьяне требуют земли, студенты покидают свои школы! Городы закрывают
двери. Царственство мусов поднимается против французского империализма.
Революция заставила дрожать французского империализма. С одной
стороны, он использует государство и контр-революционную буржуазию страны,
чтобы угнетать и эксплуатировать туземные массы. С другой стороны, он

Thư của Nguyễn Ái Quốc gửi từ Hồng Kông đến Mátxcxova
cho Ban Pháp thuộc Quốc tế Cộng sản báo cáo việc thành
lập Đảng Cộng sản Đông Dương thống nhất từ các nhóm
khác nhau có khuynh hướng cộng sản, ngày 27/2/1930

1
9
3
0



(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)

LỜI KÊU GỌI

*Hỡi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh, anh chị em¹⁾ bị áp bức, bóc lột!
Anh chị em! Các đồng chí!*

Nhận chỉ thị của Quốc tế Cộng sản giải quyết vấn đề cách mạng ở nước ta, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ và thấy có trách nhiệm phải gửi tới anh chị em và các đồng chí lời kêu gọi này.

Mâu thuẫn gay gắt về kinh tế giữa các nước đế quốc chủ nghĩa đã gây ra Chiến tranh thế giới 1914 - 1918. Sau cuộc chém giết đẫm máu đó, thế giới chia ra làm hai mặt trận: mặt trận cách mạng gồm các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản bị bóc lột trên toàn thế giới mà đội tiên phong là nước Nga Xôviết, và mặt trận của chủ nghĩa đế quốc mà tổng hành dinh là Hội Quốc liên.

Cuộc chiến tranh đế quốc ấy đã làm cho thế giới bị thiệt hại nặng nề về người và của, đặc biệt là đế quốc Pháp bị thiệt hại nhiều hơn các đế quốc khác. Hiện nay, để tổ chức lại nền kinh tế ở Pháp, đế quốc Pháp ra sức khai thác tài nguyên “của chúng” ở Đông Dương. Chúng xây dựng thêm nhà máy để bóc lột công nhân và buộc họ phải chịu đói rét. Chúng chiếm ruộng đất của nông dân để lập đồn điền, làm cho nông dân mất hết ruộng đất và lâm vào cảnh tuyệt vọng. Chúng tìm mọi cách để bóp nắn nhân dân ta; chúng thu thuế ngày càng nặng, bắt mua “quốc trái” ngày càng nhiều, làm cho đồng bào ta ngày thêm nghèo khổ.

Càng ngày chúng càng tăng cường quân đội: một là để giết hại cách mạng An Nam, hai là để chuẩn bị một cuộc chiến tranh đế quốc nữa ở Thái Bình Dương nhằm chiếm thêm thuộc địa, ba là để phá cách mạng Trung Quốc, bốn là để chống lại nước Nga Xôviết, vì nước này đang giúp đỡ các dân tộc bị áp bức và các giai cấp bị bóc lột trên thế giới đứng lên đánh đổ bọn thống trị. Cuộc chiến tranh đế quốc thứ hai đang được ráo riết chuẩn bị. Khi cuộc chiến tranh đó nổ ra, thì nhất định đế quốc Pháp

1) Trong *Thư gửi Đại diện Đảng Cộng sản Pháp ở Quốc tế Cộng sản*, ngày 27/2/1930, dùng chữ *Compatriotes* (đồng bào) (B.T).

sẽ đẩy anh chị em chúng ta vào một cuộc chém giết đầy tội ác. Nếu chúng ta để cho chúng chuẩn bị chiến tranh, nếu chúng ta để cho chúng chống lại cách mạng Trung Quốc và nước Nga Xôviết, nếu chúng ta để cho chúng tiêu diệt cách mạng An Nam thì khác nào chúng ta để cho chúng dìm giống nòi An Nam ta xuống Thái Bình Dương.

Sự áp bức và bóc lột vô nhân đạo của đế quốc Pháp đã làm cho đồng bào ta hiểu rằng có cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết. Chính vì vậy mà phong trào cách mạng ngày càng lớn mạnh: công nhân bãi công, học sinh bãi khóa, nông dân đòi ruộng đất, nhà buôn nhỏ đóng cửa hàng, nhân dân cả nước đang vùng dậy chống bọn đế quốc.

Phong trào cách mạng An Nam làm cho đế quốc Pháp phải run sợ. Cho nên, một mặt chúng dùng bọn phong kiến An Nam, bọn đại tư sản phản cách mạng và bọn địa chủ để áp bức, bóc lột nhân dân An Nam. Mặt khác, chúng khám xét nhà cửa, bắt bớ, giam cầm và giết hại những người cách mạng An Nam; chúng hy vọng dùng khủng bố trấn áp tiêu diệt cách mạng An Nam.

Nếu đế quốc Pháp tưởng có thể dùng khủng bố trấn áp tiêu diệt cách mạng An Nam thì chúng đã lầm to! Một là, cách mạng An Nam không bị cô lập, trái lại nó được giai cấp vô sản thế giới nói chung và giai cấp cần lao Pháp nói riêng ủng hộ. Hai là, giữa lúc các cuộc khủng bố trấn áp lên đến đỉnh cao thì những người cộng sản An Nam trước kia chưa có tổ chức, đang thống nhất lại thành một đảng, Đảng Cộng sản Việt Nam, để lãnh đạo toàn thể anh chị em bị áp bức chúng ta làm cách mạng.

Hỡi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh! Anh chị em bị áp bức, bóc lột!

Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập. Đó là Đảng của giai cấp vô sản. Đảng sẽ dùi dắt giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng An Nam đấu tranh nhằm giải phóng cho toàn thể anh chị em bị áp bức, bóc lột chúng ta. Từ nay anh chị em chúng ta cần phải gia nhập Đảng, ủng hộ Đảng và đi theo Đảng để:

- 1) Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến An Nam và giai cấp tư sản phản cách mạng.
- 2) Làm cho nước An Nam được độc lập.
- 3) Thành lập Chính phủ công nông binh.
- 4) Tịch thu tất cả các nhà băng và cơ sở sản xuất của đế quốc trao cho Chính phủ công nông binh.
- 5) Quốc hữu hóa toàn bộ đồn điền và đất đai của bọn đế quốc và địa chủ phản cách mạng An Nam chia cho nông dân nghèo.

- 6) Thực hiện ngày làm 8 giờ.
- 7) Hủy bỏ mọi thứ quốc trái và thuế thân, miễn các thứ thuế cho nông dân nghèo.
- 8) Đem lại mọi quyền tự do cho nhân dân.
- 9) Thực hành giáo dục toàn dân.
- 10) Thực hiện nam nữ bình quyền.

*Thay mặt Quốc tế Cộng sản
và Đảng Cộng sản Việt Nam*

NGUYỄN ÁI QUỐC

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.20-22.

1
9
3
0

THƯ GỬI VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN ĐẢNG CỘNG SẢN ĐỨC Ở QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Các đồng chí thân mến,

Trong hoàn cảnh tôi sống không hợp pháp, tôi cần có một nghề để nói với người khác. Tôi đóng vai phóng viên báo chí. Nhưng cần phải chứng thực được danh nghĩa đó của tôi. Trong số tất cả các báo của các đảng chúng ta, tôi thấy chỉ có mỗi một tờ báo không mang cái tên “có tính chất lật đổ” và có thể cấp cho tôi một giấy chứng nhận thuận tiện, đó là báo *Thế giới*.

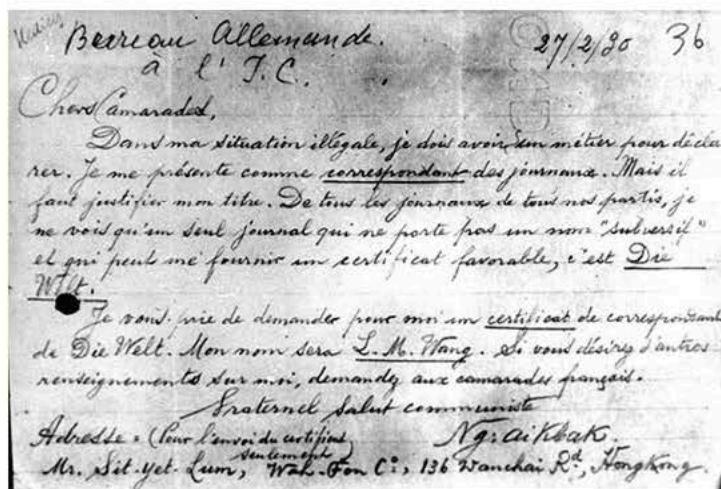
Tôi đề nghị các đồng chí xin cho tôi một giấy chứng nhận là phóng viên báo *Thế giới*. Tên của tôi sẽ là *L.M.Vương*. Nếu các đồng chí cần biết những điều gì thêm về tôi, các đồng chí cứ hỏi các đồng chí Pháp.

Lời chào cộng sản thân ái
Ngày 27 tháng 2 năm 1930
NGUYỄN ÁI QUỐC

Địa chỉ của tôi (chỉ dùng để gửi giấy chứng nhận cho tôi thôi):

Ông TIẾT NGUYỆT LÂM
Hoa Phong công ty, số nhà 136,
đường Wan Chai, Hồng Công.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.24.



Thư Nguyễn Ái Quốc gửi Văn phòng đại diện
Đảng Cộng sản Đức, ngày 27/2/1930

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
3
0

THƯ GỬI ĐẠI DIỆN ĐẢNG CỘNG SẢN PHÁP Ở QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Các đồng chí thân mến,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập. Về vấn đề tổ chức, tôi đã gửi báo cáo cho Ban Phương Đông. Do đó, tôi thấy không cần nhắc lại ở đây, các đồng chí sẽ xem báo cáo đó ở Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản.

2. Tôi có mấy yêu cầu và câu hỏi sau đây với các đồng chí. Cần giáo dục các đồng chí An Nam chúng tôi, vì trình độ tư tưởng, lý luận và kinh nghiệm chính trị của các đồng chí đó còn rất thấp. Tôi yêu cầu các đồng chí: (a) cho chúng tôi một tủ sách các tác phẩm của Mác và Lênin, và các sách khác cần cho việc giáo dục Cộng sản chủ nghĩa; (b) gửi cho chúng tôi báo *L'Humanité* và tạp chí *Inprekorr¹⁾* và cả Điều lệ, Cương lĩnh của Đảng và Đoàn Thanh niên cộng sản.

3. Cách gửi: sách thì đóng vào những gói nhỏ, báo và tài liệu thì cho vào phong bì, giấu vào trong các đầu đề: Điều lệ và Cương lĩnh.

4. Cho tôi vài địa chỉ chắc chắn ở Pari để chúng tôi có thể viết thư cho các đồng chí.

Cho chúng tôi biết tên những con tàu chạy đường Pháp - Viễn Đông trên đó có các đồng chí Pháp làm việc và cho chúng tôi biết tên các đồng chí đó để chúng tôi có thể bắt liên lạc với họ (chúng tôi ở đây buộc phải thay đổi chỗ ở luôn cho nên không thể cho biết địa chỉ được).

5. Chúng tôi sẽ làm cách nào để sự hợp tác giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Pháp thực sự có hiệu quả.

6. Tôi được biết có những đồng chí Việt Nam ở Pari lợi dụng danh nghĩa đảng viên để nhận (nói đúng hơn là bòn rút) tiền của các công nhân An Nam. Tôi đề nghị các đồng chí kiểm soát họ để tránh gây ấn tượng xấu trong công nhân. (B)²⁾ Hoàng là một người tốt nhưng không biết gì về chính trị. Anh

1) Tên viết tắt của tập san *Thư tín quốc tế* (Correspondance Internationale), cơ quan nghiên cứu lý luận của Quốc tế Cộng sản (B.T).

2) Nguyên văn có chữ (B), chưa rõ ý nghĩa (B.T).

ta đã gửi những người phản cách mạng đến Trường đại học các dân tộc Phương Đông (những người nhiệt tình theo phái Nguyễn Thế Truyền) và đã cử những đại biểu (đến Đại hội lần thứ sáu) đánh lẩn nhau và gây những chuyện tai tiếng. Tôi yêu cầu từ nay Trường không nhận các đại biểu hoặc học sinh An Nam nào không có sự giới thiệu của Đảng Cộng sản Việt Nam.

7. Coi như bước đầu của sự hợp tác, tôi đề nghị Đảng Cộng sản Pháp công bố một bức thư góp ý kiến với Đảng Cộng sản Việt Nam và ra lời kêu gọi lính Pháp ở Đông Dương. Thư và lời kêu gọi đó phải ngắn gọn để chúng tôi có thể dịch và phân phát dưới hình thức truyền đơn (do chúng tôi phải in theo lối cổ sơ). Tôi đề nghị các đồng chí gửi cho tôi bản gốc những tài liệu đó.

8. Địa chỉ gửi cho tôi: Về thư (Gửi cho Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề trên phong bì: Ông Víeto Lòbông, 123, đại lộ Cộng hòa, Pari, Pháp). Về sách báo: Ông Lý, Hương Cảng tiêu dạ báo, 53, phố Uynhêm, Hồng Công.

9. Lúc này tôi chưa biết rõ vị trí của tôi. Tôi hiện là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp hay Đảng Cộng sản Việt Nam? Cho đến khi có lệnh mới, tôi vẫn phải chỉ đạo công việc của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhưng với danh nghĩa gì? Tôi không tham gia Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam vì tôi chưa trở về Đông Dương được, nhất là lúc này, chúng đã ban cho tôi một cái án tử hình vắng mặt. Sự ủy nhiệm công tác của Quốc tế Cộng sản cho tôi đã hết hạn chưa? Nếu chưa, tôi vẫn tham gia Ban Phương Đông ở đây? Tôi đề nghị các đồng chí nhắc Ban Thường vụ Quốc tế Cộng sản cho quyết định về việc này.

10. Sau khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam có lời kêu gọi sẽ được phân phát trong cả nước vào khoảng ngày 20/3.

Trước đây tôi có nhận chỉ thị của Quốc tế Cộng sản dàn xếp (?) các vấn đề về cách mạng ở Đông Dương, nay nhiệm vụ đã hoàn thành, tôi nghĩ có bổn phận gửi cho các bạn và các đồng chí Lời kêu gọi này.

(Nguyên văn *Lời kêu gọi*).

Tôi đề nghị các đồng chí:

a) Công bố trên báo *L'Humanité* và tạp chí *Inprekorr* *Lời kêu gọi* nhân dịp thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

b) Chuyển những thư kèm theo.

c) Và trả lời cho tôi biết.

Lời chào cộng sản thân ái

Ngày 27 tháng 2 năm 1930

NGUYỄN ÁI QUỐC

1
9
3
0

Ligue Anti - impérialiste
Berlin

Mon cher camarade,

Me voici en Chine. Difficile à t'écrire long, maintenant. Seulement quelques mots. (a) Un parti est organisé pour l'Indochine. (b) dans 2 semaines peut-être, je t'écrirai plus longuement, dans 3 mois, il y aura de bonnes nouvelles pour la ligne. (c) As-tu reçu toutes mes lettres pour toi? (d) Envoie-moi les statuts, programme, matériel de la ligne, sous l'enveloppe d'une maison commerciale, à l'adresse suivante : Mr. Sit-yet-Lum - Wah-Fon Co.

136, Wan Chai Rd. - Hong Kong.

(e) Envoie-moi aussi le journal pictorial du Secours Ouvrier (Le lachete sourant). Cela c'est du "Smart Screen" pour recevoir d'autres journaux. Tu me l'enviras à Mr. Lee - the Hong Kong Shiao Jih Pa - 53, Wyndham St. Hong Kong.

Thư Nguyễn Ái Quốc gửi đồng chí Sôta
ở Liên đoàn chống đế quốc tại Berlin,
ngày 27/2/1930

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, 5đ)

98

(f) Donne-moi l'adresse du meilleur des journaux Hindou. (g) Plus tard, je t'envirai des enveloppes pour te faire de timbres avec différents destinataires, avec les marques suivantes :

G. c'est pour le journal Gyudek (Moscou)

P. " " " Pravda "

J. " " " Impreccor, Berlin

Vous-tu me donner une bonne adresse pour cela? C'est un gagne-pain, tout ça.

Affectueuses souvenirs révolutionnaires à toi et
à Anna (?)

27-2-30

Paul

THƯ GỬI ĐỒNG CHÍ SÔTA
LIÊN ĐOÀN CHỐNG ĐẾ QUỐC - BÉCLIN

Ngày 27/2/1930

Các đồng chí thân mến,
Tôi đang ở Trung Quốc. Khó có thể viết dài cho đồng chí lúc này. Chỉ vắn tắt mấy chữ.
a) Đảng đã được thành lập ở Đông Dương.
b) Có thể hai tuần nữa tôi sẽ viết cho đồng chí dài hơn. Hai tháng nữa sẽ có những tin vui cho Liên đoàn.
c) Đồng chí có nhận được tất cả thư từ tôi gửi cho đồng chí không?
d) Gửi cho tôi những Điều lệ, Cương lĩnh, tài liệu của Liên đoàn, bỏ vào phong bì của một hiệu buôn và gửi đến địa chỉ sau đây:

Ông TIẾT NGUYỆT LÂM

Hoa Phong công ty,
136, đường Wan Chai, Hồng Công.

e) Gửi cho tôi cả báo ảnh của Cứu tế công nhân. Đây chỉ là “màn khói” để nhận các báo khác.

Đồng chí gửi báo đó cho tôi theo địa chỉ:

Ông Lý, Hương Cảng tiểu dạ báo,
53, phố Uynhêm, Hồng Công.

f) Cho tôi địa chỉ của một tờ báo Ấn Độ tốt nhất.

g) Ít lâu nữa, tôi sẽ gửi cho đồng chí những phong bì để đề nghị đồng chí chuyển đến những địa chỉ khác nhau, ngoài phong bì ghi các ký hiệu sau đây:

G là để gửi cho báo *Guđok*¹⁾ (Mátxcơva).

P là để gửi cho báo *Pravđa*²⁾ (Mátxcơva).

I là để gửi cho tạp chí *Inprekorr*³⁾ (Béclin).

Gửi tới đồng chí và Anna những kỷ niệm cách mạng thân mến.

PÔN

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.29-30.

1) Báo *Tiếng còi* (B.T).

2) Báo *Sự thật* (B.T).

3) Tập san *Thư tín quốc tế* (B.T).

1
9
3
0

1
9
3
0

THƯ GỬI VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN ĐẢNG CỘNG SẢN MỸ

Ngày 27/2/1930

Các đồng chí thân mến,

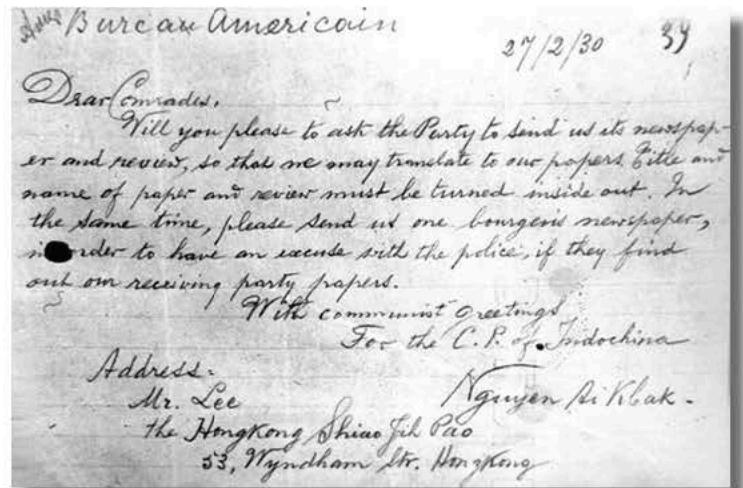
Tôi đề nghị các đồng chí hỏi Đảng bộ về việc gửi cho chúng tôi báo và tạp chí của Đảng để chúng tôi có thể dịch đăng báo của chúng tôi. Đầu đề và tên báo, tạp chí thì nên gấp vào phía trong. Đồng thời gửi cho chúng tôi một tờ báo tư sản để cài với cảnh sát nếu chúng phát hiện chúng tôi nhận báo Đảng.

Lời chào cộng sản
Thay mặt Đảng Cộng sản
Đông Dương
NGUYỄN ÁI QUỐC

Địa chỉ của tôi:

Ông Lý, Hương Cảng tiểu dạ báo,
Số nhà 53, phố Uynhêm, Hồng Công.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.28.

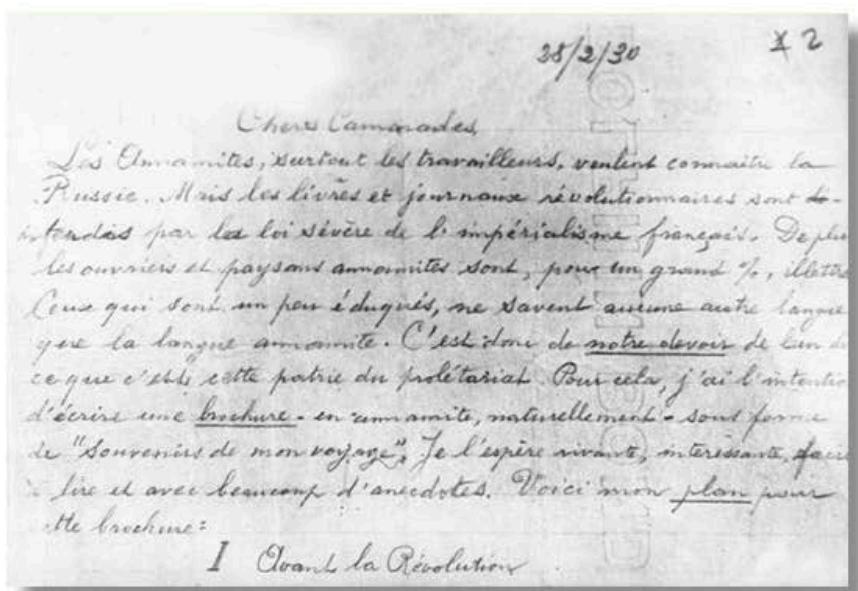


Thư của Nguyễn Ái Quốc gửi Văn phòng đại diện

Đảng Cộng sản Mỹ, ngày 27/2/1930

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
3
0



Réf. 1930

1° Matériel et documents. Je n'ai absolument rien. J'aurai pris de me les fournir, en français ou en chinois. Envoyez-moi tout ça au P. C. chinois. Mettez sur l'enveloppe : M. Victor Séhon, 123 av. de la République, Paris, France, avec mention "à remettre immédiatement".

2° Impression. Nous n'avons ici que la poly-copie qui peut faire qu'une certaine de copies au maximum. L'alphabet amourette étant semblable à l'alphabet latin, avec quelques accents supplémentaires, ex: à à à à à, etc... Quand j'aurai terminé la brochure, pourrons-nous la faire imprimer chez vous? Je compte sur vous pour le matériel et les documents, aussi bien que des conseils nécessaires. Veuillez me répondre à l'adresse ci-dessous.

Fraternel salut communiste HODHAWWA

Thư Nguyễn Ái Quốc gửi các đồng chí Liên Xô,
ngày 28/2/1930

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
3
0

THƯ GỬI CÁC ĐỒNG CHÍ LIÊN XÔ

Ngày 28/2/1930

Các đồng chí thân mến,

Người An Nam, nhất là những người lao động, muốn biết nước Nga. Nhưng các sách báo cách mạng đều bị pháp luật hà khắc của đế quốc Pháp nghiêm cấm. Hơn nữa, công nhân và nông dân An Nam phần lớn không biết chữ. Những người có học chút ít không biết thứ tiếng nào khác ngoài tiếng An Nam. *Nhiệm vụ của chúng tôi* là phải nói với họ về Tổ quốc đó của giai cấp vô sản như thế nào. Để làm việc này tôi có ý định viết *một quyển sách*, - bằng tiếng An Nam, đương nhiên - dưới hình thức: “*Những kỷ niệm về cuộc du lịch của tôi*”. Tôi mong rằng nó sẽ sinh động, hấp dẫn, dễ đọc và có nhiều mẩu chuyện. Đây là *Đề cương* của tôi về cuốn sách đó.

I. TRƯỚC CÁCH MẠNG

- Điều kiện sống của công nhân và nông dân.
- Các tổ chức cách mạng, công tác và sự hy sinh của các tổ chức đó.
- Sự chuẩn bị cho cuộc cách mạng.
- Công tác bí mật của R.K.P.¹⁾.

II. TRONG CUỘC CÁCH MẠNG

- Cách mạng bắt đầu.
- Đảng và các công đoàn.
- Nông dân, sinh viên, phụ nữ, nhi đồng tham gia cách mạng.
- Những khó khăn do bọn đế quốc gây ra, bọn phản cách mạng Nga, nạn thiếu đói, và sự anh dũng cách mạng.
- Sự phát triển dần dần của đất nước Xôviết.
- Chủ nghĩa cộng sản thời chiến (đời sống thực).

1) R.K.P. tức là Đảng Cộng sản Nga (B.T).

III. NGÀY NAY

1. Tổ chức Chính phủ Xôviết.
2. Điều kiện sống của công nhân, nông dân, binh lính, phụ nữ, sinh viên, nhi đồng, phụ lão, v.v..
Đại học công nhân, trường Đảng, v.v..
3. Đời sống trong các nhà máy, trại lính, trường học (giáo dục, giải trí, nghỉ hè, v.v.).
4. Hôn nhân và nhà ở.
5. Các hợp tác xã.
6. Phú nông và con buôn.
7. Vấn đề ruộng đất.
8. Kết quả của chính sách kinh tế mới và của kế hoạch 5 năm.
9. Quốc tế Cộng sản, Quốc tế Công hội, Quốc tế Nông dân (số hội viên và các nước tham gia).
10. Rạp hát, bệnh viện, nhà trẻ, v.v..
11. Số liệu so sánh (1914 - 1930) về:
 - a) Số tổ chức công nhân và nông dân, thành viên của các tổ chức này;
 - b) Về số trường học và số học sinh;
 - c) Về bệnh viện và các cơ quan xã hội khác;
 - d) Số công nhân và nông dân biết chữ;
 - e) Sản xuất trong nước.v.v., v.v..

Bây giờ có hai vấn đề được đặt ra:

1. *Tài liệu*: Tôi không có gì cả. Tôi đề nghị các đồng chí cung cấp cho tôi tài liệu bằng tiếng Pháp hay tiếng Anh. Gửi đến cho Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đề ngoài bì: Gửi ông Vícto Lébong, 123 - Đại lộ Cộng hòa, Pari, Pháp, với câu ghi: "Nhờ chuyển ngay tức khắc".
2. *Việc in*: Ở đây chúng tôi chỉ có poly-copie nên chỉ có thể in nhiều nhất là một trăm bản. Chữ cái Việt Nam giống như chữ cái Latinh với một số dấu phụ, ví dụ: a à á â ã, v.v., khi viết xong cuốn sách, chúng tôi có thể in ở nơi các đồng chí được không?

Tôi tin tưởng ở đồng chí về mặt tài liệu cũng như về những lời khuyên cần thiết. Hãy trả lời cho tôi theo địa chỉ trên.

Lời chào cộng sản anh em
NGUYỄN ÁI QUỐC

1

9

3

0

THƯ GỬI VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN ĐẢNG CỘNG SẢN ANH Ở QUỐC TẾ CỘNG SẢN

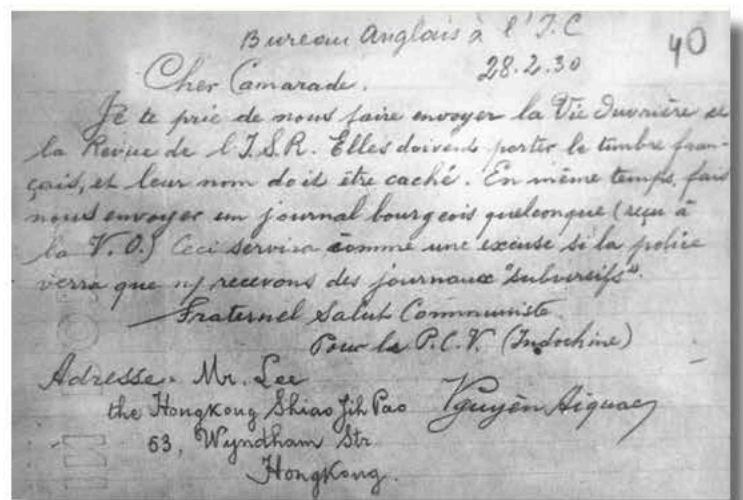
Đồng chí thân mến,

Tôi đề nghị đồng chí gửi cho chúng tôi báo *La Vie Ouvrière* và tạp chí của Quốc tế Cộng hội đỏ. Các báo chí đó sẽ dán tem Pháp và tên các báo phải giấu kín. Đồng thời gửi cho chúng tôi bất kỳ một tờ báo tư sản nào (nhận ở báo *La Vie Ouvrière*). Điều này là để chối cãi nếu cảnh sát thấy rằng chúng tôi nhận các báo chí “lật đổ”.

Lời chào cộng sản thân ái
Ngày 28 tháng 2 năm 1930
Thay mặt Đảng Cộng sản
Việt Nam (Đông Dương)
NGUYỄN ÁI QUỐC

Địa chỉ của tôi:

Ông Lý, Hương Cảng tiểu dạ báo, số nhà 53,
phố Uynhêm, Hồng Công.



Thư Nguyễn Ái Quốc gửi Văn phòng đại diện
Đảng Cộng sản Anh ở Quốc tế Cộng sản, ngày
28/2/1930

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

THƯ GỬI BAN PHƯƠNG ĐÔNG QUỐC TẾ CỘNG SẢN

(Trích)

Các đồng chí quý mến,

Tôi đã gửi các đồng chí lá thư mới đây, trong đó tôi nói về tình hình nội bộ Đảng, các đồng chí đã nhận được chưa?

Bây giờ xin báo cáo một số điểm:

1. Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng đã hợp nhất dưới tên chung là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương lâm thời để điều hành công tác. Đảng thống nhất của chúng tôi hiện có 500 đảng viên và 40 chi bộ, một nửa trong số đó là các chi bộ xí nghiệp...

Vào thời gian này, còn xuất hiện nhóm cộng sản từ những phần tử tích cực của Đảng Tân Việt. Mặc dù nhóm này mới thành lập nhưng chúng tôi tin rằng, sớm hay muộn họ cũng sẽ thống nhất với chúng tôi...

2. Từ ngày 9/2 binh lính ở Yên Bái đã khởi nghĩa giết chết 5 sĩ quan Pháp, làm bị thương 6 tên khác nhưng phía họ cũng mất 6 - 7 người. Việt Nam Quốc dân Đảng tổ chức cuộc khởi nghĩa, nhưng họ lại không biết xây dựng một kế hoạch khởi nghĩa.

Đảng Cộng sản Việt Nam có biết sự chuẩn bị của họ, nhưng không biết thời điểm khởi sự. Vì vậy, Đảng đã không thể góp phần gì và đế quốc chủ nghĩa Pháp rất dễ dàng dập tắt cuộc nổi dậy ấy.

Ngày 2/3/1930

1
9
3
0

BÁO CÁO GỬI QUỐC TẾ CỘNG SẢN VỀ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở AN NAM

Từ khi đế quốc Pháp xâm chiếm An Nam, trong nước, luôn luôn có phong trào quốc gia. Nhưng trước năm 1905, đó là một sự hỗn hợp giữa chủ nghĩa phản đế, chống công giáo và Cần Vương. Tuy vậy, lúc đó không có phong trào quần chúng, không có một tổ chức nào như một đảng. Ngọn cờ dân tộc do Hoàng Hoa Thám nắm, cùng với một số ít người có tinh thần kiên quyết và được sự giúp đỡ của nông dân, đã đánh chiếm Yên Thế và tiến hành các cuộc chiến đấu chớp nhoáng chống nhà cầm quyền Pháp. Bọn Pháp không thể tiêu diệt được Hoàng Hoa Thám, do đó nhân dân tin rằng Hoàng Hoa Thám là thần thánh, biết trước được mọi việc. Năm 1911, bọn Pháp thuê một tên phản bội đầu độc Hoàng Hoa Thám.

Năm 1905, thắng lợi của Nhật đối với Nga đã có tiếng vang to lớn ở An Nam. Nhân dân nói rằng: “Người da vàng không còn kém người da trắng”. Họ cho Nhật là kẻ vô địch của tự do ở các nước châu Á.Thêm vào tinh thần đó, nền văn học cải lương Trung Hoa của Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi đã đưa tinh thần dân tộc An Nam lên độ cao. Sau đó bắt đầu có cuộc đi ra nước ngoài của tầng lớp trí thức sang Nhật Bản. Những người đi ra nước ngoài đó có tổ chức một đảng, có một hoàng thân làm Chủ tịch và một nhà văn hào nổi tiếng (Phan Bội Châu) làm Tổng thư ký. Đảng này cũng như hy vọng vào sự giúp đỡ của Nhật Bản đã không kéo dài được lâu. Nhật Bản lợi dụng phong trào đó để dọa Pháp và buộc Pháp phải ký một hiệp ước (1907) cho Nhật có quyền đưa quân đội sang An Nam khi xứ thuộc địa này có triệu chứng náo động, chúng trực xuất sinh viên An Nam ra khỏi nước Nhật. Một số những người xuất dương trở về An Nam bị giam một thời gian, hoặc quay lại làm gián điệp cho Chính phủ thực dân. Một số sang Trung Quốc. Còn hoàng thân làm chủ tịch đảng vẫn còn ở Nhật sống dưới sự khoán đai của bọn quý tộc Nhật Bản, bọn này cấp cho mỗi tháng 50 yên. Đảng Quang phục hoặc Đảng Quốc dân đến đây chấm dứt.

Năm 1908, một cuộc bãi công của nông dân nổ ra trong toàn quốc, những người bãi công ở mỗi huyện tập hợp lại bắt một số bọn thu thuế chợ bỏ vào bao và ném xuống sông, bắt các quan lại ở huyện đưa lên tỉnh và trao trả lại cho chính quyền Pháp, giết một số cảnh sát và phá một vài trạm cảnh sát. Ngoài ra những người bãi công tỏ ra ôn hòa và họ không có vũ khí. Đặc điểm của cuộc bãi công là lòng cảm thù đặc biệt hướng vào quan lại An Nam làm công cụ tối đắc lực cho chính quyền và là những kẻ gây ra khổ cực. Những người bãi công đòi một cách ôn hòa bọn Pháp phải rút những quan lại đó đi và

phải giảm thuế điền thổ. Để biểu thị sự đoàn kết, mọi người bắc công đều cắt tóc ngắn (người An Nam quen để tóc dài như người Sik ở Ấn Độ) và gọi nhau là anh em. Cuộc bắc công kéo dài ba bốn ngày và cuối cùng bị đàn áp bằng nhiều cuộc chém giết đẫm máu. Bọn Pháp gọi cuộc bắc công đó là “cuộc bạo động của những anh em tóc ngắn”. Sau đó là giai đoạn khủng bố trắng. Tất cả những người cắt tóc ngắn đều bị bắt. Tất cả những người trí thức nào có đôi chút tiếng tăm đều bị đưa đi đày. Tất cả các trường tư thực đều bị đóng cửa và tất cả các sách báo nước ngoài đều bị cấm. Tất cả những người lãnh đạo hoặc bị coi là người lãnh đạo - khoảng 200 - đều bị chặt đầu. Thuế má tăng.

Năm 1910, binh sĩ An Nam ở Hà Nội có tổ chức một cuộc đầu độc tất cả người Pháp ở trong thành phố. Binh lính và sĩ quan Pháp đang ăn cơm tối như thường lệ, một số đã thấy buồn ngủ. Người đội An Nam đã có mặt ở đồn và sẵn sàng ra lệnh khởi nghĩa. Bất chợt một đại úy Pháp đến trại, ngừng bữa cơm tối và cho báo động. Các binh sĩ cách mạng bị một tên đầy tớ của tên đại úy phản bội. Cuộc đầu độc bị đàn áp rất tàn nhẫn. Những người lãnh đạo bị bắt ngồi trên mũi lưỡi lê và dùng kìm nguội rút từng miếng thịt một. Cha mẹ họ phải chứng kiến cuộc tàn sát và lễ chặt đầu. Đầu của phạm nhân bị cắm vào đầu gậy tre đặt ở những đường phố đông người trong nhiều ngày. Những người tham gia vụ đầu độc tỏ ra rất dũng cảm. Khi bọn quan lại hỏi, họ chỉ trả lời rằng: “Chính chúng tôi mới là người xúi các anh, chứ không phải các anh là người xúi chúng tôi”. Trên đoạn đầu dài, họ nói với người An Nam rằng: “Nếu các bạn tiếp tục công việc của chúng tôi và thành công trong công việc mà chúng tôi đã thất bại thì chúng tôi chết cũng vui”.

Năm 1911, có một vụ khác nữa. Một trái bom nổ ở sân một tiệm cà phê Pháp giết chết nhiều sĩ quan và thường dân Pháp. Những người ném bom trốn thoát, nhưng dân chúng Pháp ở Hà Nội muốn yêu cầu nhà cầm quyền “cho một bài học”. Do đó nhiều người An Nam bị bắt và bị bắn chết. Luật giới nghiêm được công bố và tiếp theo sau là khủng bố trắng.

Năm 1915 nhà cách mạng Lương Ngọc Quyến bị bắt giam ở tỉnh Thái Nguyên. Trong khi ở nhà lao, ông có tổ chức một cuộc bạo động. Cuộc bạo động bắt đầu ở trong nhà lao sau lan ra thành phố. Nhiều người Pháp bị giết, nhiều người khác phải bỏ chạy. Những người cách mạng chiếm giữ thành phố trong nhiều tuần. Bọn Pháp phá hết lúa mì trong tỉnh và tổ chức phong toả. Phong trào bị thiếu lương thực nên đã thất bại.

Năm 1916 lại chứng kiến một cuộc khởi nghĩa khác. Lần này là nhà vua An Nam trẻ tuổi khởi đầu phong trào. Bọn Pháp bắt hàng ngàn thanh niên An Nam sang chiến trường Pháp và Bancang. Nhà vua có liên lạc bí mật với binh lính An Nam và chuẩn bị cuộc khởi nghĩa. Nhưng vì bị một tên quan phản bội nên nhà vua bị bắt vài giờ trước thời gian định nổ ra cuộc khởi nghĩa. Những người giúp việc bị chặt đầu và nhà vua¹⁾ bị đưa đi đày ở đảo Rêuyniông ở châu Phi.

1) Tức vua Duy Tân (B.T).

1
9
3
0

Năm 1919, nhân dân thuộc địa chưa biết cuộc cách mạng Nga, biết được một ít thì lại bị tuyên truyền của đế quốc xuyên tạc thành một việc rất dã man: “một người lông lá cấn con dao giữa hai hàm răng, máu me từ trên con dao nhỏ giọt xuống”... Do đó tất cả đều bị bài hát tự do của Tổng thống Uynxơn mê hoặc. Cũng như dân tộc Triều Tiên, Ai Cập, Xyri và các dân tộc bị áp bức khác, một số những người quốc gia Việt Nam trẻ tuổi gửi một bản yêu cầu cho Hội nghị hòa bình ở Vécxây. Họ nhận được những bức thư rất hay của các phái đoàn hứa sẽ “chú ý xem xét”. Thế là hết. Tuy thế những tờ giấy ngày thơ đó lại đã gây ra những tiếng sủa điên cuồng trên báo chí thực dân Pháp, binh sĩ An Nam ở Pháp bị lục soát và “quản chế” nghiêm ngặt.

Từ năm 1920 trở đi, một hội tập hợp tất cả những phần tử quốc gia của các thuộc địa được tổ chức ở Pari. Họ ra một tờ báo và làm dư luận bàn tán sôi nổi. Tất nhiên, người An Nam là trung tâm của tổ chức ấy. Kết quả của tất cả những cái đó đều rất được bọn cảnh sát của “chính quốc” Pháp quan tâm. Chúng thuê hơn một ngàn lính mật thám mới để theo dõi nhóm người “bônsêvích” thuộc địa. Nhưng rất đúng là do hay chửi rủa những người “bônsêvích” đó mà bọn Pháp ở các thuộc địa đã làm cho quần chúng phải suy nghĩ. Quần chúng không biết chủ nghĩa bônsêvich thực ra là gì, nhưng họ nói với nhau rằng: “được, dù đó là cái gì đi nữa, nhưng vì nó không tốt đối với Pháp, thì phải là tốt đối với chúng ta”. Vì vậy bọn đế quốc Pháp đã làm việc tuyên truyền cộng sản nhiều hơn Quốc tế thứ ba mong muốn.

Năm 1924, tên toàn quyền Pháp từ Nhật Bản trở về đến Sa Diện (Quảng Châu), một người An Nam ném một quả bom vào tên đó. Nhiều người Pháp cùng đi với hắn đã bị chết, còn chính hắn thì không việc gì. Sự việc đó gây ra một sự rắc rối giữa chính quyền ở Quảng Châu và người Pháp. Vì việc lại xảy ra ở Trung Quốc nên bọn Pháp ngăn ngừa hết sức cẩn thận và khôn khéo để tiếng vang không đến tai quần chúng An Nam.

Năm 1925, Hội An Nam Cách mạng thanh niên¹⁾ được thành lập ở Quảng Châu. Hội rất tích cực tổ chức các lớp huấn luyện, đưa thanh niên từ An Nam sang học rồi sau khi huấn luyện cẩn thận lại gửi họ về nước. Nhiều người gọi là sinh viên đó đã bị bắt ở biên giới và bị kết án tù dài hạn. Nhưng nhà trường vẫn tiếp tục công việc rất có kết quả. Điều đó, cộng thêm với việc thống nhất tỉnh Quảng Đông của Quốc dân Đảng Trung Quốc - lúc đó làm rất triệt để - đã khiến cho đế quốc Pháp ở Đông Dương khiếp sợ. Trong tư tưởng của những người đứng ra tổ chức thì Hội này sẽ là cơ sở cho một đảng lớn hơn và tương lai đã chứng minh điều đó.

Năm 1926, có một sự thức tỉnh trong toàn quốc tiếp theo sau cái chết của một nhà quốc gia chủ nghĩa già - Phan Chu Trinh. Khắp trong nước đều có tổ chức lễ truy điệu. Chữ “Chủ nghĩa quốc gia” từ đó được nói và viết một cách công khai. Những giáo viên Pháp tìm cách ngăn cấm học sinh tham gia các cuộc mít tinh đó. Nam nữ học sinh ở nhiều trường, đặc biệt là ở Sài Gòn là nơi tổ chức đám

1) Nguyên bản viết bằng tiếng Anh là: *The Annam Young Revolutionary Association (B.T).*

tang, đã tuyên bố bãi khóa. 20.000 người đi theo linh cữu mang biểu ngữ viết những khẩu hiệu có tính chất quốc gia chủ nghĩa. Người An Nam chưa hề được chứng kiến một việc to lớn như vậy bao giờ trong lịch sử.

Cũng trong khoảng thời gian đó, việc bắt một nhà cách mạng lão thành khác - Phan Bội Châu - lại là một dịp mới để bùng nổ ý thức quốc gia. Trước kia, viết tên Phan Bội Châu đã là phạm tội. Đến nay, mọi người nói đến một cách mến phục vì Phan Bội Châu là tiêu biểu cho chủ nghĩa quốc gia. Nhiều tổ chức gửi kiến nghị yêu cầu nhà cầm quyền Pháp phải thả ông ra. Đặc biệt, sinh viên đã tỏ ra rất tích cực. Khi toàn quyền Varen (đảng viên Đảng Xã hội Pháp) đến, họ tổ chức các cuộc biểu tình mang khẩu hiệu “Nhà xã hội Varen muôn năm!”; “Thả Phan Bội Châu!”; “Đả đảo chủ nghĩa thực dân tàn ác!”. Phong trào lên cao đến nỗi tòa án đặc biệt Pháp trước đây đã kết án tử hình nay lại phải thả Phan Bội Châu ra.

Bên cạnh Hội An Nam Cách mạng Thanh niên còn có ba nhóm chính trị: nhóm Thanh niên ở Nam Kỳ, Tân Việt ở Trung Kỳ và An Nam Quốc dân Đảng ở Bắc Kỳ. Nhóm thứ nhất gồm phần lớn là thanh niên sinh viên; nhóm thứ hai là trí thức; nhóm thứ ba là tiểu tư sản. Nhóm cuối cùng tích cực hơn nên về số lượng và về chính trị mạnh hơn hai nhóm trên. Nhóm đó gồm chủ yếu những nhân viên trong chính quyền Pháp: giáo viên, phiên dịch, công chức nhỏ, v.v.. Nhóm đó có chi nhánh khắp trong nước. Tuy nhiên, từ đầu đến cuối, những tổ chức này không thấy có hoạt động chính trị gì, họ không có đủ thì giờ.

Năm 1929, đế quốc Pháp bắt đầu tiến công các tổ chức đó. Cuộc tấn công bắt đầu bằng khoảng 300 vụ bắt bớ ở Nam Kỳ để đàn áp nhóm Thanh niên. Tiếp đó là ở Bắc Kỳ có hơn 800 vụ bắt bớ. Hầu hết An Nam Quốc dân Đảng bị lọt vào lưới. Sau đó cuộc tấn công hướng vào Hội An Nam Cách mạng Thanh niên và Tân Việt ở Trung Kỳ với hơn 400 vụ bắt bớ. Tất cả nạn nhân của cuộc khủng bố trắng, hội viên của Hội An Nam Cách mạng Thanh niên, nếu bị phát hiện (đúng hoặc sai) là cộng sản thì đều bị tra tấn nặng nề hơn những người khác; đối với những người đó chỉ có tử hình và tù chung thân. Hội An Nam Cách mạng Thanh niên - nhờ phương pháp tổ chức - nên bị thiệt hại ít hơn các nhóm khác về số lượng.

Quốc dân Đảng trở nên manh động đã tổ chức vụ bạo động quân sự vừa rồi ở Bắc Kỳ (10/2/1930). Nếu báo chí nói đúng thì 13 đảng viên, trong đó có cả lãnh tụ Quốc dân Đảng đã bị bắn chết. Sau trận đòn áp đó, đảng này rất khó phục hồi.

Khoảng tháng 5 năm 1929, Hội An Nam Cách mạng Thanh niên họp Hội nghị toàn quốc. Đại biểu Bắc Kỳ đề nghị tổ chức ngay một đảng cộng sản. Các đại biểu khác đề nghị sau này hãy tổ chức. Nhóm Bắc Kỳ bỏ hội nghị ra về và tổ chức một đảng (Đông Dương). Một số khác, sau đó đã tổ chức một đảng khác (An Nam). Đó là mối bất hòa đầu tiên. Nhóm Bắc Kỳ tìm hết cách để phá hoại Hội An Nam Cách mạng Thanh niên vì họ cho rằng: Hội đó quá đông và cơ hội chủ nghĩa nên nó có thể làm lu mờ ảnh hưởng và công tác của Đảng Cộng sản trong quần chúng. Nhóm An Nam ra sức giữ cho Hội An Nam

1
9
3
0

Cách mạng Thanh niên tiếp tục hoạt động vì họ cho rằng: Hội có thể lợi dụng để tập họp tầng lớp trí thức và giai cấp tiểu tư sản. Đó là mối bất hòa thứ hai. Cả hai đều cố thống nhất nhau lại, nhưng càng cố gắng bao nhiêu thì càng hiểu lầm nhau bấy nhiêu và hố sâu ngăn cách ngày càng rộng bấy nhiêu.

Một mặt họ công kích lẫn nhau, tuy nhiên mặt khác cả hai lại đều công tác trong công nhân, nông dân và sinh viên, tổ chức các cuộc đình công, rải truyền đơn, v.v.. Nhiều thì giờ và sức lực đã bị lãng phí vì sự rối ren chia rẽ đó, đảng viên của mỗi bên đều bị thiệt hại, chỉ trích lẫn nhau là không bônsêvich, v.v.. Mặc dù hoàn cảnh bất hợp pháp và những khó khăn về chính trị và tài chính, họ đã xuất bản ít nhất là 11 tờ báo. Họ cũng còn mắc nhiều khuyết điểm nữa. Thí dụ khi một cuộc đình công nổ ra, họ phát ngay ra những truyền đơn có in dấu Xôviết. Có khi, với một nhóm người đình công, họ cũng định tổ chức Xôviết. Hoặc họ biết bắt đầu tổ chức một cuộc đình công như thế nào nhưng không biết làm thế nào để thu được kết quả tốt. Hoặc họ vô sản hóa trí thức bằng cách bắt những người trí thức kéo xe và, v.v..

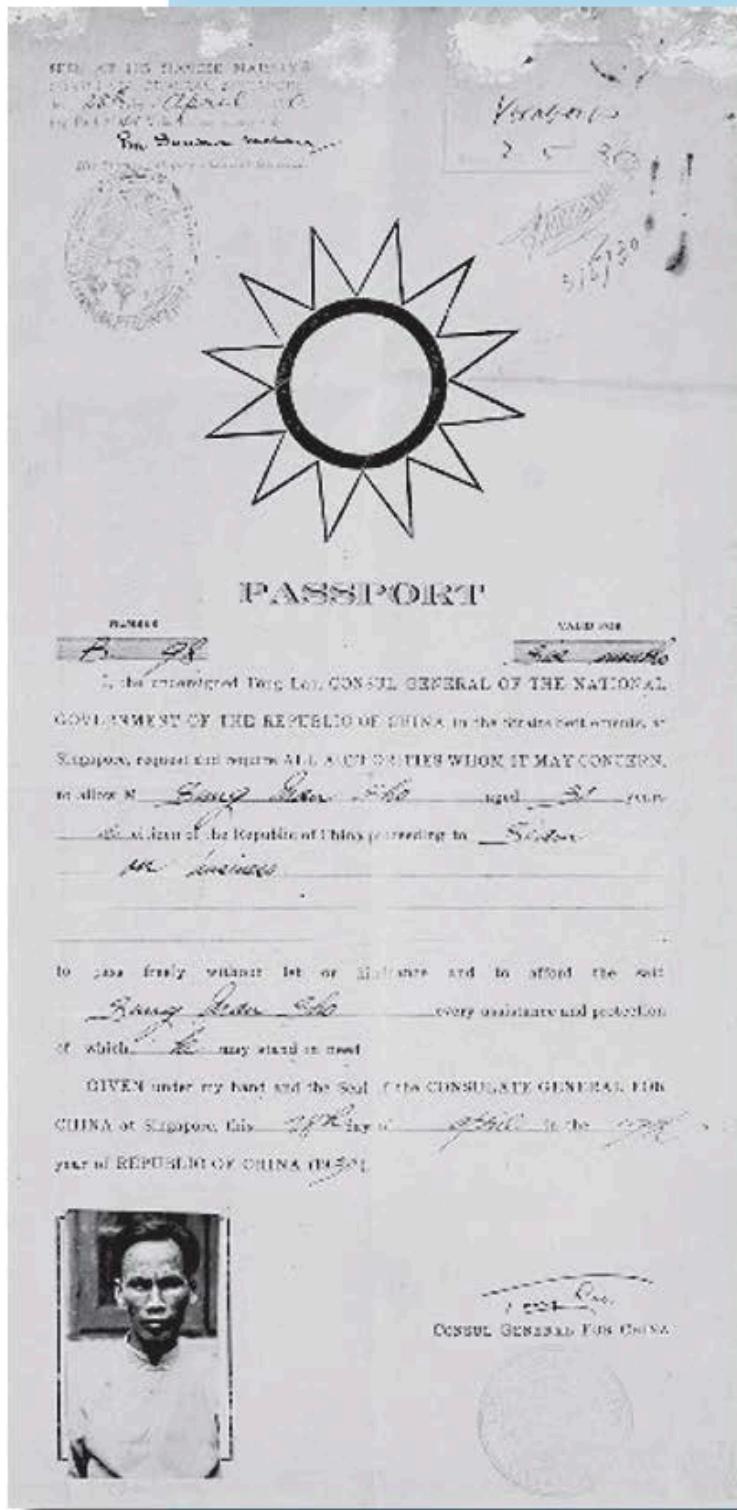
Đặc điểm nổi bật các hoạt động của họ được thấy rõ trong dịp lễ kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười. Trong dịp này, bọn Pháp đã huy động tất cả cảnh sát, hiến binh, dân vệ và một bộ phận quân đội. Luật giới nghiêm được công bố và cảnh vệ vũ trang đi tuần tiễu trong các thành phố cũng như các làng mạc. Chúng sợ một cuộc khởi nghĩa. Mặc dù có sự kiểm soát nghiêm ngặt, những người cộng sản đã thực hiện thắng lợi công việc của mình. Truyền đơn rải khắp nơi, biểu ngữ đỏ chăng qua các đường phố, khẩu hiệu dán trên tường, cờ đỏ treo trên cây hoặc trên nóc nhà và trên dây điện. Một vài người làm công tác tuyên truyền đã bị bắt khi đang ở trên cành cây. Cuộc tổ chức lễ đó đã tác động rất mạnh đến quần chúng.

Ngày nay các nhóm cộng sản đã thống nhất vào một đảng, hoạt động nhất định sẽ tốt hơn trước nhiều. Nhưng bọn đế quốc Pháp cũng không khác trước. Bất kỳ ai đến một khách sạn cũng đều phải đưa thẻ căn cước có ảnh cho cảnh sát, giấy tờ đó chỉ được trả lại khi nào đi nơi khác. Ở các làng, đàn ông từ 18 đến 60 tuổi phải đi canh gác. Suốt ngày đêm đều có người canh gác ở cửa nhà ga, cổng làng và bến sông. Một giáo viên nông thôn không được đi ra khỏi nhà quá 5 kilômét. Một người (đàn ông cũng như đàn bà) đi từ làng mình sang làng bên cạnh cũng phải trình thẻ căn cước và ảnh. Ở đâu cũng có mật thám và đủ các loại mật thám: một số do bọn Pháp thuê, một số khác do quan lại trong tỉnh, một số khác nữa vẫn do tỉnh trưởng hoặc phó tỉnh trưởng thuê, v.v.. Gần đây (tháng 12 năm 1929), hai làng đã bị triệt hạ và tất cả dân cư đều bị bắt vì cảnh sát thấy có hai người cách mạng trốn ở đó mà không bắt được!

Chúng ta có thể tin tưởng chắc chắn rằng với kinh nghiệm và lòng hy sinh, với quần chúng ở bên cạnh, những người cộng sản nhất định sẽ chiến thắng.

Ngày 5 tháng 3 năm 1930

1
9
3
0



Hộ chiếu số B.98 do Lãnh sự quán Trung Quốc tại Xingapo cấp ngày 28/4/1930 cho ông Tống Văn Sở (Nguyễn Ái Quốc) đi công tác tại Xiêm

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

1
9
3
0

BÍ MẬT KÔNG TÁC

1. Vì sao phải bí mật?

- (1) Để防止 bị địch-nhân phát hoại k.m.
- (2) Để giữ zin lực lượng của k.m., và để làm cho k.m. phát triển.

2. Vì sao kia không thường bị bắt?

- (1) Vì chính trị, như vì Quốc-zân-dâng làm liều cho nên nó bắt bớ khùng hoảng, rồi lây la đến Đảng.

(2) Vì đại-viên hành động khéo, hoặc vì đại-viên bị nó mua được, làm cho sau cho nó.

(3) Vì tờ chục kia quanh chung chưa rộng thì kô sô kia Dè chưa vững, thường khi tờ ra Dè không phải Dè kia quanh chung; cho nên khi tranh đấu mà bị bắt thi nhiều ng. khé kién mà fun ra kia.

(4) Vì đại-viên thường khé được huấn luyện, đến khi bị bắt, bị nó tuyên truyền và chính fuc, rồi theo nó mà tan Đảng.

(5) Vì Dè một đường, quí, chúng một đường, khé zinh zắp nhau, cho nên hành động

Các bài viết *Bí mật công tác, Khuôn phép của công việc bí mật, Các cách bí mật* của Nguyễn Ái Quốc đăng trên tạp chí Đỏ, số 1, ngày 5/8/1930

kia Đảng thường lôi ra cho nó biết.

(6) Vì kach em ô hàng ngày khé zú bị bắt cho quen, gấp khi xem ron thi chun tròn nín nip, khi vó sự thi lai fong tung tú zo nhu thường. Vì trong nhà bô tri lém nhém, gai trai lén xón, zay ma só suất, v.v.van; đều du làm cho ng. ta chú ý và ngi.

3. Khuynh hường sai lầm

Vì khuynh hường sai lầm cho nên muốn làm bí mật mà hóa ra khé bí mật, làm nói ảnh hưởng đến tờ chục và sành hest kia Dè, làm cho Đảng bị thiệt hại. Điều kể may đều như sau:

(1) Vì bí mật một kach hép hỏi qua, hép ra quen thói dứt nut rut re, gấp lúc xu, chung tranh đấu thi so hai khé zam dum trước mặt quí chung, lạy lạy i quản chung mà lanh lanh cho quí chung tranh đấu.

(2) Vì thường chỉ lanh-quanh trong chi bộ, khé zám ra khỏi young Đảng.

(3) Vì tra xí lục tranh dân khé, nhưng

3

Dg khg ra zua mặt trên đe lãnh đạo quần chúng, và khg biết chun vào nhung chỗ qu. chung chua to chuc mà hoạt động cho rộng thêm. Ví vay mà nhieu d.c. sinh chan nan.

(4) Ví hiêu làm chủ "zân-chủ hóa" Bất kỳ việc zì kung muon kong khai.Thêm chí kac kó quan ai kung biêt. Như thê là vò-chinh fù, chư khg fai zân-chủ. Như thê là làm cho dich-nhien zé zò xét và zo fá Dg.

(5) Ví ngay thường khg tap zu bí mật; nói fô ku động thi khac thường; ác quan àn mac thi hieu tha; trong nhà khg biêt zu kach đom kung, lè ứng thu,đe che mặt ng. ngoài; gai trai thi kieu dua hon tap; niêng thi cap dau noi km đó; v.v.Như thê khac zì noi cho ng ta biêt minh là đò?

(6) Kó khi lại vì muốn bí mật quá hóa ra dem km zêu kin, dong kua khg zam ho he. Kó khi thi làm lieu đe kiêm một kai chét, chàng ngai zì đến sự bí mật, đến nỗi

4

lâm cho kông việc kua Dg roi bét.

(7) Ví tướng lâm rang bí mật là việc riêng kua may ng. fu trách,kon nhung ng. lâm kông việc khác thi khinh thường sú bi mật,khg biêt rằng sú bí mật là rất quan he cho chính trị và tổ chuc kua Dg, khg chịu theo khuôn fep bí mật kua Dg mà lâm việc.

(8) Ví bí mật hình thức qua,lam cho ng. fu trách hù-hóa, muon tieng zu bí mật để che day sú nhut nhat và luoi bieng kua minh; zo do ma sinh ra xa kach quan chung bò kông việc Đảng.

(9) Thêm chí kó ng. muon tieng bí mật mà àn mac tran chnut,theo thời xa hoa,hoa ra mot bon àn chối; zo do ma tu tướng lâu một tháp, tinh than lâu một kem.

(10) Kó ng. lai vi muon bí mật mà khg ngi den toan khac,khg nhỏ den qu.chung, chỉ lo zd thân minh cho bí mật en-toan,kon mua thi khg ngi den.Zo do mà việc Dg tre nai. Nhng ng. ô kac kó quan chí đạo thường fam

1
9
3
0

5

mặc binh ấy, còn với lực lượng dân sự là:

(11) Khi làm việc với quí chúng khg
biết mì kỉ mệt, chút zì kứng lôi Đảng ra,
đến nỗi quên chúng sinh tinh ý lại, họ ngã
họ khg đủ sức, fải bỏ sức ngoài mồi tranh
đều được. Kứng vì đó mà dịch nhân biết h
việc zì xảy ra đều zo Đảng kà.

KHUÔN FÉP KỦA KÔNG VIỆC BÍ MẬT

(1) Đảng thi fải bí mật, quí chúng
hoạt động thi fải kóng-khai

Đảng là đội tiên fong kúa vò-sàn zai-ký
để lãnh đạo k.m. Đảng khg fải kót đem tắt
kà quí, chúng vào, nhưng kót để lãnh đạo tâ
kà quí, chúng tranhdấu. Vày nên Đảng bắt
tắt kóng khai.

Sự hoạt động và tổ chức kúa quí chúng
lại fải k López cho được kóng-khai thi mồi đe
niên quí, chúng tham gia.

Nếu tuy cù Dg và kóng khai thi Dg sẽ
tan ngay. Nếu hoạt động quí, chúng mà zú bí
mật thi bao zó cho fát trien? Nếu quí, chúng

6

khg fát trien thi khg che chô bảo-hộ cho
Dg được.

(2) Tổ chức fải nghiêm mật,
kở quan fải rút gọn.

Trong thời kỳ Khủng-bố-tráng mà kô sô
kúa quí, chúng chưa vững, thi lối "xân-chù"
fải rút hẹp lại. Nhưng xác kở quan chỉ đạo
fải kiêm kách cho đồng-chí fê bình và thảo
luận kóng viêc (khg bí mật) và lý luận,
chinh sách kúa Đảng.

Tổ chức kúa Dg và tổ chức kúa quí, chúng
đều fải zú tính chất độc lập, nhưng chí bộ
Dg fải nằm trong tổ chức kúa quí, chúng để
làm kót.

Trong lúo tranh đấu, fải thà nhữ fản
tử rút rẽ nhút nhát ra, fải đem nhữ fản tử
hắng hai trung thuộc vào Dg, làm cho chí bộ
mạnh mẽ. Mỗi dg-viên làm việc trong chí bộ
fải tham za kóng viêc quí, chúng luôn luồn,
để zồi mài sức chiến đấu cho Đảng.

Những đồng-chí kín mít mới, sau Dg kiểm được, thì kứng fai zdi-thiệu lại, như đg viên mới, cho vào chí-bộ, bắt chịu huấn-luyện, chịu kỷ luật; chả khg nên lâm qua chuyện.

Trong các kô quan kót ít nđ, mà thao thi hồn nhiều nđ, mà zđ. Nhđ nđ, dđ fai đã từng tranh đấu trong quần chúng, và thiệt cháo chán nđi được.

Kô quan Dg nên đứng trong qđ. chúng. Nên hết sức kiêm nhđ đồng chí dùng lâm kông để làm việc trong Dg. Hết sức lâm cho Dg fai dù zung. Kô nđu thê thi tòi chúa kua Đảng mới bí mật.

(3) Sinh hoạt hàng ngày

fai bí mật.

Ăn ở hàng ngày fai lâm sao chđ quen thói bí mật; hành động fai cho tự nhiên; nói fô fai lạnh lạt; lâm kô ứng biến, thái độ fai cho thường; tiếp dái nhau fai vđ thường; trong nhà bô tri fai theo cách mè-tin; chào hỏi nhau fai mì ié fén; fai mì bí và luyện tập khẩu kung; mđ đồng-chí rải

zú dić hành cho taien-ha khói ngó, nhưng đều đc nđn làm cho quen hàng ngày, khg nên số suât. Ai kứng fai khô ràng sùi binh hàng ngày là sự kót yêu dđ bảo hộ hàng ngày cho chg ta như ăn kóm dì ngủ vậy.

(4) Bí mật fai quản chúng hóa

Qđ. chúng hóa là 1 cách bí mật tốt kua Dg. Dg nhđ qđ. chúng che chđ môi vung vang, vây nđn tò chúa kua Dg nên tham nháp quản chúng; cách thức làm kua Dg nên zđ vào đường lối qđ. chúng; khâu hiệu kua Dg nên thích hợp với sự yêu kau kua qđ. chúng; chính sách kua Dg nên đặt sao cho qđ. chúng lâm nđi. Fai làm cho qđ. chúng ái-hộ Đảng như ái-hộ tánh-mạng kua họ, thi họ mđi hết sức che chđ cho Dg. Lam da như the, thi Dg kô tòn thất cho máy mía kứng khg tan được.

(5) Bí mật fai xã hội hóa

Tò chúa kua Dg nđm sát dđc trong xã hội bao nhiêu, thi hàng động kua Dg khang

1
9
3
0

9

linh lỏi bảy nhiêu, vay nén chung ta fai xen vào kac kac trong xa hoi, fai gáy môi quan hệ kua Dg trong kac thu to chuc kua xa hoi, nhat la trong nhung ko quan trọng yeu, bo fan nào kung nén ko dong-chi ở đó, nhu nha-fa, quan-doi, số-mat thám, v.v. để lam ko ban qu, chung trong noi bo kua dich-nhan, để mà fai nó. Dg fai lam cho chô nào kung xen vào duoc, moi ko the lam cho dich nhân chết.

(6) Fai them chinh-tri

zao-zue kua Dang.

Kang kac ly-luan chinh-tri kua dg-vien là rất kân thiết cho to chuc kua Dg. Từ chi-bộ trở lên fai ko thuộc-te zao-zue da danh, lai thường fai ko ke hoạch để thao luân sach luoc kua dg., để ngien kuu cby ngia Mac-Lénin, để cho Dg được vững bền va thông nhât.

Ở trong thời-kỳ Khung-bo trang, fai nhân kac kong việc mà thiết thực lam cho

10

d.c. nhận thức "Khung-bo trang" là thế nào, để het suc danh dò được nhg sự khôn nam vi khung-bo trang ma sinh ra.

(7) Dg-vien fai chuc nghiệp hoa

Kac d.c. fai het suc tim việc làm, để che mat thiên ha; chi it kung fai ko l ngé xoang xoang zi. Nhưng làm ngé zi kung cho de tro ngai den kong việc Dg. Vua làm ăn via làm việc Dg thi tot hon. Kon nhung ng chua kiem duoc ngé thi kung fai kai động sao cho ng. ta tinh minh la ng. ko ngé nghiệp.

(8) Fai gan trong luc bi tra kep

Nhung d.c. bi bat bi tra, thi fai hi sinh nhu-the minh di, nhat dinh chô thô lô một chut zi. Lai chô mac lúa no. Thê moi la mot ng. trung-thuc dong-shi.

(9) Bi mat nén theo kach quan sú

Tieu tuc kua Dg khô được tiết lộ ra; kac kac quan fai ko han che; kach di lai fai ko quy luat va trát tu; khg được tu zo hành động; Dg fai làm việc zi thi kui việc lam, kh

11

mèn hòi lý zo vì sao.

(10) Quy luật fai nghiêm

Nhưng d.c. kó lối bì Dg fat, sau muôn xin vào Dg lai, thi fai đem họ vào trong quí.chung để zay bao cho họ trong lục quân chung tranh đấu. Nếu kó d.c. fai Dg thi fai không bô cho quí.chung biết, để zd đừng cho nó chun vào quí.chung làm bậy; kó khi lai fai zung thù-doan đặc biệt thi mới zu được việc bí mật kúa Đảng.

(11) Tổ chức o thôn quê

kang fai zd bí mật

Trong lục tranh đấu, Dg fai chọn những ng. zan kay thuê và zan kay ngeo mà tốt de đem họ vào dg; nhưng trước fai zay che họ kach bí mật cho ký kang, bắt họ fai zd cho được; vì sự bí mật kúa Dg ở thôn quê rất khó zd. Fai chú ý kô-nóng và bân-nóng, chđ cho dia-chu,fu-nóng vào dang.

(12) Quân-sư vận động kang fai zd.

Dia vi nhđ ng fu trách quân-sư vận động

12

là rất nguy hiểm, cho nên kó quap quân-sư vận động với ko quan dg nên chia riêng ra, để fong khi thất bại khg lây le đến Dg.

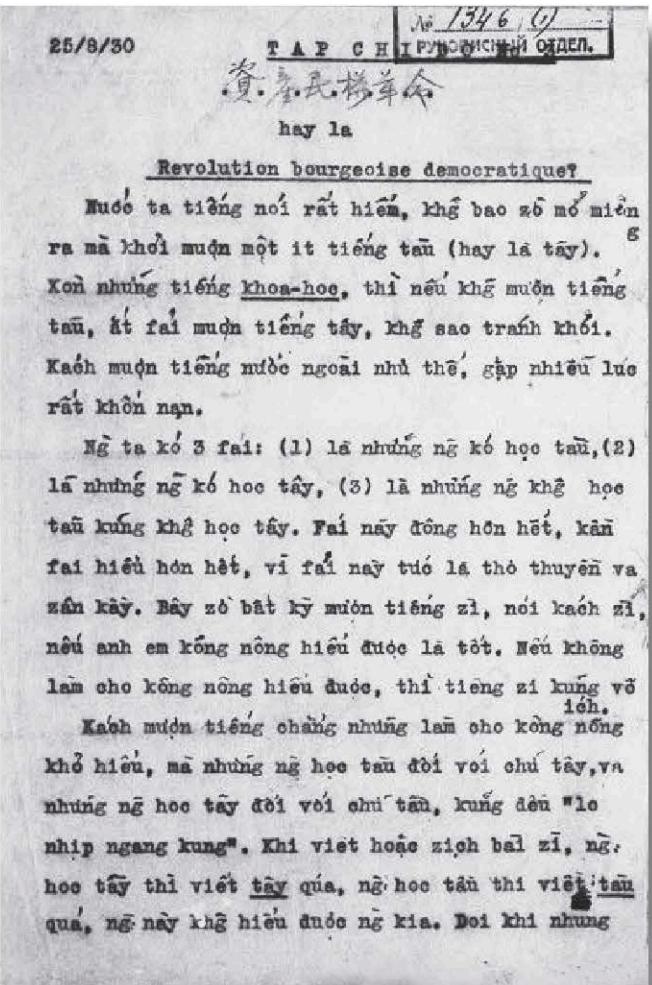
Trong quân-dội thi chỉ 3 ng. làm 1 tó biết nhau. Linh voi quan fai tó chuc riêng.Mỗi tó fai hạn chế sự fat triển; cho nao dang-vien hoi đồng thi fai tinh kach diệu di cho khac. Koi tom lai: fai sao cho bí mật ma lai được việc.

KAC KACH BI MAT

1/ Kach lập kè quan

2/- khai hội và gപ nhau. 4/ Kach báo tin trong nhà và ngoại hia. 3/Kach chuẩn bị khẩu kung. 5/Kach đưa thô từ di lai.

6/ Kach quan hệ kúa dg với xã hội. 7/Kach bí mật đánh zay thép, viết thô, và gi chep tên ng. và chó ó. 8/ Kach tron tranh khi s?p zao. 9/ Kach thay đổi hình zang. 10/ Fai zanh ít tiên, kí khán káp mà zung. 10/ đều do mèn theo fep bí mật, xét hoan hành cho kỵ, tuy kđ ứng bí mìn cho khéo./.

1
9
3
0

Bài viết *Tư sản dân quyền cách mạng* của Nguyễn Ái Quốc đăng trên tạp chí *Đỏ*, số 3 ngày 25/8/1930

ng học tây nhung dẽi chủ tân, hoặc ng học tân xen vào chủ tây, thôi thi lại kàng "thay bei chạy nhà"

Ngày nhung chủ fô-thông, nhé chủ kết yêu, nhé chủ mà ng kách mạng fai hiếu cho thiệt rõ ràng, tuổi là nhung chủ trên kia - thư hỏi anh em chí ta mày nê đã hiếu rõ? đã hiếu đến nỗi đến chốn? It lám! Chắc là ít lâm! Mả khẽ trách đúp anh em chí em! Vì nếu khẽ fai ng học tân noi. 資・華・民・移・革・命 thi át lâng học tây noi "Revolution bourgeoise democratique". Liu lô như vậy, kóng nông hiếu sac

vì khẽ hiếu rõ mà sanh ra nhiêu đều ráo rồi.
(a) kái nhau mai mả khẽ két qua, anh kú noi lén tối kú noi heo, (b) tướng lâm ràng ý nghĩa kách m. lă kao-xa mâu-nhiệm lâm, chí kó may tay "nho za" môi hiếu thâu, kohn anh em kóng nông minh thi cho rõ đèn, (c) hoặc cho nhung chủ liú lô áy là như kom rồng lòn; hoặc thấy nó đá k.m. lai tú-san, da tú-san lai zân-quyen, thi cho nó là như vai nhót, (d) minh đã khẽ hiếu, chạy qua hơi ng học tây, chạy lai hơi ng học tân, họ kàng nói, họ kàng kai nha; minh kàng khẽ hiếu. Muốn nói tiếng ta, lai khẽ ko tiếng!

Bây giờ chúng ta thử nói theo lối Annam, xem có thể hiểu được chàng?

Tự-san zân-quyền cách-mạng

(1) Vì sao da cách-mạng lại kêu tự-san?

Vì k.m. phải kô đồng nô lâm mội nô, mà tinh chất k.m., lại theo tinh chất là nào mạnh hơn trong đám ấy mà định. Thí dụ: k.m. Fap năm 1789 là kết đánh đổ quyền vua, mà khi ấy thời lúc là tự-bản lại lớn hơn hết; vậy nên k.m. ấy thành ra k.m. tự-bản (revolution bourgeoisie).

Nay k.m. ở các nước thuộc địa và nửa-thuộc địa kô kái mục đích fõ-thông là:

(a) đánh đổ d.q.c.n., làm cho nước độc lập.

(revolution nationale)

(b) đánh đổ fong kiêm, cho zân được các quyền tự do (libertes democratiques)

(c) tích kỹ đại địa-chú, để chia đất ruộng cho zân (revolution agraire)

Nhưng mục đích ấy tức là zân quyền. Nhưng về mặt kinh tế - như chia đất ruộng - là chưa thoát khôi vông tự-san. Vì chưa kô đất thì muôn cho kô đất, khi đã kô đất thì muôn làm cho đất ấy phát triển,

4

muôn đất ruộng fat triển thi phải muôn kô vốn, hay là tự-san (capital) để sâm trâu bô máy móc.

Và chàng nhúng nô lâm k.m. trong kac thuộc địa : a thô-thuyền (koh sô'ít), số nhiêu là zân-kây (koh xu hướng tự-san), bọn tiểu-tự-san, và chắc kô một vài fân-tu' tự-san lán vào nứa.

Vì nhúng lé ấy, cho nên k.m. ở kac thuộc địa và nửa-thuộc địa là k.m. tự-san zân-quyền.

(2) Tinh chất tự-san zân-quyền k.m. thế nào?

Như trên đã nói, t.s.z.q.k.m. gồm kô tinh chất k.m. zân-tộc (revolution nationale hay la coloniale) để đánh đổ d.q.c.n., và tinh chất k.m. thô địa (revolution agraire) để đánh đổ fong kiêm và địa chủ để chia đất cho zân kây.

(3) Kach lâm t.s.z.q.k.m. thế nào?

Thô-thuyền phải lãnh đạo. Zân kây và tiểu-tự-san phải zup sủi vào.

(4) Mục đích t.s.z.q.k.m. thế nào?

Lâm cho zân tộc độc lập, kinh tế kai kaich, zân chung được quyền, gầy nền cho xã-hội k.m.

(5) Xã-hội k.m. và zân-quyền k.m. khác nhau thế nào?

Xã-hội k.m. là lâm cho đến thô-thuyền chuyên chín

1
9
3
0

X (dictature du prolétariat) và thực hành kông san.
Zân-quyền k.m. là mồi làm dồn kông và nông chuyên
 chính (dictature du prolétariat et du paysan), mồi
 thực hành được những đòn cải-luồng lớn (grandes
 réformes), nhưng chưa làm dồn kông san.

(6) Vì sao các thuộc địa vĩ miề-thuộc địa fái
 làm zân-quyền k.m. mà không lâm ngay xã-hội k.m.?

Vì kông nghiệp may móc chia fat triển mây, vì
 so kông-nhân koh ít, vì kó d.q.c.n. ngoại dẽ nén,
 vì sô zân-kỳ vĩ tiêu-tù-sản động, vì kinh tế chủ
 thành xã-hội-hóa./.

* * *

Kach rái truyền dòn và fat sach báo

1/. Việc này rất trọng yếu cho đảng, kung nhu
 mạch máu chạy lưu thông trong minh ng ta vây. Nhô
 mạch máu áy chánh trị kúa đảng mới truyền bá tới
 quân chung, lâm cho quân chung với đảng fat sanh
 quan hẽ, lâm cho quân chung biết đảng, ủng hộ đảng.
 Nhưng từ trước chung ta thường kó sai lầm nhú sau:

A - Sai lâm kúa đồng-chí

2/. Kó ng cho việc áy cháng qua là một việc
 zảo-thống, bab đem đố zì dòn dâu thi chi biết đem
 dến đây, khg hoi dến nút hoạt động kua nói áy thê

naot mồi lân nòi áy fat đưọc bao nhiêu fat rôi
 ánh huồng thê naot. Nói tóm lại là chí lâm xong-chuyên, khg chịu nghiên cứu việc minh lâm.

3/. Kó ng cho việc áy là tâm thường, khg quâi
 trong zì. Khg chịu hết súo lâm. Lanh đò tuyên tr
 uyết rôi chát lại môt nđi. Khi đảng kó đỗ xíc lâm
 mồi mang đì fat vung fat vây cho rôi.

4/. Kó ng thi bắt-dắc-zì miễn kuóng mà lâm.
 Lúc đì fat thi khg kó kế hoạch trước. Kung cháng
 ngi' quân chung kó xem hay là khg? Chí bô tung bô,
 báo tung báo, rôi rinh chô naò vắng nđi thi bô. Kó
 ai lật xem hay là khg kung mạc.

5/. Kó ng cho việc áy là đe' lâm chô kó tinh
 thán trong lúo khai hội hoặc thi-uy mă thôii, cho
 nén ngày thường khg chịu chú ý đén. Lại kó ngi' ngi
 rango sách báo kúa đảng quân chung xem khg nói, khg
 nén cho họ xem; cho nén khi minh xem rôi thi kêt
 đì, hoặc đót đì, khg chịu đem truyền bá cho quân
 chung.

Đảng tồn kông tồn tiên mà in đò tuyên truyền
 ra; nhg ng fu trách đì fat lại làm sô sai nhú thê
 thi uông quá!

B. Khuyết điểm kúa đoàn thể

6/. Những nơi chưa biết rõ chúc kô-quan fat hành thì khg nói. Kô nói đã biết rõ chúc kô quan chuyên trách, song làm kôn chưa dung kach; Khi kô dđ tuyên-truyền thi gọi boc roi zao cho một vai ng zao-thông mang fat cho kac chi-bô, (b) kô nói thi môt mặt cho zao-thông mang dì, môt mặt t thi gọi kac chi-bô hoặc kac đồng-chi-di-fat tối kô quan mā lạnh, (c) lai kô khi gọi họ tối thang nđi kô-quan in mā lạnh dō. Kach lam nhì thê rất la nguy hiêm.

7/. Trong thời kỳ Khung-bô trang, kong việc fat rât bì mặt, bao zao thông đem dđ, lđ khg zao thông bì bát, thi kac chi-bô dđ mặt dđ tuyên-truyền lại tró ngại đem kong việc khác nua. (b) nếu zao thông bị tra kep mā fun ra thi kô-quan dđ lđ mā kac chi-bo kung nguy. (c) Da fū trách zao thông lai fū trách đem dđ tuyên-truyền, thi đì lai nhì qua, mau lđ. (d) kô-quan-in và kô-quan fat đe' nhiều ng biết qua, chât là mau lđ.

8/. Chỉ zo vai ng zao thông chia dđ và fat dđ, thi kô nhiêu đêu bát tién: (a) zao thông nhiều việc qua, khg dù thi zô mā điều tra cho biết nói nđo kân zung bao nhiêu? Den nđi nói kân nhiêu thi

fat it; nói kân it thi fat nhiều, chât dōng lai, fat khg hết. (b) Khg điều tra được kac chi-bô fat kô dđ lực hay là khg? Hiệu quá thê nào? (c) Nhiều chi-bô keo nhau dđen trong môt lué, xon rón qua, zé lò. (d) Dđe' nhung ng di fat tối thang kô quan mā lạnh dō, neu mot ng bi bát, thi kô quan lđ hết.

C. Kach lam

9/. Vđ kong việc fat hành, kac kô quan fat kô kế hoạch cho thông nhât, sao cho 1 tđ truyền-dòn, 1 tđ bao, 1 quyền sách dang dđ in ra, thi lập túc đen tay quan chung ngay.

10/. Chóng ta fai nhô rang: rai truyền-dòn, zai khâu hiệu, fat sach bao, là kong việc kân yêu kua môt môt chi-bô, và kong việc chung kua kac dđ chí

11/. Khi đì fat thi fai kiêm kach fat thê nào cho quanh chung ai kung được xem. Nên nhâm lục ng đồng mā fat. (Chóng ta fai nhô rang: fat là két đe' cho quanh chung xem, chư khg fai đe' cho mặt tha ligt đem vđ)

12/. Kach chia và fat dđ tuyên-truyền fat theo nđi zung dđ ay. Nhị truyền-dòn ay nói về việc kac xuâng, thi fai rai sac cho khap ka kac xuâng. Nếu

1
9
3
0

truyền đơn ý nói riêng về việc kong-nhan dan ba thi xuong nao ko dan ba lam, rai chuy hón het.

13/. Trong một xuong may hoac 1 trường hoc fai ko 1 ng tổng fu-trach, de diêu tra, lanh do va dat ke' hoạch fat. Moi 1 bo-fan lop may hoac 1 lop hoc, lai fai ko 1 ng fo de' fat do (zo nẽ tổng chi huy).

14/. Moi lan khai hoi chi-bo, fai dem viেc rai truyền đơn va fat sach bao ra thao luân, de' cho kac dong chi chuy va ngien kuu, de kiem them kach hay, kach moi.

15/. Moi mot lan fat do xong, thi ha' kap fai ko bao kac, thuóng-kap fai ko kiem tra. Ng fat do tuyên truyền va ng tuyên truyền bang mien fai ko liên lac voi nhau, de' cho biêt quan chung xem do tuyên truyền roi ko kam tuong zi? Ko deu gi' nen sua doi?

D. Kach to' chue

16/. Moi Khu hoac Tinh fai ko 1 Fat-hanh uy-vien hoi, chung 3 ng. Kong viেc hoi nay la:

- diêu tra suc fat hanh kua kac chi-bo,
- theo suoc kac chi-bo ma dinh do' nheu hay la it
- di xem xet kach fat hanh o' kac chi-bo,
- diêu tra luc fat do' roi, ket qua the nao
- dat ke' hoạch fat hanh cho kac chi-bo.

(f) gop kinh ngiem kac chi-bo, de huân luyện kach
(g) khai hội voi nhung ng fu trach viেc fat hanh,
de' trao doi y kiem.

17/. Tuy theo noi lon be, moi Khu hoac Tinh nen to' chue may fat-hanh-xu (zo fat-hanh uy-vien chi huy), 1 xu' chanh, va may xu' fu. Xu' fu thi ko the' de' trong nhá 1 đồng-chí rat chac chan va chua ai ngo,(chò' bao' dong-chí nay lam kac viéc bê ngoai nhu di fat truyền đơn, v.v.) Kac xu' fu khg' duoc biêt xu' chanh o' dau.

18/. Moi chi-bo fai ko 1 đồng-chí fu trach (ka' su' kiem kung duoc) de' diêu tra, doc xue va huân luyện kac đồng-chí ve viéc fat hanh.

19/. Khi Fat-hanh uy-vien lanh do tuyên truyền roi, dem ve' fat hanh xu' (chanh), theo suoc kac zung kac chi-bo ma chia, va goi gem kahn than roi, thi tông den fat-hanh xu' (fu).

Kac fat-hanh-xu' (fu)tổng den cho chi-bo, hoac la tin cho nhung ng fu taeh kac chi bo' to' lai h.

Kac chi bo' to' lai h, fai ko zô' nhat dinh, ti zu chi-bo A luc 10 zô, chi-bo B luc 11 zô, v.v.

Nac chi-bo khg' duoc biêt fat-hanh xu' (chanh) o' dia.

20/. Nhungs do' tuyên truyền kô' dinh ky, (nhu

1
9
3
0

báo, tạp chí) thì ¹¹ fai tinh trước, mỗi kỳ nên in bao nhiêu. Da in ra, thì fai kiểm kach fat cho hết Ví nhưng dō ay đé' quá kỹ mà fat thi vò iich. Khiê n nên lâm kach vò chính-fu. Nếu dē' chát đóng lái, thì dà nguy-hiem, mà lại uồng kông fí kuá.

21/. Nhũng ng fú trách vè' việc fat hành, từ thường káp toi hạ káp, fai kó mặt thiết quan hệ với nhau. Fai thường thao luân, nghiên cứu, điều tra, rè binh. Nói tóm lại là mỗi mot dong chi fai hết súc kiêm kach hay, kach mới, để làm cho kông việc fat hành kua dang ngày mót tàn bộ./.

Fai nhỏ: Kông việc k.m. hể trong nhât là tó' ché và tuyên-truyền. Khiê biết fat đó tuyên truyền túc là khê biết tuyên-truyền. Khiê biết tuyên-truyền túc là khê biết lâm km.

T I N T U C

Thang 6 vua rồi, kông nồng Fi-li-pin khai toé 1 quâc đại biểu đại hội, đại biểu cho 45.000 kông nồng. Bên kông nhan thi ko kác hôi thò in, thò mõe thò zây, thò kup, thò chai, thò non, thò xe lúa, thò lâm thuoc, thuỷ-thú, bòi bếp, xô-fò. Lại ko'

¹²
Thanh-niên lao động hôi. Bên zân kày thi ko kông hôi 8 tinh. Hôi fán-dòi d.q.c.n, đại đồng-minh kung ko' tham za. Hôi ày thông qua máy ngi an:

- 1/Mi-li-pin hoán toàn độc lập,
- 2/Tổ chức 1 đảng chính trị kua kòng nồng
- 3/Hôi za nhâp Kong-hôi Quâc tâ' dô
- 4/Fán dòi d.q.c.n, chiến tranh 18n thí hai
- 5/Ung hộ Xô Nga
- 6/Tịch ký bạn đại dia chủ
- 7/Zúp dòi thât nghiệp kông nhân
- 8/Pi hò mõe, thò mõe, dàn bá và trẻ kon, v.v.

Thang 7 vua rồi, tất ká đại biểu cho kinh nhà moi den ben chau Fi va chau My khai toàn chung¹³ lao động dai biểu đại hội.

Hien nay, 40.000 kông nhân may soi ở Pap, va 5.000 kông nhan may soi ở Thượng-hai bả kông.

??? Kau hoi ???
May, đồng chí!
Hôm nay đã lâm dưới việc xí
kó iich xóp cho Bang chua?

(Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, Việt Nam)

NĂM 1931

1
9
3
1

SECRET

a qui la FUSION des ASSOCIATIONS ANTIFRANCAISES de l'IAS en INDOCHINE et l'ACTION DETERMINANTE de et, il avait laissé un discours-programme qui fut lu au Congrès par dans la CREATION du PARTI NATIONAL venu de Paris à Moscou COMMUNISTE ANNAMITE

qui fut arrêté pour assister aux travaux du Congrès.

Il y a lieu de penser que NGUYEN AI QUOC

n'est pas venu directement de Russie au Siam mais qu'il s'est arrêté en cours de route, notamment à Berlin.

La Sûreté Générale Indochinoise a recueilli récemment, de bonne source, certains renseignements d'intérêt rétrospectif qu'il est utile de noter parce qu'ils contribuent à faire la lumière sur la genèse des incidents dont l'Indochine a été le théâtre depuis plus d'un an.

Le fait capital est l'arrivée secrète en Annamite (Việt-Nam Cach-Minh Thanh-Niên Hồi). Mais il

Extrême-Orient, dans le courant de l'année 1928, de communiste tendance rétrograde au regard de l'

l'agitateur NGUYEN AI QUOC dont la présence au Siam devait être l'occasion de cette association et de restée ignorée pendant plus d'une année des groupes de jeunesse révolutionnaires qui lui étaient proches.

HO TUNG MAU, etc ...

NGUYEN AI QUOC aurait quitté la Russie à l'insu de tous ses camarades et serait venu s'établir au village annamite de Ban-Dong près Pichit, sous le toit de l'ancien révolutionnaire Võ TUNG, dit LUU KHAI HONG, dit Ông SÁU, à qui il a fait la recommandation expresse de ne point déceler sa présence.

Le fait est certain que NGUYEN AI QUOC

(1)- Cf. cabogrammes Nos 840 du 12 septembre 1928 de

Colonies et 1232 du 1er octobre suivant de Gougal.

739

Báo cáo năm 1931 của Cơ quan an ninh Pháp về quá trình sáp nhập các hội đoàn chống Pháp tại Đông Dương và quyết tâm thành lập An Nam Cộng sản Đảng của Nguyễn Ái Quốc (từ tháng 7/1928 đến tháng 12/1930) (Bản gốc thiếu trang 11)

- 2 -

- 3 -

- 2 -

Cette analyse dressée dans le plus a quitté la Russie avant la tenue du 6^e Congrès de l'IAS, au mois de juillet 1928. Avant son départ, il avait laissé un discours-programme qui fut lu au Congrès par un étudiant annamite, nommé AN (1), venu de Paris à Moscou avec deux de ses compatriotes pour assister aux travaux du Congrès.

début du mouvement communiste en Indochine.

Il y a lieu de penser que NGUYEN AI QUOC

n'a pas venu directement de Russie au Siam mais qu'il s'est arrêté en cours de route, notamment à Berlin

siège central de la Ligue contre l'Impérialisme et l'Oppression Coloniale.

NGUYEN AI QUOC vient en Extrême-Orient

pour militer et se rendre compte des possibilités de bolchevisation de ses compatriotes. Il est déjà le créateur de l'Association des Jeunesses révolutionnaires

annamites (Việt-Nam Cach-Minh Thanh-Niên Hồi). Mais il connaît les tendances rétrogrades au regard de la

doctrine marxi-léniniste de cette Association et de ses dirigeants. C'est ce qui explique qu'il ait d'abord

laissé ceux-ci dans l'ignorance du travail qu'il va

accomplir au Siam.

Bien qu'aucune preuve testimoniale ou documentaire ne soit encore venue appuyer cette hypothèse, nous pouvons penser que ce travail a dû consister à endoctriner un très petit nombre de camarades,

à porquer retrouvés au Siam ou qu'il a fait venir de la province de Vinh, du huyễn de Nam Đàn dont il est originaire.

Dès lors, l'Amnam comptait 2 000

adhérents antifrançais réunis à l'Association des

(1)- Cf. cabogrammes Nos 840 du 12 septembre 1928 de

Colonies et 1232 du 1er octobre suivant de Gougal.

740

1
9
3
1

- 3 -

Cette phalange dressée dans le plus grand secret a fourni les cadres directeurs de l'agitation communiste commencée au Nghê An dès le mois de décembre 1925. Nos services d'information n'en ont rien su. La virulence et la parfaite orthodoxie léoniniste des méthodes mises en pratique à Vinh dès le début du mouvement confirment que l'animateur de ce mouvement a été un militant très imbu de l'enseignement de Moscou.

(APPROUÉ PAR LE COMITÉ CENTRAL DU PARTI COMMUNISTE INDOCHINOIS)
Le bruit a été recueilli à Vinh qu'un "homme de Russie" était venu sur place. On peut admettre que NGUYỄN ÁI QUỐC a pu pénétrer dans cette province en venant du Laos siamois à une époque qu'il n'est pas possible de fixer. Légalement les plus avancés de leur Asso. Quoi qu'il en soit de l'importance des résultats de son activité pendant son séjour au Siam, le rôle de NGUYỄN ÁI QUỐC apparaît surtout au premier plan comme "plénipotentiaire" de l'Internationale Communiste à dater de l'appel qu'il a reçu au mois de novembre 1929 de ses camarades révolutionnaires de Hongkong.

Avant d'aborder le sujet ayant trait à l'action de NGUYỄN ÁI QUỐC, il est besoin de retracer rapidement l'évolution des menées antifrançaises en Indochine depuis l'époque à laquelle NGUYỄN ÁI QUỐC a perdu à peu près tout contact avec ses compagnons de lutte en Extrême-Orient.

Déjà, en 1927, l'Annam comptait 2 Associations antifrançaises rivales : l'Association des Jeunesse révolutionnaires (Việt-Nam Cach-Mệnh Thanh-Nien résidan-

personne de NGUYỄN ÁI QUỐC qui jouit d'un prestige incontestable

741

- 4 -

incontestable aussi de tous les révolutionnaires. Niên Hồi) et le Parti révolutionnaire du Nouvel Annam (Tân-Viết Cach-Mệnh Đảng). La première a connu au mois de mai 1929 le schisme rapporté dans des notes antérieures et qui a été provoqué au Congrès de Hongkong par les délégués communistes toninois qui ont constitué, aussitôt après leur rupture avec l'Association-mère, le parti avoué intitulé "Đồng-Dương Công Sản Đảng" (Parti Communiste Indochinois) lequel a pris pied fortement au Tonkin et en Annam. Devant les progrès faits par le "Đồng-Dương Công Sản Đảng" les dirigeants de l'Association Thanh-Nien se sont vus dans la nécessité de créer à leur tour un Parti secret composé des éléments les plus avancés de leur Association et intitulé Parti Communiste Annamite (An-nam Cộng Sản Đảng). Ce Parti Communiste Annamite a pris pied surtout en Cochinchine où il a travaillé parallèlement au Parti Communiste Indochinois et parfois en rivalité avec lui.

Entre temps, le Parti révolutionnaire du Nouvel Annam avait lui aussi créé dans son sein un groupement communiste secret intitulé "Đồng-Dương Công-Sản Liên-Đoàn" dont le travail s'opérait à la fois en Annam et en Cochinchine, dans ce dernier pays auprès des nombreux affiliés de l'Association NGUYỄN-NINH dont le chef est emprisonné depuis 2 ans.

Les dirigeants de l'Association Thanh-Nien résidant à Hongkong voyant en grand désordre les affaires de leur Association et fortement désireux d'y porter remède, virent le salut dans la seule personne de NGUYỄN ÁI QUỐC qui jouit d'un prestige incontestable

742

1
9
3
1

- 5 -

incontestable auprès de tous les révolutionnaires.

Ils décidèrent à la fin du mois de juillet 1929 d'en appeler à lui et d'envoyer en Russie, pour le ramener à Hongkong, le camarade LÊ LỢI, alias LÊ DUY BIỂM, car les dirigeants de l'Association Thanh-Niên en sont toujours, à cette époque, à ignorer la présence de NGUYỄN ÁI QUỐC au Siam.

Les circonstances ont fait que l'Annamite CAO HOÁI NGHĨA, dit VĂN, venu depuis peu de Ban-Dông (Siam) à Hongkong, a assisté à leurs entretiens touchant la recherche en Russie de NGUYỄN ÁI QUỐC. Devant la gravité de la situation et la décision prise par ses camarades, CAO HOÁI NGHĨA, ne se croyant plus tenu de garder le silence jusqu'ici observé, fit savoir que NGUYỄN ÁI QUỐC était depuis longtemps déjà réfugié au Siam.

LÊ LỢI fut donc dirigé sur ce pays mais ayant contrevenu aux règlements de l'Association Thanh-Niên, il n'eût pas le loisir d'accomplir sa mission et fut touché par une mesure de disgrâce peu de jours après son arrivée au Siam. La déchéance de sa qualité de membre du Comité Central exécutif de l'Association des Jeunesse révolutionnaires est notifiée aux affiliés du Siam et le séjour au Laos siamois est assigné à LÊ LỢI.

Ông SAU, alias VÕ TÙNG, dit LƯU KHAI HỒNG, chef des annamites révolutionnaires au Siam et représentant de l'Association Thanh-Niên en ce pays, a déplu aux dirigeants de l'Association. Tenant de l'ancienne

- 6 -

l'ancienne révolution de PHAN-BỘI-CHÂU, considéré justement comme professant des idées attardées, HỒNG SƠN et HỒ TÙNG MÃU décident de lui donner un successeur et de confier les affaires du Siam au camarade de confiance TRƯỜNG VĂN LÊNH. Celui-ci est alors dirigé sur le Siam et il est chargé d'approcher NGUYỄN ÁI QUỐC pour le décider à venir à Hongkong renouer des relations avec ses amis et mettre ordre à la confusion qui règne dans les Associations antifrançaises lesquelles ne sont séparées que par des questions de pure forme. Envoyé au Parti communiste TRƯỜNG VĂN LÊNH entreprend le voyage mais il semble que NGUYỄN ÁI QUỐC, peu convaincu par les raisons qu'il lui donne, sit mis longtemps avant de défrerer au désir exprimé par ses camarades de Hongkong car c'est seulement au mois de décembre qu'il se rend à leur invitation. Il est nécessaire d'ouvrir une nouvelle parenthèse pour suivre exactement le développement de l'action des Associations antifrançaises rivales. Dans le même temps que se déroulent les faits qui viennent d'être rapportés, le Parti Communiste Indochinois et le Parti Communiste Annamite recherchent, chacun de leur côté, leur affiliation à la III^e Internationale. Après le Congrès de mai 1929, les dirigeants de l'Association Thanh-Niên font tenir, dans ce but, à leur camarade LÊ HỒNG PHONG, étudiant à Moscou, les statuts modifiés de leur Association et le programme de son action avec prière de les soumettre à

744

1
9
3
1

- 7 -

à l'examen des bureaux compétents de l'Internationale Communiste. Cet examen a eu lieu et il a fait l'objet d'une critique raisonnée de l'Association Thanh-Niên, de ses buts, de ses tendances et de ses travaux. Les observations du Comintern ont été consignées dans un document intitulé "Critique du travail révolutionnaire en Indochine faite à Moscou en décembre 1929 par le Comité Exécutif de la III^e Internationale". Ce document se présente sous la forme d'un cahier d'une cinquantaine de pages dactylographiées. On en trouvera ci-joint en annexe le résumé essentiel. Envoyé au Parti communiste français et diffusé parmi les Annamites affiliés au P.C.F., il ne semble pas que ce travail ait été transmis aux dirigeants de l'Association Thanh-Niên à Hongkong. Cependant, un exposé succinct leur en a été fait par LÊ HÔNG PHONG dans une lettre qu'il envoyait aux camarades de Hongkong au mois de décembre 1929 (I).

Archivé par le Bureau d'Orient à Canton sans être placé sous la dépendance de l'International Communiste à Shanghai

Le Bureau d'Orient (Đồng-Phương Chi-Bộ) de l'Internationale Communiste à Shanghai ayant décidé la création à Singapour d'une Fédération des groupements communistes de l'Insulinde et celle d'un Secrétariat de cette Fédération appelé à diriger et à contrôler les groupements du Pacifique, hormis les partis nationaux, il est décidé que les Associations Thanh-Niên, NGUYỄN ÁI QUỐC descendent dans un hôtel communiste

(I)- A cette époque LÊ HÔNG PHONG étudiait au K.Y.M.B. (Université Communale des travailleurs de l'Orient Twerskaia Ulissa à Moscou). Dang" traqué au Tonkin pour

745

- 8 -

par la Police et venu à Canton pour y bénéficier de communistes annamites relèveront de cette Fédération et de son Secrétariat.

Archivé par le Bureau d'Orient, agent de liaison de l'Association Thanh-Niên

Un inspecteur chinois de la Fédération de Singapour qui avait été envoyé à Shanghai pour traiter de cette question au Bureau d'Orient passe à Hongkong sur les entrefaites. Il s'abouche avec la section communiste chinoise du Kouang-Toung qui le met en rapports avec les membres de la cellule spéciale communiste annamite "Đắc-Biệt Chi-Bộ". Il expose les vues et les décisions du Bureau d'Orient à ceux-ci qui ne s'en déclarent pas satisfait. HÔNG SON envoie donc à Shanghai, au bureau d'Orient, le camarade LÊ QUANG ĐẠT qui est chargé à la fois d'exposer les aspirations annamites et de travailler les compatriotes civils et militaires employés sur la Concession française chaque jour davantage aux choses de l'Indochine. Les Annamites demandent que leur groupement soit considéré comme un Parti national relevant directement du bureau d'Orient à Shanghai sans être placé sous la dépendance de la Fédération de Singapour.

Archivé par le Bureau d'Orient à Canton sans être placé sous la dépendance de la Fédération de Singapour

Les choses en sont là au mois de décembre 1929 quand NGUYỄN ÁI QUỐC se décide à quitter Singapour depuis son départ et juge alors qu'il a plus le Siam, obéissant tardivement au désir de ses camarades de maison de travai... pour faire tout ce qu'il peut utiliser des exprimé par TRƯƠNG VĂN LÊNH. Sa méfiance est telle qu'il se dirige tout d'abord sur Canton sans s'arrêter

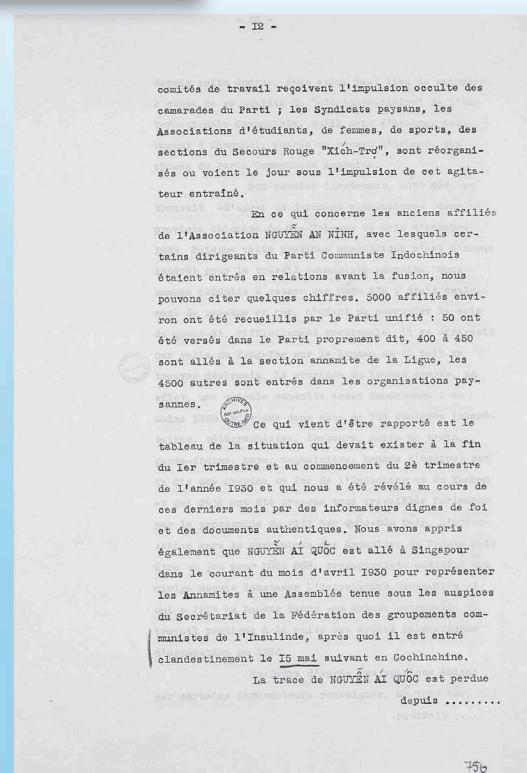
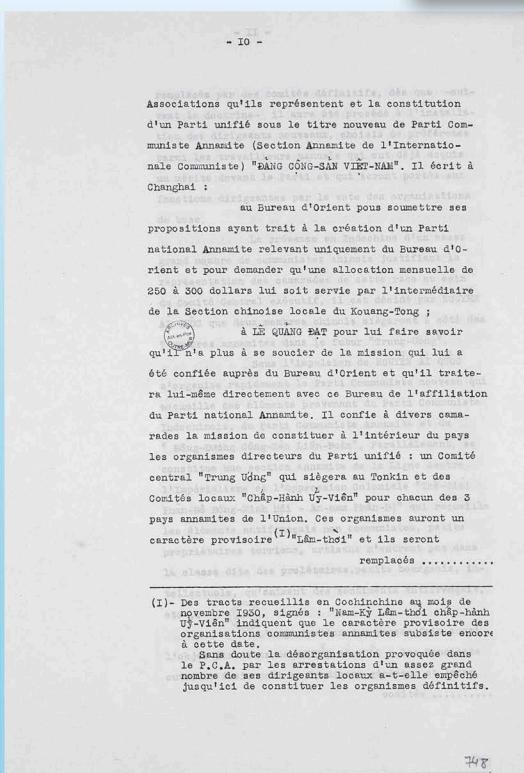
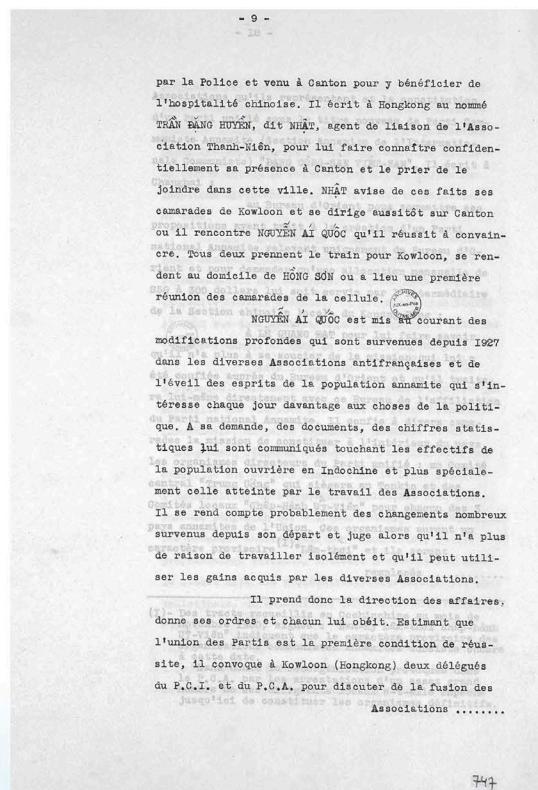
Archivé par le Bureau d'Orient à Canton sans être placé sous la dépendance de la Fédération de Singapour

à Kowloon (Hongkong) ou résident ses camarades du Thanh-Niên. NGUYỄN ÁI QUỐC descend dans un hôtel l'union des Partis de la ville, va voir certaines personnalités chinoises locales auprès desquelles il se fait passer pour un membre du Parti "Quốc-Dân Đảng" traqué au Tonkin

par

746

1
9
3
1



is cette époque. Nous avons tout lieu de supposer, d'après sa qualité de "plénipotentiaire" de l'In-
stitution Communiste, qu'il doit s'occuper acti-
vement à Changchun, auprès du bureau d'orient, des
affaires du Parti Communiste Annamite.

Son premier lieutenant, HÔNG SƠN, se
trouvait -d'après un document authentique- dans la
ville chinoise du Sse-Tchouen au mois d'octobre

Puisque cette province excentrique n'est d'aucun
intérêt pour le travail communiste annamite, nous
nous conduits à penser que HÔNG SƠN y était seule-
ment de passage et que, n'ayant pu emprunter la voie
Yang-Si, difficilement praticable, il se dirigeait
vers le Yunnan ou il doit se trouver désormais. La province du Yunnan compte, en
tout, une colonie annamite assez importante : au
total 1800 individus dont plus de 700 employés (acca-
démiques, géolographistes, facteurs, chefs de train,
c-e-freins, boys, magasiniers, hommes d'équipe) par
le réseau des Chemins de fer de l'Indochine et du Yunnan.
Il déja été très préoccupé tous travaillés fortement
la propagande du Viêt Nam Quốc-Dân Đảng. L'orien-
tation vers le communisme des Annamites du Yunnan doit
être un jeu pour HÔNG SƠN, propagandiste entraîné qui
depuis longtemps l'Association Thanh-Nien et
a fait au Kouang Toun -en Haïnan notamment- du
moral pratique à la suite des armées bolchevistes
occupation en 1925.

Toujours d'après des opinions émises par certains informateurs renseignés, HÔ TUNG MÂU, lui, pourraient

751

- 14 -

pourrait se trouver à Singapour. L'intérêt de sa présence en ce port s'expliquerait par l'existence du Secrétariat de la Fédération des groupements de l'Insulinde et aussi parce que Singapour est une escale importante pour les bateaux allant en France ou en revenant et qu'un travail délicat doit s'y accomplir auprès des navigateurs armantifs.

TRƯỞNG VÂN LỆNH doit poursuivre au
Siam son travail de direction.

Le camarade LÉ QUANG DAT qui faisait à Changshai un travail de noyautage parmi les Annaïmites civils et militaires de la Concession française ne semble pas avoir obtenu de grands résultats à cause de la vie en caserne des policiers indigènes et des difficultés d'accès dans les locaux qu'ils occupent. Aux derniers renseignements (14 décembre 1930) cet Annaïmite se disposerait à rentrer en Annam chargé d'une mission de confiance, probablement à lui confiée par NGUYEN ÁI QUOC. En son absence de Changshai, HÔ TÙN NAM devait assumer sa besogne.

A Hongkong, le boy PHAN ĐỨC est chargé des liaisons avec les navigateurs annamites et probablement aussi de la direction de l'association "Thân Ái" des bateaux et marins vietnamiens.

Hormis ces diverses personnalités du Parti Communiste annamite employées à l'extérieur, il semble que tous autres dirigeants s'adonnent à l'in-

Ayant obtenu la coordination des ef-

forts de tous, disposant peut-être de ressources et
de

de

752

- 15

de moyens nouveaux, NGUYEN AI QUOC et ses lieutenants ont pu faire progresser fortement depuis le commencement de l'année 1930 le travail antifrançais dans la Colonie. Ainsi s'expliquent les résultats partiels qu'ils ont obtenus au cours de l'année écoulée. L'intervention administrative a réussi dans une large mesure, à en détruire les effets, mais il faut craindre l'extension de l'agitation occulte pratiquée sous des formes diverses et tout particulièrement le travail "illégal" des masses par les "évang-chis" du Parti communiste annamite dont les effectifs auraient plutôt tendance à grossir. Il faut craindre enfin l'influence des Annamites retour de Russie où ils ont reçu une solide éducation théologique /

Brasil e o Brasil (1998)

■

753

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

THƯ GỬI QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Đồng chí thân mến,

1. Tôi đã nhận được bức thư ngày 25/4.
2. Đồng chí Tổng Bí thư đã bị bắt ngày 19 hoặc 20/4¹⁾.

Kể từ khi xuất bản tạp chí Cảnh sát, 7 trong số 101 người đã bị bắt. Vì vậy trong Ban Thư ký chỉ còn lại một công nhân trẻ tuổi.

3. Riêng ở Hải Phòng đã có 36 trường hợp bị bắt vào ngày 20/4 và 16 trường hợp bị bắt ngày 23/4. Điều đó nói lên rằng mọi hoạt động ở bốn địa phương đều bị lộ.

Một số đồng chí đã dùng súng lục chống lại cảnh sát. 1 đồng chí đã bị hy sinh và nhiều đồng chí khác bị thương.

4. Ngày 20/4, mấy tàu chạy hơi nước của chúng ta chờ để đón sinh viên lên tàu nhưng không có người nào đến. Có lẽ họ cũng đã bị bắt.

5. Ngày 29/4, một đồng chí phụ trách vấn đề thông tin liên lạc đã bị bắt. Vẫn chưa nhận được tin tức từ các đồng chí khác: khi nào có tin cụ thể hơn thì tôi sẽ báo cho đồng chí biết. Tất cả các mối liên hệ tạm thời bị gián đoạn. Hình như tạp chí Cảnh sát cũng lưu truyền ở đây. Tất cả những thanh niên Việt Nam ở đây đều bị kiểm soát và đã bị mật thám Pháp nhận dạng.

6. Nhiều tổ chức đảng ở địa phương đã bị giải tán, nhiều tài liệu quan trọng rơi vào tay cảnh sát. Chúng tôi sẽ phải tổ chức lại mọi việc. Chúng tôi sẽ trao nhiệm vụ này cho các sinh viên trở về nước. Nếu mọi việc diễn ra tốt đẹp, thì khoảng 2 tuần nữa 4 sinh viên sẽ có mặt ở đây. Tôi sẽ họp với họ.

7. Ngày 20/4, mọi biện pháp đã được sử dụng để ban bố thiết quân luật trên toàn đất nước chống lại các cuộc biểu tình ngày 1/5. Trường học và nhà máy sẽ phải nằm trong sự kiểm soát quân sự chặt chẽ.

8. Ngày 12/4, 55 nông dân đã bị giết trong cuộc diễu hành. Ngày 14/4, 80 người bị giết và ngày 20/4, 30 người bị giết. Bọn đế quốc đã quyết định ngăn chặn phong trào bằng tàn sát.

1) Có một dòng quá mờ, không đọc được (B.T).

Chúng tôi nên chỉ ra cho các đồng chí của mình kế hoạch đấu tranh cụ thể nào? Nếu chúng ta cứ để họ đi theo con đường đó thì sẽ rất manh động, nguy hiểm. Tôi sẽ đề nghị thêm rằng Quốc tế Cộng sản chỉ thị cho tất cả các tổ chức cách mạng của chúng ta tham gia với khẩu hiệu “Bảo vệ Đông Dương” cùng với những hành động: “Không can thiệp vào Trung Quốc”, “Không can thiệp vào nước Nga Xôviết”. Đặc biệt là Đảng Cộng sản Pháp và các tổ chức cách mạng khác sẽ tăng cường hơn nữa việc bảo vệ phong trào cách mạng ở Đông Dương.

9. Tôi không thể ký tên vào các bức thư vì tôi không có địa chỉ. Xin đồng chí hãy làm tất cả những gì có thể cho tôi. Tất nhiên, điều đó thật phiền phức. Vì điều kiện hiện thời, tôi luôn luôn phải viết cho đồng chí bằng phương pháp này và không phải lúc nào cũng viết cho P.O.B của đồng chí. Tôi đề nghị đồng chí sử dụng phương pháp viết thư tương tự. Nó có rắc rối nhưng an toàn hơn.

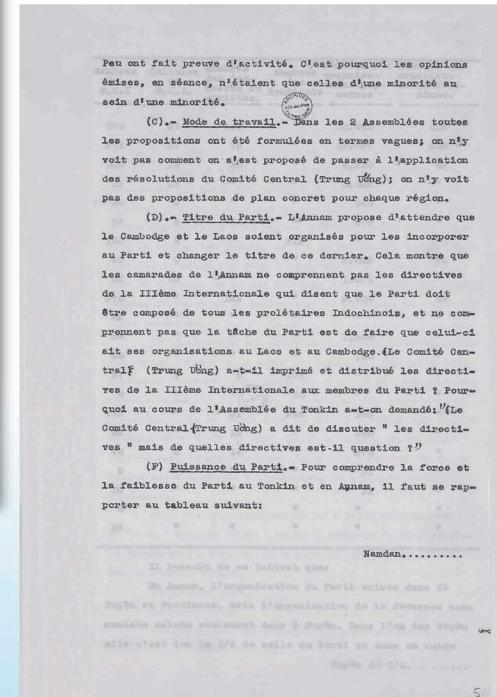
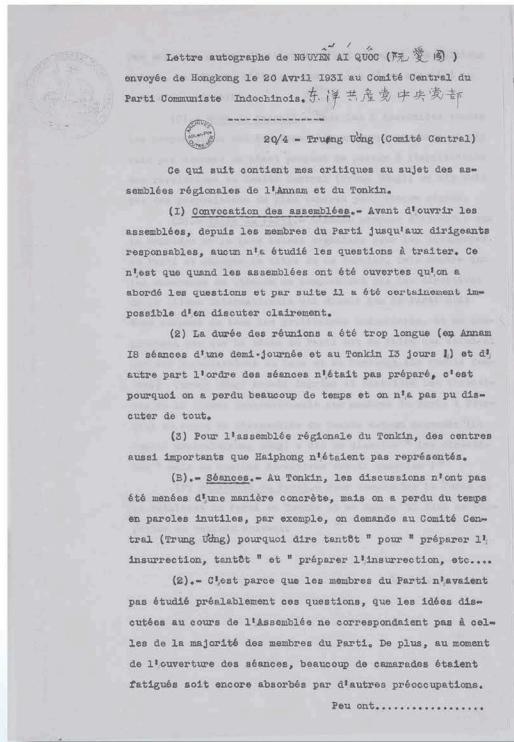
Gửi lời chào cộng sản.

VICTO

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.108-109.

1
9
3
1

1
9
3
1



Thư của Nguyễn Ái Quốc gửi từ Hồng Kông cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương phê bình Hội nghị Xứ ủy Trung Kỳ và Bắc Kỳ về "cách khai hội", "cách thảo luận", "vấn đề công tác", "vấn đề tên Đảng", "lực lượng của Đảng", ngày 20/4/1931

(Bản dịch tiếng Việt in trong Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.3, tr.87)

Huyện du I/4. (B).- Les femmes sont organisées seulement dans 5 Huyện; dans l'un des Huyện leur nombre est égal à la 1/2 et dans un autre au 1/9 du nombre des membres du Parti. (C).- Parmi ces 13 Huyện ou Provinces en question cinq possèdent des organisations paysannes très faibles. Dans une de ces localités, le nombre des paysans organisés est 2 fois 1/4 plus grand que celui des membres du Parti. (D) Les syndicats existent seulement dans une de ces localités, mais les ouvriers agricoles ne sont encore organisés nulle part. (E).- Dans la région (en Annam), il y a 16 Provinces, mais l'organisation n'existe que dans 5 seulement. (F).- Dans le rapport de l'Année, on ne dit pas quel est le nombre des femmes membres du Parti et de celles qui sont membres des organisations paysannes.

L'organisation est extrêmement faible au Tonkin. Dans une région industrielle comme le Tonkin, il n'y a que deux provinces possédant des syndicats, 4 endroits possèdent des organisations des Jeunesse, 5 possèdent des organisations paysannes; mais au total cela ne fait pas autant que l'organisation d'un Huyện de 4ème classe en Annam. En un centre politique et économique aussi important qu'Hanoï, il ne se trouve aucun militant à l'exception de quelques camarades dirigeants.

Pour les organisations de la " Ligue anti-impérialiste ", du " Secours Rouge " et de " chômeurs ", il n'en existe encore point dans les deux pays (en Annam, il existe un peu de Secours Rouge).

Je propose ceci:

Le Parti doit:

(I) Redresser les erreurs indiquées ci-dessus.

(2) Établir un.....

(2) Etablir un plan d'action concret pour chaque Huyện et chaque Province.

(3) Répartir les membres du Parti (comme les militaires répartissent les soldats). Que ceux qui sont responsables d'une région ou d'un travail quelconque soient en outre tenus d'établir un plan d'action pour chaque camarade ou chaque groupement.

(4) Des Comités doivent administrer et contrôler avec minutie l'application de ces plans de travail.

(5) Il importe avant tout d'unifier les " Jeunesse communistes " et les syndicats et de leur donner une vie indépendante.

(B).- Les directives de la IIIème Internationale et les résolutions du Comité Central (Trung ương), doivent être discutées par tous les membres du Parti et par toutes les cellules qui doivent prendre des résolutions sur les directives et résolutions susvisées. Leurs résolutions doivent être soumises au Comité Central (Trung ương) qui les transmet à la IIIème Internationale. C'est en procédant ainsi que l'on pourra élire le niveau des membres du Parti, que toutes ces directives et résolutions auront force d'application que l'idéologie et l'action des membres du Parti pourront être unifiées; que la 3ème Internationale connaît le niveau révolutionnaire des membres du Parti, et que la liaison depuis les cellules jusqu'au Comité Central (Trung ương) et à la 3ème Internationale, sera étroitement réalisée (telles sont les intentions de la 3ème Internationale).

M'oubliez pas d'envoyer!

(I) Les rapports de la Cochinchine

(2) Les rapports de l'Assemblée du Comité Central (Trung ương)

(3) Les rapports.....

(S) Les rapports sur l'organisation et l'agitation ouvrière.

J'ai traité ces 3 sujets dans ma lettre précédente.

2.- Notre connaissance (DUROC) n'est pas retournée par ce bateau.

3.- Des bateaux de la ligne Saigon-Singapour lesquels connaissez-vous? quelles personnes? donnez des précisions; ici on a intérêt à le savoir.

4.- J'ai entendu dire que l'on connaît un Français à bord d'un bateau des Messageries Maritimes, s'il est vrai (qu'il en soit ainsi), faites-le moi savoir.

5.- Quand vous verrez arriver un bateau, allez à bord, il est possible qu'il y ait quelqu'un qui rentre. Ah! Comment sont signalés les bateaux entrant au port.

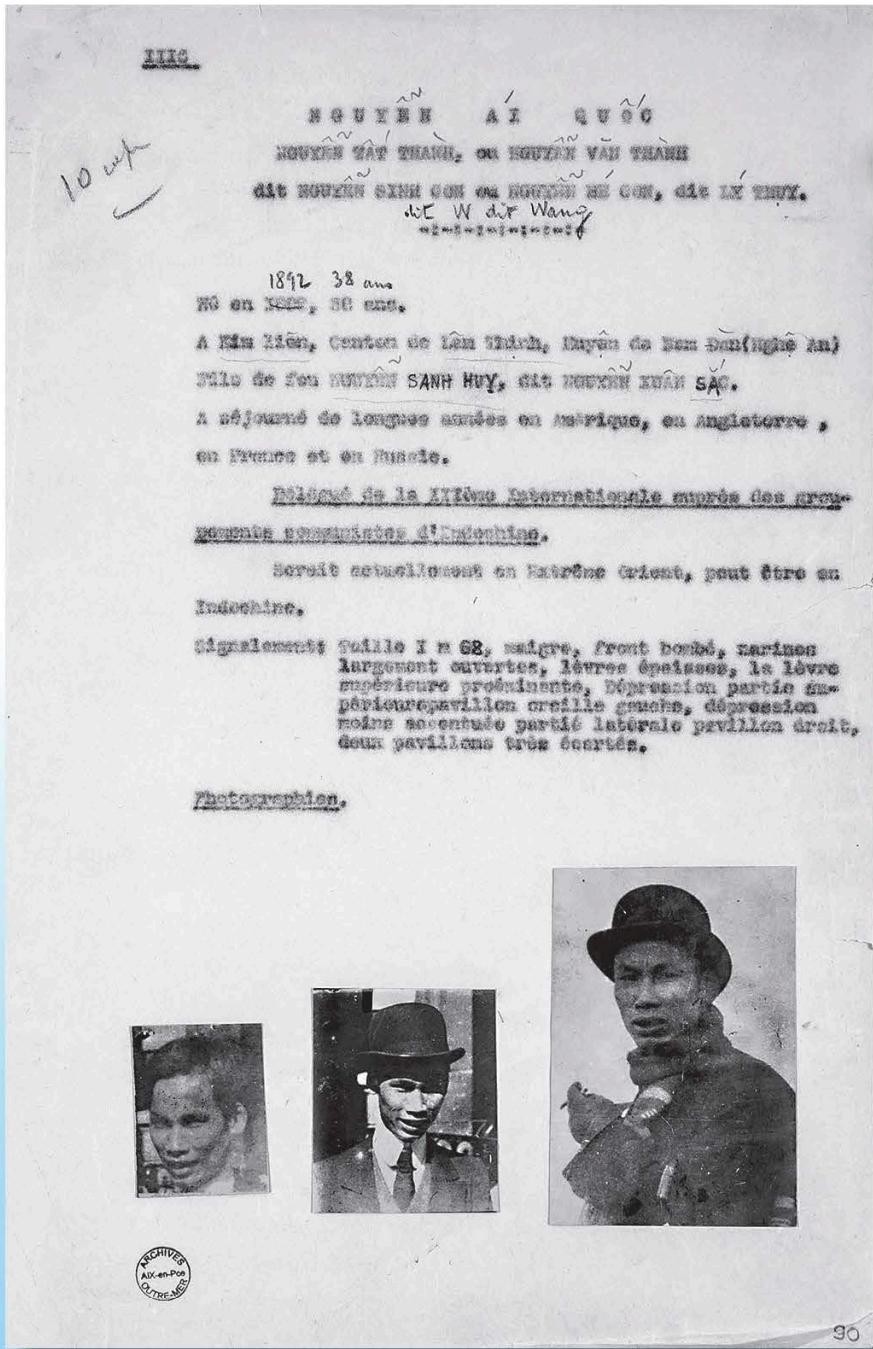
6.- Il y a quelqu'un de là bas (?) qui doit rentrer incessamment, quand il y aura un bateau qui rentrera (à partir du début de Mai) il faudra le faire prendre à bord. A bord du " Général Metzinger " il y a NGHIA, blanchisseur, il est possible qu'il ait quelque chose. N'oubliez pas d'aller le lui demander.

20/4



(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

1
9
3
1



Thông tin cá nhân và ảnh chụp dấu vân tay của
Nguyễn Ái Quốc, năm 1931

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

Le Journal
18 juin 1931

NGUYEN AI QUOC
créateur et chef du parti communiste indochinois est arrêté à Shanghai par les autorités anglaises

Dans le dernier discours qu'il a prononcé à Marseille avant de s'embarquer pour Saïgon, M. Pasquier, en parlant de la situation actuelle de l'Indochine et de la lutte engagée contre nous par le communisme, disait ceci :

Il y a quelque chose dans cette lutte qui dérange : c'est que les amis de la défense et ordre dispersés des nations d'Occident, il est une attaque unique provenant d'un front unique ayant des moyens scientifiques basés sur une connaissance psychologique des peuples, des classes, des races ; c'est la lutte de l'organisation scientifique contre les amateurs.

En effet, quand on a l'honneur d'être l'un de ces amateurs, il faut tout de même penser au danger et essayer de s'organiser. Je l'ai essayé et j'ai réussi. Je me suis rapproché de nos amis les amis, mais, à ce moment-là, les Anglais étaient. Tous ressentent le même mal, tous en souffrent ; ils ont compris la nécessité d'un front commun.

Cette organisation d'un front unique a donné des résultats importants. Des nouvelles de source anglaise nous apprennent, en effet, que deux arrestations viennent d'être opérées à Shanghai, qui intéressent au plus haut point le mouvement communiste en Indochine : il s'agit d'un Francilien nommé Lefranc et de Nguyen Ai Quoc.

Lefranc, affilié à la troisième Internationale, agent de liaison avec Moscou, a joué un rôle important dans tous les mouvements qui se sont produits tant en Indochine que sur les possessions anglaises.

Quant à Nguyen Ai Quoc, créateur et chef du parti communiste indochinois, il est connu des lecteurs du *Journal*. Ils savent que cet Annamite, après avoir séjourné à Paris, se rendit en Chine où il fonda le premier parti révolutionnaire indochinois. Il alla ensuite à Moscou où il fut accueilli avec empressement. Il fit venir près de lui ceux qu'il considérait les mieux doués parmi les élèves de Canton et les plaça à l'école Staline.

Lors des sanglants événements de Ha-Tinh, le parti communiste subit des pertes fort lourdes. La situation devint si grave que les comités révolutionnaires de Chine tinrent un congrès à Shanghai à la suite duquel ils décidèrent de faire appel à Moscou.

Les Soviets donnèrent l'investiture au parti communiste indochinois qui fut affilié à la troisième Internationale. Douze des trente-quatre élèves de l'école Staline furent expatriés en Indochine. C'est à leur initiative que sont nées les derniers mouvements de Quang-Ngai et de Nghe-Tinh. Le *Journal* a annoncé que sur les douze envoyés de Moscou huit furent arrêtés.

Il est probable qu'on fit un nouvel appel à Moscou et que le chef du parti, Nguyen Ai Quoc, jugeant la situation inquiétante, s'en vint lui-même à Shanghai se rendre compte de ce qui se passait et aviser aux mesures à prendre. Il ne vint pas seul, car, d'après des renseignements sérieux d'autres communistes notoires auraient été arrêtés en même temps que lui.

Ces captures sont pour l'Indochine d'une extrême importance. Le mouvement communiste va, pour quel temps du moins, se trouver paralysé.

JEAN TOURÉNE.

NGUYEN AI QUOC



782

Báo *Le Journal* đăng tin "Nguyễn Ái Quốc - Người sáng lập và lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương bị bắt tại Thượng Hải (Trung Quốc) bởi chính quyền Anh", ngày 18/6/1931

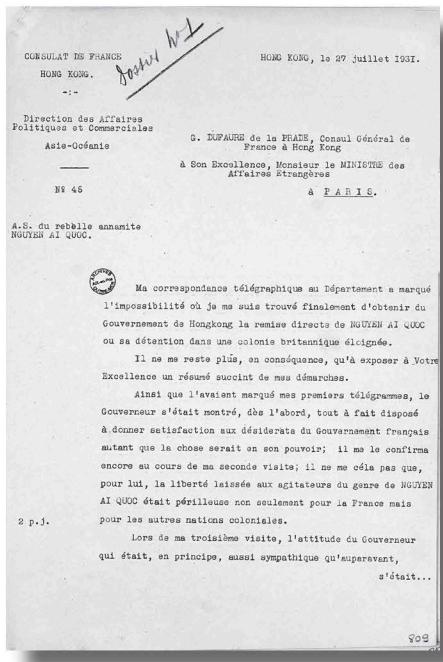
(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

414

HÀNH TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

Báo *L'Humanité* đăng tin "Người Anh bắt giữ nhà cách mạng An Nam - Nguyễn Ái Quốc", ngày 19/6/1931

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)



CONSULAT DE FRANCE
HONG KONG. *Yves N.*
Direction des Affaires Politiques et Commerciales
Asie-Océanie
G. DUFUAURE de la PRADE, Consul Général de France à Hong Kong
à Son Excellence, Monsieur le MINISTRE des Affaires Etrangères
N° 45 à PARIS.
A.S. du rebelle annamite
NGUYEN AI QUOC.

Ma correspondance télégraphique au Département a marqué l'impossibilité où je me suis trouvé finalement d'obtenir du Gouvernement de Hongkong la remise directe de NGUYEN AI QUOC ou sa détention dans une colonie britannique éloignée.
Il ne me reste plus, en conséquence, qu'à exposer à Votre Excellence un résumé succinct de mes démarches.
Ainsi que l'avais marqué mes premières télégrammes, le Gouverneur s'était montré, dès l'abord, tout à fait disposé à donner satisfaction aux désiderats du Gouvernement français autant que la chose serait au son pouvoir; il me confirma encore au cours de ma seconde visite; il ne me cöla pas que, pour lui, la liberté laissée aux agitateurs du genre de NGUYEN AI QUOC était périlleuse non seulement pour la France mais pour les autres nations coloniales.
Lors de ma troisième visite, l'attitude du Gouverneur qui était, en principe, aussi sympathique qu'apérevent, s'était...
2 p.j.

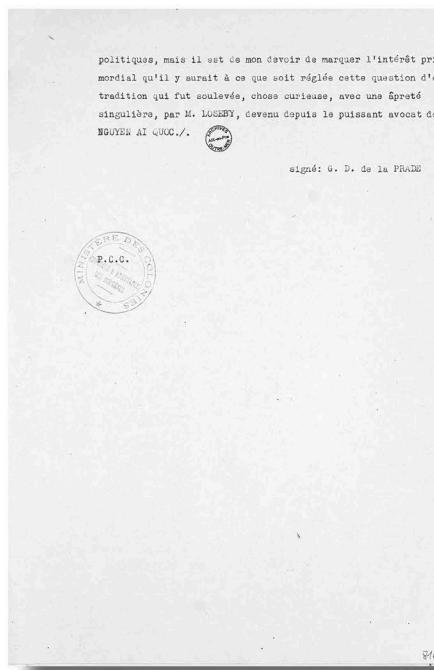
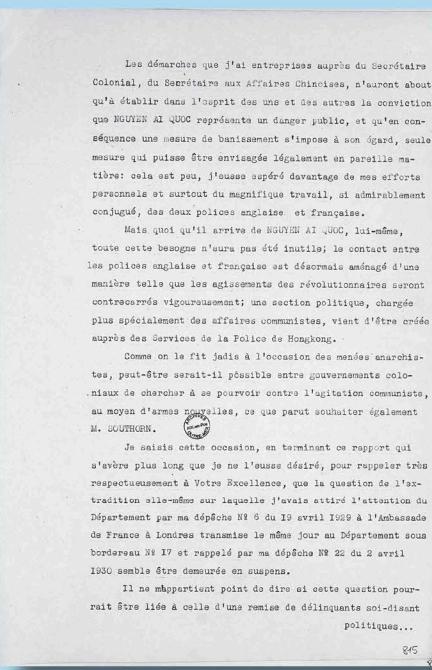
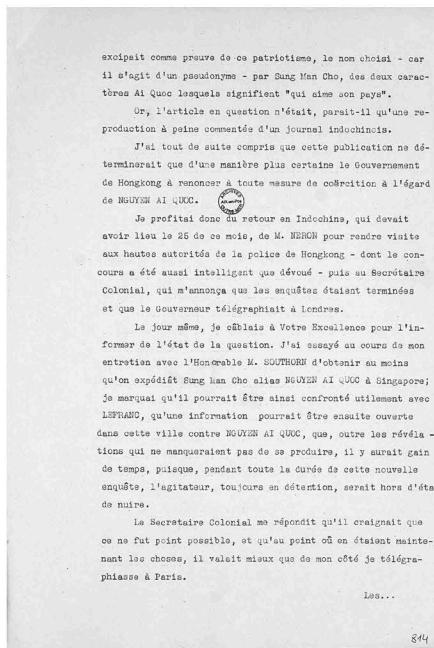
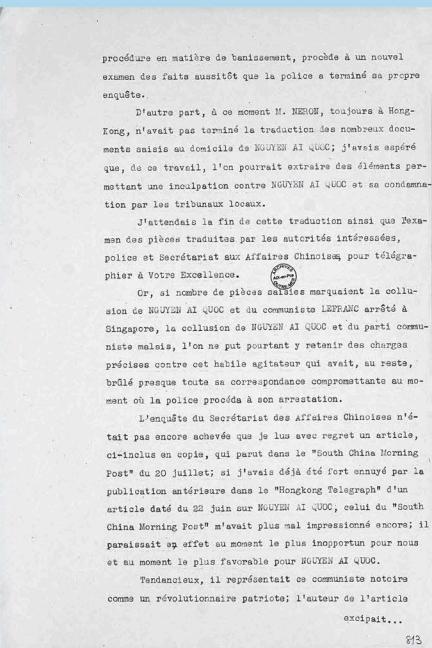
s'était modifié sous l'influence des conseillers juridiques qu'il avait consultés sur la légalité de la mesure que je lui avais demandé sur les instructions de Votre Excellence de vouloir bien prendre, en l'occurrence, en faveur de l'Indochine française. Sir William Peel ne me cache pas qu'il était très embarrassé depuis que les juges lui avaient déclaré qu'il ne saurait consentir à une remise directe laquelle équivaudrait à une extradition déguisée, ni à une détentioen porlorée, soit à Hongkong, soit dans une autre colonie anglaise, détentioen qui, n'étant pas et ne pouvant pas être la conséquence d'une condamnation, constituerait un abus de pouvoir pur et simple.
Je lui fis alors remarquer que, lorsque le Gouverneur de Chanderneau autorisa l'opératioen contre les terroristes indiens, il était évident qu'il ne s'agissait pas en l'espèce d'un acte absolument légal.
Il me répondit non sans raison que la situation était différente dans les deux cas, que NGUYEN AI QUOC se trouvait en état légal d'arrestation, qu'il avait au surplus constitué avocat; de ce fait, ne possédant plus son entière liberté d'action, il me demanda s'il ne nous serait pas possible de faire arrêter NGUYEN AI QUOC à Shanghai au cas où il serait -ce qu'il me promettait pas- expulé vers cette destination.
Je lui répondis que mon Département m'ayant prescrit de solliciter une remise directe ou l'envoi dans une colonie éloignée, je ne pouvais envisager cette solution, qui présentait des risques, sans être assuré au préalable, de l'assentiment du Département; j'ajoutai qu'en surplus je devais avant de télégraphier à Paris, attendre le résultat de l'opération qui devrait être tentée éventuellement à Shanghai à l'encontre de trois autres communistes annamites, encore détenus...
R/0

détenu à Hongkong, et dont j'avais sollicité l'expulsion directe à destination de Shanghai.
Ces révolutionnaires dont l'un d'excellentes pris le nommé HO TSUNG MAU, deuxième lieutenant de NGUYEN AI QUOC, avaient été arrêtés à Hongkong à la fin d'avril; dès cette époque j'avais entrepris des démarches auprès de la police anglaise, afin - sachant l'extradition impossible - d'obtenir que ces communistes fussent dirigés sur un port où il nous était possible de procéder à leur arrestation; j'avais renouvelé cette demande au Gouverneur, lors de ma première entrevue au sujet de NGUYEN AI QUOC, en spécifiant que j'agissais de ma propre initiative et non sur des instructions du Département.
Or, ce ne fut que le 25 juin que j'appris, par la police anglaise à titre strictement privé et confidentiel que mes efforts avaient abouti: les trois communistes furent embarqués le 27 sur un navire japonais le "Suwa Maru" à destination de Shanghai; notre Consul Général dans cette ville, d'après avisé, fit procéder à l'arrestation des trois communistes dès leur arrivée dans ce port le 30 juin dernier.
Dès le 3 juillet, l'opération contre HO TSUNG MAU ayant échoué, je télégraphiai au Consul Général de France à Shanghai pour m'enquérir des chances que présenterait une nouvelle tentative, et pour savoir s'il était en mesure de me donner l'assurance sauf imprévu de mener également à bien une opération analogue contre NGUYEN AI QUOC.
M. KOUCHLIN, sans pouvoir évidemment me donner une assurance formelle, me cöla qu'il ne voyait pas de raison pour qu'un individu envoyé dans les mêmes conditions que HO TSUNG MAU et consorts ne put être arrêté.
J'avais décidé d'attendre avant de revoir Sir William Peel et de télégraphier à Votre Excellence que les trois révolutionnaires...
844

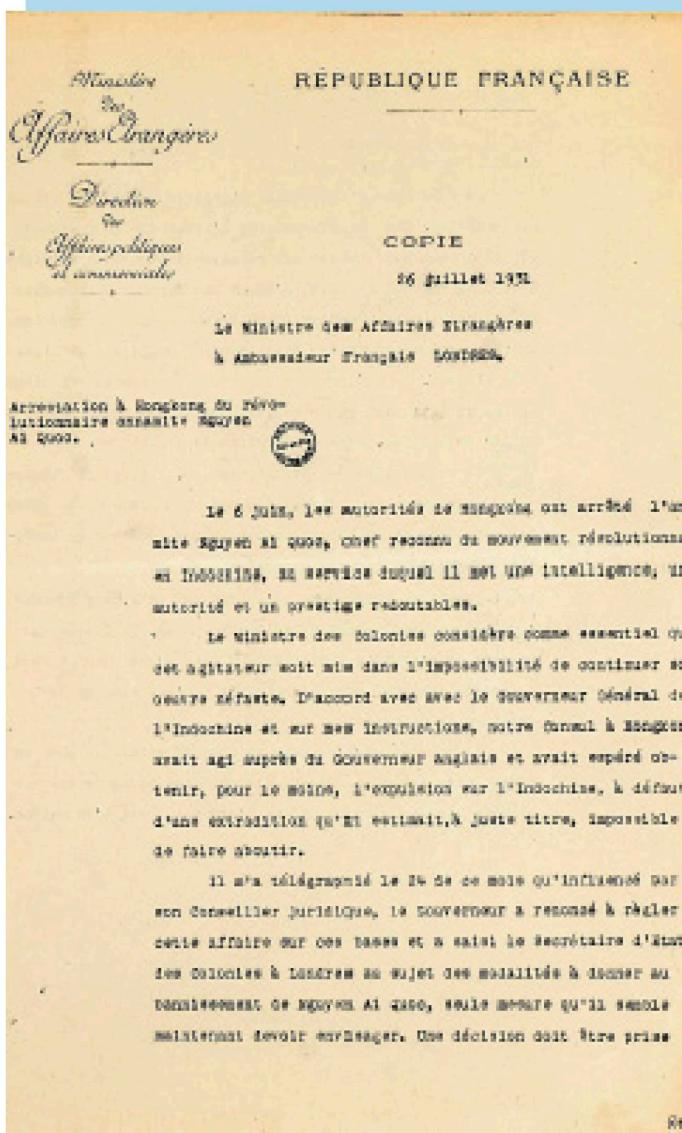
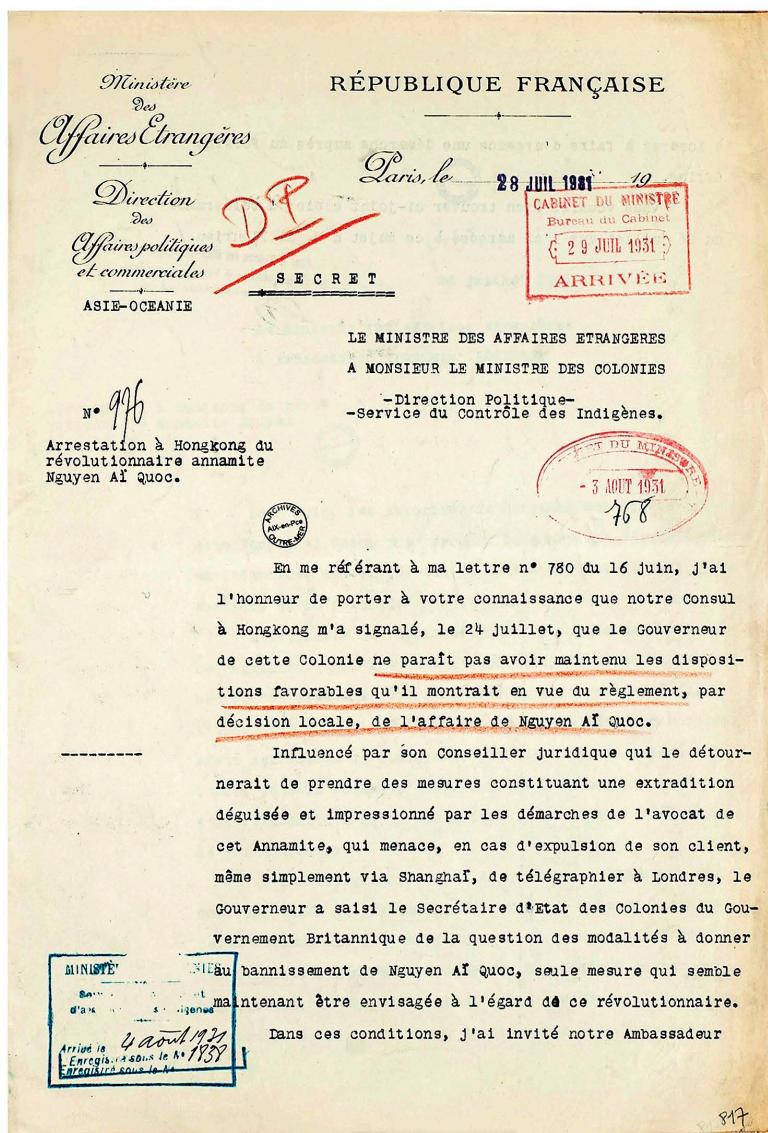
révolutionnaires arrêtés à Shanghai eussent, au cours de leur voyage de retour quitté l'escale de Hongkong; or ils ne purent être réexpédiés à destination de Saigon, que par le paquebot français qui toucha Hongkong le 21 de ce mois seulement.
Comme, en temps, j'avais appris de source sûre que NGUYEN AI QUOC avait entretenu avec avocat M. LUGSBY de ses craintes au sujet d'une arrestation éventuelle à Shanghai de ses trois partisans, je préférâi m'abstenir de parler du succès de cette opération au cours d'une quatrième visite que je fis au Gouverneur, le 13 juillet; je me contentai de lui remettre, en communication, un rapport détaillé, d'après mes directives, par M. HERON, Chef des Services du Secrétariat du Gouvernement Général de l'Indochine; le Gouverneur lut ce rapport devant moi, me faisant traduire les termes qu'il ne comprenait pas en français.
Après cette lecture, Sir William Peel ne me cöla point qu'en dépit des activités anti-anglaises et malgré le caractère international de l'action de NGUYEN AI QUOC, la remise directe de ce personnage ne pouvant être envisagée; il m'opprit que l'avocat défenseur de ce communiste avait pris énergiquement l'affaire en mains et qu'il menaçait de saisir et le Gouvernement anglais et l'opinion anglaise; si l'on essayait de remettre directement ou indirectement son client aux Français; je crus comprendre que Londres d'ailleurs était déjà au courant de l'affaire, car Sir William Peel me déclara en conclusion qu'il devait célébrer un Scua-Secrétaire d'Etat aux Colonies, quand l'enquête serait terminée.
Or, je savais que le dossier de NGUYEN AI QUOC ne se trouvait pas encore à cette époque entre les mains du Secrétaire aux Affaires Chinoises, service qui, suivant la procédure...
845

Văn bản số 45 ngày 27/7/1931 của G. Dufaure de la Prade - Tổng Lãnh sự Pháp tại Hồng Kông gửi Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp báo cáo về diễn biến các sự kiện của vụ án bắt Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông

1
9
3
1



(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)



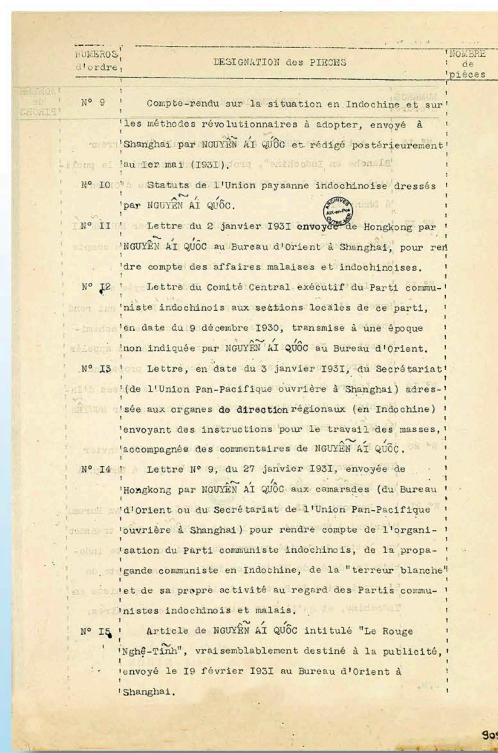
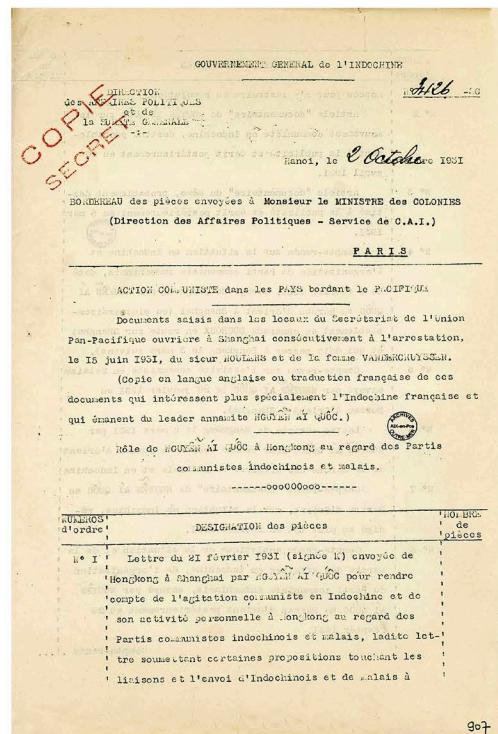
Văn bản số 976 ngày 28/7/1931 của Bộ Ngoại giao Pháp gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, Phòng Kiểm soát người bản xứ,

Cục Chính trị về việc bắt giữ nhà cách mạng người An Nam - Nguyễn Ái Quốc tại Hồng Kông

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

1931

1
9
3
1



NUMÉROS d'ordre	DESIGNATION des PIÈCES	Nombre de pièces
N° 2	Article "documentaire" de NGUYỄN ÁI QUỐC sur le mouvement communiste en Indochine, destiné probablement à la publicité et écrit postérieurement au 20 avril 1931.	1
N° 3	Article "documentaire" du même, probablement destiné à la publicité et écrit postérieurement au 5 mars 1931.	1
N° 4	Compte-rendu sur la situation en Indochine et l'organisation du Parti communiste indochinois, daté du 8 février 1931, envoyé de Hongkong par NGUYỄN ÁI QUỐC au Bureau d'Orient à Shanghai (ou plus vraisemblablement au camarade DUCROUX en route sur Shanghai et qui doit passer à Hongkong le 3 mars suivant).	1
N° 5	Compte-rendu sur l'activité communiste en Malaisie envoyé par NGUYỄN ÁI QUỐC le 28 janvier 1931 au Bureau d'Orient à Shanghai.	1
N° 6	Lettre envoyée de Hongkong le 2 mars 1931 par NGUYỄN ÁI QUỐC, pour rendre compte au Bureau d'Orient de la marche des affaires en Malaisie et en Indochine.	1
N° 7	Compte-rendu "documentaire" de NGUYỄN ÁI QUỐC au Bureau d'Orient, sur la situation en Indochine, rédigé au plus tôt en février 1931.	1
N° 8	Compte-rendu analytique de la situation et de la marche des affaires en Indochine, de l'organisation du Parti communiste indochinois, envoyé par NGUYỄN ÁI QUỐC au Bureau d'Orient postérieurement au 25 février 1931.	1
	Compte-rendu	1

908

NUMÉROS d'ordre	DESIGNATION des PIÈCES	Nombre de pièces
N° 16	Article de NGUYỄN ÁI QUỐC intitulé "La Terreur Blanche en Indochine", probablement destiné à la publicité, expédié le 19 février 1931 au Bureau d'Orient à Shanghai.	1
N° 17	Lettre, du 16 février 1931, envoyée par NGUYỄN ÁI QUỐC au Bureau d'Orient à Shanghai pour rendre compte de la marche des affaires en Indochine.	1
N° 18	Lettre N° 14, du 12 février 1931, envoyée au Bureau d'Orient à Shanghai par NGUYỄN ÁI QUỐC rend compte, en termes voilés, des conditions de l'échange sur Shanghai d'Indochinois et de Malais appelés à suivre à Moscou les cours des écoles de propagande.	1
N° 19	Lettre du 16 février 1931 traitant des choses d'Indochine et de Malaisie, envoyée de Hongkong par NGUYỄN ÁI QUỐC au Bureau d'Orient à Shanghai.	1
N° 20	Lettre non datée, mais postérieure au 27 janvier 1931, envoyée peut-être au Bureau d'Orient à Shanghai par NGUYỄN ÁI QUỐC.	1
N° 21	Rapport N° 13, du 12 février 1931, envoyé au Bureau d'Orient à Shanghai, par lequel NGUYỄN ÁI QUỐC transmet une lettre du Comité Central du Parti communiste indochinois, datée du 21 janvier 1931, rendant compte de l'organisation du Parti et de l'activité communiste en Indochine, et qu'il fait suivre de ses commentaires.	1
J.M.	Sur demande du Service Central de Propagande et de Secrétariat Général Signé : NGUYỄN	1

910

Phiếu gửi tài liệu số 3426-SG của Cơ quan Điều tra và An ninh - Cục Chính trị (tại Hà Nội) đến Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, Phòng Kiểm soát người bản xứ - Cục Chính trị (tại Pari) về tài liệu tịch thu được tại trụ sở của Tổng Thư ký Liên đoàn công nhân tại Thái Bình Dương ở Thượng Hải, trong đó có các tài liệu thể hiện vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với Đảng Cộng sản Đông Dương và Malaixia, ngày 2/10/1931

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

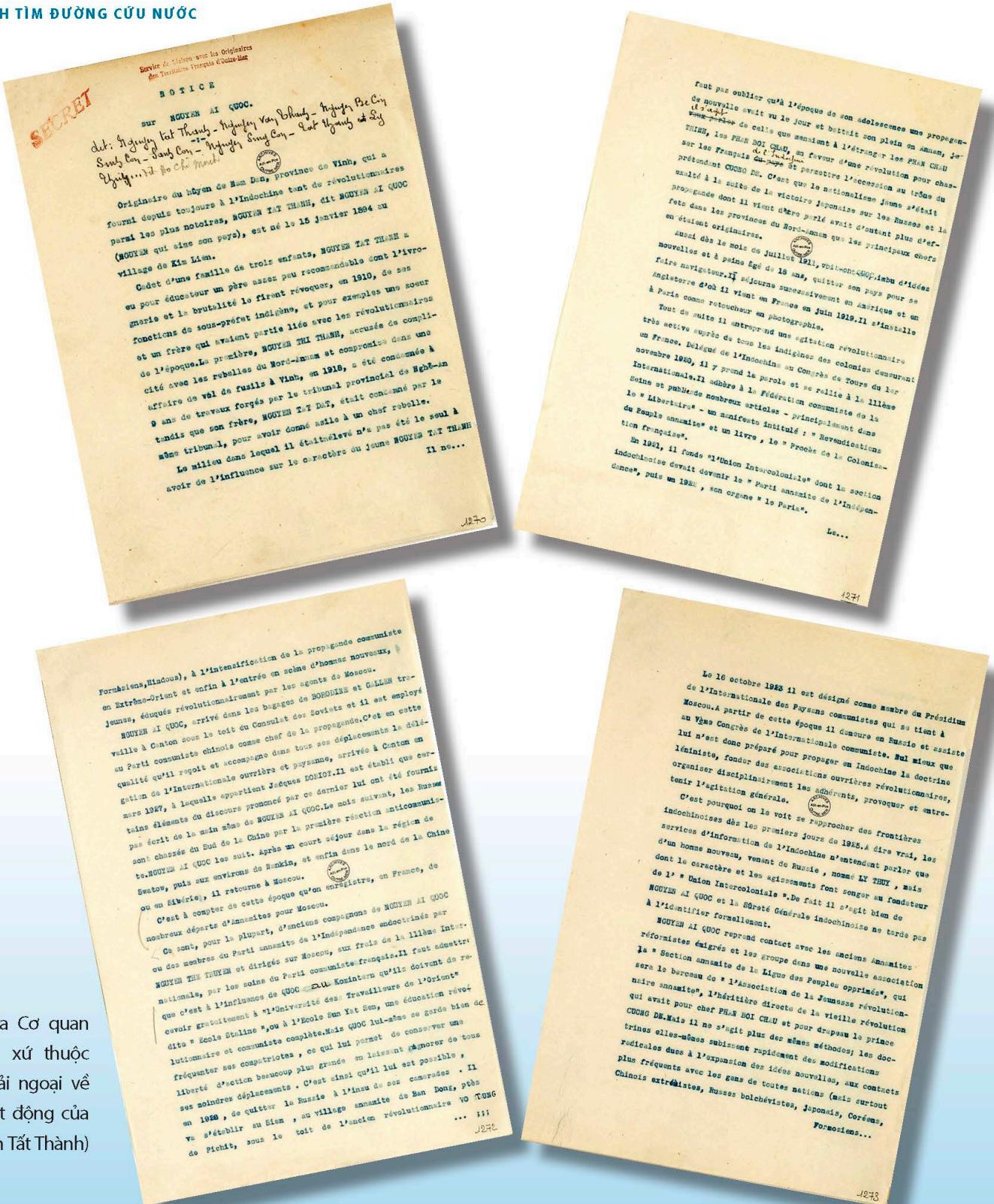
1
9
3
1



Ảnh chụp Tống Văn Sơ (Nguyễn Ái Quốc) do Cảnh sát Anh tại Hồng Kông cung cấp
năm 1931

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

1931



VO YUNO, plus connu sous le nom de VO KHAI HONG, à qui il a fait la recommandation expresse de ne point décler sa présence. Bien que l'épouse de son départ de Hanoi ne soit pas exactement connue, on peut la situer entièrement au sein de la ville de Hanoi, puisque le discours-programme qu'il a préparé pour le Vibes Congrès de l'International communiste est lu au dit congrès - mi-septembre 1958 - par NGUYEN VAN NHAT dit MINH. Bien entendu, au retour de HANOI AI NGOC les Extrême-Orient est de posséder la possibilité de bouleverser de ses tendances rétrogrades - au moins dans une association de la population urbaine et rurale - et d'abord

... rando consto des po-
sphères. Ces 1. s'est aperçu des
regard de la doctrine marxiste-léniniste - d'au-
l'autre, qu'il a fondé. C'est ce qui explique qu'il ait d'ab-
lui-même été dirigé du groupement dans l'ignorance du travail
qu'il va accompagner au Bia et qui consiste à encadrer un
très petit nombre de conserves, retrouvé au Bia, sur qu'il
faut venir de la province de l'Igho, de ce même moyen de faire don
qui est originalité.

Cette phalange, les autres directeurs de l'agitation dans la nuit, de décembre 1928. La partie orthodoxe déclina la méthode et fut arrêtée. Mais le début du mouvement continué en pratique, a été un militant très abusif que l'administration de Moscou. Dans cette époque, en juillet 1929, que les dirigeants du mouvement révolutionnaire armé, établis dans l'ancien territoire de l'empereur, à l'autorité de l'ONU, ont été arrêtés par l'ONU...

C'est à cette époque, parti de la Jeunesse révolutionnaire du sud de la Chine, veulent faire appel à l'aide des Américains...
de Moscou.

outre, il faut fusionner les syndicats ouvriers en syndicats généraux et réorganiser les syndicats paysans, les associations d'enseignants, de femmes, de sports, groupements destinés à être réunis en une "Union Générale des Syndicats Indochinois" qui sera affiliée à l'internationale Syndicale Rouge ou Frontiste. Au mois d'avril 1930 il se rend à Singapour pour représenter les Comités à une assemblée tenue dans les suspices du Secrétariat de la Fédération des groupements communistes de l'Indochine. Puis il s'installe à Hongkong où il ne quitte pas l'insécurité de délégué communiste de la libellule Internationale, il agit en chef ayant l'investiture et la confiance de Moscow. Il charge Le QUAND DAF de gérer à la cause communiste les tirailleur-soldats de Changsha et contre à ses plus sûrs collaborateurs, le chef d'orchestre l'agitation à l'intérieur. Cependant, il fait arrêter et dès le début de 1931 il lui faut propagandistes dénoués et dévoués. Il fait appel à

leur amitié
tous le soin d'entretenir.
tardent pas à se faire arrêter et os-
tent pourvoir au remplacement de huit propagan-
distes qui se sont insinués à Moscou et s'apprête à les faire en-
trer en Indochine, de Singapour et de Hongkong lorsqu'il est
apprehendu par la Police anglaise, ainsi que plusieurs de ses
compagnons. Il fait que son adresse à Hongkong a été découverte
sur Joseph BOURGEOIS, alias Serge LEPHURE, Inspecteur français
du Komsintex, arrêté à Singapour le 1er juin puis condamné à
la mort de prison par les autorités anglaises, contre qui
BOURGEOIS AI QDGC était en relations suivies avec tous les que-
lques-uns de l'élite Internationale en Extrême-Orient.
Le capture de BOURGEOIS AI QDGC complète la dimension des agents
d'Etat Major du Parti communiste unissant donc les principaux
membres ...

Joseph BOURGUIGNON, alias
Kontinen, arrêté à Singapour le
20 mai de l'année dernière, a été condamné à
soixante mois de prison par les autorités anglaises.
L'UNION SOVIÉTIQUE décline en relations publiques avec toute les agen-
tariats de la libelle Internationale en Extrême-Orient.
La capture de BOURGUIGNON par les autorités anglaises
l'est Major du Parti communiste ukrainien dont les principaux
membres ...

SOUTENIR AU QUOC pour procéder à l'unification des divers partis révolutionnaires à force communiste, dont l'influence s'exerce en Indochine. Ils se sont ouverts devant un des leurs qui connaît la présence de QUOC au Siam et le leur révèle. QUOC est sollicité de se rendre à Hongkong. Cependant il ne quitte pas le Siam en décembre suivant et ne se rend à Hongkong qu'après la grande prudence, après un court séjour à Ceylan. Il prend aussitôt la direction de la Chine.

Le Parti communiste de Malaisie (Section du parti communiste) au parti, par le Bureau central du Parti communiste malaisien, une élection manuelle, au sein de l'Union Internationale des groupements au Komintern, au sein de la Fédération de Singapour, c'est à dire du Parti communiste chinois. Il obtient satisfaction sur leur demande.

... et ceux de ses compatriotes qui ont terminé leurs études révolutionnaires et les envoie à l'intérieur du pays pour organiser la propagande et diriger les diverses organisations du Parti. En effet, il ne se borne pas à promouvoir l'émigration des adhérents dans le "Mouvement / Le comité d'émigration des adhérents de la Ligue contre l'impérialisme et l'oppression Coloniale et des sections du Secours Rouge". Il ouvre...

... 88

Les autorités françaises
membres sont actuellement arrêtés. Les autorités françaises
ont donc le plus grand intérêt à obtenir sa libération et pour-
suivent actuellement des tractations à cet effet.

HOUEZEN AI QUOC a été condamné à mort par décret, le 10 octo-
bre 1929, par le tribunal provincial de Vinh et la peine a été
commuée en celle d'etroverne forçée à perpétuité par le Conseil
du Code de la Cour d'Amiens. Sa comparution effective devant
les tribunaux de l'Indochine eurait un effet moral considérable

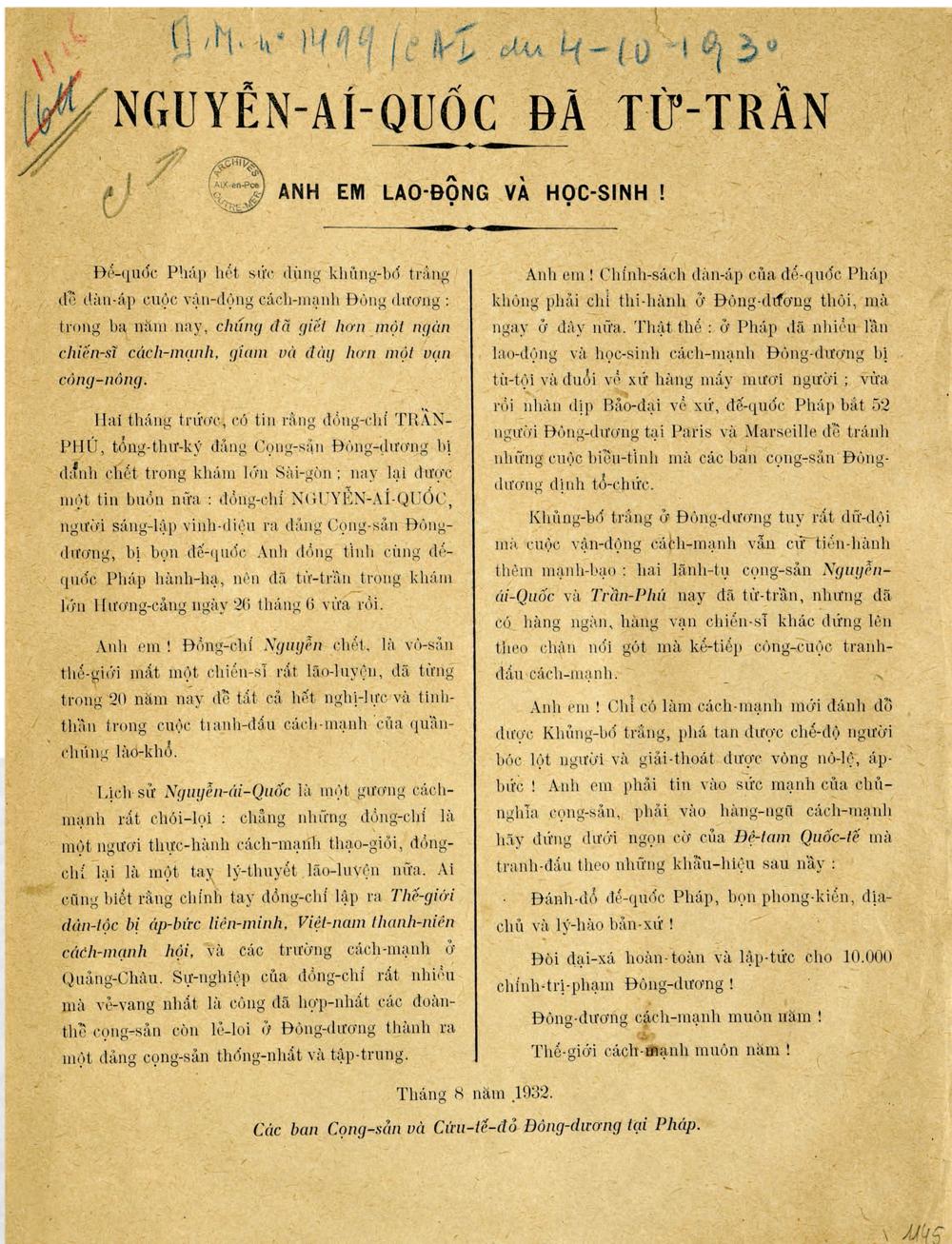
sur l'élément militant du Parti communiste annamite.

Le décret, le 10 octobre 1951, a fixé la peine à une réclusion de Vina, à perpétuité, par le Conseil d'Etat de la Cour d'Assises. Sa comparution affective devant les tribunaux de l'Indochine aurait un effet moral considérable sur l'élément militant du Parti communiste annamite.

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

NĂM 1932

1
9
3
2



Anh em ! Chính-sách đàn-áp của đế-quốc Pháp không phải chỉ thi-hành ở Đông-dương thôi, mà ngay ở đây nữa. Thật thế : ở Pháp đã nhiều lần lao-dộng và học-sinh cách-mạnh Đông-dương bị tù-tội và đuổi về xí-hàng máy mươi người ; vừa rồi nhân dịp Bảo-dai về xí, đế-quốc Pháp bắt 52 người Đông-dương tại Paris và Marseille để tránh những cuộc biểu-tình mà các ban cộng-sản Đông-dương định tổ-chức.

Khủng-bố trắng ở Đông-dương tuy rất dữ-dội mà cuộc vận-động cách-mạnh vẫn cứ tiến-hành thêm mạnh-bạo : hai lãnh-tụ cộng-sản *Nguyễn-ái-Quốc* và *Trần-Phú* nay đã tử-trần, nhưng đã có hàng ngàn, hàng vạn chiến-sĩ khác đứng lên theo chân nói gót mà kế-tiếp công-cuộc tranh-dấu cách-mạnh.

Anh em ! Chỉ có làm cách-mạnh mới đánh dò được Khủng-bố trắng, phá tan dược chế-dò người bóc lột người và giải-thoát dược vòng nô-lệ, áp-bức ! Anh em phải tin vào sức mạnh của chủ-nghĩa cộng-sản, phải vào hàng-ngũ cách-mạnh hãy đứng dưới ngọn cờ của *Đệ-tam Quốc-tế* mà tranh-dấu theo những khâu-hiệu sau này :

Đánh-dò đế-quốc Pháp, bọn phong-kiến, địa-chủ và lý-hào bẩn-xú !

Đòi dai-xá hoàn-toàn và lập-túc cho 10.000 chính-trị-phạm Đông-dương !

Đông-dương cách-mạnh muôn năm !

Thế-giới cách-mạnh muôn năm !

Tờ rơi tuyên truyền của các ban Cộng sản và Cứu tế Đỏ Đông Dương tại Pháp về việc Nguyễn Ái Quốc đã tử trấn, tháng 8/1932

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

1
9
3
2

Modèle L^{bis}

FICHE de REFERENCE à classer... <i>(1)</i> <u>Dossier N. A. Q. (IIIe)</u> <i>1116</i> <i>Le Thanh</i>	Série : VI Case : 3 Dossier : 6 Carton (Dossier personnel N° _____ au nom de : Chemise :
<small>ARCHIVES AUX EN-POS GOUVELLE</small> Concernant la communication de Lettre de Francsulat Hongkong à Gougal. N° 139 du 25 Novembre 1932.	
<p>ayant pour objet: EXTRAIT : "Sir William FEEL rentrant de congé a repris son poste.... Ne le connaissant, je lui devais une visite officielle. Je l'ai fait il y a trois jours. D'ordinaire ces sortes d'entrevues sont successivement formelles et très courtes. J'ai trouvé un homme très aimable..... Après les quelques banalités de début il a abordé "proprio motu" le sujet de Nguyen Ai Quoc. De mon côté, je n'ai pas cherché à dévier l'entretien. Il m'a raconté sans aucune espèce de réticence qu'il avait parlé de cette affaire à Londres pendant son séjour; qu'il avait exposé dans quelles difficultés se trouvait la colonie de Hongkong vis à vis de ces "criminels internationaux"; que l'observation stricte de la lettre des lois plaçait les polices du monde entier dans une situation inextricable. "J'exclus retrouve ici NGUYEN AI QUOC et l'Angleterre elle-même se refuse à le recevoir. Il faut en sortir et j'ai l'intention d'étudier et de faire des propositions d'ordre général pour les cas de cette espèce". J'ai saisi cette occasion pour lui dire que les cas du genre de celui de NGUYEN AI QUOC n'étaient pas les seuls à présenter des difficultés.</p> <p>..... Signé SOULANGE TEISSIER. dans l'original a été classé:</p>	
Case : Dossier : <u>N.A.Q. 1116</u> Carton : Chemise :	

(1) Pour les documents dont il n'a pas été fait copie.

Thư số 139 ngày 25/11/1932 của Soulange Teissier - Lãnh sự Pháp tại Hồng Kông gửi
Toàn quyền Đông Dương về Nguyễn Ái Quốc
(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

NĂM 1934

1
9
3
4

No 13/4

CONFIDENTIAL

QUESTIONNAIRE

No. N375 Date of arrival. 18/1

QUESTIONS.

1. Name (Last name first) - Nguyễn Linh

2. what CP and what organ of the CP delegated you to IL3? - Komintern

3. The date and place of birth - 7/4/1900, Huế

4. Nationality - Indochinese

5. Citizenship (Subject) - French

6. Social origin (Class) - Worker

7. Family situation (How many persons do you support) If you are married, does your wife work, her position, origin, Party status, and wages - No family, no income
Not yet married
No remuneration

8. Enumerate adult members of your family and their occupation - None

9. Are there any relatives in the USSR. Who are they, what is their occupation .Address. - None

10. Property ownership before joining the Party and at present if unemployed state how long and the reasons of unemployment. - None

11. Since when did you start earning your living? - 1912

12. Your profession, specialty and living working? - No specialty
None

13. What branch of industry are you well acquainted with and what kind of work can you do? - None
None
None

Tờ khai số 375 ngày 16/9/1934 do đồng chí Linh (Nguyễn Ái Quốc) viết về thông tin bản thân khi nộp hồ sơ cho Hội đồng xét tuyển của Trường Quốc tế Lênin

No. 13/4

14. General education - None

15. Party structure - None

16. What language do you know besides your own, in what capacity? - French, English, Chinese and Vietnamese
I can read and write French
I know Spanish, English, Chinese, Vietnamese

17. Were in any other country besides your own, in what country and when? - Spain, England, China, Siberia, 1910-1912

18. Did you serve in the Army? in what capacity. Do you have special military knowledge? - No

19. Were in war revolutionary armies (In the Red Army, in the Red Front Union etc.) - No

20. Were you in the White Armies, Fascists, or in Expeditionary corps etc - No

21. Where any of your relatives in the White Armies, Fascist Armies, Expeditionary Corps etc? If so, who are they and where are they? - No

22. Did you serve in the Intelligence Service, like, Detective Agencies etc. If so where and in what capacity? - No

23. Did any of your relatives serve or do their service in the Intelligences Service, Police, Detective Agencies etc If so where when and in what capacity? - No

24. Date of your joining the Party? - 1922 French CP, Spain

25. Date of your joining the YOL - 1924 Sea Sea

26. Did you belong to any other Party or Youth League before? If so what Party, when where and a detailed reason for leaving it? - No

27. Do you belong to any workers' mass organisations. If so to which and in what capacity? - No

1
9
3
4

+ 183 - 184

28. Did you participate (or sympathise) in any opposition grouping, factions etc within the Party. If so, what grouping and when? - - - - - *Nh - Kiem*

29. Were you ever censured. What was the reason (expulsion from the party) - - - - - *Nh - Kiem*

30. Were you ever up on charge, arrested. Were you ever sentenced? When where and for what reason. How long in prison. (Without stating in which prison and where) - - - - - *Ta, normm 2 rag - Yes, nearly 2 years.*
for communist work
for Kominist policy

31. Are you a member of the trade union. What union, where and title of your membership? - - - - - *Nh - Kiem*

32. Did you occupy any elective offices in the trade unions? Paid or voluntary offices? And what kind of offices? - - - - - *Nh - Kiem*

33. Did you participate in organising strikes, and other mass. If so in which capacity? *Organized colonial Union
People, con - gress, etc. to return to China, etc.
Pure, League of Oppressed Peoples in China, etc.*

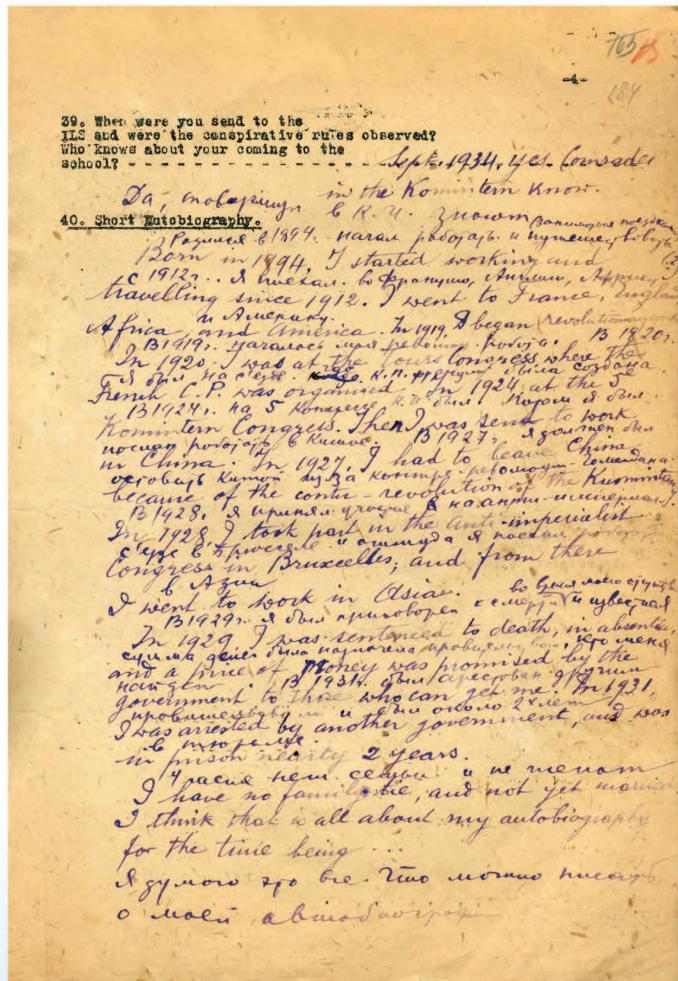
34. The last work you did in the Party before you were sent in the ILS (in details) - - - - - *Unified to L.C.P.
& C.A.P. Base: Naga*

35. Did you occupy any elective office in the Party? What kind, which and when? (Give details) - - - - - *"*

36. Which mass party work you have done? - - - - - *"*

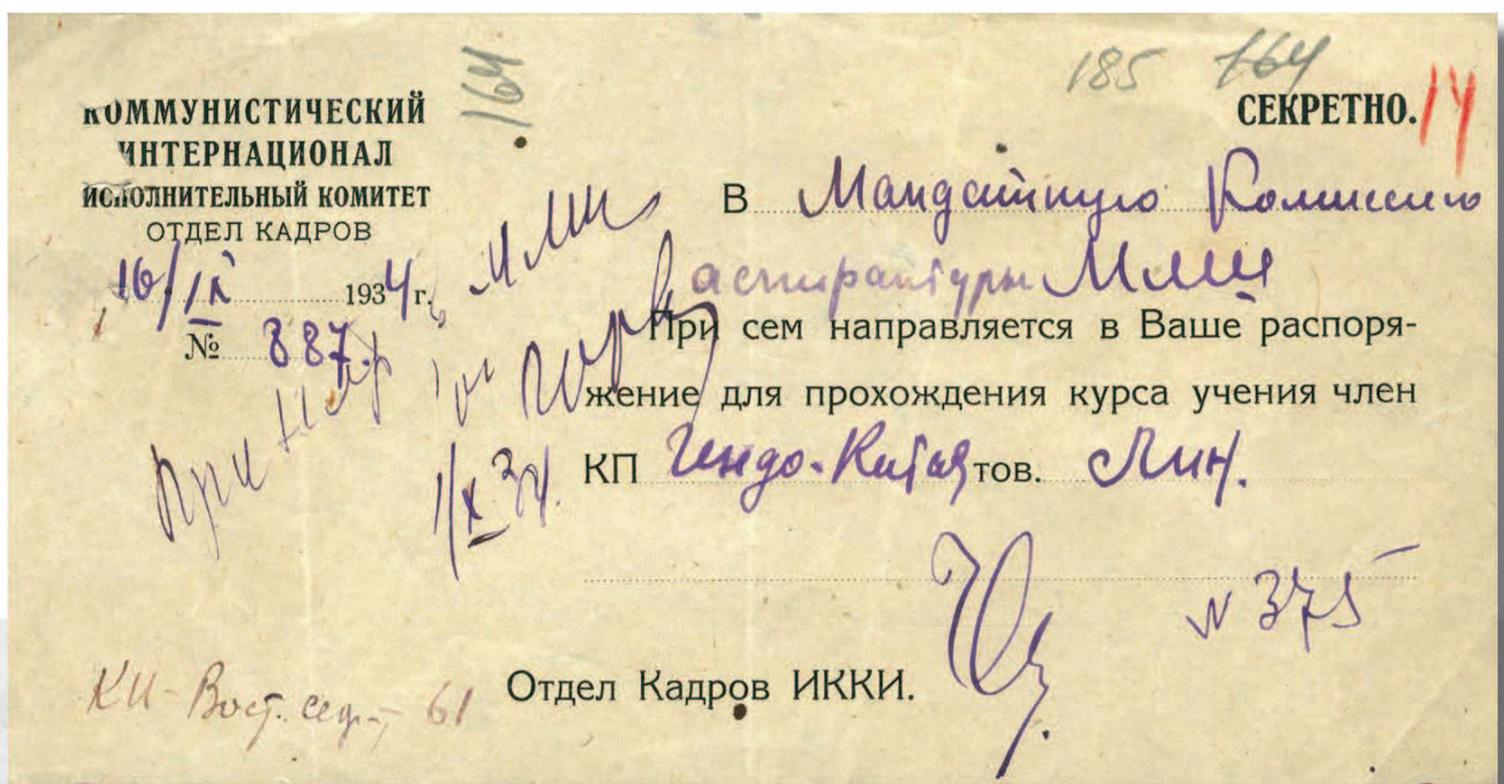
37. Have you carried illegal work on what scale and how long? - - - - - *Since 1924 - e 1824*

38. Did you participate in the unemployment movement and in what capacity? - - - - - *Nh - Blas*



(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)

1
9
3
4



Công văn số 887 ngày 16/9/1934 của Vụ Cán bộ, Quốc tế Cộng sản gửi Hội đồng xét tuyển nghiên cứu sinh Trường Quốc tế Lênin
về việc gửi đồng chí Lin (Nguyễn Ái Quốc) - thành viên Đảng Cộng sản Đông Dương tham gia khóa học

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)

Секретно.

1. Здешняя (школьная) фамилия и имя Лин

2. Настоящая фамилия и имя Юэн-иси-Квак

3. Партийные клички и псевдонимы (когда, где жил и работал под этими кличками)

4. Год и место рождения 1894 Нанкин

5. Национальность и подданство шаньцзян

6. Партийность Цено-Ком. КБ. с 1930. и КПК с 1920.

7. Профессия фотограф

8. Время приезда в СССР и какими документами 1934г. по паспорту

9. Место жительства и место работы или учебы 1934г. РУМВЗ.

Примечание: Был на аспирантуре в Университете

Отметка об исполнении

Thẻ thông tin về sinh viên Lin (Nguyễn Ái Quốc) viết tại Hội đồng xét tuyển

Trường Quốc tế Lênin, ngày 16/9/1934

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)

1934

1
9
3
4



Trường Quốc tế Lênin, nơi Nguyễn Ái Quốc đã học tập và nghiên cứu trong thời gian hoạt động ở Liên Xô

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
3
4

17/10/1936.

СПИСОК СТУДЕНТОВ 1934-35 УЧ. ГОДА.

СОВ. СЕКРЕТНО.

№	Фамилия, имя и отчество	Когда прибыл	Когда выбыл	
<u>АВСТРАЛИЯ.</u>				
1	81 РАЧАДОСН	1933	1935	
2	104 ВОЛЛ	"	"	
3	4217 ВАЛТАН	1935	"	
<u>АДСТРИЯ.</u>				
1	1878 ШЕРФранц	1932	1935	прокурор
77	ПЕЛЛЕБЕРГ Франц.	1933	1935	
79	БАУГЕР Франц.	"	"	
85	СИЛЛАРД Густав	"	1933	отозван до нач. зан.
95	ГРАУЛЬАН Ф.	"	1935	
95	БАУГЕР Альфред	"	"	в распор. секции
95	БАУГЕР Альфред	"	"	
98	ДУКОФ Эрнест	"	1933	не принят
99	ДУКОФ Эрнест	"	1935	
10	122 ПИК Франц	1934	"	
11	159 РИКЕР Мориен	"	"	
12	РЮДО Рихард	"	"	в секцию
13	БЕРНХАРД Франц	"	1934	не принят
14	168 ХОРВАТ С.	"	1935	
15	170 ЙАНК Вальтер	"	1934	в расп. КАМ'а
16	207 ХУДИШТЕРФ Франц	"	1935	
17	529 РОТ Альве	"	"	
18	4235 ОДБИН Тса	1935	"	
19	4236 КРАНЦ Верте	"	"	
20	4238 БЕРНАК Эдит	"	1936	
21	4240 ВЕНДЕК Петри	"	1935	не произв. во
22	4241 ВАНГВАРНАЦ К.	"	"	
23	4246 ВЕРТИНЕДЕР Ф.	"	"	
24	4247 ВАЙД Мария	1933	"	

90

ИСПАНИЯ.

1	2043 СЕРАНО Антон.	1933-	1935
2	2064 НЕТАР Карлос	"	"
3	2065 ТОМАС Мария	"	"
4	2066 ЛАКАРТИ Хосе	"	"
5	2113 МОНТЕРО Маргарита	"	"
6	2119 ГУАРДАЛЕТ	"	"
7	2124 ПЕРР Камило	"	"
8	2125 НАСЬЕНО Ольиветор	"	"
9	2126 ГОРДИЯ «Феникско	"	"
10	2155 МАТИНЕС Антонио	"	"
11	22 МАССА Валентин	"	"
12	33 МУЛЬОС Анхель	"	"
13	169 АЛЬБАС Антонио	1934	1936
14	217 РУСО Луиза	"	"
15	1731 САНЧЕС Хосе	1932	1935
16	1732 ТАВАРА Буэнос (МАРТИН Ангела)	"	"
17	1736 РИБЕРА Менута	"	"

КАНАДА.

1	2016 БАРНО Вильям	1933	1934
7	2114 ЛЕНАРД Норман	"	"
24	72 КАМПСОН Арл	"	1935
3	189 СТАКЕР Пауль	1934	"
6	140 СРЛАД П.	"	"

КОЛУМБИЯ.

1	32 АНПРАДЭ Ф.	1933	1934
2	2710 ГАЛО Диасу (МАДЕРА Абс.)	1932	"
3	1711 МАСИАС Антонио (САНЧЕС Хосе Гонсалес)	"	"

КУВА.

1	2112 КРИСТАВАЛЬ Рамон	1933	1935
1	875. ЛИ Н	1934	1936 в секцию

Danh sách sinh viên Trường Quốc tế Lênin năm học 1934 - 1935, trong đó có ghi tên của sinh viên Lin (Nguyễn Ái Quốc) đến từ Đông Dương vào học năm 1934 (ở dòng cuối cùng tài liệu bên phải)

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)

NĂM 1935

1
9
3
5

THƯ GỬI BAN PHƯƠNG ĐÔNG

Các đồng chí thân mến!

Căn cứ vào báo cáo của đồng chí H.N. về tình hình Đảng Cộng sản Đông Dương và theo kinh nghiệm của tôi ở Hoa Nam, Đông Dương, Thái Lan và ở Mã Lai, tôi thấy có bốn phận bức thiết đối với các đảng của chúng tôi là phải đề xuất với các đồng chí đề nghị sau đây:

Trừ một vài đồng chí rất hiếm hoi (đã được huấn luyện ở Trường đại học những người lao động phương Đông, hoặc là trí thức), còn đại đa số đồng chí của chúng tôi, trình độ lý luận và chính trị rất thấp.

Hậu quả của tình trạng thiếu kiến thức về lý luận như vậy là gì? Hậu quả khá nhiều. Các đồng chí đã nghe đồng chí H.N. kể về những hậu quả ấy trong báo cáo. Tôi nói thêm một vài hậu quả nữa:

1. Đa số các đồng chí - ngay cả những đồng chí có trách nhiệm- cũng không hiểu thật rõ “cách mạng dân chủ tư sản” là gì. Các đồng chí ấy nhắc đi nhắc lại những chữ ấy mà không hiểu nghĩa. Vì không thể giải thích được cho công nhân và nông dân, cho nên các đồng chí ấy thường tỏ vẻ lúng túng trong công tác tuyên truyền và cổ động. Để khỏi lung túng, các đồng chí buộc phải “biến ra”. Do đó, một sự ngu dốt này làm phát sinh một sự ngu dốt khác và một sai lầm này gây nên các sai lầm khác.

2. Các đồng chí ấy cũng không hiểu tại sao phải kết hợp cuộc cách mạng phản đế với cách mạng ruộng đất. Vì vậy mà những khẩu hiệu đưa ra lộn xộn, không phối hợp với nhau.

3. Các đồng chí ấy không hiểu sự khác nhau giữa Đảng với các tổ chức khác, cho đó là sự khác biệt về “cấp bậc”. Ví dụ như xếp Đảng ở số 1, Thanh niên Cộng sản ở số 2, Công hội ở số 3, v.v.. Và khi một đồng chí đang hoạt động trong Đảng mà được cử sang hoạt động ở một tổ chức khác, đồng chí đó xem việc chuyển dịch ấy như là một “việc hạ cấp bậc”, gần như là một hình phạt!

4. Hoặc là, các đồng chí ấy bắt đầu tổ chức một nhóm liên minh chống đế quốc, rồi chọn những thanh niên của liên minh để tổ chức một Công hội. Cuối cùng chọn những hội viên Công hội để tổ chức một tổ đảng.

5. Một cuộc bãi công bùng nổ. Những người lãnh đạo là trí thức viết vào một quyển vở theo trật tự 1, 2, 3, v.v. những bước đi phải tiến hành rồi họ đưa quyển vở ấy cho các đồng chí có trách nhiệm là công nhân. Các đồng chí này đưa quyển vở về nhà máy và thi hành máy móc những điều đã ghi trên giấy mà không biết phán đoán xem những điểm ấy có phù hợp với thực tế hay không!

Hoặc là, các đồng chí ấy dùng mọi biện pháp để phát động bãi công, nhưng khi công nhân đã rời nhà máy xuống đường, các đồng chí ấy không biết phải làm gì nữa.

6. Còn có một nguy cơ lớn khác. Tuy các đảng đã đưa những đồng chí công nhân vào các ban lãnh đạo, nhưng các đồng chí này vẫn bị ảnh hưởng của những phần tử trí thức, bởi vì theo các đồng chí ấy, “những người trí thức đã được đọc tất cả những điều ấy trong các bản luận cương hoặc trong sách”.

Tình hình ấy diễn ra trong thời kỳ 1930 - 1931, lúc mà các đồng chí của chúng ta đã là những chiến sĩ khá lão luyện và khá từng trải rồi. Nhưng hiện nay, tất cả hoặc hầu như tất cả các đồng chí ấy đã bị giết hay bị cầm tù. Những đồng chí đang hoạt động trẻ hơn, ít kinh nghiệm hơn, do đó có khả năng phạm những sai lầm nghiêm trọng hơn.

Vì vậy, tôi thấy tuyệt đối cần thiết là chúng ta phải giúp đỡ các đồng chí của chúng ta khắc phục những khó khăn ấy bằng cách tạo điều kiện cho các đồng chí tiếp thu được những kiến thức sơ đẳng nhất mà mỗi chiến sĩ đều phải có.

Và biện pháp duy nhất có hiệu quả để giúp các đồng chí theo phương hướng đó là cho xuất bản những quyển sách nhỏ viết về các vấn đề sau đây:

1. Tuyên ngôn cộng sản,
2. Đảng Cộng sản và tổ chức của Đảng,
3. Lịch sử Quốc tế Cộng sản,
4. Lịch sử Đảng,
5. Lịch sử R.K.P.B (Đảng Cộng sản Bônsôvích toàn Liên bang Xôviết),
6. Lịch sử Quốc tế Thanh niên (KIM),
7. Thanh niên Cộng sản và tổ chức thanh niên,
8. Công hội,
9. Quốc tế Công hội đỏ,
10. Nông hội,
11. Vấn đề dân tộc,

1
9
3
5

12. Vấn đề ruộng đất,
13. Quốc tế Cứu tế đỏ (MIPR),
14. Liên minh chống đế quốc,
15. Chủ nghĩa đế quốc Pháp,
16. Cách mạng Tháng Mười,
17. Cách mạng Trung Hoa,
18. Khởi nghĩa vũ trang,
19. Những bài học của các sự biến 1930 - 1931,
20. Chủ nghĩa Tờrootxkít,
21. Nền kinh tế Xôviết,
22. Mác, Ăngghen, Lênin, Xtalin,
23. Làm thế nào để kết hợp hoạt động bất hợp pháp và hoạt động hợp pháp,
24. Làm thế nào để tổ chức các chi bộ và làm cho các chi bộ hoạt động,
25. Làm thế nào để tổ chức một cuộc bãi công, một cuộc biểu tình, v.v.,
26. Làm thế nào để thực hiện mặt trận thống nhất,
27. Làm thế nào để tổ chức một tờ báo Đảng, tờ báo nhà máy, v.v.,
28. Làm thế nào để tổ chức học sinh, phụ nữ, v.v.,
29. Làm thế nào để vận động binh lính,
30. Luật cương và nghị quyết về vấn đề thuộc địa (của Quốc tế Cộng sản), v.v. và v.v..

Khi xuất bản những tập sách nhỏ ấy, cần phải chú ý đến: 1. Những khó khăn về việc in lại sách ở các xứ này; 2. Khó khăn về việc giữ sách; 3. Khó khăn của độc giả cất giấu sách; 4. Trình độ văn hóa thấp của các đồng chí chúng tôi không thể đọc và hiểu được những điều diễn đạt quá dài, quá khó. Vì vậy các tập sách nhỏ ấy phải ngắn, từ ngữ phải rất đơn giản, rất rõ ràng và dễ hiểu đối với quần chúng. Nếu có thể được, nội dung nên trình bày dưới dạng câu hỏi và trả lời.

Các đồng chí của chúng tôi rất dũng cảm và hăng hái. Các đồng chí ấy công tác rất tận tụy. Nhưng vì thiếu kiến thức lý luận, buộc các đồng chí phải mò mẫm từng bước, luôn luôn vấp váp vì thiếu thốn như vậy. Tất nhiên là các đồng chí sẽ được giáo dục rèn luyện trong đấu tranh và trong công tác thực tế hàng ngày. Nhưng có thể tránh được biết bao bế tắc, sai lầm và biết bao thất bại đau đớn, nếu chúng ta có thể cung cấp cho các đồng chí ấy những kiến thức tối cần thiết về lý luận soi đường, tạo điều kiện dễ dàng cho các đồng chí ấy tiến hành công tác.

Đồng chí Xtalin nghìn lần có lý khi nói rằng: “Lý luận tạo cho các đồng chí làm công tác thực tế, sức mạnh định hướng, sự sáng suốt dự kiến tương lai, kiên định trong công tác và lòng tin ở thắng lợi của sự nghiệp của chúng ta”.

Những điều mà tôi nói về các đồng chí chúng tôi ở Đông Dương, ở Thái Lan, v.v. chắc chắn là cũng đúng đắn với những đồng chí ở các nước thuộc địa khác, mà ở đây Đảng hoạt động bất hợp pháp và trình độ văn hóa của những người lao động còn thấp. Những cuốn sách nhỏ đề nghị trên đây nhất định là cũng rất có ích đối với cả những nước ấy.

Thân ái chào cộng sản

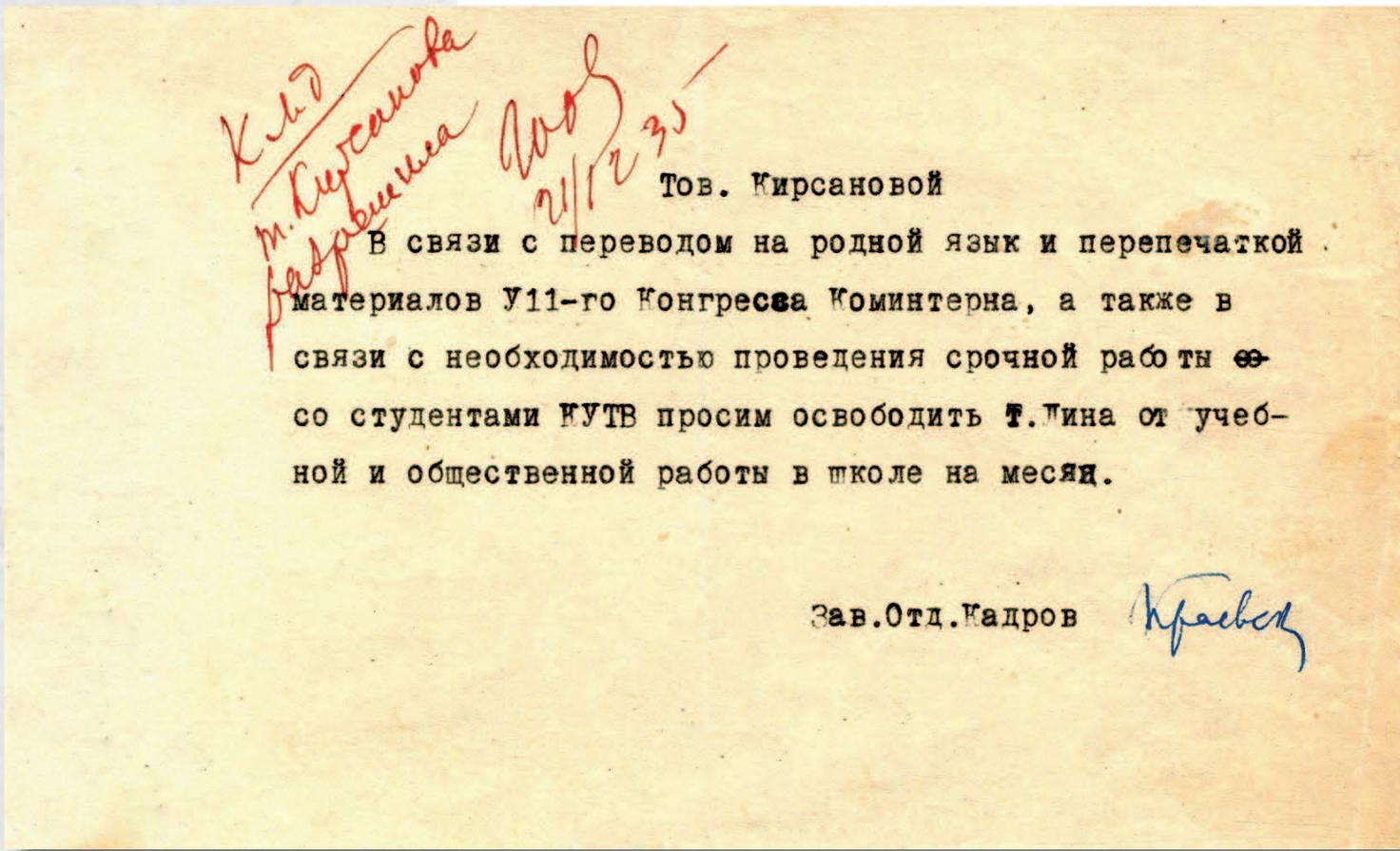
Ngày 16 tháng 1 năm 1935

LIN

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.110-114.

1
9
3
5

1
9
3
5



Thư của A.P. Coraépxki - Cục trưởng Cục Cán bộ Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản gửi K.I. Kiroxannopva - Hiệu trưởng Trường Quốc tế Lénin đề nghị cho sinh viên Lin (Nguyễn Ái Quốc) được miễn các công việc học tập và công tác xã hội ở trường trong 1 tháng để biên dịch các văn kiện Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản sang tiếng Việt và thực hiện một số công việc khẩn cấp khác (không muộn hơn ngày 21/12/1935)

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)



Giấy chứng nhận số 154 cấp cho Lin (Nguyễn Ái Quốc) để tham dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản, năm 1935

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)

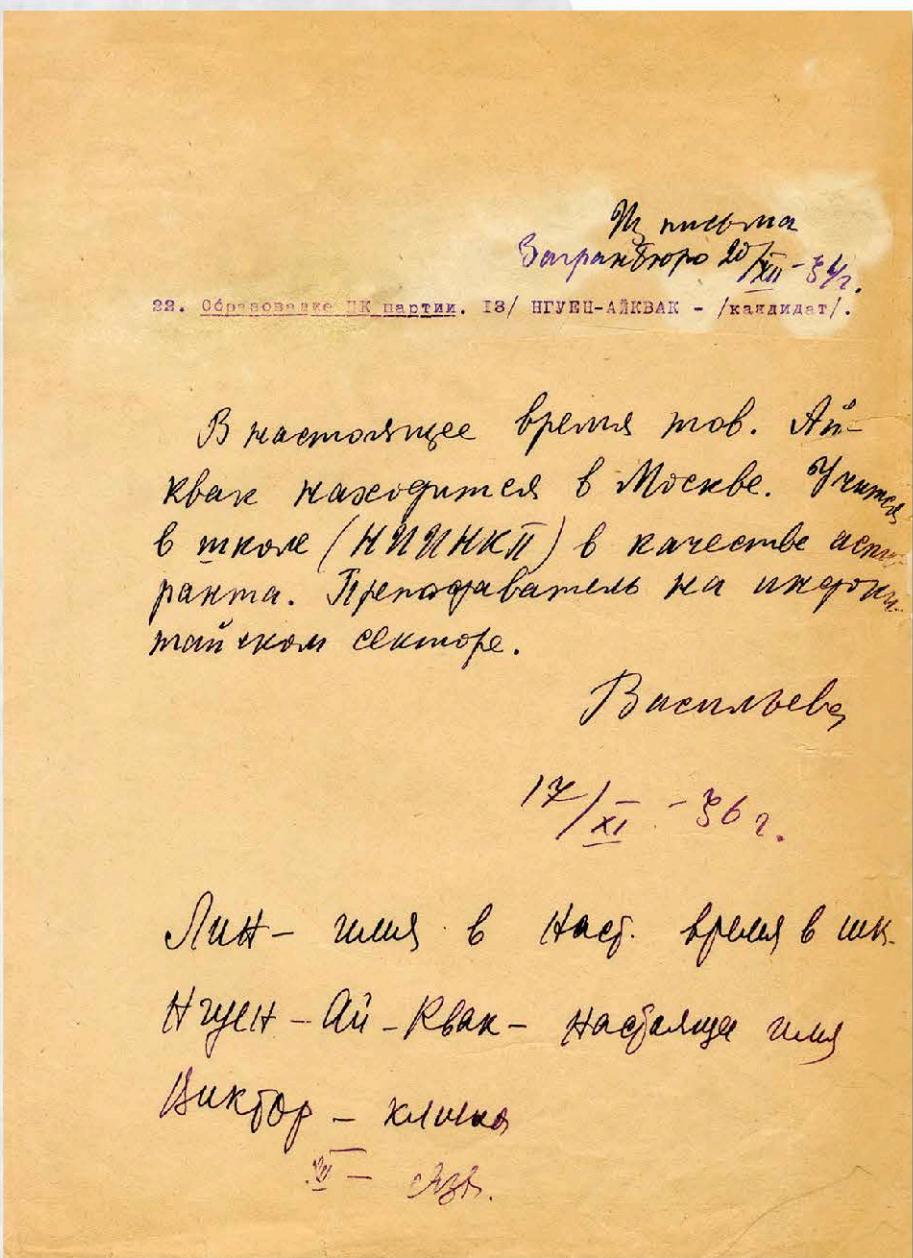


Thẻ tham dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế
Cộng sản năm 1935

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

NĂM 1936

1
9
3
6



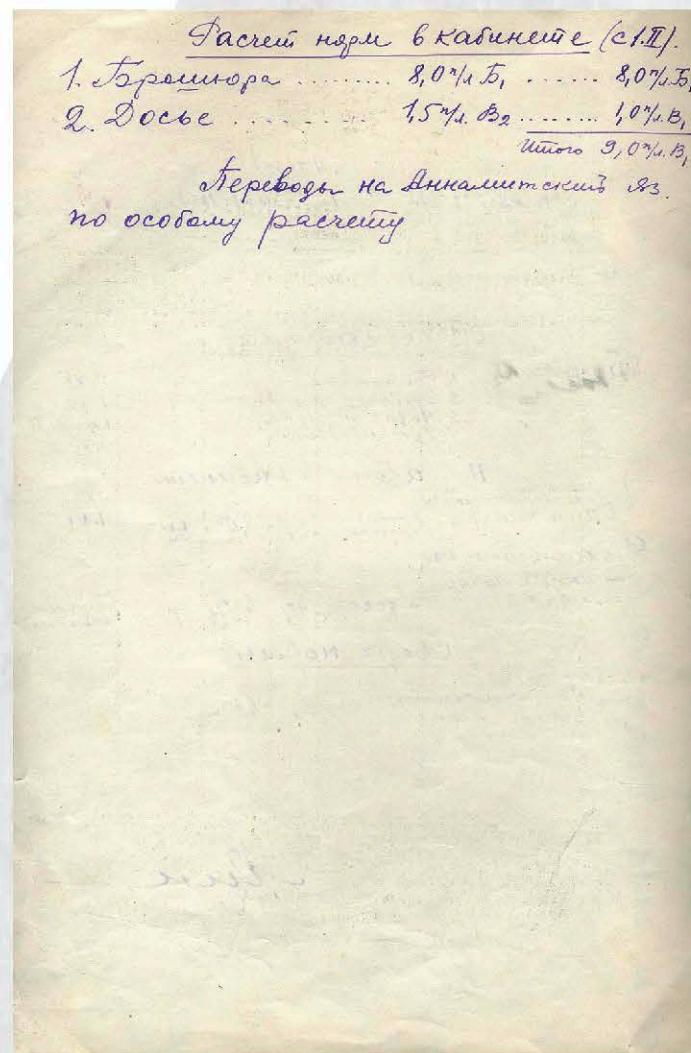
Báo cáo của cán sự V.Ia. Vaxilépva về tình hình
học tập của sinh viên Lin (Nguyễn Ái Quốc) tại
Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa,
đồng thời kiêm nhiệm công tác giảng dạy tại Ban
Đông Dương của Trường, ngày 17/11/1936

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)

NĂM 1937

61

ИДИВИДУАЛЬНЫЙ ПЛАН			
ШТАТНОГО НАУЧНОГО РАБОТНИКА Н.И.И.Н.К.П. (Ленинграда)			
1. Фамилия, имя и отчество <i>Лин</i>	2. Срок действия настоящего индивидуального плана от 1. IV. 1937 до 31. III. 1938.	3. Кому работу, как частный и/или должен представить за вышеуказанный период времени:	
4. Название работы: Тип работы: Шифр: Об'ем		Сроки представл.	
		планов	своей
		работы	работы
<i>I Учебный план</i>			
<i>I Курс</i>	1. Философия 2. Древний и средний письменность 3. Хрестоматия 4. Русский язык	31.XII	
		1.III - 31.XII	
		31.XII	
<i>II Работа в кабинете</i>			
1. Продолжение курсов 6. Иностранные языки: французский 2. Составление докторской диссертации по Истории Китая и Азии государствам	Бакалавриат 10%, 8,0% I.IV	1.VI	
		по работе над докторской диссертацией	
<i>Сверх нормы</i>			
1. Переводы: 1) Китайско-вьетнамский словарь 2) Ленин "Беседы о народном хозяйстве"			
94. Полный адрес и телефона на раб. / служ. в домашн/.			
95. Подпись научного работника <i>Лин</i>			
96. Подпись Зав. Кабинетом <i>Лин</i>			
97. Окончательно утвержден индивидуальный план ЗАВ. НАУЧН. ОТД.: <i>Лин</i>			
10.II.1937 <i>Лин</i>			



1
9
3
7

Kế hoạch cá nhân của nghiên cứu sinh Lin (Nguyễn Ái Quốc) dự kiến các công việc sẽ làm tại Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa năm 1937: trả các môn kiểm tra và thi; chuẩn bị nghiên cứu khoa học về tình hình nông dân ở Đông Dương; dịch *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của C. Mác và Ph. Ăngghen và *Bệnh ấu trĩ "tả khuynh"* trong phong trào cộng sản

của V.I. Lênin sang tiếng Việt, ngày 10/2/1937

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)

1
9
3
7

СВЕДЕНИЯ О СДАЧЕ ЗАЧЕТОВ АСПИРАНТАМ I-го КУРСА ЗА I СЕМЕСТР 1937 г.

50

№ п. Фамилия	Отде- ление	Л и а м а т .		Политэкономия	Древн. история	Исто. ср. веков	Экономгеогр. Кит.	Русский язык	Англ. язык	Китайский язык
		отп.	отп.							
I. ЛИН-ША	Экономич. отп.		отп.					отп.	отп.	
2. ДМО-И-ХУН	"	отп.			отп.					уд
3. ЛИБЕРМАН	"		уд.		хор.					
4. ПИ-ЧЕН	"		уд:		уд.					
5. АЛЬФРЕДО	"		хор.		хор.					уд
6. МА-ЛИН	"		хор.		хор.					хор
7. ДИН-МИН	"		хор.	отп.						
8. ЯН-ЛИН	"	отп.			отп.					
9. СТУЧКА	"		уд.		уд.					
10. ЛИ-КАН-ТИН	"		хор.		хор.			хор		
11. СЕРГЕЕВ	"	отп.			хор.				отп	хор
12. СУ-ХВА	Историч.		хор.			н/ат.	н/ат	хор		
13. АНДРЭ	"		хор.			уд.	н/ат		отп	
14. КОЗЛОВ	"		уд.			уд.	н/ат			
15. ЧЕН-ВЭЙ-И	"		хор.			уд.	н/ат	хор		
16. МИ-ЧАН	"		хор.			уд.	н/ат	хор		
17. ЛИНА	"	отп.				уд.	отп		отп	
18. ЛИН	"		уд.			уд.	уд			
19. СОЛТАНОВ	"		уд.			уд.	н/ат		хор	уд
20. ДМО-ИМИН	Страна	отп.					отп			
21. ЛИН-ДА-ШИ	"	отп.					отп			
22. МЭЙ-ЛИН	"		н/ат.							
Итого:		7	8	6	1	4	5	2	-	-
						3	5	1	2	5
								2		2
									1	4
									6	3
									1	1
										1
										1

Kết quả thi và kiểm tra của các nghiên cứu sinh năm thứ nhất Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa học kỳ I năm 1937 trong đó có kết quả thi môn Chủ nghĩa duy vật biện chứng, Lịch sử cổ đại, Lịch sử trung đại năm 1937 của Lin (Nguyễn Ái Quốc) - nghiên cứu sinh Khoa Sử (Lin ở số thứ tự 18)

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)

45
46
47

НИИХП.

**СОСТАВ АСПИРАНТОВ НА 1937/38 УЧ.ГОД.
(по состоянию на 17.XI.)**

I-и курс.		
1. Джо И-мин	7. Лин-кай	13. Ли-чен
2. Мей-лин	8. Альбредо	14. Андре
3. Люй-тьян	9. Либерман	15. Сергеев
4. Лин-мин	10. Чжао И-хун	16. Солтанов
5. Линша	11. Ли-на	17. Козлов
6. Ган-лин	12. Лин	18. Сиряченко

Страноведч. отд.		
1. Джо И-мин	1. Лин-мин	1. Люй-тьян
2. Мей-лин	2. Лин-ша	2. Ли-на

Экономическ. отд.		
3. Сергеев	3. Сергеев	3. Солтанов
4. Альбредо	4. Альбредо	4. Козлов
5. Либерман	5. Либерман	5. Лин
6. Ли-чен	6. Ли-чен	6. Сиряченко
7. Чжао И-хун	7. Чжао И-хун	7. Андре
8. Ган-лин		

Историческ. отд.		

Гар.: Альбредо.

Гар.: Андре.

Рисунок - гар.- Альбредо.

Giấy xác nhận danh sách nghiên cứu sinh của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa năm học 1937 - 1938, trong đó Lin (Nguyễn Ái Quốc) được chuyển lên năm thứ 2 hệ nghiên cứu sinh của Viện (Lin ở mục I, số thứ tự 12), ngày 17/11/1937

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)

1
9
3
7

1
9
3
7

13

НАУЧНО-ИССЛЕДОВАТЕЛЬСКИЙ ИНСТИТУТ
ПО ИЗУЧЕНИЮ НАЦИОНАЛЬНЫХ ПРОБЛЕМ.

ЛИЧНАЯ КАРТОЧКА

Аспиранта Лин курс I

I-й семестр 1937 г. II-й семестр 1937/38

Предмет.	Преподават	Оценка	Предмет.	Преподават	Оценка.
Физика	Петренников	Удовл.	Физ. культура	Онегина	Задовл
Чер. про. в. в.	Зельман	Удовл.			
Истор. в. в. в. в.	Грачанекит	Удовл.			

ЗАВ. УЧО: /МЕЛЬМАН/

Phiếu ghi kết quả kiểm tra các môn Chủ nghĩa duy vật biện chứng, Lịch sử cổ đại, Lịch sử trung đại, Lịch sử hiện đại trong học kỳ I của Lin (Nguyễn Ái Quốc) - nghiên cứu sinh năm thứ nhất Khoa Sử, Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa
(không sớm hơn ngày 17/11/1937)

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)

Вопросы:	Ответы:
1. Псевдоним	<i>Лин</i>
2. Время и место рождения.	7. Взят в 1903г.
3. Точно указать сословие или происхождение.	Сын врача
4. Ваша специальность или профессия и стаж работы.-Если нет, чем занимались, на какие средства жили.	штурм Запада
5. Национальность	иудея
6. Подданство	Франция
7. Женат, вдов/ . Если женат, то работает ли жена и ее должность.-	Холост
8. Имеет ли братьев, сестер, где они.-	Сестра христианка в Брат. около г. Бенга бразильца в 1929.
9. Точно указать, чем занимались родители и ближайшие родственники. Источники их существования.-	
10. Имеет ли связь с родственниками и какую.-	Связи нет с 1914.
11. Образование: а/ Грамотный ли.- На каком языке можете читать и писать.- б/ В каких школах учился.- в/ Участвовал ли в партийных кружках.- г/ Есть ли политподготовка.-	Начало учился в горно- скл. школе Запада самодобровольцем.
12. Какие знает языки и диалекты, кроме родного, и в какой степени владеете ими.- Где и как научились иностранным языкам.-	Французский яз. и английский изучил во время таджикской экспедиции и во время предавления во Фран- ции и Англии.
13. Были ли в других странах, кроме своей, и в каких.- Когда.- Коси были, что там делали; работали, учились.- На какие средства жили.-	Жил во Франции с 1919 по 1924г., работал фабрико- ром, у фабрикана в Авиньоне в 1914-15г., учени- ком повара В Китае писец в Кантоне 12г., работал на пароходе.

Tờ khai của Lin (Nguyễn Ái Quốc) gửi Vụ Cán bộ, Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản để đề nghị được cử về nước làm công tác đảng, ngày 26/11/1937

1
9
3
7

14. Откуда приехали в СССР из страны или эмиграции. Если из эмиграции, то что там делали, на какие средства ходили.	B 1934г. из Китая <i>34</i> 185 187
15. Служба в армии и на какой должности.	Нет
16. Служили ли в полиции Вы сами или кто-нибудь из ваших родственников.	Нет
17. Служили ли Вы или ваши родственники в государственном аппарате и какие занимали должности.	Нет
18. Ваше отношение к воинской повинности в настоящее время.	—
19. К какой практической партии принадлежите; время вступления и № членского билета.	М. КП - 20, М. КП - 429, М. ЧКДКП. КП - с 1929
20. В каком политическом движении участвовали / нац., револ., коммунистическом./	Маг. револ. и нац. демократии
21. Состоали ли раньше в каких-либо политических партиях, в каких меженне, как долго, где, когда и причины выхода. В чем заключалась Ваша деятельности в них.	Также в 1931г. я был рабочим, в рабочем бюро до 1933г. В 1929г. я был рабочим поэтому присоединился к рабочему движению в мос- ковском крае в Китайской ССР
22. Были ли арестованы, за что, где и при каких обстоятельствах. Были ли освобождены или бежали, или посажены в тюрьму и т.д. Подтверждайтесь ли наказаниям в судебном или административном порядке, где и за что именно.	—

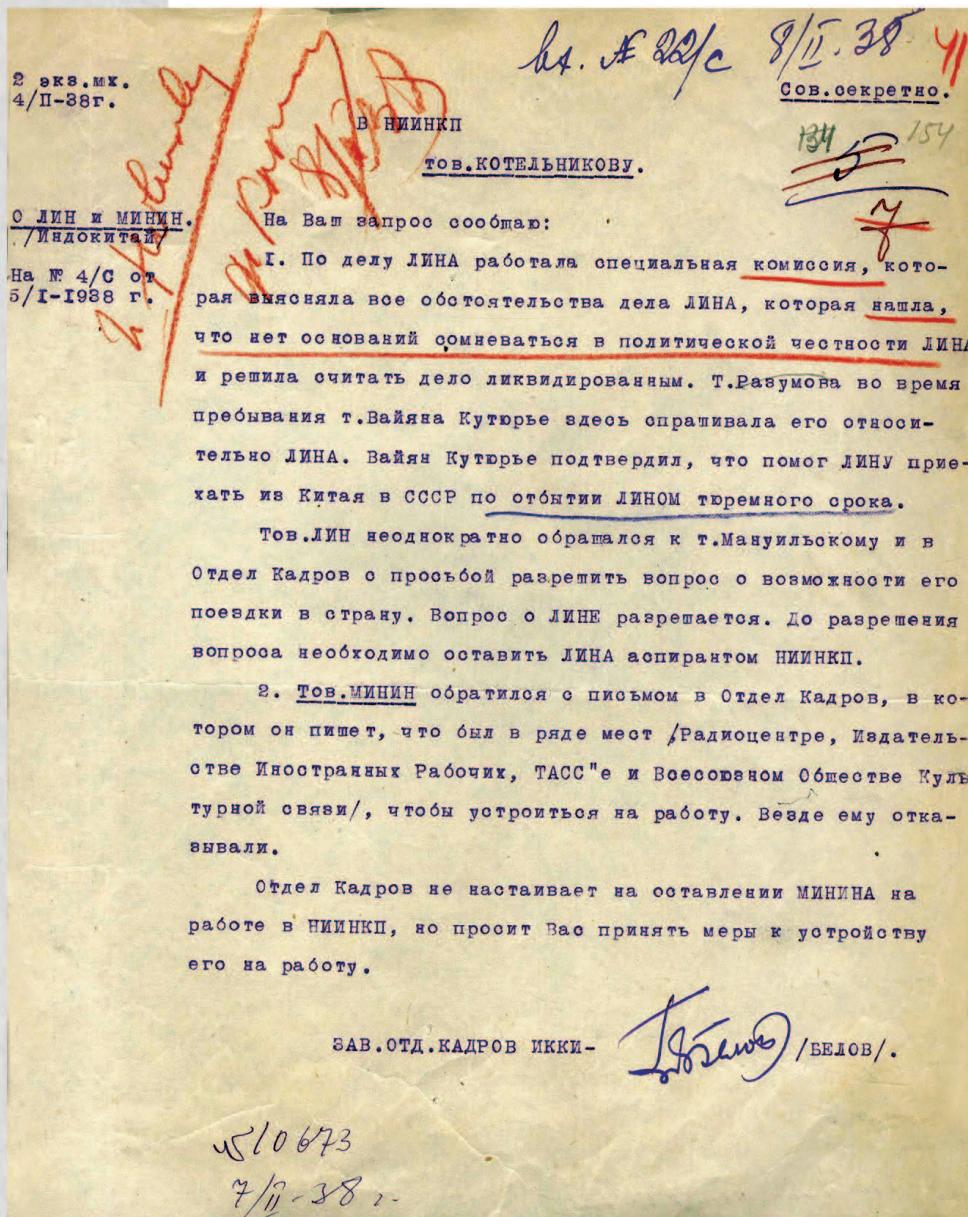
23. Принимали ли активное участие в гражданской войне, стачках, забастовках. — Где, когда. — В чем выражалось Ваше участие. — Принимали ли участие в нац. революц., демонстрациях, восстаниях, организациях бойкота и т.д.	<i>Руководил восстанием в Китайской ССР все годы службы в Китае с 1929-31г.</i>
24. Состоали ли членом профсоюза, какого времени вступления, № членского билета. Перечислите основные работы, выполняемые Вами по профсоюзу.	<i>Нет</i>
25. Состоали ли членом какого-либо другого союза, или какого-либо добровольного общества.	<i>Организовав Маг. в Китае Кито- Китае.</i>
26. Работали ли на нелегальной работе; когда, где и на какую; как долго. — С кем держите связь.	<i>На нелегальной работе в Китае, в Сингапуре (1927-29).</i>
27. Что побудило Вас вступить в КП.	<i>Борьба за свободу и независимость Китая в Китае за Коммунистическую партию Китая.</i>
28. Подтверждайте ли партийным выписанием, за что и когда, какими.	<i>—</i>
29. Ваше имущественное положение до вступления в партию /компартии/ и др. партии/ и в настоящее время.	<i>Нет</i>
30. Писали ли в газетах, когда, в каких, под каким псевдонимом.	<i>Писал в газете в Китае, французской.</i>

Подпись:

26/5

1927 г.

NĂM 1938

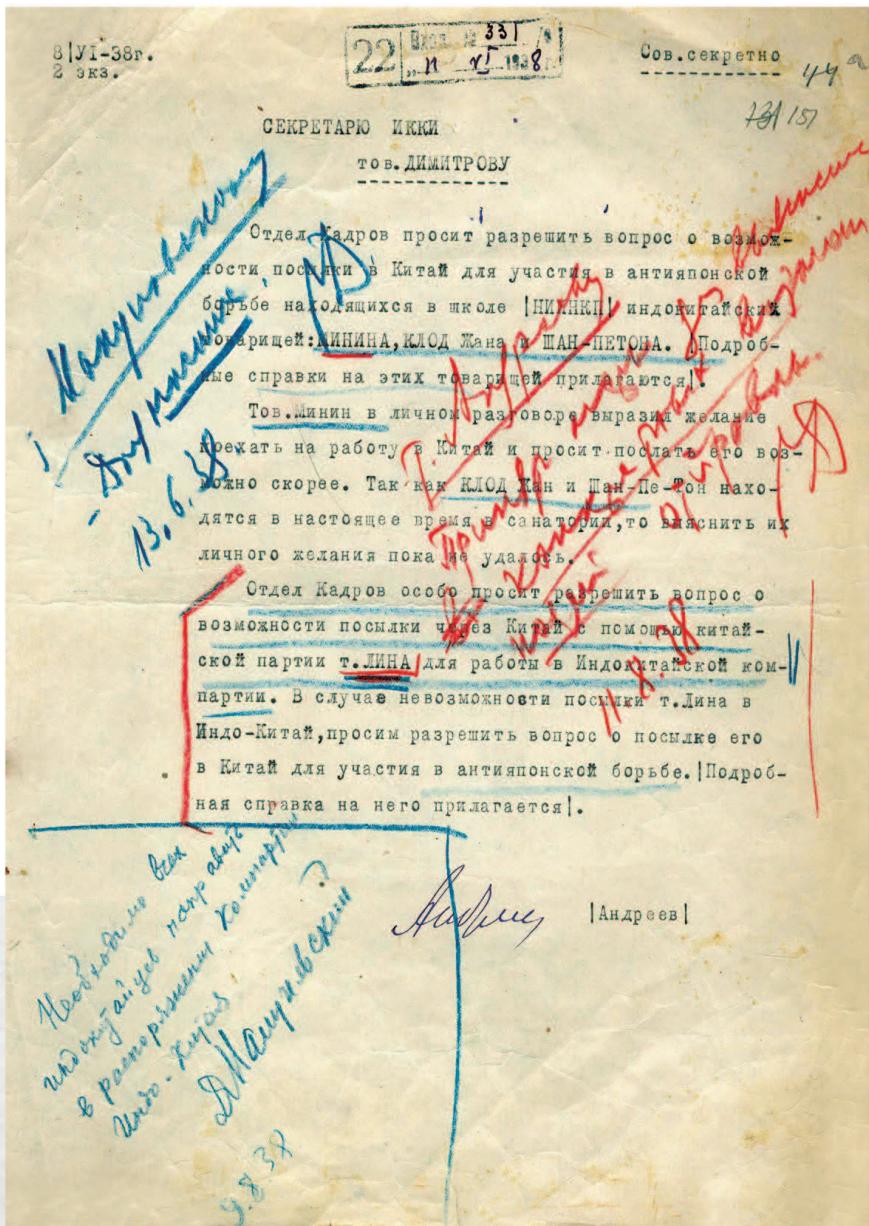


Thư của G.D. Belov - Vụ trưởng Vụ Cán bộ, Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản gửi F.S. Kôtelnikôp - Giám đốc Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa báo cáo về việc Hội đồng đặc biệt đã làm rõ việc không có cơ sở nghi ngờ lòng trung thành chính trị của Lin (Nguyễn Ái Quốc), cần khép lại vụ việc và cần thiết để Lin tiếp tục làm nghiên cứu sinh cho đến khi có quyết định cử về công tác trong nước, ngày 4/2/1938.

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)

1
9
3
8

1938



Thư của Anđờrêép - chuyên viên Vụ Cán bộ, Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản gửi G. Đimitơร్ป - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản về quyết định gửi đồng chí Lin (Nguyễn Ái Quốc) - đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương về Đông Dương tham gia công tác trong Đảng Cộng sản Đông Dương hoặc tham gia kháng Nhật, ngày 8/6/1938

(Viện Lưu trữ Lịch sử Chính trị Xã hội quốc gia Nga)

NĂM 1939

THƯ TỪ TRUNG QUỐC

Quế Lâm, cuối tháng 2

Các bạn thân mến,

Hãy thứ lỗi cho tôi vì không viết thư được thường xuyên cho các bạn. Ở đây, chúng tôi bận đến mức là chúng tôi muốn được như Đức Phật nghìn tay - hay ít ra cũng phải như thế thì tôi mới có đủ tay để làm hết mọi việc cần làm.

Tôi muốn nói với các bạn về tình hình chính trị trong tháng này.

Sự biến chính trị quan trọng nhất là kỳ họp của Hội đồng chính trị quốc gia. Chắc các bạn đã nghe nói đến cái cơ quan mới được thiết lập ấy ít lâu sau khi bắt đầu có chiến tranh. Đó cũng là một món quà gián tiếp mà bọn phát xít Nhật đã tặng chúng tôi. Hội đồng là một thứ tiền Nghị viện. Việc thành lập Hội đồng này là một bước tiến tới nền dân chủ hoàn toàn. Và chúng tôi đang tiếp tục tiến lên trên con đường đó.

Kỳ họp được tiến hành vừa qua là kỳ thứ ba. Khi khai mạc, người ta chú ý đến một sự vắng mặt, đó là sự vắng mặt của Uông Tinh Vệ, cựu Chủ tịch của Hội đồng. Người ta ai cũng “tiếc” kẻ vắng mặt, ở chỗ là hắn không chịu cút đi sớm hơn. Bầu không khí lẽ ra đã sớm được trong sạch hơn và những hoạt động vô ích lẽ ra cũng tránh được. Đối với tên quỷ sứ khốn kiếp ấy thì làm Chủ tịch Hội đồng chính trị quốc gia của nước Trung Hoa - một nước Trung Hoa chiến đấu anh dũng và không ngừng tiến bộ - cũng chưa đủ. Hắn còn muốn làm người “cầm lái” một nước Trung Hoa bị ô nhục và biến thành thuộc địa của phát xít Nhật. Thật là “điều kỳ quặc” đáng buồn biết bao! May thay, hắn không còn là Chủ tịch Hội đồng nữa và cũng không bao giờ có thể làm người “cầm lái” nước Trung Hoa nữa; giờ đây, hắn chỉ là tên phản bội số 1 bị toàn dân căm ghét và lên án. Thôi cứ để cho quỷ tha ma bắt hắn đi! Chúng ta hãy nói về những việc quan trọng hơn.

Như vậy là Hội đồng chính trị quốc gia đã họp vào ngày 12/2/1939. Kỳ họp này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Trung Quốc. Kỳ họp đã được tiến hành sau hai cuộc hội nghị rất quan trọng của hai chính đảng lớn của nước chúng tôi: Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản Trung Quốc.

1
9
3
9

Trong các nghị quyết của Hội nghị lần thứ sáu của Đoàn Chủ tịch Đảng Cộng sản có nói: “Nhiệm vụ chủ yếu của nhân dân Trung Quốc là kiên quyết tiến hành chiến tranh, một cuộc chiến tranh lâu dài, phát triển và củng cố Mặt trận dân tộc chống Nhật, nhằm khắc phục mọi khó khăn, tăng cường các lực lượng của chúng ta, chặn đứng bước tiến của quân thù, chuyển sang phản công, cuối cùng là đuổi bọn xâm lược ra khỏi đất nước chúng ta và tổ chức lại nước Trung Hoa - một nước Trung Hoa tự do, độc lập và hạnh phúc, theo chủ nghĩa tam dân”. (Tháng 10/1938).

Hội nghị lần thứ 5 của Đoàn Chủ tịch Quốc dân Đảng (cuối tháng 1/1939) đã tuyên bố: “Từ nay, nhiệm vụ chúng ta càng nặng nề và khó khăn hơn. Để đập tan những cố gắng cuối cùng nhưng là những cố gắng tuyệt vọng nhất của kẻ thù hung bạo, nhân dân ta đang phải góp hết sức mạnh tinh thần và vật chất vào việc tăng cường đoàn kết, tích cực đấu tranh và xây dựng đất nước. Để làm tròn những nhiệm vụ đó, phải nâng cao tinh thần dân tộc và tăng cường kỷ luật cách mạng”.

Trong bài diễn văn của mình đọc tại Hội nghị Đoàn Chủ tịch Quốc dân Đảng, Thống chế Tưởng Giới Thạch nói: “Hiện nay nếu có cái tư tưởng khờ dại muốn nhân nhượng kẻ thù để mong đạt tới một nền hòa bình mơ hồ thì sẽ rơi vào cạm bẫy, sẽ đi đến diệt vong!”.

Trong bài diễn văn của mình đọc tại Hội nghị Đoàn Chủ tịch Đảng Cộng sản, ông Mao Trạch Đông nói: “Chúng ta hãy đề cao lòng tự tin và tự trọng của nhân dân ta. Chúng ta phải kiên quyết đấu tranh đến cùng. Chúng ta phải đả phá không chút thương xót chủ nghĩa thất bại và chủ nghĩa bi quan. Phải triệt để chống lại mọi khuynh hướng thỏa hiệp và đầu hàng kẻ thù”.

Tôi dẫn các đoạn trích trên đây để chỉ ra cho các bạn thấy rằng kỳ họp lần thứ ba của Hội đồng chính trị quốc gia đã họp vào lúc quan niệm thì thống nhất và sự hợp tác thì đã chặt chẽ giữa các đảng chủ yếu của chúng tôi trong Mặt trận dân tộc chống Nhật. Kỳ họp đã diễn ra giữa lúc những khuynh hướng thất bại chủ nghĩa và đầu hàng mà tiêu biểu là Uông Tinh Vệ - bọn này đã ngóc đầu dậy khi Quảng Châu và Hán Khẩu thất thủ - đã bị hoàn toàn tiêu diệt bởi tinh thần đoàn kết và quyết tâm của nhân dân.

Kỳ họp đã được tiến hành dưới sự chủ tọa của Thống chế Tưởng Giới Thạch. Vì Chủ tịch mới đã đọc hai bài diễn văn quan trọng. Tiếc rằng vì không có thời giờ nên tôi không thể trích để giới thiệu với các bạn được. Trong khi bế mạc kỳ họp, ông Chủ tịch đã khen ngợi sự đoàn kết chặt chẽ và tinh thần hợp tác anh em giữa các thành viên trong Hội đồng. Đoàn kết và hợp tác, ông nói - làm cho nhân dân càng tăng thêm lòng tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng. Rồi ông nhấn mạnh một lần nữa đến các nhiệm vụ của Hội đồng, của Chính phủ và của nhân dân. Sứ mạng lịch sử của Hội đồng là đặt cơ sở vững chắc cho một nền dân chủ không thể thiếu được đối với việc động viên và tổ chức nhân dân.

Đến lượt chúng ta, động viên và tổ chức nhân dân là điều cần thiết để giành thắng lợi cuối cùng và để xây dựng lại đất nước. Đánh đuổi bọn xâm lược, diệt trừ những tên phản bội, nâng cao sự hiểu biết về chủ nghĩa tam dân - đó là những nhiệm vụ chung và trước mắt của chúng ta. Để làm tròn những nhiệm vụ ấy, cần có sự đoàn kết giữa Hội đồng, Chính phủ và nhân dân. Ý nghĩa những bài diễn văn đó đại khái là như vậy.

Kỳ họp đã kéo dài 10 ngày. Trong thời gian ấy, các đại biểu đã vạch ra và thảo luận 86 dự án và kiến nghị, trong đó có 19 dự án và kiến nghị thuộc những vấn đề về quân sự, 18 về kinh tế và tài chính, 17 về giáo dục nhân dân, 3 về ngoại giao, 28 về nội trị, 3 về những vấn đề khác.

Các bạn thấy rằng các đại biểu của chúng tôi đã làm việc không phải là tồi. Cần chú ý là trong số đó có một vài dự án đã được đưa ra thực hiện ngay từ hôm nay vì lợi ích cuộc đấu tranh của chúng tôi chống bọn xâm lược, cuộc đấu tranh mà trong thư sau tôi sẽ nói với các bạn.

P.C. LIN

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.126-129.

1
9
3
9

THƯ TỪ TRUNG QUỐC

TỔNG KẾT SAU HAI NĂM ĐẤU TRANH

Trong dịp kỷ niệm lần thứ hai cuộc chiến tranh chống Nhật, cho phép tôi, qua báo *Notre Voix*, thành thực cảm ơn các bạn Đông Dương và Pháp đã từng trực tiếp hoặc gián tiếp giúp đỡ chúng tôi trong những lúc khó khăn và lúc đấu tranh. Trong khi cảm ơn và mong rằng trong tương lai các bạn đó sẽ giúp đỡ chúng tôi một cách có hiệu quả và tích cực hơn, tôi tin chắc là đã nói lên được tình cảm sâu sắc của tất cả anh em Trung Quốc chúng tôi.

Nhân dịp kỷ niệm này mà điểm lại một cách nhanh chóng những thành tích của hai năm đấu tranh vừa qua có lẽ không phải là thừa.

Với cái giá phải trả là 10 tỷ yên và 700.000 người bị chết và bị thương, bọn phát xít Nhật đã xâm chiếm 12 tỉnh của chúng tôi (với số dân là 200 triệu người). Đó là một tổn thất nặng nề đối với chúng tôi. Còn đối với Nhật Bản, phải chăng đó là một thắng lợi lớn? Không. Trong số 1.038 khu hay huyện trong vùng bị chiếm, chỉ có 65 khu hay huyện hoàn toàn bị đặt dưới sự kiểm soát của địch, tuy rằng 25 trong số 65 khu hay huyện đó đã bị chiếm từ trước chiến tranh; tên phản bội Âu Như Canh đã tổ chức tại đây cái gọi là “Chính phủ tự trị Hà Bắc chống cộng”. Trên 900 khu hay huyện đang là căn cứ của du kích và hoàn toàn do chúng tôi kiểm soát. Những khu hay huyện khác chỉ bị địch kiểm soát từng phần, chúng chiếm đóng các tỉnh lỵ và những con đường lớn, chứ không dám mạo hiểm đi vào các làng mạc. Bởi vậy cho nên đó vừa làm một tổn thất đối với chúng tôi, nhưng về phía địch thì đó không phải là một thắng lợi.

Nếu chúng ta xét cuộc chiến tranh trong toàn cục của nó, chúng ta có thể nói rằng suốt trong hai năm nay, bọn đế quốc Nhật đã bị đánh bại trên tất cả các mặt trận.

Mặt trận chính trị: Sách lược “làm cho người Trung Quốc này đánh người Trung Quốc khác” của chúng đã bị bẻ gãy trước Mặt trận dân tộc chống Nhật của chúng tôi, bọn phát xít Nhật phải chuyển sang dùng một sách lược khác: “Đánh mạnh, thắng nhanh”. Đến lượt nó, sách lược này cũng bị phá tan với chính sách của chúng tôi là “chiến tranh kéo dài”. Sách lược thứ ba của Nhật Bản là “ký nhanh

hòa ước, kết thúc nhanh cuộc chiến tranh” đã bị thất bại thảm hại trước quyết tâm của chúng tôi là đánh đến cùng. Hiện nay, chúng đang thử “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, nghĩa là dùng tài nguyên trong những vùng bị chiếm để chống lại chúng tôi. Chính sách đó cũng không thực hiện được, giống như cái tham vọng muôn khai hoang một núi lửa! Làm sao chúng có thể khai thác được một nước mà ở hậu phương đang mọc lên tua tủa những giáo mác và súng trường của du kích, còn ở tiền phương thì bị súng trường và súng liên thanh của bộ đội chúng tôi chặn lại?

Mặt trận kinh tế: Cách đây hai năm, một tên bộ trưởng Nhật viết: “Nước Nhật sẽ bị phá sản nếu cứ để cho công trái vượt quá 10 tỷ”. Thế mà hiện nay, công trái của Nhật đã lên tới 24 tỷ, vượt xa tổng thu nhập của cả nước. Theo tờ *Niên giám kinh tế Nhật Bản*¹⁾, từ tháng 7 đến tháng 9/1938, chỉ tính trong huyện X... đã có 64 công xưởng bị đóng cửa. Trong công nghiệp nhẹ, trên 8.000 cơ sở chỉ hoạt động từng phần, 1,5 triệu công nhân không có việc làm. Mùa màng năm nay kém năm ngoái 4,7 triệu tạ. Số vụ bão công và xung đột về ruộng đất ngày càng tăng. Trong nửa đầu của năm 1938, đã xảy ra 593 vụ bão công và 299 cuộc biểu tình của nông dân. Thương nghiệp cũng giảm sút một cách nguy kịch do việc tẩy chay được tổ chức tại các nước chống Nhật.

Mặt trận quân sự: Từ 8 tháng nay, quân Nhật không tiến được nữa. Nhiều lần chúng toan vượt qua sông Hoàng Hà, nhưng lần nào chúng cũng phải tháo lui sau khi bị tổn thất nặng nề. Điều đó chứng tỏ quân đội Nhật đã bị suy yếu. Trong thời kỳ thứ hai của cuộc chiến tranh, chúng định huy động tất cả là 46 sư đoàn, nhưng chỉ huy động được 33 sư đoàn. Chúng không đủ người để đối phó với một mặt trận quá dài - khoảng 3.000 kilômét! Tinh thần chống chiến tranh ngày càng lan nhanh trong quân đội và nhân dân. Những vụ tự tử, đào ngũ và binh biến xảy ra trong quân đội ngày càng nhiều. Tính đến tháng 12 năm vừa qua, trên 6.000 giáo viên và giáo sư đã bị bắt vì đã đấu tranh chống chiến tranh.

Nếu chúng ta nhìn về mặt quốc tế, chúng ta sẽ thấy rằng chủ nghĩa phát xít Nhật - uy hiếp mọi người và gây chiến với mọi người - đang lâm vào tình trạng ngày càng bị cô lập.

Chống một kẻ thù rất mạnh và rất nguy hiểm, nhưng đang suy yếu nhanh chóng, chúng tôi có tất cả những điều kiện thuận lợi. Thời gian đang làm chúng tôi mạnh lên, một đất nước bao la với những tài nguyên vô tận, một số dân đông đúc sẽ là một nguồn dự trữ cho quân đội chúng tôi; Pháp, Anh, Mỹ và nhân dân tất cả những nước dân chủ đều giúp đỡ chúng tôi; Liên Xô là một trong những người bạn chung thủy nhất và vô tư nhất đối với chúng tôi.

1) Trong nguyên bản viết bằng tiếng Anh: Japan economic year book (B.T).

Chúng tôi có “thiên thời, địa lợi và nhân hoà” là ba yếu tố cần thiết cho chiến thắng. Nhưng để khỏi mang tiếng là khoác lác, tôi xin mượn lời một người nước ngoài, đã từng hiểu biết nhiều về Trung Quốc, - ông vốn là đại sứ Mỹ: “... Thái độ của nhân dân Trung Quốc rất bình tĩnh - ông đại sứ ấy nói như thế. - Tinh thần các chiến sĩ rất cao. Những người lãnh đạo đều tuyệt đối tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của mình. Chưa bao giờ quyết tâm đánh đến cùng lại mạnh đến thế...”.

Mặc dù lời dẫn chứng này hơi cũ - ông đại sứ phát biểu những lời này ngày 4/7 tại Niu Oóc -, nhưng nó vẫn có giá trị. Để kết thúc, cho phép tôi giới thiệu với các bạn đoạn cuối của một bài hát được soạn ra để chào mừng lễ kỷ niệm năm thứ hai cuộc chiến tranh của chúng tôi vì nền độc lập và tự do:

“Ai có tiền thì góp tiền.
Ai có sức thì góp sức.
Mỗi chúng ta là một chiến sĩ anh dũng.
Tiến lên! Quân thù sắp phải nhả ra thôi.
Hãy cống hiến tất cả! Hãy cống hiến tất cả!
Cho chiến thắng đang đến với chúng ta!”.

P.C. LIN

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.3, tr.159-162.*

NHỮNG CHỈ THỊ MÀ TÔI NHỚ VÀ TRUYỀN ĐẠT

1. Lúc này, Đảng không nên đưa ra những đòi hỏi quá cao (độc lập dân tộc, nghị viện, v.v.). Như thế sẽ rơi vào cạm bẫy của phát xít Nhật.

Chỉ nên đòi các quyền dân chủ, tự do tổ chức, tự do hội họp, tự do báo chí và tự do ngôn luận, đòi ân xá toàn thể chính trị phạm, đấu tranh để Đảng được hoạt động hợp pháp.

2. Muốn đạt được mục đích trên phải ra sức tổ chức Mặt trận dân tộc dân chủ rộng rãi.

Mặt trận ấy không những chỉ có người Đông Dương mà bao gồm cả những người Pháp tiến bộ ở Đông Dương, không những chỉ có nhân dân lao động mà gồm cả giai cấp tư sản dân tộc.

3. Đối với tư sản dân tộc, Đảng phải có thái độ khéo léo, mềm dẻo. Phải hết sức lôi kéo họ và giữ họ ở trong Mặt trận, thúc đẩy họ hành động nếu có thể, cô lập họ về chính trị nếu cần. Tránh hết sức để họ ở ngoài Mặt trận, vì như thế là đẩy họ rơi vào tay bọn phản động, là tăng thêm lực lượng cho chúng.

4. Đối với bọn tòröttxkit, không thể có thỏa hiệp nào, một nhượng bộ nào. Phải dùng mọi cách để lột mặt nạ chúng làm tay sai cho chủ nghĩa phát xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị.

5. Để phát triển và củng cố lực lượng, mở rộng ảnh hưởng và hành động có hiệu quả. Mặt trận dân chủ Đông Dương phải có liên hệ chặt chẽ với Mặt trận nhân dân Pháp, vì Mặt trận này cũng đấu tranh cho các quyền tự do dân chủ và có thể giúp rất nhiều cho ta.

6. Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo.

7. Muốn làm được nhiệm vụ trên, Đảng phải đấu tranh không nhân nhượng chống tư tưởng bè phái, và phải tổ chức học tập có hệ thống chủ nghĩa Mác - Lê nin để nâng cao trình độ văn hóa và chính trị cho các đảng viên. Phải giúp đỡ cán bộ không đảng phái nâng cao trình độ. Phải duy trì quan hệ chặt chẽ với Đảng Cộng sản Pháp.

8. Ban Chấp hành Trung ương phải kiểm soát các báo chí của Đảng để tránh những khuyết điểm về kỹ thuật và chính trị (ví dụ: đăng tiểu sử đồng chí R., báo *Lao động* viết đồng chí đó ở đâu, đồng chí đó trở về như thế nào, v.v.. Báo đó lại đăng và không bình luận gì về bức thư của đồng chí này cho rằng chủ nghĩa Tờrốtxkit là sản phẩm của tính khoe khoang cá nhân, v.v.).

Viết năm 1939

1
9
3
9

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.167-168.

BÁO CÁO GỬI BAN CHẤP HÀNH QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Các bạn thân mến,

Tôi ra đi đã 9 tháng nay và đã tới nơi được 7 tháng. Nhưng tôi lấy làm khổ tâm mà báo cáo rằng tôi chưa hoàn thành nhiệm vụ. Đúng là tôi đã rơi vào cơn lốc lớn đang làm biến đổi số mệnh của hàng trăm triệu con người và trên con đường di chuyển của nó, nó đã ngẫu nhiên làm đảo lộn tất cả kế hoạch của tôi. Tuy nhiên điều đó cũng không thể bào chữa cho sự bất lực của tôi.

Trong bảy tháng qua, tôi đã làm gì? Được sự giúp đỡ của một số bạn, tôi bắt tay tiến hành nghiên cứu, nhưng chẳng thu được kết quả nào. Sau đó, tôi tìm cách bắt các mối liên lạc, và việc này đã đưa lại ít nhiều kết quả như sau đây chúng ta sẽ rõ. Trong khi chờ đợi, để khỏi phí thời gian, tôi đến làm việc phiên dịch các tin tức thế giới (nghe đài thu thanh) ở Bát lô quân, làm Bí thư chi bộ, Chủ nhiệm câu lạc bộ và hiện nay, Ủy viên Ủy ban câu lạc bộ. Đồng thời tôi đã viết một cuốn sách nói về Khu vực đặc biệt và một số bài báo phản ánh những biến cố chính trị và quân sự, sự tàn ác của bọn Nhật Bản, tinh thần anh dũng của các chiến sĩ Trung Quốc, cuộc đấu tranh chống bọn tò rotxkít... để tuyên truyền quốc tế.

Từ ngày 12/2/1939, số lớn những bài đó đã được đăng trên tờ *Notre Voix*, tuần báo công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương, xuất bản tại Hà Nội. Trên các bài đó tôi đều ghi *Quế Lâm* và ký tên *Lin*, hy vọng rằng các đồng chí có trách nhiệm có thể đoán được ai là tác giả và hiện người đó ở đâu. Nhưng hy vọng này không đạt được. Tuy nhiên, giữa tôi và đồng chí Chủ nhiệm tờ báo đã hình thành một mối liên hệ chặt chẽ, và đồng chí ấy vẫn tin chắc tôi là một nhà báo Trung Quốc.

Chỉ đến cuối tháng này (tháng 7), thông qua một người bạn, rồi thông qua đồng chí Chủ nhiệm tờ báo nói trên, tôi mới gửi được cho Ban Chấp hành Trung ương địa chỉ của tôi và các đường lối, chủ trương. Nên chú ý là từ lúc ra đi, để cho dễ nhớ, tôi đã ghi lại những điểm chính của đường lối, chủ trương. Nhưng bản ghi đó, cùng với tất cả đồ đạc còn lại của tôi, đã bị thất lạc ở Diên An và đến lúc

tôi về tới nơi thì chỉ còn lại vẹn vẹn một quyển từ điển. Vì vậy, tôi chỉ có thể truyền đạt cho Ban Chấp hành Trung ương những điều tôi còn nhớ. Đề nghị các đồng chí xem có những gì sai lầm và thiếu sót lớn không (bản sao kèm theo).

*

* *

1
9
3
9

Qua tờ *Notre Voix* và tờ *Đời nay* - một tờ tuần báo công khai khác của Đảng xuất bản bằng tiếng Việt ở Hà Nội - tôi có thể tóm tắt tình hình trong nước như sau:

Nhìn chung, từ năm 1936 đến năm 1938, tình hình đã được cải thiện khá nhiều, chế độ ngày làm 8 giờ, hằng tuần có ngày nghỉ, chế độ nghỉ hằng năm là 10 ngày có lương, tự do tổ chức đã bắt đầu được thực hiện. Nhiều tù chính trị đã được ân xá. Nhưng tất cả những điều đó đã xấu đi từ khi Chính phủ Đaladiê ngả về hữu, nhất là từ năm 1939. Tình hình nghiêm trọng này đã gây nên phong trào đấu tranh trong quần chúng.

TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ TRONG NGƯỜI BẢN XỨ

Trung Kỳ: 2 đảng viên xã hội người bản xứ, nghị viên dân biểu và biên tập viên báo “*Dân*” đã bị tước quyền đại biểu, quyền công dân và bị tống giam. Tờ báo “*Dân*” bị đóng cửa.

Trong cuộc bầu cử bổ sung, 2 đảng viên xã hội khác đã trúng cử với đa số phiếu: 669 và 878 phiếu, so với 292 và 500 phiếu bỏ cho các ứng cử viên do chính quyền đưa ra. (Hình như nhiều người cộng sản đã lấy danh nghĩa Đảng Xã hội để dễ hoạt động hợp pháp).

Nam Kỳ: Trong dịp bầu cử Hội đồng quản hạt, Mặt trận dân chủ đã đưa ra danh sách Ninh, Tạo, Mai. Chính quyền đã gây mọi khó khăn đối với các ứng cử viên này: Từ chối không nhận danh sách ứng cử, đe dọa các chủ muối cho họ thuê phòng làm nơi hội họp, xé áp phích của họ, bắt các biên tập viên báo *Dân chúng* (tờ báo công khai của Đảng ở Sài Gòn), tịch biên tòa báo và tài chính của nó... Sau hàng trăm cuộc mít tinh phản đối, có hơn 2 vạn người tham gia, chính quyền mới buộc phải thừa nhận danh sách ứng cử đó. Và chỉ đến vòng bầu cử thứ hai, 3 tên tờ *rôtxít* và 3 tên lập hiến mới trúng cử.

Bắc Kỳ: Do các đại biểu người Pháp từ chối không chịu thảo luận đề nghị nâng số đại biểu người bản xứ lên bằng số đại biểu người Pháp (hiện nay có 12 Pháp và 6 bản xứ), 3 đại biểu đảng viên Xã hội người bản xứ đã từ chức. Trong khi bầu lại, những người từ chức đó đã thắng lợi rất oanh liệt và trúng cử với con số từ 750 đến 772 phiếu so với con số từ 11 đến 370 phiếu bỏ cho các ứng cử viên do chính quyền đưa ra.

Ít lâu sau, anh Phan Thanh, một trong số đại biểu đảng viên Xã hội đó, chết. Dân chúng đã tổ chức tang lễ rất trọng thể. Đám tang có 153 vòng hoa, có đại biểu 14 tỉnh về dự và dài 2 kilômét. Gia đình anh nhận được 110 điện viếng. Chưa bao giờ có một đám tang lớn như thế ở Hà Nội.

TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ CỦA PHÁP Ở BẮC KỲ

Tháng 1, Đại hội Chi nhánh Đảng Xã hội Bắc Đông Dương họp tại Hà Nội. Nhiều quyết nghị đã được thông qua:

Kết nạp đảng viên: - "...tối tận các thợ thủ công mù chữ...".

Thống nhất hành động: - "...Đại hội thông qua đường lối thống nhất hành động của Ban Thường vụ và giao cho Ban Thường vụ thực hiện sách lược này...".

Giúp đỡ Trung Quốc: - "Một ủy ban thường trực sẽ được thành lập để đảm nhiệm việc giúp đỡ Trung Quốc, đồng thời giúp đỡ cả những người cộng hòa Tây Ban Nha, những người lưu vong Tiệp Khắc, những người Do Thái và các nạn nhân Đông Dương".

Chống đàn áp: - "...cực lực phản đối những hành động phá hoại lòng tin cậy và mối hy vọng của nhân dân bản xứ đối với nước Pháp dân chủ.... Báo động cho tất cả các tổ chức tiến bộ đang hoạt động ở miền Bắc Đông Dương và đề nghị các tổ chức ấy cùng phối hợp hoạt động để ngăn chặn những hành động vô chính trị và độc đoán đó".

Một đại biểu thanh niên dân chủ (không phải là một tổ chức) đã đọc trước Đại hội một bản kiến nghị yêu cầu cho thành lập một chi hội Thanh niên xã hội (vào tháng 4, một chi hội như thế đã được thành lập ở Hà Nội).

Tờ *Notre Voix* đã đăng một lời chào mừng anh em gửi cho Đại hội.

Hội Nhân quyền đã đòi tự do lập nghiệp đoàn cho công nhân bản xứ. (Về sau tôi sẽ trình bày chính sách của bọn tò rotxkit Đông Dương).

CÔNG NHÂN

Tùy từng vùng, tiền lương có khác nhau. Nhưng nét chung đối với tất cả các nơi là tiền lương rất thấp. Lương công nhật tối thiểu là:

Dàn ông -	Trung Kỳ:	từ 0đ20 đến 0đ33
	Bắc Kỳ:	- 0đ22 - 0đ33

1
9
3
9

Đàn bà -	Trung Kỳ:	- 0,15 -	0,25
	Bắc Kỳ:	- 0,17 -	0,25
Trẻ em -	Trung Kỳ:	- 0,11 -	0,19
	Bắc Kỳ:	- 0,12 -	0,17

Theo số liệu chính thức ở Bắc Kỳ thì giá sinh hoạt tháng 6-1939 tăng 40% so với tháng 9-1938 và so với năm 1914 thì tăng 177%; trong khi đó, tiền lương chỉ tăng từ 10 đến 12%, vì vậy một làn sóng *bãi công* đã nổ ra.

Địa phương	Ngành nghề	Yêu sách	Người tham gia bãi công	Tháng	Kết quả
- Turan	công nhân Riksha	phản đối tăng tiền thuê nhà	-	1	-
- Vĩnh Long	thợ làm gạch	tăng lương	500	nt	thắng lợi
- Chợ Lớn	đồn điền	tăng lương	-	nt	-
- Thủ Dầu Một	đồn điền	giảm giờ làm từ 11 giờ xuống 9 giờ	300	nt	thắng lợi
- Hải Phòng	thợ may	tăng lương (không nổ ra bãi công)	-	3	thắng lợi
- Hải Phòng	thợ cưa	tăng lương	1.000	4	-
- Cần Thơ	thợ cưa	tăng lương	100	4	-
- Hà Nội	thợ cưa	tăng lương	400	4	-
- Uông Bí	công nhân mỏ than	tăng lương	300	4	thắng lợi
- Mỹ Tho	công nhân Riksha	phản đối phạt vạ	200	4	-
- Chợ Lớn	thợ cưa	tăng lương	100	4	-
- Hải Phòng	công nhân sợi	tăng lương	3.000	nt	thắng lợi
- Hà Nội	thợ may	tăng lương	-	nt	-
- Hà Nội	thợ in	tăng lương	70	4	thắng lợi
- Nam Định	trẻ em bán kem	phản đối tăng giá	60	5	-
- Hà Nội	trẻ em bán kem	tăng giá	100	5	thắng lợi
- Hà Nội	đô tuỳ	tăng lương	500	nt	-

Địa phương	Ngành nghề	Yêu sách	Người tham gia bãi công	Tháng	Kết quả
- Hà Nội	thợ dệt	tăng lương	14	nt	thắng lợi
- Hà Nội	học nghề	cải thiện sinh hoạt	30	nt	-
- Hà Nội	nhạc sĩ	tăng lương	40	nt	-
- Hà Nội	thợ dệt	tăng lương	-	nt	thắng lợi
- Hà Nội	thợ mộc	nt	700	nt	thắng lợi
- Hải Phòng	công nhân bốc vác	nt	1.500	nt	thắng lợi
- Sài Gòn	công nhân vệ sinh	nt	300	nt	thắng lợi một phần
- Hải Phòng	công nhân xi măng	tăng lương (bãi công 1 giờ)	60	6	thắng lợi
- Hải Phòng	công nhân bốc vác	nt	100	nt	-
- Hải Phòng	công nhân xe chỉ	nt	800	nt	thắng lợi
- Hải Phòng	dệt thảm	nt	700	nt	-
- Hải Phòng	làm ô	yêu sách, (không bãi công)	-	nt	-
- Hải Phòng	chè	tăng lương	200	nt	thắng lợi
- Hải Phòng	thợ máy	tăng lương	300	5	thắng lợi
- Hải Phòng	hang buôn	nt	300	6	nt
- Hải Phòng	chè	nt	300	nt	thất bại
- Hải Phòng	thủy tinh	nt	700	nt	-
			phụ nữ		
- Hà Nội	công nhân hỏa xa	nt	800	nt	thắng lợi một phần
- Hà Nội	thêu	tăng lương	-	nt	thắng lợi một phần
- Hà Nội	làm mũ	tăng lương	100	nt	thắng lợi một phần
- Hà Nội	Hàng ô tô Pho	nt	300	6	-
- Dĩ An	xe lửa	nt	700	nt	-

1
9
3
9

1
9
3
9

Địa phương	Ngành nghề	Yêu sách	Người tham gia bãi công	Tháng	Kết quả
- Sài Gòn	bến tàu	nt	4.000	6	thắng lợi
- Sài Gòn	nha in	nt	300	6	thắng lợi một phần
- Sài Gòn	thợ giày	nt	-	nt	-
- Hà Nội	máy diêm	tăng lương	240 phụ nữ	6	thắng lợi
- Hà Nội	nha in	nt	60	6	thắng lợi
- Hà Nội	thợ mộc	ngày hợp pháp	-	6	thắng lợi
- Hà Nội	nha in khác	tăng lương	-	6	thắng lợi
- Hà Nội	xe lửa	nt	-	6	-
- Hà Nội	thợ máy	nt	600	6	thắng lợi
- Hải Phòng	lái tàu sông	nt	-	6	thắng lợi
- Uông Bí	công nhân mỏ than	nt	2.000	6	thắng lợi

(Bảng này thống kê từ tháng 1 đến tháng 6, nhưng chưa đầy đủ. Dấu (-) tức là chưa biết).

Một vài đặc điểm của các cuộc bãi công nói trên:

So với trước thì các cuộc bãi công năm 1939 có tổ chức và có kỷ luật hơn. Các cuộc bãi công ấy đều đưa ra những yêu sách cụ thể hơn: đòi tăng lương, ngày làm 8 giờ, bảo hiểm xã hội, công nhận các đại biểu, tự do nghiệp đoàn. Đó là những yêu sách cơ bản.

Hầu hết các cuộc bãi công đều được sự ủng hộ tinh thần và vật chất của công nhân các ngành khác, của nông dân và tiểu thương; đôi khi ngay cả tù chính trị cũng đóng góp vào các cuộc lục quyên ủng hộ. Những người bãi công đã ra lời kêu gọi lao động trong cả nước và đã nhận được thư tỏ tình đoàn kết. Mỗi lần thắng lợi, họ lại ra những bản tuyên bố động viên toàn thể công nhân đoàn kết lại, đồng thời cũng nhận được nhiều điện mừng gửi tới.

Trong khi cuộc bãi công của công nhân Nhà máy sợi Hải Phòng đang nổ ra, bọn môt công nhân đã tìm cách quyến rũ công nhân thất nghiệp Nam Định; nhưng những người này không muốn trở thành những kẻ phá hoại bãi công và đã gửi thư khuyến khích bạn đồng nghiệp của họ ở Hải Phòng tiếp tục đấu tranh cho đến thắng lợi.

Sau cuộc bãi công, bọn chủ và bọn thanh tra lao động buộc phải ký giao kèo với đại biểu công nhân. Như vậy là đoàn đại biểu công nhân được coi như hợp pháp.

Những người bãi công đã thực hiện kỷ luật dân chủ. Ví dụ: Sau cuộc bãi công của công nhân Nhà máy sợi Hải Phòng, đến trưa thì ban giám đốc và bọn thanh tra lao động của nhà máy ký giao kèo, nhưng đại biểu của những người bãi công từ chối không chịu ký khi họ chưa có ý kiến đồng ý của toàn thể công nhân. Đến 2 giờ chiều, trước 2.000 công nhân tập hợp rất trật tự trước nhà máy, bản giao kèo được đem ra đọc. Chỉ sau khi toàn thể những người tham gia bãi công nhất trí tán thành, các đại biểu mới ký tên vào bản giao kèo. Lúc bấy giờ, công nhân đã giơ nắm tay “mặt trận đỏ” lên cám ơn viên Tổng thanh tra lao động. Bức thư của họ được đăng trên các báo và kết thúc bằng những khẩu hiệu: “Vô sản thế giới muôn năm! Mặt trận Dân chủ muôn năm! Tự do nghiệp đoàn, dân chủ và tinh thần đoàn kết muôn năm!”.

Làn sóng bãi công làm cho bọn chủ lo lắng. Một số trong bọn chúng (Nhà máy sợi, Nhà máy rượu Nam Định và một số khác) không đợi công nhân yêu sách, đã thực hiện tăng lương.

Tổ chức công nhân

Từ năm 1936, sau khi Mặt trận nhân dân ở Pháp thắng lợi, phong trào đòi tự do nghiệp đoàn ở Đông Dương bắt đầu phát triển mạnh mẽ. Để ngăn chặn hoặc làm trì trệ phong trào, Chính phủ thuộc địa đã “khuyên công nhân trước hết hãy tổ chức những hội ái hữu” với một điều lệ hạn chế do tự chúng thảo ra. Nhưng ngay sau khi Chính phủ Pháp ngả về hữu thì các tổ chức ái hữu ở Đông Dương bắt đầu bị khủng bố. Ở Nam Kỳ và Bắc Kỳ, người ta đóng cửa một vài tổ chức cũ, gây khó khăn đối với những tổ chức mới và cấm không cho lập thêm các tổ chức khác. Ở Trung Kỳ thì lại quá tay! Người ta bỏ tù 4 năm những nông dân tổ chức hợp tác! Vì vậy cho nên “đòi hỏi tự do tổ chức” trở thành một trong những khẩu hiệu chính của tất cả các cuộc bãi công và biểu tình. Cần nhắc lại rằng, ngày 6/3/1939, công nhân dệt ở Hà Nội đã gửi thư cho Thống sứ Bắc Kỳ đòi tự do nghiệp đoàn. Ngày 14/4, cũng ở thành phố này, những người lao động đã gửi thư cho Bộ trưởng Thuộc địa tố cáo những hành động đàn áp công nhân và đòi tự do dân chủ. Ngày 6/6, đại biểu các hội ái hữu của 4 thành phố (Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng và Hà Đông) đã gửi cho Thống sứ Bắc Kỳ và cho Tổng Thanh tra lao động một lá thư, trong đó, đoạn cuối như sau:

“Năm 1936, khi phong trào đòi tự do nghiệp đoàn lên cao, Chính phủ bảo những người lao động hãy tổ chức những hội ái hữu đã, trong khi chờ đợi thành lập nghiệp đoàn. Chúng tôi không phải là những người bảo thủ để tin rằng hội ái hữu là một bước cần thiết để tiến tới nghiệp đoàn, nhưng vì không muốn bỏ lỡ một cơ hội nhỏ nào, nhằm tổ chức quần chúng lao động lại, nên chúng tôi đã bắt đầu tiến hành thành lập hội ái hữu ở khắp nơi, mỗi nơi một ít, đồng thời không ngừng đòi nhà chức trách phải thực hiện tự do nghiệp đoàn”.

1
9
3
9

“Khắp nơi, mỗi nơi một ít, các hội ái hữu được thành lập, làm việc trong không khí mới mẻ và với một phương pháp mới. Thấy vậy, nhà chức trách tìm hết cách ngăn chặn, khủng bố các hội ấy, đuổi những công nhân là hội viên hoặc công nhân có trách nhiệm trong các tổ chức này, giải tán một cách độc đoán những hội ái hữu cũ và ngăn cấm không cho thành lập những hội mới”.

“Chúng tôi kịch liệt phản đối việc giải tán các hội ái hữu hoạt động trong vòng trật tự, hợp pháp và không bao giờ vượt quá phạm vi nghề nghiệp của mình. Chúng tôi kiên quyết đòi cho những người lao động được tự do lập hội ái hữu. Thay mặt các hội ái hữu của những người lao động Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định và Hà Đông, đại biểu cho niềm hy vọng của các tầng lớp lao động Bắc Kỳ, với thiện cảm và sự ủng hộ của lao động toàn Đông Dương, chúng tôi lớn tiếng đòi: Tự do nghiệp đoàn! Tự do tổ chức hội ái hữu!”.

Ngày 1/5/1939

Năm 1938, lần đầu tiên Hà Nội được tổ chức ngày 1/5 hợp pháp. Ngày đó thật là lớn và đỗi với Đông Dương, có thể nói là vĩ đại: 2 vạn người biểu tình. Năm nay, Đảng Cộng sản tan thành, nhưng Đảng Xã hội lại phản đối biểu tình công khai. Cuối cùng, một cuộc họp đã được tổ chức tại trụ sở Đảng Xã hội, có 100 đại biểu các tổ chức tham dự. Ở các thành phố khác lại có nhiều cuộc biểu tình lớn hơn.

Hải Phòng	700	người biểu tình,
Thái Bình	500	-
Thanh Hóa	2.000	- trong 23 cuộc mítinh,
Nghệ An	500	nông dân,
Sài Gòn	11	cuộc biểu tình, 5 cuộc bãi công,
Mỹ Tho	250	công nhân biểu tình,
Long Xuyên	300	-
Thà khẹt (Lào)	40	-

Sau ngày lễ đó, nhiều vụ bắt bớ và tù tội đã diễn ra.

Những cuộc biểu tình khác

Lấy cớ để phòng thủ Đông Dương, ngày 15/5 Chính phủ quyết định thu 10 triệu bạc “đảm phụ quốc phòng”. Tất cả gánh nặng đó đè lên lưng người bản xứ. Một công chức người bản xứ phải đóng góp 8 lần so với đồng sự của họ người Pháp. Một người Âu chỉ phải đóng một đồng thuế thân, trong khi đó một người bản xứ phải đóng từ 1đ50 đến 20đ00, cộng thêm 4đ20 tiền miễn trừ tạp dịch nữa. Thuế môn bài tăng gấp đôi, gấp bốn. Ví dụ: Một ông già bán thuốc chữa bệnh vốn chỉ 15đ00 mà phải đóng đến 6đ00 thuế thân và

9đ80 thuế môn bài! Nông dân phải đóng nhiều hơn năm 1938 là 38%. Tình hình đó đã gây ra những cuộc biểu tình và phản đối trong nhân dân. Dưới đây là bản thống kê không đầy đủ về những cuộc biểu tình đó.

Ngày tháng	Địa phương	Người tham gia	Yêu sách
Tháng 3	Hà Nội	200	- Người buôn bán gửi đơn cho Chính phủ phản đối tăng thuế.
Tháng 4	Hà Nội	Tiểu thương	- Gửi đơn cho Chính phủ phản đối tăng thuế.
Tháng 4	Vĩnh Long	Nông dân	- Đòi chia đất công.
Tháng 5	Hải Phòng	1.500	- Phản đối tăng thuế, đòi giảm thuế cho người nghèo, đòi tự do tổ chức, đoàn kết với công nhân bãi công, chống khủng bố.
Tháng 5	Hà Nội	722	- Tiểu thương đòi phủ toàn quyền giảm thuế cho người nghèo và người thất nghiệp. Đánh thuế nặng hơn đối với các công ty lớn.
Tháng 5	Hải Phòng	438	- Tiểu thương phản đối tăng thuế.
Tháng 5	Hải Phòng	1.000	- Công nhân và tiểu thương phản đối tăng thuế và đòi tự do tổ chức.
Tháng 5	Sơn Tây	-	- Nông dân làng Dụ Phước đòi chia ruộng công.
Tháng 5	Thái Bình	500	- Biểu tình chống thuế, đòi tự do dân chủ, đòi ân xá chính trị phạm.
Tháng 5	Thanh Hoá	-	- Đòi lại phiếu quốc trái mà bọn trung gian đã chiếm mất.
Tháng 6	Hà Đông	100	- Nông dân Hạ Trì chống thuế.
Tháng 6	Cao Bằng	300	- Nông dân chống thuế.
Tháng 6	Hải Phòng	1.500	- Công nhân và tiểu thương chống tăng thuế, chống khủng bố và chủ nghĩa phát xít, đòi tự do tổ chức.
Tháng 6	Hà Nội	650	Biểu tình phản đối tăng thuế, tố tình đoàn kết với những người bãi công và nông dân bị tước đoạt ở Thái Ninh.
Tháng 6	Hà Đông	3.000	- Nông dân làng Văn Phước chống bán ruộng công.
Tháng 6	Thái Bình	500	- Nông dân Đặng Phổ chống tăng thuế, tố tình đoàn kết với nông dân Thái Ninh.
Tháng 6	Thái Bình	-	- Nông dân An Thái đòi chia ruộng công.
Tháng 6	Hải Phòng	-	- Hàng trăm người biểu tình ở công viên phản đối tăng thuế, chống khủng bố công nhân, và tố tình đoàn kết với những người bãi công.
Tháng 6	Thanh Hoá	1.739	- Nhân dân gửi 47 đơn cho phủ toàn quyền đòi giảm thuế và thực hiện tự do dân chủ.
Tháng 7	Thái Bình	-	- Hàng ngàn nông dân biểu tình phản đối tước đoạt ruộng đất của họ (1.500 mẫu) để cấp cho bọn chủ báo <i>Hà Nội buổi chiều</i> và <i>Đông Pháp</i> . Số ruộng đất này thuộc làng Thái Ninh. Nhiều cuộc bãi thị đã nổ ra.

1
9
3
9

BÁO CHÍ

Theo tôi biết, ở Bắc Kỳ có những tờ tuần báo như sau:

Demain - Đảng Xã hội,
Tribune républicaine - (Pháp),
Effort - Tiến bộ - tự trị - (bản xứ),
Notre Voix - Cộng sản,
Đời nay - Cộng sản,
Người mới - Khuynh hướng xã hội,
Ngày mới - Khuynh hướng xã hội,
Thế giới - Thanh niên tiến bộ.

Trung Kỳ:

Tiếng dân - Quốc gia.

Nam Kỳ:

Dân chúng - Cộng sản,
Lao động - Khuynh hướng cộng sản (tôi cho như vậy),
Tiến tới - Tiến bộ,
Đông phương - Tiến bộ,
Mới - Thanh niên dân chủ.

Các báo này tán thành đòi tự do, dân chủ và ân xá chính trị phạm.

Tờ *Dân chúng* xuất bản ở Sài Gòn từ tháng 7/1938 là tờ báo đầu tiên đã bất chấp đạo luật cấm phát hành nếu không được phép trước. Sau khi nó ra đời được một tháng, quyền tự do báo chí được ban hành, nhưng hàng ngày, người ta cứ tìm cách cắt xén và thủ tiêu đi, như về sau, chúng ta sẽ thấy. Tôi nghĩ rằng *Dân chúng* cũng là tờ báo được nhiều người đọc nhất ở Đông Dương, vì số lượng phát hành của nó lớn hơn tất cả - mỗi số 1 vạn bản. Ngày 7/3, tờ báo bị tịch thu, các biên tập viên của nó bị bắt. Trong suốt tháng sau, 28 cuộc mít tinh phản đối đã nổ ra, một vài cuộc có tới 1.000 người tham gia; và để giúp đỡ tờ báo, một cuộc lạc quyên đã được tổ chức và thu được hơn 400đ trong một tuần lễ. Phản đối Chính phủ tìm cách ngăn cản các ứng cử viên của Mặt trận dân chủ trong cuộc bầu cử Hội đồng quản hạt, trong vòng đầu, báo *Dân chúng* đã đưa ra khẩu hiệu bỏ phiếu trắng và 2.585 cử tri đã làm theo.

Báo *Đời nay* ở Bắc Kỳ cũng rất được nhiều người đọc. Trong danh sách “ ủng hộ báo *Đời nay*” người ta đọc thấy tên phụ nữ, thanh niên, học sinh, công nhân, nông dân, tiểu thương ủng hộ từng xu nhỏ.

Người ta còn thấy tên một thiếu nữ ủng hộ tới 20 đồng bạc; có lẽ đó là một người cảm tình trẻ tuổi thuộc tầng lớp tư sản. Công nhân ở Boócđô, Havơrơ, Xiêm, Lào và Vân Nam cũng đều gửi tiền ủng hộ. Khi công nhân, nông dân, tiểu thương và hương sư có kêu ca điều gì thì họ cũng nhờ tới báo *Đời nay*.

Người đọc tờ *Notre Voix* thì ít hơn nhiều, và chỉ gồm những người Đông Dương biết tiếng Pháp, làm chính trị. Đây là cương lĩnh của tờ *Notre Voix* và cũng là cương lĩnh chung của các tờ báo cộng sản Đông Dương:

“*Notre Voix* sẽ là tiếng nói của những người mong muốn hòa bình, muốn được tự do và hạnh phúc hơn, của những người quyết tâm đấu tranh cho một cuộc sống tốt đẹp hơn, đấu tranh chống lại các lực lượng bảo thủ và áp bức xã hội, chống lại những kẻ gây chiến, chủ nghĩa phát xít trong nước và trên quốc tế.

“Nói một cách chính xác hơn, *Notre Voix* sẽ hoạt động để mở rộng và củng cố mặt trận những lực lượng tiến bộ, mặt trận dân chủ Pháp - Đông Dương, để tăng cường tình đoàn kết của nhân dân Đông Dương với các chiến sĩ anh hùng Trung Quốc, Tây Ban Nha và nói chung, với toàn thể nhân dân thế giới”.

Chính phủ thuộc địa tích cực dùng bạo lực chống lại các báo phái tả cũng như các báo dân chủ bản xứ. Chúng đuổi những công nhân, viên chức đọc các báo đó, đe dọa những độc giả khác, tịch thu báo, và đôi khi cả tài chính của tòa báo, bắt bớ và tống giam các biên tập viên và phóng viên, truy tố ban biên tập trước tòa án, v.v.. Các biên tập viên báo *Thanh niên* bị bắt ngay sau khi tờ báo phát hành. Thuế môn bài các đại lý báo *Đời nay* đều tăng 700%.

Nói về những cuộc đàn áp ấy, báo *Đời nay*, cơ quan của Đảng Xã hội xuất bản ở Hà Nội, viết:

“Người ta chỉ có thể khiển trách họ đã đề cập đến những vấn đề dân chủ, đã ca ngợi một sự hợp tác Pháp - Việt chân thành, một sự đoàn kết hợp lý trước hoạ phát xít... Người ta bóp nghẹt mọi tài liệu dân chủ và dung túng sách báo thân Nhật hoặc có khuynh hướng phát xít”.

Cũng cần nhắc ra đây tên một số sách bị cấm:

Lênin

Nước Nga Xôviết

Lịch sử cách mạng Trung Quốc

Tây Ban Nha

Thắng lợi của thái độ kiên trì của Liên Xô

Việc võ trang Liên Xô

Công cuộc khôi phục ở Liên Xô

1
9
3
9

Sự tiến bộ trong quan hệ Trung - Xô

(Tóm lại, tất cả sách viết về Liên Xô).

Tờ rốtxít, công cụ của chủ nghĩa phát xít (bằng tiếng Trung Quốc)

Mặt trận thống nhất chống phát xít sau sự kiện Muynich (bằng tiếng Trung Quốc).

Tất cả những sách chống phát xít và ngay cả những quyển sách như:

Nguyên lý lãnh đạo (bằng tiếng Việt) và các tác phẩm văn nghệ như:

Lúc tôi ở với Lenin của Goocki, cũng đều bị cấm.

Báo cánh tả bằng tiếng Việt bị cấm lưu hành ở Trung Kỳ và Cao Miên. Các báo tờ rốtxít và có khuynh hướng phát xít được khuyến khích và tự do lưu hành khắp nơi.

Cuốn *Tư bản* cũng bị cấm ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

Tù chính trị

Theo tờ *Notre Voix* thì còn khoảng 1.500 tù chính trị ở trong các nhà lao. Tổ chức cứu tế nhân dân ở Pháp luôn luôn can thiệp và các báo cánh tả Pháp, Việt ở Đông Dương (ngay bọn tờ rốtxít cũng có tham gia một lần và theo cách của chúng) đều lên tiếng đòi trả lại tự do cho họ.

Tháng 6, Hội đồng quản hạt Nam Kỳ đã thông qua một bức điện gửi cho Bộ trưởng Bộ Thuộc địa yêu cầu ân xá toàn thể các chính trị phạm.

Các báo cộng sản đều tổ chức lạc quyên giúp đỡ họ. Từ năm 1938 cho đến tháng 4/1939, số tiền lạc quyên đã hơn 800đ. Cũng như mọi khi, những người đóng góp vẫn cứ là công nhân, nông dân, sinh viên, tiểu thương, thanh niên dân chủ, công nhân bản xứ làm việc ở nước ngoài. Tuy nhiên, đôi khi cũng có những hành động cảm động: 2 thanh niên nông dân cùng nhau ủng hộ 7 xu và bên cạnh họ là một người cảm tình vô danh ủng hộ 20đ. Cũng có những người ủng hộ thuốc uống, sách và truyện cũ, kẹo, bưu ảnh, v.v..

Nhưng nếu lớp tù chính trị này được thả ra thì người ta lại tống giam những lớp mới khác.

Biểu tình trước trụ sở Hội đồng dân biểu: 3 năm tù và 3 năm quản thúc.

Tham gia vào hội tương tế, dù hội này đã được phép mở: Cũng án như vậy.

Đưa yêu sách của dân làng cho các nghị viên, dù các nghị viên đó tự mình đến hỏi: 10 năm khổ sai và 10 năm quản thúc, v.v..

Phi Vân (mà người ta cho rằng đã phản bội) đã bị bắt và bị kết án 10 năm tù hồi tháng 6/1939. Anh ta bị áp giải một cách cẩn mật từ nhà lao đến Tòa án Bắc Ninh, tay bị xiềng, đầu trần, chân đất, mình trần trụi và chỉ mang mỗi chiếc quần cộc.

Tờ *Effort*¹⁾ viết về các cuộc đàn áp như sau: "... 20 năm sau khi hàng vạn đồng bào của chúng ta đã ngã xuống trên chiến trường Pháp, chúng ta vẫn không được hưởng một chút quyền, một chút tự do sơ đẳng nào mà nhân dân các nước dân chủ văn minh đã được hưởng.

Không có tự do báo chí.

Không có tự do lập hội.

Không có tự do hội họp".

Sau hai năm thực hiện một mức tự do hạn chế, trong đó, một vài chính kiến đã được phép nói lên đến một chừng mực nào đó, Chính phủ Đông Dương... lại bắt đầu o ép và đàn áp... Tờ *Ngày mai* viết:

"Hình như các nhà cầm quyền của chúng ta đã mất hết sáng suốt và bình tĩnh, hình như hễ bị kinh khủng là họ mất hết trí minh mẫn và lòng độ lượng; kể từ năm 1930... - thời kỳ bi thảm mà hiện nay hình như chúng ta đang trở lại - chưa bao giờ lại có những phương pháp đàn áp khốc liệt và tàn bạo quá tay đến thế.

Người ta tịch thu, người ta cấm đoán, người ta bắt bớ, người ta kết tội một cách không căn cứ, điên rồ, sai trái, độc đoán và hết sức ráo riết. Người ta bịa đặt, người ta nặn ra mọi chứng cớ giả tạo, người ta dùng đến những hành động nhục nhã. Người ta dùng cả những biện pháp bất hợp pháp: Người ta đã hành động đến mức không luật pháp, đạo đức, nhân quyền, lương tri nào có thể bào chữa cho một chính sách ngu xuẩn đến thế".

Đông Dương và Trung Quốc

Những người lao động Việt Nam hoàn toàn đứng về phía Trung Quốc. Những người có ít nhiều tinh thần dân chủ, những nhà buôn Pháp cũng đều như vậy, tất nhiên vì nhiều nguyên nhân khác nhau.

Đảng Xã hội, Hội nhân quyền và tất cả những phần tử cánh tả ở Bắc Kỳ đã tổ chức vào đầu năm 1939 một cuộc hội chợ lớn để giúp các nạn nhân chiến tranh của Trung Quốc. Những người cộng sản đưa ra khẩu hiệu: "Giúp đỡ Trung Quốc!". Dân chúng đã thầm nhuần tinh thần khẩu hiệu đó và bằng chứng là, dù còn đói khổ, từ tháng 3/1938 tới tháng 2/1939, họ đã đóng góp 579 đồng vào cuộc

1) Effort nghĩa là cố gắng (B.T).

lạc quyên ủng hộ các chiến sĩ Trung Quốc, do các báo cộng sản ở Bắc Kỳ tổ chức (ở các địa phương khác cũng có lạc quyên, nhưng tôi không biết kết quả). Ngày đầu năm, báo *Notre Voix* đã nhận được 38đ35 ủng hộ những người du kích. Nhân dịp kỷ niệm 2 năm ngày chiến tranh bùng nổ, nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã gửi cho các chiến sĩ 100 đồng và một lá thư cổ vũ gồm 2.330 chữ ký.

Những người cộng sản cũng đưa ra khẩu hiệu tẩy chay hàng Nhật. Cần nói thêm rằng, những người cộng sản đã đặt ra bài hát: “Giúp Trung Quốc tức là giúp mình”, và bài hát đó đã được truyền đi rất rộng trong quần chúng. Nhiều nơi đã tổ chức các cuộc biểu diễn ban đêm. Người biểu diễn là công nhân, nông dân, nhất là thanh niên, họ thường phối hợp với thanh niên Trung Quốc để làm.

Dưới áp lực của Nhật, Chính phủ Pháp quyết định đóng cửa biên giới Trung Quốc - Bắc Kỳ lại. Chính phủ thuộc địa không tán thành chủ trương ấy. Các thương gia Pháp đấu tranh chống quyết định đó. Báo chí cũng nhất trí chống lại việc đóng cửa biên giới, nhưng với lý do khác nhau, kể thì vì vật chất, người thì vì chính trị. Trước Hội đồng dân biểu, Chủ tịch phòng thương mại Hà Nội đã kịch liệt phản đối quyết định của Chính phủ. Sau khi cho biết rằng từ tháng 2 đến tháng 10/1938, Đông Dương đã xuất cảng sang Nhật 341.000 tấn than và quặng sắt, ông nói: “... Nếu chúng ta coi việc xuất cảng này là hợp pháp thì không thể hiểu tại sao chúng ta lại cấm việc xuất cảng sang Trung Quốc,... Trung Quốc đã nhường đường xe lửa Vân Nam cho một công ty Pháp, Trung Quốc đã nhường đất để làm đường sắt và cung cấp nhân lực cần thiết cho công cuộc xây dựng. Ngoài ra, trong điều 4 của Hiệp ước Trung - Pháp có ghi: “Dụng cụ chiến tranh, vũ khí và đạn dược mà Chính phủ quốc gia muốn chuyển vận xuyên qua đất Bắc Kỳ sẽ được miễn mọi thứ”... Không tôn trọng lời ký kết của nước Pháp, chúng ta đã cấm vận chuyển hàng hóa sang Trung Quốc bằng con đường sắt (Pháp - Trung Quốc) Vân Nam. Trong lúc đó, chúng ta lại giao than và quặng sắt của chúng ta cho Nhật Bản...”.

Tướng Tổng tham mưu trưởng Bạch Sùng Hy tuyên bố với các nhà báo Pháp: “Hiện nay không phải chỉ Quảng Tây tỏ ý bất bình với nước Pháp, mà cả Vân Nam, Quảng Đông và tất cả các tỉnh khác ở Hoa Nam nữa”.

Trong thời gian 3 tháng, người Trung Hoa đã làm xong 250 kilômét đường ôtô nối liền Vân Nam và Rangoon. Anh sẽ cho Trung Quốc vay 100 triệu để xây dựng một con đường sắt chạy theo hướng này. Chính phủ Đaladié nhận thấy rằng nhiều mối lợi to lớn sẽ mất, không những thế cả nền thương

mại Pháp ở Bắc Kỳ cũng sẽ bị phá sản, cho nên chúng buộc phải ngấm ngầm mở lại cửa biên giới mà không nói năng gì.

Nhật chiếm đảo Hải Nam và Spralây¹⁾ làm cho Pháp lo sợ. Họ liền tìm cách hợp tác với người Anh (Hội nghị quân sự ở Xingapo) và chuẩn bị phòng thủ: Tăng quân bằng cách tuyển thêm một vạn người, sửa lại các hải cảng, xây dựng sân bay và các nhà máy có thể sản xuất từ 150 đến 400 máy bay một năm.

Các báo cáo tả cho rằng như vậy vẫn chưa đủ, rằng muốn phòng thủ có kết quả thì phải có sự hợp tác thành thật của dân chúng; muốn thế, cần ban hành những quyền dân chủ cho người bản xứ.

Nên nhớ rằng Chính phủ thuộc địa đã tổ chức một trường học tiếng Nhật ở Thanh Hóa. Lại một sự việc có ý nghĩa hay một dấu hiệu sơ hãi: Tháng 6, trong một thông tri gửi cho người Pháp ở Bắc Kỳ, Chính phủ đã hỏi họ rằng: Nếu chiến tranh nổ ra thì họ sẽ tản cư vợ con họ ra sao.

Nói thêm, những người cộng sản đã sáng tác bài hát *Giúp Trung Quốc tức là giúp mình*, một bài hát rất được phổ biến. Nhiều đêm (vui) kịch đã được tổ chức ở nhiều nơi. Những phần tử hăng hái là công nhân, nông dân và nhất là thanh niên, họ thường hợp tác với thanh niên Trung Quốc.

Hoạt động của Nhật ở Đông Dương

Bọn Nhật đã nhòm ngó Đông Dương từ lâu. Điều đó rất rõ ràng. Chương trình hoạt động của chúng có thể chia ra ba mặt tuyên truyền, xâm nhập kinh tế và hoạt động gián điệp. Công tác tuyên truyền ấy chỉ tranh thủ được bọn quan lại bất mãn và các cụ đồ nho. Trong khi tuyên truyền, những người này tỏ ra công khai thân Nhật và chống Trung Quốc. Nhưng họ không có chút tác dụng nào trong đông đảo quần chúng, vì như trên đã nói, quần chúng thực sự đứng về phía Trung Quốc. Từ 34 năm nay, bọn Nhật đã nuôi Cường Đế, ông hoàng Việt Nam lưu vong ở trên đất chúng, chỉ mong có dịp sẽ dùng đến. Về mặt kinh tế, đặc biệt bọn Nhật tìm cách thâm nhập vào các vùng mỏ Bắc Kỳ. Chúng đã đầu tư được vào nhiều công ty khai thác. Thứ hai là bán hàng hóa giá rẻ.

Gián điệp Nhật hoạt động rất mạnh ở Đông Dương. Ba tháng trước đây, một người Pháp chủ nhiệm một tờ báo và một người Việt Nam đã bị kết án 20 và 15 năm khổ sai về tội làm gián điệp. Về vấn đề này, tờ *Effort* viết: “Nhưng biết bao người như thế sẽ có thể tiếp tục công việc của họ một cách yên ổn gần như tuyệt đối, do thái độ do dự của các nhà cầm quyền Pari của chúng ta tạo nên”. Đối với bọn gián điệp người Nhật, Chính phủ Pháp tỏ ra rất nhân nhượng. Ví dụ, năm ngoái một sĩ quan

1) Spralây tức là đảo Trường Sa (B.T).

1
9
3
9

Nhật bị bắt quả tang làm gián điệp ở Bắc Kỳ, người ta bắt được trong người hắn một tập tài liệu dày cộp. Nhưng Chính phủ chỉ yêu cầu tên sĩ quan này ra khỏi Đông Dương mà thôi. Mới đây, người ta bắt được ở Lào Cai 3 gián điệp người Nhật đang vẽ các cứ điểm chiến lược. Ra trước tòa án, chúng chỉ bị phạt 100 quan!

Trái lại, người ta kết tội những người cộng sản là thân Nhật. Ngày 13/6, đồng chí chủ nhiệm tờ báo cộng sản *Đời nay* ở Hà Nội bị triệu đến sở mật thám. Viên chánh cẩm bảo đồng chí rằng: Những người cộng sản đã ăn lương của Nhật và chính vì thế mà họ đã tổ chức bối công nhằm mục đích phá hoại việc tiếp tế cho Trung Quốc. Những người cộng sản đã kịch liệt phản đối lời vu cáo này của bọn cầm đầu bằng lời nói và bằng văn bản.

*
* *
*

Tôi rất tiếc hôm nay chưa thể nói được về bọn tò rotxkít. Liên lạc cần phải đi ngay. Tôi phải ngừng bút và gửi lời chào anh em tới các đồng chí.

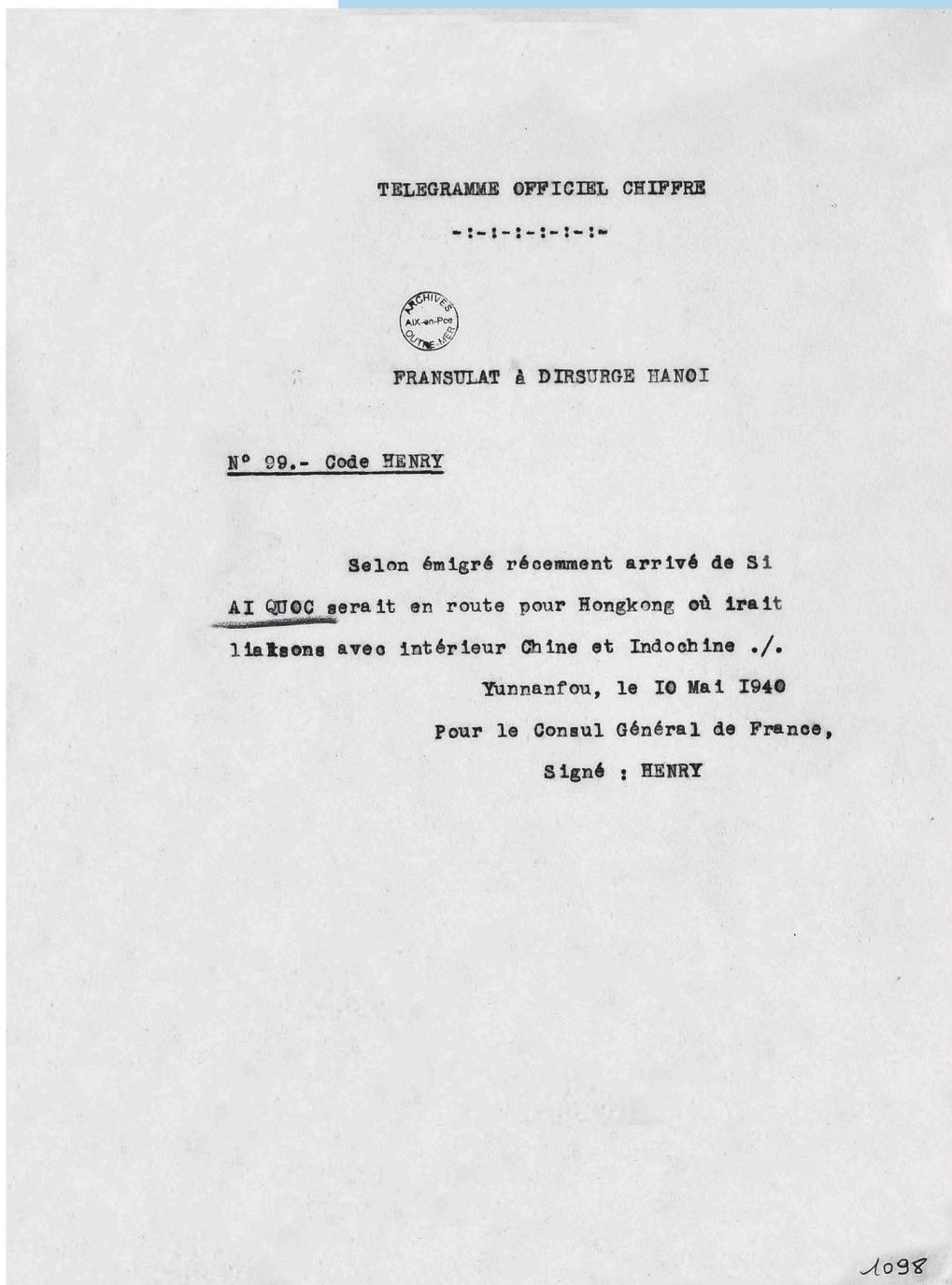
Cuối tháng 7 năm 1939

LIN

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.169-189.

NĂM 1940

1
9
4
0



Công điện số 99 ngày 10/5/1940 của
Lãnh sự Pháp gửi Cục Mật thám (tại Hà Nội)
thông báo về việc Nguyễn Ái Quốc đang
trên đường đến Hồng Kông để tái tổ chức
hoạt động liên lạc giữa Trung Quốc và
Đông Dương

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

1098

1
9
4
0

BÁO CÁO CỦA VIỆT NAM GỬI QUỐC TẾ CỘNG SẢN

1. Địa lý: Ấn Độ China thuộc Pháp, còn có tên là “Đông Dương”, gồm 5 vùng, Ai Lao, Cao Miên, Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ. Ba vùng sau là Việt Nam.

2. Dân tộc: Toàn Đông Dương có khoảng 25 triệu dân. Dân tộc Việt Nam chiếm tuyệt đại đa số: 20 triệu người. Cao Miên hơn 2 triệu người. Lào, Mán, Thổ và các dân tộc thiểu số khác cộng trên dưới 3 triệu người.

3. Chế độ chính trị: Nam Kỳ bị Pháp chinh phục trước tiên, là xứ thuộc địa. Trung Kỳ, Cao Miên, Ai Lao là nước bảo hộ, có quốc vương. Bắc Kỳ là Territory (khu quản hạt).

Toàn bộ chính quyền Đông Dương nằm trong tay Toàn quyền người Pháp. Mỗi vùng có một Khâm sứ người Pháp. Mỗi tỉnh có một Công sứ người Pháp. Ngoài ra, còn có người bản xứ làm tinh trưởng, tri phủ, tri huyện, v.v. do người Pháp ủy nhiệm.

4. Tài nguyên: Nam Kỳ sản xuất nhiều lúa gạo nhất. Mỗi năm xuất khẩu khoảng từ 1.500 đến 1.800 tấn. Bắc Kỳ nhiều nhất là khoáng sản. Mỗi năm sản xuất 2 triệu tấn than. Các kim loại đều có. Còn các vùng khác thì đất xấu, dân nghèo.

5. Nạn bóc lột: Ruộng vườn nhà cửa, các việc ma chay cưới xin, sinh con đẻ cái, các loại gia súc¹⁾, nhất nhì đều phải nộp thuế. Nam từ mười bảy, mười tám đến năm mươi lăm tuổi, hằng năm phải nộp thuế thân, từ hai đồng đến mười hai đồng. Sau khi nộp thuế, mỗi người được phát một tấm thẻ ghi rõ tên tuổi, quê quán, nghề nghiệp, hình dạng, có lý trưởng và tinh trưởng Pháp ký tên đóng dấu. Thẻ đó, ai cũng phải mang theo người. Nếu không sẽ bị bắt giữ. Người Pháp lợi dụng cách đó để ngăn chặn những người cách mạng hành động.

6. Quốc phòng: Quân số không rõ, có khoảng chừng ba vạn lính. Phần lớn là lính bản xứ. Một số ít là “lính lê dương”. “Lính lê dương” không phải là người Pháp, mà người quốc tịch nào cũng có.

1) Nguyên văn: bò, ngựa, mèo, chó (N.D).

Họ đều là những tù nhân chạy trốn. Quân lính đóng ở các thành phố lớn và vùng biên giới. Máy bay rất ít. Lực lượng hải quân cũng yếu ớt. Theo mật thám Nhật Bản nói: Chỉ cần hai sư đoàn là đủ để chinh phục Đông Dương.

Do đối xử không công bằng - lính bản xứ không được làm sĩ quan, đời sống lại rất khổ - cho nên họ rất ghét người Pháp.

7. Phong trào giải phóng: Nổi tiếng nhất có:

- Sau năm 1880: Ở Trung Kỳ, có “Khởi nghĩa văn thân” do Phan Đình Phùng lãnh đạo. Ở Bắc Kỳ, có du kích chiến của Hoàng Hoa Thám. Đến năm 1912, Hoàng Hoa Thám bị ám sát, khởi nghĩa mới bị dập tắt¹⁾.

- Năm 1908: Nông dân Trung Kỳ bạo động.

- Năm 1910: Binh lính Hà Nội mưu đánh chiếm Hà Nội.

- Năm 1915: Nhân cuộc chiến tranh đế quốc lần thứ nhất, vua An Nam khởi nghĩa ở Trung Kỳ. Ở Bắc Kỳ, binh lính Thái Nguyên khởi nghĩa, do một chính trị phạm lãnh đạo. Thủ dân vùng thượng du Bắc Kỳ cũng nổi dậy.

- Đầu năm 1930: Việt Nam Quốc dân Đảng khởi nghĩa ở Yên Bai (Bắc Kỳ).

- Năm 1930 - 1931: Nông dân Trung Kỳ thành lập Xôviết, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

- Sau năm 1936, có phong trào của Mặt trận Dân chủ.

8. Các tầng lớp xã hội và khuynh hướng của họ:

- *Công nhân:* Ở Bắc Kỳ, công nhân mỏ than chiếm tuyệt đại đa số. Thứ đến công nhân đồn điền ở Nam Kỳ, rồi đến công nhân đường sắt, công nhân xưởng công binh Sài Gòn, công nhân dệt, v.v.. Tổng cộng không đến một triệu người. Họ tuy không có quyền tự do tổ chức công hội, nhưng trong hai thời kỳ 1930 - 1931 và 1936 - 1939, họ đấu tranh rất mạnh mẽ.

- *Nông dân:* Những năm 1930 - 1931, nông dân Nam Kỳ và Trung Kỳ tổ chức (bí mật) rất tốt, đấu tranh rất dũng cảm. Bắc Kỳ chỉ có một số ít tỉnh có tổ chức và đấu tranh. Sau này, nông dân Trung Kỳ đã phải lùi bước vì bị khủng bố gắt gao. Hiện tại, nông dân Nam Kỳ đoàn kết tốt hơn so với các địa phương khác.

Công nhân, nông dân đương nhiên là rất căm ghét người Pháp.

- *Trí thức:* Từ học trò đến công chức, thầy thuốc, vì có trình độ văn hóa tương đối cao, có điều kiện tiếp cận với người Pháp, hai vì họ bị người Pháp coi thường, cho nên họ đều rất ghét người Pháp. Song vì không có tổ chức, thiếu người lãnh đạo, cho nên họ “dám nghĩ mà không dám nói”.

1) Hoàng Hoa Thám bị ám sát năm 1913 (B.T).

- *Tiểu thương*: Thương nghiệp lớn đều nằm trong tay người Pháp, cỡ nhỏ hơn trong tay Hoa kiều. Người Việt Nam chỉ buôn bán nhỏ. Họ không ngoi lên được bởi các thứ thuế má nặng nề, do đó họ cũng rất căm ghét người Pháp, đồng tình với cách mạng.

- *Giai cấp tư sản dân tộc*: Trong người Việt không có ai làm chủ nhà máy lớn, chủ hiệu buôn lớn hoặc chủ nhà băng như người Trung Quốc. Họ thường chỉ là những chủ xưởng nhỏ như xưởng rượu, xưởng xay sát lúa gạo, xưởng in. Lúc bị chèn ép, họ oán người Pháp. Khi phong trào công nhân lên mạnh, họ sợ cách mạng. Nhưng trong số đó cũng có vài người giúp đỡ cách mạng. Thế lực của họ rất yếu ớt, không có tổ chức.

- *Quan lại, địa chủ*: Họ tuy hai mà một, một mà hai. Quan lại lớn đồng thời là địa chủ lớn. Ví dụ, Tỉnh trưởng tỉnh Hà Đông ở Bắc Kỳ, một mình y chiếm hai phần ba ruộng đất toàn tỉnh. Bọn này cùng với đế quốc Pháp sống dựa vào nhau. Địa chủ lớn ở Nam Kỳ có đoàn thể riêng: “Đảng Lập hiến”. Địa chủ các vùng khác không có tổ chức gì cả.

- *Vương công*: Như Hoàng đế An Nam, Quốc vương Cao Miên, v.v.. Tất nhiên họ là những rường cột phản động. Người Pháp lợi dụng họ làm bù nhìn để thi hành những luật pháp thời Trung cổ. Trước Chiến tranh đế quốc lần thứ hai, ở Nam Kỳ và Bắc Kỳ còn có một chút quyền tự do, như tự do xuất bản; còn ở Trung Kỳ, Cao Miên, Lào, ngay cả chút tự do đó cũng không có.

Nhưng cũng có những trường hợp ngoại lệ, như năm 1885 vua Hàm Nghi và năm 1915 vua Duy Tân đã đứng ra lãnh đạo chống Pháp.

- *Hoa kiều*: Chiếm vị trí rất quan trọng trong nền kinh tế ở Đông Dương. Ở bất kỳ thành phố nào, nhỏ là quán cà phê, lớn là ngành buôn bán, xay sát gạo, phần lớn đều là của họ. Số Hoa kiều có khoảng trên dưới 50 vạn người, đại đa số là người Quảng Đông và người Phúc Kiến. Họ đều có tổ chức “bang”, như bang Quảng Đông, bang Phúc Kiến, bang Triều Châu, bang Hải Nam. Mỗi Hoa kiều là một “bang viên”, không ai đứng ngoài. Và Chính phủ Pháp cai trị dân Hoa kiều thông qua các “bang” này. Về mặt chính trị, Quốc dân Đảng (Trung Quốc - ND) và Đoàn Thanh niên Tam dân chủ nghĩa rất hoạt động. Ở Nam Kỳ, công nhân Hoa kiều cũng rất hoạt động, có thời kỳ An Nam Cộng sản Đảng có hơn vạn đảng viên là Hoa kiều.

9. Các đảng phái:

A- *Đảng Lập hiến*: Thành lập ở Nam Kỳ sau Chiến tranh đế quốc lần thứ nhất, là đảng của những địa chủ lớn. Họ không có cương lĩnh, điều lệ, thẻ đảng gì cả. Từ ngày thành lập chưa họp lần nào, nhưng lại có riêng một tờ nhật báo bằng tiếng Pháp. Mấy người tự xưng là lãnh tụ đứng ra kêu gào bênh vực Chính phủ Pháp, bênh vực quyền lợi của địa chủ.

B- Tân Việt Đảng: Tổ chức tại Trung Kỳ năm 1925, do một số trí thức đứng ra thành lập. Sau này, những phần tử tiến bộ đã gia nhập Đảng Cộng sản, số phần tử xấu bỏ chạy. Hiện không còn tồn tại nữa.

C- Quốc dân Đảng: Do giai cấp tiểu tư sản - những thày giáo, luật sư, v.v. tổ chức ra tại Bắc Kỳ năm 1927. Họ tuyên bố theo chủ nghĩa Tôn Trung Sơn, cũng tuyên bố sẽ hợp tác có điều kiện với người Pháp, ráo riết tuyên truyền vận động trong binh lính người bản xứ. Vì tổ chức không chặt chẽ, nhiều mạt thám đã chui vào được, dẫn đến việc năm 1929 phần lớn đảng viên bị bắt. Thế là các lãnh tụ của đảng này tuyên bố: “Đánh cũng chết, không đánh cũng chết, phải quyết một phen sống mái!”. Vào đầu năm 1930 họ làm bạo động ở Yên Bái (Bắc Kỳ). Tuy có nhiều binh lính bản xứ tự nguyện tham gia, nhưng vì tổ chức và lãnh đạo không tốt, cuộc bạo động đã nhanh chóng thất bại, rất nhiều người bị hy sinh. Một số lãnh tụ thứ yếu chạy sang Vân Nam, tiến hành công tác tổ chức bằng cách khủng bố và cưỡng ép. Họ mang súng lục và dao găm đến nhà Việt kiều rồi hỏi: “Anh có đồng ý gia nhập đảng của chúng tôi hay không?”. Bị dọa dẫm như vậy, không ít người Việt sống ở Vân Nam đã trở thành đảng viên Quốc dân Đảng. (Nhiệm vụ của đảng viên là đóng đảng phí, vâng lời các lãnh tụ). Do đó, có một thời kỳ, thế lực của họ ở Vân Nam rất lớn. Ví dụ, trong toa tàu trên tuyến xe lửa Vân Nam - Việt Nam, họ có hòm thư riêng của mình. Một lần, lãnh sự Pháp bí mật bắt cóc một đảng viên, dùng xe riêng đưa về Bắc Kỳ. Quốc dân Đảng cử ngay một chiếc xe đi cướp lại đảng viên đó.

Nhưng vì các lãnh tụ đảng này có thái độ ngang ngược quá đáng đối với Việt kiều như chửi mắng, chém đầu, nên ai cũng chán ghét. Lại vì chuyện họ giết một tên mạt thám rồi chặt đầu ném trước lãnh sự quán Pháp, nên Chính phủ Pháp lợi dụng vấn đề này can thiệp với Chính phủ Vân Nam. Chính phủ Vân Nam đã trực xuất các lãnh tụ Quốc dân Đảng. Từ đó, Việt Nam Quốc dân Đảng hoàn toàn tan rã.

Gần đây, có vài ba người (trong đó có một người nghi là tay sai Pháp kiêm Hán gian, vì hắn không có nghề nghiệp gì mà sinh hoạt rất sang trọng) lợi dụng tình hình Hoa - Việt, đề nghị với Tỉnh Đảng bộ Côn Minh giúp đỡ sửa chữa và công bố một “Tuyên ngôn về thời cuộc” (Tuyên ngôn xem sau), cho phân phát truyền đơn “Kính cáo Việt kiều” bằng tiếng Việt. Hai tài liệu trên đây vừa xuất hiện thì bị các đảng viên cũ phản đối mạnh mẽ. Có mấy người tìm đến các đồng chí của chúng tôi, đề nghị giúp đỡ viết một Tuyên ngôn phản đối bản Tuyên ngôn trên.

D- Đảng Cộng sản: Năm 1924, một vài thanh niên Việt Nam học ở Trường quân sự Hoàng Phố và một số thanh niên Việt Nam sống ở Quảng Châu tổ chức ra “Tâm tâm đảng” với ý nghĩa “Tâm tâm tương ấn”¹⁾. Hành động đầu tiên cũng là hành động cuối cùng của họ là vụ nổ bom mưu sát Toàn quyền Đông

1) “Tâm tâm tương ấn”, thành ngữ, có nghĩa ý hợp tâm đầu (B.T).

Dương khi y đến thăm Sa Diện¹⁾. Ít lâu sau, đoàn thể này cải tổ thành “Hội An Nam Cách mạng Thanh niên”²⁾. Lúc này, nhờ sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Trung Quốc và các đồng chí Nga ở Quảng Châu, “Hội Thanh niên” hoạt động rất sôi nổi. Nhiều đoàn viên tiên tiến đã tham gia Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đồng thời tổ chức nhiều lớp huấn luyện, cử người về nước tìm thanh niên đưa sang học. Học xong, đưa về nước công tác. Lúc này, cả ông Tưởng³⁾, ông Tống⁴⁾, ông Bạch⁵⁾ cũng có sự giúp đỡ. Những học viên không về nước được, thì đưa vào học ở Trường quân sự Hoàng Phố. Từ đó, toàn Đông Dương, nhất là ở ba kỳ Nam, Trung, Bắc đều có tổ chức và hoạt động của “Hội Thanh niên”.

Năm 1927, Quảng Châu có chính biến, Lý Tế Thâm muốn tìm tôi, nhưng tôi đã đi rồi. Số học sinh Việt Nam ở Trường quân sự Hoàng Phố bị bắt giam một năm, sau khi được tha họ đều chạy sang phía Hồng quân. Ở Việt Nam, “Hội Thanh niên” vẫn tiếp tục phát triển.

Năm 1929, tại Hương Cảng, họ họp Đại hội đại biểu toàn quốc lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng. Trong Đại hội, các đại biểu Bắc Kỳ đề nghị thành lập Đảng Cộng sản, nhưng không được thông qua. Họ bèn rút khỏi hội nghị, về nước tổ chức “Đông Dương Cộng sản Đảng”.

Mấy tháng sau, “Hội Thanh niên” Nam Kỳ cũng tổ chức ra “An Nam Cộng sản Đảng”.

Đứng giữa hai “đảng”, “Hội Thanh niên” Trung Kỳ và cánh tả của Tân Việt không biết đi đâu, theo đâu, bèn tổ chức ra “Cộng sản liên đoàn”. Do đó, cùng một lúc trong một nước có ba “Đảng Cộng sản” không thống nhất được với nhau.

Cuối năm 1929, tôi đến Hương Cảng, triệu tập một hội nghị. Kết quả đã thống nhất được ba “đảng” thành Việt Nam Cộng sản Đảng, sau đổi tên thành “Đông Dương” Cộng sản Đảng. Vì lúc này người Pháp ráo riết thi hành chính sách vơ vét thuộc địa để phục hưng nước Pháp nên nhân dân Việt Nam bị bóc lột rất nặng nề, lại vì các đồng chí chúng ta rất hăng hái và cố gắng, nên đã tổ chức được rất nhanh, rất tốt công nhân, nông dân và học sinh. Ở Việt Nam, sau cuộc bạo động của Quốc dân Đảng, Chính phủ Pháp đã thi hành triệt để chính sách khủng bố tráng, nhưng càng khủng bố thì quần chúng đấu tranh càng dũng cảm. Từ 1/5/1930, phong trào bãi công, bãi khóa, bãi thị, chống thuế lan rộng khắp cả nước; đến tháng 9, nông dân Trung Kỳ đã thành lập Xôviết trong một số huyện, nhất là ở 2 tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh. Họ thực hiện các chế độ như chia ruộng đất, nam nữ bình quyền, phổ thông đầu phiếu, v.v.. Chính

1) Tô giới Pháp ở Quảng Châu, Trung Quốc (B.T).

2) Trong nguyên bản viết: “An Nam Cách mạng Thanh niên đoàn” (N.D).

3) Tức Tưởng Giới Thạch (N.D).

4) Tức Tống Tử Văn (N.D).

5) Tức Bạch Sùng Hy (N.D).

quyền của người Pháp lúc này không còn tồn tại ở nhiều thôn xã nữa. Chính phủ Pháp buộc phải dùng tàu bay, súng máy, “lính lê dương” giết sạch, đốt sạch khu Xôviết. Cả nước chìm ngập trong khung bối tráng. Đảng viên và những phần tử tích cực trong quần chúng, gái trai già trẻ bị tàn sát kể tới hàng ngàn người, mười sáu ngàn người bị lưu đày sang Guyan (châu Mỹ) và các hoang đảo khác.

Sau tháng 5/1931, phong trào cách mạng tiếp tục bị đàn áp.

Sau năm 1933, Đảng dần dần khôi phục lại được tổ chức.

Năm 1936, sau khi Mặt trận nhân dân Pháp giành được thắng lợi, một số cải cách tiến bộ đã được thực hiện ở Đông Dương. Chẳng hạn, chấm dứt khung bối tráng, nhiều tù chính trị được tha. Mặc dầu vẫn trong tình trạng bí mật hoàn toàn, nhưng công tác của Đảng có phần dễ dàng hơn.

Sau Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, Đảng thi hành chính sách Mặt trận thống nhất, bắt đầu tổ chức “Mặt trận dân chủ Đông Dương”. Tất cả những người Đông Dương có khuynh hướng dân chủ, chi bộ Bắc Kỳ của Đảng Xã hội Pháp, v.v. đều tham gia. Công nhân, nông dân tuy chưa được tự do tổ chức công hội, nông hội, song các tổ chức quần chúng như Hợp tác xã, Hội Ái hữu, Hội Tương tế, v.v. cũng nhanh chóng lần lượt thành lập ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ.

Đảng tuy bí mật, song báo chí của Đảng lợi dụng những danh nghĩa khác nhau đã công khai xuất bản. Sau năm 1938, ở Nam Kỳ và Bắc Kỳ, báo Đảng hoàn toàn công khai và nhanh chóng trở thành những tờ báo có ảnh hưởng rộng lớn.

Ở đây, chúng tôi cần nêu ra một đặc điểm rất lý thú của Đảng Cộng sản Việt Nam mà e rằng nhiều đảng anh em trên thế giới không có: Đảng có hai loại đảng viên, đảng viên bí mật và đảng viên công khai. Những đồng chí trước đây bị bắt, bị tù đầy, được tha sau năm 1936, là những đảng viên công khai. Các đồng chí này công khai hoạt động, như phụ trách báo chí của Đảng, tham gia các phong trào quần chúng với danh nghĩa Đảng, lấy danh nghĩa cộng sản ứng cử vào các Hội đồng dân biểu kỳ, tỉnh. Có người nhận danh chi bộ Đông Dương của Đảng Xã hội Pháp để thực hiện các chính sách của chúng tôi. Do đó, không chỉ trong quần chúng công nông, mà trong nhân dân nói chung, ảnh hưởng của Đảng tương đối lớn. Ví dụ, các vị dân biểu trong “Viện Dân biểu” Trung Kỳ vốn là nơi thế lực phong kiến mạnh nhất, cũng đều có sự gần gũi với chúng tôi.

Từ năm 1937 đến tháng 9/1939, những cuộc thị uy của nông dân, bãi công của công nhân do Đảng lãnh đạo hầu như diễn ra liên tục.

E- *Đảng bảo hoàng*: Ở Bắc Kỳ có một đảng tên là Đảng bảo hoàng. Họ có một tờ báo riêng. Một số quan lại dựa vào thế lực của nhà vua để hoạt động. Họ không có ảnh hưởng gì. Trái lại, dân chúng nói chung rất coi thường họ.

G- Phái Tờ rốtxkít: Vì quan hệ cá nhân: người lãnh đạo của phái này tên là Tạ Thu Thâu là một trí thức lưu học tại Pháp, văn chương rất bóng bẩy, có tài ăn nói, lại là một kẻ đạo đức giả, nguy quân tử, cho nên thanh niên và công nhân ở Sài Gòn chịu ảnh hưởng của phái này rất nặng. Song, trong nông thôn Nam Kỳ và ở các địa phương khác, họ không có thế lực.

Tóm lại, chúng tôi có thể nói rằng, ở Đông Dương chỉ có Đảng Cộng sản là một chính đảng chân chính, có tính chất toàn quốc và có quần chúng.

Muốn biết tình hình Việt Nam như thế nào từ sau khi bùng nổ cuộc Chiến tranh để quốc lần thứ hai, xin xem phần phân giải dưới đây:

TÌNH HÌNH VIỆT NAM SAU KHI CHIẾN TRANH CHÂU ÂU BÙNG NỔ

1. Về *chính trị*. Chính phủ Pháp giải tán tất cả các đoàn thể quần chúng ở Việt Nam như Hợp tác xã, Hội Ái hữu, Hội Tương tế, v.v.; đóng cửa các báo chí tương đối tiến bộ; bắt bớ giam cầm nhiều phần tử tiên tiến, nhất là thanh niên; tiếp tục tiến hành khủng bố trắng.

2. Về *kinh tế*. Gia tăng mức thuế cũ, đặt ra nhiều loại thuế mới, giá cả sinh hoạt tăng vọt. Ngoài thuế má nặng nề, tăng cường vơ vét tài nguyên và các hình thức cướp đoạt khác, khiến dân chúng hết đường sống, lòng dân sôi sục căm hờn.

3. Về *quân sự*. Phần lớn trai tráng, từ mười sáu đến năm mươi lăm tuổi đều bị lôi vào lính, đưa sang Cận Đông và Pháp. Có địa phương, bốn phần mười bị bắt đi. Đã phải xuất tiền, lại phải xuất người, cho nên dân chúng ngày càng bất bình.

4. Về *xã hội*. Ở Việt Nam vốn chẳng có cái gì gọi là bảo hiểm xã hội. Từ khi bùng nổ chiến tranh châu Âu, thời gian làm việc bị kéo dài, lương bị giảm, sức mua giảm sút. Lại thêm tình trạng bất kể là công nhân hay viên chức, động chạm đến Chính phủ Pháp là bị xét xử theo quân luật. Sống dưới sự áp bức bóc lột tàn khốc như vậy, dù là sĩ nông công thương, ai cũng căm thù ách thống trị của người Pháp, ai cũng có tâm lý “tao với mà cùng chết”.

Thêm nữa, người Pháp nào mở miệng cũng nói nước Pháp hùng mạnh thế này thế nọ, quân Pháp anh dũng thế này thế nọ, Pháp sẽ thắng lợi thế này thế nọ, nên từ ngày nước Pháp buộc phải đầu hàng Đức thì uy tín của người Pháp đã bay lên quá chín tầng mây, còn người Việt Nam trong lòng không ai là không mừng rỡ. Không hiếm người muốn lợi dụng cơ hội này đánh đổ ách thống trị của người Pháp. Chỉ vì không có người tổ chức và lãnh đạo họ. Vì sao Đảng Cộng sản không tổ chức và

lãnh đạo họ? Vì tám chín phần mười số cán bộ cũ đã bị bắt. Cán bộ mới thì còn thiếu kinh nghiệm và chưa đủ lực lượng. Ngoài ra, còn một vấn đề nữa muốn kêu gọi toàn dân đứng lên phải có người đủ uy tín danh vọng, nói được làm được đi tiên phong thì mới có kết quả.

TÌNH HÌNH SAU KHI PHÁP ĐẦU HÀNG ĐỨC

1
9
4
0

Tình hình hiện nay phức tạp hơn nhiều! Việt Nam là Việt Nam của ai đây?

Đức - với tư cách là nước chiến thắng, đương nhiên sẽ coi Việt Nam là Việt Nam của nước Đức.

Anh - vì nó thu nhận “Ủy hội quốc gia Pháp”¹⁾, nên cũng cho rằng Việt Nam có khả năng trở thành Việt Nam của nước Anh. Trung tuần tháng 6, hải quân Anh đã dự định làm một cuộc “diễn hành thị uy vui vẻ” với Pháp ở Sài Gòn. Nghe nói sau này không diễn hành nữa.

Mỹ - vì vấn đề Philíppin, Mỹ tỏ ra ghen ăn trước việc Nhật chiếm Việt Nam. Gần đây, họ thường nói đến “chủ nghĩa Mônrô”, việc nhòm ngó Thái Bình Dương là bước mở đầu của Mỹ.

Trung Quốc - có người chủ trương: Phía Pháp không thể bảo vệ được Việt Nam, Trung Quốc nên xuất binh thay Pháp bảo vệ Việt Nam để chống Nhật.

Nhật Bản - hiện đang mưu toan nhanh chóng chiếm Việt Nam. Nó đã hoàn thành bước thứ nhất: Một mặt chiếm Trấn Nam Quan, từ cứ điểm này, nội trong ba tiếng đồng hồ, quân Nhật đã có thể tới được Hà Nội. Một mặt, phái hạm đội tuần phòng vịnh Đông Đài, sẵn sàng đổ bộ lên Hải Phòng dễ như trả bàn tay. Mặt khác, dùng hải lục không quân uy hiếp các thành phố, các ga xe lửa quan trọng ở Bắc Kỳ, thực hiện việc phong tỏa Trung Quốc, đồng thời giám sát hành động của Chính phủ Pháp và người Việt Nam. Nghe nói, Bộ lục quân Nhật Bản đề nghị dùng vũ lực để nhanh chóng chiếm lấy Việt Nam.

Chính phủ Pháp ở Đông Dương tuy tuyên bố không thừa nhận Chính phủ Pêtanh, phục tùng “Ủy hội quốc gia Pháp” ở Luân Đôn và kháng chiến đến cùng. Nhưng đối với Nhật Bản thì rầm rắp nghe theo. Ví dụ: Họ ngoan ngoãn chấp hành việc phong tỏa Trung Quốc. (Có một người từ Hà Khẩu sang Lào Cai, mua một cân bột mỳ. Lúc trở về, lính Pháp nói với anh ta: “Mày phải ăn hết bột mỳ rồi hãy đi. Nếu mày mang bột mỳ sang qua cầu, tao sẽ bắn chết mày!”. Họ gửi quà úy lạc quân Nhật đóng ở Trấn Nam Quan. Không những cho phép máy bay Nhật được quyền lên xuống sân bay Hà Nội mà còn đồng ý cho Nhật được sử dụng máy bay của Pháp, v.v.. Còn đối với người Việt Nam, Chính phủ Pháp tiếp tục thi hành chính sách khủng bố trắng.

1) Sau này đổi thành “Ủy hội giải phóng quốc gia Pháp”, rồi “Chính phủ lâm thời Cộng hòa Pháp” (N.D).

Ý định của Chính phủ Pháp là: Nếu phải giao Việt Nam cho Đức hoặc phải trả lại cho người Việt Nam thì chi bằng dâng Việt Nam cho Nhật Bản tốt hơn.

Còn người Việt Nam đối với Nhật thì thế nào? Vì họ đã quá căm ghét người Pháp, lại vì không được nghe, được biết những tội ác hâm hiếp, tàn sát của người Nhật ở Trung Quốc, nên họ nghĩ rằng nếu không được tự do độc lập, bọn quý vàng có đến cũng còn hơn quý Pháp. Cũng có người nghĩ rằng: Chúng ta nên lợi dụng cơ hội rối ren này mà dấn lên, thành bại ra sao, chưa cần tính tới.

ĐỘNG CƠ HÀNH ĐỘNG CỦA CHÚNG TÔI

1. Cơ sở của chủ nghĩa đế quốc Pháp đã tan rã. Chúng không còn lực lượng giải quyết công việc của Việt Nam. Đức, Ý tuy cho phép Pháp giữ lại lực lượng hải quân để bảo vệ thuộc địa của nó, nhưng xung đột của hải quân Anh, Pháp khiến hải quân Pháp không thể hoạt động tại Viễn Đông. Huống hồ, tàn quân sau đại bại, về tinh thần cũng như về vật chất, đều không đáng kể.

2. Đức hiện nay đang dốc toàn lực ra để đối phó với Anh - Mỹ và giải quyết vấn đề Pháp, Hà Lan, v.v. chưa thể quan tâm nhiều tới các thuộc địa tương lai.

3. Nhật tuy hung hăng, nhưng đại bộ phận thực lực của nó đã bị kiềm chế do cuộc kháng chiến của Trung Quốc, cũng không thể dốc toàn lực ra để chinh phục Việt Nam.

4. Lực lượng vũ trang của Pháp ở Việt Nam, phần lớn là binh lính người Việt. Binh lính người Việt vốn có truyền thống cách mạng. Vụ bạo động ở Hà Nội, cuộc khởi nghĩa ở Yên Bái là những ví dụ. Nếu chúng ta biết khéo léo kêu gọi, thì họ - ít nhất là một bộ phận - có khả năng quay súng chống lại Pháp (hoặc chống lại Nhật).

5. Lực lượng của chúng tôi hiện nay tuy chưa thể tính toán được, nhưng quân Đồng minh hiện có của chúng tôi rất mạnh. Ngoài Liên Xô, phía Tây có Ấn Độ, phía Đông có khu giải phóng rộng lớn của Trung Hoa.

6. Nhân dân Việt Nam tuy hiện nay chưa được tổ chức, nhưng ai cũng chán ghét cuộc đời nô lệ, ai cũng mong muốn độc lập, tự do, và đang trong tư thế một người lên tiếng vạn người ủng hộ.

Tóm lại, những điều kiện khách quan cho phép chúng tôi có hy vọng thành công. Song, lực lượng chủ quan - lực lượng của Đảng còn quá yếu. Như trên đã nói, một đảng mới mười tuổi lại trải qua hai lần khủng bố lớn, số cán bộ có kinh nghiệm đấu tranh hiện còn đang rêu xiết trong tù ngục, khiến đảng viên và quần chúng như “rắn không đầu”, không thể tận dụng cơ hội tốt “nghìn năm có một”.

Chúng tôi liệu có khả năng làm thay đổi hoàn cảnh đó, khắc phục khó khăn đó, giúp Đảng hoàn thành sứ mạng lịch sử của nó hay không? Có. Chúng tôi nhất định không thể từ trong đánh ra, chúng tôi chỉ có cách từ ngoài đánh vào. Nếu chúng tôi có được:

- (1) Tự do hành động ở biên giới.
- (2) Một ít súng đạn.
- (3) Một chút kinh phí.
- (4) Vài vị cố vấn,

thì chúng tôi nhất định có thể lập ra và phát triển một căn cứ địa chống Pháp, chống Nhật - đó là hy vọng thấp nhất. Nếu chúng tôi có thể mở rộng Mặt trận thống nhất các dân tộc bị áp bức, có thể lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước để quốc thì tiền đồ tươi sáng là có thể nhìn thấy được. Tôi rất hy vọng các đồng chí giúp tôi nhanh chóng giải quyết vấn đề này.

12/7/1940

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.192-204.

1
9
4
0

1
9
4
0

MẮT CÁ GIẢ NGỌC TRAI

Ở vùng địch chiếm đóng, đa số dân lành không muốn sống dưới gót sắt của giặc lùn. Họ chẳng quản ngần ngại hy sinh tất cả để được trở về trong lòng Tổ quốc. Lợi dụng cơ hội này, địch cho tay chân của chúng đóng giả dân lành, chui vào hậu phương, vừa để tung tin đồn nhảm, vừa để dò la tình hình quân ta. Cái trò mắt cá giả ngọc trai này đã bị chúng ta lật tẩy. Có một trò mắt cá giả ngọc trai khác, chúng ta cũng phải hết sức chú ý.

Phong trào dân tộc Việt Nam hiện nay đang lên mạnh, ai cũng biết cả. Công cuộc giải phóng của Việt Nam không thể tách rời ba điều quan trọng: 1- Liên Hoa; 2- Kháng Nhật; 3- Bài Pháp. Ba điều đó thiếu một không được. Giặc lùn căm nhất là hai điều đầu tiên. Cho nên chúng tìm đủ mọi cách, hòng chia rẽ lực lượng nhân dân Việt Nam và làm mê hoặc hướng đi của họ. Thậm chí người Nhật còn lập ra “Đảng cách mệnh” Việt Nam giả, giống như chúng đã tổ chức “Quốc dân Đảng” giả và “Hội cứu quốc” giả trong vùng chúng chiếm đóng.

Hôm qua, sau khi đọc Tuyên ngôn của “Đảng thống nhất cách mạng Việt Nam”, ký giả thấy có điều kỳ lạ:

Thứ nhất - Bản Tuyên ngôn này công bố ngày 12/10, đúng vào dịp Nhật đánh chiếm Bắc Kinh, uy hiếp Sài Gòn, vậy mà trong Tuyên ngôn không có một chữ nhắc đến việc chống Nhật.

Thứ hai - Phong trào giải phóng của Việt Nam là một mắt xích của mặt trận giải phóng các dân tộc bị áp bức trên thế giới, đặc biệt nó là một cánh quân của cuộc kháng chiến cách mạng Trung Quốc. Liên hệ mật thiết với Trung Quốc là một trong những điều kiện tối quan trọng của phong trào giải phóng của Việt Nam. Vậy mà trong Tuyên ngôn không có một chữ nhắc đến Trung Quốc.

Thứ ba - Cường Để (xuất thân Hoàng tộc Việt Nam) được giặc Nhật nuôi nấng 35 năm nay, chuẩn bị để về làm bù nhìn. Mấy tháng trước, ông ta cùng với lũ lâu la họp ở Quảng Châu (xem các báo). Ở Việt Nam, họ cho xuất bản ba tờ báo thân Nhật, tài liệu và kinh phí do giặc Nhật cung cấp, vậy mà “Tuyên ngôn” lại công nhận lũ Việt gian ấy là “đảng cách mạng”.

Cứ thế mà suy đủ thấy dụng ý của bản Tuyên ngôn này, một là mưu toan ly gián tình cảm giữa hai nước Trung - Việt, hai là mưu toan đánh lừa tai mắt người Việt. Trong các đảng phái yêu nước của Việt Nam, rất nhiều người sáng suốt, họ nhất định không bao giờ phát biểu những bài vô lý kiêng đó.

Đối với nhân dân Việt Nam, đối với phong trào giải phóng dân tộc của Việt Nam, chúng ta phải giúp đỡ bằng mọi khả năng có thể. Nhưng đồng thời chúng ta cũng phải cẩn thận, phải vạch trần cái trò mắng cá giả ngọc trai đó.

BÌNH SƠN

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.219-220.

1
9
4
0

Di tích phòng đọc sách tại Văn phòng Bút lò quân ở Quảng Tây (Trung Quốc), nơi đồng chí Nguyễn Ái Quốc đến đọc sách và viết bài gửi Cứu vong Nhật báo với bút danh Bình Sơn, năm 1940

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)



Một số bài của Nguyễn Ái Quốc với bút danh Bình Sơn đăng trên Cứu vong Nhật báo, năm 1940

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

Ý ĐẠI LỢI¹⁾ THỰC BẤT ĐẠI LỢI

Đánh bạc với chiến tranh là thủ đoạn quen dùng của giai cấp thống trị Ý. Trước năm 1914, Ý là đồng minh của Đức. Sau khi cuộc Chiến tranh đế quốc lần thứ nhất nổ ra, thấy trong túi của Anh, Pháp, Mỹ đầy ắp những tiền, máu tham nổi lên, bất chấp tín nghĩa, Ý đã bán đứng bạn đồng minh của mình, gia nhập liên minh, tuyên chiến với Đức. Ý chắc mẩm lúc đó Đức đã bị Anh - Pháp - Nga bao vây chặt, chỉ cần Ý tham gia là chiến tranh sẽ dễ dàng thu được thắng lợi. Khi đại bộ phận quân Đức bị giam chân ở Vécxây, quân Ý bèn ào ào tiến quân vào bắc Biacôvi với khí thế như dời non lấp biển. Dè đâu chưa kịp vượt sông thì quân Ý đã bị quân Đức đánh cho tan táctoi bời, không còn một mảnh giáp. Ngày chiến tranh châu Âu kết thúc, ở Hội nghị Vécxây, Ý được hưởng phần ăn chia chẳng bõ bèn so với cái đã mất.

Trong cuộc chiến tranh đế quốc lần này, nhà cầm quyền Ý thấy lão Hít phẩy tay một cái đã nuốt chửng bảy nước, máu tham lại không kìm được. Thế là nó liều mạng, một mặt tấn công Ai Cập, một mặt xâm lược Hy Lạp. Ngờ đâu đại quân vừa xuất trận thì tin thất bại đã bay về như tuyết rơi. Trong cùng tháng (ngày mồng 9 tháng này), trên đất Ai Cập, quân Anh đột nhiên mở cuộc tấn công toàn diện, mấy nghìn quân Ý bị bắt làm tù binh... Dinh lũy cuối cùng quân Ý chiếm được ở Anbani - Agilô Caxtorô - bị quân Hy Lạp đột phá, đó là thất bại lớn nhất của quân Ý kể từ ngày tham chiến... Quân đội Hy Lạp đã chiếm được 1/4 Anbani... (Tin điện Hoa Kỳ).

Trong khi đó, giai cấp thống trị Ý lại gặp những chuyện bất lợi khác. Ở Trierelit, ở Phuma và nhiều nơi khác có “phiến loạn” chống chiến tranh, chống phát xít. Ở Xanh Gôlăng, nhân dân vũ trang nổi dậy, tập kích quân Ý, giết và làm bị thương hơn 200 binh sĩ... Xung đột kịch liệt đã xảy ra trong

1) Tên nước Italia, đọc theo âm Hán - Việt. Đầu đê là một lối chơi chữ của tác giả (B.T).

nội bộ đảng phát xít, đến nỗi Tổng tư lệnh là tướng Patôgriô, Tư lệnh tiền phương là nguyên soái Graxini, v.v., buộc phải từ chức.

Tất cả những sự việc đó cho chúng ta thấy rõ rằng giắc mộng của Mútxolini muốn khôi phục lại Impiris Romano¹⁾ đã thành bong bóng xà phòng, và cái ngày mà nhân dân Ý thoát khỏi gông xiềng phát xít đã sắp đến rồi.

BÌNH SƠN

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.221-222.

1
9
4
0

1) Đế quốc La Mã (*B.T*).

VIỆT NAM “PHỤC QUỐC QUÂN”¹⁾ HAY LÀ “MẠI QUỐC QUÂN”²⁾

Năm 1905, chiến tranh Nhật - Nga, giặc lùn may mắn thắng trận. Đây là lần đầu tiên người da vàng đánh bại người da trắng, chuyện đó khiến thanh niên trí thức Việt Nam nói chung rất phấn khởi. Họ cho rằng nước Nhật Bản “đồng văn đồng chủng” và “anh dũng tuyệt vời” tất có thể giúp Việt Nam đánh đuổi đế quốc Pháp. Vì ảo tưởng này mà nhiều thanh niên Việt Nam đã vượt mọi nguy hiểm, chạy tới nước Nhật du học. Lãnh tụ của họ là Phan Bội Châu nổi danh vì tài văn chương. Mục đích của họ là sang học quân sự rồi về tổ chức khởi nghĩa vũ trang, khôi phục lại Tổ quốc. Để kêu gọi dân chúng, họ đưa cả ông Hầu³⁾ cùng sang Nhật.

Cao tổ của ông Hầu là Nguyễn Cảnh, con trưởng bà vợ cả của Hoàng đế Gia Long (Việt Nam). Một cuộc chính biến cung đình đã khiến Nguyễn Cảnh không kế vị được ngôi vua. Bởi nguyên cớ đó mà đối với các vua Việt Nam hiện nay, Nguyễn Cảnh cũng như con cháu ông ta hận đến tận xương tủy, lúc nào cũng chỉ muốn đoạt lại vương vị. Phan Bội Châu lợi dụng mâu thuẫn đó, đưa Cường Đế ra làm chiêu bài.

Lúc đầu, Chính phủ Nhật đối xử rất tốt với những thanh niên Việt Nam sang Nhật, và lợi dụng phong trào chống Pháp để hù dọa đế quốc Pháp. Năm 1907, sau khi Hiệp ước Pháp - Nhật rất có lợi cho giặc lùn được ký kết, Chính phủ Nhật lập tức hạ lệnh trực xuất các thanh niên Việt Nam. Riêng với Cường Đế và con nuôi ông ta là Trần Văn An được Khuyển Dưỡng Nghị lấy danh nghĩa cá nhân, lưu hai người ở lại Nhật Bản, tính kế dùng họ làm bù nhìn sau này.

Sau năm 1931, Trần Văn An từng làm nhân viên ngoại giao ở ngụy Mân Châu. Năm 1938, sau khi Quảng Châu thất thủ, Trần Văn An về hoạt động ở vùng biên giới Quảng Đông - Việt Nam.

1) Phục quốc quân: đội quân cứu nước (B.T).

2) Mại quốc quân: đội quân bán nước (B.T).

3) Chỉ Kỳ ngoại hâm Cường Đế (B.T).

Cuối tháng 9 năm nay, giặc lùn xâm lược Việt Nam, Trần Văn An cũng theo chân trở về, hoạt động ở vùng Lạng Sơn, Cao Bằng. Khi giặc lùn rút, đã để Trần Văn An ở lại Lạng Sơn.

Chúng tôi ở Trung Quốc, đối với tình hình Việt Nam, cũng có những điều chưa được tóm tắt. Ví dụ, ngày mồng 5 tháng này, các báo đưa tin:

“Địch ở gần Lạng Sơn chiêu mộ dân Việt quanh vùng, tổ chức “phục quốc quân”, mỗi người được cấp mỗi tháng 30 đồng tiền Việt, cán bộ cấp dưới đều do địch quân tuyển lựa, thực lực có khoảng vạn người, mục đích của nó là muốn xúi giục người Việt giành lấy chính quyền, rồi do nó cai quản”.

Ngày 11, tin tức các báo lại khác:

“Những ngày gần đây, phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam dần dần đã sôi nổi, mạnh mẽ. Tư lệnh Việt Nam phục quốc quân Trần Mô mấy ngày trước đã khởi nghĩa ở Bắc Kỳ, dân chúng mang lương thảo rầm rộ đi theo, hiện đã tập hợp được X vạn người...”.

Thế ra, “Phục quốc quân” của ngày mồng 5 là một tổ chức Việt gian, và cũng là “Phục quốc quân” nhưng của ngày mồng 10 đã biến thành đội tiên phong cách mạng dân tộc!

Tin tức của ngày 12 càng phủ định nguồn tin của ngày 11:

“Đồng Đăng, Lạng Sơn và nhiều nơi khác tuy được quân Pháp tiếp phòng chu đáo, nhưng nguy “Phục hưng quân” cùng bọn thổ phỉ ở nhiều nơi bị đối phương lợi dụng bí mật tiếp tế vũ khí, gần đây lại ráo riết hoạt động, có khi tập kích cả quân Pháp...”.

Cuối cùng thì nguồn tin nào là chính xác? “Phục quốc quân” là bộ đội vũ trang của nhân dân Việt Nam hay là tổ chức của Việt gian? Ngụy “Phục hưng quân” với “Phục quốc quân” liên quan thế nào? Ngoài ra, có hay không có lực lượng vũ trang thật sự của người Việt? Cái ông Trần Mô đó là ai?

Ký giả sau khi điều tra cẩn thận dựa vào các phía đáng tin cậy, có thể quả quyết rằng: Trần Mô chính là Trần Văn An; “Phục quốc quân” và “Phục hưng quân” là một mà hai, hai mà một; nhân dân Việt Nam có một tổ chức vũ trang yêu nước thực sự, tuy phát triển chưa lớn mạnh.

Bây giờ, chúng tôi muốn nói rõ đôi điều:

Một, nông dân Lạng Sơn đầu óc đơn giản, vì căm hờn đế quốc Pháp, vì không biết rõ lai lịch của Trần Văn An, cho nên nghe thấy hai tiếng “Phục quốc” đã “rầm rộ đi theo”. Một khi biết Trần Văn An là Việt gian, họ nhất định sẽ bỏ rơi y và tham gia vào đội ngũ giải phóng dân tộc chân chính.

Hai, vì cần giặc lùn tiến xuống phía Nam để phá hoại hoặc kiềm chế Anh, Mỹ mà Hitler nhường Việt Nam cho nó. Hiện nay, giặc lùn bị Anh, Mỹ, Xô cản trở, chưa dám làm cuộc Nam tiến, nhưng lại tiếc rẻ nguồn tài nguyên giàu có của Việt Nam, cho nên nó thuê bọn Việt gian, định gây ra các vụ lộn xộn để kiểm soát chiếm Việt Nam.

Ba, kẻ địch đào tạo lực lượng Việt gian của nó không phải ở các nơi khác mà lại ở Lạng Sơn, ngay giáp với phía Nam Quảng Tây. Điều này rất đáng để chúng ta lưu ý.

Bốn, chúng ta cần phân biệt rõ các đoàn thể chính trị và vũ trang của Việt Nam, không nên nhầm các tổ chức Việt gian thành “phong trào dân tộc”, càng không nên nhầm phong trào dân tộc chân chính của Việt Nam là “bọn thổ phỉ” hoặc “bị kẻ địch xúi giục”.

BÌNH SƠN

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.223-226.

NĂM 1941

1
9
4
1



Bác Hồ về nước, ngày 28/1/1941 (ảnh chụp tranh)

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

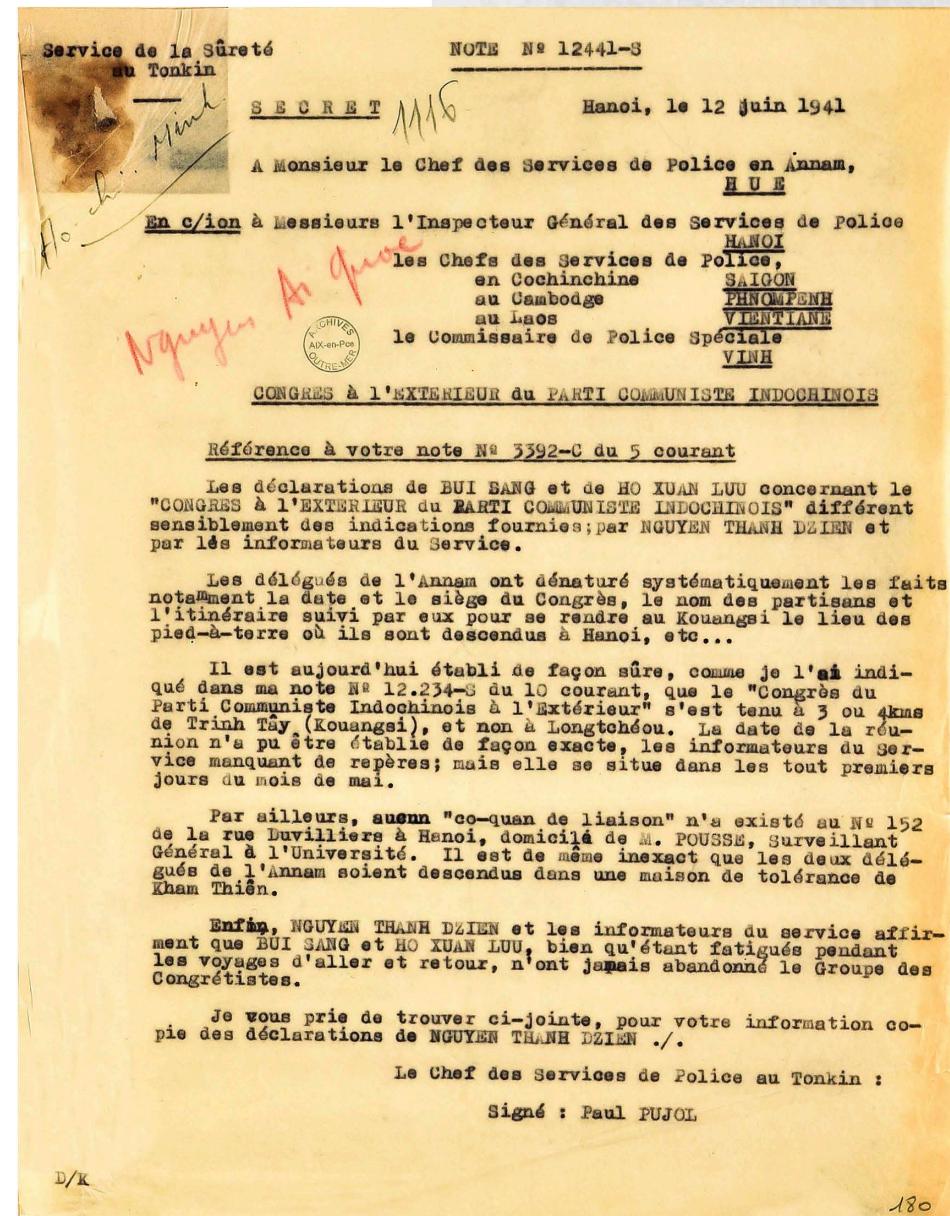
Cột mốc 108 biên giới Việt - Trung - nơi Bác Hồ đặt bước chân đầu tiên khi trở về Tổ quốc, sau 30 năm bôn ba khắp năm châu tìm đường cứu nước, ngày 28/1/1941

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)



Rừng Pác Bó (Hà Quảng, Cao Bằng), nơi Nguyễn Ái Quốc đã ở trong thời gian 1941 - 1945 khi Người về nước trực tiếp chỉ đạo cách mạng Việt Nam

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
4
1

1
9
4
1

1116

Kunming 2 juillet 41

19h28

DIRSURGE

HANOI

N° 101

Congrès s'est tenu dans cette ville, auquel ont assisté des représentants de NGUYEN AI QUOC des délégués partis politiques Indochine principaux militants communistes venus du Yunnan émigrés du Kouang Si tels TRUONG BOI CONG et VO HAI THU ainsi que des rebelles de Langsob (alinéa)

Devant la volonté générale réunir efforts tendant chasser d'Indochine impérialistes français et japonais, membres Congrès ont constitué ligue sous le nom de VIET NAM VAN DONG DOC LAP DONG MINH HOI au sein de laquelle communistes ont majorité (.) nom Président qui se trouve actuellement Indochine ne peut être dévoilé (.) Secrétaire est NGUYEN HAI THANH.

(à suivre)

M.F.

1087

Kunming 2 juillet 41

19h29

DIRSURGE

HANOI

N° 102



Programme action ligue est reconquérir avec secours Chine et Russie indépendance Indochine en épousant Français par opérations guerillas opérations devant commencer époque tôt prochain (alinéa)

Après Congrès TRINH DONG HAI, LY QUOC QUANG et DO DANG CHIN ont été envoyés Caobang (.) Service liaison entre ville et TCHI NG SI a été organisé par BUI THANH BINH avec aide montagnards région (.) CHIN ajoute qu'il a été rappelé de Caobang et renvoyé Yunnan afin de prendre en main intérêts parti communiste Indochinois "lequel jour"

(à suivre)

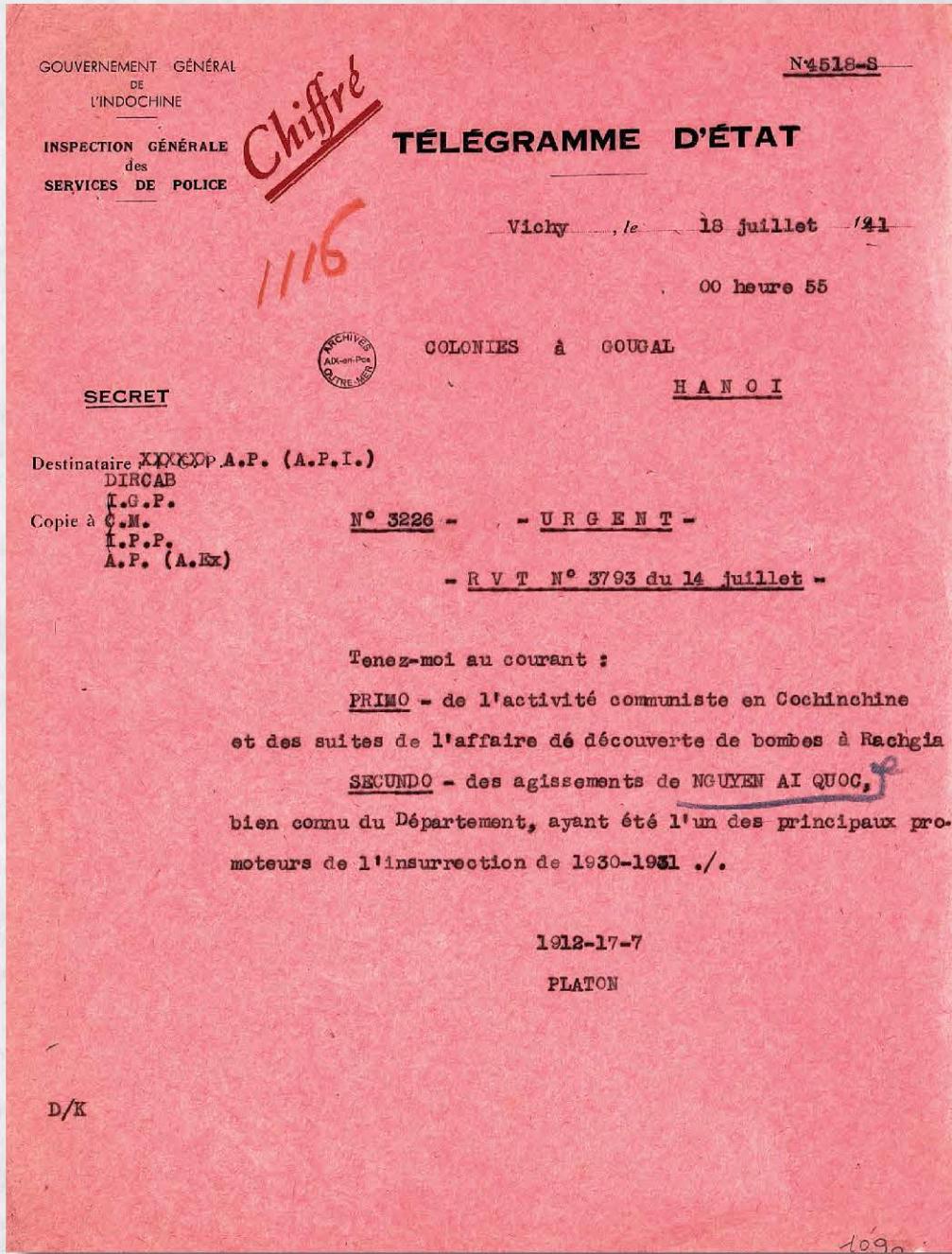
M.F.

1088

Công điện số 101, 102 ngày 2/7/1941 từ Côn Minh (Trung Quốc) gửi Cục Mật thám tại Hà Nội về việc Nguyễn Ái Quốc và đại diện các chính đảng ở Đông Dương tham dự Hội nghị thành lập Việt Nam Độc lập đồng minh Hội

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

1
9
4
1



Công điện số 3226 ngày 18/7/1941 của
Bộ Thuộc địa gửi Toàn quyền Đông Dương
yêu cầu báo cáo các hoạt động của
cộng sản ở Nam Kỳ và các hoạt động
của Nguyễn Ái Quốc - một trong những
người đề xướng cuộc khởi nghĩa những
năm 1930 - 1931

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

1
9
4
1

SERVICE DE LA SURETÉ
AU TONKIN

1116
Cao-Bang, le 28 Juillet 1941

NOTE N° 671/S.-

SECRET

A M.M. l'Inspecteur Général des Services de Police, à HANOI
le Contrôleur Général, Chef local des
Services de Police au Tonkin, à HANOI
le Colonel Comdt le 2ème Territoire Mre, à GAOBONG
En C/cion à Monsieur le Commissaire de Police Spéciale, à LANGSON



- ACTIVITÉ REVOLUTIONNAIRE EN CHINE -

- Informateur "88"-

J'ai l'honneur de vous faire parvenir ci-après les renseignements fournis par "88".

NGUYỄN ÁI THÂN (1) est actuellement à Tainh-Tsi comme membre dirigeant du "VIET NAM ĐỘC ĐỘNG MÌNH HỘI". De temps en temps, il fait paraître un article sur le journal chinois Kan-Pâu (干報), imprimé à Tainh-Tsi. L'objet de son dernier article est "L'Annam aux Annamites". Dans cet article, il s'étend sur les mauvais traitements que les Français font subir aux indigènes et sur l'occasion qui s'offre de reconquérir la patrie.

NGUYỄN ÁI QUỐC n'est plus actuellement à Tainh-Tsi. Il effectue de fréquents voyages entre ce centre et le Yunnan.

L'ex-adjudant Chef LOI a été arrêté dans la première quinzaine du mois de Juillet, au marché de On-Ning (安寧) (2) et conduit à Tainh-Tsi. Il est inculpé d'espionnage au profit des Japonais.

Trois nouveaux membres du V.N.Đ.L.Đ.M.H. sont arrivés à Tainh-Tsi :

- TÔNG ĐẠT QUÝ, annamite. 洪達貴
- PHÙNG HOÀI MỘC, annamite. 馮懷德
- NGÔNG QUỐC QUỐC, de race thiê (3) 諾國強

TRƯƠNG BỘI CỘNG a été relaxé par les Autorités chinoises mais il est toujours à Lieu-Tchou (柳州) (4).

Une vingtaine de "thais", originaires du phu de Hoa-An et membres du V.N.Đ.L.Đ.M.H., sont venus se réfugier à Tainh-Tsi depuis une quinzaine de jours, à la suite des arrestations opérées dernièrement dans la province de Gaobong. Tous ces individus ont l'intention de se rendre à Lieu-Tchou.

Sans que je puisse les voir, on m'a dit qu'il y avait actuellement 2000 communistes chinois et Indo-chinois sur la région frontière s'étendant de Fao-han (poste chinois conjugué de Bao-Lac) à Thuy-Gau (poste chinois conjugué de Tâ-Lung). Ces individus auraient l'intention d'entrer au Tonkin avec le concours de l'armée chinoise, dans deux mois environ.

178

6 - 2 -
Durant mon séjour à Tainh-Tsi, j'ai constaté que les autorités militaires chinoises se sont réunies deux fois avec les membres dirigeants de V.N.Đ.L.Đ.M.H. Ces réunions se sont tenues au siège du V.N.Đ.L.Đ.M.H. sis près de la 8ème porte du Sud./.

Le Commissaire-adjt de P.S. de Streeté,
H. FAUCHEUX,



Note de la P.S. Gobong:-

(1) - NGUYỄN ÁI THÂN, alias VŨ SÃI THÂN, dit YEN HA THAN, dit NGUYỄN -

GAM GIANG - Vieil adaléz commun.

(2) - ÔN NING ou HANG DENG, petit marché chinois situé à environ 10 km du poste frontière de Trà-Lung.

(3) - Iaconus de la P.S. Gobong.

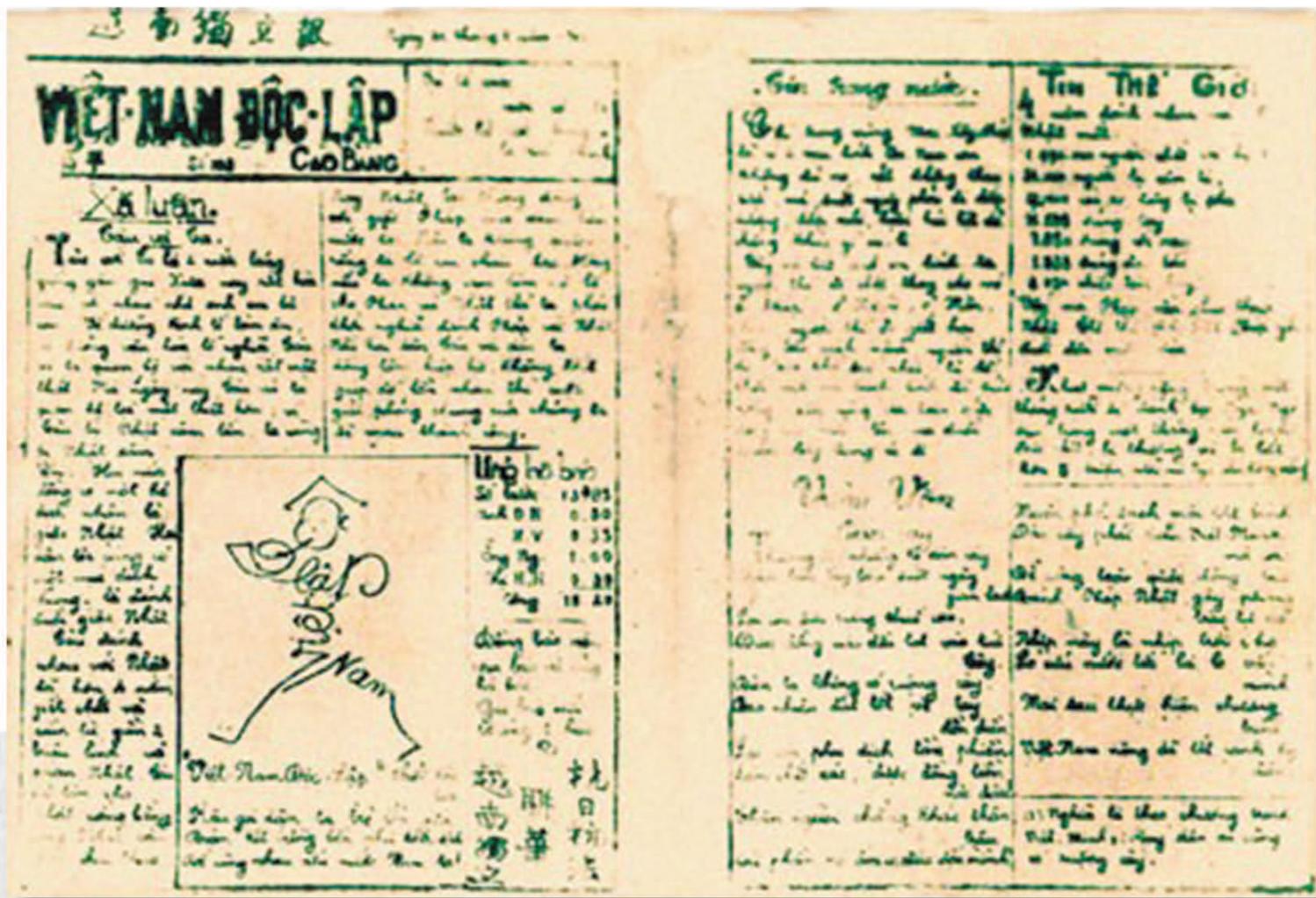
(4) - Lieu-Tchou, à 250 km au N.E. de Nanning (à voi d'isenu).

179

Công văn số 671/S ngày 28/7/1941 của Sở An ninh Bắc Kỳ gửi từ Cao Bằng đến Chánh Thanh tra Sở Cảnh sát tại Hà Nội, Kiểm soát trưởng, Trưởng ty Cảnh sát Bắc Kỳ tại Hà Nội, Đại tá khu vực quân sự thứ 2 tại Cao Bằng, Cảnh sát trưởng tại Lạng Sơn về thông tin do người chỉ điểm cung cấp liên quan đến hoạt động cách mạng ở Trung Quốc của Nguyễn Ái Quốc và các thành viên của Việt Nam Độc lập đồng minh Hội

(Lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp)

1
9
4
1



Bài viết số 101 ngày 1/8/1941 của Nguyễn Ái Quốc đăng trên báo Việt Nam Độc lập
(cơ quan tuyên truyền của Ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng, do Nguyễn Ái Quốc sáng lập)

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)



Lán Khuổi Nậm (Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng), nơi Nguyễn Ái Quốc ở trong những ngày họp Hội nghị lần thứ tám
Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, tháng 5/1941

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)



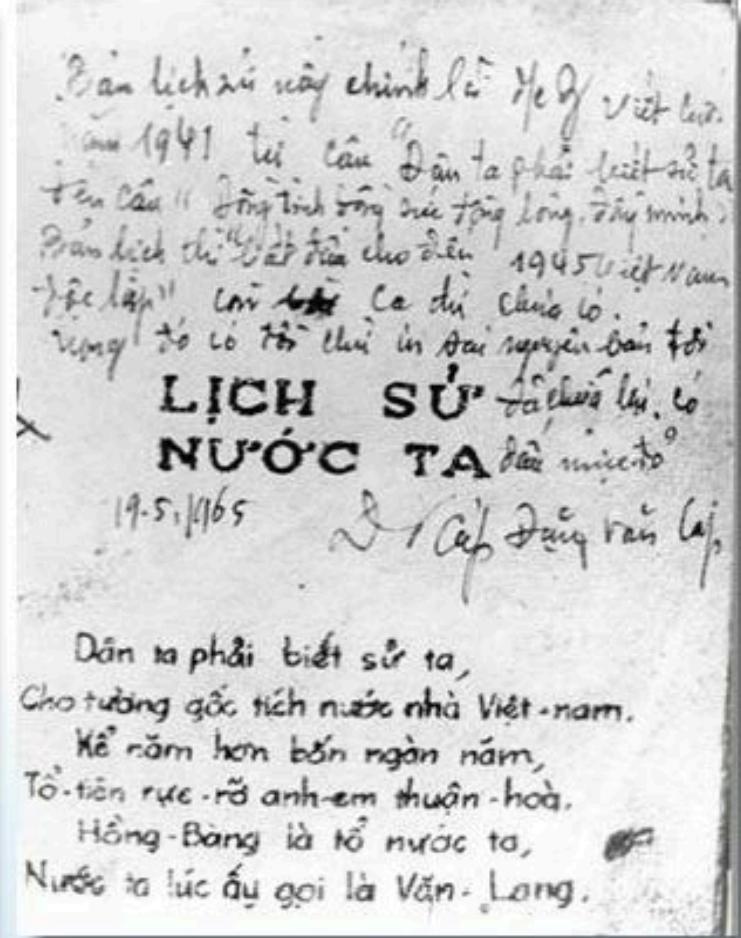
Viet-Nam phu nữ đòi đòi
Nhiều người vì nước vì noi hu sinh
Ngàn thu ròng tiếng bà Trưng
Ra tay ưu quốc, ưu dân sơn
nì ^{ung} thật anh hùng,
Làm với danh giặc vầy vùng
May àm cách mến khán truon

Bài thơ Phụ nữ của Nguyễn Ái Quốc đăng trong mục Vườn văn,
báo Việt Nam độc lập, số 104, ngày 1/9/1941

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

NĂM 1942

1
9
4
2



Bìa và trang đầu cuốn sách *Lịch sử nước ta* của Nguyễn Ái Quốc,
do Bộ Tuyên truyền Mặt trận Việt Minh xuất bản tháng 2/1942

(CD-ROM Hồ Chí Minh toàn tập, Số 3)

LỊCH SỬ NƯỚC TA

Dân ta phải biết sử ta,
Cho tưởng gốc tích nước nhà Việt Nam.
Kể năm hơn bốn ngàn năm,
Tổ tiên rực rỡ, anh em thuận hòa.
Hồng Bàng là tổ nước ta.
Nước ta lúc ấy gọi là Văn Lang.
Thiếu niên ta rất vể vang,
Trẻ con *Phù Đổng* tiếng vang muôn đời.
Tuổi tuy chưa đến chín mươi,
Ra tay cứu nước dẹp loài vô lương.
An Dương Vương thế *Hùng Vương*,
Quốc danh Âu Lạc cầm quyền trị dân.
Nước Tàu cậy thế đông người,
Kéo quân áp bức giống nòi Việt Nam,
Quân Tàu nhiều kẻ tham lam.
Dân ta há dễ chịu làm tôi ngươi?
Hai Bà Trưng có đại tài,
Phất cờ khởi nghĩa giết người tà gian,
Ra tay khôi phục giang san,
Tiếng thơm dài tặc đá vàng nước ta.
Tỉnh Thanh Hóa có một bà,
Tên là *Triệu Âu* tuổi vừa đôi mươi,

1
9
4
2

1
9
4
2

Tài năng dũng cảm hơn người,
Khởi binh cứu nước muôn đời lưu phuong.
Phụ nữ ta chẳng tầm thường,
Đánh Đông, dẹp Bắc làm gương để đời,
Kể gần sáu trăm năm giờ,
Ta không đoàn kết bị người tính thon¹⁾.
Anh hùng thay ông Lý Bôn,
Tài kiêm văn võ, sức hơn muôn người,
Đánh Tàu đuổi sạch ra ngoài.
Lập nên Triều Lý sáu mươi năm liền.
Vì Lý Phật Tử ngu hèn,
Để cho Tàu lại xâm quyền nước ta.
Thương dân cực khổ xót xa,
Ông Mai Hắc Đế đứng ra đánh Tàu,
Vì dân đoàn kết chưa sâu,
Cho nên thất bại trước sau mấy lần.
Ngô Quyền quê ở Đường Lâm,
Cứu dân ra khỏi cát lầm ngàn năm.
Đến hồi Thập nhị sứ quân²⁾
Bốn phương loạn lạc, muôn dân cơ hàn.
Động Hoa Lư có Tiên Hoàng,
Nổi lên gây dựng triều đàng họ Đinh.
Ra tài kiến thiết kinh dinh,
Đến vua Phế Đế chỉ kinh hai đời.
Lê Đại Hành nổi lên ngôi.
Đánh tan quân Tống, đuổi lui Xiêm Thành.

1) Tính thon là nuốt sống (T.G).

2) 12 tướng nổi lên giữ 12 vùng (T.G).

Vì con bạo ngược hoành hành,
Ra đời thì đã tan tành nghiệp vương.
Công Uẩn là kẻ phi thường,
Dựng lên nhà Lý cầm quyền nước ta.
Mở mang văn hóa nước nhà,
Đắp đê để giữ ruộng nhà cho dân.
Lý Thường Kiệt là hiền thần,
Đuổi quân nhà Tống, phá quân Xiêm Thành.
Tuổi già phỉ chí công danh,
Mà lòng yêu nước trung thành không phai.
Họ Lý truyền được chín đời,
Hai trăm mươi sáu năm giờ thì tan.
Nhà Trần thống trị giang san,
Trị yên trong nước, đánh tan địch ngoài,
Quân Nguyên binh giỏi tướng tài:
Đánh đâu được đấy, dông dài Á, Âu,
Tung hoành chiếm nửa Âu châu,
Chiếm Cao Ly, lấy nước Tàu bao la,
Lăm le muốn chiếm nước ta,
Năm mươi vạn lính vượt qua biên thùy,
Hải quân theo bể kéo đi,
Hai đường vây kín Bắc Kỳ như nén¹⁾
Dân ta nào có chịu hèn,
Đồng tâm, hợp lực mấy phen đuổi Tàu.
Ông Trần Hưng Đạo cầm đầu,
Dùng mưu du kích đánh Tàu tan hoang,
Mênh mông một giải Bạch Đằng,
Nghìn thu soi rạng giống dòng quang vinh,

1
9
4
2

1) Nen: trong bản in lần thứ hai sửa thành “nêm” (B.T).

1
9
4
2

Hai lần đại phá Nguyên binh,
Làm cho Tàu phải thất kinh rụng rời.
Quốc Toản là trẻ có tài,
Mười mươi sáu tuổi ra oai trận tiền,
Mấy lần đánh thắng quân Nguyên,
Được phong làm tướng cầm quyền binh nhung.
Thật là một đấng anh hùng,
Trẻ con Nam Việt nên cùng noi theo.
Đời Trần văn giỏi võ nhiều,
Ngoài dân thịnh vượng, trong triều hiền minh.
Mười hai đời được hiển vinh,
Đến Trần Phế Đế nước mình suy vi.
Cha con nhà *Hồ Quý Ly*,
Giết vua tiếm vị một kỳ bảy niên.
Tình hình trong nước không yên,
Tàu qua xâm chiếm giữ quyền mấy lâu,
Bao nhiêu của cải trân châu,
Chúng vơ vét chở về Tàu sạch sẽ.
Lê Lợi khởi nghĩa Lam Sơn,
Mặc dầu tướng ít binh đơn không nàn.
Mấy phen sông Nhị núi Lam,
Thanh gươm yên ngựa Bắc, Nam ngang tàng.
Kì Tuý Động nẹ Chi Lăng,
Đánh hai mươi vạn quân Minh tan tành.
Mười năm sự nghiệp hoàn thành,
Nước ta thoát khỏi cái vành nguy nan.
Vì dân hăng hái kết đoàn,
Nên khôi phục chóng giang san Lạc Hồng.

Vua hiền có Lê Thánh Tôn,
Mở mang bờ cõi đã khôn lại lành.
Trăm năm truyền đến cung hoàng,
Mạc Đăng Dung đã hoành hành chiếm ngôi
Bấy giờ trong nước lôi thôi,
Lê Nam, Mạc Bắc rạch đôi san hè,
Bảy mươi năm nạn can qua¹⁾
Cuối đời mười sáu²⁾ Mạc đà suy vi.
Từ đời mười sáu³⁾ trở đi,
Vua Lê, Chúa Trịnh chia vì khá lâu⁴⁾
Nguyễn Nam, Trịnh Bắc đánh nhau,
Thấy dân cực khổ mà đau đớn lòng.
Dân gian có kẻ anh hùng,
Anh em Nguyễn Nhạc nổi vùng Tây Sơn,
Đóng đô ở đất Quy Nhơn,
Đánh tan Trịnh, Nguyễn, cứu dân đảo huyền⁵⁾
Nhà Lê cũng bị mất quyền,
Ba trăm sáu chục năm truyền vị vương.
Nguyễn Huệ là kẻ phi thường,
Mấy lần đánh đuổi giặc Xiêm, giặc Tàu,
Ông đà chí cả mưu cao,
Dân ta lại biết cùng nhau một lòng.
Cho nên Tàu dẫu làm hung,
Dân ta vẫn giữ non sông nước nhà.

1
9
4
2

1) Can qua là chiến tranh (TG).

2), 3) Thế kỷ XVI (TG).

4) 216 năm (TG).

5) Trao ngược (TG).

1
9
4
2

Tướng Tây Sơn có một bà,
 Bùi là nguyên họ, tên là *Thị Xuân*,
 Tay bà thống đốc ba quân,
 Đánh hơn mấy trận, địch nhân liệt là.
Gia Long lại dấy can qua,
 Bị Tây Sơn đuổi, chạy ra nước ngoài.
 Tự mình đã chẳng có tài,
 Nhờ Tây qua cứu, tính bài giải vây.
 Nay ta mất nước thế này,
 Cũng vì Vua Nguyễn rước Tây vào nhà,
 Khác gì công rắn cắn gà,
 Rước voi đầy mả, thiệt là ngu si.
 Từ năm Tân Hợi trở đi,
 Tây đà gây chuyện thị phi¹⁾ với mình.
 Vậy mà vua chúa triều đình,
 Khu khu cứ tưởng là mình khôn ngoan.
 Nay ta nước mất nhà tan
 Cũng vì những lũ vua quan ngu hèn.
 Năm Tự Đức thập nhất niên²⁾,
 Nam Kỳ đã lọt dưới quyền giặc Tây.
 Hăm lăm năm sau trận này,
 Trung Kỳ cũng mất, Bắc Kỳ cũng tan,
 Ngàn năm gấm vóc giang san,
 Bị vua họ Nguyễn đem hàng cho Tây!
 Tôi kia càng đắp càng đầy,
 Sự tình càng nghĩ càng cay đắng lòng.

1) Thị phi là lôi thôi (TG).

2) Tự Đức thập nhất niên là năm 1858. Đó là năm thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, bắt đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Trong phần *Những năm quan trọng*, có ghi “Năm 1847... Tây bắt đầu đánh ta”. Ở đây, tác giả nói đến sự kiện hai chiến hạm Pháp vào vùng biển Đà Nẵng đã ngang nhiên bắn đắm mấy chiến thuyền Việt Nam (B.T).

Nước ta nhiều kẻ tôi trung,
Tấm lòng tiết nghĩa rạng cùng tuyết sương.
Hoàng Diệu với *Nguyễn Tri Phương*,
Cùng thành còn mất làm gương để đời.
Nước ta bị Pháp cướp rồi,
Ngọn cờ khởi nghĩa nhiều nơi lẫy lừng;
Trung Kỳ đảng *Phan Đình Phùng*
Ra tay đánh Pháp, vãy vùng một phuong.
Mấy năm ra sức Cần Vương¹⁾,
Bọn ông Tân Thuật nổi đường Hưng Yên,
Giang san độc lập một miền,
Ông *Hoàng Hoa Thám* đất Yên tung hoành.
Anh em *khổ khổ*, *khổ xanh*,
Mưu khởi nghĩa tại Hà thành năm xưa,
Tỉnh Thái Nguyên với Sầm Nưa,
Kế nhau khởi nghĩa rủi chưa được toàn.
Kìa Yên Bái, nọ *Nghệ An*
Hai lần khởi nghĩa tiếng vang hoàn cầu.
Nam Kỳ im lặng đã lâu,
Năm kia khởi nghĩa đương đầu với Tây.
Bắc Sơn đó, *Đô Lương* đây!
Kéo cờ khởi nghĩa, đánh Tây bạo tàn.
Xét trong lịch sử Việt Nam,
Dân ta vốn cũng vẻ vang anh hùng.
Nhiều phen đánh bắc dẹp đông,
Oanh oanh liệt liệt con Rồng cháu Tiên.

1
9
4
2

1) Cần Vương là giúp vua Hàm Nghi đánh Tây (T.G).

1
9
4
2

Ngày nay đến nỗi nghèo hèn,
Vì ta chỉ biết lo yên một mình.
Để người đè nén, xem khinh,
Để người bóc lột ra tình tôi ngươi!
Bây giờ Pháp mất nước rồi,
Không đủ sức, không đủ người trị ta.
Giặc Nhật Bản thì mới qua,
Cái nền thống trị chưa ra môi mành.
Lại cùng Tàu, Mỹ, Hà, Anh,
Khắp nơi có cuộc chiến tranh rầy rà.
Ấy là nhịp tốt cho ta,
Nỗi lên khôi phục nước nhà tổ tông.
Người chúng ít, người mình đông
Dân ta chỉ cốt đồng lòng là nên.
Hỡi ai con cháu Rồng Tiên!
Mau mau đoàn kết vững bền cùng nhau.
Bất kỳ nam nữ, nghèo giàu,
Bất kỳ già trẻ cùng nhau kết đoàn.
Người giúp sức, kẻ giúp tiền,
Cùng nhau giành lấy chủ quyền của ta.
Trên vì nước, dưới vì nhà,
Ấy là sự nghiệp, ấy là công danh.
Chúng ta có Hội Việt Minh
Đủ tài lãnh đạo chúng mình đấu tranh.
Mai sau sự nghiệp hoàn thành
Rõ tên Nam Việt, rạng danh Lạc Hồng.
Dân ta xin nhớ chữ đồng:
Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh!

NHỮNG NĂM QUAN TRỌNG¹⁾

Trước Tây lịch

Năm

- 2879 Hồng Bàng
- 111 Tàu lấy nước ta lần đầu

Sau Tây lịch

- 40 Hai Bà Trưng đánh Tàu
- 248 Bà Triệu Âu khởi nghĩa
- 544 Vua Lý đánh Tàu
- 603 Tàu lấy nước ta.
- 939 Vua Ngô khởi nghĩa
- 968 Đời Vua Đinh (12 năm)
- 981 Đời Vua Tiền Lê (29 năm)
- 1010 Đời Vua Hậu Lý (215 năm)
- 1073 Lý Thường Kiệt đánh Tàu
- 1225 Đời Vua Trần (175 năm)
- 1283 Trần Hưng Đạo đánh Tàu
- 1407 Tàu lấy nước ta
- 1427 Vua Lê khởi nghĩa
- 1543 Đời Vua Hậu Lê (360 năm)
- 1545 Vua Lê Chúa Trịnh
- 1771 Đời Vua Tây Sơn (24 năm)
- 1789 Vua Nguyễn Huệ đánh Tàu
- 1794 Gia Long thông với Tây
- 1847 Tây bắt đầu đánh nước ta
- 1862 Vua nhà Nguyễn bắt đầu hàng Tây
- 1889 Ông Đề Thám khởi nghĩa
- 1893 Ông Phan Đình Phùng khởi nghĩa

1
9
4
2

1) In theo đúng nguyên bản (B.T).

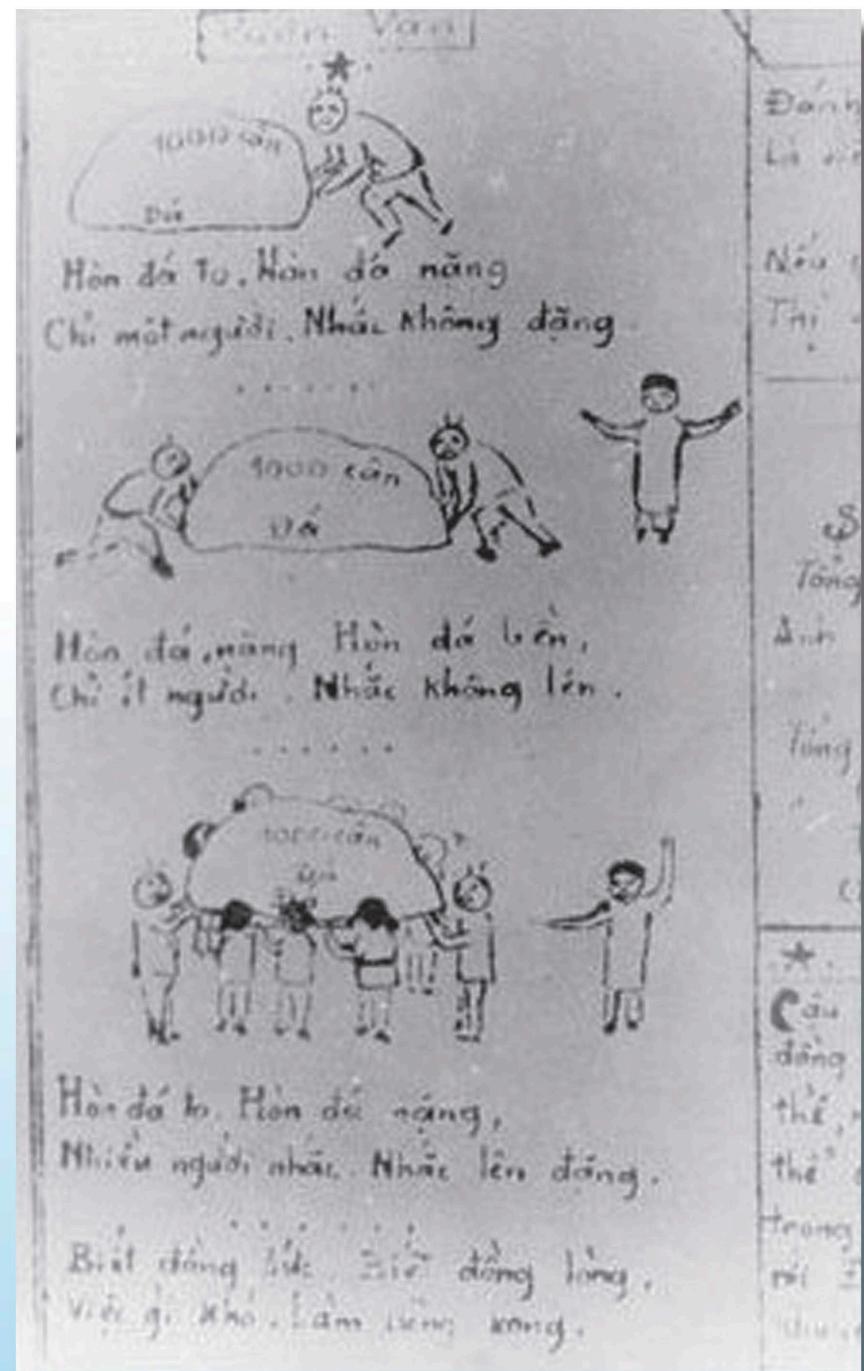
1
9
4
2

- 1916 Trung Kỳ khởi nghĩa
- 1917 Thái Nguyên, Sầm Nưa khởi nghĩa
- 1930 Yên Bái, Nghệ An khởi nghĩa
- 1940 Bắc Sơn và Đô Lương khởi nghĩa
- 1941 Nam Kỳ khởi nghĩa¹⁾
- 1945 Việt Nam độc lập²⁾

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.257-267.

1) Thực ra Khởi nghĩa Nam Kỳ xảy ra vào ngày 23/11/1940 (B.T).
2) Năm 1945 là tác giả đoán trước (B.T).

1
9
4
2



Bài thơ *Hòn đá* của Nguyễn Ái Quốc đăng trong
mục Vườn văn, báo *Việt Nam độc lập*, số 123,
ngày 21/4/1942

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

1
9
4
2

CHIẾN THUẬT DU KÍCH*

Quyển II

I

MỤC ĐÍCH CỦA CHIẾN THUẬT DU KÍCH

Mục đích của chiến thuật du kích giải thích theo ý nghĩa sâu rộng của nó là cốt để hoàn toàn tiêu diệt địch nhân, giành quyền độc lập cho dân tộc, xứ sở, nhưng ta giải thích theo ý nghĩa thấp hơn, eo hẹp hơn, thì nó cốt để:

- 1- Khám phá sự bố trí công binh của bên địch, đôi khi biết cả mưu mô của bên địch nữa.
- 2- Cướp đoạt khí giới, đạn dược, lương thực, thuốc men, v.v. bên địch do hậu phương vận tải đến.
- 3- Khiêu chế¹⁾ địch nhân và dụ địch nhân đi sâu vào nơi quân ta đã định.
- 4- Đốt và phá hủy các khu khí giới, đạn dược, nguyên liệu, binh công xưởng và các thứ phòng thủ của bên địch.
- 5- Phá hoại các đường giao thông vận tải, các bόp gác, các điểm canh, v.v..
- 6- Dùng mồi toán quân nhỏ đánh úp hoặc đánh đội quân lớn của bên địch.
- 7- Mặc dầu đất đai của ta đã bị địch nhân chiếm giữ từ lâu, nhưng ta chớ bi quan, nhờ có tinh thần c.m²⁾ chiến đấu vô địch, sẽ đánh thắng địch nhân, sẽ đánh đuổi quân địch ra khỏi bờ cõi.
- 8- Dùng phương pháp đánh úp, mai phục, hoặc đánh chớp nhoáng thiệt mau làm cho quân địch hoảng khiếp, dao động, làm cho quân ta chiến thắng quân địch một cách dễ dàng.

* Tổng bộ Việt Minh xuất bản năm 1942 (B.T).

1) Kiêu chế (B.T).

2) Cách mạng (B.T).

II SỰ CHIẾN ĐẤU CỦA ĐỘI DU KÍCH

A. Nguyên tắc chiến đấu

1. Tránh đánh nơi “kiên cố”

Nếu như địch nhân đóng cổng thành hoặc đồn trại để tự vệ, hoặc đóng chiếm nơi hiểm yếu chống lại, thì trừ khi chúng ta có đủ điều kiện chiến thắng ra, rất không nên tiến công bên địch. Vì tiến công như vậy mất nhiều ngày giờ, sự thiệt hại của ta nhất định nhiều hơn bên địch. Vả lại trong các cuộc chiến tranh du kích, pháo binh của ta chưa có đầy đủ, hoặc chưa có nữa là khác, như vậy cứ cố đánh liều chỉ tổ tiêu hao lực lượng của mình thôi, vả lại, cần chú ý là không dễ dàng bốn mặt bao vây địch nhân. Vấn đề này cần suy xét cho kỹ, bằng không thì phạm phải tội “đánh liều”, hy sinh vô ích. Đây là một việc rất quan trọng mà quân du kích phải luôn luôn chú ý.

2. Không đánh những trận gay gắt khó khăn

Không nên đánh những trận mà ta không chắc chắn thắng lợi mười mươi. Vì nếu như ta tiêu diệt được địch nhân một nghìn, ta mất 8 trăm, như vậy tức không đáng kể. Vì sự bổ sung người và đạn dược của ta hết sức khó khăn, nếu như đánh được vài trận mà ta hao tổn quân lính và đạn dược nhiều, sự thắng lợi không đủ bù vào chỗ thiệt hại, đấy tức là ta thất bại.

Ta mất một được mười, được trăm nghìn như thế mới gọi là thắng lợi.

3. Không rõ địch tình, không đánh

Quân ta đóng ở một nơi, đột nhiên thấy quân địch tới, nếu không rõ quân địch có bao nhiêu người, ở đâu tới thì không được đánh, phải mau mau rút ngay đi nơi khác, đi xa nơi đó chừng 2, 3 chục cây số gì đó...

Nếu địch nhân đến gần quá rồi, không thể tránh khỏi sự xung đột nữa, thì tốt hơn là phái một ít quân mai phục chống lại để che chở cho đại đội rút lui. Vì quân địch tới tiến công ta nhất định binh lực mạnh hơn và có kế hoạch đường hoàng, ta chớ mắc mưu.

Địch mạnh, ta thoái, như thế có lợi cho ta. Nếu địch nhân yếu thế mà ta thoái, chẳng qua chỉ làm cho quân sĩ mỏi mệt một ít thôi, ta quay lại đánh chúng cũng chưa muộn.

4. Liên hiệp dân chúng để phong tỏa và đánh úp địch quân

Khi địch nhân bủa vây ta, chúng ta cần phải liên lạc với dân chúng các nơi, thực hành đoạn tuyệt¹⁾ các ngả đường giao thông của bên địch, làm cho địch nhân không biết quân ta đã tới gần sát, lợi dụng lúc ban đêm hay tờ mờ sáng, đánh lui địch quân. Hoặc liên lạc dân chúng, đội tự vệ các nơi chừng 1, 2 trăm người hay 3, 4 trăm người chia làm nhiều toán (nếu ít 3, 4 chục cũng được) cầm cờ C.M²⁾ đến chiếm các ngọn núi, các làng, các chợ, rồi dùng thanh la, trống, giáo mác, súng kíp hỏa mai, kèn, pháo, v.v., khua chuông, gõ mõ, gào thét ầm ĩ, làm vang dội khắp các ngọn núi, các làng..., làm cho quân địch hỗn loạn và sợ hãi, hay cả ngày lẫn đêm bắn súng khắp bốn bên, làm cho quân địch hoảng sợ, tinh thần mỏi mệt, rồi sau đó, xuất kỳ bất ý dùng chủ lực đánh thốc vào bên sườn đặng tiêu diệt quân địch.

5. Cách đánh úp của đội du kích

Trong cuộc chiến tranh, có giá trị nhất và làm cho bên địch đau đớn nhất là cách đánh úp. Vô luận ở cách địch nhân gần hay xa, nhất là lúc địch nhân ở cách ta khoảng chừng 2, 3 chục cây số chẳng hạn, sự canh phòng nhất định sơ hở. Lúc bấy giờ, ta có thể đem một đội quân nhỏ lợi dụng đêm tối, đeo xách nhẹ nhàng đi thật mau chóng, một đêm hay một ngày tới nơi đó, xuất kỳ bất ý đánh úp thật mau đặng tiêu diệt địch quân, đánh như thế rất có lợi.

6. Tránh chỗ rắn, nắn chỗ mềm

Quân địch tới đánh ta, ta không nên khai chiến với chúng, tốt hơn hết là dùng phương pháp đi vòng quanh, đi sang phía không có quân địch đóng giữ. Nên tìm những con đường tắt hẻo lánh mà đi, làm cho địch nhân không biết lối nào mà đuổi được, đồng thời đi đến đâu, phải dùng đủ phương pháp liên lạc với dân chúng, để quần chúng làm những việc trinh thám ở hậu phương quân ta đi qua để khỏi bị quân địch đằng trước, đằng sau vây đánh quân ta.

Nếu như có địch nhân đuổi theo ráo riết, trước mắt lại bị ngăn cản (như sông ngòi hay là toàn quân địch đuổi theo ta mạnh), vì muốn thoát khỏi sự nguy hiểm, có thể phái một bộ đội nhỏ đi cách

1) Cắt đứt (B.T).

2) Cách mạng (B.T).

xa địch quân chừng độ một cây số chẳng hạn, đi thẳng lên đường cái để bên địch thấy thế đuổi theo. Lúc bấy giờ, quân chủ lực ta theo con đường tắt chạy trốn; hoặc chờ khi đại đội quân địch đi qua, ta đánh thọc ngay vào giữa làm quấy nhiễu hậu phương quân địch, rồi tìm cách đánh úp chúng; hoặc phái một bộ đội nhỏ cùng với đội tự vệ dân chúng đường hoàng kéo đi làm cho địch nhân đuổi theo. Lúc đó, quân chủ lực ta nấp ở trong bụi đánh ra, trước sau cùng đánh, bao vây bốn bên, đánh cho quân địch tan tành.

7. Chỉ phương Đông, đánh phương Tây

(Thanh Đông, kích Tây)

Lợi dụng sự hỗn hợp của dân và quân đội, cố ý hợp thành những đội quân thật lớn, rồi dùng mưu này kế khác phao truyền sē đánh vào mặt này mặt nọ, cố ý đặt ra giảo ngôn. Lúc đó, mới huy động đội quân chủ lực đi sang một bên, hành động cực kỳ bí mật, xuất kỳ bất ý đánh úp một trận.

Hoặc giả quân ta muốn đánh một nơi nào đó, không nên sừng sững kéo tới, giả vờ đi sang một phía khác, rồi đi được nửa đường, quay trở lại thật mau, dùng phương pháp nhanh như cắt đánh một trận đặng tiêu diệt quân địch.

8. Cách đánh mai phục

Nếu như địch nhân sừng sững kéo tới, chúng ta kiểm những nơi có địa hình hiểm trở, rồi phục binh ở đó tới khi địch nhân đi qua, đánh cho một trận kịch liệt, tiêu diệt địch quân.

9. Cách đánh lén ngang đường

Khi do thám biết rằng địch nhân thế nào cũng đi qua nơi ấy, thời phái một bộ đội nhỏ gồm có những tay thiện xạ ẩn nấp ở bên núi cao, hay bên vệ đường hiểm yếu, hay nấp trong bụi cây rậm rạp, chờ tới khi bộ phận trọng yếu bên địch đi qua, thì lẩn đá bắn súng xuống, nhắm vào những viên quan chỉ huy quân địch mà bắn.

B. Cách đối phó với địch nhân ưu thế

1. Địch tiến, ta thoái

Nếu như binh lực bên địch yếu hơn ta, thì không dám tiến đánh ta. Bởi vậy, khi quân địch tiến đánh ta, ta có thể đoán trước là quân địch hơn ta. Muốn chiếm địa vị chủ động, có chuẩn bị, có kế hoạch sẵn sàng, thì ta nên tránh sự xung đột với chúng. Phải kéo đi trước khi quân địch kéo tới.

Nếu như đến nửa đường gặp quân địch, không rõ địch tình hoặc biết trước là địch nhân hơn ta, thì không còn do dự gì nữa, gìn giữ cho khéo, rồi tháo lui mau chóng.

Khi ta thoái lui, chớ nên đi đường cái kéo chạy thẳng một mạch, để địch quân cứ theo đuôi đến cùng, cần phải đi vòng quanh gần đây; quân địch ở trên núi, ta thoái xuống núi; quân địch ở chân núi, ta leo lên đỉnh núi; quân địch ở giữa, ta đi sang hai bên; quân địch ở bên tả ngạn sông, ta thoái đi qua hữu ngạn, quân địch ở hữu ngạn, ta thoái sang tả ngạn.

Khi thoái lui ở ngã ba đường, con đường mà chúng ta không đi, thì cố ý đánh rơi ít đồ đạc hay phái một bộ đội nhỏ đi qua đó dẫm thành những lối chân, hoặc dán biểu ngữ, khẩu hiệu, còn như đường lối mà ta đi, hết sức cẩn thận, đừng để có vết tích gì tỏ ra là ta đi qua con đường đó, làm cho địch nhân lầm đường, đuổi theo một cách vô ích.

Lúc bấy giờ, tốt hơn hết là ta phái một ít quân chia nhau thoái lui theo các ngả đường, làm cho địch nhân không biết đường nào mà đuổi. Còn đại bộ phận quân ta còn ở lại đây, đem hết quần áo, binh phục và vũ khí chôn cất kỹ càng, rồi hóa trang giả làm những kẻ lái buôn, thày bói đi các ngả đường phao truyền tin nhảm, hoặc đi trinh thám địch quân, xem có bao nhiêu người và định làm gì. Hoặc khi quân địch cắm trại, thì đi thám thính biết chỗ đóng quân của chúng, hay những con đường có quân địch canh phòng, thời mau về báo quân ta. Giả thủ quân địch hỏi quân ta thoái ngả nào, đường nào, thì Đông nói Tây, Tây nói Đông, có ít xít nhiều, có nhiều nói ít, và phao truyền tin nhảm, đợi khi quân ta kéo về tiến công, lúc bấy giờ, ăn bận quần áo cũ vào và đeo khí giới sẵn sàng, dự bị hưởng ứng quân ta đánh cho quân địch tan tành, không đường chạy trốn.

2. *Địch thoái, ta tiến*

Quân địch thoái lui, ta nên thừa cơ tiến diệt vì lúc bấy giờ địch nhân tất nhiên có sự thay đổi về mặt hành động quân sự, cho nên có kế hoạch thoái lui. Đã theo kế hoạch thoái lui, thì không có ý muốn cùng ta quyết chiến nữa. Nếu ta đánh vào đằng sau quân địch, đội đi sau cùng che chở bên địch, nhất định sẽ không quyết tâm đánh nhau với ta, còn đội quân địch đi trước vì phải theo kế hoạch của chúng nên rất khó quay trở lại đánh nhau với ta. Như ở những nơi rừng núi hiểm trở, đường núi quanh co, sông ngòi uốn khúc, cầu cống thật nhiều, nếu có quay đầu trở lại được nữa, đội quân đi sau đã bị quân ta tiêu diệt rồi, vũ khí cũng đã bị bóc lột hết rồi. Lúc bấy giờ ta phải kiểm cách phá hoại cầu cống, cắt đứt dây thép, v.v., tốt hơn là đợi một bộ đội lớn bên địch đã rút lui rồi, còn lại một ít bộ đội hậu vệ sau cùng chống cự với quân ta, thì ta phải chiếm hết đường lối thoái lui của chúng, làm cho địch nhân muốn thoát cũng không được, muốn cứu cũng không xong. Nhưng lúc bấy giờ, trách nhiệm dân chúng rất nặng nề là phải do thám cho rõ đường lối và phương hướng thoái lui bên địch, xem có phục binh không, có khi

địch quân giả vờ thoái, rồi hai cánh quân thoái lui quay lại bao vây quân ta, thì dân chúng phải lập tức báo cáo cho quân đội ngay để cho quân đội ta yên tâm theo đuổi truy đánh quân địch.

3. *Dịch nghỉ, ta quấy*

Quân địch mới tới vùng ta, địa thế không thạo, ngôn ngữ khác nhau, chỗ nào cũng có tiếng súng, nhất định luôn luôn canh phòng nghiêm ngặt, không dành một phút nghỉ ngơi. Bởi vậy, một là, vì tinh thần cũng như xác thịt hết sức khổ sở, địch quân dù gan góc, liều lĩnh đến mấy đi nữa cũng phải lung lay và mệt mỏi. Đợi khi quân địch tinh thần dao động, thân thể mệt mỏi rồi, lúc bấy giờ, quân ta hợp với dân chúng đánh thốc vào quân địch, nhất định sẽ thắng lợi.

4. *Đoạn tuyệt giao thông¹⁾*

Dây thép nói²⁾ hay dây thép từ chỗ này qua chỗ khác cần phải kiểm cách cắt đứt đi, đường lối, thuyền bè, xe cộ cần phải phá phách đi hoặc chiếm lấy. Còn như việc bắt lính giao thông bên địch cũng rất cần, làm cho bên địch không thể liên lạc được với nhau và không tiếp tế được.

C. Cách xử trí với địch nhân yếu thế

Trong cuộc chiến tranh gay gắt với quân thù để giành nền độc lập cho Tổ quốc, địch nhân sẽ dùng đủ mọi thủ đoạn cực dã man để đối phó lại với chúng ta. Muốn đạt tới nhiệm vụ của đội quân du kích là tiêu diệt sức phấn đấu của địch, làm phấn khởi tinh thần anh dũng của dân chúng, đối với địch nhân yếu thế, cố nhiên là không ngần ngại gì nữa, phải liên lạc dân chúng ở đó bao vây địch nhân, đánh cho tiêu tan đặng tiêu diệt chúng.

D. Làm thế nào công kích địch nhân

1. *Đánh lén*

Thừa lúc đêm tối, trời rét như cắt, tuyết xuống đầy đồng, mưa sa bão táp, sương mù phủ kín non sông, sự canh phòng của quân địch sơ sài, hoặc địch nhân mới đến cắm trại lạ cảnh lạ người, ta đánh thốc vào một cách mau chóng, thế nào cũng thắng lợi. Cố nhân có câu: “Xuất kỳ bất ý, công kỳ bất bị” (Thừa lúc địch nhân hớ hênh, đánh chỗ địch nhân không đề phòng).

1) Cắt đứt liên lạc (B.T).

2) Dây thép nói: Dây điện thoại (B.T).

Khi đánh lén, điều động đại bộ đội nhằm đánh vào nơi trọng yếu bên địch một cách mãnh liệt, còn một bộ đội khác thì đánh vào bên sườn, cũng có khi dùng toàn lực công kích vào một nơi hoặc chia làm nhiều toán, chia nhau tiến đánh khắp mọi nơi cùng một lúc. Nhưng cần phải có kế hoạch chu đáo để tránh khỏi bộ đội mình hỗn loạn hay lầm lẫn nhau. Bởi vậy, trước khi chưa thực hành đánh lén, cần phải đặt ra tín hiệu hay dấu hiệu.

Công việc đánh úp cần phải im hơi lặng tiếng, không nên xôn xao, trò chuyện âm ĩ, bắn súng lung tung. Khi chưa đến gần được địch nhân hay chưa có dịp tốt, không nên vì nghe thấy tiếng súng bên địch bắn, rồi là cũng bắn lung tung trả lại. Chỉ có khi nào có dịp tốt hay đã lọt được vào trong vòng đất đai bên địch rồi, mới có thể hô hoán tiến công được. Nên kịch liệt tiến công vào trước mặt, bên sườn; trước khi đến nơi ta định chiếm, nếu xét ra không thể nào tránh xung đột, thì phải quyết tâm công kích thật mau chóng làm cho địch nhân chuẩn bị không kịp. Nếu biết trước rằng địch nhân có chuẩn bị chu đáo, thì cần phải thận trọng.

Lúc đi đánh lén, đã đến trước hậu phương quân địch rồi, không nên làm lõ cơ hội, phải nỗ lực do thám cho biết kho súng đạn, lương thực... bên địch, rồi kiểm đủ mọi cách thiêu đốt đi, dùng mìn, thuốc nổ phá hoại pháo đài, bόp gác và các thứ kiến trúc bên địch đi. Công việc này cần phải liên lạc mật thiết với dân chúng mới có thể đạt được mục đích.

Khi công kích đã đạt tới mục đích rồi, phải nhanh chóng rút lui. Lúc trở về, cần phải kiểm con đường tắt mà đi tới một quãng đường khá xa náo đó, rồi sẽ quay trở lại nơi mình định tập hợp, làm cho địch quân không tài nào thám thính được tung tích của quân ta.

2. *Dánh mai phục*

Cần phải do thám biết trước con đường mà địch quân sẽ đi qua, phái quân ra mai phục ở hai bên vệ đường, núp ở quãng đường hành quân khó khăn nhất (như trèo đèo, qua sông), đợi khi cái đích mà ta cần đánh nhất tới nơi (ví dụ: chỉ huy quan cao cấp, pháo binh, hành lý, xe cộ vận tải, v.v.) thì ta cùng nhau nhằm bắn kịch liệt.

Có mấy điều cốt yếu về cách phục binh như dưới:

a) Cách thức phục binh vô luận theo kiểu đại quy mô hay tiểu quy mô, cần chọn những nơi hiểm yếu quân địch đi qua rất khó khăn và những quãng đường hẻm, v.v., lại còn phải tính tới chỗ quân ta có thể lẩn đi mau chóng vô cùng.

b) Nhằm bắn pháo binh, kỵ binh hay quan chỉ huy, cần phải tìm chỗ nào ẩn nấp để bắn, ví như: hang ở gần đường, bụi cây, nhà, những mỏ đất cao bên kia sông chẳng hạn.

c) Đối với đội pháo thủ, đội vận tải bên địch, cần mai phục ở trong rừng rậm, quãng đường nhỏ hẹp trên dốc, hay núp ở nhà dân chúng.

d) Đối với đội quân nhỏ và đội trinh thám bên địch, có thể núp ở ngay hai bên vệ đường cũng được.

e) Khi mai phục, cần phải núp cho thật kín và hết sức yên lặng, vô luận ngày đêm tuyệt đối không được nói chuyện để địch nhân khỏi biết chỗ núp của ta. Vạn nhất địch nhân đã biết ta rồi, thì phải lập tức kéo đi ngay hay thay ngay chỗ núp.

g) Khi mai phục, muốn phát động thì đợi tới khi địch nhân đã đi quá già nửa rồi, có khi cái đích mà ta định bắn (như viên quan chỉ huy) hoặc lúc quân địch đi qua đã đến giữa sông, khi nghỉ ngơi, cắm trại, ăn cơm chặng hạn, thực tế mai phục một cách đại quy mô thì nên chia làm mấy nơi: trước, giữa và sau, rồi cùng nhau phát động làm cho quân địch bị đánh bùng mưu, làm cho chúng đại bại.

3. Đánh úp ban đêm

Xem thế quân địch hơn ta về lực lượng và binh khí mà ta không đủ sức chống lại, thì phải hóa chỉnh vi linh, phân tán để ẩn núp thật kín đáo ở các làng, rừng núi, ban ngày không được ra ngoài, đợi đến tối, từ phía bắn dùng đòng làm cho quân địch bối rối, hoang mang, chưa tìm được cách nào để đối phó. Lúc bấy giờ, ta phải biến linh vi chỉnh, nghĩa là lại tập hợp quân ta lại đánh thốc vào quân địch để tiêu diệt chúng. Nhưng khi thi hành phương pháp đánh như thế, cần chú ý mấy điều này:

a) Điều động cực kỳ bí mật

Những kế hoạch trước khi đưa ra và sau khi ra rồi phải giữ tuyệt đối bí mật vì rằng: Nếu một khi bên địch biết trước rồi, thì sự chuẩn bị hành động của ta vô hiệu quả, và lại có khi thất bại lớn nữa là khác.

b) Cần biết rõ tình hình quân địch (ví dụ: biết rõ địch nhân có bao nhiêu người, sức chiến đấu mạnh hay yếu, cách tổ chức quân địch và tinh thần quân sĩ ra sao?).

c) Cần thông thạo địa thế như: núi non, sông ngòi, rừng rú, đồng bằng, đường lối, v.v., chỗ nào có địch nhân canh phòng, chỗ nào có đường tắt, đi tới chỗ nào, có thể bao vây để tiêu diệt địch quân được không?

Những điều cốt yếu trên đây cần phải hiểu một cách rõ ràng. Sau đó mới tiến đến một nơi gần quân địch nhất định, đánh thốc vào quân địch đặng tiêu diệt chúng.

E. Làm thế nào do thám địch nhân

1. Muốn do thám các thứ quân đội bên địch, trước hết cần biết rõ có nhiều thứ binh khác nhau đã. Trừ có bộ binh, kỵ binh, pháo binh, công binh, đội quân vận tải ra, lại còn có thêm lính đặc biệt nữa, như dưới:

a) *Bộ binh*: Bộ binh Nhật đeo súng dài và có cả súng liên thanh hạng nặng, có đôi khi có cả súng ca nòng hạng nhẹ nữa. Lính này có một miếng huy hiệu đỏ ở cổ áo (lính Nhật).

b) *Kỵ binh*: Lính kỵ mã cưỡi ngựa, đeo súng liên thanh và mang ca nòng hạng nhỏ, có miếng huy hiệu xanh màu lá mạ ở cổ áo (lính Nhật - quân Tàu: vàng).

c) *Pháo binh*: Dùng lừa ngựa hay ôtô kéo đại bác, ca nòng, còn như đại bác hạng nặng thì phải dùng tới xe ôtô vận tải hay 6 con ngựa kéo mới được. Đây là đại bác hạng nặng.

Còn như thấy nòng súng thật dài lại dựng đứng, đây là đội cao xạ. Đội lính này có huy hiệu ở cổ áo màu vàng (lính Nhật - Tàu: màu trắng xanh).

d) *Công binh*: Lính này mang các khí cụ như cuốc xẻng để làm việc. Trong đội lính này gồm có: Đội bắc cầu, đội thông tin, đội địa lôi, đội đường sắt. Huy hiệu ở cổ áo màu nâu (lính Nhật - Tàu: màu trắng).

e) *Đội vận tải*: Dắt lừa ngựa kéo xe hay dùng xe hơi để vận tải đồ đặc lương thực, v.v.. Huy hiệu ở cổ áo của lính này màu trắng (lính Nhật - Tàu: màu tím).

g) *Còn các lính khác*: Các đội quân thiết giáp, đội không quân, hiến binh, đội vệ binh cũng dễ nhận. Ngoài ra còn có những đội quân y không mặc áo lính.

2. Do thám xem có bao nhiêu quân địch

Cân đếm từng hàng một, rồi nhầm xem một đội có bao nhiêu, nhưng vì thời gian quan hệ, ta không dẽ gì làm ngay được nhiệm vụ ấy. Cái cách điều tra tiện hơn, đại khái gồm có:

a) *Đại đội bộ binh*. Một trung đội của Nhật, Tàu gọi là “Liên”, nhưng một Liên không có cờ và có 150 tên lính... Cứ 4 trung đội thì có một đội súng cối xay (dùng ngựa kéo) tức là một đại đội, Tàu gọi là “Doanh”, có chừng bẩy, tám trăm người một đại đội quân Nhật có một lá cờ trắng ở giữa có những vệt đen đố.

Cứ ba đại đội có 1 đội súng ca nòng hạng nhẹ dùng ngựa kéo tức là một liên đội, có lá cờ vuông (lúc thường cuốn tròn lại).

b) *Kỵ binh*. Về kỵ binh, thì đếm xem có bao nhiêu người cưỡi ngựa là được.

c) *Pháo binh*. Đếm xem có bao nhiêu nòng súng đại bác hạng nặng, hạng nhẹ.

d) *Công binh*. Công binh cũng biên chế giống như bộ binh.

e) *Các thứ khác*. Đây là những thứ lính đặc biệt, phụ thuộc, không quan trọng mấy, biết rõ các thứ lính là được rồi. Nhưng đội không quân, cần phải điều tra xem có bao nhiêu máy bay.

3. Do thám mưu mô bên địch

Đây là một việc rất khó khăn, thường thường người ta dò la địch nhân ở đâu đến và định đi đâu, cũng có thể do đó mà phán đoán được đôi phần. Nhưng đây chưa phải là phương pháp đúng đắn. Tốt hơn là cần phải:

a) *Giả cách hoan nghênh*

Ở nơi mà quân địch kéo qua hay sẽ đến đông, ta giả làm ra bộ nhiệt thành ra hoan nghênh, săn sóc quân địch. Nhân đó, ta được gần gũi binh lính, phu tải bên địch, rồi cùng họ trò chuyện lân la, dò la xem sẽ đi đâu và đi làm gì. Nếu như quân địch không hiểu tiếng ta thì khó khăn đấy. Nhưng trong bộ đội quân địch cũng có người mình bị chúng lợi dụng làm việc cho chúng. Nếu cần phái bà già hay trẻ con gần gũi họ, dò la cũng có thể biết được tin tức.

b) *Giả đi làm trinh thám cho địch nhân để thám thính bên địch*

Muốn giả đi làm trinh thám bên địch, thời trước hết đem một ít tin tức quân ta báo cho quân địch biết, nhưng những tin tức ấy không quan hệ gì, miễn làm cho địch nhân tin ta là được. Rồi sau lấy những tin láo leu không thiết thực lừa dối địch quân. Đem những tin tức quan trọng bên địch báo cáo cho quân ta, đấy là một phương pháp rất tốt, nhưng phải kén chọn lấy những người có kế hoạch và giác ngộ khá để khỏi bị địch nhân mua chuộc. Đôi khi phái ít đàn bà, con gái đi gần gũi quân địch, chịu hy sinh cả xác thịt làm cho quân địch khờ ngờ, rồi dò la tình hình quân địch, đưa những tin tức quan trọng báo cáo cho quân ta biết. Làm như vậy các chị đàn bà, con gái hết sức khổ tâm đấy, nhưng vì quyền lợi quốc gia, dân tộc, hy sinh như vậy ắt cũng vui lòng.

c) *Dùng mỹ nhân kế*

Công việc này cũng là việc của các chị con gái có nhan sắc đi bắt chim viên quan chỉ huy hay binh sĩ cũng được. Có đôi khi dùng cách ly gián quân địch, hoặc thám thính tin tức, hoặc ăn cắp mệnh lệnh cùng địa đồ bên địch. Dùng đủ mọi thủ đoạn để đạt mục đích của ta, có đôi khi phải hy sinh xác thịt cũng đành. Nếu như không có thể dò la được tin tức gì cũng như không thể dùng cách nào ly gián được, thời tìm cách ám sát viên quan chỉ huy bên địch đi hoặc đốt cơ quan trọng yếu đi, liều cùng địch nhân một chết cũng cam tâm.

4. *Trinh thám địa hình*

Đối với những địa hình ở gần quân địch, như bến đò, đường lối, phải dò la xem có con đường tắt nào đi vòng quanh không? Qua bến đò đi về con đường đó có được không? Cần dò la kỹ càng thì hành động quân ta mới chắc chắn thắng lợi.

Ngoài ra còn phải chú ý những điều sau này:

a) Đi dò la một nơi nào phải cần chú ý đến đường lối, phương hướng rộng hay hẹp, đất cát thế nào. Đồng thời phải xem xét có tiện cho sự hành quân của pháo binh, kỵ binh, đội vận tải và các thứ lính khác đi qua không?

1
9
4
2

b) Có rừng núi làng mạc gì không? Và cần phải chú ý xem những rừng núi cùng làng mạc đó có trù mật lấm không? Diện tích là bao nhiêu?

Nếu phải qua sông ngòi, cần chú ý xem rộng hay hẹp, nước chảy từ từ hay chảy xiết, hai bên bờ có đò không? Có cầu không? Nếu như có cầu, nói kỹ xem pháo binh, đội quân vận tải xe cộ có thể qua được không?

5. Dò la tình hình bên địch

Đối với ý định, binh lực và các thứ quân lính bên địch cũng như trên đã nói qua, nhưng những khi cắm trại và những nơi quân chủ lực bên địch đóng, cùng những nơi trống không và những tình hình này khác cần dò la cho kỹ càng. Phải chú ý mấy điểm sau này:

a) Thấy địch nhân ở nơi nào, hạng lính gì có bao nhiêu người? Xe tăng máy bay bên địch có bao nhiêu và để ở chỗ nào?

b) Phía trước và sau lưng quân địch, phố xá cùng những nơi phòng ngự, pháo đài, tình hình và dùng những bộ đội nào giữ ở nơi đó.

c) Vị trí binh trạm, các kho súng đạn, lương thực ở đâu?

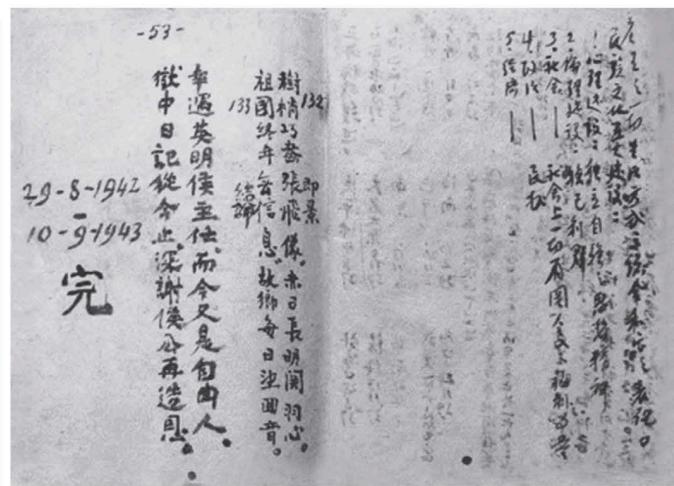
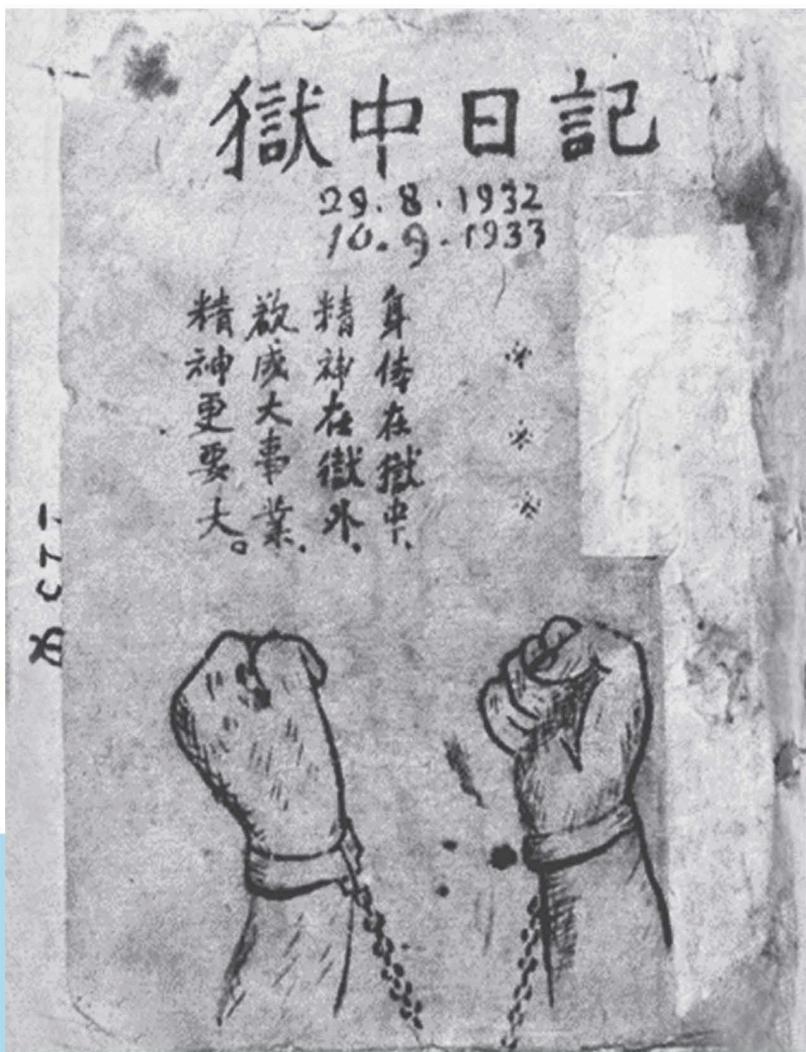
d) Trong khi đánh nhau, cần phải chú ý tình hình bên địch, quân trù bị hai bên cạnh sườn.

e) Xét xem quân lính bên địch có muốn đánh nhau hay không? Và xét xem binh lính bên địch đối với tướng quan và nhân dân ra sao?

Những nhân viên phụ trách công việc do thám cần chú ý lợi dụng và liên lạc với dân chúng trong vùng. Nhưng chú ý: Họ giác ngộ, đồng tình với ta và muốn cùng ta hợp tác mới dùng được. Trái lại, nếu họ không giác ngộ, bị địch nhân lợi dụng làm chó săn, chim mồi, phải đề phòng cẩn thận.

Trinh thám cốt yếu là dò la xem có những tổ chức nào địch phá ta không? Nếu như có, thời hãy bày mưu, lập kế phá hoại, hoặc giết kẻ thủ lĩnh trong bọn, xử tử đi để làm gương cho kẻ khác.

NĂM 1943

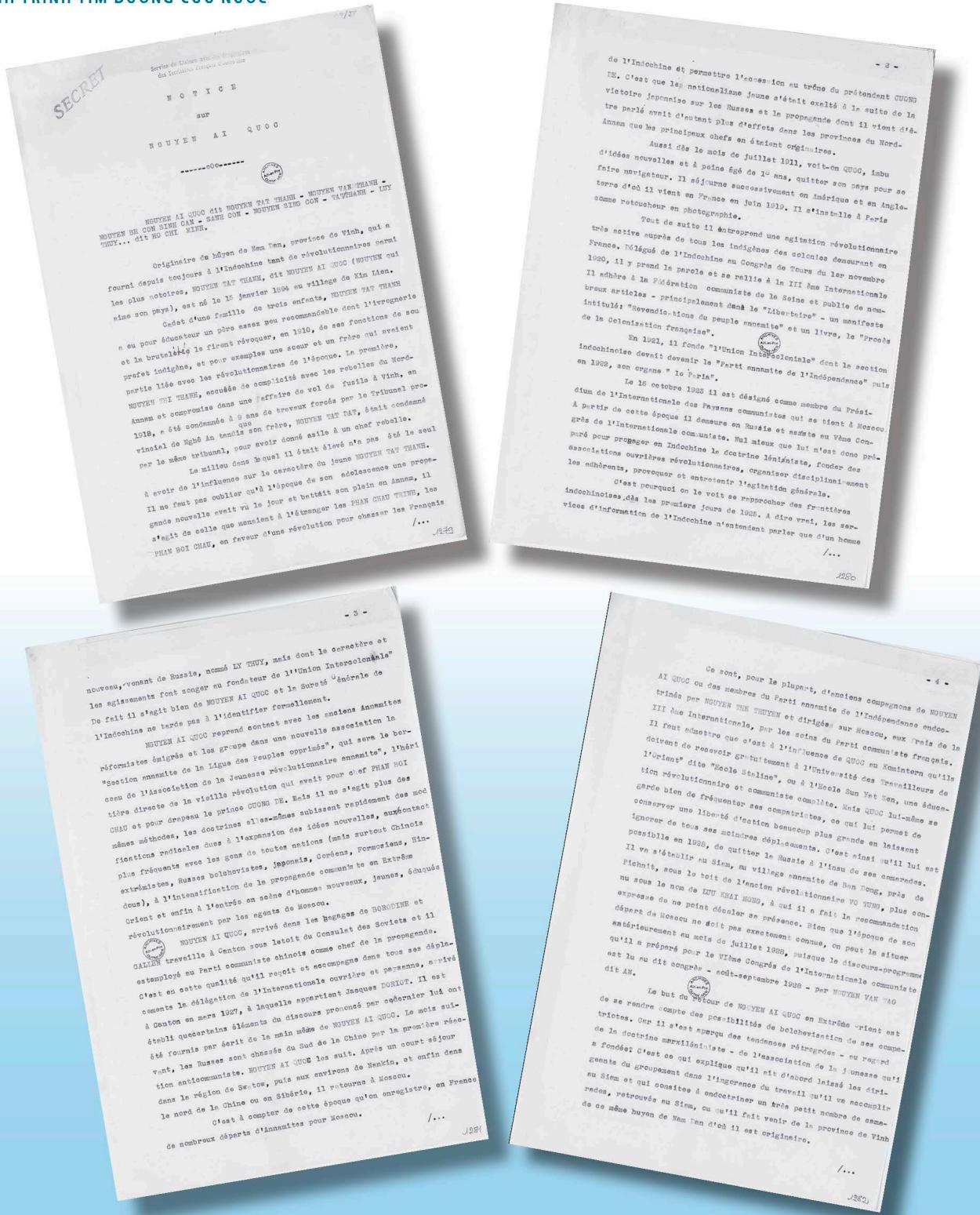


1
9
4
3

Ngục trung nhật ký - tập thơ chữ Hán được Hồ Chí Minh viết trong thời gian bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam tại các nhà lao ở tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) từ ngày 29/8/1942 đến ngày 10/9/1943

(Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, Việt Nam)

1
9
4
3



Ghi chép của Cơ quan liên lạc với người bản xứ thuộc lãnh thổ của Pháp
ở hải ngoại về tiểu sử và các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đến năm 1943

- 5 -
Cette phalange, dressée dans le plus grand secret, a fourni les cadres directeurs de l'agitation communiste commencée au Nghia An dès le mois de décembre 1929. La virulence et la parfaite orthodoxie leniniste des méthodes mises en pratique à Vinh à la début du mouvement confirment que l'animateur de ce mouvement a été un militaire très imbue de l'enseignement de Moscou.

C'est à cette époque, en juillet 1929, que les dirigeants du parti de la "Jeunesse révolutionnaire ennemite" établie dans le sud de la Chine, veulent faire appel à l'autorité de NGUYEN AI QUOC pour procéder à l'unification des divers partis révolutionnaires à forme communiste dont l'influence s'exerce en Indochine. Ils s'en couvrent devant un des leurs qui connaît la présence de QMOC au Siam et le leur révèle, QMOC est sollicité de se rendre à Hongkong. Cependant il ne quitte le Siam qu'en décembre suivant et ne se rend Hongkong qu'avec la plus grande prudence, après un court séjour à Canton.

Il prend aussitôt la direction des affaires et son premier soin est de conquérir deux délégués du Parti communiste indochinois (ex-association de la Jeunesse) et du "Parti communiste ennemite" (section dissidente du président à l'issue du Congrès tenu à Hongkong en mai 1929) pour discuter de la fusion des Associations qu'ils représentent et la constitution d'un parti unifié sous le titre de Parti communiste ennemite (section ennemite de l'Internationale communiste).

Il se préoccupe de faire donner un parti, par le Bureau d'orient de la III ème Internationale une allocation mensuelle et de faire démarquer affilier directement ce groupement au Komintern au lieu de le faire dépendre de la Fédération de Singapour, c'est à dire du Parti communiste chinois. Il obtient satisfaction sur ce dernier point et l'autonomie est confirmée par Moscou au Parti communiste ennemite.

...

1233

- 6 -
Il rappelle de Moscou ceux de ses compatriotes qui ont terminé leurs études révolutionnaires et les envoie à l'intérieur du pays pour organiser le propagande et diriger les divers organismes du parti. En effet, il ne se borne pas à préconiser d'embrigner des adhérents dans le groupement. Il constitue encore une section ennemite de la Ligue contre l'impérialisme et l'oppression coloniale et des sections du Secours Rouge. En outre, il fait fusionner les Syndicats ouvriers en Syndicats généraux et réorganiser les syndicats payens, les associations d'étudiants, de femmes, de sports, groupements destinés à être réunis en une "Union Générale des Syndicats indochinois" qui sera affiliée à l'Internationale Syndicale Rouge" ou Prointern.

Au mois d'avril 1930 il se rend à Singapour pour représenter les Annamites à une assemblée tenue dans les auspices du Secrétaire de la Fédération des groupements communistes de l'Indochine. Puis il s'installe à Hongkong où il ne quitte plus. En qualité de délégué ennemite de la III ème Internationale, il agit en chef ayant l'investiture de la confiance de son parti. Il charge LE QUANG DAT de gagner à la cause communiste les tireurs ennemis de Chenghai et confie à ses plus sûrs collaborateurs le soin d'entretenir l'agitation à l'intérieur. Ceux ci ne tardent pas à se faire arrêter et dès le début de 1931 il lui faut prévoir au remplacement de deux propagandistes échappés à Moscou que le Sûreté Indochinoise a arrêtés. Il fait appeler à ceux qui étudient encore à Moscou et s'apprête à les faire entrer en Indochine, de Singapour et de Hongkong, lorsqu'il est appréhendé par la Police anglaise ainsi que plusieurs de ses compagnons. Le fait que son adresse à Hongkong a été découverte par Joseph HUGROUX, alias Serge LEFFRANC Inspecteur français au Komintern, arrêté à Singapour le 1er juin puis condamné à 10 mois de prison par les autorités anglaises, montre que NGUYEN AI QUOC était en relations suivies avec tous les agents importants de la III ème Internationale en Extrême Orient.

... 1234

- 7 -

La capture de NGUYEN AI QUOC complète la délocalisation de l'Etat Major du Parti communiste ennemite dont les principaux membres sont évidemment arrêtés. Les autorités françaises ont donc le plus grand intérêt à obtenir sa livraison et poursuivent actuellement des tractations à cet effet.

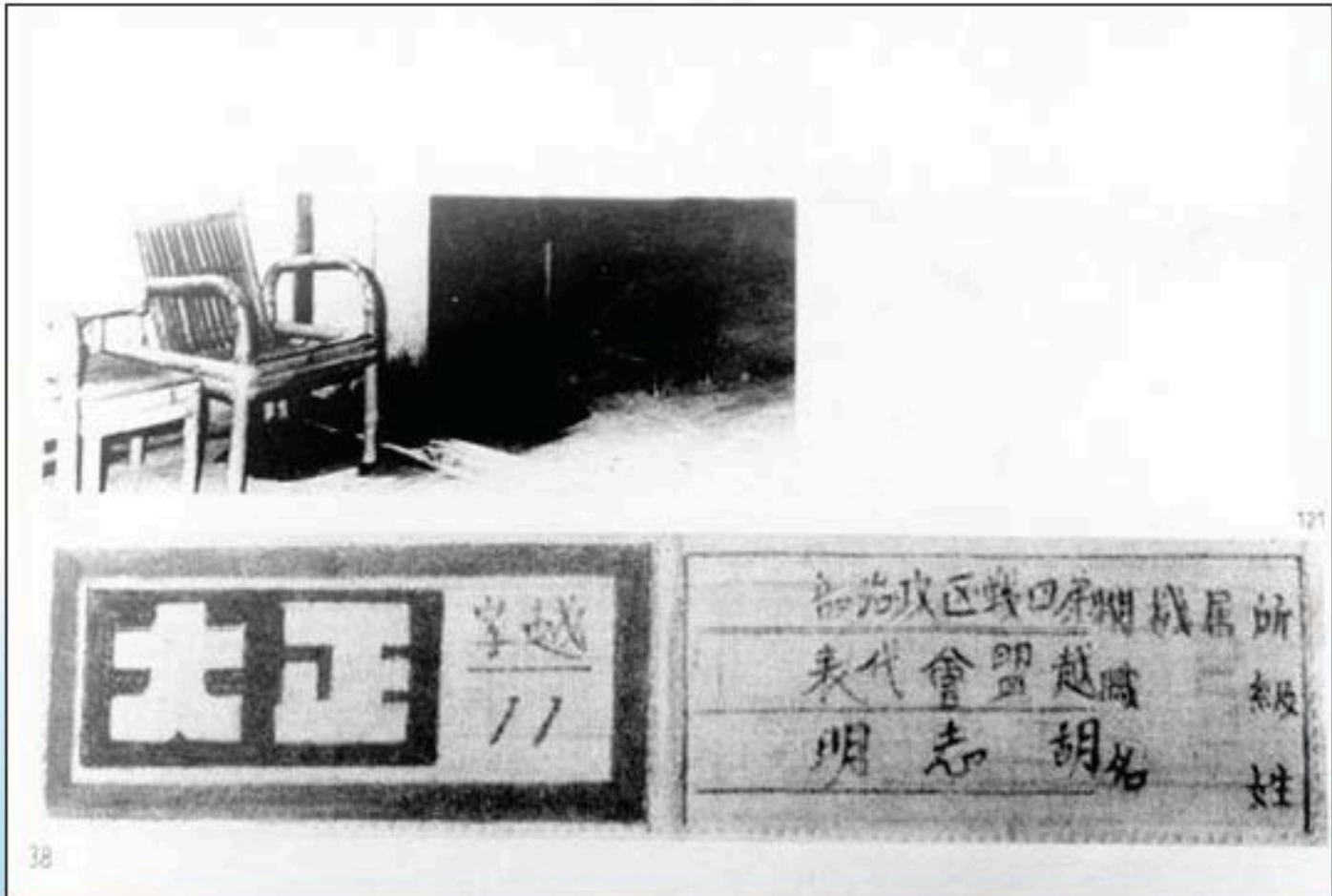
NGUYEN AI QUOC a été condamné à mort par défaut, le 10 octobre 1930, par le tribunal provincial de Vinh et la peine a été commuée en celle des travaux forcés à perpétuité par le Conseil du Comtat de la Cour d'Annam. Sa comparution effective devant les tribunaux de l'Indochine aurait un effet moral considérable sur l'activité militante du Parti communiste ennemite.

En 1932 le Gouvernement Général de l'Indochine négocie l'extradition avec les autorités anglaises de Hong Kong sans pouvoir obtenir satisfaction. Puis circule la nouvelle de sa mort qui confirme toutes les dépositions des révolutionnaires arrêtés à cette époque.

NGUYEN AI QUOC disparaît de la scène politique. On sait par la suite qu'il était en Russie et qu'il avait fait répondre le bruit qu'il était mort.

NGUYEN AI QUOC reparaît en Chine en 1941, d'abord dans le Koungh Si puis en Yunnan. Empêtré sur l'ordre de Tchang-Khei-Cheung, il est libéré en 1943, date à laquelle il crée le Viet Minh.

1
9
4
3



38

Thẻ của Hồ Chí Minh dự Hội nghị các đoàn thể cách mạng của Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

NĂM 1944

1944

國際反侵略有會越西分會之報

胡志明於柳松
命書社印

(一) 越南動因

我們八十年來修廟蓋塔，亡國屈膝中，連繩不絕地在觀着光輝燦爛的祖國美旗。自八九年嗣德王簽訂了賣國的契約，把西貢還給美英三省，割讓於法威後，而外的私人義士，犧牲了家鄉財產，相率捨棄兩子，遁入中州，半艱過着悲夫娘父的艱辛生活，而華人不與法航共載人，自一八七〇年至一九一〇年，在此四十年間，如丘陽路途，黃花深，其他英雄豪傑墮身之下，我們同胞都英勇地作長期的抵抗，使敵人不能空統。在最近四年中，相繼而起者有

一九〇五年四：中府農民起義。

Trang đầu của Báo cáo Phân hội Việt Nam chống đế quốc do Hồ Chí Minh đọc tại Đại hội Quốc tế Chống xâm lược, tháng 3/1944

(CDROM Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

BÁO CÁO CỦA PHÂN HỘI VIỆT NAM THUỘC HỘI QUỐC TẾ CHỐNG XÂM LƯỢC¹⁾

I- NGUYÊN NHÂN TỐ CHỨC

Trong lịch sử 80 năm mất nước đau khổ và đen tối, chúng ta đã không ngừng làm rạng rỡ ngọn cờ nghĩa cứu nước vể vang.

Từ sau năm 1862, khi Vua Tự Đức ký hiệp ước bán nước, cắt nhượng ba tỉnh Sài Gòn, Biên Hòa, Mỹ Tho cho giặc Pháp, các bậc nghĩa sĩ giàu lòng yêu nước thương dân đã từ bỏ cả cơ nghiệp của cải, dắt díu vợ con chạy ra Trung Kỳ, thà cam chịu sống cuộc đời gian truân, vất vả của kẻ hái củi, chài lưới, chứ thề không đội trời chung với giặc Pháp.

Trong bốn mươi năm, từ 1870 đến 1910, dưới sự lãnh đạo của Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám và các bậc anh hùng hào kiệt khác, đồng bào chúng ta đã anh dũng trường kỳ chống lại quân giặc, làm cho kẻ thù ăn không ngon ngủ không yên. Suốt bốn mươi năm đó, các cuộc nổi dậy đã liên tiếp nổ ra:

1905: Nông dân Trung Kỳ khởi nghĩa.

1910: Binh lính Việt Nam khởi nghĩa tại Hà Nội.

1915: Nhân dân Phú Thọ mưu khởi nghĩa.

1916: Tháng 6, Vua Duy Tân mưu khởi nghĩa!

Tháng 8 cùng năm, đồng bào thiểu số Ba Xa bạo động.

1918: Bình Liêu mưu khởi nghĩa.

1919: Quảng Nam mưu khởi nghĩa.

1923: Liệt sĩ Phạm Hồng Thái ném bom mưu sát Toàn quyền Méclanh.

1930: Khởi nghĩa Yên Bái.

1) Do Hồ Chí Minh đọc tại Đại hội các đoàn thể cách mạng Việt Nam ở nước ngoài họp tại Liễu Châu (Quảng Tây, Trung Quốc) từ ngày 25 đến ngày 28/3/1944 (B.T).

1930-1931: Nghệ An khởi nghĩa.

Cuối năm 1940: Bắc Kỳ và Nam Kỳ khởi nghĩa.

1941: Đô Lương (Trung Kỳ) khởi nghĩa.

Những sự tích vừa oanh liệt lại vừa bi tráng nêu trên, một mặt cho chúng ta thấy rằng: đất nước Việt Nam tuy bị giày xéo dưới gót sắt đẫm máu của dị tộc, nhưng tinh thần dân tộc của người Việt Nam vĩnh viễn không vì thế mà bị tiêu diệt, mặt khác cũng dạy chúng ta rằng: Không có một sức mạnh thống nhất của cả nước, không có sự giúp đỡ mạnh mẽ của bên ngoài, công cuộc vận động giải phóng khó mà thành công được, nhất là hiện nay, chúng ta đang đứng trước hai tên cướp xâm lược hung ác nhất của phương Đông và phương Tây, chúng ta lại càng cần toàn dân nhất trí, càng cần sự giúp đỡ của bên ngoài.

Muốn đoàn kết toàn dân, cần phải có một đoàn thể rộng lớn, rất độ lượng thì mới có thể thu hút được mọi đoàn thể và cá nhân có lòng thiết tha yêu nước, không phân biệt tuổi tác, gái trai, tôn giáo, nghề nghiệp, giai cấp, đảng phái. Mục đích của đoàn thể ấy phải thiết thực tiêu biểu cho những yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân cả nước: Đoàn kết toàn dân, tranh thủ ngoại vien, đánh đuổi kẻ thù, khôi phục Tổ quốc. Thái độ của đoàn thể ấy phải cao cả, ngay thẳng, mới có thể không thiên lệch, không dựa trên định kiến của một đảng phái, mới có thể được sự tin tưởng và ủng hộ của các tổ chức, các đảng phái và của toàn dân.

Phân hội Việt Nam chính là một đoàn thể ra đời nhằm đáp ứng yêu cầu đó của thời đại. Phương pháp tranh thủ ngoại vien của đoàn thể này là:

- Bước thứ nhất: liên lạc với các đoàn thể anh em các nước như Phân hội Trung Quốc, Phân hội Mỹ, v.v..
- Bước thứ hai: nhờ các đoàn thể anh em giới thiệu với Chính phủ các nước.
- Bước thứ ba: với thái độ chân thành và cởi mở, yêu cầu các Chính phủ, trước hết là Chính phủ Trung Quốc giúp đỡ.

Cho đến nay, về mặt đoàn kết trong nước đã có được những thành tích đáng kể, nhưng về mặt tranh thủ sự giúp đỡ của bên ngoài thì chưa có gì.

Về phần mình - Phân hội Việt Nam trong Hội Quốc tế chống xâm lược - cũng không sao tránh khỏi những điều nợ tiếng kia của một số người, chúng tôi thấy chưa cần phải thanh minh. Giờ đây, hãy cứ mặc cho gió Xuân thổi đi, trong tương lai sẽ để sự thật chứng minh là đủ.

II- HỆ THỐNG TỔ CHỨC

Tổ chức của Phân hội Việt Nam có hai loại hội viên:

- Một là hội viên cá nhân: có rất nhiều người từ trước đến nay chưa tham gia một đoàn thể nào,

nay muốn tham gia công việc cứu nước. Phân hội Việt Nam sẽ tùy theo hoàn cảnh của họ, tập hợp những người cùng một nghề nghiệp thành một tiểu tổ và sẽ cử người phụ trách đặc biệt liên hệ với họ.

- Hai là hội viên đoàn thể: đó là những đoàn thể mà các hội viên tán thành gia nhập Phân hội.

Việc hợp nhất nhiều đảng phái khác nhau và các tổ chức không đảng phái (như hợp tác xã, v.v.) xem chừng như rất phức tạp, rất mâu thuẫn, khó tránh khỏi va chạm và xung đột, nhưng trên thực tế thì rất đơn giản, vì rằng:

- 1- Mọi người đều cùng chung một mục đích là cứu nước.
- 2- Mọi người đều có những công tác thiết thực và phải làm tròn.
- 3- Mọi người đều hiểu rằng còn thì cùng còn, mất thì cùng mất.
- 4- Người phụ trách giải quyết công việc đúng đắn.

Phân hội Việt Nam chỉ yêu cầu các hội viên của mình tuân thủ mấy điều dưới đây:

- 1- Trong Hội không được bàn chuyện đảng phái; ngoài Hội thì hoàn toàn tự do.
- 2- Có vấn đề gì, mọi người cần thẳng thắn, công khai thảo luận; có công việc gì, mọi người đều đồng tâm hiệp lực cùng làm.
- 3- Thường ngày, mọi người không được công kích lẫn nhau; gặp khi nguy hiểm, mọi người phải ra tay giúp đỡ.

Kết quả là: giữa các đảng phái không còn tình trạng tranh chấp hơn thua, sự chân thành đoàn kết không phải chỉ ở đầu lưỡi mà trở thành sự thật.

Hệ thống tổ chức: Toàn quốc chia thành kỳ, mỗi kỳ chia thành tỉnh, huyện, tổng, xã, thôn. Nơi nào đông hội viên thì lấy thôn làm đơn vị. Nơi nào ít hội viên thì lấy tổng hoặc xã làm đơn vị.

III- CÁCH LÃNH ĐẠO

Cho đến khi tôi rời nước, tình hình vẫn thế này: Cả nước chỉ có mấy người, đủ cả Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ, họ là những sáng lập viên, đồng thời cũng là ủy viên trong Ban Chấp hành toàn quốc. Về tư cách mà nói, mỗi người một tư cách khác nhau: Một số là những người tài giỏi; một số là những bậc lão thành, có danh vọng được nhân dân tín nhiệm. Tuy vậy, họ giống nhau ở chỗ đều là những nhân sĩ thiết tha yêu nước, liêm khiết, trung thực, công tâm. (Cho nên tôi rất tin tưởng rằng, nếu có tổng tuyển cử, dân chúng nhất định sẽ bầu họ). Họ phân công, hợp tác, mỗi người gánh vác một phần trách nhiệm, không có chủ tịch. Dĩ nhiên là họ không có lương, mà ngược lại khi có tiền, họ còn phải bỏ tiền túi của mình ra cho đoàn thể dùng. Vì hoàn cảnh khó khăn, họ rất ít khi họp hội nghị toàn thể,

trừ những trường hợp vạn bất đắc dĩ. Khi có việc, những người phụ trách Kỳ bộ nào đó bàn bạc cách thức tiến hành, rồi đưa ra trung cầu ý kiến những người phụ trách hai Kỳ bộ kia, sau khi mọi người tán thành thì phân công nhau mà làm. Ví dụ, muốn ra một bản tuyên ngôn, các người phụ trách Bắc Kỳ dự thảo, rồi gửi dự thảo cho những người phụ trách ở Nam Kỳ, Trung Kỳ. Sau khi mọi người đồng ý, mỗi kỳ chịu trách nhiệm in lấy Tuyên ngôn mà phân phát trong phạm vi kỳ của mình. Lúc gặp việc khẩn cấp, chẳng hạn như địch tiến hành khủng bố ở Nam Kỳ thì Kỳ bộ Nam Kỳ một mặt phát động cuộc “vận động chống khủng bố”, mặt khác báo cho hai kỳ để hướng ứng ngay.

Mọi hành động, các địa phương phải tuân thủ những nguyên tắc và thời hạn do Trung ương quy định, còn cách thức thực hiện, họ có thể tùy cơ ứng biến. Mọi công tác phải có kế hoạch trước khi đưa ra làm, làm xong phải tổ chức kiểm điểm. Tất cả những kinh nghiệm thành công cũng như thất bại đều đăng trên báo bí mật để mọi người nghiên cứu.

IV- CÁCH TUYÊN TRUYỀN

Có tuyên truyền bằng miệng, tuyên truyền bằng văn tự và tuyên truyền bằng hành động.

1- Tuyên truyền bằng miệng có hai loại: Nói chuyện với từng người và nói chuyện tập thể. Loại trước thì mỗi hội viên đều phải làm, như giải thích cho bạn bè thân thích hiểu tại sao phải đánh đuổi quân thù, phải cứu nước; có khôi phục được Tổ quốc thì mới không phải nộp thuế, khỏi bị bắt đi làm phu và mọi người mới có cơm ăn, áo mặc, v.v.. Loại sau thì khi hội viên khai hội, cán bộ giải thích các vấn đề để nâng cao sự hiểu biết cho họ, nói cho họ biết cách tuyên truyền. Khi bà con cấy cày, gặt hái hoặc làm những công việc có đông người, cán bộ địa phương hoặc những hội viên có khả năng ăn nói đến làm giúp họ, nhân dịp đó mà tuyên truyền thì sẽ có tác dụng nhanh chóng và to lớn.

2- Tuyên truyền bằng văn tự có ba loại: Truyền đơn, báo chí bí mật và biểu ngữ. Làm báo bí mật là công việc rất khó khăn vì không dễ gì kiểm được nguyên liệu. Chẳng hạn, nếu ta mua giấy nhiều quá dễ bị nghi ngờ và có thể gặp nguy hiểm. Song, nếu biết dựa vào sự sốt sắng của các hội viên, dẫu có khó khăn gì cuối cùng vẫn tìm được cách giải quyết. Ở một số nơi thường hay bị địch lùng sục, chúng tôi cứ cách mấy chục dặm lại đặt một “nhà in”: một phiến đá, một ít giấy mực, giấu ở những nơi thật kín đáo không ai biết. Địch đến thôn Đông, chúng tôi in báo ở thôn Đoài, chúng tới thôn Nam, chúng tôi in báo ở thôn Bắc. Chúng không thể tìm ra chúng tôi, còn chúng tôi cứ tiếp tục ra báo đúng kỳ hạn. Báo là thứ vũ khí của ta mà địch căm ghét nhất.

Viết biểu ngữ cũng là một cách tuyên truyền rất lý thú. Bờ tường, mặt đường, gốc cây, lá cây, đều là những chỗ giúp ta tuyên truyền cách mạng. Cột điện, dây điện cũng là những nơi rất tốt để cảng biển ngữ. Những nơi có sông ngòi, chúng tôi lấy tre, gỗ, nứa, chuối đóng thành bè, cảng biển ngữ lên trên rồi thả xuôi theo dòng nước.

3- Tuyên truyền bằng hành động, tức là mỗi hội viên đều phải gương mẫu trong mọi việc để tỏ cho mọi người thấy rằng có tổ chức, có đoàn thể có tốt hơn.

Cương lĩnh tuyên truyền phải hết sức giản đơn, ai ai cũng hiểu được, nhớ được. Đoàn kết, đánh địch, cứu nước, chỉ sáu chữ ấy thôi là đủ rồi.

Cách tuyên truyền như diễn kịch, ca hát, v.v., chúng tôi không dùng được.

V- CÁCH HUẤN LUYỆN

Trước tiên, cơ quan lãnh đạo định ra một chương trình học tập, cử một vài người hoặc vài nhóm, vừa đi thí nghiệm, vừa tranh thủ ý kiến của người học. Sau đó, việc biên soạn các bài giảng phải hoàn toàn căn cứ vào yêu cầu của học viên những đợt huấn luyện trước kết hợp với kinh nghiệm của các giảng viên.

Tư cách học viên: Tất cả cán bộ địa phương nhất thiết phải được huấn luyện. Kế đó là những hội viên ưu tú, cuối cùng là tất cả các hội viên không phân biệt già trẻ, gái trai, miễn là muốn học đều có thể tham gia.

Thời gian huấn luyện: Một hoặc hai tuần lễ.

Địa điểm huấn luyện: Hang động, núi rừng, ruộng mía, nương ngô, v.v., nơi nào bảo đảm được bí mật đều có thể là những giảng đường thiên nhiên của họ. Nhưng cũng có khi một lớp học cách một hai ngày lại phải dời đi chỗ khác.

Các bài giảng đại khái gồm:

- Vì sao phải làm cách mạng?
- Vì sao phải đoàn kết?
- Khai hội tiểu tổ như thế nào?
- Phát biểu ý kiến như thế nào?
- Tự phê bình và phê bình đồng chí như thế nào?
- Bước đầu tuyên truyền cho bè bạn như thế nào?
- Giữ bí mật như thế nào?
- Những hành động hung ác của kẻ thù.

- Tình hình thế giới (kinh nghiệm kháng chiến của Trung Quốc).

- Tình hình trong nước.

Cần khuyến khích học viên dạy cho nhau học chữ quốc ngữ.

Những vấn đề trên đều do chính các hội viên tự đưa ra yêu cầu được học tập. Cơ quan lãnh đạo chỉ cần chọn một số người có thể làm giảng viên, đưa giáo trình cho họ nghiên cứu, khi họ đã nghiên cứu thông suốt, nắm được các vấn đề rồi thì cán bộ địa phương đón họ về tổ chức các lớp.

Vấn đề ăn, ở của giảng viên đều do học viên cùng nhau giải quyết, vì thế nên không tốn kém đồng nào mà lớp huấn luyện mọc lên như nấm, cơ quan lãnh đạo có cảm giác là số giảng viên “cung không kíp với cầu”.

Kết quả rõ rệt nhất của các lớp huấn luyện là tất cả hội viên không kể già trẻ đều biết giữ bí mật.

VI- TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Phân hội Việt Nam không quy định hội viên phải đóng hội phí mà áp dụng nguyên tắc “có tiền góp tiền”, “có sức góp sức”. Hội viên tùy theo hằng tâm hằng sản của mình mà giúp đỡ kinh phí cho Hội. Lúc đầu, Hội chi phí mất khá nhiều tiền (số tiền này do các hội viên có nhiệt tâm tự nguyện đóng góp). Vì muốn đặt cơ quan ở các khu “quý tộc” của các thành phố lớn để che mắt địch, Hội đã thuê nhà tây, mua sắm đồ đặc sang trọng, trang trí rất hào nhoáng, đường hoàng. Được ít lâu, có báo động, tất cả đồ đạc phải bỏ hết! Qua vài lần kinh nghiệm quá đắt như vậy, đành phải bỏ ý định lập cơ quan cố định.

Hiện nay, trừ chi phí cho báo chí và việc đi lại ra, không còn khoản gì khác phải tiêu nhiều tiền nữa, lúc cần thiết, các hội viên đều hăng hái quyên góp, vì mọi người đều tin tưởng rằng mỗi một đồng xu họ bỏ ra đều được dùng vào công việc chung cho nước nhà, cho dân tộc, chứ không phải rơi vào túi riêng của một ai. Đủ thấy câu tục ngữ xưa “Có người ắt có cửa” là đúng lắm vậy.

VII- CÔNG TÁC CỦA HỘI

Đằng trước thì quân thù đàm áp, đằng sau thì dân chúng thôi thúc, theo dõi, công tác của Hội hiện nay chỉ có gian khổ, chỉ có hiểm nguy, hoàn toàn không thể cầu danh lợi, địa vị cho cá nhân, cho nên người nào muốn làm việc cho Hội thì chỉ có vùi đầu vào công việc, ra sức mà làm. Ai không thật lòng muốn làm việc cho Hội thì không thể chỉ đeo nhãn hiệu suông được. Với lại, công việc thì nhiều, phạm vi hoạt động lại rộng, người nào có công việc của người ấy, nên không có sự tranh chấp. Hơn nữa, do

cùng đồng cam cộng khổ, hoạn nạn có nhau, nên rất có tinh thần đoàn kết. Và vì đoàn kết chặt chẽ nên công việc dễ phát triển. Kết quả công tác, thành công tuy nhiều, song thất bại cũng không phải ít.

Thành công ở chỗ, mặc dù hai tên đế quốc hung ác nhất thi hành chính sách khủng bố dã man và giữa vòng vây của bọn mật thám Pháp, Nhật, bọn Việt gian, Hán gian, mà trong một năm rưỡi ngắn ngủi, Hội đã đoàn kết được hơn hai mươi vạn người, bao gồm các đoàn thể, các đảng phái, các cá nhân, các dân tộc mà trước đây vẫn có nhiều thành kiến với nhau. Một nước với hai mươi lăm triệu dân mà mới có hai mươi vạn người có tổ chức, nghĩa là cứ 125 người mới có một người có tổ chức, con số đó thật quá ít ỏi. Nhưng chúng tôi có thể nói là phạm vi đoàn kết này đang mở rộng, đang phát triển.

Chúng ta biết rằng, thành công đó một nửa là nhờ sự đoàn kết thành thật và sự cố gắng hoạt động của cán bộ, một nửa là nhờ ảnh hưởng của cuộc kháng chiến anh dũng của Trung Quốc. Xin cử một ví dụ thực tế: ở một địa phương nọ, khi đưa cuốn sách “Những hành động tàn bạo của Nhật Bản” (do Hội đồng quân sự Trung Quốc xuất bản) cho mọi người bí mật chuyền nhau xem, rất nhiều người, nhất là chị em phụ nữ, khi xem xong cảm động đến rơi nước mắt. Mọi người đều nói: “Bạn quý Nhật thật hung ác, không đậm chết chúng nó thì chúng ta không sống được”. Sau đó, nhiều người cả nam lẫn nữ đều gia nhập tổ chức.

Thất bại ở chỗ:

- 1- Rất nhiều cán bộ tốt, vì làm việc quá nhiều, bồi dưỡng không đủ nên sinh đau ốm, có khi ốm đến chết (đó là sự đau lòng khó tránh khỏi trong hoàn cảnh hoạt động bí mật).
- 2- Có nơi vì thiếu kinh nghiệm, lộ bí mật để cơ quan bị vỡ và nhiều đồng chí bị bắt, bị giết.
- 3- Vì giao thông liên lạc không thuận tiện, cơ quan cấp trên không kịp thời giải quyết những vấn đề khó khăn, do đó đưa đến thất bại.
- 4- Thiếu sự tuyên truyền đối ngoại: Một là vì mới thành lập, phải hoàn toàn giữ bí mật; hai là thiếu nhân tài ngoại giao; ba là lần đầu tiên đi làm ngoại giao, cử ba người thì hai người giữa đường hy sinh, còn lại một người nhờ được Trung Quốc chăm nom hết sức chu đáo, nhưng đã một năm rưỡi vẫn chưa thấy trở về.

Về điểm này, Trung Quốc cũng cho chúng ta một bài học quý báu, rằng nếu tự mình không có thực lực làm cơ sở thì không thể nói gì đến ngoại giao, giả dụ như Trung Quốc nếu không có mấy năm kháng chiến kiên quyết và gian khổ, thì chờ mong gì có thể xóa bỏ được các điều ước bất bình đẳng, và các nước Đồng minh cũng chẳng giúp đỡ gì Trung Quốc.

Tuy vậy, về phần chúng tôi, lúc nào cũng tin tưởng vững chắc ở đạo đức truyền thống của Trung Quốc là “bệnh vực kẻ yếu, giúp đỡ người nguy, cứu kẻ sắp chết” và tin tưởng vào quốc sách của Trung Quốc là

“Liên hiệp các dân tộc nhược tiểu trên thế giới để cùng nhau phấn đấu”. Vì thế, chúng tôi cho rằng: lần này “thất bại là mẹ thành công”, chúng tôi quyết không ngã lòng.

VIII- MẤY VẤN ĐỀ KHÓ KHĂN

Dân chúng thường cho rằng: Đoàn thể là thần thông quảng đại, là tài giỏi việc gì cũng làm được, do đó từ chuyện lớn đến chuyện nhỏ, họ đều nhờ đến đoàn thể. Anh A và anh B cãi lộn nhau, họ cũng tìm đến đoàn thể nhờ phân xử phải trái. Anh X và anh Y tranh giành nhau gia tài cũng đến nhờ đoàn thể giải quyết, v.v.. Nhưng câu hỏi khó trả lời nhất là:

“Đoàn thể tổ chức chúng tôi lại cốt để đánh giặc Nhật, giặc Pháp. Hiện nay tổ chức xong rồi, thế bao giờ thì đánh?”.

“Đoàn thể nói với chúng tôi rằng: Trung Quốc nhất định sẽ giúp chúng ta đánh đuổi quân thù, vậy đến bao giờ họ mới giúp?”.

1
9
4
4

IX- HY VỌNG CỦA CHÚNG TÔI

Đồng bào chúng ta đã đau khổ đến tột bực rồi. Dân chúng trong nước chỉ có một yêu cầu là đánh đuổi quân thù, khôi phục Tổ quốc.

Hoàn cảnh của chúng ta bây giờ, đúng như Tưởng Trung Chính¹⁾ tiên sinh đã nói: “Không phát động được quốc dân đứng lên phấn đấu thì không thể rửa nhục, tự cường được”.

Tình hình thế giới đang rất có lợi cho chúng ta, cho *nên tôi hy vọng rằng: Đồng minh Hội, sau Hội nghị này có thể thực sự chấn chỉnh lại nội bộ, thực sự đoàn kết được các lực lượng cách mạng Việt Nam ở nước ngoài, thực sự kết hợp thành một khối với các lực lượng cách mạng ở trong nước*, nhằm thực hiện cho được như lời của Tưởng tiên sinh: “Hoạt động thực tế trong nước lấy hội, đảng làm đầu, viện trợ của bên ngoài lấy kiều bào làm chính”.

Tôi hy vọng rằng phạm vi giúp đỡ của Trung Quốc đối với nhân dân Việt Nam ngày càng thiết thực, ngày càng mở rộng hơn. Được như thế, sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam nhất định sẽ sớm thành công.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.3, tr.479-489.*

1) Tức Tưởng Giới Thạch (N.D).

1
9
4
4

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH CÁC ĐẢNG PHÁI TRONG NƯỚC¹⁾

Vì chúng ta muốn các đảng phái, các đoàn thể trong nước tham gia Đồng minh hội, nên tôi xin báo cáo về tình hình các đảng phái trong nước như sau:

1- Có người nói: ở Việt Nam có quá nhiều đảng phái. Lại có người nói: ở Việt Nam chẳng có đảng phái nào. Dù điều họ nói đúng hay không đúng, đều làm cho những người hoạt động ở trong nước phấn khởi, vì điều đó chứng tỏ rằng ở trong nước chúng tôi đã giữ được bí mật, cần biết rằng: Quân thù không sợ cái gì, chỉ sợ nhân dân Việt Nam đoàn kết. Điều luật đầu tiên của chúng là ngăn cấm không cho dân chúng lập ra đảng phái, vì đó là vũ khí tổ chức duy nhất.

2- Có người cho rằng đảng phái ở Việt Nam quá nhiều, đó là một ấn tượng không tốt. Kỳ thực không phải như thế. Tại sao vậy? Chúng ta mất nước đã hơn tám mươi năm, kẻ thù của chúng ta là hai tên cướp hung ác ở phương Đông và phương Tây, chúng dùng nọc độc thuốc phiện, giáo dục nô lệ, chính sách trường kỳ khủng bố và nhiều chính sách thảm độc khác, hòng làm tê liệt sự hiểu biết của chúng ta, hòng tiêu diệt tinh thần dân tộc và đè bẹp nghị lực đề kháng của chúng ta. Các đảng phái ở Việt Nam, trừ các đảng phái thân Nhật, thân Pháp mới được để ra gần đây, đều ra đời và trưởng thành trong hoàn cảnh muôn vàn gian khổ. Điều đó chứng tỏ sự hiểu biết của nhân dân Việt Nam đã không bị kẻ thù làm tê liệt mà vẫn tiến theo kịp trào lưu của thế giới. Tinh thần dân tộc và nghị lực đề kháng của nhân dân Việt Nam không hề bị tiêu diệt.

3- Ở trong nước, không chỉ các chính đảng, mà cả các đoàn thể không đảng phái, thậm chí các hình thức tổ chức như các tổ tương trợ, v.v. cũng phải hết sức giữ bí mật mới không bị phá hoại và mới có thể tồn tại được. Do đó, không những người ở nước ngoài mà ngay người ở trong nước cũng ít biết được về tình hình các đảng phái.

1) Do Hồ Chí Minh đọc tại Đại hội các đoàn thể cách mạng Việt Nam ở nước ngoài họp tại Liễu Châu (Quảng Tây, Trung Quốc) từ ngày 25 đến ngày 28/3/1944 (B.T).

Theo tôi được biết, những chính đảng cũ và ít nhiều có thế lực, cả thảy có sáu đảng: Đảng Xã hội (thành lập tám năm nay); Việt Nam Quốc dân Đảng (thành lập mười tám năm nay); Việt Nam Tân Quốc dân Đảng (thành lập mười ba năm nay); Đảng Cộng sản Việt Nam (thành lập mười bốn năm nay); Đảng Lập hiến (thành lập hai mươi năm nay); Đảng Bảo hoàng (thành lập khoảng mươi năm nay).

Những đoàn thể không đảng phái, có: Đoàn Thanh niên Phản đế; Hội Phụ nữ giải phóng; Hội Công nhân; Hội Nông dân (Hiện nay các đoàn thể trên có thêm hai chữ “Cứu quốc”), và Việt Nam độc lập đồng minh.

Hiện nay, họ đều liên hiệp thành một mặt trận cứu quốc, tức Phân hội Việt Nam của Hội Quốc tế chống xâm lược.

4- Trong những chính đảng kể trên, nổi bật nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam. Nguyên nhân rất đơn giản. Quân thù mong muốn nước ngoài đồng tình với chính sách khủng bố của chúng, nên chúng quy tất cả các phong trào chống đối ở trong nước, thậm chí cả những hành vi bỉ ổi như phá nhà, cướp của đều đổ tội cho Đảng Cộng sản.

Có một nhà văn Pháp viết một vở kịch, nhan đề là “Hạnh phúc gia đình”. Vai chính trong vở kịch là một cặp vợ chồng mới cưới, cô dâu bị bệnh đau đầu, cô ả khăng khăng cho rằng mình bị cộng sản bỏ thuốc độc; và những chuyện như mèo nhảy làm vỡ đĩa bát trong bếp đến chuyện nướng bánh không chín, nấu súp không ngon, cô ả cũng đổ tội cho cộng sản cả. Qua đó đủ thấy tâm địa của kẻ thù và phản ứng ở nước ngoài là thế nào rồi! Có kẻ cho rằng ở Việt Nam, đâu đâu cũng là cộng sản, tất cả các đoàn thể, các tổ chức đều là cộng sản trá hình, tất cả mọi hành động đều do cộng sản ba đầu sáu tay chỉ huy!

5- Người Việt Nam có sợ cộng sản không? Không. Cả nước Việt Nam chúng ta, không có một nhà băng nào là của người Việt Nam, không có một người Việt Nam nào là nhà tư bản lớn. Tài sản của chúng ta, một lần đã bị “cộng” cho giặc Pháp, một lần bị “cộng” cho giặc Nhật, còn có cái gì để mà “cộng” nữa?

Người có học thức lại càng không sợ. Năm 1789, do cuộc Đại cách mạng Pháp mà tư tưởng dân chủ truyền bá khắp Âu châu. Năm 1917, do cuộc cách mạng Nga mà tư tưởng cộng sản truyền bá khắp thế giới. Đó là trào lưu tư tưởng của thời đại, sợ nó thì thật không đúng. Huống hồ, “làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu”, “mọi người đều bình đẳng về kinh tế”, “cần phải làm cho đời sống và sự sinh tồn của mỗi người dân được bảo đảm”, đó là những tư tưởng từ thiện, tương thân tương ái, nhân dân ấm no, thế giới đại đồng.

6- Trước đây, các đảng phái thường công kích lẫn nhau trên báo chí. A nói A phải, B nói B tốt, cốt để tranh giành quần chúng. Nay giờ họ rất đoàn kết với nhau, vì:

a) Mọi người đều hiểu, đã là dân mất nước thì đảng phái gì, chủ nghĩa gì cũng vô dụng; đồng thời mọi người đều có chung một mục đích là: Cứu nước, cứu dân tộc.

b) Kẻ địch đều coi chúng ta là kẻ thù. Chẳng may bị chúng nó bắt được thì dù thuộc đảng phái nào, không bị cầm tù cũng bị chặt đầu. Ví dụ, hồi Nam Kỳ khởi nghĩa, người Đảng Lập hiến, người Đảng Cộng sản hay người Việt Nam Quốc dân Đảng cũng đều cùng nhau tranh đấu và cùng nhau hy sinh.

c) Ngoài công việc cứu nước ra thì lý luận gì, công tác gì, cũng không được nhân dân ủng hộ.

d) Mọi người đều phải theo trào lưu cách mạng thế giới: Nước Trung Quốc tam dân chủ nghĩa, nước Anh đế quốc chủ nghĩa, nước Nga Xôviết cộng sản chủ nghĩa, nước Mỹ tư bản chủ nghĩa đều có thể hợp tác với nhau để chiến thắng quân thù. Các đảng phái ở Trung Quốc đều tập hợp chung quanh Quốc dân Đảng Trung Quốc để chống Nhật cứu nước. Nước Pháp tự do có Đảng Cộng sản Pháp tham gia; nước Đức tự do có Đảng Cộng sản Đức tham gia, cùng nhau ra sức cứu Tổ quốc, cứu đồng bào. Việt Nam là một bộ phận của thế giới, cũng không thể đi ngược dòng lịch sử được.

Hiện nay ở trong nước không cần nêu khẩu hiệu “Đoàn kết các đảng phái”, vì điều này đã trở thành hiện thực, mà cần phải mở rộng khôi đoàn kết đến toàn dân để đạt tới mục đích: Bên trong có lực lượng của mình, bên ngoài tranh thủ được sự giúp đỡ của các nước Đồng minh, trước hết là của Trung Quốc, để hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.490-493.

BÀI NÓI TẠI LỄ BẾ MẠC LỚP HUẤN LUYỆN CÁN BỘ VIỆT NAM Ở LIỄU CHÂU

Thưa ngài Trương¹⁾, giáo viên trường, thưa các giảng viên, các học viên.

Trước hết tôi xin cảm ơn Chính phủ Trung Quốc và nhân dân Trung Quốc đã ủng hộ chân thành, mạnh mẽ và lâu dài cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Trung Quốc vừa phải đánh bại đế quốc Nhật, kẻ xâm lược hung ác nhất ở phương Đông, lại vừa phải xây dựng để đủ sức kháng chiến lâu dài, gánh nặng đường xa, nhất định là có khó khăn, nhân dân Trung Quốc đã bớt ăn, bớt mặc giúp đỡ cho cách mạng Việt Nam chúng tôi, điều đó chứng tỏ rằng nhân dân hai nước Trung - Việt cùng chung một vận mệnh như răng với môi, sướng khổ có nhau. Ngài Tôn Trung Sơn vĩ đại có một câu danh ngôn: “An nguy tha nhật chung tu trượng, cam khổ lai thời yếu cộng thưởng” (nghĩa là: Những ngày sống chết cùng dựa vào nhau, lúc đắng cay ngọt bùi cùng nhau san sẻ). Câu danh ngôn đó đối với nhân dân hai nước chúng ta là một lời hiệu triệu vĩ đại mang ý nghĩa lịch sử sâu sắc. Nhân dân hai nước Trung - Việt sẽ thực hiện điều đó, mãi mãi không quên. Các học viên thân mến! Anh chị em đều là những chiến sĩ cách mạng Việt Nam chúng ta. Chúng ta phải xây dựng Việt Nam thành một nước hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Thành công ấy đã được khẳng định bởi vì đó là sức mạnh của nhân dân, là yêu cầu của thời đại, vì vậy không một dòng nước ngược nào có thể ngăn cản được nó. Anh chị em hãy phấn đấu hơn nữa!

Bọn Đức quốc xã trên đất Nga đã bị nhân dân Liên Xô hùng mạnh và Hồng quân Liên Xô bách chiến bách thắng dưới sự lãnh đạo của Nguyên soái Xtalin đã đuổi chúng ra khỏi Lêningrát, Xmôlenxkơ, Kiép. Không còn nghi ngờ gì, màn kịch Oatéclô sẽ diễn ra với Hitler. Anh chị em học viên! Vì thần thắng lợi đang giơ tay vẫy chào chúng ta, anh chị em hãy cố gắng tiến lên mãi!

1) Tức Trương Phát Khuê (B.T).

Chính sách Nam tiến của Nhật Bản đã thất bại, trên chiến trường Miền Điện chúng đã bị quân viễn chinh Trung Quốc đánh cho tơi tả. Nhật Bản phải rút quân Nam tiến của chúng.

Cần phải mở hành lang từ Trung Quốc thông sang Việt Nam, vì vậy sẽ còn một trận chiến đấu ác liệt nữa, nhưng đó cũng sẽ là trận cuối cùng, cuộc kháng chiến của Trung Quốc sắp giành được thắng lợi, Đại chiến thế giới sắp kết thúc. Dù thực dân Pháp hung ác, xảo quyệt đến đâu cũng không thể ngăn cản được chúng ta tiến lên. Chúng ta nhất định sẽ thắng lợi, nước Việt Nam nhất định sẽ được độc lập, đó là dòng thác lịch sử không gì ngăn cản nổi. Ngày mà thực dân Pháp phải rút khỏi Việt Nam không còn xa nữa! Hỡi anh chị em, chúng ta hãy đón nhận cuộc chiến đấu thắng lợi đó.

Tình hữu nghị Việt - Trung muôn năm!

Việt Nam độc lập muôn năm!

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.3, tr.494-495.*

CHIẾN THUẬT DU KÍCH*

CÁCH ĐÁNH DU KÍCH¹⁾

CHƯƠNG I

DU KÍCH LÀ GÌ?

Du kích là đánh úp hay đánh lén, đánh lúc kẻ thù không ngờ, không phòng. Du kích là cách đánh giặc của dân tộc bị áp bức chống đế quốc. Đế quốc có khí giới tốt, có quân đội đàng hoàng; quân du kích không có khí giới tốt, chưa thành quân đội đàng hoàng; nhưng quân du kích được dân chúng ủng hộ, thuộc địa hình, địa thế, khéo lợi dụng đêm tối, mưa nắng, khéo xếp đặt kế hoạch, nên quân du kích vẫn có thể đánh được đế quốc. Chuyến này chúng ta vũ trang khởi nghĩa đánh Tây - Nhật, chính dùng lối du kích mà đánh. Biết đánh du kích thế nào cũng thắng lợi. Muốn đánh du kích cho thắng lợi cần bốn điều:

1. *Phải có con đường chính trị đúng.*

Con đường chính trị chúng ta là đánh Tây - Nhật làm cho nước ta độc lập. Muốn thắng Tây - Nhật chúng ta phải dùng lối du kích và dùng lối du kích là cốt để đánh Tây - Nhật. Muốn đánh Tây - Nhật mà không dùng lối du kích thì không đánh được Tây - Nhật và mượn tiếng du kích không để đánh Tây - Nhật, mà lại để theo đuổi mục đích khác là không chính đáng.

2. *Phải dựa trên cơ sở quần chúng.*

Muốn đánh du kích cần phải có dân chúng tham gia và giúp sức. “Du kích như cá, dân chúng như nước. Cá không có nước thì cá chết, du kích không có dân chúng thì du kích chết”. Quân du kích và

* Tổng bộ Việt Minh xuất bản tháng 5/1944 (B.T).

1) Trong nguyên bản, ngoài bìa sách ghi “Chiến thuật du kích” (B.T).

dân chúng phải mật thiết liên lạc với nhau là vì quân du kích đánh Tây - Nhật để bảo hộ dân chúng, vậy dân chúng phải hết sức ủng hộ quân du kích.

3. Phải có tổ chức vững chắc và nghiêm mật.

Quân du kích nếu không có tổ chức thì không phải một đội quân cách mạng, không thể đánh được Tây - Nhật. Quân du kích cần phải có tổ chức vững chắc và nghiêm mật, kỷ luật phải nghiêm như sắt, bao nhiêu hành động của quân du kích đều phải theo kỷ luật ấy, không ai được làm trái.

4. Phải có một lối đánh rất tài giỏi.

Quân du kích thắng được kẻ thù chính nhờ lối đánh tài giỏi này. Quân du kích là đội quân thiên biến vạn hóa, xuất quỷ nhập thần, khéo dùng lối này thì trăm trận trăm được.

CHƯƠNG II TỔ CHỨC ĐỘI DU KÍCH

1. *Tiểu tổ du kích.* Từ 2, 3 người cho tới 2, 3 chục người có thể tổ chức thành tiểu tổ du kích do tổ trưởng chỉ huy (nếu cần phải có phó tổ trưởng). Có nhiều tiểu tổ thì lập ban chỉ huy chung.

Tiểu tổ du kích không thoát ly sinh sản (nghĩa là không bỏ việc làm ăn). Có việc thì họp nhau hành động; không có việc thì cứ làm ăn như thường. Vũ trang của tiểu tổ du kích thì tùy hoàn cảnh, xoay được thứ gì dùng thứ ấy, súng, dao, gậy đều được.

2. *Chi đội.* Chi đội du kích là một đội du kích có vũ trang, hoàn toàn hay không hoàn toàn thoát ly sinh sản¹⁾. Số người của một chi đội không nhất định từ mấy chục người đến mấy trăm, đến mấy nghìn người. Chi đội du kích có thể lấy tên gì cũng được: như đội quân cứu quốc Phan Bội Châu, đội quân du kích Phan Chu Trinh, hay đội quân du kích người Mán trắng, đội quân cứu quốc Bắc Sơn, v.v..

1) Là đội du kích hoàn toàn thoát ly sản xuất hay vừa sản xuất vừa chiến đấu (B.T).

Cách biên chế (biên chế là hệ thống tổ chức từ dưới lên trên) của chi đội du kích do tiểu đội lên trung đội¹⁾, trung đội lên đại đội, đại đội lên chi đội, theo lối tam tam chế, tứ tứ chế hay ngũ ngũ chế (nghĩa là ba hay bốn, năm tiểu đội lên trung đội, rồi cứ thế lên mãi).

3. *Tư cách đội viên du kích.* Ai là dân Việt Nam khỏe mạnh, muốn đánh Tây - Nhật, không sợ khó nhọc, nguy hiểm đều có thể thành một đội viên du kích. Nên chú ý những người nhanh nhẹn, dũng cảm có kinh nghiệm đánh giặc chút ít, nhất là những người đã đi lính.

4. *Cơ quan chỉ huy.* Tiểu tổ du kích có chánh phó tổ trưởng, tiểu đội có tiểu chánh phó đội trưởng, trung đội có trung chánh phó đội trưởng, đại đội có đại chánh phó đội trưởng, chi đội có chi chánh phó đội trưởng. Về mặt chính trị, cấp nào cũng có một người chính trị phái viên do đoàn thể cách mạng chọn trong bộ đội ấy hoặc phái người ngoài đến làm.

Chi đội có đông người thì có thể tổ chức những ban đặc biệt phụ trách việc trinh thám, việc quản lý, việc phá hoại, hay về mặt chính trị thì có ban dạy chữ, giảng báo, vận động dân chúng, vận động binh lính để quốc, v.v..

1
9
4
4

CHƯƠNG III NGUYÊN TẮC CỦA CÁCH ĐÁNH DU KÍCH

Dánh du kích cần chú ý 4 nguyên tắc chính này:

1. *Giữ quyền chủ động.* Giữ quyền chủ động là khôn khéo sử khiến quân thù²⁾, muốn đánh nó ở chỗ nào thì đưa nó đến đó mà đánh, muốn đưa nó vào bẫy của mình có thể đưa được. Nếu nó mạnh quá đánh không có lợi thì mình lùi, mình tự ý lùi cũng là giữ quyền chủ động, giữ được chủ động thì thế nào cũng thắng, không thắng to thì thắng nhỏ. Trái lại, nếu mình không giữ được quyền chủ động mà lại ở vào địa vị bị động, để cho quân thù sử khiến mình dễ bị thất bại.

2. *Hết sức nhanh chóng.* Đánh du kích cần nhanh chóng. Chậm chạp thì không đánh được du kích. Bất kỳ lúc nào, lúc hành quân, lúc tiến công, hay lúc rút lui, một cử động nào của đội du kích

1) Từ tiểu đội lên trung đội (B.T).

2) Tức là khôn khéo điều khiển quân thù (T.G).

cần nhanh chóng mới được. Đội du kích phải nhanh chóng như mưa sa gió tấp, chớp nhoáng đã đánh xong một trận, quân thù chưa tỉnh thì đã biến mất rồi.

3. *Bao giờ cũng giữ thế công*. Giữ thế công là mình tiến đánh quân thù trước. Du kích phải giữ quyền chủ động chính để giữ thế công. Giữ thế công mới đánh được giặc, không đánh được trận to thì đánh trận nhỏ, làm tiêu hao giặc ít nào hay ít ấy. Du kích mà chỉ phòng thủ thì thế nào cũng thất bại.

4. *Phải có kế hoạch thích hợp và chu đáo*. Du kích đánh được giặc cố nhiên nhờ ba nguyên tắc trên, nhưng nếu làm đúng ba điều trên mà không có kế hoạch thích hợp và chu đáo thì cũng không thành. Tài giỏi của du kích chính là xếp đặt kế hoạch ấy, thật là thiên biến vạn hóa, kẻ thù không biết đâu mà ngờ, mà phòng.

Đánh du kích cần chú ý *bốn mưu mẹo* lớn này:

1. *Tránh chỗ mạnh đánh chỗ yếu, náo phía Đông đánh phía Tây*. Đánh du kích phải hiểu rõ tình hình quân thù, chỗ quân thù mạnh mìn không dại gì tiến đánh, chỉ nhầm chỗ yếu của nó mà đánh, lúc nhầm đánh vào chỗ nào, mình phải lừa quân thù không chú ý phòng bị chỗ ấy mà lại phòng bị chỗ khác, nghĩa là náo phía Đông đánh phía Tây.

2. *Tránh trận gay go, không chết sống giữ đất*. Đánh du kích cốt chọn miếng dẽ miếng ngon mà ăn, không phải hao tổn nhiều. Phải tránh những trận gay go, được thua không chắc mà có thể thiệt hại nhiều, lúc quân thù tiến công, nếu chống lại không lợi thì phải lui, nếu cần rút ra khỏi phạm vi thế lực của mình để giữ gìn lực lượng thì cứ việc rút, không bao giờ nên chết sống giữ đất.

3. *Hóa chỉnh vi linh* (nghĩa là phân tán), *hóa linh vi chỉnh* (nghĩa là tập trung), lúc quân thù nhầm vào bộ đội mình mà tiến công, hoặc lúc vì một lẽ khác mà để nguyên cả bộ đội thì hành động không tiện, quân du kích phải hóa chỉnh vi linh, nghĩa là phân tán ra, phân tán ra rồi, nếu cần tập trung bộ đội lại, để hành động thì lại hóa linh vi chỉnh, (chỉnh là toàn bộ, linh là từng bộ phận hay từng người).

4. *Mình yên đánh quân thù động, mình khỏe đánh quân thù mệt*. Đánh du kích phải giữ quyền chủ động, phải chọn lúc quân thù đương làm một việc gì, nhất là lúc đi đường, nhân lúc quân thù không chú ý, mình yên núp một chỗ thoát ra đánh nó, thế là mình yên đánh quân thù động. Còn phải chọn lúc quân thù mệt và mình khỏe để đánh nó. Lúc mình yên quân thù động, lúc mình khỏe, quân thù mệt, mình lại đánh úp quân thù thì mình thế nào chẳng thắng?

Du kích đánh Tây - Nhật cần nhầm vào *máy động tác* sau này:

1. *Lừa gạt quân giặc*. Làm cho chúng mắt mù, tai điếc, hoặc truyền đến cho chúng những tin tức sai lầm để lừa gạt chúng.

2. *Trinh thám quân giặc*¹⁾. Một nhà đại quân sự có nói: “Biết mình, biết giặc trăm trận, trăm thắng”. Đánh du kích cốt trinh thám cho rõ tình hình quân giặc.

3. *Làm cho quân giặc khốn đốn*. Du kích nếu chưa thắng ngay được quân giặc cũng hết sức làm cho chúng khổ sở, khốn đốn, ăn ngủ không ngon, đi đứng không yên.

4. *Làm cho quân giặc đói khổ*. Làm vường không nhà trống, đánh cướp đội vận tải lương thực của giặc, đánh phá kho lương thực của giặc là những cách làm cho quân giặc đói khổ.

5. *Ngăn cản quân giặc*. Không cho chúng tự do đem quân đánh phá dân chúng hay đội du kích. Phá đường sá cầu cống xe cộ của giặc là cách hay nhất để ngăn cản quân giặc tự do hành động.

6. *Bắt cóc quân giặc*. Như lính đi truyền lệnh, lính đem thư từ, lính đi thu lương thực của dân chúng. Bắt rồi lột khí giới và tra hỏi tình hình quân thù.

7. *Làm cho quân giặc mù mịt, hoảng hốt*. Ví như mình có ít người mà làm như đông người, mình có một đội mà làm như nhiều đội, mình có ít súng, mà làm như nhiều súng, làm cho quân giặc hoảng hốt rồi mình thừa cơ đánh úp nó.

8. *Dụ quân giặc vào bẫy để đánh*. Ẩn nấp đâu đó rồi lập mưu dụ quân giặc ra để đánh úp, hoặc giả đánh thua phải chạy để cho quân giặc đuổi theo rồi ẩn núp một chỗ chờ quân giặc qua thoát ra đánh.

9. *Tập kích, phục kích và truy kích quân giặc*. Tập kích là mình đến đánh quân giặc đương ở một chỗ. Phục kích là mình ẩn nấp một chỗ chực quân giặc đi qua thoát ra đánh úp. Truy kích là đuổi theo sau quân giặc để đánh.

CHƯƠNG IV

CÁCH TIẾN CÔNG, TẬP KÍCH

Du kích bao giờ cũng tiến công. Có hai cách tiến công, một là tập kích, hai là phục kích.

TẬP KÍCH

Muốn tập kích được thắng lợi phải chuẩn bị rất bí mật và chu đáo, lúc tiến đánh phải nhanh chóng và kiên quyết. Vậy cần làm đúng mấy điều sau này: trinh thám, xếp kế hoạch, bắt đầu ra đi, lúc đến chỗ tập kích, xung phong, sau khi tập kích.

1
9
4
4

1) Tất cả những chữ *trinh thám* ở đây hiểu là trinh sát để nắm vững tình hình (B.T).

1
9
4
4

1. Trinh thám

Muốn đánh du kích cần biết rõ: A) Tình hình quân giặc. B) Địa hình. C) Tình hình chính trị. Phải biết rõ các tình hình thì mới xếp đặt kế hoạch được. Đánh được hay thua phần lớn nhờ việc trinh thám này.

A- Trinh thám tình hình quân giặc

a) Số người bao nhiêu, thuộc về thứ lính gì, súng ống thế nào, hành động thế nào, sức chiến đấu mạnh hay yếu, phòng bị và canh gác thế nào, bọn quan thế nào.

b) Gần đó có bộ đội khác của quân giặc không, số người nhiều hay ít, có thể tăng thêm không, quân giặc đôi bên liên lạc với nhau thế nào, đi lại với nhau bằng cách gì. Phải hiểu rõ tình hình này thì mới tránh khỏi các sự bất ngờ.

Ví dụ: Các khu du kích ở Hoa Bắc (Tàu) nhờ dân chúng giúp sức nên việc trinh thám tình hình quân giặc làm được chu đáo. Quân Nhật cử động thế nào đội du kích đều biết đích xác. Cho nên đội du kích bao giờ cũng đánh được quân giặc, không bao giờ phải thua vì nếu thua là không đánh.

Tại huyện Bình Định có 200 quân Nhật đóng trong một làng. Vì đề phòng du kích đánh úp chúng xếp nhiều lính gác chung quanh chỗ chúng đóng. Nhờ dân chúng giúp sức, đội du kích trinh thám được đích xác chỗ các lính Nhật gác và nhất là giờ đổi gác, lợi dụng đêm tối và lúc lính gác mệt mỏi, phái người rất khôn khéo và nhanh nhẹn thoát đến giải quyết bọn lính gác trong lúc đại đội du kích¹⁾ tiến đánh quân Nhật đương say ngủ trong làng.

B- Trinh thám địa hình

a) Từ chỗ đội du kích đến chỗ quân giặc đóng có mấy con đường, lớn nhỏ thế nào, có chỗ ẩn nấp và có tiện đi lại hay không?

b) Dọc đường có chỗ ẩn nấp không, có địa hình, địa vật lợi cho ta không, nhất là gần giặc có chỗ tốt ẩn nấp không, đường tiến thoái thế nào?

C- Trinh thám về chính trị

a) Quân giặc đối với dân chúng thế nào? Có cướp của, đốt nhà giết người không? Nhân dân đối với giặc thế nào? Đối với cách mạng thế nào?

1) Tất cả những chữ *đại đội* ở đây hiểu là bộ phận lớn hay toàn bộ lực lượng (B.T).

b) Quân lính của giặc ăn ở thế nào, tinh thần thế nào, đối với quan của chúng thế nào, đối với dân và đối với cách mạng thế nào? Dân chúng có thể giúp đội du kích được cái gì, làm thế nào tổ chức sự liên lạc với dân chúng.

2. Xếp đặt kế hoạch và chuẩn bị

Trinh thám các tình hình đầy đủ rồi, thì đội trưởng và chính trị phái viên nghiên cứu kế hoạch tập kích theo những nguyên tắc kể trước đây. Nếu điều kiện tập kích không đủ thì mình có thể làm cho điều kiện ấy đầy đủ bằng cách lừa gạt quân thù, náo phia Đông đánh phia Tây, lừa quân thù vào chỗ dễ tập kích. Xếp đặt kế hoạch tập kích cần chú ý mấy điều này:

A- Chọn lúc tập kích

Tập kích tốt nhất vào bốn lúc này.

a) *Đêm tối*. Đêm tối thì dễ bí mật, cử động dễ không cho quân thù biết. Nhưng đêm tối thì chóng mệt và hay nhầm đường. Tuy vậy đội du kích đã luyện tập thạo và kỷ luật nghiêm thì cũng không ngại gì.

b) *Sắp sáng*. Đội du kích ở xa lại, cả đêm phải đi, chực lúc sắp sáng tiến đánh quân giặc lúc quân giặc đương say ngủ, đánh xong là vừa sáng, rất là thuận tiện.

c) *Đầu hôm*. Đầu hôm giặc canh gác sơ sài, ban ngày đội du kích ẩn nấp dọc đường, đến đầu hôm vào đánh úp thì dễ thắng lợi, nếu không thắng lợi nhân đêm tối rút lui cũng dễ dàng.

d) *Ban ngày*. Tập kích ban ngày rất khó. Muốn tập kích ban ngày phải có đủ mấy điều này: 1) giặc rất xoàng, không có thành lũy pháo đài, lại không nhanh nhẹn; 2) giặc lẻ loi; 3) giặc khinh thường không đề phòng mưu mẹo của đội du kích; 4) gặp mưa to gió lớn, mù nhiều, dễ ẩn nấp, dễ lại rất gần quân giặc.

B- Chuẩn bị tập kích

Trước khi đi tập kích cần chuẩn bị đầy đủ những điểm sau này:

a) Ước định với nhau trước những dấu hiệu nhất là dấu hiệu lúc nào tiến đánh, lúc nào xung phong.

b) Phòng khi tập kích không thành phải thối¹⁾, ước định với nhau trước nên thối đường nào, tập họp chỗ nào.

c) Như đường đi hay đường về phải qua sông, trèo núi, phải dự bị trước các đồ đạc cần dùng như bè, phao, dây, v.v.. Còn như tập kích lô cốt hay nhà cửa thì cần đem đồ phá hoại, đồ đốt cháy.

1) *Thối* hay *thối lui* là rút lui (*B.T*).

d) Trong phạm vi không sợ lộ bí mật, phải cho bộ đội biết trước cuộc tập kích và tuyên truyền cổ động họ chuẩn bị cho đầy đủ để nắm chắc phần thắng lợi.

C- Tuyệt đối giữ bí mật

Kế hoạch hay đến mấy nếu để lộ ra cho quân thù biết thì nguy, ta nên cần tuyệt đối giữ bí mật cho kế hoạch tập kích, không cần đem toàn thể kế hoạch cho mọi đội viên đều biết, người nào cần biết phần nào chỉ cho biết phần ấy thôi, và lúc nào nên cho biết điều gì đến lúc ấy sẽ cho biết. Có khi muốn được hoàn toàn bí mật và để đánh lừa quân giặc, lúc ra đi mình đi một hướng giả, rồi sau mới quay lại hướng đúng của mình.

3. Bắt đầu ra đi

a) Lúc đi đường, không đi đường to cho đến đường con nếu cần cung tránh, tốt nhất là tìm đường mới hắn mà đi, nhưng chú ý đừng để lạc đường, đừng để chậm trễ hay quá mỏi mệt.

b) Lúc hành quân tuyệt đối phải yên tĩnh, tránh tiếng ồn, ánh sáng, trừ người trinh thám được lên đạn, mọi người đều không được lên đạn phòng khi súng nổ bất ngờ.

c) Phải có người trinh thám ăn mặc như thường đi trước để do thám tình hình.

d) Lúc hành quân nếu gặp lính gác của giặc thì nên tránh, hoặc nếu có thể được thì bắt sống hay im lặng giết chết, quyết không bắn súng, không làm động. Nếu không may gặp phải quân thù thì phải rất nhanh chóng và kiên quyết tiến đến tập kích nhưng đồng thời phải đề phòng quân thù không để quân thù chiếm trước chỗ tốt để đánh lại mình.

4. Lúc đến chỗ tập kích

a) Phải rất bí mật tập hợp tại chỗ ẩn nấp để tập kích, chỗ ẩn nấp ấy không nên quá xa chỗ quân giặc đóng, cũng không nên quá gần.

b) Nhanh chóng triệu tập những người chỉ huy, phân phôi công tác, lần cuối cùng xem xét lại tình hình quân giặc. Nếu bắt sống được lính gác của giặc để tra hỏi thì càng hay.

c) Lúc tập kích cần chú ý mấy điều này: không nên quá phân tán quân lực, thông thường nên phân làm đôi, phần nhỏ kiềm chế quân giặc trong lúc phần đông tiến đến tập kích. Nếu có nhiều người nên phái một bộ phận nhỏ ẩn nấp tại con đường quân giặc có thể rút lui để đón đánh. Nếu cần

cũng nên phái một số người ẩn núp tại các con đường do các con đường ấy¹⁾ quân giặc ở gần có thể đến cứu bọn bị tập kích. Số người ấy phải phá cầu, phá đường, cắt dây thép²⁾.

d) Đâu đó xếp đặt xong thì ra dấu hiệu tiến công.

5. Xung phong

a) Dấu hiệu tiến công đã ra là phải xung phong ngay đánh úp quân giặc trở tay không kịp. Chú ý không nên bắn súng vì bắn súng hiệu quả ít lại động quân thù. Tốt nhất là dùng giáo mác để đâm chém.

Ví dụ trận tập kích của chi đội du kích họ Triệu tại trấn Dương Phòng gần Bắc Bình ở Hoa Bắc. Lính gác của Nhật đã bị giải quyết, đội du kích đến tận gần, quân Nhật mới biết, nhưng đại đao, giáo mác đã quay tít mù đã giết chết phần lớn quân giặc, còn phần nhỏ muốn kháng cự nhưng chẳng mấy lâu cũng bị giải quyết sạch. Trong trận tập kích này bên du kích chỉ có một số ít bộ đội mà lại được rất nhiều quân giặc. Lại còn bắt tù được hơn một trăm. Được toàn thắng là nhờ đánh bằng giáo mác, nếu dùng súng thì nhất định không được hoàn toàn như thế. Một người đội viên du kích thường hỏi bọn quân Nhật bị bắt chúng sợ cái gì nhất, bọn này đều nói chúng sợ nhất cái giáo dài hình thoi của đội du kích.

b) Nếu quân giặc trong lúc bị tập kích rút vào nhà để chống cự thì ta phải tìm cách đốt nhà, chực chúng ra thì giết, nếu không ra cũng bị chết thiêu.

c) Tập kích xong phần lớn bộ đội phải rút ngay, chỉ để lại số ít thu nhặt các đồ lấy được và xử lý tù binh. Nếu quân giặc thoát được một phần thì có thể đuổi theo đánh cho hết tiệt, nhưng phải phòng quân cứu viện của giặc và cũng không nên đuổi xa quá.

d) Nếu tập kích không thành công, vì quân thù quá mạnh hay đã phòng bị, hay có viện binh đến thì đội du kích phải rất kiên quyết và rất nhanh chóng thối ngay không nên trù trừ, chỉ để lại một đội nhỏ tinh nhuệ che chở cho đại đội rút lui. Tập họp chỗ nào phải ước định với nhau trước.

6. Sau khi tập kích

a) Tập kích xong, đại đội rút về một địa điểm khá xa chỗ tập kích. Số bộ đội ở lại thu xếp đồ đạc và xử lý tù binh cũng làm mau để rút về địa điểm. Nếu có người bị thương bao giờ cũng cần thận đưa đi trước.

b) Nếu tập kích đánh tan được quân giặc, và nếu quân cứu viện của giặc không thể đến được thì bộ đội du kích có thể lưu lại chỗ tập kích ít lâu để tuyên truyền tổ chức dân chúng và trừ diệt phản

1) Nên hiểu là: ẩn nấp tại các con đường mà quân giặc ở gần có thể theo con đường đó đến cứu bọn bị tập kích (B.T).

2) Cắt dây điện thoại (B.T).

động. Lúc còn ở đó, dầu sao cũng không nên đóng trong làng xóm, vì sợ tàu bay đến đánh, phải đóng nơi bí mật, xa làng xóm một ít. Đối với tù binh, nếu đem đi không tiện thì sau khi tra hỏi và tuyên truyền có thể tha họ về, nhưng không nên lộ cho họ biết những điều bí mật của mình. Bao giờ có cẩn cứ địa đàng hoàng mới nên bắt tù binh về giam. Công việc đâu đã xong rồi, lúc kéo đi phải trá hình và đi phương hướng giả để giữ bí mật.

Tập kích thành lũy. Muốn tập kích thành lũy quân thù phải xếp kế hoạch rất khôn khéo và chu đáo.

a) Trước khi tập kích phải chuẩn bị nội công, nghĩa là có người theo mình mà bí mật ở chung với quân thù trong thành, có khi là binh lính của chúng. Lúc tập kích trong ngoài hưởng ứng với nhau thì quân thù nhất định chết.

Ví dụ: Một đội du kích của Đội quân thứ 8 trong lúc tập kích thành Trú Châu, nhờ có 1 nghìn 6 ngụy quân (ngụy quân là quân người Tàu do Nhật cai quản) phản lại đánh Nhật nên đội du kích hạ thành Trú Châu rất dễ và giết được hơn 2 trăm quân Nhật.

b) Chọn chỗ quân thù không phòng bị tìm cách khôn khéo lén vào thành rồi nổ lên tập kích.

Ví dụ: Quân Nhật có lập một trường tàu bay ở thành Dương Ninh. Khắp ba mặt thành chúng xây đắp thành lũy rất vững chãi, còn một mặt thì không phòng bị gì hết vì mặt ấy tiếp cận với một con sông lầy ai không biết mà lội qua thì lún mất tích. Người chỉ huy đội du kích sau khi điều tra và thí nghiệm đích xác nếu chạy qua sông rất nhanh thì không sợ lún, nên khéo dùng lối ấy qua sông lọt vào thành đốt cháy 20 cái tàu bay của Nhật rồi bí mật rút mất.

c) Giả làm quân thù, kéo vào thành rồi đánh úp.

Ví dụ: Một đội du kích của Đội quân thứ 8 muốn đánh một thành nhỏ ở Tích Dương, một hôm giả ăn mặc như một đội quân Nhật nghiêm nghiêm tiến vào thành, lính gác không biết cứ để cho vào. Vào thành lại được hoan nghênh tử tế. Chính trong lúc ấy đội du kích quay ra đánh úp giết sạch quân Nhật rồi tháo lui ngay.

d) Quân giặc có việc kéo ra ngoài thành, hoặc do mình khôn khéo dụ ra ngoài thành rồi lợi dụng lúc ấy tập kích chúng và nhân đó xông vào thành.

Cách đối phó nếu quân thù tập kích mình. Đội quân du kích chuyên tập kích quân thù chứ không bao giờ để cho quân thù tập kích mình. Tuy vậy, đội du kích cũng phải phòng xa, nếu không may bị quân thù tập kích thì có thể đối phó thắng lợi.

Lúc đội du kích đóng tại một nơi nào, nhất là trong làng thì cần phải canh gác rất cẩn thận, cấm người ra vào làng và bao giờ cũng đề phòng quân thù đến tập kích. Nếu bị tập kích thì lực lượng chính

quân du kích phải rút lui ngay. Nhưng rút xong rồi phải liệu thế quật lại đánh úp quân giặc để cứu vớt số người mình bị bắt hay chưa thoát kịp. Lối đánh quật lại như thế thường được thắng lợi vì quân giặc lúc ấy tưởng đội du kích chạy rồi không phòng bị gì.

CHƯƠNG V
PHỤC KÍCH

Ẩn nấp trong một chỗ chực quân giặc đi qua thoát ra đánh úp, thế gọi là phục kích. Phục kích dễ thắng lợi hơn tập kích, vậy đội du kích cần chú ý nhiều về cách phục kích nhất là đội du kích mới bắt đầu hoạt động, chưa có nhiều kinh nghiệm, chưa rèn luyện nhiều.

Muốn phục kích cần chú ý mấy điều này: trinh thám, chọn chỗ phục kích, thi hành phục kích, sau khi phục kích thắng lợi, phục kích lính lẻ của giặc, phục kích đội vận tải của giặc, phục kích lính kỵ mã, xe ô tô, xe hỏa của giặc.

1. *Trinh thám tình hình giặc.* Phải trinh thám rõ tình hình quân giặc thì mới xếp đặt kế hoạch phục kích cho đúng được. Trinh thám không đúng đã không có lợi gì mà không may lại nguy hiểm. Phải trinh thám đích xác mấy điều này:

- a) Quân giặc lúc nào đi, đi đường nào, đi đến chỗ nào.
- b) Quân giặc có bao nhiêu người thuộc về thứ lính gì, vũ khí thế nào, sức chiến đấu thế nào, có xe cộ gì không, cuộc hành quân của giặc có mục đích gì.
- c) Lúc hành quân, quân giặc liên lạc với bộ đội khác thế nào, hành quân mau chậm thế nào, quân giặc có thể có viện binh đến cứu như thế nào.

Trinh thám được tin tức gì phải rất bí mật, chỉ người chỉ huy biết mà thôi, người nào không cần biết tuyệt đối không cho biết.

2. *Chọn chỗ phục kích.* Lúc chọn chỗ phục kích nên chú ý mấy điều này:

- a) Có chỗ nấp tốt khiến cho đội du kích trông thấy quân thù còn quân thù thì không trông thấy đội du kích.
- b) Có địa hình tốt khiến cho đội du kích đánh quân thù dễ, còn quân thù khó đánh được đội du kích nhất là lúc quân thù đeo mang nặng nề.

1
9
4
4

1
9
4
4

- c) Cần chỗ ẩn núp có chỗ tiện cho đội du kích thổi chớ không tiện cho quân thù thổi.
- d) Chỗ ẩn núp phải ở ngoài vòng quân địch dò thám. Dẫu có chỗ ẩn núp tốt nhưng lại ở trong vòng dò thám của nó cũng cứ phải bỏ, tìm chỗ khác.
- e) Có chỗ đứng trông cho rõ. Có khi phải đặt hai chỗ, một chỗ xa, một chỗ gần, và xếp đặt rất chu đáo cách liên lạc nhanh chóng giữa hai chỗ.

Ví dụ mấy trận phục kích rất tài giỏi của một đội du kích thuộc Đội quân thứ 8 tại con đường Đông Dương quan ở Hoa Bắc. Con đường ấy là con đường giao thông quan trọng của quân địch. Trên con đường ấy bao nhiêu lần đội du kích đã phục kích quân Nhật. Về sau quân Nhật nghĩ ra một kế kế cung hay. Chúng phao ra cái tin ngày nọ ngày kia một đội vận tải Nhật sẽ qua con đường ấy, đồng thời chúng bí mật phái bộ đội đến ẩn núp tại một chỗ hiểm yếu trên con đường ấy, chực đội du kích đi tìm chỗ phục kích đội vận tải mà chúng đã phao tin sắp đi qua đường. Ngờ đâu nhờ dân chúng đem tin, đội du kích biết đích xác mưu kế quân giặc nên không động đậy. Chúng chờ một ngày, hai ngày chẳng thấy gì bèn lủi thủi kéo về. Lần sau chúng lại dùng kế ấy, cũng phao tin có một đội xe ô tô Nhật sắp qua con đường ấy. Được tin này, đội du kích lập tức phái bộ đội đi ẩn núp trước. Tức thì một đội quân Nhật đi qua, đội du kích nhảy ra đánh úp một trận tan tành. Số là đội quân Nhật này định đi tìm chỗ ẩn núp để tập kích quân du kích.

3. Lúc đi đến chỗ phục kích

- a) Phải khéo chọn con đường đi đến chỗ phục kích. Con đường ấy phải rất bí mật, tốt nhất là tìm đường hoàn toàn mới mà đi, tìm chỗ không có đường mà đi. Tránh đường bùn lầy, vì đi đường bùn lầy phải hao sức nhiều, mệt nhọc nhiều.
- b) Phải có người trinh thám mặc quần áo thường, có vũ trang đi trước bộ đội. Lúc bộ đội đi qua làng xóm phải hóa trang (hóa trang là ăn mặc như người thường chứ không như quân đội).
- c) Đến chỗ ẩn núp rồi phải giữ rất kín đáo và im lặng, không được hút thuốc, nói chuyện, làm ồn.

4. Lúc tiến hành phục kích

- a) Bộ đội phục kích phải chia làm hai phần, một phần nhỏ (thường 1 phần 3 bộ đội) dùng để kiềm chế quân giặc, trong lúc chủ lực (2 phần 3) tiến đánh quân giặc. Đội trưởng phải đứng chỗ nào trong rõ tình hình quân giặc để ra dấu hiệu tiến công.

b) Nhiệm vụ của mỗi bộ phận, của mỗi đội viên phải bàn định trước rất rõ ràng và thích đáng. Người chỉ huy phải theo đúng kế hoạch đã định mà lãnh đạo bộ đội mình tiến công.

c) Nếu quân giặc ít người thì đội du kích có thể chặn đường tiến và đường thối của quân giặc để tiêu diệt chúng. Nếu quân giặc có đông người thì đội du kích phải bỏ đoạn đầu, chỉ chặn đánh đoạn giữa, có khi chỉ chặn đánh đoạn đuôi cho chắc thắng lợi.

d) Lúc đánh đoạn đuôi của giặc phải có người quấy rối đoạn đầu, hoặc hai bên sườn. Nếu có thể được thì phá hoại đường sá, cầu cống làm cho quân giặc rối loạn, đầu đuôi không tiếp ứng nhau được.

e) Lúc tập kích cần phải kiên quyết và nhanh chóng, chớp nhoáng tiến đánh quân giặc trở tay không kịp. Trước hết là ném một loạt thủ lựu đạn, hay xổ một loạt súng rồi rút dao, mác xung phong ngay. Chém đâm quân giặc làm cho chúng hoảng hốt tán loạn, không thể nào chống cự được. Người chỉ huy phải có kế hoạch rất khôn khéo và chu đáo, đừng để mình phải thiệt hại nhiều người. Nếu mình thắng trận, nhưng cũng thiệt hại nhiều người thì thật không xứng.

5. Sau khi phục kích thắng lợi

Phục kích thắng lợi xong phải lập tức thu dung người mình bị thương, thu thập đồ đạc lấy được, xử trí phù lỗ (quân giặc bị bắt gọi là phù lỗ) rồi thối ngay không trù trừ lâu. Nhất là nếu không tiêu diệt được toàn bộ quân giặc, cần phải xếp đặt thối ngay¹⁾, phòng quân cứu viện của giặc đến đánh.

Đội du kích không chỉ chờ quân giặc đi qua phạm vi hoạt động của mình rồi mới phục kích, mình có thể tìm cách dụ quân giặc, đánh lừa quân giặc vào bẫy để phục kích.

Ví dụ tại làng Lưu Trang, huyện Tích Dương (Hoa Bắc) có quân Nhật đóng. Đội du kích họ Uông phái một tiểu đội đến quấy. Họ bắn lờ phò mẩy phát súng rồi chuồn cho quân Nhật đuổi theo. Đuổi theo cho đến chỗ đội du kích ẩn núp, mẩy chục quân Nhật bị giết sạch chỉ sót mẩy thằng bỏ đội trốn thoát. Được tin thất bại, quân Nhật phái bốn trăm người đến cứu viện. Đoán đúng, đội du kích lại ẩn núp trên con đường từ Tích Dương đến Lưu Trang lại được một lần phục kích thắng lợi nữa.

Gặp khi phục kích không xong. Đội du kích ẩn núp để phục kích quân giặc, lúc sắp tiến lên phục kích bỗng thấy quân giặc quá nhiều hay quân giặc đã chiếm chỗ tốt để đối phó, lúc ấy đội du kích phải nhanh chóng và kiên quyết thối lui, nếu cần thì bắn một loạt súng cho tịt rồi rút ngay. Có khi đã tiến lên phục kích rồi mới phát giác mình yếu, quân giặc mạnh thì cũng liệu thế rút lui ngay, không

1) Cần phải bố trí rút lui ngay (B.T).

nên liều đánh đến cùng, hy sinh vô ích. Gặp những lúc này, người chỉ huy phải quyết đoán cho nhanh chóng và chỉ huy cho khôn khéo.

6. *Phục kích những binh lính lẻ tẻ của giặc.* Quân giặc đóng tại một chỗ thường phái lính đem giấy tờ từ chỗ này qua chỗ khác hay phái người vào làng mua rau, lấy đồ. Phục kích để bắt sống hay giết chết bọn lính lẻ tẻ ấy rất dễ và có khi nhờ đó điều tra được nhiều tin tức quý hóa. Nếu cần thì có thể tìm nhiều cách dụ lính lẻ tẻ vào chỗ bí mật và hiểm yếu để phục kích, dễ nhất là dùng con gái.

7. *Phục kích đội vận tải hay đội thu lương thực của giặc.* Phục kích đội vận tải của quân giặc thường dễ thắng lợi, vì những đội này rất nặng nề, chậm chạp. Lúc phục kích cần chú ý mấy điều này:

a) Chọn chỗ hiểm yếu để ẩn nấp, như chỗ lên dốc, xuống dốc, qua sông, qua đường quẹo, đường kẹt trong núi.

b) Phục kích đội vận tải cốt để cướp đồ đạc chứ không để đánh bộ đội đi kèm, vậy lúc phục kích chú ý lừa bộ đội đi kèm xa đội vận tải để giải quyết đám này cho dễ.

c) Lúc tiến lên đánh, cần bắn possono vào đoạn đầu và đoạn đuôi thì cả đoàn đều hoảng hốt, rối loạn, xe cộ, người ngựa đạp đổ lẫn lộn. Đó là cơ hội tốt cho đội du kích xung phong giết giặc đoạt của.

d) Nếu lực lượng mình ít, phải khôn khéo phân tán quân giặc, chỗ nào cũng có súng nổ, quân giặc phải phân tán để đối phó. Lúc ấy mình nhầm bộ phận nào thuận tiện thì xung phong giải quyết bộ phận ấy.

e) Phục kích thắng lợi rồi, nhắm chừng quân cứu viện của giặc không đến kịp thì mình có thể trì hoãn một chút để thu nhặt đồ đạc của giặc, cái gì đem đi được thì đem đi, cái gì không đem đi được thì phá hủy.

Nhờ lối phục kích này mà đội du kích cướp được vô số đồ dùng của giặc.

Ví dụ (trích một đoạn trong bản báo cáo của một đội quân Nhật): “Gần huyện Dương Truyền tại làng Bảo An và Quách Thôn, bọn quân đỏ (Nhật gọi đội du kích của Đội quân thứ 8 là quân đỏ) bí mật liên lạc với dân chúng, mấy lần đánh úp các đội vận tải của chúng ta, tiêu diệt sạch bộ đội đi kèm và đoạt lấy tất cả đồ đạc, lương thực, thuốc đạn, áo quần. Mấy lâu nay mọi chỗ đều có chuyện như thế, thật là đáng lo”.

Phục kích đội thu lương thực của giặc có ba cách:

a) Không đợi đội thu lương đã thu được lương: ẩn nấp giữa đường phục kích đánh giết.

b) Chờ đội thu lương đến làng chia nhau đi các nhà thu lương thực, lúc bấy giờ mới tiến lên đánh úp bộ phận nào dễ đánh. Trước khi tiến đánh phải giết chết hay bắt sống lính gác của giặc.

c) Nếu đội du kích ít người, tốt nhất là chờ đội thu lương thực thu xong lương thực rồi trở về, chặn đường phục kích. Lối này dễ thắng nhất vì lúc bấy giờ quân thù gánh vác nặng nề, không thể chú ý được mọi mặt, không thể đối phó kịp.

8. Phục kích lính cưỡi ngựa, xe ôtô, xe hỏa, thuyền, tàu

Phục kích lính cưỡi ngựa. Muốn phục kích lính cưỡi ngựa cần chú ý 3 điều này:

- a) Chỗ ẩn nấp để phục kích phải chọn chỗ đường chật hẹp, hiểm yếu, quân giặc khó xoay xở.
- b) Trước tiên phải bắn cho ngựa quy, thế là người cũng ngã lung tung, rất dễ giải quyết.
- c) Tốt nhất là chờ chúng vào làng nghỉ, người một nơi, ngựa một nơi, đột nhiên đánh úp thì chúng trả tay không kịp. Trước tiên phải phái người làm dân thường vào làng do thám, đợi cơ hội tốt là ra dấu hiệu phát động¹⁾.

Phục kích ôtô. Muốn phục kích ôtô cần chú ý bốn điều này:

- a) Chỗ ẩn nấp để phục kích phải chọn chỗ đường chật hẹp, lên dốc, xuống dốc, chỗ đường quẹo, chỗ gần hang hố, hoặc lúc qua sông lộn xộn.
- b) Trên đường phải đặt đồ cản xe, hoặc đào hố, hoặc đặt chất nổ.
- c) Lúc phục kích phải có bộ phận nhỏ chặn đầu trước và chặn đường sau. Còn lực lượng chính thì tiến đánh các xe và bộ phận đi kèm. Người thì bắt tù hay thả cho đi, xe thì đốt hủy.

Phục kích ôtô rất dễ thắng lợi. Ở Hoa Bắc ngày nào cũng có đội du kích phục kích các đoàn vận tải ôtô của Nhật.

Ví dụ: Chi đội du kích họ Dương giữa con đường từ Quảng Linh đến Linh Nhạc định đón đánh một đoàn ô tô Nhật. Trước họ phá một đoạn đường tại chỗ rất hiểm yếu rồi ẩn nấp gần đó. Bắt đầu có 30 hơn chiếc ôtô²⁾ vận tải từ Linh Nhạc đi Quảng Linh, đến chỗ đường bị phá không đi được. Một ít lâu từ Quảng Linh đến Linh Nhạc lại có 40 hơn chiếc ôtô vận tải, 10 hơn chiếc ôtô bọc sắt và 78 chiếc xe tăng đến đó cũng bị nghẽn. Đội du kích xem xét đích xác rồi nhảy ra đánh úp, phá hại quân Nhật rất nhiều. Về sau quân Nhật lại đem một đội kỵ mã (lính cưỡi ngựa) và 5 khẩu đại bác đến cứu viện. Nhờ đội du kích khôn khéo ẩn nấp và đánh giỏi nên giết được quân Nhật mấy trăm người và phá được mấy mươi chiếc ô tô, còn mình chỉ bị thương mấy chục người thôi.

1) Phát hiệu lệnh tấn công (B.T).

2) Hơn 30 chiếc ô tô (B.T).

Phục kích xe hỏa. Muốn phục kích xe hỏa cần chú ý mấy điều này:

- a) Chỗ phục kích phải chọn chỗ hiểm yếu như lúc vào hầm ra hầm (hầm là chỗ đường xuyên qua núi), lên dốc, xuống dốc, đường quẹo, chỗ bên cao bên thấp, lúc qua cầu.
- b) Trước khi phục kích phải tháo cây ngang đường ray¹⁾ và các đinh ốc làm cho xe hỏa trật đường ray, hay dùng cây, đá chất đống trên đường ray cũng để làm cho xe hỏa trật đường ray.
- c) Lúc xe hỏa trật đường ray chạy bật ra ngoài là lúc đội du kích tiến lên phục kích. Đội du kích ấy phải phân làm ba phần: một phần dự bị đánh bộ đội của giặc đi kèm xe hỏa, một phần đánh vào cạnh các toa xe, còn một phần xông vào trong toa cướp khí giới, đồ đạc và bắt người.
- d) Hết sức bí mật liên lạc với nhân viên làm trong xe để đến thời cơ ngoại công nội ứng²⁾.

Phục kích thuyền gỗ. Chực lúc thuyền gần bờ hay gặp chỗ quẹo thì tiến đánh. Lúc đánh thì đánh đầu thuyền và đuôi thuyền, bắt thuyền phải vào bờ hay đánh chìm cũng được. Đánh xong, cửa cải trong thuyền thì lấy, còn người thì bắt tù hay thả.

Đánh thuyền máy thì phải cẩn thận và phải có lực lượng nhiều, nhất là phải có súng to bắn phá đầu máy mới được.

Đi đường gấp quân giặc.

a) Lúc đi đường đội du kích phải có người do thám ăn mặc thường đi trước, ban ngày đi trước khá xa bao nhiêu xa³⁾ tùy mỗi lúc mà quyết định, ban đêm đi gần một ít, thấy việc gì lạ, nhất là có quân giặc thì cấp tốc quay lại báo cáo đội trưởng. Đội trưởng phải đi trước bộ đội để gặp tin tức gì thì quyết định ngay cách đối phó.

b) Lúc được tin có quân giặc thì phải mau chóng quyết định đánh hay chuồn không được do dự, vì do dự là nguy vô cùng.

c) Nếu quân giặc ít người, kém sức, mình đánh là chắc được, thì quyết định đánh và trong nháy mắt phải tìm chỗ ẩn nấp chờ quân giặc đi qua bắn cho một loạt rồi nhảy ra xung phong. Quân giặc chạy, nếu không ngại gì thì đuổi theo đánh, nhưng chớ đuổi theo quá xa.

1) Tà vẹt (*B.T*).

2) Bên ngoài tấn công phối hợp với bên trong cùng đánh địch (*B.T*).

3) Xa bao nhiêu (*B.T*).

d) Nếu quân giặc đông và mạnh, hoặc mình do thám không rõ sức mạnh của giặc thì quyết định chuồn, không do dự chút nào, lúc chuồn nếu quân giặc thấy phải nhầm chúng bắn một loạt súng cho tịt, buộc chúng phải ẩn núp, để mình chuồn cho tiện.

Ví dụ: Một đội du kích kỵ binh đương đi trên con đường ở phía Tây huyện Bảo Định (Hoa Bắc), bỗng có người do thám đi trước trông thấy mấy trăm quân Nhật. Được tin, đội du kích ẩn núp vào một bên đường chực quân thù đi qua, nhảy ra phục kích. Chỉ trong mấy chục phút, quân Nhật bị đánh tan, một phần chết, một phần chạy, để lại vô số súng đạn.

Quấy rối quân giặc. Đội du kích có thể dùng một số ít đội viên tìm cơ hội tốt quấy rối quân giặc, như bắn mấy phát súng vào đồn làm cho quân giặc phải lao đao mỏi mệt.

Ví dụ: Đội du kích hoạt động trên con đường xe hỏa Bắc Bình - Hán Khẩu, một lần nhân đêm tối đến gần huyện Tư bắn chết 2 tên lính gác của Nhật rồi lập tức đến trấn Quang Lạc phá hoại đường xe hỏa. Được tin, quân Nhật ở huyện Tư và trấn Quang Lạc đều phái binh ra đón đánh du kích. Vì đêm tối quân giặc không nhận rõ được nhau nên bên nào cũng tưởng lầm bên kia là đội du kích. Lần ấy chúng bắn nhau cả đêm, giết lẫn nhau mấy trăm người, sáng hôm sau mới biết.

Một cách làm rối loạn quân giặc là cách đánh “lối chim sẻ”. Lúc quân giặc hành quân qua núi non hiểm trở, đội du kích rải rác ẩn núp các nơi rất bí mật, ở trong núi bắn ra giết quân giặc, làm cho quân giặc muốn đánh đội du kích cũng không biết đâu mà đánh, muốn tránh cũng không biết chạy đâu cho khỏi. Cách đánh “lối chim sẻ” tuy không giải quyết được toàn đội quân giặc, nhưng cũng làm hại chúng nhiều, và nhất là làm cho chúng mất tinh thần.

1
9
4
4

CHƯƠNG VI CÁCH PHÒNG NGỰ

Phòng ngự nghĩa là chống giữ. Mình ở một chỗ, quân thù đến đánh, mình chống giữ gọi là phòng ngự. Như trên đã nói du kích là tiến công, mình bao giờ cũng nhầm quân thù đánh trước. Du kích mà để cho quân thù đến đánh, mình phải phòng ngự, là không tốt rồi, là phải ở vào thế khó rồi. Tuy vậy nhiều khi đội du kích vì tình thế buộc phải phòng ngự như lúc đội du kích hoạt động trong vùng quân thù, bất ngờ bị quân thù tập kích, hoặc sau khi đánh úp quân giặc một trận, đội du kích phải dùng

lối phòng ngự để bảo vệ cho chủ lực an toàn rút lui, hoặc lúc bảo vệ căn cứ địa của cách mạng, đội du kích cũng phải dùng lối phòng ngự. Nhưng lối phòng ngự này là lối phòng ngự thế công¹⁾ chứ không phải rút vào một chỗ để cho quân thù tha hồ đánh phá.

A- Cách phòng ngự ở ngoài căn cứ địa

1. *Phải do thám và canh gác rất nghiêm mật.* Đội du kích hoạt động trong vùng ngoài căn cứ địa mình thường có quân thù qua lại, phải rất cẩn thận, không nên để cho quân thù dò ra dấu tích mình và có thể đến đánh mình. Muốn được thế, đội du kích phải liên lạc mật thiết với dân chúng rồi chọn người tốt trong dân chúng tổ chức những đội do thám bao vây chỗ quân thù đóng và các con đường quân thù hay đi lại. Hễ quân thù động tĩnh thế nào là các đội do thám ấy cho đội du kích biết ngay. Còn đội du kích lúc hành quân hay lúc đóng tại nơi nào cần phải đặt người canh gác cẩn thận, canh gác chung quanh, canh gác các đường, nếu cần, phải canh gác hai ba lớp.

2. *Không đóng quân ở chỗ không tốt:*

Đội du kích phải kiên quyết không đóng quân tại chỗ không chắc chắn, khó phòng ngự. Nếu vạn bất đắc dĩ phải đóng, thì phải tập trung tại mấy nhà có địa thế tốt, rồi xếp đặt canh phòng nghiêm ngặt. Nếu chỗ ấy có phản động, Việt gian thì phải cấm người ra vào, và nếu cần thì tống giam bọn phản động và Việt gian lại. Nhưng phải nhớ rằng: cách phòng ngự tốt nhất là nhờ dân chúng do thám canh phòng hộ cho, hễ có tin gì cho hay ngay.

3. *Phải làm hào lũy và chuẩn bị:*

Do thám để phòng ngự như thế cũng chưa đủ, đội du kích cần chuẩn bị nếu bị đánh úp thì đối phó lại. Đóng ở một nơi nào, đội du kích phải luôn luôn chuẩn bị sẵn sàng, nếu có việc thì tập hợp ngay để đối phó. Đội trưởng và người thông tin phải ở luôn tại chỗ dự bị tập hợp. Vũ trang và đồ dùng phải sẵn sàng luôn. Dấu hiệu lúc tiến lúc lui cũng phải ước định với nhau trước.

Những con đường đi đến chỗ tập hợp phải dùng vật chướng ngại (vật chướng ngại là vật ngăn mọi đường không cho đi lại được) dễ cất để chấn phòng. Những con đường mình rút lui phải làm hào lũy hai bên. Những con đường không dùng phải bít hẳn lại. Nếu cần thì ngoài phòng tuyến thứ nhất ấy phải đặt phòng tuyến thứ hai (phòng tuyến là con đường có xây hào lũy để mình ẩn nấp mà đánh giặc).

1) Tức là phòng ngự nhưng phải luôn luôn ở thế tiến công (B.T).

4. Bất ngờ bị quân thù đánh úp:

Lúc ấy phải quyết định ngay đánh úp lại hay rút lui, không trù trừ. Lúc rút lui chỉ để một bộ phận nhỏ kiềm chế quân giặc cho đội du kích rút lui, ngoài ra không có phòng ngự gì khác. Nếu bị đánh úp nơi đóng quân thì phải nhanh chóng và kiên quyết phản xung phong chống lại rồi rút ngay (trước đây có nói rồi).

B- Cách phòng ngự căn cứ địa của mình

Đội du kích đã lập được một căn cứ địa có cơ quan trọng yếu như kho tàng, nhà trường, nhà thương thì đội du kích quyết không để quân giặc dễ lấy. Nhưng không phải chết sống gì cũng khư khư giữ lấy căn cứ địa. Muốn phòng ngự căn cứ địa phải chú ý mấy điều sau này:

1. *Dùng lối điêu quân lanh lẹ mà phòng ngự.* Khi quân địch tiến đánh căn cứ địa của chúng ta, nếu có đủ lực lượng thì chúng ta có thể phái bộ phận nhỏ đi chiếm nơi hiểm yếu, xây hào lũy để chống quân giặc. Làm thế để kiềm chế quân giặc, và để cho chủ lực quân du kích tìm cách đánh úp chúng.

Quân giặc tiến công căn cứ địa ta thường dùng lối chia ra nhiều đường mà tiến rồi hợp lại mà đánh. Nếu đội du kích đủ sức thì có thể phái bộ phận đi chặn các đường tiến của giặc, còn chủ lực quân thì lần lượt tiêu diệt các đạo quân của giặc còn cách xa nhau chưa kêu gọi được với nhau. Nếu các đạo quân giặc đến gần nhau rồi, kêu gọi được với nhau rồi thì chủ lực quân du kích phải nhắm chỗ yếu của giặc, đánh tạt ngang vào, chia quân giặc ra nhiều đoạn, rồi cứ từng đoạn mà tiêu diệt. Lối đánh này phải có lực lượng đầy đủ mới được. Nếu lực lượng ta yếu, thì ta phải tránh, quân giặc muốn đánh ta cũng không tìm thấy ta, đến lúc chúng không phòng bị, ta hãy đánh úp chúng, phá hại chúng được chừng nào hay chừng ấy.

2. *Hết sức dùng mọi cách ngăn cản quân giặc.* Phải phá hoại đường sá, cầu cống, phá đập cho nước tràn vào. Tìm đủ cách ngăn cản quân giặc nhất là bộ đội máy móc (bộ đội có xe chở súng) và kỵ binh của giặc.

3. *Thực hành vườn không nhà trống.* Thực hành vườn không nhà trống để làm cho quân giặc không có cơm ăn, không có đồ dùng, không tìm được người làm phu.

4. *Hô hào dân chúng tham gia vào việc đánh giặc.* Muốn chống lại quân giặc, một sức đội du kích không đủ, phải hô hào dân chúng hết sức tham gia vào việc đánh giặc, như phá đường sá, cầu cống, cắt dây thép, làm vườn không nhà trống, do thám tình hình giặc, canh phòng, chuyên chở đồ đặc, đưa

đón người bị thương; tiến lên một bước nữa, dân chúng có thể tổ chức những đội vũ trang giúp sức đội du kích đánh giặc, giết giặc.

5. *Lúc quân giặc tiến vào căn cứ địa mình, mình đánh phá đằng sau chúng.* Lối đánh này cốt để cắt đứt sự liên lạc của giặc với nơi căn cứ của chúng. Phải phá đường sá, cầu cống, cắt dây thép, đánh úp đội vận tải, đánh úp quân cứu viện của giặc.

6. *Dùng lối đánh chim sẻ hay lối đánh người Mán.* Lúc quân giặc kéo vào căn cứ địa chúng ta, chúng ta phái đội viên du kích tản mát ra như một đàn chim sẻ, nấp hai bên đường, sau các mỏm núi, chõ một người, cách nhau khá xa, rồi cứ nhầm vào hàng ngũ quân giặc, nhất là bọn quan mà bắn. Lối đánh chim sẻ này quyết không thắng được quân giặc, nhưng cũng làm cho chúng hao tổn và rối loạn, muốn chống lại cũng không biết đâu mà chống, rút cục chúng phải lui.

Ví dụ: ở Hoa Bắc, một lần quân Nhật chia sáu đường đánh vào phía Nam Chính Thái bị quân du kích Tàu dùng lối đánh “chim sẻ” bắn giết nhiều quá đến nỗi phải rút lui.

CHƯƠNG VII CÁCH ĐÁNH ĐUỔI GIẶC

Quân giặc đã bị đánh thua thì đội du kích phải đuổi theo thừa lúc chúng bị khó khăn mà kế tiếp xung phong để tiêu diệt chúng. Tuy vậy không nên đuổi theo quá xa vì sợ gặp quân cứu viện của chúng.

Lúc quân giặc bị đánh tan rã thì đội du kích phải cắt ra một số đội viên xếp dọn chiến trường (chiến trường là chõ đánh nhau) cứu kẻ bị thương và đưa đi nơi dưỡng bệnh, xử trí những đồ đạc lấy được, xử trí tù binh. Còn đại đội thì phải đi ngay phòng khi tàu bay giặc đến ném bom. Chỉ khi nào mười phần chắc chắn là quân cứu viện giặc không đến được thì đại đội du kích mới nên ở lại hơi lâu để tiến hành các công việc tuyên truyền cổ động dân chúng.

Nếu quân giặc bị đánh bại ở nơi gần căn cứ địa của chúng ta thì chúng ta lại càng cần đuổi theo mà tiêu diệt. Lúc này phải động viên dân chúng giúp vào.

CHƯƠNG VIII
CÁCH RÚT LUI

Đánh du kích cần biết cách rút lui vì sau một trận đánh được hay thua gì cũng vậy, đội du kích cần phải rút lui ngay, có khi định đánh mà thấy quân giặc mạnh quá cũng phải rút lui ngay không đánh.

Đánh được rồi rút lui thì thường chẳng có gì khó, chớ để đánh thua rồi mới rút lui nghĩa là phải rút trước. Nếu đội du kích biết đo đắn cẩn thận, bao giờ mười phần chắc chắn mới tiến công, còn ngại một chút cũng tránh đi là hơn vì khỏi mắc vào cảnh thua rồi mới rút lui. Nhưng nếu không may bị đánh thua rồi mới rút lui, hoặc gặp quân giặc quá mạnh, đánh không được phải rút lui, lại bị quân giặc đuổi theo thì phải đổi phó thế nào. Lúc ấy cần phải chú ý 5 điều này:

1. Trước hết phải chọn một số đội viên rất can đảm và nhanh nhẹn ẩn nấp lại chống với quân giặc để che chở cho số đông rút lui. Trong khi rút lui không nên phân chia ra từng bộ phận nhỏ, vì phân chia như vậy đội viên du kích dễ mất tinh thần và có khi lạc đường. Nhưng nếu hoàn cảnh bắt buộc thì phải phân chia, nhưng phải ước định với nhau trước chỗ tập hợp.

2. Đội trưởng và chính trị phái viên phải tỏ tinh thần và năng lực lãnh đạo của mình. Khó khăn nguy hiểm chừng nào thì hai người ấy phải xung phong trước chừng ấy để dùi dắt bộ đội.

3. Tuy bị quân giặc đuổi theo, đội du kích vẫn phải tiếp cận dân chúng, cổ động dân chúng giúp mình, giúp lương thực, giúp dẫn đường, giúp giữ bí mật, giúp do thám, canh gác, có khi giúp chống quân giặc.

4. Lúc rút lui phải có kế hoạch thích hợp. Rút qua đường nào, rút cách thế nào, phải suy tính cẩn thận và chu đáo. Nhất là tránh bộ đội máy móc và kỵ binh của giặc. Đi qua đường nào phải làm mất dấu tích. Phải đi đường tắt, đi ban đêm hoặc công khai đi một đường rồi bí mật quặt giở lại đi đường khác, hoặc tìm đường mới hẳn mà đi, hoặc ăn mặc như người thường hoặc ăn mặc như quân lính của giặc mà đi, hoặc đi rất nhanh mỗi ngày 50 hơn cây số¹⁾.

5. Lúc tránh khỏi quân giặc rồi thì phải tìm ngay một nơi chắc chắn, tổ chức huấn luyện dân chúng cố làm chỗ ấy thành một nơi đứng chân rồi tổ chức lại đội du kích chuẩn bị tiến công quân giặc.

1) Hơn 50 kilômét (B.T).

Đây là nói lúc quân giặc quá mạnh mìn không thể nào chống lại nó được buộc phải chạy. Nếu quân giặc xoàng thì đội du kích có thể tìm nơi ẩn núp tốt chờ quân giặc đi qua tiến ra phục kích cho một vố rồi sẽ rút. Cố nhiên phải cẩn thận, không được liều mạng.

Một điều nữa cần chú ý trong đội du kích nếu có số người phụ trách việc phụ thuộc¹⁾ (như thuốc men, sách báo, chữa súng, làm đạn) đi theo thì bao giờ cũng phải thu xếp cách che chở cho số người ấy rút lui một cách an toàn. Nhưng ngày thường cần huấn luyện cho số người ấy biết cách đối phó trong lúc khó khăn này, nhất là cần giữ trật tự, phải trấn tĩnh, làm đúng theo kế hoạch đã định.

CHƯƠNG IX PHÁ HOẠI

Phá hoại là phần rất trọng yếu trong cách đánh du kích. Phá hoại có thể ngăn cản được đội máy móc, đội kỵ mã và làm chậm trễ đội bộ binh (bộ binh là lính đi đất) của giặc.

Muốn phá hoại phải có dân chúng ủng hộ và giúp sức. Đồng thời dân phải làm vườn không nhà trống thì mới có hiệu quả nhiều. Quân giặc đến đâu, đường sá, cầu cống đều bị phá tiệt, lại phải đói khát khổn khổ.

A- Nguyên tắc trọng yếu của cách phá hoại

Trước khi phá hoại phải xét rõ phá hoại như thế thì thiệt hại quân giặc như thế nào và có thiệt hại gì cho ta không.

2²⁾. Trước khi thi hành phá hoại phải hiểu rõ tình hình quân giặc gần đó. Phải hiểu rõ con đường hay cầu cống mình định phá hình thế ra sao, tiếp giáp với núi sông thế nào.

3. Lúc phá hoại phải xếp đặt đội yểm hộ (đội yểm hộ là đội phụ trách che chở cho số người phá hoại). Đội yểm hộ phải đóng những nơi quân giặc có thể qua lại, nếu quân giặc yếu, đội yểm hộ có thể giải quyết được thì giải quyết nếu không đủ sức giải quyết thì lùi đi (nếu quân giặc không đi đến chỗ đường phá hoại) hoặc che chở số người phá hoại rút lui cho an toàn.

1) Tức là các bộ phận trực thuộc, bộ phận phối hợp (B.T).

2) Trong nguyên bản không có mục 1 (B.T).

4. Phải chọn: a) thời gian, b) cơ hội, c) địa điểm.

a) Thời gian nên chọn ban đêm vì dễ bí mật.

b) Chọn cơ hội thì phải chú ý lúc nào phá hoại thì hại nhiều cho quân thù và lợi nhiều cho ta. Ví dụ: chúng ta đã biết ngày nào, giờ nào có đoàn xe của giặc đi qua con đường nào, thế là trước ngày ấy, giờ ấy, chúng ta đã phá hoại xong đường sá, cầu cống quân giặc sắp đi qua làm cho chúng bị đổ xe, tổn hại. Hoặc chúng ta đã biết giặc sắp đi qua con đường nào để tiến công chúng ta. Chúng ta lập tức phá hoại cầu cống, đường sá rồi ẩn nấp gần đó, chực quân giặc đến, bối rối với chỗ phá hoại là chúng ta phục kích.

c) Còn địa điểm thì nên chọn nơi nào? Phải chú ý hai mặt: một là nơi nào quân giặc ít chú ý canh gác tuần phòng, có thể tiến hành việc phá hoại dễ dàng. Hai là nơi nào hiểm yếu khó sửa chữa.

B- Cách thức phá hoại

1. Phá hoại các thứ dây thép thì nên chọn các đoạn dây vượt qua sông núi hoặc ở đường ngã ba, ngã tư, vì phá hoại những chỗ ấy rất khó sửa chữa. Phải phá hoại cả cột lấn dây. Nếu phá hoại để dụ quân giặc đến sửa chữa rồi đánh úp chúng thì nên chọn nơi có chỗ ẩn nấp tốt.

Phá hoại xong phải vất hay hủy những vật liệu đã bị phá hoại như cột dây thép, bình sành, giăng dây, không để cho quân giặc dùng làm lại. Còn dây thép mang đi được thì mang, không mang được thì cũng hủy tiệt.

Muốn cho quân thù khó tìm ra chỗ phá thì có thể dùng dây chì buộc vào dây thép rồi cho thông xuống đất, nếu có cột sắt thì cứ dùng chì nối dây thép với cột sắt làm cho luồng điện chạy qua cột sắt rồi chạy xuống đất. Dây bọc cao su thì cắt đứt một đoạn dây thép rồi bọc cao su lại như cũ. Phá như thế thì quân thù khó tìm ra chỗ bị phá. Lúc phá hoại dây thép chú ý không để điện giật. Phải mang bao tay da, lúc giông to, sấm sét thì phải thôi ngay.

2. *Phá hoại cầu cống*. Cầu gỗ, cầu tre, cầu phao (cầu phao là cầu kết thuyền làm) thì dùng chất cháy mà đốt, hoặc tháo gỗ, tháo tre, tháo thuyền. Cầu đá thì đào phá hoặc dùng thuốc nổ để phá. Cầu sắt thì phải có người chuyên môn dùng thuốc nổ mà phá.

3. *Phá hoại đường xe hỏa*. Phải phá chỗ khó sửa chữa. Cách phá: có thể vặn đinh ốc để tháo đường ray. Nếu có người chuyên môn và có đủ đồ phá hoại thì có thể làm cho đường xe hỏa vô dụng.

4. *Phá hoại đường ô tô*. Phá đường để chuẩn bị đánh úp, thì nên phá chỗ dễ ẩn nấp. Nếu không thì chú ý phà nơi nào khó sửa chữa nhất, nơi đường quanh, lên dốc, xuống dốc, nơi qua sông. Nếu muốn đánh lừa làm hại quân giặc thì sau khi phá lấy ván lát lại rồi rải đất như đường thường. Xe ô tô quân

giặc đi qua là đổ ngay. Chỗ con đường kẹt giữa núi có thể xô đá lấp hắn đi. Chỗ thấp có thể tháo nước tràn ngập.

5. Phá đồn lũy, thành quách. Đồn lũy, thành quách là nơi chống giữ rất tốt của quân giặc, vì chúng có súng ống tốt. Chúng ta lấy được là phải phá hủy ngay, vì chúng ta không thể nương dựa vào thành lũy để chống lại với súng ống tốt của giặc.

Ví dụ: ở Hoa Bắc, các đội du kích của Đội quân thứ 8 thường tổ chức dân chúng phá hoại các đường ô tô, đường xe hỏa, cầu cống, các thứ dây thép của Nhật. Chỉ trong một đêm, hàng mây chục cây số bị phá hoại. Quân Nhật phải hao tổn nhiều mới sửa chữa lại, nhưng rồi lại bị phá hoại. Cứ như thế không biết bao nhiêu lần.

CHƯƠNG X

THÔNG TIN VÀ LIÊN LẠC

Đánh du kích cần xếp đặt thông tin và liên lạc cho nhanh chóng, chắc chắn và chu đáo. Không có thông tin và liên lạc với các nơi thì đội du kích đứng chờ vơ giữa trời, không làm gì được.

Thông tin và liên lạc của du kích phần lớn nhờ cậy vào dân chúng. Người phụ trách thông tin và liên lạc phải chọn người nhanh nhẹn, chắc chắn và khôn khéo, dùng lối đi bộ, đi ngựa, đi xe, đi thuyền để đưa tin tức. Lúc cần phải dùng nhiều người, đi nhiều đường phòng khi người này bị trắc trở, đường này bị trắc trở thì còn người khác, đường khác. Hẹn nhau phải hẹn nhiều địa điểm, nhiều giờ khác nhau phòng khi địa điểm này hay giờ này bị trắc trở còn địa điểm khác, giờ khác. Phải ước định với nhau dấu hiệu hẹn nhau như: ở gần núi thì dùng tiếng chim kêu, gần làng thì dùng gà gáy, chó sủa; dọc đường phải có dấu hiệu riêng như ở rừng thì vạch da cây¹⁾, ở làng thì dùng dấu riêng viết trên tường. Ban đêm thì có thể đốt lửa, ban ngày có thể hun khói hoặc dùng lối khác thông tin liên lạc với nhau. Phải chờ lúc đội du kích phát triển nhiều thì mới có cách thông tin liên lạc bằng dây thép và vô tuyến điện.

1) Vạch vào vỏ cây hay đánh dấu vào thân cây trên dọc đường hành quân (B.T).

CHƯƠNG XI
HÀNH QUÂN

Lúc hành quân cần chú ý ba điều: một là nhẹ nhàng nghĩa là chỉ mang theo những đồ rất cần thiết; hai là nhanh chóng, nhanh chóng chừng nào hay chừng ấy; ba là bí mật, không những bí mật với quân thù còn phải bí mật với dân chúng nữa.

Lúc hành quân cần xếp người trinh thám hóa trang đi trước. Người ấy phải chú ý:

1. Do thám sự canh phòng xếp đặt của giặc ở dọc đường.
2. Khẩu lưu¹⁾ những người đáng nghi ngờ gặp giữa đường.
3. Gặp lính gác của giặc thì báo đội du kích hết sức tránh hay im lặng giải quyết.
4. Nếu gặp bộ đội quân giặc thì lập tức báo cáo đội trưởng quyết định đánh hay chuồn.
5. Đặt các dấu hiệu dọc đường, để báo tin, người đi sau phải nhặt sạch.

Lúc hành quân nếu đằng trước có quân giặc thì người đội trưởng phải đi trước, còn người chính trị phái viên đi sau. Nếu đằng sau có quân giặc thì người đội trưởng phải đi sau, nếu hai bên có giặc thì người đội trưởng đi giữa.

CHƯƠNG XII
ĐÓNG QUÂN

Đóng quân phải chú ý chọn chỗ thuận tiện để nghỉ ngơi và phòng thủ. Nếu chỗ đóng quân xa quân thù và có địa thế hiểm yếu không sợ bị quân thù đánh úp thì có thể đóng quân trong làng. Nếu không được thế thì phải rất cẩn thận trong lúc đóng quân.

1. Không nên đóng trong làng, phải tìm chỗ rừng núi mà đóng.
2. Mỗi đêm đóng một chỗ, nếu cần thì trong mỗi đêm cũng thay đổi chỗ đóng. Đến nơi rồi, cấm ngay người ra vào.
3. Phải canh gác rất cẩn thận.

1) Kiểm soát và giữ lại (B.T).

Xem xét địa hình. Bất kỳ đóng nơi nào, người đội trưởng phải xem xét tỉ mỉ địa hình, chú ý đường tiến đường thoái, cách đối phó nếu bị đánh úp bất ngờ. Đồng thời quyết định chỗ tập hợp và đặt chỗ canh gác.

Lúc nghỉ ngơi phải tập trung với nhau một chỗ, không nên phân tán ở nhiều nhà, vũ trang và đồ đạc¹⁾ phải săn sàng bên cạnh, nếu cần, súng cứ phải mang trong người và lên đạn.

CHƯƠNG XIII

CĂN CỨ ĐỊA

Đội du kích trong lúc hoạt động đánh quân thù cần có một vài nơi đứng chân làm cơ sở. Tại nơi ấy, đội du kích tích trữ lương thực, thuốc đạn, lâu lâu về đó nghỉ ngơi, luyện tập. Nơi ấy phải có địa thế hiểm yếu che chở và quân chúng cảm tình ủng hộ.

Đội du kích hoạt động phát triển nhiều thì chỗ cơ sở nhỏ đầu tiên ấy có thể trở nên căn cứ địa vững vàng, nhất là sau khi đội du kích đánh đuổi được quân giặc và thành lập chính quyền cách mạng trong địa phương. Chưa thành lập được chính quyền địa phương thì căn cứ địa khó thành lập và không thể củng cố được.

Có chính quyền cách mạng của địa phương, có căn cứ địa vững vàng, đội du kích nhờ đó mà phát triển lực lượng và hóa ra quân chính quy (quân chính quy là đội quân tổ chức theo quy củ nhất định về mặt biên chế, kỷ luật, súng ống, áo quần, ăn uống đều theo quy củ nhất định ấy).

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.3, tr.497-536.*

1) Vũ khí và trang bị (B.T).

THƯ GỬI ĐỒNG BÀO TOÀN QUỐC

Toàn quốc đồng bào!

Toàn thể đồng chí!

Tháng 8 năm 1942, tôi vâng lệnh Đoàn thể đi cầu ngoại viện. Chẳng may gặp sự hiểu lầm ở ngoài, làm cho đồng bào, đồng chí lo phiền cho tôi hơn một năm giờ. Vậy, một mặt thì tôi phải thừa nhận vì tôi hành động không đủ khôn khéo để đồng bào, đồng chí phải phiền lòng, một mặt thì tôi rất cảm ơn lòng thân ái của đồng bào, đồng chí đối với tôi.

Trong sự rủi lại có sự may. Nhân dịp ở ngoài mà tôi hiểu rõ tình hình thế giới và chính sách của các hữu bang, trước hết là Trung Quốc.

Nay tôi mang về cho đồng bào, đồng chí một món quà cực kỳ quý báu, tức là lòng đồng tình sốt sắng của 450 triệu đồng bào Trung Quốc đối với 25 triệu đồng bào Việt Nam về cái tin Trung Quốc sẽ tích cực giúp đỡ cuộc dân tộc giải phóng của chúng ta.

Song muốn tiếp thu lòng đồng tình và sự giúp đỡ đó, chúng ta trước phải có một cái cơ cấu đại biểu cho sự chân thành đoàn kết và hành động nhất trí của toàn thể quốc dân ta. Mà cơ cấu ấy thì phải do một cuộc Toàn quốc đại biểu Đại hội gồm tất cả các đảng phái cách mệnh và các đoàn thể ái quốc trong nước bầu cử ra. Một cơ cấu như thế mới đủ lực lượng và oai tín, trong thì lãnh đạo công việc cứu quốc, kiến quốc, ngoài thì giao thiệp với các hữu bang.

Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các Đồng minh quốc sáp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!

Tôi mong rằng các đảng phái và các đoàn thể đều ra sức chuẩn bị cùng nhau thảo luận, để khai cuộc Toàn quốc đại biểu Đại hội trong năm nay. Như vậy thì ngoại viện nhất định cầu được, cứu quốc nhất định thành công.

Lời chào thân ái

Tháng 10 năm 1944

HỒ CHÍ MINH

CHỈ THỊ THÀNH LẬP ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN

1. Tên ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền. Vì muốn hành động có kết quả thì về quân sự, nguyên tắc chính là nguyên tắc tập trung lực lượng, cho nên, theo chỉ thị mới của Đoàn thể, sẽ chọn lọc trong hàng ngũ những du kích Cao - Bắc - Lạng số cán bộ và đội viên kiên quyết, háng hái nhất và sẽ tập trung một phần lớn vũ khí để lập ra đội chủ lực.

Vì cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, cho nên trong khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên, cần phải duy trì lực lượng vũ trang trong các địa phương cùng phối hợp hành động và giúp đỡ về mọi phương diện. Đội quân chủ lực trái lại có nhiệm vụ dùu dắt cán bộ vũ trang của các địa phương, giúp đỡ huấn luyện, giúp đỡ vũ khí nếu có thể được, làm cho các đội này trưởng thành mãi lên.

2. Đối với các đội vũ trang địa phương: đưa các cán bộ địa phương về huấn luyện, tung các cán bộ đã huấn luyện đi các địa phương, trao đổi kinh nghiệm, liên lạc thông suốt, phối hợp tác chiến.

3. Về chiến thuật: vận dụng lối đánh du kích, bí mật, nhanh chóng, tích cực, nay Đông mai Tây, lai vô ảnh, khứ vô tung.

Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân là đội quân đàn anh, mong cho chúng có những đội đàn em khác.

Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vể vang. Nó là khởi điểm của giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam.

Tháng 12 năm 1944
HỒ CHÍ MINH

CHIẾN THUẬT DU KÍCH*

Quyển IV

Phòng ngự
Đánh đuổi
Rút lui

1
9
4
4

I CHIẾN THUẬT PHÒNG NGỰ

Đội du kích kháng Nhật, kháng Pháp, vì những sự khó khăn thực tế, cho nên về mặt chiến thuật không thể dùng lối phòng ngự làm cốt yếu. Thường đội du kích không chủ trương giữ đến chết một nơi nào, vì nếu chủ trương như vậy thì với vũ khí lạc hậu của mình, có thể tự đưa mình tới chỗ bị đánh bại. Đội du kích bao giờ cũng chủ trương tranh lấy chủ động tiến đánh quân địch, phá hoại đường sá, quấy rối quân địch. Lúc có thể đánh thì trong giây lát tiêu diệt chúng, lúc không thể đánh thì trong giây lát cao chạy xa bay; quyết không đứng vào địa vị bị động, và hết sức tránh không dùng chiến thuật phòng ngự.

Tuy vậy, không phải đội du kích không bao giờ dùng tới chiến thuật phòng ngự đâu. Lúc thình lình bị quân địch đánh úp, lúc vừa tiến công xong, cần phải phòng ngự để rút lui. Nhất là lúc bảo vệ cho căn cứ địa kháng Pháp, kháng Nhật thì chiến thuật phòng ngự lại càng cần thiết lắm. Nhưng chúng ta phải biết rằng: chiến thuật phòng ngự của đội du kích rất là đặc biệt, lúc nào cũng “dĩ công vi thủ”, nghĩa là muốn giữ, muốn phòng ngự tất phải tiến đánh quân địch một phần nào.

* Tổng bộ Việt Minh xuất bản năm 1944 (B.T).

A. Chiến thuật phòng ngự ngoài nơi căn cứ chống Nhật - Pháp

Đội du kích nếu nhanh nhẹn, bí mật được dân chúng ủng hộ (sự ủng hộ của dân chúng chính là cái tường lũy che chở cho mình) thì rất ít khi bị quân địch đánh úp. Tuy vậy, đội du kích luôn luôn phải cẩn thận mới tránh khỏi mưu mô của quân địch.

a) Phải xếp đặt do thám canh gác

Đội du kích phải phái đội viên thường, ăn mặc trá hình đi do thám chung quanh quân địch. Dù là đóng trại hay đang kéo quân đi, trước mình, sau mình và trên tất cả các nẻo đường quân địch có thể đến, đều phải có đội viên canh gác; ngoài vòng canh gác ấy, lại phải có đội viên võ trang, ăn mặc thường đi do thám. Phải hết sức chú ý liên lạc với dân chúng, nhờ dân chúng bảo tin tức cho, dân chúng là kẻ do thám tinh nhất của đội du kích.

b) Phải tránh đóng quân ở những chỗ không chắc chắn

Làng nào mình không đủ sức giữ thì không nên chiếm đóng cả làng, chỉ nên lấy một xóm mấy nhà và đóng quân ở đấy. Nếu dân chúng bị đế quốc lừa gạt, đối với du kích không có cảm tình, thì đội du kích đừng ngần ngại, phải đối phó ngay: hoặc trừ bọn Việt gian rõ mặt, hoặc bắt bọn bị ngờ làm Việt gian giữ lại làm con tin, hoặc cấm chỉ trong ngoài thông tin qua lại.

Nếu tình hình găng, thì phải phái đội viên chiếm mặt trận, cắt đội viên ăn mặc thường đi do thám, đặt những người phụ trách việc liên lạc giữa đội du kích với nhau hay giữa đội du kích với dân chúng cảm tình. Ta nên nhắc lại một lần nữa: cách phòng ngự tốt nhất là do thám, canh phòng cho kỹ càng, cẩn thận, để tránh khỏi những sự đánh úp bất ngờ.

c) Phải xây đắp chiến lũy phòng ngự

Do thám đề phòng như thế cũng chưa đủ, đội du kích còn phải chuẩn bị, nếu bị thình lình đánh úp thì ứng phó thế nào. Đội du kích luôn luôn phải sẵn sàng để tụ họp, phải có nơi nhất định để tụ họp. Nơi tụ họp (thường thường là một gian nhà lớn) cần phải có người đứng ở nơi quang đãng, có thể trông xa mà canh gác, đội trưởng và các đội viên thông tin liên lạc đều ở cả đấy. Võ khí và đồ dùng phải sẵn sàng luôn luôn, cần đi là mang đi ngay. Dấu hiệu lúc bị đánh úp, lúc tiến, lúc lui cũng phải dự bị cho đầy đủ sẵn sàng.

Những con đường đi vào nơi tụ họp, thì nên dùng vật ngăn cản có thể cắt đi được mà chặn phòng. Những con đường rút lui cũng nên đắp chõ nấp bắn: hai bên đường. Những con đường không cần

dùng đến thì phải chặn nghẽn hẳn đi. Nếu có thể được thì ngoài phòng tuyến thứ nhất ấy phải đặt thêm phòng tuyến thứ hai.

Ban ngày, nếu máy bay quân địch tới ném bom thì đội du kích phải hết sức tổ chức phòng bị, lợi dụng địa thế, những hào rãnh, hầm hố để tránh khỏi sự thiệt hại.

d) Đang đi gặp địch

Nếu đang kéo quân đi mà gặp quân địch thì hoặc sắp đặt rất nhanh để đánh úp chúng, hoặc ra lệnh tháo lui ngay. Khi tháo lui, trừ một bộ đội ở lại sau để che chở cho đội du kích tháo lui, không có sự hành động phòng ngự gì khác nữa. Nếu bị đánh úp ở nơi đóng trại, thì đội du kích phải tinh thần chiến đấu của mình và thực hành ngay cuộc phản công xông ra chống lại.

B. Chiến thuật phòng ngự những nơi căn cứ chống Nhật - Pháp

Nơi căn cứ chống Nhật - Pháp do đội du kích một mình lập ra, hoặc do đội du kích hợp sức với quân chính quy mà lập ra, không những có Chính phủ cách mạng mà lại có kho lương thực, đạn dược và nhà thương của đội du kích nữa. Những nơi căn cứ ấy, cố nhiên đội du kích không thể dễ dàng bỏ mà đi, phải hết sức bảo vệ lấy nó. Tuy vậy, không phải là dù sống chết cũng phải khu khư giữ lấy nó. Trong lúc phòng giũ cũng phải chia quân ra đóng từng nơi nhất định mà chơi với đại đội quân địch. Chúng ta phải nhớ luôn rằng: lối phòng giũ của chúng ta là một lối riêng, nhanh nhẹn thay đổi theo tình thế, không bao giờ làm cho đội du kích sa vào địa vị bị động; không bao giờ để quân địch có thời giờ, có cơ hội tiêu diệt ta.

Thế thì trong trường hợp ấy, lối phòng ngự của chúng ta phải thế nào:

a) Phải dùng lối phòng ngự nhanh nhẹn

Trong khi quân địch tiến đánh nơi căn cứ của ta, chúng ta cũng có thể cho một số ít đội viên du kích đi chiếm lấy những nơi yếu hiếu, xây đắp chiến luỹ tạm thời, cùng quân địch đối chiến. Nhưng đối chiến như vậy, mục đích không phải là ta quyết giữ trận địa đến chết, mà là chỉ để kìm hãm thế lực quân địch, làm cho chúng không thể tiến mau, để trong lúc ấy quân chủ lực của ta có dịp mà đánh úp lại và tiêu diệt chúng.

Quân địch tiến đánh căn cứ du kích thường dùng lối chia ra nhiều đường mà tiến, hợp lại một đường mà đánh. Cho nên, nếu đội du kích mạnh thì có thể đem hết sức ngăn cản chúng, làm cho chúng không thể tiến chóng như ý muốn, và trước khi các đạo quân của chúng đang cách xa nhau, chưa tiếp ứng nhau được, thì đội du kích cứ đánh từng đạo, tiêu diệt từng đạo. Nếu các đạo quân địch

đã tiến gần nhau, đã tiếp ứng nhau được, thì đội du kích nên nhầm xem nơi nào là nơi yếu của quân địch, đánh tạt ngang vào, chia quân địch ra nhiều đoạn, rồi cứ từng đoạn một mà tiêu diệt. Lối đánh này cần phải có lực lượng đầy đủ mới làm được.

Nếu lực lượng ta yếu, thì ta chớ nên cố đánh lại quân địch ngay. Lúc quân địch tìm ta thì ta nên tránh, đợi lúc nào chúng không ngờ bị đánh, ta hãy đánh úp, như quyển “Chiến thuật du kích số II”¹⁾ đã nói.

b) Phải hết sức lợi dụng hình thế đất đai mà ngăn cản quân địch tiến

Phải phá hay chặn đường sá. Phải phá cầu cống. Nếu có thể được, lại phải dồn nước làm ngập đường sá. Làm được như vậy thì đội cơ giới hóa của quân địch không thể tiến được, đội kỵ binh của chúng cũng không thể tiến mau. Chúng chỉ có thể phái bộ binh tiến đánh chúng ta. Chúng ta có thể đối phó dễ hơn nhiều.

c) Phải thực hành kế hoạch “Vườn không nhà trống”

Ở những nơi đội du kích sửa soạn rút lui thì nên cổ động dân chúng thực hành kế hoạch “Vườn không nhà trống”; lấp giếng nước hay bỏ chất độc xuống; rút ngõn cối xay, chở lương thực, quần áo, mang nồi niêu, chén bát, dắt súc vật chạy lên núi.

Quân địch đến vừa đói, vừa khát (Những chỗ có sông ngòi ít nhất là làm cho quân lính, lừa ngựa của địch không có lương thực); vận lương khó khăn. Nhân thế sức chiến đấu của chúng bị giảm; bị đánh là phải bỏ chạy.

d) Phải cổ động dân chúng hăng hái tham gia chiến đấu

Những công việc kể trên không có dân chúng ủng hộ, tất khó mà thực hành được. Chúng ta cần phải cổ động dân chúng giúp đội du kích một cách hăng hái, tích cực như do thám, đưa đường, đưa thuyền, giúp đỡ chuyên chở, khiêng lính bị thương, tự động phá cầu, phá đường, v.v.. Nếu dân chúng thật là hăng hái, thì với những vũ khí lạc hậu như: cung, nỏ, súng kíp, giáo, mác, rùa, búa, gậy gộc cũng có thể làm được việc lớn, nhất là trường trị bọn do thám của quân địch và bọn Việt gian.

Kinh nghiệm Hoa Bắc dạy ta rằng: nếu có dân chúng giúp vào, thì sự bảo vệ các căn cứ du kích tuy khó, nhưng không phải không thể làm được.

1) Xem *Chiến thuật du kích* (quyển II) (B.T).

d) *Phải hoạt động phía sau quân địch*

Trong khi chia đội viễn đón đánh quân địch thì lại phải phái đội viễn quấy rối phía sau quân địch, đánh úp các đội vận tải, phá tan liên lạc giao thông. Làm được như vậy thì quân địch sẽ bị thiếu thốn và sẽ dễ bị ta đánh bại.

e) *Dùng lối đánh “chim sẻ”*

Tức là lúc quân địch kéo vào đánh nơi căn cứ của ta, chúng ta phái đội viễn du kích tản mát ra như một đàn chim sẻ, nấp hai bên đường, trên các mỏm núi, chỗ một người, chỗ hai người, cách nhau khá xa. Các đội viễn ấy cứ bắn vào hàng ngũ quân địch, tốt nhất là nhắm bọn quan chỉ huy mà bắn. Lối đánh “chim sẻ” tuy không quyết định được sự thắng lợi, song, hiệu lực rất lớn. Quân địch sinh ra rối loạn, cứ bị bắn mà tìm không thấy kẻ thù, có tản ra mà đánh đuổi cũng không biết theo hướng nào mà đánh đuổi. Rốt cuộc, nhiều khi chưa đánh nhau, mà đã phải rút lui.

Ở Hoa Bắc một lần quân Nhật chia sáu đường, đánh vào phía Nam đường Chính Thái, bị đội du kích Tàu dùng lối đánh “chim sẻ” mà chống lại. Rốt cuộc, đại đội quân Nhật mới xung đột với một liên du kích (100 người) mà đã mất cả chí chiến đấu, phải thoái lui ngay.

II
CHIẾN THUẬT ĐÁNH ĐUỐI

Chiến thuật đánh đuổi quân địch phải chia làm hai trường hợp: đuổi theo quân địch bị đội du kích đánh bại và đuổi theo quân địch bị quân chính quy đánh bại.

A. Đuối đánh quân địch bị đội du kích đánh bại

Quân địch đã bị đánh bại thì đội du kích phải đuổi theo, thừa lúc chúng bị khó khăn mà kế tiếp xung phong, tiêu diệt lực lượng của chúng. Tuy vậy không nên đuổi xa quá, vì đuổi xa quá tất có thể gặp viện binh quân địch. Quân địch bị đánh tan rã, thì cắt ra một số đội viễn xếp dọn chiến trường: cứu kẻ bị thương, xử trí những vật liệu lấy được, xử trí tù binh, còn đại đội thì phải đi ngay, phòng khi máy bay địch tới ném bom. Chỉ có khi nào thật mười phần chắc chắn là viện binh quân địch không đến thì đại đội du kích mới có thể và mới nên ở lại hơi lâu, để tiến hành các công việc khác, như công việc tuyên truyền, tổ chức quần chúng, v.v..

Nếu quân địch bị đánh bại ở gần nơi căn cứ chúng ta, thì chúng ta lại càng cần đuổi theo mà tiêu diệt. Trong trường hợp này, càng cần động viên dân chúng giúp vào. Với những vũ khí lạc hậu, dân chúng cũng có thể giúp đội du kích tiêu diệt quân địch, làm cho chúng không một tên nào lọt khỏi lưới mìn.

B. Đuổi đánh quân địch bị quân chính quy ta đánh bại

Quân địch bị bại trước mặt trận thì chí chiến đấu kém lăm, đội du kích tuy sức không mạnh cũng có thể đuổi đánh. Đuổi đánh bộ binh, thì mục đích là tiêu diệt binh lính của địch, làm cho chúng bỏ hàng ngũ chạy tan, trong lúc bị cả đội du kích, cả dân chúng hết sức bắt hay giết; đuổi đánh pháo binh và đội vận tải, thì mục đích là làm cho binh lính địch bỏ chạy, để chúng ta chiếm lấy súng đại bác, đạn dược, lương thực. Đội du kích cũng có thể đánh đuổi theo lối “đi ngang hàng” (binh hành) nghĩa là trong lúc quân địch thua chạy, đội du kích kéo đi một đường khác, cùng một hướng với quân địch, đi thật nhanh, lúc nào đi kịp hay vượt quá quân địch thì đánh tạt ngang vào sườn hoặc mai phục đợi nó đi qua sẽ đánh úp.

III

CHIẾN THUẬT RÚT LUI

Rút lui đối với quân chính quy là một việc rất thường và ít khi có lợi, vì quân chính quy có bị thua mới rút lui, hoặc tiến quá trớn phải rút lui để thu ngắn bớt mặt trận hay giữ vững liên lạc với mặt sau. Đối với đội du kích thì khác hẳn. Không những bị thua mới rút lui mà sau một trận thắng cũng phải rút lui để tránh viện binh của địch và nhiều khi chưa đánh đã phải rút lui để tránh cho quân địch khỏi đánh úp. Vì vậy chiến thuật rút lui mà dùng cho đúng thì đối với đội du kích không những không phải là một điều xấu hổ mà trái lại là một việc cần thiết để cho đội du kích khỏi bị tiêu diệt và có thể chuẩn bị cuộc tiến công có lợi hơn.

Đánh được rồi rút lui thì thường thường chẳng có gì là khó khăn. Còn đến lúc bị đánh thua mới rút lui thì đó là một việc nên hết sức tránh, nếu đội trưởng đội du kích biết dò xét, đo đắn cho cẩn thận, có chắc được mới tiến công, thì đại đội quân địch đến mình vẫn có thể tránh được.

Nhưng nếu xảy ra việc bất lợi: bị đánh thua phải rút lui hay nghe tin quân địch mạnh sắp đến mà rút lui không kịp, bị đuổi theo, thì phải đổi phó thế nào? Trong những lúc khó khăn ấy, có năm điều cần phải chú ý:

a) Một là chọn ra một số đội viên chống với quân địch để che chở cho số đông rút lui. Trong khi rút lui, trừ khi nào bát đắc dĩ, còn thì không nên chia ra từng bộ phận, vì chia như vậy rất dễ làm cho đội viên du kích mất tinh thần hăng hái. Điều đó nên đặc biệt chú ý.

b) Hai là đội trưởng phải tinh thần kiên quyết của mình, trong khi gặp khó khăn hay nguy hiểm giữa đường phải làm gương can đảm cho đội viên. Có thể mới giữ được tinh thần cả đội hăng hái như trước.

c) Ba là lúc rút lui, tuy bị quân địch theo đuổi, nhưng vẫn phải hết sức gần gũi dân chúng, cổ động dân chúng theo du kích hoặc dẫn đường, dẫn lối và giúp du kích do thám tin tức của quân địch.

d) Bốn là rút lui phải có kế hoạch, phải có mưu mẹo. Hết sức tránh không để cho bộ đội cơ giới hóa và đội kỵ binh của quân địch đuổi kịp. Hết sức làm cho mất tung tích, quân địch không thể tìm ra mình đi nẻo nào. Theo hoàn cảnh, hoặc đi đường tắt, hoặc chọn chỗ kín ẩn nấp, rồi tới khu vực săn mèo đi, hoặc đi quặt lại, kéo về phương hướng trái với phương hướng quân địch đuổi, hoặc cải trang ăn mặc quần áo thường hay quần áo giống hệt quân địch, hoặc kéo quân đi thật nhanh, mỗi ngày đi năm sáu mươi cây số.

đ) Năm là lúc đã tránh khỏi bị đuổi thì tìm ngay một nơi chắc chắn, hết sức cổ động dân chúng lập ra một chỗ đứng chân, tổ chức đội du kích lại cho vững vàng hơn và chuẩn bị tiến đánh quân địch.

Trên đây là nói trường hợp quân địch quá mạnh. Còn nếu quân địch yếu, liệu thể làm được thì trong lúc rút lui nửa đường nên chọn nơi tốt, mai phục đợi chúng đi qua đánh úp cho chúng một vố! Nhớ phải cẩn thận lắm mới được! Chớ làm liều mà thất bại to!

Còn một điều nữa là trong lúc rút lui, những đội viên phụ trách việc vặt (tạp vụ) thường thường rất khó lòng giữ được trật tự. Vì vậy ngày thường nên chú trọng huấn luyện cho những đội viên ấy một cách kỹ càng. Cũng có lúc đã phái một số đội viên phụ trách che chở cho số đông rồi, nhưng các đội viên ấy chưa kịp bắn thì quân địch đã xông tới; trong những lúc nguy hiểm ấy, đội viên nào cũng phải can đảm, ra đứng mũi chịu sào chống với quân địch, che chở cho anh em, không được bối rối.

NĂM 1945

1
9
4
5

Bản thư của bào đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi cả nước kêu gọi quốc dân Việt Nam

HƠI ĐỒNG BÀO YÊU QUÝ !

Bốn năm trước đây, tôi có thư kêu gọi đồng bào ta đoàn kết. Vì có đoàn kết mới có lực lượng, có lực lượng mới đánh được độc lập, tự do.

Hiện nay quân đội Nhật đã tan rã, phong trào cứu quốc lan tràn khắp nước Việt-Nam. Độc-lập Đồng-Minh (Việt-Minh) có hàng chục triệu hội viên, gồm đủ các tầng lớp sỹ nông, công, thương, binh, gồm đủ các dân tộc Việt, Thổ, Nung, Mường, Mán. Trong Việt-Minh đồng bào ta bắt tay nhau chặt chẽ, không phân biệt trai, gái, già, trẻ, lương, giáo, giầu, nghèo.

Vừa đây Việt-Minh lại triệu tập « Việt-Nam Quốc-dân Đại-Bíu Đài-Hội », cử ra Ủy-ban dân tộc giải phóng Việt-Nam để lãnh đạo toàn quốc nhân dân kiên quyết đấu tranh kỵ cho nước được độc-lập.

Đó là một tiến bộ rất lớn trong lịch sử tranh đấu giải phóng của dân tộc ta từ ngót một thế kỷ nay.

Đó là một điều khiển cho đồng bào ta phấn khởi và riêng tới hết sức vui mừng.

Nhung chúng ta chưa thể chờ đợi. Cuộc tranh đấu của chúng ta đương còn gay go, giằng già. Không phải Nhật bối mà bỗng nhiên ta được giải phóng, tự do. Chung ta vẫn, rái ra sức phản đối. Chỉ có đoàn kết, phản đối, nước ta mới được độc lập.

Việt-Minh là cơ sở cho sự đoàn kết, phản đối của dân tộc ta trong lúc này, hãy gia nhập Việt-Minh, ủng hộ Việt-Minh, làm cho Việt-Minh rộng lớn mạnh mẽ.

Ủy-ban Dân-Tộc Giải-Phóng Việt-Nam cũng như Chính-phủ lâm thời của ta lúc này. Hãy đoàn-kết chung quanh nó, làm cho chính-sách và mệnh-lệnh của nó được thi hành khắp nước.

Như vậy thì Tđ-Quốc ta nhất định mau được độc-lập, dân tộc ta nhất định mau được tự-do.

HƠI ĐỒNG BÀO YÊU QUÝ !

Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà lự giải phóng cho ta.

Nhiều dân tộc bị áp bức trên thế giới đang ganh nhau tiến bước đánh quyền độc lập. Chung ta không thể chậm chễ.

Tiến lên ! Tiến lên ! Dưới ta có Việt-Minh, đồng bào hãy đồng cảm tiến lên !

NGUYỄN ÁI QUỐC
(Tháng tám năm 1945)

Thư của Nguyễn Ái Quốc gửi đồng bào cả nước kêu gọi Tổng khởi nghĩa năm 1945

(Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, Việt Nam)

THƯ KÊU GỌI TỔNG KHỎI NGHĨA

Hỡi đồng bào yêu quý!

Bốn năm trước đây, tôi có thư kêu gọi đồng bào ta đoàn kết. Vì có đoàn kết mới có lực lượng, có lực lượng mới giành được ĐỘC LẬP, TỰ DO.

Hiện nay quân đội Nhật đã tan rã, phong trào cứu quốc lan tràn khắp nước. Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) có hàng chục triệu đội viên, gồm đủ các tầng lớp sĩ, nông, công, thương, binh, gồm đủ các dân tộc Việt, Thổ, Nùng, Mường, Mán. Trong Việt Minh đồng bào ta bắt tay nhau chặt chẽ, không phân biệt trai, gái, già, trẻ, lương, giáo, giàu, nghèo.

Vừa đây Việt Minh lại triệu tập “Việt Nam quốc dân đại biểu Đại hội”, cử ra ỦY BAN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG VIỆT NAM để lãnh đạo toàn quốc nhân dân kiên quyết đấu tranh kỳ cho nước được độc lập.

Đó là một tiến bộ rất lớn trong lịch sử tranh đấu giải phóng của dân tộc ta từ ngót một thế kỷ nay.

Đó là một điều khiến cho đồng bào ta phấn khởi và riêng tôi hết sức vui mừng.

Nhưng chúng ta chưa thể cho thế là đủ. Cuộc tranh đấu của chúng ta đương còn gay go, dằng dai. Không phải Nhật bại mà bỗng nhiên ta được giải phóng, tự do. Chúng ta vẫn phải ra sức phấn đấu. Chỉ có đoàn kết, phấn đấu, nước ta mới được độc lập.

Việt Minh là cơ sở cho sự đoàn kết, phấn đấu của dân tộc ta trong lúc này. Hãy gia nhập Việt Minh, ủng hộ Việt Minh, làm cho Việt Minh rộng lớn mạnh mẽ.

Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam cũng như Chính phủ lâm thời của ta lúc này. Hãy đoàn kết chung quanh nó, làm cho chính sách và mệnh lệnh của nó được thi hành khắp nước.

Như vậy thì Tổ quốc ta nhất định mau được độc lập, dân tộc ta nhất định mau được tự do.

Hỡi đồng bào yêu quý!

Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta.

Nhiều dân tộc bị áp bức trên thế giới đang ganh nhau tiến bước giành quyền độc lập. Chúng ta không thể chậm trễ.

Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!

Tháng 8 năm 1945

HỒ CHÍ MINH

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.595-596.

1
9
4
5

CHIẾN THUẬT DU KÍCH*

CÔNG TÁC PHÁ HOẠI¹⁾ SỐ III

I. CHIẾN THUẬT DU KÍCH VỚI CÔNG TÁC PHÁ HOẠI

Mục đích phá hoại của quân đội du kích cốt để đoạn tuyệt sự tiếp tế lương thực, khí giới, quân cứu viện bên địch, đoạn tuyệt tin tức giao thông bằng thư từ hay bằng điện thoại, hăm đe địch quân vào một tình trạng khủng hoảng và nguy khốn, làm giảm bớt hoặc tiêu diệt sức chiến đấu bên địch nhân đó, địch quân sẽ bị ta tiêu diệt một cách rõ ràng.

Về mặt tinh thần, có thể phá hoại tinh thần chiến đấu quân địch, do đó sẽ xảy ra sự phản đối chiến tranh trong hàng ngũ quân địch, làm cho địch quân bị tan rã.

Bởi thế ta có thể cho rằng công tác phá hoại là một công tác rất quan trọng trong những công tác quan trọng khác của đội quân du kích.

Dưới đây sẽ bàn tính các vấn đề thuộc về công tác phá hoại của đội quân du kích.

II. THẾ NÀO LÀ CÔNG TÁC PHÁ HOẠI?

Công tác phá hoại là một công tác rất quan trọng của đội quân du kích. Địch nhân chiếm đóng thành thị cùng các đường giao thông quan trọng của ta. Đội quân du kích cần phải ở rải rác xung

* Tổng bộ Việt Minh xuất bản năm 1945 (B.T).

1) Ngoài bìa sách ghi “Chiến thuật du kích” (B.T).

quanh địch nhân, hoạt động ở bên trái, bên phải, đằng trước và sau lưng quân địch. Tùy thời, tùy lúc có thể thi hành được công tác phá hoại; có thể, mới có thể làm tròn nhiệm vụ du kích chiến tranh.

Công tác phá hoại đại khái chia làm hai mặt:

1- Phá hoại về mặt vật chất

- a) Phá hoại đường cái quan, đường sắt cùng các đường lối khác và cầu cống.
- b) Phá hoại dây thép, dây điện thoại.
- c) Phá hoại sự bối phòng về quân sự: đồn trại, pháo đài, bốt gác, trận tuyến.
- d) Phá hoại nhà máy điện, nhà máy nước.
- e) Phá hoại kho lương thực, súng đạn.
- f) Phá hoại các công binh xưởng và các ngành kỹ nghệ thuộc về quân sự khác.
- g) Phá hoại trại lính và các nơi cắm trại tạm thời.

2- Phá hoại về mặt tinh thần

A. Quân sự

- a) Làm giảm bớt sức chiến đấu của địch quân.
- b) Chia rẽ hàng ngũ địch quân.
- c) Gây ra sự khiêu khích giữa quan và lính, cấp trên, cấp dưới bên địch ác cảm lẫn nhau.
- d) Liên lạc với những phần tử náo động bên địch bày cách cho họ làm binh biến.

B. Xã hội

- a) Cổ động tinh thần cách mạng chiến đấu của dân chúng.
- b) Bắn giết đặng tiêu diệt chó săn chim mồi.
- c) Ám sát Việt gian, Hán gian.
- d) Phá hoại các tổ chức phản động.

III. NHỮNG ĐIỀU CỐT YẾU VỀ VIỆC THI HÀNH CÔNG TÁC PHÁ HOẠI

Cố nhiên đội du kích cần phải thân hành đi làm những công tác phá hoại. Nhưng nếu công việc đó chỉ dành riêng cho đội quân du kích làm lấy cả, nhất định sẽ không làm được đến nơi đến chốn, làm hết và làm luôn luôn được.

Muốn công việc phá hoại thành công việc hằng ngày, phổ biến triệt để, nếu không được dân chúng giúp sức, thì không tài nào đạt đến mục đích ấy được, vì quân số của đội quân du kích có hạn, không đủ người phân phổi đi làm những việc đó, và lại cần phải nhắm vào những dịp tốt cùng những nơi canh phòng sơ sài bên địch mới có thể thi hành được. Còn như về phần dân chúng trong những ngày làm ăn bình thường, họ thấy nơi địch nhân canh phòng hớ hênh và nhân những dịp đó họ tự đi phá hoại. Như thế so với sự hành động của quân du kích còn hiệu nghiệm hơn nhiều.

Bởi vậy, muốn làm tròn nhiệm vụ đó, đội quân du kích cần phải hợp tác với dân chúng, động viên dân chúng giúp sức vào công việc chung phá hoại, như thế rất có lợi cho ta.

Cũng bởi dân chúng giúp sức vào việc phá hoại, nên họ cũng hiểu biết cách thức phá hoại. Cố nhiên, về mặt vật chất, công tác phá hoại là một kỹ thuật cốt làm cho địch nhân cảm thấy mình bị trói buộc hoảng hốt reo động giống như một con thú dữ bị bẻ gãy răng, bị trói chân lại, dù cho có sức mạnh hùng hổ, cũng không làm gì nên chuyện.

Phá hoại đường sắt, đường cái tức là cắt đứt mối liên lạc giữa tiền phương và hậu phương, giữa bên trái và bên phải, làm cho địch nhân bị khốn đốn, khủng hoảng và cô lập.

Phá hoại đường sắt hoặc phá hoại cầu cống, đốt phá các nhà ga làm cho địch nhân không thể dùng đường sắt để chở quân đội, khí giới, v.v. được.

Khi phá hoại cần phải chú ý mấy điều như sau:

- 1) Cách xa đội quân coi đường bên địch khá xa.
- 2) Cách xa đội phụ kíp chữa đường khá xa.
- 3) Những nơi địa hình hiểm trở như những đường đi qua hồ ao, qua ven núi, qua đèo, đường đê, v.v..
- 4) Phá hoại đường sắt, nên phá hoại những quãng đường vòng.
- 5) Phá hoại cầu cống thì nên phá giữa quãng dòng nước chảy xiết và sâu.
- 6) Phá hoại những bến ôtô, xe hơi, nhà ga nào quan hệ về chiến lược quân sự nhất.
- 7) Phá hoại đường sắt, cần cắt dây điện thoại trước tiên.
- 8) Phá hoại đường sắt, cần đốt những khúc gỗ đệm đường sắt và quãng đường sắt xuống sông.
- 9) Phá hoại đường sắt cần chia làm mấy đoạn, mỗi đoạn cách xa nhau ít ra độ ba bốn cây số.
- 10) Phá hoại đường sắt, nên phá hoại cả đường đất (của đường sắt) nữa càng tốt.

Còn như công việc phá hoại đường cái nhựa và các đường lối khác cũng như phá hoại đường sắt thôi không khác nhau mấy tí, cốt yếu là phá hoại từng quãng đường một hoặc đào hố sâu lõm xuống đường đi, hoặc phá cầu cống.

Phá hoại dây thép, dây điện thoại thì cắt đứt là được, phá đổ các cột dây thép, nhưng có đôi khi chưa cần phá hoại lại còn dùng để trộm nghe tin tức bên địch nữa.

Đối với việc phá hoại các công trình kiến trúc về mặt quân sự khó khăn hơn, vì những nơi đó phần nhiều có lính gác. Nhưng đôi khi ta có thể hành động một cách khôn khéo, tiến tới những nơi hở cơ, phòng bị sơ sài, rồi phá hoại một cách mau chóng bằng các thứ thuốc nổ, tạc đạn, cốt mìn, v.v. hay đốt phá đi. Cần tập trung lực lượng lại phá hoại những nơi rất quan trọng, nếu không, công việc của ta không ăn thua gì.

PHÁ HOẠI NHÀ MÁY ĐÈN, MÁY NƯỚC

Những thành thị trước khi bị địch nhân chiếm đoạt cần phải phá hoại nhà máy điện, máy nước đi. Nếu ở các nơi nhỏ không có nhà máy điện, máy nước, chỉ có những thứ như dầu xăng, dầu tây, đèn nến... thời phải thâu lấy hết mang đi hoặc đốt đi.

Đội coi giếng nước thì vất trâu bò, lợn gà chết xuống, rồi lấp đi làm cho địch nhân không có nước mà uống.

Các kho chứa chất, công xưởng, dinh trại phải đốt phá đi hay dùng thuốc nổ phá hủy đi.

Nói tóm lại là hẽ đồ vật gì, địch nhân có thể dùng về mặt sinh hoạt, cũng như về mặt chiến đấu thời ta không ngần ngại gì phải phá hủy đi hết.

Những khí cụ dùng để phá hủy như các thứ thuốc nổ, dầu hỏa, v.v. cần phải chuẩn bị đầy đủ mới làm tròn nhiệm vụ ấy được.

IV. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT TRƯỚC KHI THI HÀNH CÔNG TÁC PHÁ HOẠI

Địch nhân tới tấn công ta, phần nhiều chúng dùng xe lửa, xe hơi và đôi khi dùng máy bay chở quân lính, vũ khí, đạn dược, thuốc men, quần áo và các thứ đồ dùng. Khi chúng đi xa vào nội địa ta, cách xa hậu phương rồi, sự vận tải khó khăn và phiền phức; đây là những nhược điểm mà địch quân không tài nào tránh khỏi.

Nếu chúng ta có thể phá hoại những khí cụ giao thông vận tải như máy bay, xe cộ, vũ khí, xe tăng ở hậu phương quân địch, sẽ làm cho địch nhân tăng thêm nhiều sự khó khăn và làm cho sự tấn công bên địch gặp nhiều sự trở ngại lớn.

Công tác phá hoại cần phải phối hợp với công tác đồng không tường vũng (kiên bích thanh da) thời mới đoạn tuyệt được mọi sự tiếp tế về lương thực, đạn dược, vũ khí, nguyên liệu, v.v. được.

Lúc ấy địch nhân sẽ không chiếm được một vật gì, một thức gì để ăn hay để dùng; tin tức không thông, điều động không được, cần phải nhiều quân canh phòng, binh lực tản mát, nhịn đói, nhịn rét, làm cho quân thù thêm dao động. Muốn tiến thì chỗ nào cũng gặp quân ngăn cản, lại luôn luôn bị uy hiếp đằng sau. Như thế sẽ đẩy địch quân vào một tình thế khó khăn, nguy hiểm như quân đội Nã Phá Luân năm 1812 vậy. Tiến thoái lưỡng nan, lúc bấy giờ quân chủ lực ta sẽ có cơ hội đánh tan quân địch.

Số người đi làm công việc phá hoại căn cứ, cứ theo nhiệm vụ nặng nhẹ và tình hình bên địch mà quyết định. Thường phái du kích tiểu tổ hay một số quân trong đội du kích ra làm công việc đó cũng đủ rồi. Nhưng nên nhớ rằng trước khi tiến hành cần phải chú ý mấy điều sau này:

1- Điều tra địa hình, tình hình bên địch, những vật phá hoại một cách rõ ràng:

Trước hết lấy nơi mình định phá hoại làm căn cứ, rồi điều tra và xem xét kỹ càng nơi địch quân đóng có hạng lính gì, binh lực thế nào, sự canh phòng ra sao, ở gần chỗ đó địa hình đường lối ra sao, rồi sẽ định kế hoạch cho sát. Nếu như không rõ tình hình và không dễ dàng hành động thì không nên làm, vì như thế không những không ăn thua gì mà còn có khi nguy hiểm là khác.

2- Lựa chọn nơi phá hoại và thời gian phá hoại:

Khi phá hoại đường lối giao thông thì ta cũng xem có tổn hại tới sự hành động của ta không trước đã, rồi ta sẽ làm. Đối với công việc phá hoại đường sắt, cầu sắt, các nhà ga, cột dây thép thì chọn những nơi mà địch nhân canh gác sơ sài và chỗ khuất mặt không dễ nhìn thấy, công việc phá hoại lại dễ dàng nhưng rất khó sửa chữa lại.

Còn việc lựa chọn thời gian phá hoại nên chọn lúc mà quân địch canh gác sơ sài, sự hành động của ta rất tiện lợi, nên chọn lúc chập tối, đêm khuya, tờ mờ sáng hoặc khi quân đội đang vận động tập tành.

3- Lựa chọn cách phá hoại và chuẩn bị khí cụ phá hoại:

Đã có cái đối tượng phá hoại và đã chọn được chỗ phá hoại rồi, cần phải chuẩn bị phương pháp phá hoại ngay, hoặc: đốt cháy, phá hủy, cắt đứt, đào sâu, v.v..

Cần phải chuẩn bị khí cụ như: Cắt dây thép thì phải có kềm, kéo. Đào hầm hố phải có xẻng, cuốc. Tháo đường sắt thì cần kềm lặc lê, ngoài ra phải dự bị dầu hỏa để phá hủy các kho chứa chấp. Phá đường sắt, cầu cống cần thuốc nổ hay mìn và cần xem xét sức kiên cố của những vật đó như thế nào, ta mới biết dùng bao nhiêu thuốc nổ để dùng vào công việc phá hoại đó.

4- Chia làm hai đội: đội làm và đội che chở, phải giao nhiệm vụ phân minh cho họ làm.

Những người đi phụ trách công việc phá hoại gọi chung là đội phá hoại. Nhưng trong đó phải chia làm 2 đội khác nhau: đội công tác và đội che chở.

1
9
4
5

Mỗi đội có một viên đội trưởng chỉ huy.

Những đội viên của đội công tác phải là những người can đảm, cẩn thận, mau lẹ, lại hiểu biết công việc phá hoại.

Những đội viên của đội che chở cần phải là những người can đảm, cẩn thận, trầm tĩnh, tai mắt tinh thông, sáng suốt và bắn giỏi.

Ngoài ra, hầu hết các đội viên đều có một trình độ giác ngộ chính trị khá cương quyết hy sinh và giữ được bí mật.

Đây là những điều kiện rất cần thiết, vậy trước khi tiến hành công việc phá hoại, phải quy định nhiệm vụ rõ ràng của mỗi đội.

Nói rõ cái đối tượng mình định phá hoại, nơi phá hoại, thời gian phá hoại, phương pháp phá hoại, khí cụ phá hoại và phải phân phối đội quân che chở, nhắc thêm cho mỗi người cần chú ý luôn luôn trong khi đi làm công việc phá hoại.

5- Những việc cần chú ý trong lúc đương tiến hành công tác phá hoại và sau khi phá hoại rồi, cần phải làm thế nào?

Khi đã chuẩn bị đủ các thứ đồ dùng để phá hoại rồi, thời đi theo con đường mà ta đã định sẵn, hành động khéo léo để đi tới gần nơi đó.

Nếu như đi đến nửa đường, gặp một hai tên lính bên địch nào đó thì phải kiểm cách bắt lấy hoặc giết đi. Nếu như gặp đội quân tuần phòng hay đội quân địch nào đó thì phải trốn tránh, đợi chúng nó đi qua, rồi ta sẽ tiến lên.

Lúc bắt đầu thực hành công việc phá hoại, trông thấy địch nhân thì đội che chở phải hết sức chống lại, đội công tác phải hết sức làm việc cho mau đặng làm xong công việc phá hoại.

Sau khi phá hoại, chiếm đoạt được những đồ vật gì phải phá hủy hoặc vất đi, những cái gì đối với ta cần dùng thời lấy mang về dùng.

Phá hoại xong phải mau mau rút lui.

V. LÀM THẾ NÀO PHÁ HOẠI ĐƯỜNG SẮT ĐƯỜNG HẦM (TUNEL), BẾN XE XA TRẠM?

A- Phá hoại đường lối

Đối với công việc thực hành phá hoại đường cái nhựa và đường lối khác, có khi dùng thuốc nổ, đôi khi lại dùng khí cụ, tùy từng trường hợp mà quyết định. Đại khái như sau:

1) Phá hoại đường đi qua sườn núi, cần chọn quãng đường đi qua dốc, đào một cái hố sâu rồi chôn thuốc nổ vào đáy làm nổ tung quãng đường đi, hay dùng cuốc thuổng đào từng quãng đi cũng được.

2) Phá hoại đường lõm, thì chọn những quãng đường nào sâu lõm xuống, đào một nửa đường đi, nhưng chọn chỗ nào khó chữa nhất hay đào hố chôn thuốc nổ ở hai bên đầu dốc xé xuống chỗ đường lõm để làm bặt tung đường lên.

B- Phá hoại đường sắt

Muốn phá hoại đường sắt, cần chọn chỗ nào khó sửa chữa nhất như cầu cống, đường hầm hay những quãng đường quanh co. Phương pháp phá hoại thì dùng thuốc nổ, cốt mìn hay khí cụ phá hoại, nếu nơi nào có hai con đường sắt tránh nhau cũng phải phá hoại hết. Đại khái có mấy cách như sau:

1) Phương pháp làm bặt tung đường sắt: Chôn một ống thuốc nổ độ 4,5 kilô ở hai bên vệ đường gần chỗ đường sắt nối nhau, rồi đặt đầu ngòi dễn hỏa lên trên đường sắt.

2) Phương pháp phá hoại:

Nếu như có đủ thì giờ thời dùng phương pháp phá hoại: Tháo đanh ốc ra, bỏ cục gỗ ra, thanh sắt đem cất giấu đi, hay quăng xuống sông, bẳng gỗ thì đốt.

3) Còn những phương pháp phá hoại khác thì mau hơn và to tát hơn, đại khái như:

a) Chồng chất củi gỗ lên trên đường sắt đốt lên; nếu có những toa xe gần đó thì đẩy vào đốt một thê; khi đốt cần kiểm một ít dầu tẩy hay rơm rạ, cỏ khô để làm mồi dễn hỏa.

b) Tháo đanh ốc ra, rồi buộc dây thừng vào đường sắt, dùng ngựa hay trâu kéo làm cho đường sắt cong đi.

c) Tháo đanh ốc ở những quãng đường sắt lên dốc hay xuống dốc, chỗ quanh eo hay ở cầu cống, khi tàu hỏa chạy qua chỗ đó, nhất định bị trật bánh.

C- Cách phá hoại đường hầm nhà ga

Muốn phá hoại đường hầm một cách hiệu quả thì cần đào một lỗ ở trên đỉnh quãng giữa rồi chôn thuốc nổ vào đáy làm nổ tung lên cho đất đá lấp hầm lõi đi. Nếu con đường đó còn để ta dùng, chỉ tạm thời phá hoại thôi thì chỉ làm nổ hai đầu ra vào đường hầm hay tháo bỏ một đoạn đường đi là đủ.

Còn như muốn phá hoại nhà ga, trước hết phải cắt đứt dây thép, dây thép nói liên lạc giữa ga này với ga khác đã, rồi phá hoại máy nước, các chỗ bể ghi cùng các thứ máy móc, khí cụ giao thông vận tải, v.v. đều phá hủy hết.

- 1) Phá máy nước cần phải phá cái thùng đựng nước, đút các chất nổ vào thùng làm nổ tung lên.
- 2) Phá hoại các nơi bê ghi các đường rẽ.
- 3) Những nơi đường rẽ cần tháo quăng đường sắt đó đi hoặc phá hoại đi.

Phá hoại đầu tàu thì phải phá những bộ phận cốt yếu như còi, ống dẫn nước, dẫn hơi, dẫn dầu, máy hâm. Còn những khí cụ vận tải này khác, thứ gì không lấy được thì tập trung lại, tưới dầu lửa hoặc lấy củi chất đống lại đốt. Những thứ gì không cháy cũng sẽ bị hư hỏng không thể dùng được nữa, những đường sắt cũng hóa mềm đi, vô dụng.

VI. LÀM THẾ NÀO PHÁ HOẠI CẦU CỐNG?

Muốn làm ngăn cản giao thông vận tải bên địch trong một thời gian lâu dài, thì công việc phá hoại cầu cống cần phải phá hoại cả nền móng của nó nữa. Ít nhất cũng phải phá bỏ mấy cái cột cầu ở giữa quăng mà nước chảy xiết nhất, nếu chỉ phá hoại ít thôi thì chỉ phá một đoạn lót ván hay một hai đoạn sắt bắc ngang cũng được.

Khi phá hoại các cầu cống cần phải đốt hủy cả hay khuân vác lấy các đồ gỗ ở gần đấy có thể dùng làm vật liệu sửa chữa cầu cống.

Còn như phương pháp phá hoại cần phải xem cái cầu mình định phá làm bằng gì, sắt hay gỗ, thời gian phá hoại ngắn hay dài, cần bao nhiêu người, bao nhiêu đồ dùng, rồi mới có thể hoặc dùng cách đốt phá hay phá hủy, hay thuốc nổ, tùy đó mà chọn phương pháp tiến hành.

Công việc phá hoại cầu cống đại khái như sau này:

a) Cầu gỗ thì dùng cách thiêu đốt, làm bật nổ, v.v., đại khái có 4 cách:

1- Dùng thuốc nổ phá tung cầu đi. Cách này chỉ trừ khi nào cần phải đoạn tuyệt ngay đường giao thông bên địch mới dùng cách này.

Còn như lựa chọn để phá, thời phải xem tình hình lúc bấy giờ mà quyết định. Tốt nhất là chọn một nơi mà chôn thuốc nổ, sau khi phá hoại lại khó sửa chữa nhất. Nếu là cầu nổi trên sông thì đút thuốc nổ vào dưới thuyền rồi đốt, cầu sẽ đứt đôi.

2- Cách phá hủy. Nếu như có đủ người và đủ thời giờ, thì có thể dùng cách phá hủy này: Tháo hết các bộ phận cầu ra rồi vận đi nơi khác. Nếu chân cầu bằng sắt, bằng đá thì phá đi, bằng gỗ thì đốt đi.

3- Dùng cách thiêu đốt. Dùng các thứ như củi gỗ, có buộc ở dưới gầm cầu, rồi tưới dầu hay các thứ dẫn hỏa khác đốt lên.

4- Dùng cách phá hoại thả xuống nước. Khi cháy đến cầu thì bùng nổ làm cầu hư hỏng, cách này trừ khi nào đã bị quân địch chiếm giữ, xa không thể gần được mới làm như vậy.

b) Cầu sắt. Phá hoại cầu sắt thì dùng các chất nổ để phá. Khi muốn phá cầu, chú ý mấy điều sau này:

1- Phá hoại cầu sắt cần nhiều thuốc nổ và một thời gian khá dài. Trước hết phải xem cầu ấy cao hay thấp, có khi chôn thuốc nổ ở chân cầu, có khi chôn ở cột cầu.

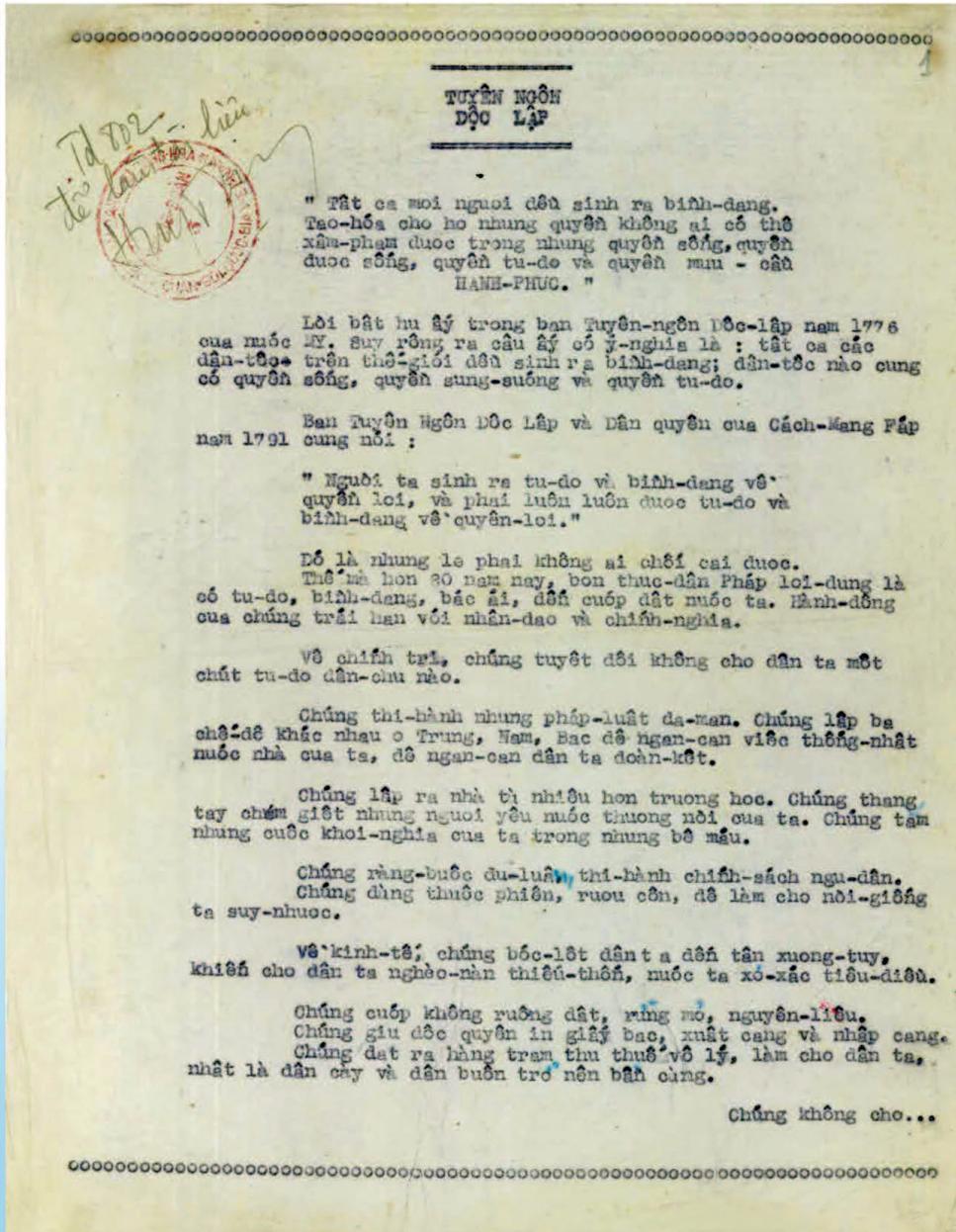
2- Chân cầu cần đào một lỗ rồi chôn thuốc nổ xuống đáy.

3- Dùng thuốc nổ phá hoại cây sắt bắc ngang cầu làm cho hai cây sắt ấy gãy đi, cầu sẽ đổ.

4- Nếu chỉ tạm thời phá hoại ít lâu lại dùng, thì chỉ nên phá những thanh sắt bắc ngang cầu, còn như hai cây sắt cột trụ bắc từ đầu này sang đầu kia thì để nguyên.

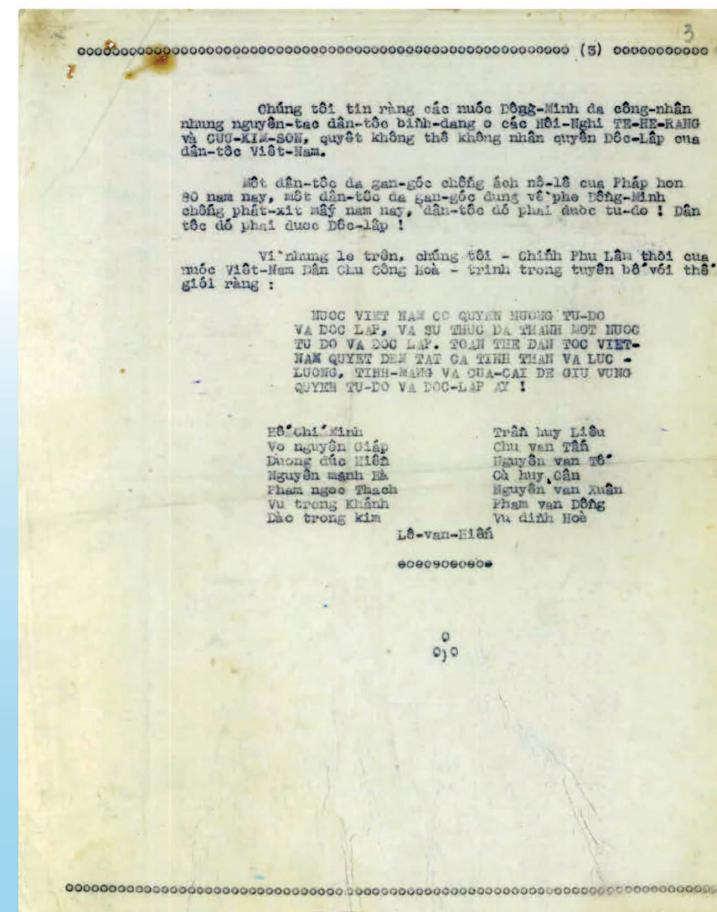
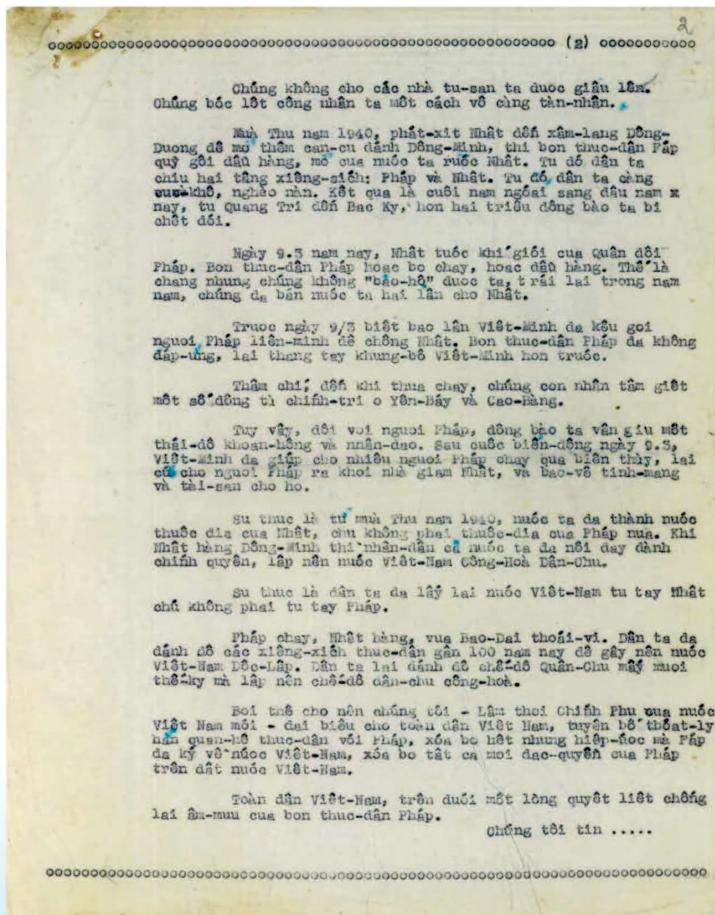
5- Nếu như thời gian cần kíp chưa kịp phá chân cầu thì cốt phá thân cầu cũng được.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.599-612.

1
9
4
5

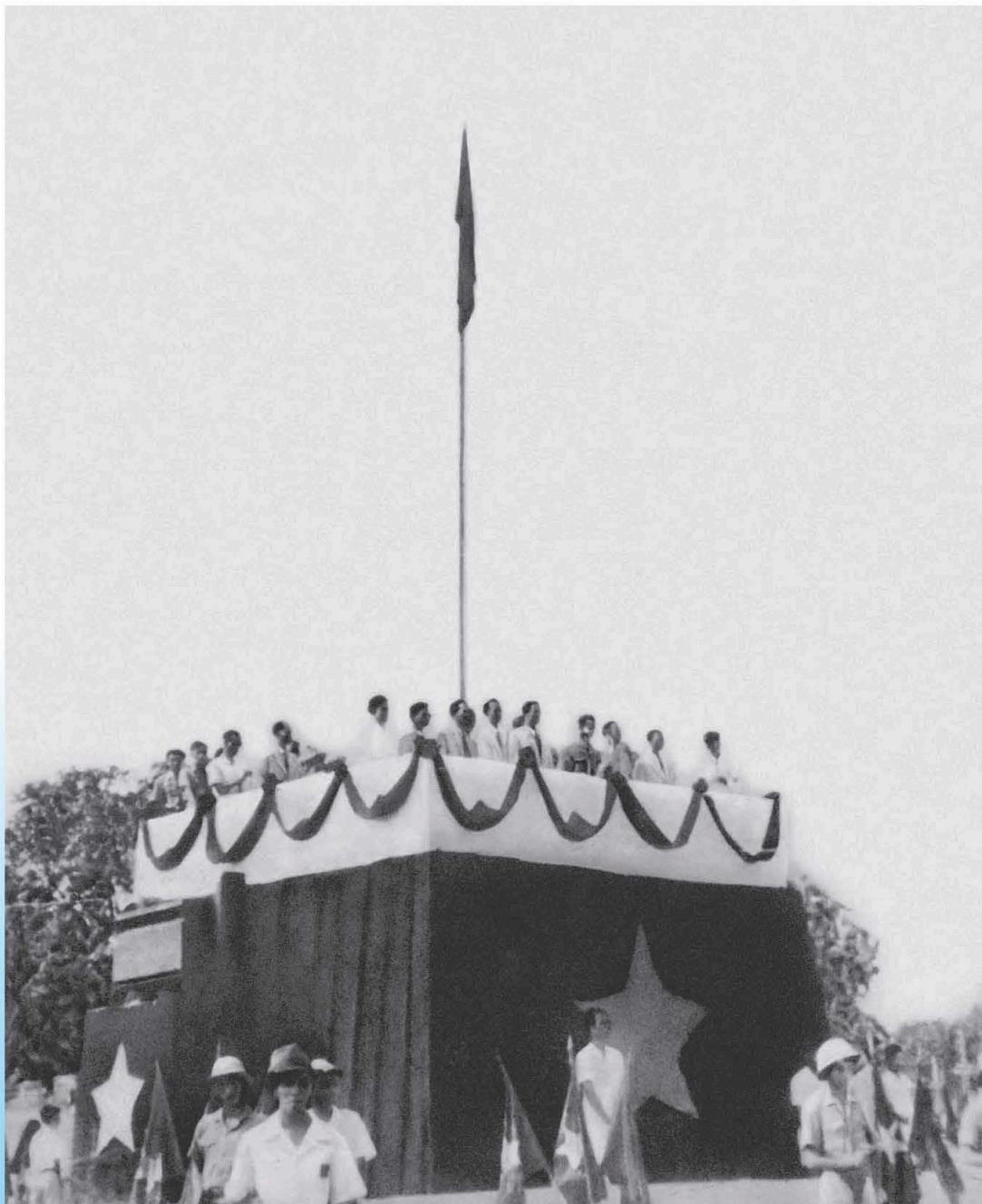
Bản *Tuyên- Ngôn Độc- Lập* của nước Việt Nam Dân- chủ- Cộng- hòa- được
Chủ- tịch- Hồ- Chí- Minh- đọc- tại- Quảng- trường- Ba- Đình- (Hà- Nội), ngày- 2/9/1945

1
9
4
5



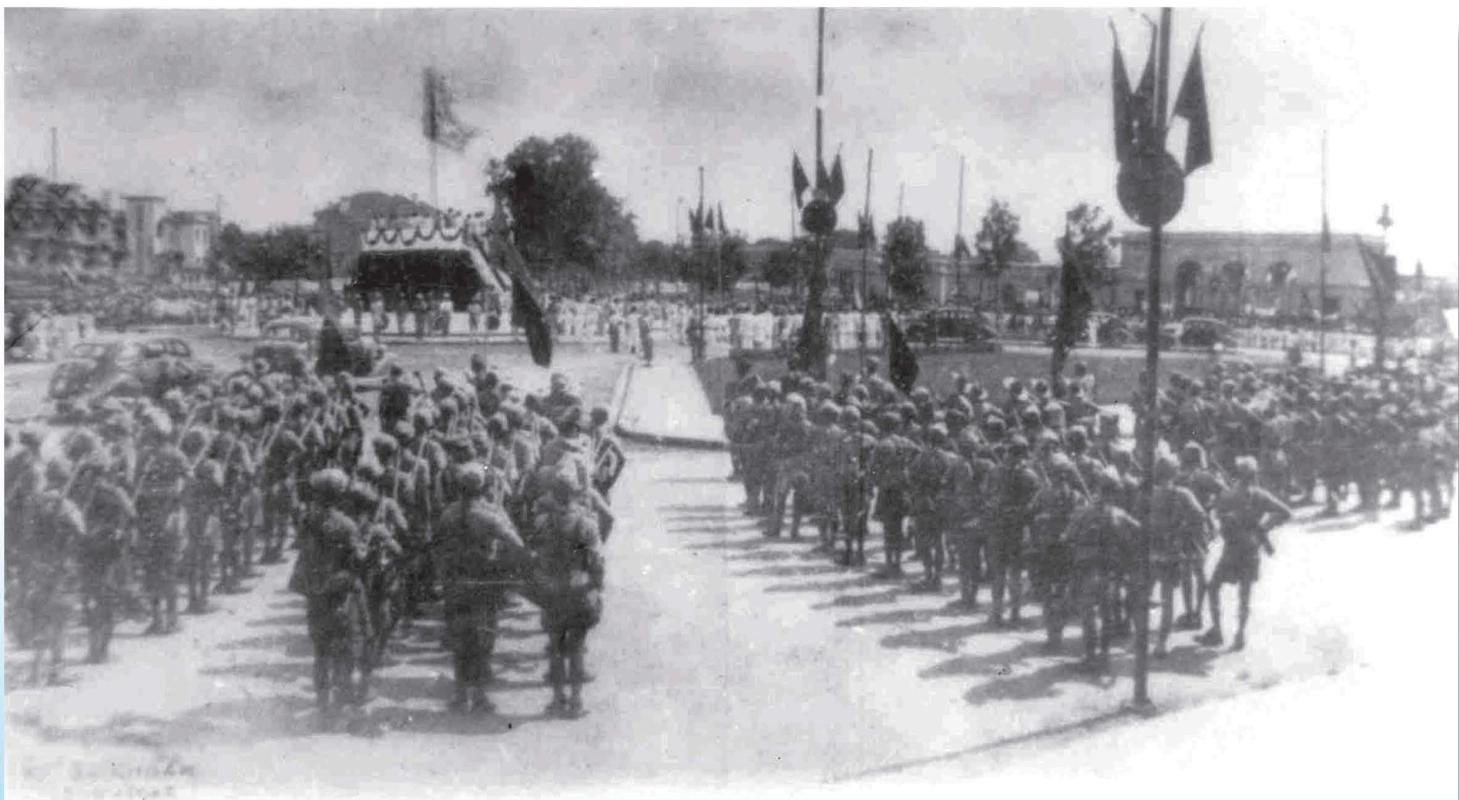
(Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Việt Nam)

1
9
4
5



Quang cảnh Quảng trường Ba Đình (Hà Nội) sáng ngày 2/9/1945

1
9
4
5



(Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Việt Nam)

MỤC LỤC

	Trang
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời mở đầu</i>	9
- Năm 1911	11
- Năm 1912	16
- Năm 1914	18
- Năm 1919	20
- Năm 1920	50
- Năm 1921	59
- Năm 1922	76
- Năm 1923	86
- Năm 1924	105
- Năm 1925	153
- Năm 1926	264
- Năm 1927	277
- Năm 1928	338
- Năm 1929	357
- Năm 1930	358
- Năm 1931	402
- Năm 1932	422
- Năm 1934	424
- Năm 1935	430
- Năm 1936	436
- Năm 1937	437
- Năm 1938	443
- Năm 1939	445
- Năm 1940	469
- Năm 1941	488
- Năm 1942	498
- Năm 1943	524
- Năm 1944	525
- Năm 1945	574

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 080 49221, Fax: 080 49222, Email: suthat@nxbctqg.vn
Website: www.nxbctqg.org.vn, Sách điện tử: www.stbook.vn, www.thuvienicoso.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

GS.TS. Trình Quang Phú (Tuyển chọn và biên soạn)

- ĐƯỜNG BÁC HỒ ĐI CỨU NƯỚC (Xuất bản lần thứ hai)

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Dung

- HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC Ở LIÊN XÔ (1923 - 1938) (Tiếng Nga)

GS. Trần Văn Giàu

- HỒ CHÍ MINH - VĨ ĐẠI MỘT CON NGƯỜI

ISBN 978-604-57-7022-1



9 786045 770221



MÃ ĐỊNH DANH
CUỐN SÁCH



8935279137268

SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẶT HÀNG